

UMBERTO ECO

Nhà văn học ĐANG THU HƯỚNG



TÊN
CỦA

ĐOÀ HỒNG



Tên của đóa hồng

Umberto Eco

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Vài dòng về tác giả](#)

[Lời mở đầu](#)

[KHỞI ĐẦU TỪ MỘT BẢN THẢO](#)

[GHI CHÚ](#)

[NGÀY THỨ NHẤT](#)

[KINH XẾ SÁNG](#)

[KINH TRƯA](#)

[GẦN GIỜ KINH XẾ TRƯA & SAU KINH XẾ TRƯA](#)

[KINH CHIỀU](#)

[KINH TỐI](#)

[NGÀY THỨ HAI](#)

[KINH XẾ SÁNG](#)

[KINH TRƯA](#)

[KINH XẾ TRƯA](#)

[SAU KINH CHIỀU](#)

[KINH TỐI](#)

[ĐÊM](#)

[NGÀY THỨ BA](#)

[KINH XẾ SÁNG](#)

[KINH TRƯA](#)

[KINH XẾ TRƯA](#)

[KINH CHIỀU](#)

[SAU KINH TỐI](#)

[ĐÊM](#)

[NGÀY THỨ TƯ](#)

[KINH ĐẦU](#)

[KINH XẾ SÁNG](#)

[KINH TRƯA](#)

[KINH XẾ TRƯA](#)

[KINH CHIỀU](#)

[KINH TỐI](#)

[SAU KINH TỐI](#)

[ĐÊM](#)

NGÀY THỨ NĂM

KINH XẾ SÁNG

KINH TRƯA

KINH XẾ TRƯA

KINH CHIỀU

KINH TỐI

NGÀY THỨ SÁU

KINH NGỌI KHEN

KINH ĐẦU

KINH XẾ SÁNG

SAU KINH XẾ SÁNG

KINH TRƯA

KINH XẾ TRƯA

GIỮA KINH CHIỀU VÀ KINH TỐI

SAU KINH TỐI

NGÀY THỨ BẢY

ĐÊM

Trang cuối cùng

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

Vài dòng về tác giả

Nguyên văn tiếng Anh: The Name of the Rose



Giải PREMIO STREGA

1981

Giải MEDICI

1982

Giải CESAR

1987

Sách bán chạy nhất Châu Âu 1987

"Hãy tưởng tượng một lâu đài thời trung cổ, với các viên quân hàm, làm vườn, dược thảo sư và các tu sinh trẻ. Lần lượt sáu tu sĩ bị ám sát bằng những cách hết sức kỳ quặc. Một học giả dòng Francisco được phái đến để khám phá sự bí ẩn đó, nhưng rồi ông lại thấy mình vướng vào những điều bí ẩn còn đáng sợ hơn nữa ... Và thế là bắt đầu cuộc truy tìm điều bí mật và ý nghĩa thực sự của các từ ngữ, biểu tượng, ý tưởng, tất cả những dấu hiệu có thể nghĩ ra được mà thế giới hữu hình chứa đựng đằng sau bức màn bí mật đó"...

Umberto đã viết tiểu thuyết đầu tay của mình và nó đã trở nên một biên cố văn học".

Tạp chí bình sách

NEW YORK TIMES

Vài dòng về tác giả



Umberto Eco sinh ngày 5 tháng 1 năm 1932 tại Alessandria, Ý, nay sinh sống tại Milan.

Là một nhà văn kiêm nhà triết chứng học, ông là một trong những người trí thức Ý tiếng tăm nhất, được đánh giá cao ở nước ngoài.

Những tư tưởng của ông, khởi thủy từ sự ca ngợi cái đẹp thời Trung Cổ, bao gồm nhiều đề tài rất khác biệt nhau, như những tác phẩm về nghệ thuật tiên phong: *“Tác phẩm mở ngõ”* (1962), và văn hóa quần chúng: *“Siêu nhân của đám đông”* và *“Khải huyền và Chính trực”*.

Ông từng là giáo sư giảng dạy tại các Đại học Mỹ, và từ năm 1971, được bầu làm Khoa trưởng khoa Triết chứng học của Đại học Bologne.

Ông quan tâm đến các hiện tượng đương thời và viết rất nhiều bài xã luận. Tuy nhiên, những chủ đề đa dạng này được kết tụ trong tác phẩm của ông bằng cách đặt vấn đề chung mà ông minh họa trong những tác phẩm đầy tính chất lý thuyết nhất như: *“Cấu trúc hư vô”* (1968), *“Khái luận về Triết chứng tổng quát”* (1975).

Ta có thể phân biệt hai tiền đề trong tư tưởng ông:

1. Sự cần thiết phải có một phương pháp phân tích tổng hợp, có thể giải thích mỗi hiện tượng văn hóa như một sự kiện truyền thông được những qui tắc hỗ trợ.
2. Sự tin tưởng rằng mỗi ý niệm triết học hay mỗi hiện thị văn hóa phải được nghiên cứu như một dấu hiệu của một môi trường lịch sử xác định, chính học thuyết Triết chứng phải được đặt trong điều kiện này.

Tất cả hoạt động sôi nổi của tác giả đều nhằm định nghĩa những qui tắc này, chúng không được lý giải như luật bất di bất dịch nhưng được hiểu như những công cụ truyền cảm thông và nhằm thử nghiệm những qui tắc này trong việc lý giải thực tiễn.

Trong phạm vi này, có quyển “TÊN CỦA ĐÓA HỒNG”, với lối cấu trúc tuy phức tạp nhưng ăn khớp với nhau: với sự tinh tế trong việc làm sống lại lịch sử và các mưu đồ trí thức, tác phẩm đã hiển hiện kiến thức văn hóa của nhà văn.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

Lời mở đầu

Trong “Những lời chú giải về quyển “TÊN CỦA ĐÓA HỒNG” đăng trên một tạp chí Ý, UMBERTO ECO khẳng định rằng một nhà văn luôn luôn nghĩ đến độc giả. Chính ECO đã từng nói rằng khi viết, tác giả phải “nhắm vào” người đọc.

Cũng có khi nhà văn nhắm vào một số người đặc biệt nào đó, nhưng thông thường ông nói với một độc giả tưởng tượng mà ông hy vọng sẽ tạo ra được nhờ tác phẩm của mình.

Có lẽ ECO đã không tiên đoán được sự thành công vĩ đại, và không ngờ tiểu thuyết này đã được đón nhận quá nồng nhiệt ở Ý và nước ngoài, một sự thành công mà các nhà phê bình văn học và những chuyên gia về truyền thông cố tìm cách giải thích.

Điều làm điên đầu các nhà phê bình và các chủ bút không phải là việc phát hành quyển sách này quá nhanh chóng và rộng rãi, mà vì quyển sách này vừa phong phú vừa phức tạp; một sản phẩm văn học có giá trị khiến cả nhà phê bình lẫn độc giả bình dân, giới trí thức cũng như quảng đại quần chúng cùng lưu tâm.

Vậy thì nguyên nhân đưa đến sự thành công này là gì? Và làm thế nào một quyển tiểu thuyết đặt trọng tâm trong một Tu viện thời Trung Cổ ở Ý, đầy rẫy những liên hệ lịch sử và triết lý, lại có thể chinh phục mọi tầng lớp người trên thế giới?

Đã có lần, trong thị trường sách báo của chúng ta, có một sự phân biệt rõ ràng giữa những tác phẩm dành cho số đông và sách cho giới trí thức cùng

người sành điệu. Sự phân đôi này, một phần vì việc san bằng và thương mại hóa văn học, mà nguyên nhân là do các phương tiện truyền thông quảng đại (radio, tivi, báo chí...), mặt khác, vì phản ứng đối kháng của các thức giả để chống lại sự hạ thấp dân trí này.

Thật mâu thuẫn thay, hiện nay giới trí thức Ý xem một tác phẩm càng được nhiều người đọc bao nhiêu thì càng kém giá trị bấy nhiêu.

UMBERTO ECO cho rằng nguyên lý này phải bị hủy bỏ, và “TÊN CỦA ĐÓA HỒNG” là minh chứng cho lời nói của ông và có lẽ đó là lý do ông thành công.

Thật ra, tiểu thuyết này nhằm vào một quần chúng đủ loại, người ta đọc và hiểu nó như một cái hộp nhiệm màu hay để giải trí, nhờ tính chất hồi hộp và sinh động của một truyện trinh thám, xen lẫn với những suy ngẫm triết lý. Vì sự háo hức, đợi chờ kết cục và sức quyến rũ của tác phẩm, độc giả nào cầm trong tay quyển sách cũng có thể thưởng thức được một trong những sự kiện nêu trên.

Với mục đích này, cấu trúc quyển sách rất phức tạp, vì nó đưa ra nhiều khúc mắc nhưng không cho cái nào nổi trội lên. Thế nên, đọc “TÊN CỦA ĐÓA HỒNG” như đi vào một phòng thí nghiệm, trong đó mỗi sự giải thích phải được gạn lọc bằng một ý nghĩa khác nhau và tất cả các đoạn văn đều quan trọng.

Là một “Tiểu thuyết lịch sử” cho những ai xem đó là một công trình tỉ mỉ sống động của một thời đại, là một “tư duy triết lý” cho độc giả nào xem các khúc mắc là cái cớ để suy luận sâu xa hơn; hay là một “truyện trinh thám” cho người nào thích tình tiết hấp dẫn.

Sự phóng khoáng này làm cho độc giả “giải trí một cách trí thức”, người đọc bị lôi cuốn bởi một quyển tiểu thuyết “khúc mắc nhưng thú vị”. Đó là kết quả của một công trình uyên bác của một nhà văn đã từng nghiên cứu luật quân bình ảnh hưởng đến người kể chuyện như thế nào. Chính ECO

trước khi thành văn sĩ đã từng là nhà phê bình, và là một độc giả rất chăm chú.

Vậy đây không phải là một quyển sách đòi hỏi sự thông minh của người đọc, tác giả chỉ cần độc giả mà ông “nhắm vào” một ít kiên nhẫn để vượt qua những trang đầu, rồi lặng lẽ theo hai tu sĩ đến chân tường của tu viện.

Chuyện xảy ra trong một tu viện dòng Benedict cuối năm 1327.

Bối cảnh lịch sử là nước Ý bị dày xéo giữa những trận đụng độ giữa Giáo hoàng và Triều đình, giữa Giáo hội và các tập đoàn dị giáo. Cả nước bất mãn vì không có một quyền lực trung ương: Giáo hoàng thì dời về Avignon bên bờ sông Rhône nước Pháp, còn Hoàng đế thì bận đối phó với nước Đức. Chính tu viện, dù bề ngoài có vẻ bình lặng, cũng bị chao đảo bởi âm vang của các biến cố trên.

Chuyện kể về một Tu sĩ tên William xứ Baskerville. Ông đã làm sáng tỏ một loạt án mạng xảy ra tại tu viện, bên trong những bức tường kiên cố, được dùng làm nơi gặp gỡ giữa các đại biểu dòng Francisco và sứ giả của Giáo hoàng.

Người kể chuyện là một tu sĩ nhớ lại những biến cố xảy ra lúc ông còn là một thiếu niên. Đó là tu sinh Adso xứ Melk, đệ tử của Thầy William.

Cốt chuyện bao quanh một quyển sách bí ẩn được cất giấu trong Thư viện, mà chỉ một thiểu số người có thẩm quyền mới được vào. Bên ngoài Thư viện này, và bên kia bức tường Tu viện, là một thế giới của những kẻ phạm tục, những người bị loại bỏ, chỉ trông cậy vào lực lượng dị giáo để kết hợp thành mối đe dọa cho giai cấp Tăng lữ.

William xứ Baskerville, người không bao giờ hài lòng với những lối giải thích giản dị, kiên quyết xoay theo một đường hướng đầy trí tuệ, ông không dựa vào những sự phán đoán trong một thế giới xen lẫn những mâu thuẫn giữa đức tin chính thống và dị giáo, công lý và lạm quyền, sự thật và nhảm lẫn. Nhờ một ánh sáng mờ nhạt nhưng bền bỉ, ông dần dần phanh phui các

âm mưu, để rồi đến tận trung tâm Thư viện, nơi cất giấu những điều bí ẩn. Trên chặng đường điều tra gian nan chằng chịt các dấu vết của thầy William, may thay, chúng ta cuối cùng cũng có được lời giải đáp. Nếu không, có lẽ mọi sự thật đều mong manh, và sự hiểu biết chỉ là sự lạm dụng của trí năng.

Quyển sách chấm dứt bằng cách đưa ra cho độc giả hai lựa chọn: sự yên lặng của Adso, người tìm thấy bình an trong tâm hồn nhờ suy ngẫm về cõi hư vô; hay sự tìm kiếm của William, người không rõ mục đích của chính mình, nhưng trong tiến trình tìm kiếm đó, người ấy đã xây dựng nên một thế giới mà chúng ta đang sống đây, với đầy khuyết điểm và bấp bênh.

ELIZABETTA CABASSI

Tùy viên Văn hóa Đại sứ quán Ý

(Hà Nội)

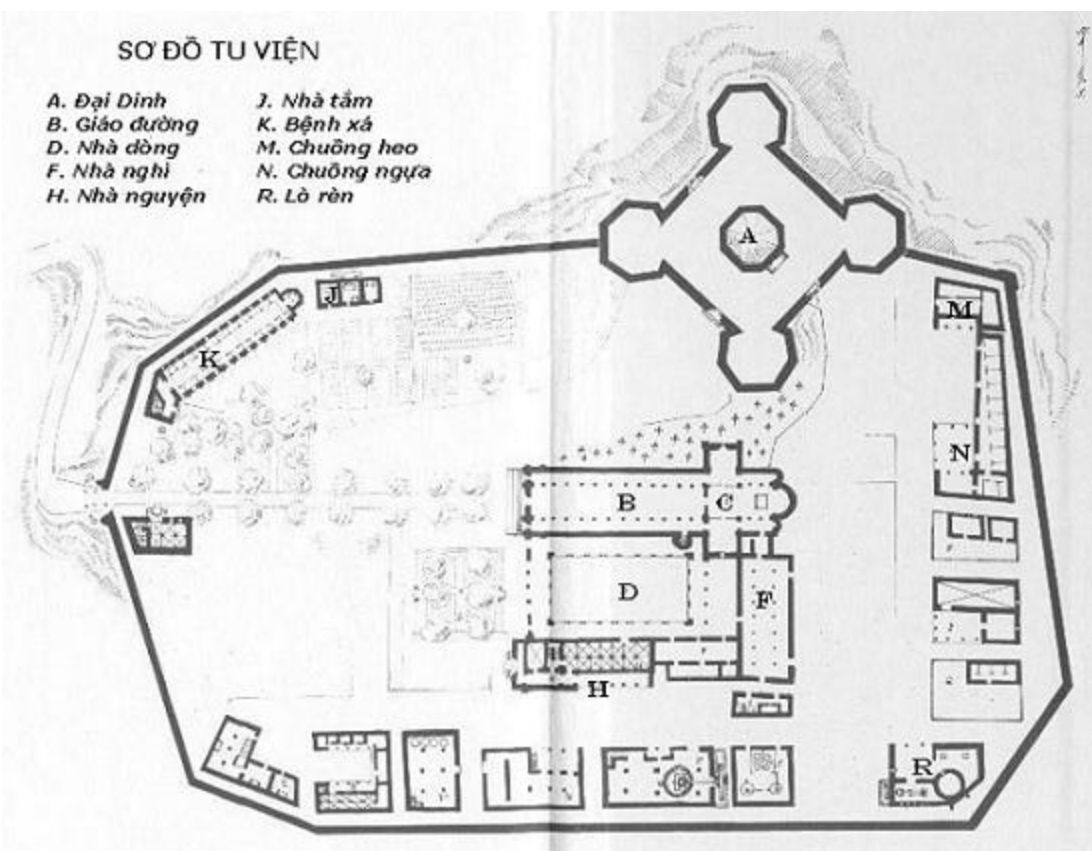
Nguyên bản tiếng Ý: “**IL NOME DELLA ROSA**” , NXB Fabbri – Bompiani, Sonzogno, Etas, 1980. Dịch theo bản tiếng Anh “**THE NAME OF THE ROSE**”, NXB Panbooks, Cavaya Place, London và Martin Secker và Warburg cùng hợp tác xuất bản 1984, do Ban Văn Hóa Hội người Việt Nam tại CHLB Đức gửi tặng Nhà xuất bản Trẻ.

Phần dịch tiếng La-tinh trong tác phẩm này là của bà Elizabetta Cabassi và anh Nguyễn Văn Nội. Các chú giải của người dịch.

Để bạn đọc dễ theo dõi, người dịch đã chuyển nghĩa các câu La-tinh vào bản dịch tiếng Việt và ghi lại nguyên thể La-tinh trong phần chú thích. Tuy nhiên những câu La-tinh có ý nghĩa quan trọng đến diễn biến câu chuyện, đặc biệt là tên các phòng trong MÊ CUNG THƯ VIỆN, vẫn được giữ nguyên dạng và có chú thích nghĩa tiếng Việt bên dưới.

SƠ ĐỒ TU VIỆN

- | | |
|---------------|----------------|
| A. Đại Đình | J. Nhà tắm |
| B. Giáo đường | K. Bệnh xá |
| D. Nhà đồng | M. Chuồng heo |
| F. Nhà nghỉ | N. Chuồng ngựa |
| H. Nhà nguyện | R. Lò rèn |



Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KHỞI ĐẦU TỪ MỘT BẢN THẢO

Vào ngày 16 tháng 8 năm 1968, tôi được trao một quyển sách do một linh mục Vallet nào đó viết, *Bản thảo của Dom Adson xứ Melk dịch sang tiếng Pháp từ ấn bản của Dom J. Mabillon* (do Nhà In của Tu viện Source, ở Paris, xuất bản năm 1842). Được bổ sung bằng những cứ liệu lịch sử quả thực vô cùng hiếm hoi, quyển sách tuyên bố đã tái hiện một cách trung thực một bản thảo hồi thế kỉ 14, mà trước kia đã được một học giả vĩ đại ở thế kỷ 18 tìm thấy trong một tu viện ở Melk, người đã cho chúng ta lượng tư liệu lớn về lịch sử của dòng Benedict. Phát hiện mang tính học thuật này (tôi muốn nói của tôi, theo thứ tự xếp hàng thứ ba) khiến tôi vô cùng thích thú trong thời gian lưu lại Prague để đợi một người bạn thân. Sáu ngày sau khi quân đội Xô Viết tiến vào thành phố này, tôi xoay sở đến được biên giới Áo ở Linx, và từ đó đi đến Viên, nơi tôi hội ngộ với bạn thân yêu của tôi và cùng nhau ngược dòng Danube.

Trong một trạng thái hưng phấn trí tuệ, tôi say mê đọc câu chuyện khủng khiếp của Adso xứ Melk, và đắm đuối vào quyển sách đến nỗi, trong một cơn hứng chí, tôi đã hoàn thành bản dịch. Trong thời gian đang dịch, chúng tôi đã đến địa phận xứ Melk, nơi Tu viện nguy nga Stift tọa lạc trên một khúc rẽ của dòng sông, đứng bền vững cho tới ngày nay sau vài ba lần trùng tu trong nhiều thế kỷ. Như bạn đọc hẳn đã đoán trước, trong Thư viện của Tu viện này, tôi chẳng tìm thấy một dấu vết nào về bản thảo của Adso.

Trước khi chúng tôi đến Salzburg, vào một đêm định mệnh, tại một khách sạn nhỏ trên vùng biển Mondsee, người bạn đồng hành của tôi đột nhiên

biến mất, mang theo quyển sách của Abbé Vallet, nhưng không phải do thù ghét tôi, mà do anh đã ra đi quá bất ngờ và vội vã. Thế là tôi bị bỏ lại với một số tập bản thảo trong tay, và một cảm giác trống rỗng mênh mông trong lòng.

Vài tháng sau, tại Paris, tôi quyết định hoàn tất đến cùng công trình nghiên cứu của mình. Trong số vài mẫu tư liệu tôi đã trích từ tác phẩm bằng tiếng Pháp, tôi vẫn còn giữ được tên gốc của bản thảo, *Vetera Analecta*, Những điều cũ kỹ thu lượm được.

Tôi nhanh chóng tìm được quyển sách mang tên *Vetera Analecta* đó tại Thư viện Thánh Geneviève, nhưng tôi vô cùng ngạc nhiên nhận ra ấn bản tôi gặp có hai chi tiết khác với sự miêu tả trong quyển tiếng Pháp: thứ nhất, tên nhà xuất bản; và thứ hai là thời gian xuất bản, ấn bản này xuất bản sau hai năm. Tôi chẳng cần phải nói thêm rằng ấn bản này chẳng khớp với bản thảo nào của Adso hay Adson xứ Melk cả; ngược lại, nó chỉ là tuyển tập các bài viết ngắn hoặc trung bình, trong khi câu chuyện do Vallet viết lại kéo dài đến mấy trăm trang. Đồng thời, tôi cũng hỏi ý kiến các nhà nghiên cứu thời Trung Cổ như ngài Étienne Gilson lừng danh, nhưng rõ ràng là quyển sách *Vetera Analecta* tôi đã thấy ở Thư viện Thánh Geneviève là quyển duy nhất. Tôi bèn đi thực tế đến Tu viện Source, trong vùng Passy và trao đổi với bạn tôi, Dom Arne Lahnstedt, càng đoan chắc thêm rằng chẳng có linh mục Vallet nào đã xuất bản sách nhờ nhà in của tu viện cả, vào do đó, nó không hề tồn tại. Các học giả Pháp xưa nay vốn thường xem nhẹ việc cung cấp những tư liệu tiểu sử đáng tin cậy, nhưng trong trường hợp này, tác giả đã tỏ ra bàng quan thái quá. Tôi bắt đầu nghĩ mình đã gặp phải một quyển sách giả mạo. Bây giờ, tôi chẳng thể thu hồi bản thảo gốc của Vallet được nữa, hoặc ít nhất tôi cũng chẳng dám đòi người đã mang nó đi phải đem trả lại. Tôi chỉ còn lại các ghi chú của mình và tôi đâm nghi ngờ chúng.

Có những giây phút kỳ diệu, bao hàm cả sự mệt mỏi rã rời của thân xác lẫn

sự hưng phấn thần kinh cực độ, làm sinh ra ảo giác về những nhân ảnh trong quá khứ. Như về sau tôi đã học được từ một quyển sách nhỏ rất thú vị của linh mục Bucquoy, cũng có cả ảo giác về những quyển sách chưa được viết ra.

Nếu không có một điều gì mới xảy ra, có lẽ tôi vẫn còn thắc mắc không hiểu câu chuyện của Adso xứ Melk phát xuất từ đâu; thế nhưng vào năm 1970, tại Buenos Aires, khi tôi đang tản mẫn xem sách trên các kệ trong một hiệu bán sách cũ trên đại lộ Corrientes, cách cửa hàng sách vĩ đại Patio del Tango không xa lắm, tôi bắt gặp một quyển sách nhỏ của Milo Temesvar, “*Bàn về cách sử dụng gương trong khi đánh cờ*”. Đó là bản dịch tiếng Ý từ bản gốc tiếng Georgian (Tbilisi, 1934), ngày nay vô phương tìm lại được. Trong quyển sách đó, tôi vô cùng ngạc nhiên khi đọc những câu trích giống hệt như trong bản thảo của Adso, mặc dù nguồn gốc chẳng phải của Vallet hay Mabillon nào cả, mà là của Thầy Athanasius Kircher. Nhưng từ tác phẩm nào cơ chứ? Một tác giả - tôi muốn giấu tên – về sau, bảo đảm với tôi rằng dòng Tên chẳng bao giờ nhắc đến Adso xứ Melk cả. Thế nhưng, những trang sách của Temesvar hiện ở trước mắt tôi, và những mẩu chuyện anh ta kể giống hệt như trong bản thảo của Vallet, đặc biệt sự miêu tả về *Mê cung* thì chẳng thể nghi ngờ mảy may.

Tôi kết luận rằng, Hồi ký của Adso và những sự kiện ông kể lại cũng mang tính chất giống nhau: chúng được bao phủ bởi vô vàn bí ẩn mờ ảo, bắt đầu bằng tung tích của tác giả, và chấm dứt bằng vị trí của tu viện mà Adso đã thận trọng nhất quyết không tiết lộ. Chúng ta có thể tưởng tượng ra một vùng nào đó giữa Pomposa và Conques, và suy đoán giả định rằng tu viện tọa lạc đâu đó dọc theo vùng đồi núi trung tâm Appenines, giữa Piedmont, Liguria và Pháp. Còn về thời khắc xảy ra các biến cố ông miêu tả trong Hồi ký, chúng ta biết là vào khoảng cuối tháng 11 năm 1327; mặt khác, thời điểm tác giả viết Hồi ký thì ta không chắc chắn lắm. Xét theo việc ông mô

tả mình là tu sinh năm 1327, và việc ông bảo mình đã kể cái chết khi viết Hồi ký, chúng ta có thể phỏng tính là bản thảo này được viết vào khoảng thập niên cuối hay gần cuối thế kỷ XIV.

...Tóm lại, trong tôi chất chứa nhiều nỗi nghi ngờ. Tình thực, tôi chẳng biết tại sao tôi lại quyết định gom góp can đảm, giới thiệu bản thảo của Adso xứ Melk, như thể nó có thực. Hãy cho rằng đó là một hành động yêu thương. Hay, nếu như bạn thích, đó là một cách để tôi tự giải thoát khỏi vô số nỗi ám ảnh dai dẳng.

Tôi viết lại câu chuyện này, chẳng quan hoài đến việc nó có hợp thời hay không. Vào những năm khi tôi phát hiện quyển sách của linh mục Vallet, nhiều người vẫn tin rằng con người chỉ nên viết về những gì thuộc về hiện tại, nhằm mục đích thay đổi thế gian này. Giờ đây, sau hơn mười năm các nhà văn được khôi phục lại phẩm giá cao quý nhất của mình, họ có thể hoan hỉ viết, thuần túy chỉ vì niềm vui được sáng tạo và do đó, giờ tôi có thể tha hồ kể chuyện của Adso xứ Melk, thuần túy chỉ vì niềm vui được kể lại chuyện ấy. Tôi rất khoan khoái thấy rằng câu chuyện đã lùi về một quá khứ xa xăm – những con quái vật được sinh ra trong giấc ngủ thời ấy đã bị thời đại duy lý ngày nay xua đi tất cả - tách hẳn những ràng buộc của thế kỷ chúng ta, về thời gian tính cách xa những niềm hy vọng và sự khẳng định của chúng ta.

Vì đây chỉ là một chuyện kể, không phải chuyện lo lắng trong đời thường. Đọc quyển sách này, ta có thể ngâm lại câu thơ của Kempis vĩ đại: “Tôi đã tìm kiếm sự an ngời trong tất cả, nhưng tôi chỉ có thể tìm thấy nó trong góc đọc sách mà thôi.”[1]

Năm, tháng Giêng, 1980.

UMBERTO ECO

[1] *In omnibus requiem quaesivi, et nusquam inveni nisi in angulo cum libro.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

GHI CHÚ

Bản thảo của Adso được chia thành bảy ngày, mỗi ngày lại được chia thành nhiều giai đoạn tương ứng với các giờ kinh lễ. Các tiểu tựa, viết dưới dạng ngôi thứ ba, có lẽ do Valet thêm vào. Nhưng do các tiểu tựa này sẽ giúp quý độc giả dễ định hướng theo dõi câu chuyện và do kỹ thuật hành văn này cũng không xa lạ lắm đối với nền văn học địa phương thời bấy giờ, tôi thấy không cần phải loại bỏ chúng.

Cách Adso liên hệ với các giờ kinh lễ khiến tôi hơi hoang mang, vì các giờ kinh thay đổi theo từng địa phương, từng mùa; hơn thế nữa, hoàn toàn có khả năng là trong thế kỷ XIV, các luật lệ của dòng thánh Benedict đã không được triệt để tuân hành.

*Tuy nhiên, tôi tin rằng quý độc giả có thể tin vào thời gian biểu dưới đây, xem nó như một bản hướng dẫn. Thời gian biểu này, một phần được suy diễn ra từ bản thảo, một phần dựa theo sự so sánh giữa Luật gốc và sự miêu tả đời tu hành trong sách “ **Thời gian biểu của dòng Benedict** ” của Edouard Schneider, xuất bản tại Paris năm 1925:*

KINH SỚM: khoảng từ 2 giờ 30 đến 3 giờ sáng.

KINH NGỌI KHEN: khoảng từ 5 giờ đến 6 giờ sáng, chấm dứt vào lúc bình minh.

KINH ĐẦU: khoảng 7 giờ 30, trước rạng đông một chút.

KINH XẾ SÁNG: khoảng 9 giờ.

KINH TRƯA: giữa trưa.

KINH XẾ TRƯA: khoảng giữa 2 và 3 giờ chiều.

KINH CHIỀU: khoảng 4 giờ 30, lúc hoàng hôn, luật dòng quy định phải dùng bữa trước khi trời tối.

KINH TỐI: khoảng 6 giờ, trước 7 giờ (các tu sĩ đi ngủ)

Sự tính toán này dựa trên thực tế rằng ở phía Bắc nước Ý, vào khoảng cuối tháng 11, mặt trời mọc vào lúc 7 giờ rưỡi và lặn vào khoảng 4 giờ 40 chiều

MỞ ĐẦU

Khởi đầu là Chúa Lời, và Chúa Lời ở bên Chúa, và Chúa Lời là Chúa. Đó là khởi đầu với Chúa, và nhiệm vụ của mọi tu sĩ kính đạo là ngày ngày, với sự khiêm cung, ngân nga điều vĩnh cửu duy nhất mà sự thật hiển nhiên của nó có thể khẳng định được. Nhưng ngày nay, chúng ta nhìn qua một lăng kính tăm tối, và sự thật, trước khi được phơi bày ra với mọi người, chỉ hiện lên qua những mảnh vụn của thế gian lầm lạc này, do đó ta phải xướng lên những dấu hiệu trung thực của nó, thậm chí khi chúng đối với ta có vẻ còn mờ nhạt, và như thể đã trộn lẫn với một tâm địa hoàn toàn độc ác.

Sau khi đi đến cuối đường đời tội lỗi của mình, tóc đã bạc, tôi hóa già đi cùng với thế gian ngày mỗi già nua này, đợi đến ngày sẽ mất hút vào vực sâu thăm thẳm của cõi thiêng liêng yên vắng và cùng dự vào ánh sáng thánh thiện của trí tuệ. Giờ đây, với tấm thân nặng nề, bệnh hoạn, quanh quẩn trong căn phòng nhỏ nơi tu viện Melk thân yêu này, tôi chuẩn bị để lại trên bản da này lời chứng của tôi về những sự kiện kỳ diệu và kinh khủng tôi đã chứng kiến trong thời trai trẻ, ghi lại đúng từng chữ một tất cả những gì tôi đã tai nghe mắt thấy, không theo một bản mẫu nào cả, mong truyền lại cho hậu thế các dấu hiệu và biểu tượng, để những người đi sau sẽ xin nguyện cầu giải mã tìm ra ý nghĩa của chúng.

Xin Chúa ban ân cho các lời chứng trong sáng của con về những sự việc đã xảy ra trong tu viện, mà vì đạo đức và tôn kính, con nghĩ chẳng nên nói tên ra. Lúc đó, vào khoảng cuối năm 1327, năm Hoàng đế Louis hạ giáng

xuống nước Ý để khôi phục lại chức vụ của Thánh Đê La Mã, tuân theo ý Chúa và trước sự hoang mang của tên soán ngôi tàn ác, tên buôn thần bán thánh, tên lãnh tụ dị giáo, kẻ đã làm ô danh các tông đồ của Chúa ở Avignon. Tôi muốn nói đến linh hồn tội lỗi của Jacques, kẻ được những tên vô đạo kính cần gọi là John XXII.

Có lẽ để giúp các bạn hiểu rõ những biến cố mà tôi đã tham dự vào, tôi cần kể lại những gì đã xảy ra trong những năm hồi cuối thế kỷ trước, theo như cách tôi hiểu qua thực tế bản thân hồi bấy giờ, và theo như cách tôi nhớ lại bây giờ, bổ sung thêm những câu chuyện khác tôi được biết sau đó – nếu như trí nhớ tôi vẫn còn khả năng đan nối cơ man các sự kiện rồi bung lại với nhau.

Hồi đầu thế kỷ trước, Giáo hoàng Clementé V đã dời Giáo triều về Avignon, để mặc La mã trở thành miếng mồi ngon cho các lãnh chúa tham lam ở địa phương, rồi dần dần thành phố thánh của Kitô giáo đã bị biến thành một gánh xiếc, hay thành một nhà chứa, bị các thủ lĩnh của thành phố tranh giành xâu xé lẫn nhau. Nó chẳng phải là một nước Cộng hòa dù người ta vẫn gọi như vậy, và thường bị các nhóm vũ trang tấn công nhằm gây bạo động hay cướp bóc. Các tu sĩ trốn tránh luật đời đã cầm đầu những bọn bất lương xách gươm đi cướp của, và lộng hành thực hiện các vụ phạm giới. Làm thế nào ngăn thành phố lãnh đạo thế giới khỏi trở thành mục tiêu của kẻ muốn chiếm lấy ngai vàng của Thánh đê La Mã, và khôi phục chức vị của lãnh địa đó, trước đây vốn thuộc về Caesars?

Do đó, năm 1314, năm vị Hoàng tử Đức ở Frankfurt đã bầu Louis lên ngôi trị vì tối cao của Đế chế. Nhưng cũng cùng ngày đó, bên kia bờ sông Main, bá tước Palantine và Tổng Giám mục xứ Cologne đã bầu Frederick nước Áo lên cùng ngôi vị đó. Hai Hoàng đế cho một ngai vàng và một Đức Giáo hoàng cho hai Hoàng Đế; quả là một tình thế khiến phát sinh cảnh đại hỗn loạn.

Hai năm sau tại Avignon, một Giáo hoàng mới được cử lên. Ông là Jacques, một ông già 72 tuổi, kẻ, như tôi đã nói, lấy tên là John XXII. Và Chúa đã phán rằng, không một Giáo hoàng nào lại được lấy cái tên như thế nữa, cái tên mà những người chính trực ngày nay vô cùng ghê tởm. Là một người Pháp tận tụy với vua Pháp, ông đã ủng hộ tên Philip đẹp trai chống lại các Hiệp sĩ Templar (1), những người đã bị nhà vua buộc oan uổng vào những tội ác ghê tởm nhất, để ông có thể chiếm đoạt tài sản của họ, nhờ sự đồng lõa của tên giáo sĩ phản đạo đó.

Năm 1322, vua Louis đánh bại kinh địch của mình là Frederick. John sợ hãi Hoàng đế duy nhất, thậm chí còn hơn cả khi lão sợ hai Hoàng đế. Ông bèn rút phép thông công của người chiến thắng; vua Louis đổi lại, bèn tố cáo Giáo hoàng là kẻ lạc đạo. Tôi cũng cần kể lại, trong chính năm đó, Đại hội của Dòng Francisco ở Perugia đã diễn ra như thế nào, và Tổng Giám mục Michael, theo lời khẩn cầu của các tu sĩ dòng Thánh thần, đã tuyên bố về sự nghèo khó của Chúa Kitô như một vấn đề về đức tin và giáo lý ra sao. Ông phán, nếu Chúa Kitô cùng với tông đồ có sở hữu một vật gì đó, Ngài chỉ sở hữu nó như một vật hữu ích. Một nghị quyết cao quý nhằm bảo vệ phẩm hạnh và đạo đức của dòng tu như thế khiến Giáo hoàng vô cùng khó chịu. Có lẽ lão nhận thấy rõ nghị quyết đó chứa đựng một nguyên lý có thể đe dọa những yêu sách lão đã đưa ra, với cương vị lãnh đạo tối cao của Giáo hội, như khước từ việc triều đình được quyền bổ nhiệm Giám mục, ngược lại, khẳng định cho rằng Giáo hoàng có quyền trao quyền cho Hoàng đế. Bị kích động bởi nhiều nguyên do này nọ, năm 1323, John ban sắc lệnh tố cáo các đề nghị của dòng Francisco.

Theo tôi, chính vào thời điểm đó, vua Louis mới xem các tu sĩ dòng Francisco, nay là kẻ thù của Giáo hoàng, như những người bạn đồng minh tiềm tàng của người. Bằng việc khẳng định sự nghèo khó của Chúa Kitô, mặt này hay mặt khác, họ đang củng cố tư tưởng các nhà Thần học ở triều

đình, như Marsilius và John xứ Jandun. Và cuối cùng, trước khi xảy ra các biến cố tôi đang thuật lại chừng vài tháng, vua Louis dàn xếp với vị vua chiến bại Frederick, rồi hạ giáng xuống Ý và lên ngôi vua ở Milan.

Đó là tình hình khi tôi – một tu sinh trẻ ở tu viện dòng Benedict xứ Melk – bị cha ép rời khỏi cảnh êm ấm ở nhà thờ để chen lẫn đi trong đoàn tùy tùng của vua Louis, như một tên tiểu tốt hèn mọn. Cha tôi nghĩ nên dắt tôi theo để tôi được xem các danh lam thắng cảnh ở Ý và dự buổi đăng quang của Hoàng đế tại La Mã. Nhưng rồi cuộc bao vây thành Pisa khiến ông phải dồn tâm sức vào việc binh bị. Còn lại một mình, tôi đi lang thang trong các thành phố của xứ Tuscany, một phần vì nhàn rỗi, một phần vì muốn học hỏi. Nhưng cha mẹ tôi e ngại sự tự do phóng túng này không thích hợp với một thiếu niên đã hiến đời mình cho việc tu hành. Theo lời khuyên của Marsilius, một người rất yêu mến tôi, cha mẹ tôi quyết định đặt tôi dưới quyền giám hộ của một học giả dòng Francisco, Sư Huynh William xứ Baskerville, hiện sắp nhận lãnh một sứ mệnh sẽ đưa ông đến các thành phố nổi tiếng và tu viện cổ xưa. Thế là tôi trở thành môn đệ, đồng thời là người ghi chép của Thầy William, và tôi chẳng bao giờ ân hận về việc này, vì cùng với ông, tôi đã được chứng kiến những biến cố đáng thuật lại, như tôi hiện đang ghi để truyền cho hậu thế.

Lúc bấy giờ tôi chẳng biết thầy William đang tìm kiếm điều gì, và tình thực mà nói, đến ngày nay tôi vẫn chưa biết. Tôi cho rằng bản thân ông cũng không biết, mặc dù chỉ có hai điều luôn ám ảnh ông, đó là lòng khát khao tìm chân lý và sự hoài nghi rằng chân lý không phải lúc nào cũng hiện ra trước mắt. Có lẽ trong những năm đó, nhiệm vụ thế tục đã khiến ông xao nhãng các công việc nghiên cứu thân thương của mình. Trong suốt hành trình, tôi vẫn chẳng biết tí gì về sứ mệnh đã trao cho thầy William, hay có lẽ ông chẳng bao giờ nói với tôi về việc đó. Chính nhờ nghe lỏm các mẫu đối thoại với các Cha bề trên của các tu viện nơi chúng tôi dừng chân, tôi mới

hình dung được vài nét về bản chất của sứ mệnh này. Nhưng chỉ khi đến đích, tôi mới hoàn toàn hiểu rõ nó, như tôi sắp kể ra liền đây. Đích của chúng tôi ở phương Bắc, tuy vậy hành trình của chúng tôi không theo một đường thẳng và chúng tôi đã nghỉ ở nhiều tu viện khác nhau. Thế cho nên, chúng tôi đang rẽ về hướng Tây trong khi mục tiêu cuối cùng lại nằm ở hướng Đông. Chúng tôi hầu như men theo đường núi chạy từ Pisa theo hướng đường hành hương đến Santiago, rồi dừng chân tại một nơi mà những biến cố kinh khủng xảy ra ở đó đã khiến tôi chẳng muốn miêu tả rõ vị trí làm gì. Các Lãnh chúa ở đó đều là chư hầu của triều đình, và các Cha bề trên trong dòng tu của chúng tôi đều nhất trí chống lại đức Giáo hoàng suy đồi và lạc đạo. Hành trình của chúng tôi kéo dài hai tuần, trải qua nhiều nổi thăng trầm, và trong thời gian đó, tôi có dịp biết rõ ông thầy mới của tôi.

Trong những trang sắp tới, tôi sẽ không sa vào việc miêu tả nhân vật – trừ khi một biểu hiện trên gương mặt, hay một cử chỉ hiện ra như dấu hiệu của một ngôn ngữ không lời hùng hồn – vì, như Boethius nói – không có gì phù du hơn hình thể bên ngoài, vốn sẽ tàn úa, biến đổi đi như hoa trên đồng khi mùa thu đến. Giờ đây, nếu ta miêu tả Cha bề trên Abo có đôi mắt nghiêm khắc, gò má nhọt nhọt thì có ích chi đâu, khi thi thể ông và những người chung quanh ông giờ đã thành tro bụi, và chỉ có linh hồn Chúa ban cho họ là vẫn còn tỏa rạng một ánh sáng không hề tắt? Thế nhưng tôi muốn miêu tả thầy William ít nhất một lần, vì những đường nét độc đáo của ông đã gây ấn tượng mạnh lên tâm trí tôi. Đặc điểm của một người trẻ là thường gắn bó với một người lớn tuổi và khôn ngoan hơn mình, không chỉ do hấp lực toát ra từ lời nói và trí tuệ sắc sảo của người ấy, mà còn do vẻ ngoài của người ấy nữa. Thân thể ấy trở nên rất thân thiết với ta như bóng người cha ruột, người cha ta nhớ rõ từng cử chỉ, quan sát từng nụ cười, từng cái chau mày, nhưng không hề mảy may thêm muốn làm ô uế thân thể đó bằng tình yêu

nhục dục.

Ngày xưa, con người cao lớn và đẹp đẽ (ngày nay, họ là lũ trẻ con, lũ lùn), nhưng đó chỉ là một trong nhiều sự kiện nhấn mạnh thảm họa của một thế giới ngày càng già cỗi. Tuổi trẻ chẳng còn muốn nghiên cứu gì nữa, việc học hành đang xuống dốc, toàn thế giới đang đi bằng đầu, những kẻ mù dốt những kẻ cũng mù không kém và khiến họ ngã nhào xuống vực thẳm, chìm rời khỏi tổ trước khi bay, lừa đực chơi đàn “lia”, và lũ trâu bò nhảy múa... Tất cả mọi thứ đã đi sai đường. Trong những ngày đó, thầy tôi đã truyền cho tôi sự khao khát học hỏi và khả năng phán đoán đường ngay lẽ phải, dù lối đi có khúc khuỷu quanh co.

Người có óc quan sát tột nhất cũng phải chú ý ngay đến thể chất Sư huynh William lúc bấy giờ. Ông cao hơn hẳn người thường và rất gầy, nên trông càng cao hơn. Mắt ông sắc, nhìn thấu suốt tâm can; chiếc mũi nhỏ và hơn khoằm khiến gương mặt ông giống một người luôn đặt mình trong tình trạng báo động, trừ những lúc ông lờ đờ mà tôi sẽ nói sau. Cằm ông cũng biểu lộ nét cương nghị, dù gương mặt dài đầy tàn nhang – như tôi vẫn thường thấy ở những người sinh quán tại vùng giữa Hibernia và Northhumbria – đôi lúc lại lộ vẻ lưỡng lự, hoang mang. Về sau tôi mới hiểu vẻ tưởng chừng như hoang mang ấy chính là sự hiếu kỳ, nhưng thoát đầu tôi ít hiểu về hạnh này nên thường cho rằng đó chỉ là sự đam mê mang tính tò mò, hiếu kỳ. Tôi cứ mãi tin rằng, một người biết suy xét không nên dung dưỡng một sự đam mê như thế, mà chỉ nên theo đuổi chân lý mà ta biết được tự thưởng khởi nguyên.

Vào độ trai trẻ ấy, mấy chùm lông màu vàng hoe mọc từ trong tai ông và đôi mày rậm màu vàng đập vào óc tôi những ấn tượng đầu tiên và sâu sắc nhất. Có lẽ ông đã trải qua 50 mùa xuân đời, và do đó đã già lắm rồi, thế nhưng cơ thể khang kiện của ông di chuyển linh hoạt mà ngay bản thân tôi cũng chẳng so kịp. Khi phải đối đầu với một sự kiện đột biến nào, sinh lực

trong ông dường như vô tận. Tuy nhiên, tính năng động của ông đôi khi chùn lại và ông uể oải rút về. Tôi đã thấy ông nằm hàng mấy giờ liền trên ổ nệm rom trong phòng tôi, nhất gừng phát ra vài tiếng mà không hề động đây một só thịt nào trên khuôn mặt. Vào những lúc đó, mắt ông nhìn trống vắng xa xôi, và nếu tôi không biết rõ lối sống thanh bạch, chính trực của ông, hẳn tôi sẽ ngỡ ông đang chịu tác dụng của một loại dược thảo gây ảo giác nào đó. Tuy nhiên, tôi công nhận rằng trên đường đi, ông thỉnh thoảng lại dừng chân bên một cánh đồng hay một cánh rừng để lượm hái một loại lá nào đó, rồi nhai nhai chúng với một vẻ rất chăm chú. Ông mang theo một ít bên mình và ăn thứ lá đó vào những lúc thần kinh căng thẳng nhất. Có một lần tôi hỏi ông đó là loại lá gì, ông cười bảo rằng một tín đồ Công giáo tốt đôi khi có thể học tập ở các người vô thần, và khi tôi xin ông được ném qua thứ lá đó thì ông đáp lại: những loại dược thảo tốt cho một tu sĩ già dòng Francisco lại không tốt cho một tu sinh trẻ dòng Benedict.

Trong thời gian ở bên nhau, thầy trò tôi không có điều kiện sinh hoạt đều đặn lắm: ngay khi ở tu viện, chúng tôi thường thức đêm và ngủ vật vờ vào ban ngày, thường không dự các thánh lễ. Tuy nhiên, trên đường đi, ông hiếm khi thức đêm sau kinh Cuối, và sống rất thanh đạm. Lúc ở tu viện, có khi ông tản bộ suốt ngày trong vườn sau, nghiên cứu các loại cây như thể chúng là trân châu bảo ngọc; tôi cũng thấy ông dạo quanh kho tàng của tu viện, nhìn cái rương nạm ngọc như thể nó chỉ là một bụi tảo dại. Có khi ông ở cả ngày trong thư viện, lật các bản thảo như thể chẳng tìm kiếm chi cả mà chỉ muốn ngó qua cho vui, trong khi đó quanh chúng tôi, xác của các tu sĩ bị thẩm sát cứ tăng lên mãi. Một ngày nọ, tôi bắt gặp ông đang rảo bước trong vườn hoa, chẳng có chủ đích gì rõ rệt, như thể ông chẳng cần giải thích với Chúa công việc của mình. Ở dòng tu của tôi, người ta dạy tôi cách sử dụng thời gian hoàn toàn khác, và tôi đem kể với ông như vậy. Ông đáp rằng vẻ đẹp của vũ trụ không chỉ xuất phát từ sự tổng hòa nhiều bản thể đa

dạng, mà còn từ sự đa dạng của các bản thể trong khối tổng hòa...

Trong thời gian thầy trò tôi ở tu viện, tay ông lúc nào cũng bám đầy bụi sách, bụi nhũ, từ những minh họa còn mới, hay chất bột vàng vàng ông xem thử trong bệnh xá của Severinus. Dường như ông cần có đôi tay để suy nghĩ, một đặc tính tôi cho rằng hợp với thợ sửa chữa hơn. Nhưng khi ông chạm vào những vật mỏng manh nhất, chẳng hạn những quyển sách chép tay mới được minh họa, hay những trang giấy cũ mềm, giòn như bánh không men, tôi cảm thấy trong đôi tay ông một vẻ dịu dàng khác thường, vẻ dịu dàng ta vẫn nhận biết khi ông nâng niu các máy móc của mình. Tôi xin kể cụ thể, làm cách nào con người lạ lùng ấy đã mang theo trong chiếc xác bên mình những vật dụng tôi chưa hề thấy mà ông vẫn gọi là các bộ máy kỳ diệu. Ông nói máy móc là kết quả nghệ thuật của con người, và cái chúng tái sản xuất ra không phải là các hình thái, mà là sự vận hành của chính chúng. Ông giảng cho tôi nghe những điều kỳ diệu trong chiếc đồng hồ, máy đo độ cao thiên thể và nam châm. Thoạt đầu, tôi sợ đó là phép phù thủy, nên bèn giả vờ ngủ say trong những đêm ông ngắm nhìn tinh tú, tay cầm một vật hình tam giác lạ lùng. Những tu sĩ dòng Francisco ở Ý và quê tôi là những người rất chất phác, thường là thất học, và tôi bày tỏ lòng ngưỡng mộ của mình đối với tài học của ông. Nhưng ông mỉm cười bảo các tu sĩ dòng Francisco ở đảo ông được đúc trong một khuôn khác: “Roger Bacon, người ta kính như thầy, đã dạy rằng Luật tạo hóa một ngày kia sẽ bao gồm khoa học về máy móc, một phép lạ tự nhiên và lành mạnh. Trong tương lai, bằng cách khai thác sức mạnh thiên nhiên, con người sẽ có thể tạo ra những công cụ hàng hải cho phép chỉ cần một người điều khiển tàu thuyền tiến lên, và tàu chạy nhanh hơn nhiều so với các tàu thuyền chạy bằng buồm hay chèo tay. Rồi sẽ có những xe tải tự hành và những phương tiện bay, được cấu tạo sao cho con người ngồi bên trong chỉ cần xoay một bộ phận nào đó là có thể đập đôi cánh nhân tạo theo cách chim bay. Rồi

những công cụ nhỏ tí xiu sẽ nhắc được những trọng lượng nặng và con người sẽ có các phương tiện du lịch dưới đáy biển”.

Khi tôi hỏi hỏi thầy những máy móc trên ở đâu ra, ông bảo chúng đã được chế tạo từ thuở xa xưa, và thậm chí có vài loại được chế trong thời đại chúng ta: “Trừ máy bay, ta chưa hề thấy hay biết ai đã nhìn thấy nó, nhưng ta biết một nhà thông thái đã hình thành nó trong óc. Cầu có thể bắc qua sông không cần cột kèo chống đỡ gì cả, và các loại máy chưa nghe nói đến đều có thể là hiện thực. Nhưng con đừng bận tâm nếu chúng chưa xuất hiện, vì như thế không có nghĩa là chúng sẽ không xuất hiện sau này. Và ta bảo con hay rằng, Thượng đế ước mong có những máy đó và chúng hẳn đã hiện hữu trong trí Ngài, dù bạn ta ở Occam có phủ nhận các tư tưởng đã tồn tại như vậy chẳng nữa; ta nói điều này không vì chúng ta có thể quyết định thiên nhiên cao quý mà chính vì chúng ta không thể giới hạn gì ở thiên nhiên cả”. Đó không phải là điều mâu thuẫn duy nhất mà tôi được nghe ông phát biểu, nhưng ngay lúc này đây, khi tôi già hơn, khôn hơn thuở xưa, tôi vẫn chưa hiểu hết làm thế nào mà thầy tôi lại tin tưởng vào người bạn của thầy ở Occam như thế, đồng thời lại lấy lời Bacon ra thề, như ông vẫn thường làm. Cũng đúng là vào những thời kỳ đen tối thuở ấy, một người khôn ngoan phải tin vào những điều mâu thuẫn như vậy.

Đó, có lẽ là tôi đã nói năng lắm nhảm về thầy William, như thể thâm lượm những ấn tượng riêng lẻ của tôi thời bấy giờ vào phần Mở đầu này. Ông là ai, và ông đang làm gì, thưa bạn đọc thân mến, có lẽ các bạn sẽ suy ra từ những hành động của ông trong thời gian chúng tôi ở tu viện. Tôi cũng không hứa hẹn sẽ công hiến cho các bạn một cấu trúc hoàn thiện mà chỉ là một loạt chuyện kể kỳ diệu và kinh khủng.

Và như vậy, sau khi tôi đã lần hồi hiểu rõ thầy tôi và cùng thầy tôi hàn huyên rất lâu trong suốt cuộc hành trình, chúng tôi đến chân đồi, nơi tu viện tọa lạc. Đã đến lúc câu chuyện của tôi bắt đầu, và xin tay tôi đừng run rẩy

để tôi chuẩn bị kể lại những việc đã xảy ra.

Chú thích:

[1] *Thành viên của Thập Tự Quân, đầu thế kỷ XII, bảo vệ những người hành hương đến Thành địa Palestine.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

NGÀY THỨ NHẤT

KINH ĐẦU

Đến chân Tu viện.

William trở tài phán đoán

nhANH NHẬY và ĐỘC ĐÁO.

Một buổi sáng đẹp trời cuối tháng Mười một. Đêm qua có mưa tuyết nhỏ, và mặt nước được phủ một lớp tuyết man mác dày không quá ba ngón tay. Trong màn đêm, ngay sau khi Kinh Ngợi Khen vừa dứt, chúng tôi nghe tiếng kinh cầu vang lên từ ngôi làng trong thung lũng. Khi vầng dương vừa ló dạng, chúng tôi khởi hành đi về hướng núi.

Tôi trông thấy tu viện, khi đang vất vả leo ngược con đường mòn dốc đứng chạy vòng theo ngọn núi. Tôi rất kinh ngạc, không phải vì những bức tường bao quanh tứ phía, hình dạng tương tự như các bức tường ta vẫn thấy trong mọi xứ đạo, mà vì tòa nhà đồ sộ, về sau tôi được biết là Đại Dinh. Đó là một khối bát giác, nhìn từ xa trông giống như một khối tứ giác, một hình khối hoàn thiện, thể hiện tính kiên cố của đất Thánh - các mặt phía nam nằm trên bình địa của tu viện, trong khi các mặt phía Bắc dường như dựng lên từ vách núi thẳng đứng. Tôi có thể nói rằng vách núi với cùng một màu và chất đá dường như vươn thẳng lên lên trời từ những điểm cố định ở bên dưới, và ở một khoảng nào đó, trở nên một tháp thành sừng sững như công trình của những vị thần khổng lồ thân quen với cả trời và đất. Ba dãy cửa sổ thể hiện rõ nhịp hướng thượng theo thể ba ngôi của dinh thự này, do đó khối

thực thể hình vuông dưới đất là cái tinh thần hình tam giác trên trời. Khi chúng tôi đến gần, chúng tôi nhận ra rằng mỗi góc của khối tứ giác này còn bao gồm một ngọn tháp bảy cạnh, trong đó năm cạnh lộ rõ ra ngoài; như thế, bốn cạnh của khối bát giác lớn tạo nên bốn thất giác đài nhỏ hơn, mà bên ngoài trông như các ngũ giác đài. Do đó, ai cũng có thể nhận thấy sự hòa hợp tuyệt diệu của rất nhiều thánh số, mỗi số thể hiện một ý nghĩa tinh thần cao cả. Tám, con số hoàn thiện cho mọi khối tứ giác; bốn, con số của Phúc âm; năm, con số của ngũ châu trên thế giới; bảy, con số của quà tặng từ Thánh Linh. Về mặt kiến trúc và qui mô, Đại Dinh trông tương tự như thành Ursine hay thành Monte về sau tôi gặp ở miền Nam bán đảo Ý, nhưng vị trí hẻo lánh xa vời vợi của nó khiến nó trở nên hùng vĩ hơn những Thành kia, và có khả năng khơi dậy nỗi sợ hãi trong lòng người khách đang dần tiến đến gần. Cũng may, chúng tôi đến vào một sáng mùa đông rất quang đãng, nên lần đầu tiên này không phải nhìn thấy tòa Đại Dinh ấy như lúc nó hiện lên trong những ngày giông bão.

Tuy nhiên, tôi không nói nó khiến chúng tôi phấn khởi. Tôi thấy sợ hãi, và mơ hồ cảm thấy bất an. Có Chúa biết linh cảm này không phải là những bóng ma trong linh hồn non dại của tôi, và tôi đang giáng đúng những điềm báo in sờ sờ trong đá vào thời các vị thần khổng lồ khởi công xây dựng, trước khi các tu sĩ tà tâm đem tế tòa Đại Dinh này cho việc giữ gìn lời Thánh.

Khi mấy con la nhỏ của thầy trò tôi vượt lên được khúc rẽ cuối trên núi, nơi đường mòn chính phân làm ba nhánh và tạo nên hai con đường mòn phụ, thầy tôi dừng lại một lát để ngắm con đường, hai bên đường và phía trên con đường, nơi một rừng thông vạn niên thanh dài trên một đoạn ngắn hợp thành một mái nhà thiên nhiên phủ đầy tuyết trắng xóa.

Ông nói:

- Đây là một tu viện giàu có. Tu viện trưởng thích phô trương của cải trong

các dịp công lễ.

Tôi đã quen nghe thầy tôi tuyên bố những điều hết sức lạ thường nên chẳng hỏi vặn thầy làm gì. Vừa đi thêm được một đoạn, chúng tôi nghe có tiếng ồn ào và khi đến lối rẽ kế thì một nhóm tu sĩ cùng với tôi tở, mặt lộ vẻ lo lắng, hiện ra. Một người trong nhóm, khi thấy chúng tôi, bèn tiến đến và chào hỏi rất thân thiện:

- Xin chào Sư huynh, xin Sư huynh chớ ngạc nhiên, chúng tôi đã được thông báo về chuyến đến thăm của Sư huynh. Tôi là Remigio, quản hàm của tu viện. Và nếu như đây chính là Sư huynh William xứ Baskerville thì tôi phải thông báo cho Cha bề trên ngay - Hấn ra lệnh cho một người trong nhóm - Anh chạy lên báo là khách của chúng ta sắp vào nội thành.

- Xin cảm ơn Sư huynh Quản hàm - thầy tôi lịch sự đáp lại - Tôi vô cùng trân trọng lòng mến khách của Sư huynh, vì để đón tiếp chúng tôi, Huynh đã phải gián đoạn việc tìm kiếm của mình. Nhưng chớ lo lắng. Chú ngựa đi lối này, theo đường mòn bên tay phải. Nó sẽ đi không xa đâu, vì phải dừng lại khi đến ụ phân. Nó đủ thông minh để khỏi lao đầu xuống cái dốc đứng đó...

- Huynh thấy nó lúc nào ? - Viên quản hàm hỏi.

Thầy William quay nhìn tôi với vẻ thích thú - Chúng ta nào có thấy nó, Adso nhỉ? Nhưng nếu Huynh đang đi lòng Brunellus, chú ngựa chỉ có thể ở nơi tôi vừa nói.

Viên Quản hàm lưỡng lự, nhìn thầy William của tôi, rồi lại nhìn con đường, và cuối cùng hỏi: - Brunellus? Làm sao huynh biết?

- Đi đi, đi đi - thầy William nói - Rõ ràng Huynh đang đi lòng Brunellus, chú ngựa yêu của Cha bề trên, chiến mã trong bầy ngựa, cao mười lăm gang, da sậm, đuôi dày, vó tròn nhỏ nhưng bước rất vững đều, đầu nhỏ, tai thính, mắt to. Nó rẽ phải, như tôi đã nói, nhưng dẫu sao chẳng nữa thì Huynh cũng nên khẩn trương đi thôi.

Viên Quân hằm răng ngần ngừ thêm một lát nữa, đoạn ra hiệu cho mọi người trong nhóm cùng hồi hải chạy theo đường mòn bên tay phải, trong khi la của chúng tôi lại tiếp tục leo dốc. Quá đổi tò mò, tôi định cất tiếng hỏi thầy William thì ông ra hiệu cho tôi hãy đợi: quả thật chỉ vài phút sau, chúng tôi nghe tiếng reo hò tỏ mở, và khi đến chỗ ngoặt, chúng tôi gặp lại nhóm tu sĩ cùng với tôi tớ đang nắm dây dắt ngựa đi. Khi họ đi ngang qua, tất cả đều kinh ngạc liếc nhìn chúng tôi đoạn họ vượt lên phía trước, đi về hướng tu viện. Tôi tin thầy William cũng chậm bước lại để họ có đủ thời giờ thuật lại những việc đã xảy ra. Tôi cho rằng khi cần bộc lộ óc phán đoán nhạy bén của mình thì thầy tôi, một người đức hạnh mẫu mực về mọi mặt, đã vương phải thói kiêu căng. Nhưng sau khi đánh giá được tài ngoại giao tinh tế của thầy, tôi hiểu ông muốn để cho danh tiếng của một trí giả mở đường trước khi ông đến nơi. Cuối cùng, tôi không kiềm chế nổi nữa, bèn hỏi:

- Giờ xin thầy kể cho con nghe, làm sao thầy biết được điều đó?
- Adso này, suốt cuộc hành trình, ta đã dạy con biết nhận ra những dấu hiệu, qua đó sự việc thế gian mở ra cho ta xem như một quyển sách lớn. Alanus de Insulis đã nói:

Mọi tạo vật trần gian

Như tranh, như sách

Mở ra cho ta chiêm ngưỡng.

Ông đã nghĩ đến những dãy biểu tượng vô hạn mà Chúa, qua các sinh linh, đã sử dụng để phán cho chúng ta về cuộc sống bất tử. Nhưng vũ trụ thậm chí còn giàu sức biểu đạt hơn Alanus nghĩ, và nó không chỉ nói đến những điều tối cao vốn luôn được đề cập bằng những cách mơ hồ, mà còn nói đến những sự vật gần gũi hơn, và khi ấy nó thể hiện rất rõ. Ta hơi ngượng phải nhắc lại cho con những điều con đáng lẽ phải biết. Tại ngã ba, trên mặt tuyết còn mới nguyên, những dấu chân ngựa đi về phía đường mòn bên tay trái của chúng ta hiện lên rất rõ. Với khoảng cách phân bố đẹp, những dấu

chân này cho thấy vó ngựa tròn và nhỏ, ngựa đang phi nước kiệu đều đặn - Từ đó ta suy đoán được bản chất của con ngựa, và biết rằng nó không phóng cuồng loạn như một con thú điên. Tại nơi rừng thông tạo thành một mái nhà thiên nhiên, vài nhánh cây ở độ cao năm phít (1) vừa mới bị chạm gãy. Trên một bụi trong một rừng gai mâm xôi mọc trên ngã rẽ vẫn còn vương lại vài sợi lông ngực màu đen, dài khi chú ngựa phóng qua đó để quẹo sang đường mòn bên phải, vừa chạy vừa tự hào phát chiếc đuôi đẹp của mình... Cuối cùng, con sẽ không thể nói mình không biết con đường đó dẫn đến ụ phân, vì khi chúng ta đi qua chỗ rẽ ở dưới kia, chúng ta đã thấy một đồng phân làm vấy bẩn mặt tuyết trắng ở chân vách đá dốc bên dưới ngọn tháp lớn ở phía Nam. Và theo vị trí của ngã ba, đường mòn đó chỉ có thể dẫn đến hướng đây.

- Vâng, nhưng còn về cái đầu nhỏ, đôi tai thính, đôi mắt to thì làm thế nào.....?

- Ta không nắm rõ chú ngựa này có những đặc điểm đó nhưng rõ ràng các tu sĩ tin chắc như vậy. Isidore đã nói: một con ngựa đẹp phải có "đầu nhỏ, tai ngắn và nhọn, mắt to, cánh mũi nở rộng, cổ thẳng, đuôi và bờm dày, vó tròn và cứng". Nếu chú ngựa ta đoán đã đi qua đây không phải là tuần mã đẹp nhất trong đàn thì chỉ có mấy tôi tớ chặn ngựa chạy đi lòng kiếm nó mà thôi. Thế nhưng, chính quản hàm đã đích thân đôn đốc việc săn lùng lần này. Và đối với một tu sĩ quý ngựa, dù cái mã của ngựa có ra sao đi nữa, người ấy sẽ chỉ nhận thấy nó y hệt như cách miêu tả của các bậc trưởng thượng, đặc biệt nếu - đến đây, thầy nhìn tôi cười ranh mãnh - người ấy là một học giả dòng Benedict.

- Tuyệt, nhưng sao thầy biết tên nó là Brunellus?

- Xin Thánh linh mài giũa óc cho con, con ạ! - Thầy tôi la lên - Chứ nó có thể mang tên nào khác được? Ngay cả Burian Vĩ đại, người sắp trở thành Mục sư ở Anh, khi muốn nhắc đến ngựa trong một suy dẫn của mình, đều

gọi tên nó là Brunellus.

Thầy tôi là như thế đó. Ông không chỉ biết cách đọc quyển sách bao la của thiên nhiên, mà còn biết cách các tu sĩ đọc thánh kinh và suy nghĩ qua thánh kinh như thế nào. Chúng ta sẽ thấy biệt tài này sẽ rất hữu ích cho thầy tôi trong những ngày sắp tới. Hơn thế nữa, lời thầy tôi giảng giải lúc ấy thật rõ ràng, đến nỗi tôi thấy hổ thẹn vì đã không tự mình phát hiện ra điều đó. Tuy nhiên, niềm tự hào được làm người tham dự vào việc phát hiện đó đã làm dịu đi nỗi hổ thẹn, và tôi hân hoan vì giờ đây đã tỏ tường sự việc. Sức mạnh của sự thật quả mãnh liệt, đến nỗi giống như điều thiện, nó cũng là người truyền bá cho chính mình và xin Thiên Chúa vinh danh cho điều khám phá tuyệt vời đã ban xuống cho con này.

Nhưng ơ kia, câu chuyện của ta, hãy tiếp tục đi chứ, kẻ tu hành già nua này đang nản nã quá lâu với những phụ chú bên lề. Nên kể xem chúng tôi đã đến cổng chính của tu viện như thế nào, và đứng trên thềm là Tu viện trưởng, cạnh người có hai tu sinh cùng đỡ một chậu bằng vàng đựng đầy nước. Sau khi chúng tôi xuống la, Cha rửa tay cho thầy William, ôm hôn ông lên môi và chào đón ông theo nghi thức đạo. Thầy William nói:

- Tạ ơn Cha bề trên. Con vô vàn hân hoan được đặt chân lên tu viện của Cha, danh tiếng của nó đã vượt xa khỏi những ngọn núi này. Con nhân danh Chúa đến đây như một kẻ hành hương, và Cha đã trọng đãi con cũng với tư cách đó. Nhưng con cũng nhân danh Chúa trên thế gian đến đây, như lá thư con xin trao Cha sẽ nói rõ, và con cũng xin nhân danh người cảm ơn sự đón tiếp của Cha.

Tu viện trưởng đón lá thư có đóng triện triều đình, và đáp rằng các Tu sĩ của Cha đã viết thư báo trước việc thầy William đến đây. Đoạn Cha bảo quản hàm đưa chúng tôi về phòng nghỉ trong khi các người giữ ngựa dắt la của chúng tôi về tàu. Cha mong sẽ được viếng thăm sau khi chúng tôi nghỉ ngơi tinh tảo. Và thế là chúng tôi bước vào khuôn viên rộng mênh mông của tu

viện, các tòa nhà trải ra khắp bình nguyên hiền hòa thoải trong vùng trũng hình cái bát mềm mại của đỉnh núi.

Tôi sẽ có nhiều dịp bàn kỹ hơn về địa thế của tu viện. Qua khỏi cổng (lối ra duy nhất ở vòng tường ngoài) là một đường lớn viền hai hàng cây dẫn đến giáo đường. Trái dài về phía trái con đường là một khu trồng rau rộng bao la và một mảnh vườn về sau tôi biết được là vườn sinh học, bao quanh hai dãy nhà tắm, bệnh xá, và vườn dược thảo đằng sau nếp tường uốn lượn. Phía sau vườn, nằm phía trái giáo đường nổi lên tòa Đại Dinh, được ngăn cách với Giáo đường bởi một vuông đất rải rác các ngôi mộ. Cửa Bắc của giáo đường đối mặt với ngọn tháp phía Nam của Đại Dinh, nếu khách đi vào từ hướng chính diện sẽ là ngọn tháp phía Tây. Về phía trái, tòa Đại Dinh tiếp nối với bức tường thành và từ các ngọn tháp nhìn xuống, nó dường như đang lao xuống vực thẳm nằm chênh chếch dưới chân ngọn tháp phía Bắc. Phía phải giáo đường là vài tòa nhà nằm theo hướng gió, và một số khác bao quanh nhà tu kín: nhà nghỉ, nhà của Cha bề trên và nhà khách - nơi chúng tôi đang trực chỉ. Chúng tôi đến nhà khách sau khi băng qua một vườn hoa tuyệt đẹp. Một dãy các khu nhà ở của nông dân, chuồng ngựa, cối xay gió, xưởng ép dầu, kho thóc, hầm rượu, và một khu tôi nghĩ là dành cho các tu sinh, nằm phía tay phải bên kia bãi cỏ rộng, dọc theo phía tường Nam và lan tiếp về hướng Đông. Với mặt đất bằng phẳng, hơi nhấp nhô uốn lượn, các kiến trúc sư xa xưa của Thánh địa này đã có thể ứng dụng nguyên tắc Định hướng Nhà thờ tốt hơn Honorius Augustoduniensis hay Guillaume Durant. Xét theo vị trí của mặt trời vào lúc đó, tôi nhận thấy rằng cửa chính của giáo đường quay về hướng Tây, do đó ca đoàn và bàn thờ chính quay mặt về hướng Đông, và ánh dương rực rỡ lúc rạng đông có thể trực tiếp đánh thức các tu sĩ trong nhà nghỉ và các súc vật trong chuồng dậu. Tôi chưa hề trông thấy một tu viện nào đẹp hơn, kiến trúc khoa học hơn tu viện này. Các tu viên tôi gặp sau này như St.Gall, Cluny, Fontenay và nhiều tu

viện khác nữa có lẽ lớn hơn nhưng định hướng không hợp lý bằng. Khác với những tu viện kia, tu viện này độc đáo nhờ tòa Đại Dinh với diện tích đồ sộ khác thường. Tôi không có kinh nghiệm của một kiến trúc sư bậc thầy, nhưng tôi nhận thức ngay rằng tòa Đại Dinh đã được xây cất từ rất lâu trước các tòa nhà lân cận bao quanh. Có lẽ nó đã định hướng nhằm phục vụ các mục đích khác và khối tu viện sau đó mới được sắp xếp chung quanh nó, theo một cách sao cho cấu trúc của tòa Đại Dinh cao lớn hòa hợp với cấu trúc của giáo đường, ngược lại cấu trúc của giáo đường cũng phải phù hợp với cấu trúc của Đại Dinh.

Chú thích:

[1] *1 Phút (foot) = 30,5cm. 5 phit (feet) = 150cm, cũng bằng với 5 gang (1 gang = 4 inch = 10cm), chiều cao của con ngựa mà William đã suy đoán ban nãy.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ SÁNG

Tu viện trưởng

giao nhiệm vụ cho William

Viên quản hàm tướng người mập mạp, hình dáng trông thô lỗ nhưng vui tính, tóc đã bạc nhưng sức vẫn cường tráng, người nhỏ nhưng nhanh nhẹn. Hắn đưa chúng tôi về phòng dành cho thầy tôi trong nhà khách và hứa trễ nhất là ngày mai sẽ dọn cho tôi một phòng khác, vì tuy tôi chỉ là một tu sinh, tôi vẫn là khách của họ, và do đó sẽ được họ đón tiếp ân cần. Tạm thời, tối nay tôi sẽ ngủ trong một hốc đá dài và rộng ăn sâu trong tường, và hẳn sẽ trải lên đó một ít rơm mới sạch sẽ.

Sau đó, các tu sĩ mang đến cho thầy trò tôi rượu nho, phô mai, ô liu, bánh mì và nho khô hảo hạng, và để chúng tôi tự do. Chúng tôi ăn uống rất ngon miệng. Thầy tôi không có thói quen khắc khổ của dòng Benedict và không ưa ăn uống trong im lặng. Do đó, ông luôn nói đến những chuyện thật hay, thật khôn ngoan, như thể một tu sĩ đang đọc cho chúng tôi nghe về cuộc đời của các bậc thánh.

Hôm đó, tôi không sao nén được tính hiếu kỳ muốn hỏi thêm thầy tôi về chuyện con ngựa:

- Tuy nhiên, khi thầy phát hiện dấu chân ngựa trên mặt tuyết và các nhánh cây gãy, thầy vẫn chưa biết đó là Brunellus. Trên một mặt nào đó những dấu chân này cũng giống như dấu chân của tất cả những con ngựa khác, hay tối thiểu của tất cả con ngựa cùng loài. Phải chăng, chúng ta nên nói rằng quyền sách thiên nhiên chỉ vẽ cho ta thấy những đặc thù nhất, như các nhà

thần học lỗi lạc đã từng dạy?

- Không hoàn toàn như thế, Adso thân mến ạ. Quả là loại dấu chân đó gợi cho ta một khái niệm về "ngựa" và có lẽ sẽ gợi cho ta một khái niệm y hệt như vậy ở bất kỳ nơi nào ta tìm thấy nó. Nhưng dấu chân ở địa điểm đó, thời điểm đó, cho ta biết tôi thiểu đã có một trong tổng số ngựa tình nghi đã đi ngang qua con đường này. Như thế ta rơi vào tình trạng phân vân lưỡng lự giữa khái niệm "ngựa" chung chung và nhận thức về một con ngựa riêng lẻ. Và dần ở tình huống nào đi nữa, các dấu vết đặc thù đó đã cho ta sự hiểu biết về một con ngựa tiêu biểu chung. Ta có thể nói rằng, lúc đó ta bị giằng co giữa hai phía, nửa hoang mang trước các dấu vết khác thường, nửa phân vân mơ hồ trước một khái niệm chung chung mang hình dạng mờ mờ nhạt nhạt. Nếu con từ đằng xa trông thấy một vật gì đó và chưa biết nó là gì cả, con sẽ sẵn sàng mô tả nó như một hình khối nào đó. Khi con đến gần hơn, con sẽ miêu tả đó là một thú vật, mặc dù chưa biết nó là ngựa hay lừa. Và cuối cùng, khi nó đến gần hơn nữa, con sẽ có thể bảo rằng đó là một con ngựa, dù vẫn chưa biết nó tên Brunellus hay Niger. Và chỉ khi đến gần một khoảng cách thích hợp, con mới thấy rằng nó là con ngựa Brunellus. Khi đó, nhận thức về vật đơn lẻ sẽ là nhận thức hoàn thiện. Do đó, một giờ trước đây, ta có thể nghĩ đến mọi giống ngựa, ấy không phải vì trí tuệ bao quát của ta, mà vì giả thuyết còn quá ít ỏi. Và trí tuệ hiếu kỳ của ta chỉ được thỏa mãn khi trông thấy chú ngựa các tu sĩ cầm cương dắt đi. Chỉ khi ấy ta mới thực sự biết rằng sự suy diễn của ta trước đây đã đưa ta tiếp cận sự thật. Trong những lần trước, tôi vô cùng hoài nghi khi nghe thầy bàn đến các tư tưởng chung chung, nhưng tôi rất khâm phục khi thầy nói đến các sự vật cụ thể; về sau, tôi cũng cho rằng ông có khuynh hướng này vì ông là tu sĩ của cả dòng Briton lẫn Francisco. Tuy nhiên, ngày hôm đó, ông chẳng có sức đâu để đối đầu với các cuộc tranh cãi mang tính thần học, do đó tôi bèn trùm chần, cuộn mình vào trong hốc và ngủ thiếp đi.

Bất kỳ ai bước vào cũng có thể nhầm tôi với một đồng gì đó. Và hẳn Tu viện trưởng cũng tưởng như vậy khi người viếng thầy William khoảng ba giờ sau khi chúng tôi đến. Thế nên tôi có thể lắng nghe cuộc nói chuyện giữa hai người mà chẳng bị ai để ý cả.

.....

Thế rồi, Cha bẻ trên đến, Cha xin lỗi đã làm phiền và nhắc lại lời chào mừng chúng tôi đã đến thăm, đoạn bảo Cha cần nói chuyện riêng với thầy William về một điều hết sức nghiêm trọng.

Cha khởi đầu câu chuyện bằng lời ngợi khen vị khách về tài năng của ông, thể hiện qua chuyện con ngựa vừa qua, và hỏi thầy làm cách nào có thể cung cấp những tin tức về con vật mà ông chưa hề trông thấy một cách tự tin như vậy. Thầy William nhẹ nhàng lược giải cho Cha nghe cách suy luận của mình, và Cha hết lời ca tụng tài phán đoán nhanh nhạy của ông. Cha bảo Cha đã đón đợi một tài năng như thế từ một người thông thái như Thầy William. Cha đã nhận được một lá thư từ Tu viện trưởng Farfa, trong đó không chỉ đề cập đến sứ mệnh của Thầy William đối với Hoàng đế, mà còn viết rằng thầy tôi đã xử nhiều vụ án ở Anh và Ý, nổi danh là một phán quan sáng suốt, tài đức vô cùng khiêm tốn. Cha tiếp:

- Cha cũng rất vui được biết trong nhiều vụ án, con đã quyết định cho bị cáo được trắng án. Chưa bao giờ hơn những ngày đau buồn này, Cha tin vào sự hiện hữu thường xuyên của quỷ dữ trong đời người, - Cha kín đáo nhìn quanh như thể kẻ thù đang chập chờn ẩn nấp trong các bức tường – nhưng Cha cũng tin rằng Quỷ dữ gieo ác qua những tác nhân thứ hai. Cha biết nó có thể xúi giục nạn nhân làm điều ác theo một cách nào đó, sao cho tội lỗi rơi xuống đầu người lương thiện, và quỷ dữ cũng sẽ reo vui khi thấy anh ta bị thiêu rụi thế chỗ cho nữ yêu tinh của nó. Để biểu lộ lòng nhiệt tâm của mình, các phán quan thường dùng mọi cách để buộc bị cáo phải nhận tội, nghĩ rằng một phán quan giỏi ở Toà án Tà đạo phải là người tìm ra một kẻ

giờ đầu chịu báng để kết thúc vụ án...

- Phán quan cũng có thể bị quỷ dữ xúi giục.

- Có thể, - Tu viện trưởng dè dặt công nhận, - vì lưới trời lồng lộng, hỏi ai có thể nhìn thấu suốt được. Nhưng Cha không mảy may nghi ngờ những phán quan xứng đáng như vậy. Sự thật, hôm nay Cha cậy đến con với tư cách một phán quan. Trong tu viện này đã xảy ra một việc cần đến sự quan tâm và cố vấn của một người sắc sảo, thận trọng như con đây. Sắc sảo, trong việc khám phá, và thận trọng, nếu cần thiết, trong việc che chở. Nếu có một kẻ chần chừ lầm lạc, kẻ ấy phải được cách ly khỏi những người chần chừ khác, nhưng thật đau buồn cho chúng ta nếu để con chần chừ bắt đầu mất lòng tin vào những người chần chừ.

- Con hiểu ý Cha - Thầy William đáp.

Tôi đã có dịp quan sát khi thầy tôi đối đáp mau lẹ và lịch sự như thế, ông thường thật thà che dấu sự hoang mang hay bất đồng ý kiến của mình.

Tu viện trưởng tiếp:

- Vì lý do đó, Cha nghĩ Cha chỉ có thể phó thác kẻ chần chừ lầm lạc cho những người như con, những người không chỉ có khả năng phân biệt thiện, ác, mà còn biết làm điều gì có lợi, điều gì không. Cha mong rằng con chỉ tuyên án một khi...

- ...bị cáo thực sự đã gây tội ác, đã thuốc chết người, đã làm băng hoại những tâm hồn trong trắng, hay đã gây ra những tội lỗi ghê tởm khác mà miệng con chẳng dám nói ra...

- ... con chỉ tuyên án khi, - Tu viện trưởng tiếp, chẳng màng đến lời cắt ngang ban nãy - sự hiện diện của Quỷ dữ quá hiển hiện trước mắt mọi người, đến nỗi không thể hành động khác hơn được, và nếu ta nhân từ thì sự khoan dung sẽ còn gây tai tiếng hơn chính bản thân tội ác.

- Khi con buộc tội phạm nhân - Thầy William giải thích, - kẻ ấy phải thực sự là người đã gây ra những tội ác vô cùng nghiêm trọng, đến nỗi lương tâm

buộc con phải giao phạm nhân cho quân đội thể tục.

Tu viện trưởng tỏ vẻ hoang mang trong một lúc.

- Tại sao con cứ khẳng khẳng cho rằng các hành động tội ác không do quỷ dữ gây nên chứ?

- Vì lý giải về quan hệ nhân quả là một điều rất khó khăn và con tin rằng Chúa là vị quan toà duy nhất có thể xét xử điều này... Giả sử một người đã bị thuốc chết. Đó là một dữ kiện. Theo một số dấu hiệu không thể phủ định, con có thể tưởng tượng rằng kẻ đầu độc là người thứ hai. Dựa vào những chuỗi nhân quả đơn giản như vậy, trí tuệ con có thể tự tin mà hoạt động. Nhưng làm sao con có thể phức tạp hoá chuỗi quan hệ đó bằng cách tưởng tượng rằng, để gây ra tội ác đó đã có một sự can thiệp khác không phải của con người, mà là của ma quỷ? Con không nói rằng điều này không thể xảy ra: Quỷ sứ, giống như con ngựa quý Brunellus của Cha, cũng thể hiện đường đi của nó qua những dấu hiệu rõ ràng. Nhưng tại sao con lại phải đi săn lùng những bằng chứng này cơ chứ? Chẳng phải việc con biết rằng kẻ gây tội là một con người và con phải giao người đó cho luật đời chưa đủ hay sao? Dù thế nào đi nữa, kẻ ấy sẽ lãnh án tử hình, xin Chúa tha thứ cho hắn!

- Nhưng Cha có nghe nói đến một vụ án ở Kilkenny cách đây ba năm, trong đó vài kẻ nào đó bị buộc đã phạm một số tội ác ghê tởm, và sau khi xác định được phạm nhân, con đã không phủ nhận sự can thiệp của Quỷ dữ trong tội lỗi đó.

- Nhưng con cũng chẳng công nhận nó. Quả thực con không phủ nhận. Con là ai mà có thể phán xét mưu đồ của Quỷ sứ chứ, đặc biệt, - thầy tiếp, dường như muốn nhấn mạnh lý do này, - đối với các vụ án, trong đó những người đã khởi xướng việc xét xử như Đức Giám mục, các quan toà tỉnh, toàn thể công chúng, có lẽ kể cả các bị cáo nữa, đều thực tình mong muốn cảm nhận sự hiện diện của Quỷ? Đó, có lẽ bằng chứng có thật duy nhất về

sự hiện diện của Quý là sự nôn nóng, khao khát của mọi người khi ấy, mong được biết Quý đang ra tay.

- Có phải con muốn bảo Cha rằng, - Tu viện trưởng nói, giọng lo lắng, - trong nhiều vụ án, Quý không chỉ xuất hiện trong bản thân phạm nhân, mà có lẽ và hơn hết, trong các vị phán quan?

- Con có thể tuyên bố như thế chẳng? - Thấy William hỏi lại và tôi để ý thấy cách Thầy đặt câu hỏi khiến Tu Viện trưởng không thể khẳng định câu trả lời. Do đó, Thầy bèn lợi dụng sự im lặng của Cha để đổi hướng câu chuyện – nhưng dù sao đi nữa, những điều này thấy đều xa vời quá. Con đã từ bỏ công việc cao quý đó và nếu con làm thế, ấy chính là do ý Chúa...

- Hẳn nhiên rồi, - Tu viện trưởng công nhận.

- ...Còn bây giờ ? - Thầy William tiếp, - con quan tâm đến những vấn đề tế nhị khác. Và nếu Cha vui lòng kể, con muốn bàn đến vấn đề đang khiến Cha ưu phiền.

Tôi cảm thấy Tu viện trưởng rất hân hoan đã kết thúc được cuộc tranh cãi và quay trở lại vấn đề Cha quan tâm. Cẩn thận chọn từng từ một, vừa nói vừa giải thích thêm rất lâu, Cha bắt đầu kể về một sự kiện bất thường vừa xảy ra cách đây ba hôm, khiến mọi tu sĩ hết sức lo buồn. Tin thấy William là người có kiến thức uyên thâm về cả tâm lý con người lẫn các mưu ma chước quỷ, Cha kể thầy nghe việc này với hy vọng thầy sẽ dành một phần thời gian quý báu của mình để soi sáng sự bí ẩn đau thương này. Chuyện xảy ra như sau:

Adelmo là một tu sĩ tuy còn trẻ nhưng đã nổi tiếng là một họa sĩ minh họa bậc thầy, Huynh đã liên tục trang trí các bản thảo trong thư viện với những hình vẽ đẹp nhất. Một sáng nọ người chăn dê phát hiện xác Huynh dưới chân vách đá, bên dưới toà Đại Dinh. Các tu sĩ trong ca đoàn thấy Huynh trong buổi Kinh Cuối, nhưng Huynh không có mặt trong buổi Kinh Sớm, do đó, có lẽ Huynh đã rơi xuống vách đá trong khoảng đêm khuya thanh

vắng. Đó là một đêm có bão tuyết lớn, màn tuyết sắc như dao đổ xuống tựa mưa đá, theo cơn gió cuồng bạo từ phía Nam thốc tới. Xác chết được phát hiện ở chân vỉa đá dốc, thân bị đá trên đường lăn xuống cửa nát, mình ướt đẫm tuyết, ban đầu tan thành nước, sau đóng lại thành từng mảng băng. Xin Chúa ban phúc cho tử thi tội nghiệp, yếu đuối đó. Do thi thể đã tan nát vì rơi xuống quá nhiều tầng lớp đá, khó có thể khẳng định chính xác Huynh đã rơi xuống từ điểm nào: nhưng rõ ràng là từ một trong các dãy cửa sổ quanh ba tầng lầu, trên bốn mặt của ngọn tháp giáp với vực thẳm.

- Cha cho chôn xác ở đâu?

- Đương nhiên là trong nghĩa trang. Có lẽ con đã để ý thấy: nó nằm ở giữa mạn Bắc của giáo đường, Đại Dinh và vườn rau.

- Con biết, và con thấy vấn đề của Cha như sau: nếu tu sĩ đáng thương đó tự tử, ngày hôm sau Cha phải thấy một cánh cửa sổ bị mở ra, nhưng đáng này Cha thấy mọi cửa sổ đều đóng và khắp các cửa sổ đều không có một vệt tuyết nào.

Như tôi đã nói, Tu viện trưởng là một người mang vẻ điềm tĩnh rất đáng khâm phục của một nhà ngoại giao, nhưng lần này, Cha kinh ngạc ra mặt và sững sờ hỏi : - Ai nói cho con biết?

- Chính Cha đã kể cho con. Nếu cánh cửa sổ mở, Cha hẳn phải nghĩ ngay rằng Huynh ấy đã tự mình lao ra ngoài. Căn cứ theo những gì con thấy ở phía ngoài, các cửa sổ đều rộng, gắn kính mờ, và loại cửa sổ như thế, trong toà nhà cỡ này, thường không đặt ở tầm cao ngang đầu người. Do đó, thậm chí cửa sổ có mở chẳng nữa thì nạn nhân đáng thương ấy hoàn toàn không có khả năng ló đầu ra ngoài và mất thăng bằng được. Như vậy, tự tử sẽ là cách giải thích duy nhất ta có thể nghĩ ra, nhưng trong trường hợp đó, Cha sẽ chẳng cho phép chôn Huynh ấy trong đất Thánh. Nhưng do Cha đã cử hành tang lễ theo phép thánh, các cửa sổ *nhất định* phải khép kín. Và vì các cửa sổ đều khép, và vì con chưa hề nghe thấy, thậm chí trong các vụ án xử

bọn phù thủy đi nữa, một xác chết nào lại được Chúa hay Quỷ cho phép leo ngược từ vực thẳm lên để xóa dấu tích tội lỗi của mình: như thế rõ ràng nạn nhân mà ta cho là đã tự tử, ngược lại, đã bị đẩy tới từ phía sau, hoặc là do một bàn tay con người hoặc là do một ma lực nào đó. Và Cha đang tự hỏi kẻ nào đã có khả năng, con không nói là đẩy nạn nhân xuống vực thẳm, mà là nâng được nạn nhân lên đến bệ cửa sổ. Cha đang rất ưu phiền vì một thể lực độc ác, không biết tự nhiên hay siêu nhiên, đang hoành hành trong tu viện.

- Chính như thế... – Tu viện trưởng đáp, và không rõ Cha đang khẳng định lời Thầy William hay chấp nhận cách suy luận mà thầy đã nêu ra một cách chặt chẽ và đáng khâm phục. – Nhưng làm thế nào con biết dưới chân các cửa sổ không có tuyết?

- Vì Cha đã kể gió Nam đang thổi, và gió Nam không thể cuốn tuyết bám vào những cửa sổ quay về hướng Đông.

- Cha thật chưa biết hết tài năng của con. Con nói đúng, không có vết tuyết, và bây giờ Cha đã hiểu tại sao. Tất cả mọi việc đều như con nói, và bây giờ con đã hiểu nỗi lo lắng của Cha. Nếu linh hồn ô uế của một trong các tu sĩ của Cha đã xui hấn phạm cái tội đáng ghét là tự tử thì việc đó cũng đủ nghiêm trọng lắm rồi. Nhưng Cha có đủ lý do để nghĩ rằng còn có một tu sĩ khác hẳn đã ô uế linh hồn bởi một tội lỗi cũng kinh khủng không kém. Và nếu tất cả là thế...

- Thứ nhất, tại sao là một tu sĩ chứ? Trong tu viện còn có bao nhiêu người khác, người chăn ngựa, chăn dê, tôi tớ...

- Đúng vậy, tu viện tuy nhỏ nhưng rất giàu, - Tu viện trưởng tự mãn xác nhận - một trăm năm mươi tôi tớ phục vụ sáu mươi tu sĩ. Nhưng mọi việc đều xảy ra trong Đại Dinh. Có lẽ con đã biết đó, tầng trệt của Đại Dinh là nhà bếp và nhà ăn, còn hai tầng trên là phòng biên khảo và thư viện. Tuy nhiên, Đại Dinh được khoá chặt sau bữa tối, và tuyệt đối cấm tất cả mọi

người vào Đại Dinh khi đó. – Cha đoán được câu hỏi kể của Thầy William và lập tức nói thêm, dù rõ ràng là với vẻ vô cùng miễn cưỡng – Đương nhiên là kể cả các tu sĩ, nhưng...

- Nhưng sao?

- Nhưng Cha hoàn toàn phủ nhận, hoàn toàn, con hiểu chứ - khả năng một tội tở bạo gan đột nhập Đại Dinh vào ban đêm. – Trong đôi mắt Cha loé lên một nụ cười, tuy ngắn như một tia chớp hay tia sao xẹt, nhưng lộ vẻ thách thức. – Ta hãy giả định rằng, nếu việc ấy xảy ra thì chúng sẽ rất kinh khủng, con biết đấy... đôi khi lệnh ban ra cho những kẻ chất phác phải kèm theo sự đe dọa ngầm rằng, kẻ nào bất tuân sẽ phải chịu một tai hoạ kinh khủng, một sự trừng phạt của siêu nhiên. Trái lại, một tu sĩ...

- Con hiểu.

- Ngoài ra, một tu sĩ sẽ có những động cơ thúc đẩy anh ta liều lĩnh đột nhập một nơi cấm. Cha muốn nói đến những động cơ rất... hợp lý, mặc dù không hợp pháp.

Thầy William để ý thấy thái độ lúng túng của Cha Bê trên, bèn hỏi một câu có vẻ định đổi đề tài, nhưng câu hỏi ấy lại khiến Cha thêm lúng túng.

- Khi nói đến khả năng của một vụ cố sát, Cha có nói “Và nếu tất cả là thế”. Ý Cha muốn nói gì?

- Cha đã nói thế à? Không ai giết người vô cớ, dù nguyên do ấy có đòi bại đến đâu đi nữa. Và Cha run rẩy nghĩ đến những động cơ đòi bại xui khiến một tu sĩ giết chết một tu sĩ anh em của mình. Đó, ý Cha là thế.

- Không còn gì khác à?

- Cha không thể nói gì khác với con.

- Cha muốn nói là Cha không có quyền nói điều gì khác?

- Sư huynh William, Sư huynh William, Cha xin con – Tu viện trưởng nhấn mạnh từ “Sư huynh” hai lần.

Thầy William, đỏ bừng mặt nói : - Lời xưng tội phải được giữ tuyệt mật

mãi.

- Cảm ơn con.

Chúa ơi, hai bậc bề trên của tôi đang bàn bạc về một điều bí ẩn kinh khủng xiết bao; một người, vì nỗi lo lắng; còn người kia, do tính hiếu kỳ. Là một tu sinh trẻ người non dạ, mới tiếp cận với những điều bí ẩn trong giới tu sĩ thiêng liêng của Chúa như tôi đây, tôi cũng hiểu được Tu viện trưởng có biết một điều gì đó, nhưng chỉ biết điều đó qua lời xưng tội. Hẳn Cha đã nghe từ môi ai đó thốt lên một chi tiết tội lỗi, có liên quan đến kết cục bi thương của Adelmo. Có lẽ, vì lý do đó mà Cha khẩn cầu thầy William hãy khám phá ra điều bí mật chính bản thân Cha đã nghi ngờ, nhưng không thể bày tỏ cùng ai. Và Cha hy vọng rằng: trí tuệ phi thường của thầy tôi có thể soi sáng những nơi mà Cha, vì luật từ tâm cao cả, đã phải che đậy nó trong bóng tối.

- Thôi được, con có được phép thẩm tra các tu sĩ không?

- Được phép.

- Con có được phép đi lại tự do trong tu viện không?

- Cha ban cho con quyền đó.

- Cha giao cho con sứ mệnh này thể theo thức quân chủ?

- Ngay buổi tối nay.

- Tuy nhiên con sẽ bắt tay ngay ngày hôm nay, trước khi các tu sĩ biết sứ mệnh Cha đã trao cho con. Ngoài ra, con vô cùng khao khát và đó là một trong các động cơ chính dẫn đến chuyến viếng thăm của con ở đây – được tường lãm thư viện của Cha, vốn được các tu viện khắp xứ đạo hết lời ca tụng.

Tu viện trưởng đứng phắt dậy, mặt đanh lại – Như Cha đã nói, con có thể đi lại tự do trong khắp khuôn viên của Tu viện. Nhưng hãy nhớ, chớ có men tới tầng thượng của Đại Dinh, nơi thư viện tọa lạc.

- Tại sao lại không?

- Đáng lẽ Cha nên giải thích cho con hiểu trước, nhưng Cha lại nghĩ con đã biết rồi. Thư viện của chúng tôi không giống như các thư viện khác...

- Con biết nó có nhiều sách hơn mọi thư viện khác trong xứ đạo. Con biết so sánh với các kệ sách của Cha, các kệ sách của Bobbio hay Pomposa, của Cluny hay Fleury dường như chỉ là một căn phòng của thằng bé đang mò mẫm học tính toán. Con biết sáu ngàn quyển sách chép tay mà Novalesa vẫn thường khoe khoang cách đây hơn trăm năm, so với số sách của Cha chỉ là số lẻ, và có lẽ rất nhiều sách trong số đó đang được giữ tại đây. Con biết thư viện của Cha là ánh sáng duy nhất mà Ki-tô giáo có thể dùng để đối chọi với ba mươi sáu thư viện ở Bá Đạt với mười ngàn bản viết tay của Vizir Ibn al-Alkami; số kinh thánh của Cha tương đương với hai ngàn bốn trăm quyển Koran mà Cairo vẫn tự hào. Sự tồn tại thư viện của Cha là bằng chứng rục rở chống lại truyền thuyết tự phụ của những kẻ vô thần, mấy năm trước đây đã tuyên bố rằng thư viện phong phú ở Tripoli có đến sáu triệu quyển sách, tám mươi ngàn người viết dẫn giải và hai trăm người sao chép.

- Lạy chúa, con nói đúng.

- Con biết nhiều tu sĩ sống quanh Cha đã đến đây từ các tu viện nằm rải rác khắp thế giới. Vài người lưu lại đây một thời gian để chép lại những bản thảo không tìm thấy ở nơi khác và mang những bản sao đó về quê nhà, họ không quên mang đến trao đổi với Cha một bản thảo quý hiếm khác để Cha sao lại và làm giàu thêm kho tàng của Cha. Những người khác ở đây rất lâu, đôi khi có người ở đây cho đến chết, vì chỉ nơi đây mới có những tác phẩm soi sáng công trình nghiên cứu của họ: Do đó, quanh Cha có những tu sĩ Đức, Tây Ban Nha, Pháp, Hy Lạp, Đa-sa. Con biết Hoàng đế Frederick cách đây rất lâu đã yêu cầu Cha biên soạn cho Người một quyển sách về các lời tiên tri của Merlin và dịch quyển đó sang tiếng Ả rập để gửi đi làm quà cho lãnh tụ Hồi giáo ở Ai Cập. Cuối cùng con biết một tu viện rục rở như Murbach trong thời kỳ thê lương này không còn lấy một quyển sách; ở

tu viện thánh Gall chỉ còn lại vài tu sĩ biết viết; trong các thành phố ngày nay mọc lên các nghiệp đoàn, phường hội, bao gồm các thường dân làm việc cho các trường đại học, chỉ có tu viện của Cha là mỗi ngày một tái tạo mới hơn, và – con đang nói gì nhỉ? – ngày càng làm hiển danh dòng tu của Cha.

Tu viện trưởng trầm ngâm: - Tu viện không có sách vở giống như nền văn minh mà không có tác phẩm, như trại lính không quân sĩ, như nhà bếp không nồi niêu xoong chảo, như bàn tiệc không thức ăn, như vườn cây không cỏ, thảo nguyên không hoa, cây không lá... Dòng tu của chúng ta trưởng thành dưới hai yêu cầu: vừa tu vừa làm việc, vẫn còn nhỏ nhoi so với toàn thế giới. Nó là kho tri thức, là sự cứu rỗi của nền học vấn cổ đại đang có nguy cơ bị hỏa tai, cướp bóc, động đất, sự phát triển của văn hóa mới và sự gia tăng của văn cổ tiêu diệt... Ôi, như con biết rõ đây, chúng ta đang sống trong một thời kỳ đen tối và ta hồ thẹn nói cho con hay rằng, cách đây không lâu, Hội đồng Thành phố Viên đã phải tái khẳng định là mọi tu sĩ đều phải thụ giới... Trong số các tu viện của chúng ta mà hai trăm năm trước đây từng chói lọi vẻ nguy nga thần thánh, có bao nhiêu cái đã trở thành nơi trú ẩn của những kẻ lười nhác. Dòng tu vẫn còn vững mạnh, nhưng mùi tanh tưởi từ các đô thị đang xâm lấn chốn thiêng liêng của chúng ta, các giáo dân bắt đầu phát sinh xu hướng bán buôn, bè phái; trong khu dân cư rộng lớn bên dưới kia, nơi linh hồn thánh thiện không còn chỗ ẩn náu, họ không chỉ nói ngôn ngữ thô tục mà còn dùng ngôn ngữ đó để viết sách, mặc dù những loại sách đó sẽ chẳng bao giờ lọt được vào nhà chúng ta – chúng nhất định sẽ trở thành phương tiện xúi giục của bọn tà giáo! Vì tội lỗi của nhân loại mà thế giới đang đứng chênh vênh trên bờ vực thẳm, bị cuốn hút vào chính cái vực thẳm từ vực thẳm sinh ra. Ngày mai, như Horonius đã nói, con người sẽ nhỏ bé hơn chúng ta ngày nay, cũng như chúng ta bây giờ nhỏ bé hơn những người thời cổ đại. Thế giới sẽ già cỗi đi.

Nếu Chúa đã giao cho dòng tu chúng ta một sứ mệnh, sứ mệnh đó chính là ngăn chặn nhân loại khỏi rơi xuống vực thẳm bằng cách giữ gìn, bảo vệ và kế thừa kho tàng tri thức cha ông đã ủy thác cho chúng ta. Đấng Thiên Mệnh đã phán rằng, chính quyền cai trị toàn thế giới, hồi lập thế ở phương Đông, khi thời gian xoay đến gần đích hoàn thiện sẽ chuyển về phương Tây, báo cho ta biết ngày tận thế sắp đến, vì quá trình diễn biến của các sự kiện đã đến sát ranh giới của vũ trụ. Nhưng cho đến khi thời hoàng kim được xác lập, cho đến khi ta chiến thắng bọn phản giáo súc sinh tanh tưởi, nhiệm vụ của chúng ta là bảo vệ kho báu của xứ đạo và gìn giữ từng lời dạy của Chúa, y như lời Ngài đã ban cho các bậc tiên tri và tông đồ, như các trường dòng hằng rao giảng, mặc dù trong các trường ngày nay, loài rắn độc của lòng tự mãn, ganh tị, ngu xuẩn đang làm tổ. Trong cảnh hoàng hôn điêu tàn hôm nay chúng ta vẫn là những ngọn đuốc sáng thấp cao trên nền trời. Và ngày nào những bức tường này còn đứng vững, chúng ta còn là người canh giữ lời Chúa dạy.

- Amen – thầy William thành kính nói – Nhưng việc này có liên quan gì đến việc cấm viếng thăm thư viện?

- William, con biết đấy, để có thể hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng và đồ sộ là làm giàu những bức tường đó, - Tu viện trưởng nói và hất mặt ra hiệu về phía tòa Đại dinh, đứng cao sừng sững nhìn xuống ngôi giáo đường – các tu sĩ ngoan đạo đã phải lao động cật lực hàng nhiều thế kỷ, theo một kỷ luật sắt. Thư viện được xây dựng theo một đồ án mà hàng nhiều thế kỷ nay chưa hề ai hay biết, kể cả các tu sĩ đi nữa. Bí mật được truyền từ cựu quản thư viện xuống đương kim quản thư viện, và tu sĩ này, khi còn sống, sẽ chỉ giáo lại cho phụ tá quản thư viện hay để nếu Tu sĩ ấy có chết bất đắc kỳ tử thì vẫn còn người trong dòng tu nắm được bí mật. Cả hai, tuyệt đối không được hé răng tiết lộ bí mật này. Ngoài việc nắm giữ điều tuyệt mật này, chỉ có tu sĩ quản thư viện mới có quyền đi lại trong Mê cung thư viện, biết nơi chốn

và cách sắp xếp sách, và một mình Tu sĩ ấy chịu trách nhiệm bảo quản sách. Các tu sĩ khác làm việc trong phòng biên khảo và có thể biết được danh mục sách có trong thư viện. Nhưng danh mục các tựa sách thường chẳng nói lên được điều gì. Căn cứ vào cách sắp xếp sách và mức độ quý hiếm của nó, chỉ có quản thư viện mới biết cuốn sách đó chứa đựng những bí mật gì, những sự thật và điều giả trá gì. Chỉ có quản thư viện có quyền quyết định bằng cách nào, khi nào, hay có nên đưa quyển sách đó cho tu sĩ nào có yêu cầu hay không; đôi khi, tu sĩ ấy hỏi ý kiến Cha trước. Nguyên do vì không phải ai cũng hiểu được chân lý, và một linh hồn ngoan đạo có thể không nhận chân được bản chất của tất cả mọi sự giả trá. Cuối cùng, mỗi tu sĩ trong phòng biên khảo có một nhiệm vụ cụ thể riêng và nhiệm vụ đó chỉ yêu cầu họ đọc một số sách nhất định chứ không phải những loại sách khác; nó không yêu cầu họ theo đuổi bất kỳ một sự tò mò ngu ngốc nào phát sinh từ một trí tuệ yếu đuối, lòng kiêu hãnh, hay sự xúi bẩy của ma quỷ.

-Như thế, trong thư viện cũng có những quyển sách chứa đựng điều giả trá...

-Quái vật tồn tại vì chúng là một bộ phận trong thiên cơ, và trong hình thù kinh sợ của những quái vật này bộc lộ sức mạnh của Đấng Tạo hoá. Và cũng theo thiên cơ mà những loại sách của bọn phù thuỷ, sách pháp thuật của bọn Do Thái, truyền thuyết của những nhà thơ đa thần, những điều giả trá của bọn vô thần được tồn tại. Chính các bậc tiền bối sáng lập nên tu viện này đã thành tâm và thành kính tin tưởng hàng bao thế kỷ nay rằng đôi mắt tinh tường của một độc giả thông thái có thể nhận thấy trí tuệ thiêng liêng ngời sáng trong những quyển sách, thậm chí trong các sách giả dối. Do đó, thư viện cũng là nơi cất giữ những loại sách này. Nhưng, con hiểu cho, chính vì lý do này mà không phải bất kỳ ai cũng được phép vào viếng thư viện. Hơn thế nữa, - Tu viện trưởng tiếp, như thể xin lỗi về lý lẽ không được chặt chẽ cuối cùng này, - sách là một sinh vật yếu đuối, nó chịu đựng

sự bào mòn của thời gian, sợ các loài gặm nhấm, ký thủy, ký hỏa, và e ngại những bàn tay vụng về, cục mịch. Nếu mấy trăm năm nay ai cũng được phép đi lại tự do trong thư viện cầm nắm các bản chép tay của chúng tôi thì phần lớn đã chẳng thể tồn tại đến ngày nay. Do đó, quản thư viện bảo quản sách chống lại sự tàn phá của cả con người lẫn thiên nhiên, tận tụy cống hiến cả đời mình cho cuộc chiến đấu chống lại những thế lực lãng quên, vốn là kẻ thù của Chân lý.

- Và như thế, ngoại trừ hai người, không ai đặt chân lên tầng thượng của Đại Dinh...

Tu viện trưởng mỉm cười – Không ai lên và không ai có thể đến được. Dù có muốn đi nữa, không ai có thể thành công. Mệnh mông như chân lý nó gìn giữ, phản trắc như những điều giả dối nó chất chứa, thư viện tự bảo vệ mình. Hồn nó là Mê cung, đất của nó là Mê cung, người có thể vào, và rồi sẽ chẳng ra được. Cha đã nói cho con biết rồi đó, mong con tuân thủ luật lệ của tu viện.

- Nhưng Cha vẫn chưa bác bỏ giả thuyết Adelmo rơi xuống đất từ một trong các cánh cửa sổ của thư viện. Làm thế nào con có thể điều tra cái chết của nạn nhân nếu không được nghiên cứu hiện trường, nơi ta nghi là khởi điểm của cái chết đó.

- William – Tu viện trưởng nói với giọng hoà hoãn - một người đã miêu tả con ngựa Brunellus của Cha mà không cần thấy nó, miêu tả cái chết của Adelmo mặc dù không biết gì về việc đó, sẽ dễ dàng nghiên cứu những nơi người ấy không được quyền đến.

Thầy William cúi đầu – Khi nghiêm khắc, Cha vẫn rất khôn ngoan. Mọi việc sẽ theo như ý Cha muốn.

- Nếu Cha khôn ngoan ấy chính là nhờ Cha biết cách nghiêm khắc.

- Điều cuối cùng con xin hỏi. Ubertino hiện ở đâu?

- Hiện ở đây. Và đang đợi con. Con sẽ gặp Cha ấy trong giáo đường.

- Khi nào?

- Bất kì khi nào – Tu viện trưởng mỉm cười nói – Con nên biết, mặc dù Cha Ubertino rất thông tuệ, Cha lại không quý thư viện lắm. Cha xem nó như một cám dỗ của thế tục... Phần lớn thời giờ Cha ở giáo đường, tĩnh tâm, cầu nguyện...

- Cha Ubertino già lắm không? - Thầy William ngập ngừng hỏi.

- Con không gặp Cha ấy bao lâu rồi?

- Đã nhiều năm nay.

- Cha đã chán ngán xa lánh thế tục. Năm nay Cha đã sáu mươi tám tuổi. Nhưng Cha tin Cha Ubertino vẫn giữ được tinh thần thời trai trẻ.

- Con đi tìm Cha Ubertino ngay đây. Cảm ơn Cha.

Tu viện trưởng hỏi thầy tôi, xem ông có muốn cùng cộng đoàn dùng bữa trưa sau Kinh Trưa hay không. Thầy William đáp vừa mới ăn no xong, và muốn đi gặp Cha Ubertino ngay. Tu viện trưởng ra về.

Khi Tu viện trưởng vừa ra khỏi phòng thì từ phía sân nổi lên một tiếng rú nhói tim, như tiếng ai đó bị đâm chết, tiếp sau đó là những tiếng rống khác cũng kinh rợn không kém. Thầy William luống cuống hỏi : - Cái gì thế ? – Tu viện trưởng mỉm cười đáp - Chẳng có gì đâu. Bây giờ là thời điểm mổ heo hàng năm. Công việc của mấy người chăn heo đó mà. Không phải loại máu con cần quan tâm đâu.

Cha bước ra. Chính ông đã tự tước bỏ cái danh hiệu khôn ngoan của mình. Vì buổi sáng hôm sau... Nhưng chớ quá nóng nảy như vậy, hỡi cái lưỡi lắm chuyện của ta. Vì trong cái ngày tôi đang tường thuật đây, và trước khi đêm xuống, đã xảy ra thêm nhiều việc khác cần kể hơn.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TRƯA

Adso ngưỡng mộ cánh cửa giáo đường.

William hội ngộ Umberto

Giáo đường này không nguy nga như những giáo đường sau này tôi gặp ở Strasbourg, Chartres, Bamberg và Paris. Nó khá giống những ngôi giáo đường tôi đã gặp ở Ý, với khuynh hướng vươn thẳng lên trời xanh đến phát chóng mặt, nhưng thực sự lại trụ rất chắc trên mặt đất, chiều ngang thường lớn hơn chiều cao. Ở tầng thứ nhất, giáo đường được vây bọc bởi một dãy tường vuông điểm những lỗ châu mai giống như một pháo đài, trên tầng này nổi lên một cấu trúc khác, một giáo đường kiên cố thứ hai, trông hơi giống một ngọn tháp, mái lát đá, trổ nhiều cửa sổ đáng cứng, khắc khổ. Đó là một giáo đường uy nghi như cha ông ta đã xây dựng ở Provence, Languedoc, khác hẳn những hình khối trơ trẽn và kiểu trang trí mang gân quá độ của kiến trúc hiện đại mà mấy thế kỷ gần đây mới chú ý tô điểm cho chỗ ca đoàn đứng hát thêm một tháp nhọn tảo bạo đâm thẳng lên trời.

Hai cột thẳng, không chạm trổ, dựng ở hai bên cổng vào mà lúc mới thoát nhìn, mở ra như một vòm cung vĩ đại, nhưng từ hai cột này lại mở ra hai ô cửa, trên đó chồng chất tầng tầng lớp lớp các vòm cung khác nữa, hướng tầm nhìn về phía lối vào chính diện, như thể vào tận cùng sâu thẳm của đáy vực. Trên đỉnh của lối vào chính này là một mạng đồ sộ, có hai chân vòm chống đỡ hai bên và một cột chạm trổ trụ ở giữa. Cột này chia lối vào thành hai bên, bao quanh bởi những cánh cửa bằng gỗ sồi bọc kim loại. Vào thời điểm đó, mặt trời yếu ớt hắt như đang rơi thẳng xuống mái nhà và ánh nắng

roi xiên xiên xuống chính diện mà không soi sáng khối mạng trung tâm; do đó, sau khi băng ngang hai cây cột, thầy trò tôi đột nhiên thấy mình lọt vào khu vòm dày đặc những hình cung phát sinh từ hàng loạt dãy cột nhỏ hơn được phân bố cân đối để đỡ lấy hai ô cửa. Khi mắt chúng tôi cuối cùng quen được với cảnh u tối, ngôn từ câm lặng từ những phiến đá được chạm khắc - vốn đập ngay vào mắt nhìn và óc tưởng tượng của bất kỳ ai – làm loá mắt tôi và ném tôi vào một ảo giác mà ngay đến hôm nay, lưỡi tôi cũng khó lòng miêu tả nổi.

Tôi trông thấy một ngai vàng đặt trên trời cao và một con người ngồi trên đó. Gương mặt của Người ngồi trên ngai nghiêm và lạnh, đôi mắt mở to, nhìn trừng trừng vào nhân giới đã tiến đến cuối chặng đường lịch sử của mình, mái tóc và hàm râu uy nghi toả chung quanh khuôn mặt và trên lồng ngực như những dòng sông đều đặn, được chia thành hai phía đối xứng. Chiếc vương miện trên đầu Người sáng rực sắc men và ánh châu ngọc; chiếc long bào màu tím, thêu và kết ren bằng chỉ vàng, chỉ bạc, được xếp thành những nếp rộng trên đầu gối, cầm một quyển sách được niêm kín; tay phải giơ cao trong tư thế ban phúc, hay tôi có thể nói, khiển trách. Gương mặt Người được toả rạng nhờ vẻ đẹp tuyệt vời của một vòng hào quang có kết một thập tự và đính đầy hoa, trong khi đó, chung quanh ngai và phía trên đầu Người là một cầu vòng bằng ngọc lục bảo sáng lấp lánh. Phía trước ngai, dưới chân Người là một biển pha lê êm chảy và quanh Người, bên cạnh và bên trái ngai, tôi trông thấy bốn sinh vật khủng khiếp - khủng khiếp đối với cái nhìn kinh hãi của tôi, nhưng lại thân thương, ngoan hiền đối với Người trên ngai, Người mà chúng ngợi ca không dứt lời.

Thật ra, không phải tất cả bọn đều khủng khiếp, vì trong số đó có một người đàn ông phía tay trái tôi trông có vẻ khôi ngô, tử tế, tay ông chìa ra quyển sách. Nhưng phía bên kia có một con đại bàng, tôi trông hãi quá, mỏ nó ngoác ra, vuốt nó chắc nhọn, bộ lông dày kết với nhau như một chiếc áo

giáp, đôi cánh vĩ đại xoè rộng. Dưới chân Người trên ngai, bên dưới hai sinh vật kia là hai con khác: một bò đầu, một sư tử; mỗi con quái vật giữ trong vó, trong vuốt của chúng một quyển sách. Đầu chúng quay về hướng ngai, nhưng thân lại quay ra, như thể vai và cổ đột nhiên bị xoắn vặn dữ dội, lườn chúng căng thẳng, tứ chi trông như của một con vật đang hấp hối, hàm há rộng, hai cái đuôi như đuôi rắn cuộn lại, quăn quại, ở tận cuối đuôi mọc ra những cái lưỡi lửa. Cả hai con quái vật đều có cánh, đầu viền hào quang, mặc dù hình thù đáng sợ như vậy, chúng không phải từ địa ngục mà là từ thiên đàng, và nếu trông chúng có vẻ khủng khiếp, ấy chính là vì chúng đang rống lên khúc ca xung tụng Đấng Sắp Hiện, Người sẽ phán xét người sống lẫn kẻ chết.

Chung quanh ngai, bên dưới bốn sinh vật nói trên và dưới chân Người ngồi trên ngai, như thể nhìn qua làn nước trong veo của biển pha lê để làm đầy toàn bộ không gian ảo ảnh này, có hai mươi bốn vị thánh mặc áo choàng trắng, đội vương miện vàng, ngồi trên hai mươi bốn ngai nhỏ hai bên chiếc ngai lớn, được sắp xếp theo khung tam giác của vòm mạng, hàng dưới cùng có bảy và bảy, rồi ba và ba, rồi hai và hai. Vài người cầm đàn luyt, một người cầm lọ nước hoa, và chỉ có một người chơi đàn. Tất cả những người khác đều hân hoan, mặt hướng về Người trên ngai, ca vang lời ngợi khen Người, tứ chi của họ cũng bị vặn xoắn như tứ chi của bốn sinh vật kia, do đó, mọi người thấy đều có thể nhìn thấy Người trên ngai, nhưng đó không phải là cảnh hỗn loạn, mà là những động tác trong vũ điệu mê ly – như David đã múa trước thuyền Ark – do đó nghịch với luật chi phối những thân tượng, dù con người trong mắt họ nằm ở vị trí nào đi nữa thì chúng cũng hội tụ về một điểm rực rỡ chung. Ôi, thật là một cảnh hoà hợp tuyệt vời các nét phóng khoáng, buông thả, các kiểu cách tuy bất thường nhưng duyên dáng, trong đó ngôn ngữ của chân tay được biểu hiện thần tình thoát khỏi sức nặng của xác thịt, các số lượng cổ rót thêm vào những thực thể

mới lạ, như thể một cơn gió dữ dội đã quạt vào những vị thánh này, thổi vào họ hơi thở sự sống, và niềm vui điên cuồng nối tiếp khúc nhạc ngợi ca đã được phép lạ biến hình từ âm thanh hoá thành thực thể...

Khi linh hồn tôi còn đang chơi vui bay bổng vì bản hoà âm của vẻ đẹp dương thế và những biểu tượng siêu nhiên hùng tráng, trái tim sắp vỡ tung vì những đợt sóng vui dâng trào thì đôi mắt tôi, lần theo nhịp cân xứng của những cửa sổ chạm những đoá hồng rộ nở dưới chân các vị thánh, dừng lại nơi những thần linh đan quện vào nhau trên chiếc cột chính đang chống đỡ khối mạng trung tâm. Chúng là gì vậy và chúng là biểu tượng cho thông điệp nào vậy, hơi ba đôi sư tử đứng chồm lên bắt chéo vào nhau tạo thành các hình vòng cung, chân sau trụ trên mặt đất, chân trước bám vào lưng bạn, bồm xoắn cuộn như rắn, mồm ngoác to gầm lên đe dọa, thân quấn vào cột bởi một màng keo, hay một tổ tua xoắn xít? Để làm dịu tinh thần tôi và có lẽ cũng nhằm thuần hoá bản chất ác quỷ của mãnh sư và biến nó thành biểu tượng của những điều cao cả hơn, ở hai bên thân cột hiện lên hai hình người cao lạ thường, giống hệt hai hình người khác ở hai bên các chân vòm chạm trổ, nơi gắn các cánh cửa bằng gỗ sồi. Đây là hình bốn ông già, và căn cứ vào đồ tể nhuyễn của họ, tôi nhận ra Peter và Paul, Jeremia và Isaiah. Áo sống họ cũng vắn vẹo như đang trong một vũ điệu, những bàn tay dài gầy guộc giơ lên, ngón xoè rộng như cánh chim, râu tóc lộng bay trong gió tiên tri, nếp xiêm áo lướt trượt dưới cử động của đôi chân dài tạo nên những đường sóng cuộn sống động, tuy tương phản với các mãnh sư nhưng làm bằng cùng một chất liệu. Khi tôi thôi ngây mắt nhìn cảnh phức điệu huyền hoặc giữa tứ chi thần thánh với gân cốt quỷ quái, tôi trông thấy những hình ảnh nghĩ thật đáng kinh sợ bên cạnh cửa, dưới những cánh cửa hình cung sâu thẳm, và chỉ có thể biện hộ cho sự xuất hiện của chúng ở nơi chốn này nhờ sức mạnh biểu tượng và bài học ngụ ngôn mà chúng toát ra. Tôi trông thấy một phụ nữ thật khêu gợi, trần truồng, gầy gò, bị những con cóc kinh

tôm gặm nhấm, những con rắn xấn vào mút thịt, đang giao cầu với một Thần Dê bụng phệ có đôi chân quái su đầy lông cứng, hòng thô tục đang rống lên lời tự nguyện rửa. Tôi trông thấy một gã bần tiện, xác cứng còng trên chiếc giường xa xỉ lộng lẫy, giờ đang bắt lực trở thành con mồi cho đội quân quỷ dữ, một con quỷ xé từ miệng kẻ hấp hối linh hồn của gã dưới hình thể một hài nhi. Tôi trông thấy một kẻ kiêu hãnh và một ác quỷ bám sau lưng hấn thọc móng vuốt vào đôi mắt hắn, trong khi đó hai tên hấu đói ầu ẩu đả nhau kịch liệt xé xác nhau thành từng mảnh. Tôi cũng trông thấy những sinh vật khác nữa, đầu dê, lông sư tử, hàm báo, tất cả bị giam vào một khu rừng lửa, mà tôi hầu như có thể cảm nhận thấy hơi nóng toả ra cháy bỏng. Chung quanh chúng, hoà lẫn với chúng, trên đầu, dưới chân chúng, thêm những bộ mặt, chân tay khác nữa: một nam một nữ túm tóc nhau, hai con rắn có mào mút mắt một kẻ bị đày địa ngục, một tên nhăn nhẽ cười lấy tay có móc câu banh hòng một con rắn nhiều đầu, và tất cả những loài thú của quỷ Sa-tăng tụ tập lại thành một hội đồng bảo vệ cho chiếc ngai đối diện, ngai ca ngai trong chiến bại của chúng... Toàn thể sinh linh của âm ty dường như đã hội tụ lại đây, quây thành một tiền sảnh, một rừng thăm âm u, một hoang mạc trung tâm, cho gương mặt hứa hẹn và đe dọa của Người. Chúng là những kẻ thất trận trong cuộc thư hùng Thiện – Ác Armageddon trước Ngày phán xét, đang đối diện Người cuối cùng sẽ đến để tách người sống khỏi kẻ chết. Sững sờ trước cảnh tượng này, hoang mang không hiểu giờ đây mình đang ở một nơi thần thiện hay trong thung lũng của Ngày phán xét cuối cùng, tôi kinh hãi quá và không cầm được nước mắt. Dường như tôi nghe thấy giọng nói đó, trông thấy những hư ảnh đã bám theo tôi thời tu sinh trai trẻ, lần đầu đọc thánh thư, những đêm tĩnh tâm trong ca đoàn xứ Melk, và trong cơn mê sảng của những giác quan yếu đuối, tôi nghe một giọng nói rền vang như tiếng kèn trôm-pet phán: “Hãy viết vào sách điều ngươi đang thấy” (và đó là việc tôi đang làm). Tôi trông thấy bảy

chân nền đai vàng, và ở giữa ngọn nến, Người như con trẻ, ngực thắt đai vàng, râu tóc trắng như tuyết, mắt sáng như lửa, chân đẹp như đồng nung trong lò, giọng nói tự sảng vọng, tay phải Người chứa bảy tinh tú, miệng phun ra thanh gươm hai lưỡi. Tôi thấy cửa thiên đàng mở ra và Người ngồi trên ngai hiện lên sáng ngời như châu ngọc, một cầu vòng bắc chung quanh ngai và từ ngai phóng ra sáu sét. Người trên ngai cầm trên tay một lưỡi liềm sắc ngọt, la lên: “Vung liềm của ngươi lên và gặt hái đi, vì đã đến lúc ngươi phải gặt hái, vì ruộng đồng thế gian đã chín rồi”, thế là Người ngự trên mây ném liềm xuống mặt đất và thu hoạch mùa màng.

Chính lúc đó tôi nhận ra những hư ảnh ấy đang nói lên một cách chính xác những gì đang xảy ra trong tu viện, những gì chúng tôi đã biết được từ Cha Bề trên dè dặt. Trong những ngày kế tiếp, tôi đã trở lại không biết bao nhiêu lần để xem xét cánh cửa đó, tin rằng tôi đang trải nghiệm chính những sự kiện nó tường thuật lại. Tôi biết chúng tôi đã leo đến đây để chứng kiến một vụ thảm sát vĩ đại và thần thánh.

Người tôi run rẩy như thể tắm đẫm mưa đông buốt giá. Tôi lại nghe một giọng nói khác, nhưng lần này vọng đến, từ sau lưng và rất lạ, vì nó xuất phát từ trần gian chứ chẳng phải từ trong ảo mộng mù loà của tôi. Nó đã thực sự phá tan ảo ảnh, vì thầy William trước đó cũng chìm đắm vào dòng suy tưởng, giờ mới cùng tôi quay đầu lại.

Con người sau lưng chúng tôi rõ ràng là một tu sĩ, mặc dù chiếc áo rách bần thiu khiến gã trông như một tên du thủ du thực, và bộ mặt gã giống hết những quái vật tôi vừa mới nhìn thấy trên đầu cột. Không giống các tu sĩ anh em khác, cả đời tôi chưa bao giờ trông thấy Quỷ, nhưng tôi tin nếu một ngày kia Quỷ có hiện ra trước mặt tôi, và phép thánh buộc nó không được che dấu hoàn toàn bản chất của mình dù có giả thành người đi nữa, hẳn nó sẽ phải mang những đường nét của kẻ đang nói chuyện với chúng tôi bây giờ đây. Đầu gã trọc lóc, không phải bị cạo do phạm tội mà là hậu quả của

bệnh chàm nhọt hồi xưa, trán thấp đến độ nếu gã có mọc tóc hẳn tóc sẽ hoà lẫn với đôi mày rậm và bờm xờm, cặp mắt tròn, đồng tử nhỏ và linh động, tôi không biết ánh nhìn của gã là ngây thơ hay quỷ quyệt; có lẽ là cả hai, trong những tia, những trạng thái khác nhau. Không thể gọi mũi gã là mũi được, vì nó chỉ là một mẫu xương phát xuất từ giữa đôi mắt, nhưng nó mới nổi lên thì lập tức chìm xuống ngay, rồi biến dạng thành hai cái lỗ tối đen, hai cánh mũi rậm đầy lông... Một vết sẹo nối mũi với một cái miệng rộng và xấu xí, kéo dài về bên phải nhiều hơn bên trái, giữa môi trên hầu như không có và môi dưới đầy trề ra là hàm răng hô, cái nhô ra, cái thụt vào, đen và sắc nhọn như răng chó.

Gã cười, và giơ một ngón tay lên như thể khuyên răn:

- Hãy ăn năn sám hối! Coi chừng rồng sắp đến để gặm xác người! Thần Chết là kẻ tội cao! Cầu Santo Peter đến giải phóng người và tất cả tội lỗi của chúng ta! Hãy coi chừng ma quỷ! Luôn rình ta ở một xó nào đó để đớp lấy gót chân ta. Nhưng Salvatore đâu phải là kẻ ngu đần! Tu viện tốt, và nhà ăn tốt, cầu Chúa chúng ta. Những thứ còn lại không đáng cục cút. Amen. Phải không?

Khi câu chuyện tiếp diễn, tôi sẽ tả chi tiết về con người này và ghi lại lời của gã. Thú thật, làm việc ấy rất khó vì thuở đó, và cả bây giờ nữa, tôi mù tịt không biết gã nói thứ tiếng gì. Gã không nói tiếng La tinh như các học giả ở tu viện, không nói tiếng thông tục của các vùng địa phương quanh đó, hay của bất kỳ vùng nào tôi đã được nghe. Khi ghi lại những lời nói đầu tiên của gã, tôi biết mình mới phác hoạ một ý niệm mơ hồ về cách gã nói. Sau này khi tôi biết về cuộc đời phiêu bạt của gã và những nơi chốn khác nhau gã đã lê gót qua, tôi nhận ra Salvatore nói tất cả các thứ tiếng và không nói thứ tiếng nào cả. Thực ra, gã đã sáng chế cho riêng gã một thứ tiếng sử dụng những yếu tố cơ bản của các thứ tiếng gã biết được. Có một đạo tôi cho rằng tiếng nói của gã không phải là tiếng nói của Ông tổ Adam

mà nhân loại hạnh phúc xưa kia đã nói - tiếng nói duy nhất đã liên kết mọi người từ điểm khởi sinh thế giới đến tháp Babel với nhau – cũng không phải một trong những thứ tiếng xuất hiện sau biến cố tàn khốc phân hoá họ; nó chính là tiếng nói của thành phố Babel [1] ngay sau khi bị Chúa trừng phạt, thứ tiếng hỗn loạn thời nguyên sơ. Nhưng không phải vì việc đó mà tôi có thể gọi lời nói của Salvatore là một thứ tiếng, vì tất cả các thứ tiếng của nhân loại đều có luật và mỗi từ đều biểu thị một sự vật theo một qui luật cố định, vì người ta không gọi con chó lúc là chó, lúc là mèo được, hay không thể phát ra những âm thanh chưa được con người gán cho một ý nghĩa xác định nào đó. Thế nhưng bằng cách này hay cách khác, tôi vẫn hiểu được điều Salvatore muốn nói, và những người khác cũng vậy. Gã nói tất cả các thứ tiếng, không nói tiếng nào đúng cả, khi dùng từ của tiếng này, khi của tiếng khác, có thể đề cập đến điều gì đó ban đầu bằng tiếng La tinh, rồi sau chuyển sang tiếng xứ Provence. Tôi nhận thấy gã ít sáng chế câu nói mới của mình, mà thường sử dụng những thành phần nhớ được từ các câu nói khác, gã đã nghe đâu đó trước kia, rồi áp dụng chúng vào hoàn cảnh hiện tại và điều gã muốn nói. Thí dụ gã có thể nói về một món ăn bằng cách chỉ dùng số từ những người cùng ăn món đó với gã đã sử dụng và bộc lộ niềm vui của gã bằng cách chỉ dùng số câu gã đã nghe những người vui mừng thốt ra vào cái ngày gã trải nghiệm một niềm vui tương tự. Cách gã nói cũng na ná như bộ mặt gã, chắp từ các mảnh vụn của mặt người khác lại với nhau, hay giống như vài cái hòm đựng thánh tích quý báu tôi đã thấy, được chế tạo từ các mảnh vỡ của các thánh vật khác. Vào giây phút đầu tiên gặp mặt, do cả hai yếu tố bộ mặt và lời nói của gã, Salvatore hiện ra với tôi giống như những sinh vật lai có vó đầy lông lá tôi vừa nhìn thấy dưới cửa chính. Về sau tôi nhận thấy gã khá tốt bụng và hóm hỉnh. Rồi về sau nữa... Nhưng chúng ta không nên vượt trước câu chuyện. Đặc biệt khi gã rút lời, thầy tôi bèn hỏi, giọng hết sức hiếu kì:

- Tại sao Huynh bảo hãy ăn năn sám hối?

- Lạy Chúa rất nhân hậu, - Salvatore đáp, khẽ cúi đầu - Đức Kitô sẽ đến và loài người phải sám hối. Phải không?

Thầy William nhìn gã, - Huynh từ tu viện dòng Anh em Nghèo khó đến phải không?

- Hồng hiệu.

- Tôi hỏi có phải Huynh đã sống với các thầy tu dòng thánh Francis hay không? Tôi hỏi Huynh có biết những người mệnh danh Tông đồ...

Mặt Salvatore tái nhợt hay nói đúng hơn, khuôn mặt sạm nắng và hung tợn của gã đổ màu xám xịt. Gã cúi chào thật sâu, cặp môi nửa khép nửa hở lầm bầm “Xin lui”, cuống quýt làm dấu thánh giá rồi bỏ chạy, chốc chốc lại ngoái nhìn chúng tôi.

- Thầy hỏi Huynh ấy gì thế?

Thầy William nghĩ một lát – Không có gì đâu. Ta sẽ kể cho con nghe sau. Chúng ta hãy vào bên trong đi. Ta cần gặp Cha Ubertino.

Vừa mới sáu giờ. Mặt trời xanh xao từ phương Tây chỉ len lỏi qua được những cửa sổ nhỏ hẹp, lọt vào nội dinh giáo đường. Một giải sáng mỏng manh chụm lên bàn thờ chính. Và mặt trước bàn thờ dường như bùng lên những tia vàng rạng rỡ. Các gian bên cạnh chìm trong bóng tối.

Gần cuối giáo đường, phía trước bàn thờ gian bên trái, có dựng một cột đáng thon nhỏ, tạc tượng Đức Mẹ đồng trinh bằng đá, theo kiểu mới, với nụ cười huyền nhiệm khó tả và vòm bụng nhô cao, khoác một tấm áo xinh đẹp có áo ngắn phủ ngoài, tay bế Chúa Hài Đồng. Dưới chân Đức Mẹ, một tu sĩ mặc áo dòng Cluniac đang gần như xoắn dài dưới đất để cầu nguyện.

Chúng tôi tiến đến. Nghe tiếng chân, tu sĩ ngẩng đầu lên. Ông ta già, đầu hói, mày râu nhẵn nhụi, đôi mắt to màu xanh nhạt, môi mỏng và đỏ, da trắng, sọ xương xẩu và da đầu bám vào đó như xác ướp ngâm sữa. Đôi tay trắng, ngón dài hình ngòi bút. Ông giống như một trinh nữ tàn tạ vì chết

yếu. Thoạt đầu, ông đăm đăm nhìn chúng tôi rất hoang mang, như thể chúng tôi đã quấy nhiễu ảo mộng tuyệt diệu của ông, rồi gương mặt ông bùng lên niềm vui. Ông la lên:

- William, người thân yêu nhất của ta. – Ông gắng ngồi dậy, đi về phía thầy tôi, ôm thầy tôi vào lòng và hôn lên môi thầy – William! – Ông lập lại, mắt nhòa lệ - Đã bao nhiêu năm trời! Nhưng Cha vẫn nhận ra Huynh! Bao nhiêu mùa thu rồi, bao nhiêu sự đời đã xảy ra! Chúa đã bày ra bao nhiêu là thử thách! – ông nức nở. Thầy William ôm ông, hết sức xúc động. Trước mặt chúng tôi là Cha Ubertino.

Tôi đã được nghe nói nhiều về Cha, ngay cả trước khi tôi đến Ý, và còn được nghe nhiều hơn nữa khi lui tới các tu sĩ dòng Francisco của triều đình. Ai đó đã kể tôi nghe rằng nhà thơ vĩ đại nhất thời đó ở Florence – Dante Alighieri – mới mất cách đây vài năm, đã sáng tác một bài thơ viết bằng tiếng dân gian Tuscany, trong đó có dành nhiều dòng để bình giải những đoạn do Ubertino viết trong quyển sách: *”Cây của sự sống bị đóng đinh”*. Đây không phải là giá trị duy nhất của con người nổi tiếng này. Nhưng để độc giả hiểu rõ hơn tầm quan trọng của buổi gặp gỡ hôm nay, tôi cần dừng lại những biến cố xảy ra trong những năm đó, theo sự hiểu biết của tôi thu lượm được nhờ khoảng thời gian ngắn lưu lại vùng Trung Ý, và nhờ lắng nghe các buổi trò chuyện của thầy William với các Cha Bề trên và tu sĩ trong cuộc hành trình của chúng tôi.

Tôi sẽ cố gắng kể lại hiểu biết của tôi về vấn đề này, mặc dù tôi không chắc sẽ có thể giải thích đến nơi đến chốn. Các thầy tôi ở Melk thường bảo rằng một người phương Bắc rất khó nắm rõ sự thăng trầm của tôn giáo và chính trị ở Ý.

Bán đảo Ý, nơi giới tăng lữ giàu có và nắm nhiều quyền lực hơn hẳn các nước khác, trong ít nhất hai thế kỷ nay đã đẩy lên các phong trào của các tu sĩ sống nghèo hơn chống lại các linh mục biến chất, những kẻ thậm chí đã

từ chối không chịu làm lễ ban phước cho họ. Họ họp thành những cộng đồng độc lập và bị các lãnh chúa, đế chế và thị trưởng căm ghét không kém. Cuối cùng, Thánh Francis xuất hiện, quảng bá lối tu hành khổ hạnh nhưng không đi ngược lại giáo huấn của Giáo hội. Sau nỗ lực của Người, Giáo hội đã mở những cuộc triệu tập để kỷ luật nghiêm khắc các phong trào trước đây và thanh lọc các yếu tố chia rẽ tiềm ẩn bên trong. Đáng lẽ sau đó phải là một giai đoạn sùng đạo, an bình. Nhưng khi dòng Francisco phát triển và thu hút được những tu sĩ tốt nhất, nó trở nên quá mạnh và quá gắn bó với thế sự. Do đó, rất nhiều tu sĩ dòng Francisco mong muốn khôi phục lại sự thanh khiết ban đầu của dòng tu của mình – một công việc rất khó khăn – vì vào thời tôi ở tu viện, dòng tu đã có đến ba mươi nghìn môn đồ ở rải rác khắp thế giới. Các tu sĩ này chống lại những Điều lệ do dòng tự đặt ra, và bảo rằng hiện nay dòng tu lại mang những tính chất của các dòng mà nó đã cải tạo trước đây. Việc này đã xảy ra ngay vào thời Thánh Francis vẫn còn sống, và người ta đã phản bội lời dạy cùng mục tiêu của Người. Nhiều người tái phát hiện một quyển sách do một tu sĩ dòng Cistercian tên là Joachim, viết vào hồi đầu thế kỷ XII, người được xem như có tài tiên tri. Cha đã tiên đoán một thời đại mới sắp đến, khi đó tinh thần của Chúa Kitô, hằng bao lâu nay bị tha hóa bởi hành động của các tông đồ giả dối, sẽ được hồi phục lại trên thế gian. Và cha đã tuyên bố về những sự kiện tương lai bằng một cách, dù vô hình, khiến mọi người hiểu rằng ông đang nói đến dòng Francisco. Do đó, rất nhiều tu sĩ dòng Francisco vô cùng hân hoan, thậm chí dường như quá hân hoan nữa, vì vào khoảng giữa thế kỷ đó, các tiến sĩ Sorbonne rất lên án sự giáo huấn của Cha Bê trên Joachim. Họ đang trở nên những học giả quá uyên thâm, quá uy lực, tại Đại học Paris, và những tiến sĩ Sorbonne đó muốn trừ khử họ đi như những kẻ theo tà giáo. May thay, âm mưu đó không thực hiện được.

Trong ba mươi năm cuối cùng của thế kỷ trước, Hội đồng Thành phố Lyon

đã cứu dòng Francisco thoát khỏi tay những kẻ muốn thủ tiêu nó, và cho phép dòng được sở hữu tất cả tài sản đang sử dụng. Đó là luật áp dụng đối với các dòng tu cũ. Nhưng vài tu sĩ ở Marches đã nổi loạn phản đối vì họ tin rằng tinh thần của giáo luật đã bị phản bội, vì tu sĩ dòng Francisco không được sở hữu một vật gì cả, dù là cho cá nhân, cho tu viện, hay cho dòng tu đi nữa. Những kẻ nổi loạn này đã bị tù chung thân.

Nhiều năm sau đó, Cha Bề trên mới là Raymond Gaufredi đã đến gặp các tù nhân này ở Ancana và phóng thích họ.

Trong số những tù nhân được phóng thích này có một người tên là Angelus Clarenus, sau đó đã đến gặp Pierre Olieu, một tu sĩ quê ở Provence, người đã rao giảng các lời tiên tri của Joachim, rồi gặp Ubertino, và như thế phong trào của các tu sĩ dòng Thánh thần được hình thành. Họ tìm đến Đức Giáo hoàng thánh thiện Celestine Đệ ngũ và xin thành lập một cộng đồng gọi tên là Các anh em và người nghèo của Đức ẩn sĩ Celestine. Phong trào nghèo khổ mới này được sự ủng hộ bí mật của các giáo chủ xứ Colona và Orsini. Ubertino trở thành tu sĩ được kính trọng nhất trong dòng Thánh thần và đang gặp nguy cơ bị buộc là kẻ theo tà giáo, nhưng chính giáo chủ Orisini đã đứng ra bảo vệ Cha tại Avignon.

Hàng vạn người dân chất phác công nhận lời giảng đạo của Angelus và Ubertino, rồi nó truyền lan đi khắp nước, không gì ngăn giữ nổi. Thế là nước Ý tràn ngập những tu sĩ Fraticelli hay những Thầy tu Nghèo khó mà nhiều người xem là rất nguy hiểm. Lúc đó thật khó phân biệt ai là giáo sĩ Thánh thần có liên hệ với Giáo hội, ai là tín đồ chất phác sống ngoài dòng, ngày ngày đi xin của bố thí và làm thuê làm mướn, không lung lặn một của riêng nào. Bây giờ dân chúng gọi những người này là Fraticelli, tương tự như những tu sĩ Beghards người Pháp, những người đã nghe theo lời Pierre Olieu nhập đạo.

Kế vị Đức Giáo hoàng Celestine Đệ ngũ là Boniface thứ tám. Trong những

năm cuối của thế kỷ hấp hối này, Ông đã ký một Sắc lệnh *Hãy cảnh giác*, [2] trong đó Ông thẳng tay tố cáo các thầy tu hành khát lang thang quanh vùng ven xa xôi của dòng tu Francisco và cả các tu sĩ dòng Thánh thần đã lui về ở ẩn.

Năm 1936, John XXII được cử lên ngôi Đức Giáo hoàng, và đã tước của họ mọi hy vọng. Lão viết thư cho vua xứ Sicile yêu cầu Ông trục xuất tất cả các tu sĩ đang trú ẩn tại đó và truyền bắt giam Angelus cùng các tu sĩ dòng Thánh thần xứ Provence.

Không phải tất cả hành động này đều trót lọt. Nhiều người trong giới lãnh đạo Giáo hội La Mã phản kháng. Ubertino và Angelus tìm cách xin phép rời khỏi dòng, Ubertino được nhận vào dòng Benedict và Angelus vào dòng Celestine. Nhưng John đã không nương tay đối với những người vẫn tiếp tục sống đời tự do, Ông truyền lệnh thanh lọc họ, và nhiều người đã phải chịu cảnh trôi vào cọc thiêu sống.

Tuy vậy, Ông nhận thức được rằng muốn hủy diệt tận gốc rễ các tu sĩ Fraticelli, những người đe dọa thành trì quyền lực của Giáo hội, Ông cần tố cáo các quan niệm làm nền tảng cho đức tin của họ. Họ tuyên bố rằng Chúa Kitô và các tông đồ không sở hữu bất kỳ một của cải dưới hình thức riêng chung nào cả. Thế là Đức Giáo hoàng tố cáo tư tưởng này là lạc đạo. Thật đáng kinh ngạc, vì Đức Giáo hoàng chẳng cần có một căn cứ cụ thể nào để gọi quan điểm Chúa Kitô cơ nghèo là sai trái cả. Thế nhưng, mới trước đó một năm, dòng Francisco tại Perugia đã xướng quyết quan điểm này. Đức Giáo hoàng lên án quan điểm này có nghĩa là Ông cũng đồng thời lên án dòng. Như tôi đã nói, Đại hội Perugia đối nghịch kịch liệt với cuộc đấu tranh của Ông nhằm chống lại hoàng đế. Hậu quả là sau đó, nhiều tu sĩ Fraticelli, chẳng liên hệ gì đến triều đình hay Đại hội Perugia, đã bị thiêu chết...

.....

Những suy nghĩ trên hiện lên trong óc tôi khi tôi nhìn đắm đắm nhân vật truyền thuyết Ubertino. Thầy tôi giới thiệu tôi, và con người già nua này đưa bàn tay nồng ấm đến độ hầu như nóng bỏng vuốt má tôi. Khi tay ông chạm vào da thịt tôi, tôi chợt hiểu ra rất nhiều điều được nghe về con người thần thánh đó, và nhiều điều khác đọc được trong quyển sách “*Cây của sự sống bị đóng đinh*” do ông viết. Tôi hiểu ngọn lửa huyền nhiệm đã nung nấu Cha từ thời thanh niên, thời ông ngồi học ở Paris, bỏ nghiên cứu Thần học và tưởng tượng mình hoá thành cô điếm ăn năn Magdalen, hiểu đây liên hệ khăng khít giữa ông và Thánh Angela, người đã khai tâm cho ông bước vào cuộc đời huyền nhiệm phong phú và tôn thờ thập giá, và hiểu tại sao các Bề trên của ông, một ngày nọ hoảng hốt vì những lời giảng đạo nồng nhiệt của ông, đã tổng ông lui về La Verna.

Chỉ mới đây, qua các tin đồn tôi loáng thoáng nghe được, ngôi sao của ông tại triều đình đã lu mờ, ông phải rời Avignon và Đức Giáo hoàng đã sai người truy đuổi con người không hề khuất phục này như một kẻ lạc đạo tha phương cầu thực khắp thế giới. Thế rồi, người ta bảo đã mất tuyệt tông tích ông. Chiều hôm đó, qua cuộc nói chuyện giữa Thầy William và Cha Bề trên, tôi biết ông đang ẩn náu nơi tu viện này. Và giờ đây, ông đang đứng trước mặt tôi.

Ông cất tiếng: “William biết không, chúng sắp sửa giết Cha đây. Cha phải thoát chạy lúc nửa đêm”.

- Ai muốn giết Cha? John à?

- Tất cả bọn chúng. Bọn cầm đầu Giáo hội La Mã. Chúng đã mưu sát Cha hai lần. Chúng muốn Cha câm họng. Cha đã biết việc xảy ra cách đây năm năm. Các tu sĩ Beghards đã bị kết án trước đó hai năm và Berengar Talloni, mặc dù là một trong các phán quan, đã chống án lên Đức Giáo hoàng. Đó là những thời kỳ khó khăn. John lúc ấy đã ban hành hai sắc lệnh chống dòng Thánh thần và thậm chí Cha Michael cũng chịu đầu hàng – À, bao giờ Cha

Michael đến?

- Cha Michael sẽ có mặt tại đây trong vòng hai ngày.
- Cha Michael... lâu lắm rồi không gặp Cha Michael. Bây giờ Cha Michael đã đi nhiều nơi, Cha hiểu khi xưa chúng ta muốn gì. Đại hội tại Perugia đã khẳng định là chúng ta đúng. Nhưng vào năm 1318 đó, Cha Michael đã tuân lệnh Đức Giáo hoàng và nộp cho lão năm tu sĩ dòng Thánh thần không tuân phục lão ở xứ Provence. Chúng thiêu họ, William ạ... Ôi! Thật khủng khiếp. – Cha dấn mặt vào lòng hai bàn tay.
- Xin Cha hãy kể cho con nghe, Cha đã thoát khỏi lũ chó đó như thế nào?
- À, đúng là lũ chó, William ạ. Một lũ chó dại. Cha thậm chí còn đung độ với cả Bonagratia đấy.
- Nhưng Cha Bonagratia cùng cánh với Cha mà!
- Bây giờ thì cùng cánh, sau khi nghe Cha hết lời trình bày. Rồi Cha Bonagratia tin, và bèn phản đối sắc lệnh *Đối với người sáng lập giáo hội*.
- [3] Thế là Đức Giáo hoàng tống giam Cha ấy một năm.
- Con nghe rằng bây giờ Cha ấy thân với một người bạn của con trong giới lãnh đạo Giáo hội, William xứ Occam.
- Cha biết về người ấy rất ít, và không thích hắn. Một kẻ duy lý trí, không nhiệt tình, không tim.
- Nhưng lý trí ấy thật tuyệt.
- Có thể, nhưng nó sẽ đẩy hắn xuống địa ngục.
- Khi đó, con sẽ gặp lại người ấy ở dưới đó, và cả hai sẽ tranh luận về logic.
- Im nào, William... Cha Ubertino nói, mỉm cười trù mến, - Con còn giỏi hơn các triết gia của con đấy. Giá mà con muốn...
- Muốn gì?
- Khi chúng ta gặp nhau lần cuối ở Umbria, nhớ không? Cha vừa khỏi bệnh nhờ sự cầu nguyện của một phụ nữ tuyệt vời... Clare xứ Montefalco... Ông thăm thì, gương mặt rạng rỡ... Clare... Khi bản chất phụ nữ, vốn dĩ rất hư

hông, được phép đạo hóa thiêng liêng, khi đó nó có thể là nguồn ơn huệ cao quý nhất. William, con biết sự trinh nguyên đã truyền cảm cho đời Cha xiết bao! – Ông chụp lấy cánh tay thầy tôi, xoắn vặn. – Con biết Cha đã áp dụng một sự hành xác ăn năn... dữ dội, phải, đúng từ đó, sự hành xác dữ dội xiết bao để giết chết trong thân thể Cha sự rung động của xác thịt, để dọn mình Cha hoàn toàn tinh khiết với tình yêu của Chúa Kitô trên thập tự giá... Thế mà, ba người phụ nữ trong đời Cha đã trở nên ba thiên thần đưa tin cho Cha: Angela, Margaret và cuối cùng là Clare. Đó chính là phần thưởng của Đức Chúa Trời, do đó Cha, đúng, Cha phải tìm hiểu phép lạ của bà và phong thánh cho bà trước giáo dân. William, con cũng có mặt lúc ấy, đáng lẽ con có thể giúp Cha thực hiện nỗ lực thiêng liêng đó, và con sẽ không...

- Những nỗ lực thiêng liêng mà Cha mời con cùng dự đã khiến Bentivenga, Giacomo và Giovannuccio lên cọc thiêu, - thầy William nhẹ nhàng nói.

- Chúng đã lấy những điều suy đồi của chúng để bôi nhọ ký ức về bà. Nhưng con là phán quan cơ mà!

- Đó chính là lý do khiến con xin thôi giữ trách nhiệm đó. Con không thích công việc đó. Thành thực mà nói, con cũng không thích cách Cha ép Bentivenga thú tội. Cha giả vờ muốn gia nhập giáo phái của anh ta, nếu có gọi đó là giáo phái đi nữa, khai thác lấy được bí mật của anh ta, rồi bèn ra lệnh bắt anh ta.

- Nhưng đó là cách chống lại các kẻ thù của Chúa. Chúng là bọn tà đạo, bọn tông đồ giả trá, tụi nó nồng nặc diêm sinh uế khí của Fra Dolcino!

- Họ là bạn của Clare.

- Không, William, con không được phép để cho dù chỉ là cái bóng của chúng dây vào ký ức về Clare.

- Nhưng nó có liên hệ với bà.

- Chúng là bọn Anh em nghèo khó, chúng tự nhận là tu sĩ dòng Thánh thần, nhưng chính chúng là tu sĩ của cộng đồng! Con biết rõ rằng tại tòa,

Bentivenga đã tuyên bố mình là tông đồ, rồi sau đó hắn cùng Giovannuccio đã quyến rũ các nữ tu, bảo họ rằng địa ngục không tồn tại, rằng có thể thỏa mãn nhục dục mà không tổn hại đến Chúa Trời, rằng thân thể Chúa Trời – Xin Thượng đế tha thứ - có thể được hình thành sau khi một người đàn ông ăn nằm với một nữ tu, rằng cô điếm Magdalen thích nhìn hình Chúa hơn nhìn Thánh nữ đồng trinh Agnes, rằng cái mà người thế tục gọi là Quỷ sứ chính là Thượng đế, vì Quỷ sứ là tri thức và theo định nghĩa thì Thượng đế là tri thức! Sau khi nghe được cuộc nói chuyện này, chính Clare thánh thiện đã mơ thấy một ảo ảnh, trong đó chính Chúa bảo bà rằng chúng là những tín đồ độc ác của Tinh thần Tự do!

- Họ là những Anh em Nghèo khó óc cháy bỏng vì những ảo ảnh y hệt như Clare đã gặp, và giữa hư ảnh xuất thần và cơn cuồng điên tội lỗi thường chỉ cách nhau một bước rất ngắn.

Ubertino xoắn đôi tay áo vào nhau và mắt lại nhòa đi – Đừng nói thế, William. Làm sao con có thể lẫn lộn giây phút yêu thương xuất thần đốt cháy tâm can và ngào ngạt hương nhang với sự hỗn loạn của xác thịt nồng nặc diêm sinh? Bentivenga xúi giục người ta sờ soạng chân tay trần truồng của kẻ khác, hắn tuyên bố đó là cách duy nhất dẫn đến sự tự do thoát khỏi sự ràng buộc của xác thịt, “đàn ông và đàn bà, họ nằm trần truồng với nhau...”

- Nhưng không có một cuộc giao hợp nào.

- Láo! Chúng tìm kiếm lạc thú, và chúng đã tìm thấy. Nếu lòng rạo rực nhục dục và nếu để thỏa mãn nó mà đàn ông, đàn bà ăn nằm với nhau, kẻ này sờ soạng, hôn hít kẻ kia khắp cùng cơ thể, bụng trần áp lên nhau thì chúng chẳng xem đó là tội lỗi!

Thú thực, cách Cha Ubertino bôi xấu tội lỗi của kẻ khác chẳng gọi cho tôi một ý nghĩ đạo đức nào. Thầy tôi hắn đã nhận thấy tâm tư tôi đang bị xáo động nên bèn cắt ngang lời thánh nhân này.

- Thừa Cha, Cha yêu Chúa và căm ghét tội lỗi thấy đều hết sức nồng nhiệt. Ý con muốn nói khi này là giữa sự cuồng nhiệt của thiên thần tối cao và sự cuồng nhiệt của quỷ Lucifer cũng chẳng khác nhau bao xa, vì cả hai đều luôn phát sinh từ cực điểm kích động của ý chí.

-Ồ, có sự khác biệt chứ, và Cha biết mà – Cha Ubertino nói, giọng hưng phấn – Con muốn nói giữa Thiện và Ác chỉ cách nhau một bước rất ngắn, vì đó luôn luôn là nhiệm vụ chỉ đạo lý trí. Quả đúng như vậy. Nhưng sự khác biệt chính là mục tiêu, và mục tiêu thì rất dễ phân định. Chúa phía này, Quỷ phía kia.

- Con e rằng con không còn biết phân biệt thế nào nữa, Cha Ubertino ạ. Chẳng phải bà Angela của Cha đã kể Cha nghe chuyện ngày nọ bà ta xuất hồn thấy mình ở trong mộ của Chúa sao? Chẳng phải bà đã kể, thoát tiên bà hôn ngực Ngài ra sao? Thấy Ngài nhắm mắt lại, rồi bà hôn môi Ngài, từ môi Ngài tỏa ra một hương vị ngọt ngào khôn tả, đoạn một lát sau, bà áp má vào má Ngài và Chúa đưa tay vuốt má bà, ghì sát bà vào người và như bà nói – hạnh phúc của bà trở nên linh thiêng?...

- Điều này thì có ăn nhập gì đến đòi hỏi của xác thịt? - Cha Ubertino hỏi – Đây là một trải nghiệm huyền nhiệm, và thân thể ấy là của Thượng đế của chúng ta.

- Có lẽ con đã quen với cách nghĩ ở Oxford, ở đó thậm chí một trải nghiệm huyền nhiệm cũng là một loại...

- Tất cả là trong đầu, - Cha Ubertino mỉm cười.

- Hay trong đôi mắt. Thượng đế được cảm nhận như ánh sáng trong vật nắng, bóng gương, sắc màu khuếch tán trên những sự vật ngăn nắp, trong ánh ban mai trên lá ướn... Tình yêu này lại không gần gũi với tình yêu của Thánh Francis sao, khi người ca ngợi Thượng đế trong các sinh vật, cỏ hoa, trời nước của người? Con không tin một tình yêu như vậy có thể tạo ra một cạm bẫy nào. Trong khi đó, con nghi ngờ loại tình yêu biến những cơn rung

động do va chạm xác thịt thành cuộc hội thoại với Đấng Toàn Năng...

- William, chớ báng bổ! Hai thứ không phải là một đâu. Con xuất thần cao cả của trái tim yêu Đấng Kitô trên Thập giá khác con xuất thần đòi bại, xấu xa của những tông đồ giả trá của Montefalco một trời một vực...

- Họ không phải là những Tông đồ giả trá, họ là Tu sĩ của Tinh thần tự do, chính Cha đã nói như vậy mà.

- Có khác gì đâu? Con chưa biết hết về phiên tòa mà bản thân Cha chẳng bao giờ dám tường thuật một số lời thú tội nghe được, vì sợ rằng Cha sẽ, dù chỉ trong giây phút thôi, để cho bóng Quỷ dữ dây vào không khí thiêng liêng mà Clare đã tạo ra ở đó. Nhưng William ạ, Cha đã nắm chắc một số điều, một số việc. Ban đêm, chúng tụ tập bên dưới hầm, bắt theo một hài nhi mới sinh, chúng ném chuyển hài nhi đó từ đĩa này sang đĩa kia cho đến khi đĩa trẻ chết vì những cú tung hứng bầm dập ... hay vì nguyên do khác... kẻ nào đón bắt được hài nhi khi nó trút hơi thở cuối cùng sẽ trở thành tên giáo chủ. Rồi thi thể đĩa trẻ sẽ bị xé thành từng mảnh vụn, đem trộn với bột mì để làm những chiếc bánh cho bữa tiệc báng bổ.

- Cha Ubertino – thầy William nói rần rỏi – cách đây nhiều thế kỉ, các giám mục Armenie đã nói đến những việc như thế này, những việc liên quan đến giáo phái của bọn Pauli và bọn Bogomil.

- Thế thì đã sao? Quỷ rất ương ngạnh, hấn vẫn giương cạm bẫy và quyến rũ theo một kiểu cũ, cứ một nghìn năm lại lặp lại các nghi lễ xưa, hấn muôn đời vẫn chẳng thay đổi, và chính nhờ đó ta nhận ra hấn là kẻ thù! Cha thề với con rằng vào đêm Phục sinh, chúng đã châm nến và dắt các trinh nữ xuống hầm. Rồi chúng thổi phụt nến đi và nhảy dè lên các cô gái, thậm chí dù các cô có liên hệ huyết thống với chúng đi nữa... Và nếu có một đĩa trẻ được sinh ra từ cuộc giao hợp đó, một buổi lễ quỷ quái khác sẽ được tổ chức quanh một bình rượu vang nhỏ mà chúng gọi là vại. Chúng nhậ nhệ say sưa và cắt đĩa trẻ thành từng mảnh, dốc máu nó nhỏ vào cốc, rồi ném

đứa trẻ còn sống vào lửa và hòa tro cốt đứa trẻ với máu của nó đem uống!

- Nhưng Michael Psellus đã viết về việc này trong quyển sách về hoạt động của Quỷ, cách đây cả trăm năm rồi! Ai kể Cha nghe những việc như thế?

- Bọn chúng. Chính Bentivenga và đồng bọn kể, khi bị khảo hình.

- Chỉ có một thứ khơi dậy thú tính còn hơn cả khoái lạc, đó chính là sự đau đớn. Khi bị tra tấn, ta có cảm giác như thể đang chịu tác dụng của các loại dược thảo gây ảo giác. Tất cả những điều ta được nghe kể lại, cả những thứ ra đã đọc đều hiện về trong tâm trí ta, như thể người ta đang chuyển mình đi, không phải lên thiên đường, mà là xuống địa ngục. Khi bị tra tấn, ta không chỉ nói những điều mà phán quan muốn ta nhận mà cả những điều ta nghĩ sẽ khiến lão vui lòng, vì giữa ta và lão đã xác lập một sợi dây liên hệ quỷ quái.. Con có biết những điều này, Cha Ubertino ạ; con cũng đã từng theo phe tin rằng họ có thể tìm ra sự thật nhờ những thanh sắt nung đỏ. Thôi được, hãy nghe con nói, sự thật trong trắng hùng phát từ một ngọn lửa khác. Khi bị tra tấn, có lẽ Bentivenga đã nói những điều láo toét ngu xuẩn nhất, vì khi đó không phải là bản thân hắn đang nói, mà chính lòng ham muốn, quỷ dữ trong tâm hồn hắn, đang nói.

- Lòng ham muốn?

- Phải, có sự ham muốn con đau, khi ta có sự ham muốn được ngưỡng mộ, và thậm chí sự ham muốn điều hèn mọn. Nếu các thiên thần nổi loạn dễ dàng bỏ đạo và đòi thanh bần để chống đạo và sống đời kiêu ngạo thì chúng ta có thể trông đợi gì ở người trần mắt thịt? Đó, bây giờ Cha đã hiểu: chính suy nghĩ này ám ảnh con suốt thời gian làm phán quan. Và đây chính là nguyên nhân khiến con rời nhiệm vụ. Con không đủ can đảm điều tra sự yếu đuối của kẻ ác, vì con khám phá rằng nó cũng giống hệt sự yếu đuối của Thiên thần.

Ubertino lắng nghe lời cuối của thầy William như thể chẳng hiểu gì hết. Căn cứ vào nét mặt lộ vẻ tội nghiệp đầy trù mến của Cha, tôi biết ông xem

thầy William như nạn nhân của những cảm tính tội lỗi mà ông muốn tha thứ vì ông yêu thầy tôi vô cùng. Cha ngắt lời thầy, đoạn cay đắng nói:

- Không sao cả. Nếu con cảm thấy thế, con từ chức là đúng. Cần phải chống lại cảm dỗ. Tuy nhiên, lúc đó Cha vẫn thiếu sự ủng hộ của con; nếu có, hẳn Cha đã có thể đánh tan tác bọn chúng. Ngược lại, con biết việc xảy ra chứ, bản thân Cha bị buộc tội đã nương tay với chúng, và họ nghi ngờ Cha là kẻ lạc đạo. Con cũng yếu đuối trong trận chiến với lũ ác. Tội ác, William hỡi! Chẳng lẽ tội ác – cái bóng tối, cái vực thẳm ngăn chúng ta không đến được nguồn thánh – sẽ cứ mãi mãi tiếp diễn sao? – Cha tiến sát vào thầy William hơn nữa, như thể e sợ ai đó sẽ nghe trộm.

- Cả ở đây nữa, thậm chí lẫn trong những bức tường nhà nguyện thiêng liêng này nữa, con biết không?

- Con biết. Cha Bê trên đã nói chuyện với con; thú thực, Cha nhờ con giúp Cha soi sáng vụ này.

- Thế thì con hãy quan sát, điều tra, lấy mắt linh miêu xem xét cả hai hướng: tính dâm dục và lòng kiêu ngạo...

- Tính dâm dục à?

- Phải, tính dâm dục. Có một vẻ gì đó... đàn bà, và do đó rất ma quỷ, trong chàng trai vừa mới chết. Gã có đôi mắt của một cô gái muốn giao cấu với thần ác mộng. Nhưng Cha cũng nói đến “lòng kiêu ngạo”, lòng kiêu ngạo của kẻ trí thức, trong tu viện này nó được thánh hóa với lòng kiêu hãnh về chữ nghĩa, với ảo tưởng về trí tuệ.

- Nếu Cha biết điều gì đó, xin hãy giúp con.

- Cha không biết gì hết. Nhưng tim Cha linh cảm một vài điều. Hãy để trái tim con nói. Hãy dò xét khuôn mặt và chớ tin vào miệng lưỡi người... Nhưng thôi, tại sao Cha cứ phải nói những chuyện đau buồn làm anh bạn trẻ này hoảng sợ chứ? – Đôi mắt xanh nhạt của ông nhìn tôi, những ngón tay trắng, dài, mơn trớn má tôi và suýt nữa tôi giật lùi lại theo bản năng của

mình. Tôi cố kiềm chế và quả thực nếu không làm thế hẳn Cha đã giận, Cha nào có tà ý gì. Cha quay sang thầy William – Hãy kể về con đi. Từ dạo đó, con đã làm gì? Đã...

- Mười tám năm rồi, con trở về quê hương. Tiếp tục học ở Oxford. Nghiên cứu thiên nhiên.

- Thiên nhiên tốt lành vì cô là con gái Thượng đế.

- Và Thượng đế hẳn phải tốt lành, vì Người đã sinh ra Thiên nhiên, - thầy William mỉm cười nói – Con nghiên cứu, gặp gỡ vài người bạn rất khôn ngoan. Rồi con quen Marsilius, các tư tưởng của ông về đế chế, con người, về một qui luật mới cho các vương quốc trên thế gian hấp dẫn con, và cuối cùng, con gia nhập nhóm Tu sĩ đang cố vấn cho Hoàng đế. Nhưng Cha đã biết những việc này: Con có viết cho Cha mà. Tại Bobbio, con rất mừng khi họ bảo Cha có mặt nơi đây. Chúng con cứ nghĩ Cha đã lạc mất rồi. Nhưng bây giờ có Cha bên chúng con, Cha có thể sẽ giúp đỡ con nhiều trong vài ngày tới, khi Cha Michael đến. Đó sẽ là một cuộc chạm trán khắc nghiệt với Berengar Talloni. Con tin chắc chúng ta sẽ có vài cuộc vui.

Ubertino nhìn thầy, cười gượng – Cha chẳng biết khi nào thì dân Anh các con nói chuyện nghiêm túc cả. Chẳng có gì vui thú trong một vấn đề nghiêm trọng như thế này. Vận mạng dòng tu của con, mà thực tâm, cũng là dòng tu của Cha nữa, đang bị đe dọa. Nhưng Cha sẽ khẩn cầu Michael đừng đi đến Avignon. John cần ông ta, lòng kiêu, mời mọc ông ta quá sức khẩn khoản. Chớ tin lão già người Pháp ấy. Ôi, hỡi Thượng đế. Giáo hội của Người đã rơi vào tay kẻ nào đây! – Ông quay sang hướng bàn thờ. – Ngày xuất hiện của bọn Phản giáo cuối cùng đã gần kề, và Cha sợ quá, William ôi! – Ông nhìn quanh, mắt nhìn trừng trừng vào những hốc tối, như thể bọn Phản giáo sẽ hiện ra bất kỳ lúc nào và thực bụng tôi cũng mong sẽ thấy được một tên – Bọn đồng đảng của chúng đã được phái đến đây như Chúa phái tông đồ xuống thế! Chúng đang dẫm lên thành phố Thánh, dùng trò

xảo quyết, đạo đức giả và bạo lực để quyến dụ người. Chính lúc đó, Chúa sẽ phái tôi tớ của người là Elijah và Enoch, những người đã được Chúa cho sống trên thiên đàng hạ giới, để một ngày kia sẽ tiêu diệt bọn Phản giáo. Họ sẽ đến, mặc bao tòi, ban lời tiên tri, bằng lời nói và tấm gương của mình, giảng về sự sám hối...

- Họ đã đến rồi đó, Cha Ubertino – thầy William nói, tay chỉ về chiếc áo dòng Francisco.

- Nhưng họ chưa chiến thắng; giờ là lúc bọn Phản giáo tức giận điên cuồng ra lệnh đem giết Enoch và Elijah, bêu xác họ cho mọi người thấy, để mọi người sợ không dám làm theo nữa. Cũng như chúng sẽ mưu giết Cha vậy... Lúc đó, tôi kinh hoàng nghĩ Ubertino đang lên cơn cuồng thánh và tôi ái ngại cho sự suy xét của ông. Giờ đây, đã qua nhiều năm, và biết được rằng hai năm sau đó ông đã bị giết một cách bí ẩn tại một thành phố Đức, và hung thủ đã bắt tằm; tôi càng kinh hãi hơn nữa, vì rõ ràng trong đêm ấy Ubertino đã phán những lời tiên tri.

Ubertino đưa tay lên trán, dường như để xóa đi một giấc mơ u ám. Ông thở hắt hắt, mệt mỏi – Chúng ta vẫn đang đợi đức Giáo hoàng Thánh thiện... Trong những lúc này, Francis và Dominic đã xuất hiện – Ông ngược mắt lên trời và nói như thể cầu nguyện, nhưng tôi biết chắc ông đang trích đọc một trang trong quyển sách vĩ đại của ông về “*Cây của sự sống*” – Người thứ nhất trong số họ được gột rửa bằng sự thử thách thánh thần, và dường như cháy sáng bằng sức nóng trên trời. Người thứ hai, nhờ có những lời giảng rục rịch hơn những tối tăm của thế gian. Vâng, đó là những điều hứa hẹn: Đức Giáo hoàng Thánh thiện phải đến thôi.

- Và sẽ như thế, thưa Cha Ubertino – thầy William nói – Trong lúc này, con đến đây để ngăn ngừa sự truất phế vị hoàng đế của trần gian. Đức Giáo hoàng Thánh thiện của Cha đã được Fra Dolcino giảng...

- Không được nhắc đến tên của con rắn ấy nữa, - Ubertino hét lên và lần

đầu tiên tôi thấy nỗi buồn của ông biến thành cơn thịnh nộ - Hấn đã làm ô uế lời giảng của Joachim, biến chúng thành vũ khí giết người tanh tươi! Nếu có một sứ giả của bọn Phản giáo, ấy chính là hấn! Còn William, con nói như vậy vì con không thực tin vào sự xuất hiện của bọn Phản giáo, và các thầy của con ở Oxford đã dạy con tôn thờ lý trí và làm khô kiệt khả năng tiên tri của quả tim con rồi!

- Cha lầm rồi, - thầy William nghiêm trang đáp lại – Cha biết rằng trong số các thầy học của con, con kính trọng Roger Bacon hơn cả...

- Người mà nhiệt thành nói về máy bay, - Ubertino chua chát lắm lắm.

- Đó là người nói rất rõ và điềm tĩnh về bọn Phản giáo. Người ý thức được tầm quan trọng của tội lỗi thế gian, và nền học vấn suy đồi. Tuy nhiên, người dạy rằng chỉ có một cách duy nhất ngăn kẻ Phản giáo đến là nghiên cứu sự bí mật của tự nhiên, dùng kiến thức để làm nhân loại tốt đẹp hơn. Chúng ta có thể chuẩn bị chiến đấu chống bọn Phản giáo bằng cách nghiên cứu khả năng chữa bệnh bằng dược thảo, tiềm năng của đá và thậm chí chế tạo những máy bay mà Cha cười chế nhạo.

- Bọn Phản giáo của thầy Bacon của con là một cái cớ để gieo mầm kiêu ngạo của giới trí thức.

- Một cái cớ thần thánh.

- Chẳng có cái cớ nào gọi là thần thánh cả, William ạ; con biết Cha rất thương con, và Cha vô cùng tin tưởng con. Hãy hủy diệt trí tuệ của con đi, hãy học cách khóc vì những vết thương của Chúa và hãy ném sách của con đi.

- Con sẽ tận tâm chỉ đọc sách của Cha mà thôi, - thầy William cười nói.

Ubertino cũng mỉm cười, ngón tay ông lắc lư đe dọa. – Này người Anh ngu ngốc. Chớ có cười nhạo bằng hữu của con quá thế. Những người con không yêu thì cũng nên yêu, hay nếu có thể, hãy sợ họ. Và khi ở tu viện này hãy cảnh giác. Cha không thích nơi đây.

- Thú thực con muốn hiểu rõ hơn – thầy William nói, rồi đứng dậy chia tay – Thôi đi, Adso.

- Cha bảo con nơi này không tốt, và con bảo con muốn biết nó hơn nữa. Chà chà! – Ubertino bắt đầu nói.

- Này, - thầy William nói, khi đã đi quá nửa gian giữa của giáo đường – Ai là vị tu sĩ trông như con thú mà nói ngôn ngữ như tháp Babel vậy?

- Salvatore ư? – Ubertino khi ấy đã quỳ xuống, bèn quay lại – Cha nghĩ rằng người ấy là quà tặng của Cha gửi đến tu viện này...cùng với viên quản hầm. Khi Cha xếp chiếc áp tu dòng Francisco riêng ra, Cha trở lại tu viện cũ của Cha ở Casale một thời gian, và ở đó Cha gặp các tu sĩ khác đang trong cảnh khó khăn vì cộng đồng khép tội họ là các tu sĩ thuộc giáo phái Thánh thần của giáo xứ Cha, như cách họ gọi. Cha cố gắng giúp đỡ họ, xin phép cho họ được theo gương Cha và Cha gặp hai tu sĩ Salvatore và Remigio. Tại đây, khi Cha đến năm ngoái, Salvatore quả thật trông giống thú, nhưng lại sốt sáng lắm.

Thầy William ngần ngừ một thoáng – Con nghe Huynh ấy nói “Hãy ăn năn sám hối”.

Ubertino im lặng. Ông khua tay, dường như để xua đi một ý nghĩ vương vίου, - Không, Cha không tin vậy. Con hiểu những anh em bình dân là những người như thế nào. Họ là những dân quê, có lẽ nghe một lão giảng đạo rao truyền điều gì đó mà không ý thức mình đang nói gì. Đối với Salvatore, Cha phải trách mắng những điều khác nữa: đó là một con thú tham lam và ham hố. Nhưng không có gì, không có gì chống lại chính thống giáo cả. Không, tu viện này mắc một căn bệnh khác: hãy truy tìm nó trong những người biết quá nhiều, chớ đừng tìm ở những kẻ thất học. Đừng xây tòa lâu đài nghi ngờ trên một lời nói.

- Con sẽ không bao giờ làm thế - thầy William đáp – Con xin từ nhiệm chức phán quan chính vì muốn tránh khỏi làm như thế, nhưng con cũng thích

lắng nghe những lời nói, rồi suy nghĩ về chúng.

- Con suy nghĩ quá nhiều đấy con ạ - Ubertino nói và quay sang tôi – Chớ theo gương xấu của thầy con nhé. Điều duy nhất cần suy nghĩ và điều ta nhận chân được ở cuối đời mình - ấy là cái chết. Chết là sự yên nghỉ cho người đi đường, sự chấm dứt mọi hoạt động. Giờ hãy để Cha cầu nguyện nhé.

Chú thích:

[1] *Theo Thánh kinh, Babel là thành phố ở Shinar, nơi đó con cháu Noah cố dựng lên một ngọn tháp cao đụng trời. Chúa bèn phạt những kẻ xây dựng tảo bạo này bằng cách làm cho họ đột nhiên nói nhiều ngôn ngữ khác nhau, và do đó họ không hiểu nhau được nữa.*

[2] *Firma Cautela*

[3] *Ad conditorem canonum*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

GẦN GIỜ KINH XÉ TRƯA & SAU KINH XÉ TRƯA

*Cuộc mạn đàm uyên bác
giữa William
và dược thảo sư Severinus*

Chúng tôi xuống đến gian giữa Giáo đường và theo lối cổng vào ban nãy đi ra ngoài. Đầu tôi vẫn còn vang vọng tất cả những câu nói của Ubertino.

- Người ấy... thật kỳ quặc, - tôi rụt rè nói với thầy William.

- Ông ấy là, hay đã từng là, một người vĩ đại trên nhiều phương diện. Nhưng chỉ vì nguyên do đó mà ông trở nên kỳ quặc. Chỉ có kẻ bần tiện mới bình thường. Ubertino có thể trở thành một trong những tên lạc đạo mà ông đã đưa lên giàn hoả, hay một Giáo chủ trong Giáo hội La Mã. Ông đến rất gần cả hai thái cực suy đồi đó. Khi ta nói chuyện với Ubertino, ta có ấn tượng rằng địa ngục là thiên đường nhìn từ một phía khác.

Tôi không nắm kịp ý thầy, bèn hỏi - Từ phía nào ạ?

- À, đúng thế, - thầy William nhận thức sự kiện – Đây là việc nhận biết xem có nhiều phía hay không, hoặc phải chăng chỉ có một khối toàn vẹn. Nhưng chớ để ý ta, và đừng nhìn cánh cửa nữa - Thầy nói và gõ nhẹ lên gáy tôi, khi tôi quay lại nhìn những hình tượng tạc mà tôi đã trông thấy lúc mới vào – Hôm nay chúng đã làm con đủ khiếp hãi rồi.

Khi tôi ngoái nhìn cổng vào, tôi trông thấy trước mặt một tu sĩ khác. Có lẽ trạc tuổi thầy William. Ông cười và niềm nở chào thầy trò tôi. Ông tự giới thiệu là Severinus, dược thảo sư, phụ trách nhà tắm, bệnh xá, vườn tược, và

sẽ nhận mệnh lệnh của chúng tôi, nếu chúng tôi muốn tìm hiểu đường đi trong tu viện.

Thầy William cảm ơn và bảo rằng khi mới đến tu viện, thầy đã chú ý đến khu vườn xinh đẹp không chỉ trồng các loại rau ăn được, mà còn có các loại thảo dược nữa.

- Hạ sang, Xuân về, với đủ các chủng loại cây, mỗi loài rộ đua sắc, khu vườn ca vang lời xưng tụng Thượng đế - Severinus nói, hơi nuối tiếc – nhưng ngay trong tiết Đông này, đôi mắt của dược thảo sư vẫn nhìn xuyên qua các cành cây khô, nhận ra các loại cây sắp mọc, và có thể bảo Huynh rằng khu vườn này phong phú hơn bất kỳ vườn dược thảo nào, nhiều màu sắc hơn, đẹp như các minh họa trên các cột đá. Ngoài ra, những loài dược thảo quý cũng mọc trong mùa Đông, và tôi giữ các thứ thuốc hái được khác để sẵn trong các nồi ở phòng thí nghiệm. Cứ như thế, tôi dùng rễ cây me chua đất để chữa bệnh viêm xuất huyết, nước sắc rễ cây althea làm băng dán các bệnh ngoài da, đá mài chữa chàm, chặt và nghiền thân rễ cây rắn thành thuốc trị tiêu chảy và một số bệnh phụ khoa. Tiêu cũng là một loại thuốc tiêu hoá khác...

- Làm thế nào Huynh có nhiều dược thảo phong phú thích hợp với các loại khí hậu khác nhau?

- Một mặt, nhờ Thượng đế xếp bình nguyên của chúng tôi vào giữa vùng đồng cỏ phía Nam trông ra biển đón gió ấm, phía Bắc trông lên núi cao, hướng về rừng. Mặt khác, nhờ nghệ thuật, tôi đã học lăm bẫm được theo ý các thầy tôi. Một số cây thậm chí vẫn mọc trái mùa được. Nếu Huynh để ý chăm sóc đến địa hình quanh chúng, tưới nước vun phân và theo dõi sự tăng trưởng.

- Nhưng Huynh cũng trồng các loại cây chỉ để ăn cho bồ phải không? - tôi hỏi.

- Chà, chú ngựa non của tôi, không có loại cây nào ăn bồ mà không giúp

chữa bệnh tốt cả, với điều kiện phải biết dùng đúng liều lượng. Chỉ khi dùng quá liều mới gây bệnh. Hãy xét loại bí. Bản chất nó mát, nhiều nước và giải nhiệt, nhưng nếu chú ăn bí thối thì sẽ bị tiêu chảy và phải cột ruột bằng một miếng keo làm bằng nước muối và mù tạc. Thế còn hành tây? Nóng và nhiều nước, nếu dùng lượng nhỏ, chúng sẽ giúp cường dương, nhưng dùng liều cao sẽ khiến nặng đầu, phải chữa bằng sữa và giấm – Ông ranh mãnh nói thêm. – Đó là lý do tại sao một tu sĩ trẻ phải ăn in ít hành thôi. Thay vào đó nên ăn tỏi. Tỏi nóng và khô, chống ngộ độc. Nhưng đừng lạm dụng ăn nhiều quá, vì nó khiến óc mất tính khôi hài. Ngược lại, đậu ăn lợi tiểu và sinh mỡ, là hai điều rất tốt: nhưng chúng gây ác mộng. Tuy nhiên, vẫn ít hại hơn các loại cây khác. Cũng có vài loại thực sự khơi dậy những ảo giác tội lỗi.

- Loại nào? – tôi vồn vã hỏi.

- Ái dà, chú tu sinh của chúng ta muốn biết nhiều quá. Có những điều chỉ duy nhất dược thảo sư được biết mà thôi; nếu không bất kỳ kẻ vô tâm nào cũng có thể đi đây đó để tạo ra ảo giác, nói cách khác, họ có thể khoác lác về những cây thuốc.

- Nhưng Huynh chỉ cần một nhúm tầm ma - Thầy William nói – hay cây Olieribus là khỏi thấy ảo giác. Hy vọng Huynh có một ít cây thuốc quý này. Severinus liếc trộm thầy William – Huynh cũng quan tâm đến ngành dược thảo à?

- Qua loa thôi, - thầy William khiêm tốn trả lời - Từ khi tôi tình cờ đọc quyển “*Thao trường rèn luyện sức khỏe*”

[1] của Ububchasym de Baldach... Tôi không biết ở đây có bản đó không?

- Một trong những tác phẩm đẹp nhất. Có rất nhiều minh họa chi tiết.

- Lạy Chúa. Và còn quyển “*Sức mạnh của cỏ cây*” [2] của Platearius?

- Quyển đó cũng có nữa. Và quyển “*Về cây*” [3] và quyển “*Về rau cỏ*” [4] của Aristotle đã được dịch bởi Alfred de Sareshel.

- Tôi cũng được biết Aristotle không thực sự viết công trình đó, - thầy William nhận xét - Người ta còn khám phá rằng ông không phải là tác giả quyển “*Nguyên nhân*” [5] nữa.

- Dầu sao chẳng nữa, đó quả là quyển sách vĩ đại, - Severinus nhận định, và thầy tôi nhất trí ngay không hỏi thêm xem được thảo sư đang nói đến quyển “*Về rau cỏ*” hay quyển “*Nguyên nhân*”. Cả hai quyển sách đó tôi đều không biết, nhưng theo cuộc đối thoại trên, tôi đoán rằng chúng hẳn độc đáo lắm.

- Tôi rất vui mừng, - Severinus kết luận - được nói chuyện trực tiếp với Huynh về được thảo.

- Tôi lại còn vui hơn Huynh nữa, nhưng phải chăng chúng ta đang vi phạm luật giữ bí mật do dòng tu của Huynh đặt ra?

- Luật đó đã được áp dụng nhiều thế kỷ nay, theo yêu cầu của các cộng đồng khác nhau. Luật qui định được phép nghe giảng nhưng không được nghiên cứu. Tuy nhiên, Huynh biết dòng tu của chúng tôi đã tăng cường nghiên cứu việc đạo và đời như thế nào. Luật này cũng qui định thiết lập một tịnh xá tập thể, nhưng thỉnh thoảng các tu sĩ, cũng như chúng tôi, được quyền tĩnh tâm ban đêm, do đó phải dành cho từng người một phòng riêng. Luật rất khắt khe về việc giữ bí mật, vì trong số chúng tôi ở đây, không chỉ những tu sĩ làm việc chân tay, mà cả những người trí thức, cũng không được phép trò chuyện với các anh em khác. Nhưng chức danh đầu tiên và tối cao của tu viện chính là cộng đồng của các học giả. Và việc tra dồi các kho tàng trí thức tích lũy được thường rất hữu ích cho các tu sĩ. Tất cả các cuộc trò chuyện về học vấn đều được xem là hợp lệ và có lợi, với điều kiện không được nói chuyện trong phòng ăn hay trong các giờ thánh lễ.

- Huynh có thường nói chuyện với Adelmo không? - thầy William đột nhiên hỏi.

Severinus không lộ vẻ ngạc nhiên – Tôi biết Cha Bè trên đã nói chuyện với Huynh. Không, tôi hiếm khi nói chuyện với Huynh đó. Huynh ấy chăm chú

vào việc minh họa. Thế nhưng tôi cũng có dịp nghe Huynh ấy nói chuyện với các tu sĩ khác, chẳng hạn như Venantius hay Jorge về chuyên môn của mình. Ngoài ra, ban ngày tôi không làm việc ở phòng thư tịch mà ở phòng thí nghiệm của tôi – Ông hát hàm về phía bệnh xá.

- Tôi hiểu rồi, như thế Huynh không biết rõ Adelmo có bị ảo giác hay không?

- Ảo giác à?

- Giống như các loại ảo giác do dược thảo mà Huynh nói gây ra ấy mà.

Severinus sượng cứng người lại – Tôi đã nói với Huynh rằng tôi cất giữ tất cả các cây độc hại hết sức cẩn thận mà.

- Tôi không định ám chỉ điều đó, - thầy William vội vã biện bạch. - Tôi đang nói đến các ảo giác một cách tổng quát.

- Tôi không hiểu Huynh – Severinus nhấn mạnh.

- Tôi đang nghĩ đến khả năng một tu sĩ ban đêm lang thang trong Đại dinh, nơi mà Cha Bề trên đã từng công nhận những điều kinh khủng có thể xảy ra... cho những ai dám đột nhập vào giờ cấm... À, như tôi nói, tôi đang suy nghĩ đến khả năng Huynh ấy bị các ảo giác ma quỷ ám nhập, xúi giục đi đến vách núi đá đó.

- Tôi đã thưa với Huynh: tôi chỉ đến phòng thư tịch khi cần đọc sách, nhưng thường thì tôi có tập mẫu cây cất trong bệnh xá. Như đã nói, Adelmo rất gần gũi với Jorge, Venantius và ... dĩ nhiên là với Berengar.

Ngay cả tôi cũng cảm nhận được vẻ ngập ngừng trong giọng nói của Severinus. Điều đó cũng không thoát được mắt thầy tôi.

- Berengar ư? Và tại sao lại “dĩ nhiên”?

- Berengar là phụ tá quản thư viện. Họ cùng trang lứa, đã cùng là tu sinh với nhau, họ có nhiều điều để chuyện trò với nhau cũng là việc bình thường. Đó là điều tôi muốn nói.

- À, đó là điều Huynh muốn nói - thầy William lặp lại. Tôi ngạc nhiên thấy

thầy không theo đuổi đề tài này nữa mà khéo léo chuyển sang chuyện khác – Có lẽ đã đến lúc chúng ta đi thăm Đại dinh. Huynh có vui lòng dẫn đường chúng tôi không?

- Rất vui lòng, - Severinus nói, lòng mừng rỡ được thoát câu chuyện. Ông dẫn chúng tôi đi dọc theo khu vườn đến cửa Tây của Đại dinh.

- Đối diện với khu vườn là cánh cửa dẫn vào nhà bếp, nhưng nhà bếp chiếm phân nửa tầng trệt, mặt Tây; nửa mặt kia là nhà ăn. Ở cổng phía Nam mà Huynh có thể vào từ phía sau, chỗ dành cho ca đoàn trong giáo đường, còn có hai cánh cửa khác dẫn vào nhà bếp và phòng ăn. Nhưng ta có thể vào lối này, và từ nhà bếp, ta có thể sang tiếp nhà ăn.

Khi bước vào nhà bếp rộng bao la, tôi mới nhận thức được toàn bộ chiều cao của toà Đại dinh nằm trong khuôn viên khối bát giác. Về sau, tôi mới hiểu rằng, đó là một loại giếng không lồ không có lối vào, trên mỗi tầng mở ra những cửa sổ rộng, như các cửa sổ ở mặt ngoài. Nhà bếp là một sảnh đường rộng mênh mông ngập ngụa khói. Nhiều tôi tớ đang bận rộn sửa soạn thức ăn cho bữa tối. Trên một chiếc bàn lớn, hai người đang làm một cái bánh bằng đậu, lúa mạch, yến mạch, mạch đen, củ cải xắt nhỏ, cải đường, cải xoong, và cà rốt. Gần đó, một đầu bếp khác vừa ngâm xong vài con cá vào một dung dịch tổng hợp rượu vang và nước, rồi rưới lên chúng một loại nước sốt có lá sô thơm, rau mùi tây, húng tây, tỏi, tiêu và muối. Bên dưới ngọn tháp phía Tây có một cái lò không lồ dùng để nướng bánh mì đang rực đỏ. Trong ngọn tháp phía Nam có một lò sưởi thật lớn, trong đó người ta đang đun những cái nồi lớn sùng sục và trở các xiên thịt nướng. Những người chần lợn vừa bước vào qua cánh cửa mở ra khu chuồng lợn sau giáo đường, mang theo thịt heo vừa mổ. Chúng tôi ra ngoài cũng bằng cửa đó để bước vào khuôn sân ở rìa phía Đông của bình nguyên, sát bức tường, nơi có nhiều dãy chuồng. Severinus giải thích cho tôi biết dãy đầu là chuồng lợn, rồi tới chuồng ngựa, chuồng bò, chuồng gà và sân có mái để

nuôi cừu. Phía ngoài chuồng lợn, các người chăn lợn đang khuấy một vại lớn đựng huyết lợn, vừa mới mở để huyết khỏi đông lại. Nếu khéo khuấy, huyết sẽ lỏng trong vài ngày nữa, nhờ thời tiết lạnh, và họ sẽ dùng nó làm tiết canh. Lúc quay vào Đại dinh và khi đi ngang qua nhà ăn, trên đường đến ngọn tháp phía Đông, chúng tôi liếc nhanh vào phía trong. Nhà ăn trải dài giữa hai ngọn tháp, trong ngọn tháp phía Bắc có một lò sưởi, ngọn tháp kia có một cầu thang xoắn ốc dẫn lên phòng thư tịch trên lầu. Các tu sĩ dùng cầu thang này để lên làm việc mỗi ngày hoặc họ có thể dùng hai cầu thang khác, tuy không tiện lợi bằng, nhưng rất âm áp vì được xây theo hình tròn ốc bên trong lò sưởi này và trong lò bánh của nhà bếp. Thầy William hỏi xem chúng tôi có thể gặp ai ở phòng thư tịch không, vì hôm đó là Chủ nhật. Severinus mỉm cười đáp rằng, đối với tu sĩ dòng Benedict, công việc chính là cầu nguyện. Vào chủ nhật, giờ đọc kinh kéo dài hơn, nhưng các tu sĩ được giao công việc về sách vở vẫn làm việc vài giờ ở trên đó. Thường họ dành thời giờ để trao đổi với nhau các nhận định, lời khuyên và tư tưởng uyên bác, bổ ích trong Thánh kinh.

Chú thích

[1]. "*Theatrum Sanitatis*"

[2]. "*De virtutibus herberum*"

[3]. "*De plantis*"

[4]. "*De vegetalibus*"

[5]. "*De causis*"

**** ***** *****

SAU KINH XẾ TRƯA

*Thăm phòng thư tịch,
gặp gỡ nhiều học giả,
người sao chép và ghi đề mục,
cùng một tu sĩ già, mù
đang chờ đợi bọn Phản giáo.*

Khi chúng tôi leo lên lầu, tôi trông thấy thầy tôi đang quan sát các cửa sổ rọi ánh sáng cho cầu thang. Có lẽ tôi đang trở nên khôn ngoan như thầy, vì tôi lập tức nhận thấy vị trí của cửa sổ rất khó cho người leo đến. Mặt khác, các cửa sổ của nhà ăn, vốn là các cửa sổ duy nhất ở tầng trệt trông xuống vách núi đá, dường như cũng rất khó leo đến, vì dưới cửa sổ chẳng có một loại đồ đạc nào.

Khi lên hết cầu thang, chúng tôi đi xuyên qua ngọn tháp phía Bắc và bước vào phòng thư tịch, rồi tôi bật lên tiếng kêu thán phục. Tầng này không ngăn làm đôi như tầng dưới, do đó, trước mặt tôi dàn trải toàn bộ không gian bao la của nó. Trần uốn cong, không cao quá, chống đỡ bằng các cột chắc chắn, ôm lấy một không gian chan hoà thứ ánh sáng đẹp nhất tràn vào từ ba cửa sổ khổng lồ, dọc theo mỗi chiều dài, từ các cửa sổ nhỏ hơn trên mỗi mặt ngoài của tháp, và từ tám cửa sổ cao hẹp đón ánh sáng từ khối giếng trung tâm hình bát giác.

Số lượng cửa sổ nhiều như vậy cho thấy gian phòng lớn sẽ thường xuyên rạng rỡ ánh sáng ngay cả vào buổi chiều Đông. Các ô cửa không sơn màu như cửa sổ ở giáo đường, và những tấm kính hình vuông trong suốt, khung bằng chì, cho tràn vào một thứ ánh sáng tinh khiết nhất, không hề bị ảnh

hưởng bởi nghệ thuật của con người, và như thế giúp ánh sáng đạt được mục đích của mình là soi rọi cho những người đang đọc, đang viết. Trước đây, và tại nhiều nơi khác, tôi đã được thăm nhiều phòng thư tịch: nhưng chưa có nơi nào, trong làn ánh sáng chân thật tràn vào làm bừng sáng căn phòng, lại chiếu rọi đến như vậy, các nguyên lý tinh thần, vốn là hiện thân của ánh sáng, và sự rực rỡ, vốn là nguồn cội của tất cả các vẻ đẹp và học thức: thành tố gắn liền với sự cân đối, thể hiện trong cấu trúc căn phòng. Vì để tạo thành cái đẹp cần có ba yếu tố: trước hết là tính toàn vẹn hay toàn thiện, và vì lý do này, tất cả các sự vật không đầy đủ được xem là xấu; kế đó là sự cân đối hay sự hài hòa; cuối cùng là ánh sáng và sự rõ ràng, và quả thật chúng ta gọi các vật thể đẹp là các vật thể có màu sắc rõ ràng, xác định. Do cái đẹp tượng trưng cho sự yên hòa và do cái thiện, cái đẹp, cái yên hòa xoa dịu tâm hồn con người, bản thân tôi chợt cảm thấy một niềm vỗ về bao la, và tôi nghĩ rằng được làm việc nơi đây hẳn phải thích thú lắm.

Vào buổi chiều hôm ấy, trước mắt tôi hiện ra một phòng làm việc nghiên cứu thật vui vẻ. Sau này, tại thư viện thánh Gall, tôi có trông thấy một phòng thư tịch với cấu trúc tương tự và cũng tách biệt khỏi thư viện, nhưng không sắp xếp đẹp đẽ như ở đây. Các nhà nghiên cứu cổ học, quản thư viện, người ghi đề mục, và các học giả đang ngồi tại bàn giấy của mình, dưới mỗi cửa sổ lại có một bàn giấy. Vì có bốn mươi cửa sổ, bốn mươi tu sĩ có thể làm việc cùng một lúc, mặc dầu lúc đó có lẽ chỉ có khoảng ba mươi người mà thôi. Severinus giải thích rằng các tu sĩ làm việc ở phòng thư tịch được miễn dự các giờ kinh Xế sáng, kinh Trưa và kinh Xế trưa, do đó, ban ngày, họ không phải rời nơi làm việc, và họ chỉ ngưng công việc khi hoàng hôn xuống để dự kinh Chiều.

Các chỗ sáng nhất được dành riêng cho các nhà nghiên cứu cổ học, các chuyên gia minh họa giỏi nhất, các người viết đề mục và sao chép. Mỗi bàn giấy có đủ các vật dụng cần thiết cho việc sao chép và minh họa: sừng đựng

mực, bút lông ngỗng đẹp mà vài tu sĩ đang chuốt bằng dao mỏng, đá bọt để vuốt giấy da, thước để kẻ hàng trên giấy. Trên đầu bàn giấy hơi dốc, bên cạnh người viết, có một bọc đặt bản sách chép tay sắp được sao lại, trang sách được phủ bằng một tờ giấy có đục một khe nhỏ đóng khung dòng chữ đang được sao chép lúc đó. Vài người có mực vàng và mực đủ màu sắc. Các tu sĩ khác đang đọc sách, họ ghi các chú thích của mình vào sổ tay hay các bản gỗ.

Tuy nhiên, tôi không có thì giờ quan sát công việc của họ, vì quản thư viện đã bước đến. Chúng tôi biết ông ta là Malachi. Gương mặt ông ta biểu lộ một vẻ chào đón, nhưng tôi bất giác rung mình khi nhận thấy một gương mặt kỳ quái như thế. Ông cao và cực kì gầy, tay chân to lớn vụng về. Khi ông sai bước tới, mình khoác chiếc áo đen của dòng tu, vóc dáng ông có một vẻ gì đó rất đáng sợ. Đầu ông vẫn đội mũ, vì vừa mới từ ngoài vào, che tối gương mặt xanh xao của ông, tạo cho đôi mắt to rộng buồn bã một vẻ đau khổ chịu đựng. Trên khuôn mặt ông có những đường nét, dường như trước đây chứa nhiều nỗi đam mê nay ý chí đã thuần hóa, nhưng lại khiến chúng trở nên băng giá, hay không còn sinh động nữa. Vẻ u buồn và khắc khổ bao trùm gương mặt ông và đôi mắt thật sắc bén đến nỗi chỉ cần liếc nhìn là có thể đâm suốt tim gan người đối diện và đọc được cả những suy nghĩ thầm kín. Vì thế, thật là khó chịu khi nhìn vào ánh mắt soi mói đó, và chẳng ai muốn nhìn vào mắt ông ta lần thứ hai.

Quản thư viện giới thiệu chúng tôi với các tu sĩ đang làm việc lúc đó. Đến từng người. Malachi kể cho chúng tôi nghe về công việc người ấy đang thực hiện, và tôi khâm phục tất cả mọi người về sự tận tâm của họ dành cho trí thức và việc nghiên cứu Phúc Âm. Qua đó, tôi đã gặp Venantius, dịch giả tiếng Hy Lạp và Ả Rập, người dốc lòng nghiên cứu Aristotle, bậc thông thái nhất của nhân loại. Benno, một tu sĩ trẻ từ Thụy Đan Na, đang nghiên cứu tu từ học, Aymaro, người sao chép các sách thư viện mượn được mới mấy

tháng nay, và một nhóm nhà minh họa xuất xứ từ nhiều nước: Patrick xứ Clonmacnois, Rabano xứ Toledo, Magnus xứ Iona, Waldo xứ Hereford.

Danh sách có thể còn dài, nhưng tôi phải quay lại đề tài của cuộc tranh luận, vì từ đó nổi lên các biểu hiện hữu ích cho thấy nguyên nhân gây sự khó chịu kín đáo trong các tu sĩ, và các mối quan tâm chưa biểu lộ vẫn đè nặng lên các cuộc nói chuyện của chúng tôi.

Thầy tôi bắt đầu nói chuyện với Malachi, ca ngợi vẻ đẹp và sự làm việc càn cù trong phong thư tịch, hỏi thăm ông ta về thể thức tiến hành công việc tại đây, vì thầy tôi đã được nghe khắp nơi nói về thư viện và mong muốn được khảo sát các sách ở đây. Malachi trình bày với ông những gì tu viện trưởng đã cho biết: tu sĩ yêu cầu quản thư viện đưa quyển sách người ấy muốn tham khảo và viên quản thư viện sẽ lên lầu mang sách xuống, nếu lời yêu cầu hợp lý và thành khẩn. Thầy William hỏi làm cách nào ông ta có thể tìm ra các tựa sách xếp trong các kệ trên lầu. Malachi bèn đưa cho thầy xem một bản sách chép tay gồm nhiều tập ghi chi chít các danh mục, buộc chặt vào bàn giấy của ông ta bằng một sợi xích nhỏ bằng vàng.

Thầy William luồn tay vào bên trong áo tu, lần đến chỗ ngực áo phồng lên thành một cái túi, lôi ra một vật mà tôi đã nhìn thấy ông cầm trên tay hay đeo trên mũi trong cuộc hành trình của chúng tôi. Đó là một cái ống hình chạc, cấu tạo sao cho có thể nằm trên mũi người ta, như kiểu kị mã cưỡi ngựa hay chim đậu bám vào cành. Mỗi bên chạc, ở đằng trước mắt, có một khung kim loại hình bầu dục, giữ một mảnh kính dày như đáy chai. Thầy William thích đeo vật này trước mắt để đọc sách, bảo rằng nó giúp tăng thị lực tự nhiên và phụ trợ đôi mắt lão của thầy nhìn rõ hơn, đặc biệt khi trời chạng vạng tối. Nó không giúp thầy nhìn vật ở xa, vì mắt thầy rất sắc, mà giúp thầy nhìn vật ở gần. Với cặp kính này, thầy có thể đọc những bản thảo viết chữ bé tí xiu mà ngay cả tôi đọc cũng khá khó khăn. Thầy giảng giải cho tôi rằng, khi một người đã qua tuổi trung niên, dù thị lực người ấy vẫn

luôn luôn tốt, thì đôi mắt và đồng tử bắt đầu mờ dần; do đó, sau năm mươi tuổi, nhiều học giả xem như đã mất khả năng đọc, viết. Đó là một nỗi bất hạnh to lớn đối với những người còn có thể dâng hiến những thành quả tri thức tốt nhất của mình thêm nhiều năm nữa. Do đó, ta phải tạ ơn Chúa vì đã có người phát minh và cấu tạo nên vật dụng này. Thầy đã kể cho tôi nghe việc này để ủng hộ các tư tưởng của giáo sư Roger Bacon của thầy, người đã dạy rằng mục tiêu của việc học cũng chính là nhằm kéo dài cuộc đời con người.

Các tu sĩ khác nhìn thầy William hết sức hiếu kỳ, nhưng không dám hỏi han chi. Tôi để ý thấy ngay tại một nơi vẫn hằng tự hào là nhiệt tâm dốc lòng vào việc đạo và viết sách, vật dụng hiếu kỳ này vẫn chưa hề xuất hiện. Tôi cảm thấy hãnh diện được ở bên con người đã sở hữu một vật làm sững sờ những nhà thông tuệ lừng danh trên thế giới. Đeo vật này lên mắt, thầy William cúi xuống đọc các danh mục ghi trong tập sách. Tôi cũng nhìn vào và thấy trong đó các tựa sách chúng tôi chưa hề nghe nói đến, và các quyển sách nổi tiếng khác mà thư viện sở hữu.

Thầy tôi đọc, - “*Về tòa ngũ giác của Salomon*”^[1], “*Nghệ thuật nói và hiểu trong ngôn ngữ Do Thái*”^[2], “*Về những vật kim khí*”^[3] của Roger de Hereford, “*Đại số*”^[4] của Alkuwarizmi do Robertus Anglicus dịch từ tiếng La Tinh, “*Nghệ thuật nghi binh*”^[5] của Silius Italicus, “*Những chiến công của người Pháp*”^[6], “*Về những lời ngợi ca cây thánh giá*”^[7] của Rabanus Maurus và “*Các thời đại của thế giới và văn chương con người qua những quyển sách đặc biệt từ A đến Z*”^[8] của Flavius Claudius Giordanus. Những tác phẩm tuyệt diệu! Nhưng chúng được liệt kê theo thứ tự nào? Thầy trích dẫn một câu tôi không biết ở quyển sách nào, nhưng chắc chắn phải quen thuộc với Malachi – “Quản thư viện phải có danh sách tất cả các tựa, được sắp xếp cẩn thận theo thứ tự đề tài và tác giả, và sách phải được phân loại trên kệ có bảng số”. Huynh làm thế nào biết vị trí sắp xếp của từng quyển

sách?

Malachi chỉ thầy xem vài chú thích ghi trên cạnh mỗi tựa sách. Tôi đọc: “iii, IV gradus, V inprima graecorum”; “ii, V gradus, VII in tertia anglorum”, v.v... Tôi hiểu số thứ nhất chỉ vị trí của quyển sách trên kệ hay *gradus*, số thứ hai chỉ vị trí kệ, trong khi đó số thứ ba chỉ vị trí ngăn; tôi cũng hiểu những nhóm từ khác chỉ phòng hay hành lang của thư viện, bèn lấy can đảm hỏi thêm về các chi tiết phân biệt cuối cùng đó. Malachi nghiêm khắc nhìn tôi... – Có lẽ con không biết, hay đã quên rằng Quản thư viện là người duy nhất được lên thư viện. Do đó, chỉ cần một mình Quản thư viện biết cách đọc những kí hiệu đó.

- Nhưng các tựa sách liệt kê trong danh sách này được sắp xếp theo trật tự nào? – thầy William hỏi – Theo tôi, dường như không phải theo đề tài. - Thầy không nêu lên thứ tự tác giả theo mẫu tự chữ cái, vì đó là một hệ thống tôi mới thấy áp dụng những năm gần đây thôi, còn khi đó thì rất hiếm sử dụng.

- Thư viện được thành lập từ thuở xa xưa, và sách được đăng kí theo thứ tự lúc nhận được, do tặng hay nhập vào thư viện.

- Như thế sẽ khó tìm lắm – thầy William nhận xét.

- Đủ để quản thư viện nhớ chúng nằm lòng, và biết mỗi quyển sách nhập thư viện vào thời gian nào. Đối với các tu sĩ khác, họ có thể tin cậy vào trí nhớ của người quản thư, - ông ta nói như thể đang bàn luận về một người nào khác chứ không phải chính ông, và tôi nhận ra ông đang nói đến nhiệm vụ mà ông không xứng đảm trách, nhiệm vụ đã được hàng trăm bậc tiền bối khác phụ trách, những người đã lần lượt truyền hiểu biết của mình cho thế hệ kế tiếp.

- Tôi hiểu rồi. Giả sử tôi cần tìm một quyển sách nào đó nhưng không biết chính xác tựa, chẳng hạn về “*Tòa ngũ giác của Salomon*”, Huynh có khả năng cho biết tựa sách tôi vừa mới nêu đó hiện có hay không, và Huynh có

thể xác định vị trí nó ở đâu trên lầu không?

- Nếu Huynh thực sự phải tìm hiểu điều gì đó về “*Tòa ngũ giác của Salomon*”. Nhưng trước khi giao sách cho Huynh, tôi cần xin ý kiến của tu viện trưởng.

- Tôi được biết rằng một trong các họa sĩ minh họa giỏi nhất của Huynh vừa mới mất – thầy William nói tiếp – tu viện trưởng đã kể cho tôi nghe rất nhiều về nghệ thuật của người ấy. Vậy tôi có thể xem các bản sách mà Huynh ấy đang minh họa dở dang chẳng?

- Vì còn trẻ, Adelmo... – Malachi nói, ngơ vực nhìn thầy William – chỉ minh họa các ghi chú ở lề. Huynh ấy có một óc tưởng tượng sống động và từ các vật thể quen thuộc, Huynh ấy có thể sáng tác những vật thể mới lạ, như có thể nối một thân người với một cái cổ ngựa. Sách của Adelmo ở đằng kia, chưa có ai động đến bàn giấy của Huynh ấy cả!

Chúng tôi đến gần chỗ trước kia là nơi làm việc của Adelmo, trên đó vẫn còn các trang Thánh thư dày đặc minh họa. Đó là các trang giấy da bê đẹp nhất, loại giấy hảo hạng, và trang cuối vẫn còn gắn vào bàn giấy. Sau khi được cạo bằng đá bọt và nhồi phấn cho mềm, giấy được bào nhẵn và từ các lỗ nhỏ tí đục bằng bút sắt nhọn đầu trên lề trang giấy, có thể nhận ra tất cả các đường nét hướng dẫn cho bàn tay nghệ sĩ. Nửa trang đầu đã viết đầy đủ và tu sĩ quá cố đã bắt đầu phác thảo các minh họa ở ngoài lề.

Các trang khác, ngược lại, đã hoàn tất xong; và khi chúng tôi ngắm nhìn, thầy trò tôi không ngăn được tiếng kêu thán phục. Đó là một thánh thư mà các lề giấy của nó khắc họa một thế giới trái ngược với thế giới mà lý trí chúng tôi hằng quen thuộc. Từ lề của bài giảng đạo hiện ra một vũ trụ đảo lộn: chó chạy trốn thỏ, nai săn sư tử... lưng thú mọc tay người, rồng có da ngựa vằn, người không có tay, trên lưng mọc các thân người khác như các cục bướu; những hình người với miệng đầy răng trên bụng, người đầu ngựa và ngựa chân người, cá cánh chim và chim đuôi cá, quái vật một thân hai

đầu hay một đầu hai thân, bò đuôi gà, cánh bướm; đàn bà đầu có vảy như lưng cá; những sinh vật ma quỷ cổ dài vô tận. Đây là một mẫu tự bẻ thành hình chữ L, ở phía dưới phát sinh mặt con rồng. Kia là mẫu tự to tướng hình chữ V, bắt đầu bằng từ “Verba”, từ thân chữ tự nhiên mọc ra một con rắn có ngàn đuôi, các đuôi này lại sinh ra các con rắn khác như những chùm hoa lá. Bên cạnh Thánh thư là một quyển sách thanh tú về giờ lễ, mới vừa hoàn tất xong, với kích thước nhỏ bé khó tưởng tượng nổi: có thể đặt nó vừa trong lòng bàn tay. Chữ viết nhỏ tí xiu, các minh họa bên lề thoạt nhìn chẳng thấy gì, do đó buộc phải dí sát tận mắt mới nhìn ra được vẻ đẹp. Toàn bộ lề sách dày đặc những dạng chữ nhỏ lần lượt phát sinh ra nhau từ một cuộn giấy vô tận kẻ chữ đẹp như thể theo luật bành trướng tự nhiên: các ngư nhân, hươu đực đánh nhau, quái vật đuôi rắn, mình dê đầu sư tử, những thân người cụt tay mọc ra từ trong các dòng thư như ốc sên. Tại một điểm nọ, như thể nối tiếp ba chữ “Thánh, Thánh, Thánh” được lặp lại trong ba câu thơ, có ba con thú đầu người rất dữ tợn, hai con trong bộ ba khom người, một con cúi xuống, một con ngẩng lên để hôn nhau, một nụ hôn mà nếu người ta không tin rằng minh họa này dành cho một ý nghĩa tinh thần sâu sắc, tuy không rõ ràng, của dòng thơ lúc đó, thì người ta sẽ gọi ngay rằng đó là một nụ hôn gớm ghiếc.

Khi tôi giở sách xem, lòng tôi vừa thâm khâm phục, vừa muốn phá lên cười, vì các bức tranh vẽ rất ngộ nghĩnh, dù chúng minh họa cho các trang Thánh thư. Sư huynh William mỉm cười xem xét các minh họa này và nhận định: - Cách vẽ này ở quê tôi gọi là Babewyn.

- Ở Gaul thì họ gọi là Babouins, - Malachi nói, - Adelmo học nghề này ở quê hương của Huynh, dù Huynh ấy cũng có học ở Pháp. Babouins cũng có nghĩa là “khỉ” ở Phi châu. Những hình dạng của một thế giới lộn ngược: nhà đứng trên đỉnh tháp và đất nằm trên trời

Tôi nhớ lại một số câu thơ dân gian ở quê tôi và tôi buột miệng đọc:

Ngợi ca mọi kì quan

Tồn tại trên trời dưới đất

Cho ta chiêm ngưỡng.

Malachi đọc tiếp, trích dẫn cũng từ bài thơ đó:

Đất ở dưới trời

Đã thành lời ca

Kỳ quan chỉ là

Một điều kinh ngạc.

- Giỏi lắm, Adso ạ! – Quản thư viện tiếp – Quả thật những hình ảnh đó kể về đất nước, nơi con đến, cỡi trên lưng một con ngỗng xanh, nơi mà điều hâu bắt cá trong suối, gấu ăn chim ung trên trời, tôm tung cánh với bọ câu và ba ông thần không lồ mắc bẫy rồi bị gà mổ.

Một nụ cười nhẹ nhõm nở tươi đôi môi ông ta. Các tu sĩ khác này giờ vẫn e thẹn theo dõi cuộc đối thoại, bật cười sảng khoái, như thể bấy lâu nay họ vẫn đợi Quản thư viện đồng ý. Ông nhíu mày, nhìn các tu sĩ cười, vừa ca ngợi kỹ năng của Adelmo quá cố, vừa chỉ cho mọi người xem các hình lạ lùng khác. Trong khi tất cả vẫn đang cười đùa thì từ phía sau lưng chúng tôi bỗng cất lên một giọng nói khiêm khắc và trịnh trọng:

- Không nói những lời vô nghĩa và để cho người ta cười giễu.

Chúng tôi quay lại. Người vừa nói là một tu sĩ lưng đã còng vì năm tháng, tóc bạc trắng như tuyết, da môi trắng và cả gương mặt lẫn đồng tử đều trắng. Tôi nhận thấy ông bị mù. Dù cơ thể già yếu, giọng ông ta vẫn sang sảng, chân tay còn mạnh khỏe. Ông nhìn như trông thấy được chúng tôi, và từ đó trở đi, lúc nào tôi cũng thấy ông di chuyển, nói năng một cách tinh tường. Nhưng giọng nói của ông là giọng của một người duy nhất nắm được tài tiên tri.

- Người mà Sư huynh đang thấy đấy, con người đáng kính cả về tuổi tác lẫn tri thức – Malachi nói với thầy William, tay chỉ về phía người mới đến –

chính là Jorge de Burgos. Cao tuổi hơn hết thấy mọi người sống trong tu viện, ngoại trừ Alinardo. Huynh ấy là người được rất nhiều tu sĩ ở đây vẫn xưng tội kín để ký thác gánh nặng tội lỗi của họ. – Nói đoạn, Malachi xoay về phía ông lão, tiếp – Người đang đứng trước mặt Huynh là Sư huynh William xứ Baskerville, khách của chúng ta.

- Hy vọng Huynh không giận lời tôi nói – Ông sẵn giọng đáp – Tôi nghe mọi người nói những việc buồn cười, và tôi nhắc nhở các Huynh một trong các nguyên tắc của luật đạo. Như người soạn Thánh thư đã nói, nếu một tu sĩ phải kiềm chế không được nói tốt vì đã trót thề giữ bí mật, thì anh ta càng phải tránh không được nói bậy. Vì nói bậy cũng có những hình ảnh bậy và chúng là những thứ nấp dưới lớp vỏ của tạo hóa, dựng nên một thế giới đối nghịch với thế giới đứng đắn hằng tồn tại và sẽ mãi mãi tồn tại thêm nhiều thế kỷ nữa cho đến ngày tận thế. Nhưng Huynh thuộc một dòng tu khác và tôi nghe rằng ở đó người ta được phép cười đùa, dù là đùa lúc không thích hợp nhất – Ông đang lặp lại những điều các tu sĩ dòng Benedict nói về tính khí lạ thường của thánh Francis de Assisi, và có lẽ cả những cơn bốc đồng kỳ quái vẫn gán cho tất cả mọi loại thầy tu Nghèo khó và tu sĩ dòng Thánh thần, các chi nhánh mới đây của dòng Francisco. Nhưng thầy William tỏ vẻ chẳng hiểu gì lời ám chỉ đó.

- Các hình ảnh bền lẽ thường gây cười, nhưng chính nhằm soi sáng cứu cánh. Tương tự như trong các bài giảng, nhằm khơi dậy óc tưởng tượng của các con chiên ngoan đạo, cần phải tạo ra các hình mẫu, thường là rất buồn cười, do đó trong chương trình cũng cho phép những bài giảng dùng các hình ảnh tạp nham này. Vì mọi đức hạnh và tội lỗi đều có thí dụ lấy ra từ loài vật, và từ loài vật người ta minh họa ra thế giới loài người.

- À, phải đấy – Jorge nói một cách châm biếm, nhưng vẫn giữ mặt nghiêm,
- bất kỳ hình ảnh nào cũng gợi lên đức hạnh cao cả, với điều kiện công trình hoàn mỹ của tạo hóa phải cúi đầu quay đi để trở thành đề tài cho người ta

cười giễu. Và như vậy, người ta minh họa phúc âm bằng những hình ảnh lừa chơi đàn lia, cú lấy khiên cày ruộng, bò tự buộc mình vào lưỡi cày, sóng tràn lên bờ, biển bốc cháy, sói biến thành ẩn sĩ! Dùng bò để đi săn thú, mời cú dạy người học văn phạm, cho chó cắn bọ chết, thằng chột canh thằng câm, và thằng câm xin bánh mì; kiến đẻ ra bò, gà quay bay, bánh mọc trên mái nhà, vẹt giảng về nghệ thuật hùng biện, gà mái đập gà trống, xe đứng trước bò, chó ngủ trên giường, mọi người đi bằng đầu! Tất cả những thứ nhảm nhí ấy nhằm mục đích gì? Một thế giới đảo lộn và đối nghịch với thế giới do Thượng đế tạo ra, dưới cái cờ giảng dạy những lời giáo huấn thiêng liêng!

- Nhưng, như Thẩm phán tại tòa Areopagus ở Athens đã dạy – thầy William nhã nhặn nói, - chỉ có thể gọi tên Thượng đế qua những vật bị biến dạng nhất. Và Hugh ở St. Victor đã nhắc ta rằng sự so sánh càng khác biệt, sự thật càng được phơi bày dưới lớp vỏ của những hình dạng kinh sợ và khiếm nhã thì sự tưởng tượng lại càng ít bị sa vào những thứ nhục dục, và do đó sẽ hân hoan cảm nhận những điều huyền hoặc ẩn đằng sau các hình dạng xấu xí đó...

- Tôi đã biết lối lý luận đó, và tôi xấu hổ thừa nhận rằng đó chính là lối tranh luận chính trong dòng tu của chúng ta khi các Tu viện trưởng dòng Cluniac tranh đấu với dòng Cistercian. Nhưng thánh Bernard nói đúng: Kẻ họa hình quái vật và thiên nhiên để bộc lộ tạo vật của Chúa trong sự chiêm ngưỡng huyền bí sẽ dần dà thích thú chính bản thân của lũ quái vật hắn đã tạo ra, rồi mê mẩn chúng và hậu quả là hắn sẽ chỉ toàn nhìn thấy chúng. Các Huynh, những người vẫn còn đang sáng suốt, chỉ cần nhìn vào những cái cột của giáo đường, - ông ta chỉ tay ra ngoài cửa sổ, về phía nhà thờ... - Trước mắt một tu sĩ kính đạo, những sư tử kia, các nhân mã nọ, những con độc cước nửa-người-nửa-thú, miệng ở bụng, tai to như buồm đó có ý nghĩa gì chứ? Những con hồ đốm, những tên giắc đầu, lũ thợ săn thối tù và cùng

rất nhiều quái vật một đầu nhiều thân và một thân nhiều đầu kia là gì cơ chứ? Bây giờ tu sĩ thích đọc cột cẩm thạch hơn đọc sách, thích chiêm ngưỡng công trình nhân tạo hơn nghiền ngẫm luật tạo hóa. Nhục nhã thay khát vọng cho đôi mắt và nụ cười của các Huynh!

Jorge hết hơi ngừng lại. Tôi thán phục trí nhớ minh mẫn đã giúp ông ta, tuy đã mù nhiều năm nay, vẫn còn nhớ rõ các hình ảnh mà ông đã từng công kích là độc ác. Tôi đâm nghi ngờ rằng khi nhìn thấy các hình ảnh này, ông cũng bị chúng mê hoặc, vì cho đến nay ông vẫn có thể mô tả chúng một cách cuồng nhiệt như thế. Nhưng tôi vẫn thường đọc được các đoạn mô tả tội lỗi cảm dỗ nhất trong các trang sách của những nhà đạo đức phẩm hạnh nhất, những người đã tố cáo ma lực và các hậu hoạn của nó. Đó là một dấu hiệu cho thấy các nhà đạo đức này hết sức nhiệt tình muốn chứng tỏ rằng vì lòng yêu Chúa, họ không ngần ngại gán cho tội lỗi tất cả mọi cảm dỗ mà nó đã khoác vào; do đó, họ mách cho những người khác những cách mà tội lỗi đã dùng để quyến rũ họ. Thực tình mà nói, lời của Sư huynh Jorge khiến lòng tôi tràn ngập niềm khao khát được xem các con hổ, con khỉ... trong giáo đường, mà tôi chưa từng được chiêm ngưỡng; nhưng ông ta đã cắt đứt dòng tư tưởng của tôi, tiếp tục nói với giọng trầm tĩnh hơn:

- Chúa không cần sử dụng những điều ngu xuẩn như vậy để chỉ cho chúng ta con đường nhỏ hẹp. Trong các chuyện ngụ ngôn của Ngài, chẳng có gì gây cười, gây sợ hãi. Ngược lại, Adelmo, người mà các Huynh đang thương tiếc, đã quá thích thú với những con quái vật vẽ được đến nỗi đã không còn nhận ra mục đích tối cao mà các quái vật này cần minh họa – giọng ông ta trở nên nghiêm trang và đe dọa – Huynh ấy đã theo tất cả, tôi phải nói tất cả, con đường ma quỷ. Thượng đế đã biết cách trừng phạt!

Im lặng nặng nề. Venantius bạo dạn cất tiếng:

- Thừa Sư huynh Jorge kính mến, đức hạnh của Huynh khiến Huynh thiếu công tâm. Hai ngày trước khi Adelmo chết, Huynh đã có mặt trong một

cuộc tranh luận uyên bác tại ngay phòng thư tịch này. Adelmo rất cẩn thận sử dụng nghệ thuật và các hình ảnh quái dị của Huynh ấy như một công cụ của trí tuệ, của những vật thiêng để hướng đến sự vinh danh Chúa. Vừa mới đây Sư huynh William đã nhắc đến Thẩm phán Tòa Areopagus, người đã bàn đến việc học đạo qua những hình thù biến dạng. Ngày hôm đó, Adelmo đã trích lời một quan chức cao cả khác, bác sĩ Aquino, ông bảo rằng các thánh thể nên được miêu tả bằng các hình thù ác độc hơn là các hình thù thanh cao. Thứ nhất, vì tinh thần con người sẽ dễ thoát khỏi lầm lỗi hơn; quả thật rõ ràng rằng có một số đặc tính nhất định không thể ghép vào các thánh vật được và sẽ trở nên bất định, nếu miêu tả chúng bằng các sự vật cụ thể cao quý. Thứ hai, vì cách miêu tả thô thiển này phù hợp với trí thức của chúng ta về Thượng đế trên trần gian hơn. Thứ ba, với cách này, các sự vật của Thượng đế được che giấu khỏi mắt bọn tiểu nhân một cách tốt hơn. Nói khác đi, ngày hôm đó, chúng ta đang bàn luận về vấn đề cần hiểu xem sự thật đã được bộc lộ qua những phương tiện diễn đạt bất ngờ, vừa khôn ngoan, vừa bí ẩn như thế nào. Tôi đã nhắc Huynh ấy rằng trong tác phẩm của đại triết gia Aristotle, tôi đã tìm thấy những lời rất rõ ràng về vấn đề này.

- Tôi không nhớ, - Jorge gạt phắt ngang – tôi đã già quá rồi. Tôi không còn nhớ gì nữa. Có lẽ tôi đã nghiêm khắc thái quá. Thôi trời đã tối quá rồi, tôi phải đi đây.

- Thật lạ là Huynh lại không nhớ, - Venantius nhấn mạnh – đó là một cuộc tranh luận rất hay và uyên bác, cả Benno và Berengar cùng tham dự. Vấn đề đặt ra là các cách ẩn dụ, chơi chữ và câu đố, mà dường như cũng do các nhà thơ đặt ra chỉ để cho vui, chẳng lẽ không dẫn chúng ta đến cách tư duy mới, bất ngờ; và tôi đã nói đây cũng là một đức tính mà một người khôn ngoan cần có...và Malachi khi đó cũng có mặt...

- Nếu Huynh Jorge đáng kính không nhớ, hãy kính trọng tuổi tác và trí tuệ

mặt mỗi của người... trước đây vốn luôn luôn minh mẫn. – Một tu sĩ vẫn theo dõi cuộc thảo luận cất tiếng. Câu nói này được cất lên bằng một giọng lo lắng, ít nhất là lúc đầu. Người nói, khi vừa nhận ra rằng phát xuất từ sự kính trọng nung nấu đối với vị tu sĩ già, người ấy đang khiến mọi người chú ý đến sự yếu đuối của Huynh Jorge, đã từ từ nói chậm lại, và dứt lời hầu như bằng một tiếng thảm thì xin lỗi. Người nói, chính là Berengar xứ Arundel, phụ tá Quản thư viện. Đó là một thanh niên xanh xao, và khi quan sát anh ta, tôi nhớ đến lời Ubertino miêu tả Adelmo: đôi mắt Huynh ấy trông như mắt một mục đàn bà dâm dăng. Xấu hổ vì mọi người đều quay nhìn mình, Berengar đan các ngón tay vào nhau như một kẻ muốn đè nén nội tâm căng thẳng.

Phản ứng của Venantius rất khác thường. Huynh nhìn Berengar đến nỗi người ấy phải cụp mắt xuống.

- Rất tốt, thưa Sư huynh, nếu trí nhớ là một ân sủng của Thượng đế thì khả năng quên cũng rất tốt, và cũng phải được kính trọng. Tôi kính trọng khả năng đó trong vị Sư huynh cao niên tôi đang hầu chuyện. Nhưng đối với Huynh, tôi mong Huynh hãy nhớ rõ hơn những việc đã xảy ra, khi chúng ta có mặt tại đây với người bạn thân mến của Huynh.

Tôi không biết giọng nói của Venantius có ám chỉ gì từ “thân mến” hay không. Nhưng quả thật tôi cảm thấy những người có mặt lộ vẻ bối rối. Mỗi người nhìn một hướng, và không ai nhìn Berengar, lúc ấy mặt đang đỏ như gấc. Malachi cất tiếng ngay, giọng ra lệnh:

- Đi thôi, Sư huynh William. Tôi sẽ chỉ Huynh xem các quyển sách hay khác.

Nhóm người bèn giải tán, tôi thấy Berengar nhìn Venantius với vẻ thù hằn, và Venantius nhìn lại, thảm lặng và thách thức. Thấy Sư huynh Jorge sắp đi, lòng tôi tràn ngập niềm tôn kính, bèn cúi xuống hôn tay người. Người đón nhận nụ hôn của tôi, đặt tay lên đầu tôi, rồi hỏi tôi là ai, khi tôi xưng tên,

gương mặt người bừng sáng.

- Chú có một tên quý và rất đẹp. Chú có biết Adso ở Montier-en-Der không? – tôi thú nhận không biết và Sư huynh Jorge nói tiếp – ông ta là tác giả của quyển sách vĩ đại và đáng sợ “*Quyển sách của tên phản chúa*”^[9], trong đó ông tiên đoán việc sẽ xảy ra, nhưng ông không được chú ý lắm.

- Quyển sách được viết cách đây hơn nghìn năm, và những việc đó không xảy ra... - Thầy William tiếp lời.

- Cho những ai thiếu mắt nhìn. – người tu sĩ mù nói, - tên Phản giáo đến bằng những lời chậm chạp, quanh co. Đã đến lúc chúng ta không cần đợi hấn, không phải vì các tính toán do các tông đồ đề nghị là sai lầm, mà vì chúng ta chưa học được nghệ thuật tính toán đó. – rồi Sư huynh hét lớn, mặt quay về hướng tiền sảnh, và phòng thư tịch dội lại tiếng hét đó – Hấn đang đến. Đừng phung phí những ngày cuối cùng của các Huynh để cười chế nhạo những con quái vật bé nhỏ có da lốm đốm và đuôi ngoằn ngoèo! Đừng phung phí bảy ngày cuối cùng!

Chú thích:

^[1]“*De pentagono Salomonis*”

^[2]“*Ars loquensdi el intelligendi in Lingua hebraica*”

^[3]“*De rebus metallicis*”

^[4]“*Algebra*”

^[5]“*Punica*”

^[6]“*Gesta francorum*”

^[7]“*De laudibus sanctae crusis*”

^[8]“*Flavii Claudii Giordani de aetate mundi et hominis reservatis singulis*

litteris per singulos libros ab A usque ad Z'

[\[9\]](#) "*Libellus de Antichristo*"

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH CHIỀU

Thăm phần còn lại của tu viện.

William đi đến vài kết luận

về cái chết của Adelmo.

Cuộc nói chuyện với Sư huynh ngành kính

về kính đọc sách và những bóng ma

cho những ai tìm đọc quá nhiều

Lúc ấy, chợt nổi lên hồi chuông báo Kinh Chiều, các tu sĩ bèn sửa soạn rồi bàn làm việc. Malachi nói thẳng rằng chúng tôi cũng phải đi xuống. Ông ta sẽ phải ở lại với viên phụ tá Berengar để dọn dẹp đồ đạc và sắp xếp lại thư viện. Thầy William hỏi xem ông ta có đóng cửa không.

- Không có cánh cửa nào từ nhà bếp và nhà ăn ngăn không cho vào phòng thư tịch, hoặc từ phòng thư tịch ngăn không cho vào thư viện. Lệnh cấm của Tu viện trưởng phải mạnh hơn bất kỳ cánh cửa nào. Các tu sĩ cần dùng cả nhà bếp lẫn nhà ăn cho đến Kinh Tối. Đến khi đó, để ngăn những người ngoài hay súc vật vào Đại dinh, tự tay tôi sẽ khóa các cửa phía ngoài dẫn vào nhà ăn hay nhà bếp, và từ giờ đó trở đi, không ai được léo hánh đến Đại dinh nữa.

Chúng tôi xuống lầu, khi các tu sĩ trực chỉ về phía ca đoàn. Thầy tôi bảo Chúa sẽ tha thứ cho chúng tôi tội không dự Thánh lễ, và đề nghị tôi đi dạo với thầy một lát trong khuôn viên để làm quen với địa thế ở đây.

Thời tiết xấu đi. Một cơn gió lạnh nổi lên, sương mù giăng dày đặc. Thấp thoáng bóng mặt trời lặn bên kia khu vườn rau. Ở phía đông, trời đã sụp tối.

Chúng tôi đi về hướng đó, men theo khu ca đoàn của nhà thờ đến phía sau khu đất. Hầu như sát với bức tường ngoài, tại nơi giáp với ngọn tháp phía Đông của Đại dinh, là chuồng heo. Những người nuôi heo đang đẩy cái vại lớn đựng tiết heo. Chúng tôi để ý thấy phía sau dãy chuồng heo, bức tường được xây thấp hơn. Do đó, người ta có thể nhìn qua nó được. Bên ngoài bức tường thẳng đứng, mặt đất lao xuống, được bao phủ bởi lớp cát bụi rời rã mà tuyệt không lấp hết được. Tôi nhận ra đây là đồng bụi rom cũ bị ném ra ngoài tại khúc tường này và cuốn dạt đi cho đến khúc ngoặt bắt đầu con đường mòn mà chú ngựa Brunellus đã đi. Trong các chuồng ngựa kế bên, các người chăn ngựa đang dẫn ngựa đến máng ăn. Về phía trái, quay lưng về khu ca đoàn, là dãy nhà của các tu sĩ, và dãy nhà xí. Tại nơi bức tường phía Đông quay về hướng Bắc, ngay tại góc vòng đai đá, là lò rèn. Những người thợ rèn cuối cùng đang hạ đồ nghề xuống, dập lửa, để sửa soạn đi lễ. Thầy William tò mò đi về hướng một góc lò rèn, hầu như tách biệt hẳn khỏi khu làm việc, nơi một tu sĩ đang cất dọn đồ đạc. Trên mặt bàn của ông có một bộ sưu tập các mảnh thủy tinh xưa bé tí có nhiều màu sắc rất đẹp: còn các loại lớn hơn được gắn lên tường. Trước mặt ông là một chiếc hộp đang làm dở, mới hình thành bộ khung bằng bạc. Nhưng trên đó, ông đang đính vào các mảnh thủy tinh và đá đã được đẽo gọt thành những viên có hình dạng như ngọc.

Thế là tôi đã gặp Nicholas xứ Morimondo, người thợ cả của ngành Thủy tinh ở tu viện. Ông giải thích với chúng tôi rằng phía sau khu lò rèn, họ cũng có thổi thủy tinh; trong khi đó, ở khu trước dành cho thợ rèn, người ta gắn kính để làm cửa sổ. Ông còn nói tiếp rằng, những công trình vĩ đại bằng kính màu dùng để trang trí nhà thờ và Đại dinh đã được hoàn tất cách đây hai thế kỷ. Hiện nay, công việc của ông và các cộng sự khác chỉ thu hẹp trong những thứ lật vặt và sửa chữa các chỗ bị thời gian tàn phá. Ông giải thích tiếp:

- Và hết sức khó khăn, vì không thể tìm được những kính màu ngày xưa, đặc biệt là kính màu xanh tuyệt diệu mà Huynh thấy trong khu ca đoàn. Nó trong đến nỗi khi mặt trời lên cao, nó đổ xuống một luồng sáng từ thiên đàng vào gian giữa nhà thờ. Ở phía tây của gian giữa kính mới được tu bổ đây, nhưng không được làm cùng một phẩm chất, và vào những ngày hè, Huynh sẽ nhận ra ngay. Thật là tuyệt vọng. Chúng tôi không còn nắm giữ kiến thức của bậc tiền bối nữa, thời đại của các vĩ nhân đã qua rồi!

- Chúng ta là những người lùn, - thầy William công nhận – nhưng là những người lùn đứng trên vai các người khổng lồ đó, và mặc dầu chúng ta bé nhỏ thật, đôi khi chúng ta vẫn có cách nhìn vào chân trời xa hơn họ.

- Xin hãy cho tôi biết chúng ta đã làm tốt hơn các vị tiền bối cái gì khác nào? – Nicholas thốt lên – Nếu Huynh đi xuống hầm của nhà thờ, nơi tồn trữ kho tàng của tu viện, Huynh sẽ nhận thấy những hộp đựng thánh tích được chạm trổ cực kỳ tinh xảo, đến nỗi cái hộp quái dị tôi đang vá víu đây, - ông gật đầu chỉ về phía tác phẩm làm dở trên bàn, - sẽ trông như một thứ trò hề!

- Đâu có quy định thợ cả ngành kính phải làm cửa sổ, thợ rèn phải làm hộp đầu; và các bậc thợ cả ngày xưa đã làm ra những vật tuyệt đẹp như thế rồi, những vật được làm với dụng ý sẽ tồn tại hàng nhiều thế kỷ. Nếu không, thế gian hẳn sẽ tràn ngập những rương, những hộp trong khi thánh tích thì quý hiếm, - thầy William nói đùa – và cửa sổ thì có phải cứ cần hàn mãi đâu. Nhưng tôi đã được thấy ở nhiều nước những vật bằng thủy tinh mới, cho thấy một thế giới tương lai, trong đó thủy tinh sẽ không chỉ phục vụ những mục tiêu tôn giáo, mà sẽ giúp con người bớt yếu đuối. Tôi muốn Huynh xem một thành quả sáng tạo của thời đại chúng ta, mà tôi được hân hạnh sở hữu, một thí dụ vô cùng hữu ích.

Ông thò tay vào áo và lôi ra cặp mắt kính, làm sững sờ người đang nói chuyện.

Vô cùng chú ý, Nicholas cầm lấy vật dụng uốn cong mà thầy William đưa cho ông, rồi thốt lên: - Những con mắt bằng đá cùng với cái hộp nhỏ! Tôi được nghe một tu sĩ xứ Jordan mà tôi hội ngộ ở Pisa kể về những vật này. Huynh ấy nói, chúng mới được phát minh cách đây gần hai mươi năm. Nhưng chúng tôi đã nói chuyện với nhau cũng đã cách đây hơn 20 năm rồi.

- Tôi tin chúng được phát minh trước đó rất lâu, nhưng chúng rất khó làm, và đòi hỏi phải có những bậc thầy của ngành kính vô cùng tinh xảo. Tốn rất nhiều thời gian và công sức. Cách đây mười năm, một cặp kính này được bán với giá sáu quan Ý. Một người thợ cả vĩ đại, Sanvinus, ở Armati đã cho tôi cặp kính này cách đây hơn chục năm, và tôi vẫn hằng nâng niu nó, xem nó như một phần thân thể tôi vậy.

- Hy vọng hôm nay Huynh sẽ cho phép tôi được xem xét kỹ nó. Tôi sẽ rất vui được chế ra vài cặp tương tự - Nicholas nói đầy xúc động.

- Rất sẵn lòng – thầy William nhất trí – nhưng hãy chú ý độ dày của kính, phải thay đổi tùy theo mắt người đeo, và Huynh lại phải cho người đeo thử nhiều cặp kính cho đến khi tìm thấy độ dày thích hợp.

- Kỳ diệu thay! Thế nhưng nhiều kẻ sẽ bảo đây là phép phù thủy, hay máy móc ma quỷ...

- Huynh chắc chắn có thể sẽ nói đến phép lạ trong vật dụng này. Nhưng có hai loại phép lạ: một loại phép lạ là công cụ của quỷ, dùng những mưu chước đen tối, gian xảo để làm con người sa đọa, và cũng có một phép lạ cao quý: đó là trí tuệ của Thượng đế được tỏa rạng thông qua trí tuệ của con người; nó phục vụ việc cải tạo tự nhiên, và một trong những mục tiêu của nó là kéo dài tuổi thọ con người. Đây chính là phép thiêng đáng để các bậc học giả tận tâm công hiến ngày càng nhiều hơn nữa, không chỉ nhằm phát hiện những điều mới mẻ, mà còn nhằm tái phát hiện lại điều bí ẩn trong tự nhiên mà Chúa tinh thông đã tiết lộ cho những người cổ Do Thái, Hy Lạp, những tiên nhân xa xưa, và thậm chí cho những kẻ vô thần ngày nay. Tôi

không thể kể hết cho Huynh nghe những điều tuyệt vời về ngành mắt tôi đã học được trong các sách của các tác giả vô thần. Và những người trí thức đạo Ki-tô phải nắm được tất cả những nền học vấn của những người đa thần cũng như vô thần.

- Nhưng tại sao những người nắm được tri thức đó không giao lưu với tất cả thần dân của Chúa?

- Vì không phải tất cả thần dân của Chúa sẵn lòng đón nhận nhiều điều bí ẩn như thế, và những người sở hữu kiến thức đó vẫn thường bị lầm lẫn với bọn thầy đồng cốt, thông đồng với ác quỷ, và họ đã mất mạng vì mong muốn san sẻ cho người khác kho tàng kiến thức của mình. Riêng tôi, khi ngồi xử những vụ án mà kẻ tình nghi có liên quan với quỷ sứ, tôi đã phải thận trọng không dám dùng cặp kính này, mà phải nhờ đến các lục sự đọc giùm các văn kiện cần thiết. Nếu không cẩn thận, vào thời điểm quỷ sứ đang hoành hành tràn lan khiến mọi người đều có thể ngửi thấy mùi diêm sinh nồng nặc, thì chính tôi cũng có thể bị xem là bạn với bị cáo. Cuối cùng, như thầy Roger Bacon vĩ đại đã cảnh giác, các bí mật của khoa học không được lọt vào tay tất cả mọi người, vì vài kẻ có thể sử dụng chúng vào những mục tiêu tội lỗi. Một học giả thường phải viết những quyển sách có vẻ phù phép, nhưng không phải là phù phép; các sách đó chỉ đơn thuần là sách khoa học tốt nhằm bảo vệ họ khỏi những đôi mắt thiếu thận trọng.

- Thế Huynh sợ rằng thường dân sẽ dùng các bí mật này vào mục tiêu tội lỗi à?

- Đối với thường dân, tôi chỉ sợ rằng các bí mật đó khiến họ kinh hãi và lẫn lộn với những trò ma quỷ mà các tu sĩ giảng đạo cứ lặp lại mãi. Huynh biết không, tôi quen biết những nhà vật lý tài năng, họ đã bào chế ra các loại dược phẩm có khả năng trị lành tức khắc các bệnh dữ. Nhưng khi họ đưa cho các dân thường các thứ thuốc thoa hay thuốc uống trên, họ lại kèm theo đó những câu Phúc âm hay những lời ngân nga nghe như Thánh kinh.

Không phải vì tin những lời kinh này có khả năng chữa bệnh, mà vì tin rằng lời kinh mang đến sự lành bệnh, do đó người dân sẽ uống hay thoa các thứ thuốc đã dùng, rồi lành bệnh mà rất ít để ý đến kiến hiệu của loại thuốc đã dùng. Tinh thần của họ, nhờ được hưng phấn bởi lòng tin đạo thành kính, cũng sẽ đón nhận tác dụng của thuốc vào thân thể tốt hơn. Nhưng kho tàng trí thức thường cần phải được bảo vệ không phải để khỏi rơi vào tay những người dân thường, mà chính là để khỏi rơi vào tay các học giả khác. Một ngày nào đó, tôi sẽ nói với Huynh về các máy móc kỳ diệu có thể thực hiện tiên đoán chu kỳ tự nhiên. Nhưng thật đáng buồn biết bao, những máy này sẽ lọt vào tay những kẻ dùng nó để bành trướng quyền lực và thỏa mãn lòng tham của chúng. Tôi được biết tại Cathay, một nhà hiền triết đã chế được một hợp chất dạng bột, khi bỏ vào lửa sẽ tạo ra một tiếng nổ dữ dội và bùng lên một ngọn lửa lớn; nó có thể thiêu hủy tất cả mọi vật trong vòng nhiều thước. Đó sẽ là một công cụ tuyệt diệu nếu được dùng vào việc chuyển dòng sông hoặc phá đá khi dỡ đất để cày cấy. Nhưng nếu một kẻ nào đó dùng nó để ám hại các kẻ thù của mình thì sẽ ra sao?

- Có lẽ cũng tốt thôi, nếu chúng nó là kẻ thù của thần dân Đức Chúa trời, - Nicholas thành khẩn nói.

- Có lẽ vậy, - thầy William công nhận – Thế nhưng nay ai là kẻ thù của thần dân của Chúa? Hoàng đế Louis hay Đức Giáo hoàng John?

- Ôi, lạy Chúa! – Nicholas hốt hoảng – Thực tôi chẳng thích trả lời dứt khoát những vấn đề gay go thế đâu!

- Huynh thấy chưa, đôi khi một số bí mật nào đó nên được che phủ bởi một lớp từ ngữ huyền ảo. Các bí mật của tự nhiên không được truyền đạt lại trên các bản da dê, da cừu. Trong quyển sách nói về các điều bí mật, Aristotle cho rằng việc thông tin quá nhiều điều bí ẩn của tự nhiên và nghệ thuật sẽ phá vỡ khóa thiên đường, và nhiều tội lỗi sẽ liền theo sau. Nói như thế không có nghĩa là không được tiết lộ các bí mật, mà có nghĩa là một học giả

phải quyết định khi nào và bằng cách nào để tiết lộ.

- Đó là cái có tốt nhất trong những nơi như ở đây. Không phải tất cả mọi người đều đọc được tất cả mọi loại sách.

- Đây là một vấn đề khác. Ba hoa quá có thể là một cái tội, nhưng dè dặt, kín tiếng quá cũng có thể là một cái tội nữa. Tôi không có ý nói rằng cần phải che giấu các nguồn tri thức; ngược lại, đối với tôi, đây là một tội nặng. Ý tôi muốn nói rằng vì những nguồn này là các sự bí ẩn làm phát sinh cả điều thiện lẫn điều ác, một học giả có quyền và nhiệm vụ sử dụng một ngôn ngữ trừu tượng, mơ hồ, mà chỉ đồng nghiệp của ông ta mới hiểu được. Thường các học giả trong thời đại chúng ta chỉ là những tên lùn trên vai những tên lùn khác.

Cuộc chuyện trò thân mật với thầy tôi hẳn đã khiến Sư huynh Nicholas cảm thấy vững bụng. Ông nháy mắt với thầy William, dường như muốn nói: “Chúng ta hiểu nhau vì cùng có những mối quan tâm”, và nói bóng gió:

- Nhưng ở đằng kia, - ông ra chỉ về tòa Đại dinh, - các bí mật của học vẫn được bảo vệ kỹ lưỡng nhờ những phép lạ.

- Thế à? – thầy William hờ hững hỏi – Tôi chắc đó là các cửa có chân song, các luật cấm khất khe, các lời đe dọa chứ gì?

- À không. Còn hơn thế nữa...

- Chẳng hạn như cái gì nào?

- Ô, tôi không biết chính xác. Tôi chỉ quan tâm đến thủy tinh chứ không phải sách vở. Nhưng trong thư viện có nhiều lời đồn đại... nhiều lời đồn đại lạ lùng...

- Đồn những gì?

- Lạ lùng lắm. Chẳng hạn, tin đồn về một tu sĩ liêu lĩnh đột nhập vào thư viện ban đêm để tìm một quyển sách gì đó mà Malachi đã không bằng lòng đưa cho Huynh ấy; rồi Huynh ấy trông thấy rần rít, người cụt đầu, người hai đầu... Khi ra khỏi Mê cung này, Huynh ấy đã suýt điên...

- Tại sao Huynh nói đó là những phép lạ chứ không phải những bóng ma?
- Vì mặc dầu tôi chỉ là một thợ cả tồi của ngành thủy tinh đi nữa, tôi cũng không đến nỗi dốt nát như thế. Ác quỷ (xin Chúa phù hộ chúng con) không dùng rắn rết và lũ người hai đầu để quyến rũ một tu sĩ. Có chăng, chắc phải là các hư ảnh dâm dăng như nó đã dùng để quyến rũ các cha trong sa mạc. Ngoài ra, nếu lấy một quyển sách nào đó là tội lỗi thì sao Ác quỷ lại ngăn ngừa một tu sĩ phạm tội đó?
- Tôi cho đó là một lối suy diễn hay, - thầy tôi công nhận.
- Và sau hết, lúc tôi đang sửa chữa các cửa sổ ở bệnh xá, tôi lật qua vài quyển sách của Severinus để xem cho vui. Có một quyển sách về các điều bí mật do Alberius Magnus viết. Tôi bị hấp dẫn bởi vài minh họa rất lạ bèn đọc vài trang viết về cách làm thế nào bôi mỡ bắc đèn dầu để tỏa ra mùi gợi lên các ảo ảnh. Hẳn Huynh có để ý... à, chắc Huynh chưa để ý đâu, vì Huynh chưa trải qua một đêm nào ở tu viện mà. Vào những lúc tối, tầng trên của tòa Đại dinh được thắp sáng. Đâu đó, từ các cửa sổ hắt ra thứ ánh sáng mờ mờ; nhiều người thắc mắc không hiểu ánh sáng đó là gì, và người ta nói đến ma trời, hay là hồn ma của những Quản thư viện quá cố trở về viếng chốn cũ. Nhiều người ở đây tin vào những câu chuyện này. Tôi nghĩ đó là những ngọn đèn đặt sẵn ở đấy để tạo ảo ảnh. Như Huynh biết đấy, nếu mình lấy dây tai chó mà dùng nó để bôi vào bắc đèn, bất kỳ ai ngửi thấy mùi khói đèn sẽ tưởng là có đầu chó, và nếu có một người nào đó đi cùng với hấn, người kia sẽ thấy một cái đầu chó. Có một loại thuốc bôi khác, khiến ai gần ngọn đèn sẽ cảm thấy mình to lớn như voi. Dùng một đôi mắt dơi và hai đôi mắt của một loại cá mà tôi đã quên tên và nọc của chó sói, Huynh sẽ làm được một bắc đèn; khi thắp lên, người ta sẽ thấy các con thú mà Huynh đã lấy mỡ. Với cái đuôi con kỳ nhông, Huynh có thể khiến tất cả mọi việc chung quanh trông như bằng bạc; với mỡ của con rắn màu đen cùng một mảnh vải liệm, căn phòng sẽ hiện lên đầy rắn rết. Tôi biết điều

này. Ai đó trong thư viện rất khôn khéo...

- Nhưng chẳng lẽ linh hồn của các Quản thư viện quá cổ không phải là những người đã biến hóa các phép lạ đó sao?

Nicholas lộ vẻ hoang mang bồn chồn, - Tôi không hề nghĩ đến điều đó. Xin Chúa phù hộ chúng con. Thôi đã muộn rồi, Kinh Chiều đã bắt đầu. Tạm biệt nhé.

Nói rồi, ông hướng về phía nhà thờ. Thầy trò tôi tiếp tục đi về hướng Nam. Nhà nghỉ cho khách hành hương nằm về bên phải chúng tôi cùng với nhà nguyện và khu vườn; còn bên trái là dãy nhà in màu lục đậm, nhà máy xay, kho thóc, nhà hầm và nhà tu sinh. Mọi người hối hả đi về phía nhà thờ. Tôi hỏi:

- Thầy nghĩ gì về những lời Nicholas nói?

- Thầy không biết. Có điều gì đó trong thư viện mà thầy không tin đó là linh hồn của các Quản thư viện quá cổ...

- Sao lại không?

- Vì thầy nghĩ rằng họ là những người vô cùng đạo đức, nên nay họ đã ở lại trên nước Chúa để chiêm ngưỡng dung nhan thiêng liêng của Ngài; thầy cho rằng con bằng lòng với câu giải đáp này. Còn về những ngọn đèn, chúng ta sẽ xem thử chúng có đầy không. Nói về các loại thuốc mà Sư Huynh ngành thủy tinh đã bàn, thì có những cách tạo ra ảo ảnh dễ hơn và Severinus biết rất rõ, như con đã nhận thấy ngày hôm nay. Có điều chắc chắn rằng tại tu viện này, người ta không muốn ai đột nhập Thư viện vào ban đêm, và tất nhiên, ngược lại, nhiều người đã và đang cố sức vào đó.

- Thế án mạng của chúng ta có liên quan gì đến việc này?

- À, án mạng. Thầy càng nghĩ về nó, lại càng cả quyết rằng Adelmo đã tự sát.

- Sao thế?

- Con còn nhớ, sáng nay, khi thầy lưu ý con đến đồng rơm bản không? Khi

chúng ta đang leo lên khúc rẽ bên dưới ngọn tháp phía Đông, thầy đã để ý những vết do đất lở để lại tại nơi đó. Hay là, nói cho đúng hơn, một phần dốc đứng đã bị sụt ở bên dưới ngọn tháp, xô xích trong khoảng nơi rác chất đồng, và đất đã trượt xuống. Thế nên tối nay, khi chúng ta nhìn từ trên xuống, trên đồng rơm hình như có một lớp tuyết mỏng, lớp tuyết mới nhất là lớp tuyết ngày hôm qua chớ không phải tuyết cách đây mấy hôm. Còn về xác Adelmo, Tu viện trưởng bảo đã bị đá cửa rách tan nát, nhưng dưới ngọn tháp phía Đông, nơi Đại dinh nối với bờ dốc đứng, là rặng thông. Tuy nhiên, vỉa đá lại nằm ngay dưới chân bức tường, tạo thành một bậc thang, và phía sau là đồng rác.

- Thế nghĩa là...?

- Nghĩa là, hãy nghĩ xem phải chăng... thầy phải nói thế nào đây nhỉ...? Sẽ dễ dàng cho chúng ta suy luận hơn, nếu tin rằng Adelmo đã tự ném mình từ trên cao và rơi xuống vỉa đá, vì những nguyên do chưa xác định được. Rồi cơn bão đêm đó đã gây lở đất, cuốn theo rơm và một phần đất đai, cùng cái xác của chàng trai tội nghiệp xuống dưới ngọn tháp phía Đông.

- Tại sao thầy lại nói giải đáp này sẽ dễ dàng cho ta suy luận hơn?

- Adso thân yêu ơi, chúng ta không nên vẽ vời thêm nhiều nguyên nhân khác để giải thích, trừ khi thật cần thiết. Giả sử Adelmo rơi từ ngọn tháp phía Đông xuống, Huynh ấy chắc hẳn phải lọt vào thư viện, ai đó chắc hẳn phải đập Huynh ấy trước, vì thế Huynh không thể kháng cự được và rồi người đó hẳn đã tìm cách vác xác Huynh ấy leo qua cửa sổ rồi mở cửa ra và ném cái xác không hồn xuống. Nhưng với giả thuyết của thầy thì chỉ cần mỗi mình Adelmo, quyết định của chính Huynh ấy và sự lở đất. Dùng ít nguyên nhân hơn thì giải thích được tất cả.

- Nhưng có sao Huynh ấy lại tự tử?

- Thế tại sao lại có kẻ muốn giết Huynh ấy? Cả trong hai trường hợp đều cần phải tìm ra nguyên do, và ta đoán chắc phải có nguyên do. Không khí

trong Đại dinh có vẻ u uất. Tất cả mọi người đều đang che dấu một điều gì đó, chúng ta chỉ thu thập được vài lời bóng gió, hẳn là còn quá mơ hồ, về một mối quan hệ lạ lùng nào đó giữa Adelmo và Berengar. Thế nghĩa là chúng ta sẽ để ý đến viên phụ tá Quản thư viện.

Trong khi chúng tôi đang bàn bạc về vấn đề này, Kinh Chiều đã xong. Các tôi tớ quay về nhiệm vụ của họ trước khi ăn tối, còn các tu sĩ thì hướng về nhà ăn. Trời đã sụp tối và tuyết bắt đầu rơi. Một trận lát phát hoa tuyết nhẹ, mà tôi tin sẽ rơi suốt đêm đó, vì sáng hôm sau, toàn mặt đất đều được phủ một lớp chần trắng xóa như tôi sẽ kể tiếp sau. Tôi thấy đói và khoái trá nghĩ đến lúc ngồi vào bàn ăn.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TỐI

William và Adso hân hoan

đón nhận sự hiếu khách nồng nhiệt

của Tu viện trưởng

và cuộc đàm thoại giận dữ với Jorge

Nhà ăn được thắp sáng nhờ những ngọn đuốc lớn. Các tu sĩ ngồi quanh dãy bàn tròn. Bàn của Tu viện Trưởng cao hơn hẳn, được đặt trên một bệ thẳng góc với dãy bàn của các tu sĩ. Phía đối diện là bục giảng kinh, và vị tu sĩ sẽ đọc kinh trong bữa ăn tối nay đã có mặt tại chỗ. Tu viện trưởng đang đợi chúng tôi tại bồn nước nhỏ, với một tấm vải trắng để lau tay chúng tôi sau lễ rửa tay, theo lời chỉ bảo xa xưa của Thánh Pachomius.

Tu viện trưởng mời thầy William về bàn mình và bảo tối nay tôi cũng được hưởng đặc quyền này, vì chính tôi cũng là một người khách mời, cho dù tôi chỉ là một tu sĩ dòng Benedict. Cha bảo, vào những ngày sau, tôi phải ngồi với các tu sĩ hoặc nếu tôi bận công việc gì cho thầy tôi, thì có thể tạt vào nhà bếp trước hoặc sau bữa ăn, các đầu bếp sẽ lo bữa cho tôi. Những tu sĩ bấy giờ đang đứng bất động tại bàn ăn, mũ trùm đầu sụp xuống mặt và tay của họ ẩn trong áo dòng. Khi Tu viện trưởng đến bàn của mình và cất tiếng “Xin Chúa ban phước lành”, từ bục giảng, người lĩnh xướng bèn ngâm hoa theo: “Những kẻ nghèo đói được ăn uống”. Tu viện trưởng làm phép và mọi người ngồi xuống.

Nội quy của vị thánh tổ của chúng tôi qui định phải dùng bữa thanh đạm, nhưng cho phép Tu viện trưởng định xem các tu sĩ thực sự cần một lượng

thực phẩm bao nhiêu. Tuy nhiên, các tu viện ngày nay đã để ý đến thú ăn uống nhiều hơn. Tôi không muốn đến những tu viện mà chẳng may đã biến thành những khu tập thực; nhưng ngay cả các tu viện theo lối khổ hạnh cũ cũng đã cung cấp cho các tu sĩ, những người hầu như phải luôn lao động bằng trí óc một cách căng thẳng, một lượng thực phẩm bổ dưỡng chứ không quá đạm bạc. Mặt khác, trên bàn của Tu viện trưởng bao giờ cũng có thực phẩm đầy chất bổ dưỡng hơn, một phần vì các khách quý thường ngồi đây, và các tu viện đều tự hào về những thành phẩm từ những bàn tay và đất đai của nó, và về tài năng của các đầu bếp.

Các tu sĩ lặng lẽ dùng bữa, và như thường lệ, họ nói chuyện với nhau bằng tín hiệu tay. Tu sinh và các tu sĩ trẻ được dọn ăn đầu tiên, ngay sau khi bàn Tu viện trưởng đã được phục vụ.

Cùng ngồi ăn tại bàn Tu viện trưởng với chúng tôi có Malachi, tu sĩ quản hầm, và hai vị tu sĩ cao niên khác: Jorge – tu sĩ mù đáng kính tôi đã gặp tại phòng thư tịch, và Alinardo - một con người cổ kính, gần như đã trăm tuổi, bị tật ở chân, yếu đuối và đã lú lẫn. Tu viện trưởng kể cho chúng tôi nghe rằng khi đến tu viện từ thuở còn là tu sinh, Alinardo đã sống bám trụ mãi ở đây và thuộc lòng gần 80 năm lịch sử của nó. Tu viện trưởng thăm thì nói những điều này vào lúc đầu bữa ăn, vì sau đó ông yên lặng theo dõi bài đọc kinh theo lệ của dòng tu. Nhưng, như tôi đã nói, tại bàn Tu viện trưởng, thực khách được tự do hơn, nên khi ông tán dương chất lượng dầu ô-liu hay rượu vang, chúng tôi bèn ca ngợi các món ăn được dọn ra.

Chúng tôi ăn thịt heo nướng, vừa mới giết, và tôi nhận ra, khi nấu các món ăn khác, họ không dùng mỡ động vật hay dầu cải mà dùng dầu ô-liu hảo hạng, được sản xuất từ các vùng đất của tu viện ở chân núi phía gần biển. Tu viện trưởng ép chúng tôi nếm món thịt gà tôi đã thấy làm ở nhà bếp khi này. Tôi trông thấy ông cũng có một chiếc nĩa kim loại thứ rất hiếm, hình dáng nó khiến tôi nhớ đến chiếc mắt kính của thầy tôi. Là một người dòng

đôi quí tộc, Viện trưởng không muốn thức ăn làm bẩn tay, và mời chúng tôi sử dụng chiếc đĩa của ông, ít ra cũng để xăm thịt từ chiếc đĩa lớn sang vào bát mình. Tôi từ chối, nhưng thầy William lại hoan hỉ nhận lời, và sử dụng món đồ của các bậc quý tộc với vẻ thờ ơ, có lẽ để cho Tu viện trưởng thấy rằng không phải tất cả các tu sĩ dòng Francisco đều ít học và quê mùa.

Vì mãi thương thức tất cả các món ăn ngon này, tôi đã chẳng để tâm đến bài đọc kinh mà từ này giờ vẫn tiếp diễn một cách thành kính. Giọng Jorge nồng nhiệt tán đồng khiến tôi nhớ đến bài kinh và tôi nhận ra đã đến đoạn trong đó luôn luôn luôn có đọc một chương giáo điều. Tôi hiểu tại sao Jorge lại tán đồng như vậy, vì chiều nay tôi đã nghe ông nói chuyện. Tu sĩ đang đọc: “Hãy theo gương của nhà tiên tri, người đã nói: Ta đã quyết sẽ cẩn trọng không để miệng mình phạm tội, ta đã khoá miệng mình và hoá câm, để tự hạ mình, đã nén không nói, dù là nói những điều ngay thực. Và nếu trong đoạn này, nhà tiên tri đã dạy chúng ta rằng đôi khi vì tình yêu quý sự yên lặng, chúng ta phải nén lòng đừng nói, dù là nói về điều đúng đắn, thì chúng ta càng phải nên kiềm chế không nói đến những điều không đúng đắn nhiều hơn nữa, để tránh bị tội lỗi này trừng phạt!”. Rồi ông tiếp tục – “Nhưng chúng ta mãi mãi không cho phép nói những lời thô tục, nhảm nhí, đùa cợt, ở bất cứ nơi nào, và sẽ không để các tông đồ mở miệng nói những điều như vậy”.

- Điều này dành cho các trang ghi chú ngoài lề mà chúng ta đã tranh luận chiều nay, - Jorge ôn tồn bình luận – John Chrysostom đã nói rằng Chúa không bao giờ cười.

- Chẳng có gì trong tính nhân bản của Ngài cấm kỵ việc đó cả, - thầy William lên tiếng, - vì như các nhà thần học đã dạy: nụ cười rất thích hợp với con người.

- Người ta có thể cười, nhưng chẳng có sách vở nào ghi rằng con người đã cười, - Jorge nói, trích dẫn lời nói của Petrus Cantor.

- “Hãy ăn đi, thức ăn đã chín rồi,” - thầy William thì thầm.

- Cái gì? – Jorge hỏi, nghĩ rằng thầy tôi đang nói đến một món ăn nào đó đang được dọn lên.

- Theo Ambrose, đó chính là lời Thánh Lawrence đã nói khi người mời bọn xử giả đến bắt mình; lòng dạ người lúc ấy bồng chồn như ngồi trên lửa, như Prudentius cũng đã kể lại trong quyển “*Peristephanon*” (1).

Thầy William nói với vẻ thánh thiện – Do đó, Thánh Lawrence đã biết cách cười và nói những điều nhố nhăng, dù làm như vậy để nhục mạ kẻ thù của ông đi nữa.

- Điều đó chứng minh tiếng cười là một thứ rất gần với cái chết và sự suy đồi của cơ thể - Jorge sùng sộ đáp, và tôi phải công nhận ông nói như là một nhà lôgíc.

Ngay lúc đó, Tu viện trưởng hoà nhã yêu cầu chúng tôi giữ yên lặng. Dẫu sao thì cũng sắp xong bữa. Tu viện trưởng đứng dậy và giới thiệu thầy William với các tu sĩ. Ông ca ngợi trí tuệ thầy tôi, tán dương danh tiếng của thầy và báo cho mọi người hay rằng ông đã yêu cầu vị khách quý điều tra về cái chết của Adelmo; ông khuyến khích các tu sĩ trả lời bất kỳ câu hỏi nào của thầy và chỉ thị cho tất cả các người giúp việc trong toàn tu viện cũng phải làm như vậy.

Ăn xong, các tu sĩ chuẩn bị lên khu hát kinh dự Kinh Tối. Họ lại hạ mũ xuống mặt, và đứng xếp hàng tại cửa. Rồi họ nối đuôi thành một hàng dài, băng qua nghĩa trang, và đi vào khu hát kinh bằng lối cửa Bắc.

Chúng tôi cùng đi với Tu viện trưởng. Thầy William hỏi ông: - Phải chăng, đây là giờ đóng các cửa của toà Đại dinh?

- Ngay sau khi các người giúp việc lau chùi xong phòng ăn và nhà bếp. Quản thư viện sẽ đích thân đóng tất cả các cửa và gài then bên trong.

- Then gài từ bên trong ư? Thế Huynh ấy ra bằng cửa nào?

Tu viện trưởng trừng trừng nhìn thầy William một lúc.

- Chắc chắn là Huynh ấy không ngủ trong nhà bếp. – Tu viện trưởng hẳn học nói, rồi bắt đầu rảo bước.

Thầy William thì thầm với tôi: - Tốt lắm, như thế chắc chắn còn một cánh cửa khác nữa, nhưng chúng ta không được phép biết đến – Tôi mỉm cười, hãnh diện về tài suy luận của thầy, nhưng thầy mắng:

- Chớ cười! Như con thấy đó, ở đây người ta không ưa tiếng cười.

Chúng tôi tiến vào khu hát kinh. Một ngọn đèn đang cháy sáng rực trên giá ba chân bằng đồng, cao to bằng hai chân người. Các tu sĩ lặng lẽ đi về chỗ mình.

Tu viện trưởng ra hiệu và người xướng ngôn ngâm: “Cầu Chúa ban tình thương cho chúng con”. Tu viện trưởng đáp: “Nhân danh Chúa, chúng con ngợi ca”, và mọi người đồng thanh tiếp lời “Chúa tạo ra trời đất”. Thế rồi bản Thánh ca cất lên: “Khi con kêu gọi Chúa đáp lời, ôi Chúa công minh, con xin thành tâm tạ ơn Chúa, xin Chúa đến ban ơn cho toàn thể tôi tớ của Ngài”.

Chúng tôi không ngồi vào ghế mà lùi vào gian chính của nhà thờ. Tại đó, chúng tôi đột nhiên thấy Malachi từ nhà nguyện tối tăm bên cạnh bước ra. Thầy William bèn bảo tôi:

- Để ý chỗ đó. Có thể có một con đường dẫn đến toà Đại dinh.

- Dưới nghĩa trang à?

- Sao lại không? Thật ra, giờ thầy nghĩ hẳn phải có một lò thiêu ở đâu đó. Họ không thể chôn cất tất cả các tu sĩ chết hàng bao thế kỷ nay trong một khoảng đất nhỏ thế được.

- Nhưng thầy thực tâm muốn đột nhập thư viện vào ban đêm ư?

- Nơi có những linh hồn tu sĩ và rắn rít, và ánh sáng huyền bí, phải không, Adso? Không đâu, con ạ. Hôm nay thầy nghĩ đến hành động đó, không phải vì hiếu kỳ đâu, mà vì thầy đang xem xét vấn đề Adelmo đã chết như thế nào. Bây giờ, như thầy đã nói với con, thầy có khuynh hướng giải thích một

cách khoa học hơn, và sau khi xem xét mọi việc, thầy nghĩ nên tôn trọng luật lệ của nơi này.

- Thế tại sao thầy muốn biết?

- Vì sự học hỏi không chỉ bao gồm hiểu biết điều thầy phải hay có thể làm, mà còn bao gồm cả sự hiểu biết điều thầy sẽ có khả năng làm nhưng có lẽ không nên.

Chú thích:

(1) *(Hy Lạp) Luận về việc Đấng Quang.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

NGÀY THỨ HAI

KINH SỚM

*Một sự kiện đâm máu
cắt ngang
vài giờ hạnh phúc huyền nhiệm.*

Là biểu tượng đôi khi của Quỷ, đôi khi của Chúa phục sinh, chẳng có một con vật nào lại khó tin cậy hơn con gà trống. Dòng chúng tôi biết có những con gà trống chẳng bao giờ gáy lúc bình minh. Mặt khác, đặc biệt vào mùa Đông, Kinh Sớm bắt đầu từ lúc màn đêm hãy còn dày đặc và mọi sinh vật vẫn say ngủ. Vì một tu sĩ sẽ phải thức dậy rồi đọc kinh thật nhiều trong bóng tối, đợi ngày mới bừng lên và lấy ngọn lửa thành kính của lòng mình soi sáng bóng đêm. Do đó, nội qui đã qui định trong khi các tu sĩ anh em đi ngủ, phải có vài tu sĩ thức đêm để ngâm nga một số bài thánh ca cố định. Số bài này cho phép họ đo được số thời gian đã trôi qua; vì vậy, khi hết thời hạn ngủ quy định, họ sẽ đi đánh thức mọi người dậy.

Do vậy, đêm đó, chúng tôi được đánh thức bởi các tu sĩ đánh chuông đi qua suốt nhà nghỉ và nhà hành hương, trong khi một tu sĩ khác đi từ phòng này sang phòng kia, la lớn: “Chúng ta hãy ca ngợi Chúa”, rồi mọi người đồng thanh trả lời: “Tạ ơn Đức Chúa trời”.

Thầy trò tôi tuân theo nội qui của dòng Benedict: chưa đầy nửa giờ, chúng tôi đã sửa soạn xong để còn mừng ngày mới, đoạn chúng tôi đi xuống khu hát kinh. Nơi đây, các tu sĩ nằm xấp trên sàn, đọc mười lăm bài thánh ca đầu tiên để đợi các thầy dẫn tu sinh của mình vào. Xong, mỗi người ngồi trên chiếc ghế quen thuộc của mình, và cả đoàn cất tiếng hát: “Lạy Chúa hãy hé mở môi con, và miệng con sẽ ca ngợi Chúa”.

Tiếng ca vọng lên vòm giáo đường, nghe như tiếng trẻ thơ cầu khẩn. Hai tu sĩ leo lên bục và bắt nhịp bài thánh ca thứ chín mươi tư “Ta đến reo mừng” và mọi người khác ca theo. Tôi cảm thấy lòng ấm áp một niềm tin mới. Các tu sĩ ngồi trên ghế, co ro thân hình trông giống hệt nhau trong bộ áo dòng. Sáu mươi chiếc bóng chập chờn dưới ngọn lửa trên chiếc giá ba chân lớn. Sáu mươi giọng hát hoà với nhau, ca ngợi Đấng toàn năng, và khi lắng nghe khúc hoà điệu cảm động đang đưa ta đến hạnh phúc thiên đường này, tôi tự hỏi phải chăng tu viện này thực sự là nơi còn ẩn giấu những bí mật, những âm mưu và sự đe dọa kinh khủng. Giờ đây, đối với tôi, tu viện trái lại là một mái nhà của những con người thánh thiện, là nơi chốn của đức hạnh, của tri thức, của sự khôn ngoan, hiền hoà, sức mạnh và thiêng liêng.

Sau sáu bài thánh ca, phần đọc thánh kinh bắt đầu. Vài tu sĩ đang gục đầu buồn ngủ, và một trong các tu sĩ trực đêm xách theo một chiếc đèn nhỏ, đi dọc theo các dãy ghế để đánh thức những người ngủ gục. Ai ngủ gục sẽ bị hình phạt xách đèn tiếp tục đi tuần. Sáu bài thánh ca khác được tiếp tục cất lên. Kế đó, Tu viện trưởng ban phước lành, người thứ bảy đọc kinh cầu, và mọi người cúi đầu về phía bàn thờ, tĩnh tâm tận hưởng giây phút ngọt ngào mà những ai không trải nghiệm những giây phút nhiệt tâm huyền bí và tận cùng bình an trong tâm hồn sẽ không thấu hiểu được. Sau cùng, mũ trùm xuống mặt, tất cả ngồi nghiêm trang cất giọng “Bài ca tạ ơn Chúa”. Tôi cũng ca ngợi Chúa, vì Ngài đã giải toả các nỗi ngờ vực và những cảm giác bất an mà tu viện đã gây cho tôi trong ngày đầu tiên...

*

* *

Trong khoảng thời gian giữa Kinh Sớm và Kinh Ngợi khen, các tu sĩ không trở về phòng của mình, mặc dầu đêm vẫn còn tối đen. Tu sinh theo thầy của họ sang nhà nguyện để học Thánh ca, vài tu sĩ ở lại giáo đường để chăm sóc các vật trang trí nhà thờ, còn phần lớn, như thầy trò chúng tôi, đi dạo trong nhà dòng để tĩnh tâm. Các người giúp việc đang ngủ và vẫn say giấc khi chúng tôi trở lại khu hát kinh dự kinh Ngợi khen, trời lúc ấy vẫn rất tối.

Chúng tôi ca Phúc âm và khi minh chứng Phúc âm đã đến soi sáng cho nhân loại thì sao mai, cùng với vẻ đẹp rực rỡ nhất của nó, như thể đang tràn ngập điện thờ. Ánh sáng, dù vẫn chưa đến, dường như đã soi lên các lời thánh ca, lên bông huệ huyền bí ngát hương nở trên các vòm cung trên trần. Tôi lặng lẽ cầu nguyện và thầm nhủ: “Ôi, Thượng đế: Con tạ ơn Ngài vì giây phút sướng vui khôn tả này. Trái tim ngu ngốc của ta ơi, mi sợ hãi điều gì chứ?”

Đột nhiên, từ hướng cửa Bắc vọng lại tiếng người nói ồn ào. Tôi không hiểu tại sao những người giúp việc sửa soạn công việc của họ lại dám làm rộn các buổi kinh lễ như thế. Vào lúc đó ba người nuôi heo bước vào, mặt lộ vẻ kinh hoàng, họ chạy thẳng đến Tu viện trưởng và thầm thì vào tai người điều chi đó. Thoạt tiên, Tu viện trưởng khoát tay trấn tĩnh họ, như thể người không muốn làm gián đoạn buổi lễ, nhưng các người giúp việc khác đã tràn

vào, và tiếng la nghe lớn hơn.

- Một người! Một người chết! – Có người nói lớn và những người khác la tiếp - Một tu sĩ. Không thấy đôi giày xăng đan ư?

Lời cầu kinh im bật và Tu viện trưởng chạy vội ra ngoài, vẫy tay cho viên Quản hầm theo người. Thầy William đuổi theo họ, và bây giờ, các tu sĩ cũng rời ghế vội vã ủa ra ngoài.

Trời đã hừng sáng và tuyết trên mặt đất khiến trời càng sáng hơn. Phía sau khu hát kinh, ngay trước các khu chuồng, nơi hôm qua có cái vại lớn đựng tiết heo, người ta thấy một vật thể kỳ lạ, hình thù giống cây Thập giá, lộ ra khỏi miệng vại, trông như thể hai cái cọc đã được cắm xuống đất và giẻ rách phủ lên đó để dọa chim chóc.

Nhưng đó là hai chân người, chân của một người đầu bị cắm sâu vào vại máu.

Tu viện trưởng ra lệnh lôi xác ra khỏi khối chất lỏng kinh sợ ấy. Hai người nuôi heo lưỡng lự bước đến bên chiếc vại, kéo cái dây máu me đáng thương ra: máu vậy đầy lên người họ. Như người ta đã giải thích cho tôi, tiết heo này đã được lấy ngay sau khi thọc huyết, được khuấy và để ngoài trời lạnh nên nó không bị đông lại. Thế nhưng lớp tiết heo bao bọc xác chết giờ đang bắt đầu cô lại, nó đã thấm đẫm chiếc áo dòng nên không nhận dạng được mặt mũi nữa. Một người giúp việc xách một xô nước đến và xối lên khuôn mặt kẻ bất hạnh. Một người khác cúi xuống lấy khăn lau mặt. Thế rồi trước mắt chúng tôi hiện lên khuôn mặt trắng nhợt của Venantius, học giả người Hy Lạp mà chúng tôi đã hầu chuyện bên cạnh các bản chép tay của Adelmo chiều hôm trước.

Tu viện trưởng bước đến – Sư huynh William, như Huynh thấy đó, một việc gì đó đang diễn tiến bên trong tu viện này, một việc đòi hỏi tất cả trí tuệ của Huynh. Xin Huynh hãy hành động ngay.

Thầy William chỉ vào xác chết và hỏi:

- Huynh ấy có mặt trong khu hát kinh lúc hành lễ hay không?
- Không – Tu viện trưởng nói – Cha thấy ghế của Huynh ấy trống.
- Không có ai khác vắng mặt à?
- Có lẽ không, nhưng Cha không để ý kỹ.

Thầy William lưỡng lự trước khi hỏi câu kế, và ông thì thầm hỏi, cô đề không ai khác nghe được.

- Berengar có mặt nơi ghế của Huynh ấy không?

Tu viện trưởng nhìn thầy với vẻ vừa áy náy vừa kinh ngạc, như muốn tỏ ra rằng ông bàng hoàng nhận thấy thầy tôi cũng nuôi dưỡng một nỗi ngờ vực mà chính ông đã có, vì những nguyên nhân hiển nhiên hơn. Rồi ông đáp nhanh:

- Huynh ấy có mặt ở đó, ngồi ở ghế đầu, gần kề bên phải tôi.
- Hẳn rồi, tất cả những điều này là vô nghĩa, con không tin có người đi xuyên tường sau điện thờ để vào khu hát kinh, và do đó, thầy ma có lẽ đã ở đó nhiều giờ, ít nhất là từ lúc mọi người đã đi ngủ.
- Chắc vậy, những người giúp việc dậy sớm nhất vào lúc hừng sáng, do đó họ mới khám phá ra xác chết trước tiên.

Thầy William cúi xuống thi hài, như thể thầy đã quen tiếp xúc với xác chết. Thầy nhúng miếng giẻ bên cạnh vào xô nước và lau kỹ khuôn mặt Venantius. Trong khi đó, các tu sĩ khác đang đứng quanh, kinh hãi bàn tán xôn xao, khiến Tu viện trưởng phải buộc họ yên lặng. Trong số những người tiến đến gần có Severinus, người chịu trách nhiệm về sức khỏe trong tu viện. Ông này cúi xuống bên cạnh thầy tôi. Để nghe họ nói chuyện và để hỗ trợ thầy William, vì thầy cần một mảnh vải sạch khác, tôi nhập cuộc, cố đè nén nỗi kinh hãi và ghê tởm của mình.

Thầy William hỏi: - Huynh có bao giờ trông thấy một người chết trôi chưa? Severinus trả lời: - Nhiều lần rồi, và nếu tôi đoán trúng điều huynh muốn ám chỉ, thì người chết trôi không có bộ mặt như thế này: mặt mũi họ tương

lên hết.

- Như thế, Huynh ấy đã chết, rồi ai đó mới ném xác vào vại máu.

- Tại sao người ta lại làm như thế?

- Tại sao lại giết Huynh ấy ư? Chúng ta đang đương đầu với một kẻ có đầu óc bất thường. Nhưng bây giờ cần phải xem thi thể có vết thương hay vết bầm gì không? Tôi đề nghị đem xác vào phòng tắm, cởi quần áo, tắm rửa và xét nghiệm. Tôi sẽ đến đây với Huynh ngay.

Trong khi Severinus được Tu viện trưởng cho phép bảo các người nuôi heo đem xác đi, thầy tôi đề nghị Tu viện trưởng bảo các tu sĩ trở về khu hát kinh, theo đường cũ, và các người giúp việc cũng về nghỉ: do đó, hiện trường được trống trải. Cuối cùng, chỉ còn lại thầy trò tôi đứng bên cạnh chiếc vại máu đã trào ra khi người ta lôi thầy ma góm ghiếc ra ngoài. Mặt tuyết quanh đó đỏ lôm, và ở những nơi bị xối nước tuyết tan thành từng vũng nhỏ. Chỗ người ta đặt xác hằn lên một vết lớn màu đỏ bầm. Thầy William nói, hát đầu về phía các dấu chân hỗn loạn do các tu sĩ và những người giúp việc để lại.

- Thật là lung tung, Adso ơi, tuyết trắng là một thứ giấy tuyết vời, trên đó thân người để lại những hàng chữ rất dễ đọc, nhưng bản viết này lại được cạo sửa quá tồi tệ, có lẽ chúng ta chẳng đọc được điều gì thích thú đâu. Khoảng đất từ nhà thờ đến đây, các tu sĩ đã tập nập ngược xuôi, còn khoảng từ nhà kho, chuồng trại đến đây thì các người giúp việc đã ùa đến. Cái khoảng trống duy nhất không có ai đi lại là giữa kho thóc và Đại dinh. Thử xem chúng ta có tìm được điều gì đáng chú ý không?

- Thầy mong sẽ tìm thấy gì?

- Nếu Huynh ấy không tự lao đầu vào vại, thầy cho rằng có kẻ nào đó đã vác xác Huynh đến đó, sau khi Huynh ấy đã chết hẳn. Một người vác xác một người khác sẽ để lại những vết chân sâu trên tuyết. Do đó, hãy nhìn xem có tìm được quanh đây vài dấu chân khác với các dấu chân của các tu

sĩ rầm rập chạy đến làm hỏng bản giấy tuyết của chúng ta hay không.

Và chúng tôi đã tìm thấy nó. Phải nói ngay rằng chính tôi là người tìm ra. Xin Thượng đế chớ để con mắc tội kiêu hãnh, chính tôi đã khám phá ra một vật ở khoảng giữa vại máu và Đại dinh: đó là những dấu chân người, khá sâu, trong khu đất chưa có ai đi qua. Như thầy tôi đã nhận xét ngay tức khắc, những dấu chân này có vẻ mờ hơn các dấu chân của các tu sĩ và những người giúp việc, một dấu hiệu chứng tỏ tuyết đã rơi xuống đó rất nhiều lớp. Như thế, những dấu chân này đã xuất hiện trước tiên, nhưng đối với chúng tôi, có lẽ điều đáng ghi nhận hơn cả là có một vết dài, chạy liên tục lẫn trong những dấu chân người này kéo lê đi. Tóm lại, đó là các dấu chân chạy từ vại đến nhà ăn, sang mạn hông của Đại dinh, đến giữa ngọn tháp phía Nam, rồi sang ngọn tháp phía Đông.

Thầy William nói: - Nhà ăn, phòng thư tịch, thư viện. Lại một lần nữa. Thư viện. Venantius chết trong Đại dinh và có lẽ là trong thư viện.

- Tại sao lại chính là trong thư viện?

- Ta đang tự đặt mình vào hoàn cảnh của kẻ sát nhân. Nếu Venantius chết hay bị giết trong nhà ăn, nhà bếp hoặc phòng thư tịch, tại sao không để xác chết lại đó? Nhưng nếu Huynh ấy chết trong Thư viện thì phải vác xác đến nơi khác, vì cả hai lý do: Một là, trong Thư viện sẽ chẳng bao giờ có ai tìm thấy xác chết cả, và có lẽ kẻ sát nhân đặc biệt quan tâm đến việc tất cả mọi người đều trông thấy xác chết - Hai là: kẻ sát nhân không muốn mọi người tập trung vào Thư viện.

- Tại sao kẻ sát nhân muốn ai cũng trông thấy xác chết?

- Thầy không biết. Thầy có thể đưa ra vài giả thiết. Làm sao chúng ta biết kẻ sát nhân đã giết Venantius vì thù oán? Hắn có thể giết Huynh ấy, chớ không phải ai khác, hòng để lại một dấu hiệu, hoặc ám chỉ một ý gì khác.

- Dấu hiệu đó là gì?

- Đây chính là điều thầy không biết, nhưng chúng ta chớ quên rằng có

những dấu hiệu như thế, nhưng thật ra vô nghĩa.

- Giết người như thế thật là gớm ghiếc!

- Giết một người để nói: “Tôi tin Chúa” thì còn gớm ghiếc hơn.

Lúc ấy, Severinus tiến đến. Thi hài đã được rửa sạch và xét nghiệm kỹ lưỡng, không có thương tích, không một vết trầy trên đầu.

Khi chúng tôi trở về bệnh xá, thầy William hỏi:

- Trong phòng thí nghiệm của Huynh có độc dược không?

- Lẫn cùng với những thứ khác. Nhưng còn tùy Huynh cho thế nào là độc dược, vì những dược chất khi dùng liều ít sẽ rất bổ dưỡng, nhưng dùng quá liều sẽ gây tử vong. Cũng như các dược thảo sư khác, tôi bảo quản các dược chất này và dùng chúng rất thận trọng. Chẳng hạn, tôi có trồng trong vườn loại cây Nữ Lang: vài giọt thuốc từ cây này trong hỗn hợp các loại dược thảo khác sẽ trợ tim, nếu tim đập không đều, nhưng nếu dùng quá liều sẽ gây choáng váng hoặc chết người.

- Huynh không nhận thấy xác chết có một dấu hiệu gì chứng tỏ bị nhiễm một loại độc dược nào sao?

- Không. Có nhiều loại độc dược chẳng để lại dấu tích gì.

Chúng tôi đến bệnh xá. Sau khi được rửa sạch tại nhà tắm, xác Venantius đã được đưa đến đây, đặt trên chiếc bàn lớn trong phòng thí nghiệm của Severinus. Các nồi chưng và các dụng cụ thủy tinh hoặc bằng đất khiến tôi nghĩ đến phòng làm việc của một nhà giả kim. Trên vài chiếc kệ dài kê sát tường, gần cửa ra vào, bày vô số chai, lọ, ống, nồi, đựng đầy các chất đủ màu.

- Một bộ sưu tập cây thuốc rất hay. Tất cả đều là sản phẩm từ vườn của Huynh đấy chứ?

- Không, nhiều loại hiếm hoặc không thể trồng được trong khí hậu này đã được các tu sĩ từ khắp thế giới mang đến cho tôi trong bao năm nay, cùng với các loại rất dễ trích ra từ hoa ở địa phương, tôi có nhiều dược thảo rất

quý và hiếm. Huynh xem... đây là mumia, rất hiếm, được sản xuất từ sự phân hủy các xác chết khô; nó được dùng để chế ra nhiều loại thuốc hiệu nghiệm gần như thần dược. *Madragora officinalis*, giúp ngủ ngon...

- Và giúp khơi dậy dục vọng - thầy tôi nhận xét.

- Người ta nói thế, nhưng như Huynh thấy, ở đây không dùng nó vào mục đích đó - Severinus mỉm cười - Và nhìn đây, Tutty, thuốc mắt thần kỳ - ông nói và với lấy một ống thuốc.

- Còn thứ gì đây? - Thầy William hỏi và sờ vào một thỏi đá nằm trên kệ.

- Cục đá đó à? Người ta cho tôi đã lâu rồi. Chắc nó có khả năng trị bệnh, nhưng tôi chưa khám phá ra khả năng đó là gì. Huynh có biết loại đá đó không?

- Biết. Nhưng không rõ hết được năng của nó - Thầy William nói và lôi trong áo ra một con dao nhỏ, và từ từ đưa về phía cục đá. Tay thầy cầm dao hết sức nhẹ nhàng. Khi lưỡi dao dí sát vào cục đá, tôi bỗng thấy lưỡi dao bật vút lên, như thể thầy William đã lắc lư cổ tay nhưng thật ra tay thầy hoàn toàn bất động. Rồi lưỡi dao hít chặt vào cục đá, tạo ra một tiếng cách nhỏ. Thầy William bảo tôi:

- Con thấy không, nó hút sắt.

- Thế, nó dùng để làm gì?

- Nó có nhiều công dụng khác nhau, thầy sẽ cho con biết sau. Và bây giờ, thưa Sư huynh Severinus, tôi muốn biết tại đây có loại thuốc gì có khả năng giết người không?

Severinus nghĩ ngợi một lúc, có thể là một lúc lâu, để cân nhắc câu trả lời - Có nhiều loại. Như tôi đã trình bày, ranh giới giữa thuốc bổ và thuốc độc rất ngắn, người Hy Lạp đã dùng từ *pharmacon* cho cả hai loại.

- Đạo gần đây không có loại nào bị lấy đi chứ?

Severinus lại ngẫm nghĩ, dường như cân nhắc từng chữ: - Gần đây thì không.

- Thế còn trước đây?

- Ai mà biết được? Tôi chẳng nhớ. Tôi ở tu viện này ba mươi năm mà hết hai mươi lăm năm ở bệnh xá.

- Thật quá lâu với ký ức một con người - Thầy William nhìn nhận và đột nhiên nói - Hôm qua chúng ta đang nói đến các loại cây có khả năng gây ảo giác. Chúng là những cây gì thế?

Cử chỉ và vẻ mặt của Severinus chứng tỏ rằng ông vô cùng mong muốn lần tránh đề tài này;

- Tôi phải suy nghĩ kỹ đã. Tôi có nhiều loại thuốc thần kỳ ở đây. Nhưng chúng ta hãy nói về cái chết của Venantius thì hơn. Huynh nghĩ thế nào về việc đó.

- Tôi cũng phải suy nghĩ kỹ đã.

KINH ĐẦU

*Benno thổ lộ một số điều,
Berengar thổ lộ một số điều khác
và Adso học được ý nghĩa
của việc thực sự sám hối.*

Sự kiện rùng rợn vừa rồi làm chấn động cuộc sống của dòng tu. Cảnh hỗn loạn khi phát hiện xác chết làm gián đoạn buổi thánh lễ. Tu viện trưởng lập tức điều động các tu sĩ về khu hát kinh để nguyện cầu cho linh hồn người tu sĩ anh em xấu số. Giọng của các tu sĩ ghen ngào. Thầy trò tôi chọn một chỗ ngồi để có thể quan sát được tất cả gương mặt mọi người khi nghi thức không đòi hỏi phải sụp mũ xuống. Tức thì, chúng tôi trông thấy gương mặt

Berengar. Nó tái xanh, cau có và đầm mồ hôi.

Sát bên y, chúng tôi để ý đến Malachi. Gương mặt ông u tối, suy tư, trầm tĩnh. Kế Malachi, cũng trầm tư như thế là gương mặt của tu sĩ mù Jorge. Mặt khác, chúng tôi quan sát thấy Benno - học giả hùng biện mà chúng tôi đã gặp hôm trước tại phòng thư tịch - Huynh ấy có vẻ bồn chồn, liếc vội về phía Malachi. Thầy William nói: - Benno thì bồn chồn, Berengar thì sợ hãi, phải thăm vấn họ ngay.

- Tại sao?

- Việc của chúng ta rất khó khăn. Đó là việc gian nan của một phán quan phải đánh vào kẻ yếu đuối nhất và vào chính lúc họ cảm thấy yếu đuối nhất.

Ngay khi vừa tan lễ, chúng tôi đuổi theo Benno, lúc y đang trực chỉ thư viện. Người tu sĩ trẻ này dường như bức mình khi nghe thầy William gọi, nên lảo đảo thoái thác xin cáo phải đi làm việc ngay. Dường như Huynh ấy đang vội đi đến phòng thư tịch. Thầy tôi lưu ý Huynh ấy rằng, thầy đang tiến hành điều tra theo mệnh lệnh của Tu viện trưởng, rồi đưa Benno vào nhà dòng. Chúng tôi ngồi lên bức tường giữa hai cây cột nhìn về phía Đại đình. Benno đợi thầy tôi nói trước.

- Này nhé, thế vào ngày Huynh thảo luận các tranh minh họa bên lễ Thánh thư của Adelmo với Berengar, Venantius, Malachi và Jorge, mọi người đã nói gì?

- Hôm qua, Huynh đã nghe rồi đó, Jorge bảo rằng sử dụng các hình ảnh lồ bịch để trang trí những quyển sách chứa đựng sự thực là không đúng đắn. Venantius nhận xét rằng, chính Aristotle đã nói về những lối nói dí dỏm và những cách chơi chữ như những công cụ có khả năng bộc lộ sự thực hay hơn; do đó, tiếng cười không thể là một điều xấu, nếu nó có thể trở thành một phương tiện diễn đạt sự thực. Jorge bảo rằng Huynh ấy nhớ rằng

Aristotle đã viết về điều này trong tác phẩm “Thi ca”[22] khi bàn luận về phép ẩn dụ. Và chính trong những điều này, có hai sự kiện rắc rối: thứ nhất, vì tác phẩm “Thi ca” từ lâu vốn đã không được lưu truyền trong xứ đạo, đã được người Maroc vô thần mang đến cho chúng ta...

- Nhưng sách đó đã được một người bạn của bác sĩ thánh thiện Aquino dịch ra tiếng La tinh.

- Đó là điều tôi đã nói với Huynh ấy - Benno phần khởi thốt lên - Tôi đọc tiếng Hy Lạp rất tệ, nên chỉ có thể nghiên cứu quyển sách đó qua bản dịch của William xứ Moerbeke. Vâng chính tôi đã nói thế. Nhưng Jorge nói thêm rằng, nguyên nhân gây rắc rối thứ hai là do trong quyển sách đó, con người xứ Stragira[23] đã viết về thi ca, một giáo điều thấp hèn và tồn tại trong những lời bịa đặt. Venantius bảo các bài thánh ca cũng là những bài thơ sử dụng phép ẩn dụ, và Jorge bèn nổi giận vì Huynh ấy cho rằng thánh ca là các công trình của Thánh ý, và phép ẩn dụ được sử dụng để miêu tả sự thực. Trong khi đó, các bài thơ của các thi sĩ đa thần lại sử dụng phép này để diễn đạt sự giả dối, nhằm mục đích giải trí thuần túy, một nhận xét hết sức xúc phạm đến tôi...

- Tại sao?

- Vì tôi đang nghiên cứu tu từ học, tôi đã đọc nhiều nhà thơ đa thần, và tôi biết... hay tin rằng lời lẽ của họ cũng miêu tả các sự thật hiển nhiên còn hơn là người Thiên Chúa. Nói tóm lại, lúc đó, nếu tôi vẫn còn nhớ rõ, Venantius nói về những quyển sách khác, và Jorge nổi giận đùng đùng.

- Những quyển sách nào?

Benno lưỡng lự - Tôi không nhớ rõ. Sách nào thì có quan trọng gì?

- Rất quan trọng, vì tại nơi đây, chúng tôi đang cố tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra trong những con người sống giữa sách vở, với sách vở và từ sách vở; do đó, nhận định của họ về sách vở nhất thiết phải quan trọng.

Lần đầu tiên Benno mỉm cười, khuôn mặt gần như rạng ngời lên - Đúng đấy, chúng tôi chỉ sống về sách vở. Một nhiệm vụ đẹp đẽ trong thế giới hỗn loạn và hư đốn này. Như thế, có thể Huynh sẽ hiểu được những điều đã xảy ra vì lẽ đó. Venantius, người rất giỏi tiếng Hy Lạp, nói rằng Aristotle đã dành riêng tập thứ hai của tác phẩm “Thi ca” để viết về tiếng cười. Nếu một triết gia vĩ đại như thế đã viết cả một quyển sách về tiếng cười, thì tiếng cười hẳn phải quan trọng chứ. Jorge bảo rằng, nhiều Cha đã dành trọn những quyển sách viết về tội lỗi, điều đó quan trọng nhưng xấu xa. Venantius bảo, theo Huynh ấy còn nhớ, Aristotle đã nói về tiếng cười như một điều thiện, một công cụ của sự thật. Thế rồi, Jorge khinh miệt hỏi xem Huynh ấy từng đọc quyển sách đó của Aristotle chưa, Venantius đáp rằng chẳng có ai đọc được quyển sách đó cả, vì không ai tìm ra nó, và có lẽ nó đã thất lạc mất tiêu rồi. Thật vậy, William xứ Moerbeke cũng chưa hề cầm đến nó. Đoạn Jorge bảo, nếu chưa ai tìm ra quyển sách đó, thì chính vì nó chưa hề được viết ra, và vì Đức Chúa trời không muốn làm vinh quang những chuyện phù phiếm. Tôi muốn xoa dịu mọi người, vì tính Jorge rất nóng, còn Venantius thì cố tình chọc giận Huynh ấy. Tôi bèn nói rằng, trong những đoạn của tác phẩm “Thi ca” mà chúng tôi có biết, cũng như trong quyển “Tu từ học”[24], có rất nhiều lời nhận xét khôn ngoan về các câu đố. Venantius nhất trí với tôi. Bây giờ, Pacificus cũng về phe chúng tôi, Huynh ấy biết rất rõ những nhà thơ đa thần và bảo rằng, nói về các câu thơ dí dỏm thì không ai có thể giỏi hơn các thi sĩ Phi Châu. Huynh ấy có dẫn ra một câu đố về cá của Symphosius:

Nhà ở trên trái đất, lời đã bộc lộ rõ ràng

Chính nhà ấy đã ngân vang, nhưng khách yên lặng không lên tiếng

Cả hai cùng chạy, khách cùng lúc với nhà.

Đến lúc này, Jorge bèn bảo Chúa Kitô đã mong chúng ta chỉ nói hoặc là

“có”, hoặc là “không”, và bất kỳ kiểu nói nào khác đều xuất phát từ Quỷ dữ, muốn chỉ “có” thì chỉ cần nói “có” là đủ rồi, chớ không cần che dấu khái niệm đó dưới âm thanh lừa lọc. Đoạn Huynh ấy tiếp rằng Huynh không nghĩ rằng, việc lấy các nhà thơ Châu Phi làm mẫu mực là khôn ngoan đâu... Và rồi thì...

- Rồi thì sao?

- Rồi có một việc xảy ra mà tôi không hiểu, Berengar phá lên cười. Jorge mắng Berengar, và Berengar bảo mình cười vì theo Huynh, nếu người ta tìm kiếm kỹ lưỡng trong số các nhà thơ Châu Phi, thì sẽ tìm thấy các câu đố hoàn toàn khác nhau, không dễ dàng như câu đố về cá ban nãy đâu. Malachi có mặt lúc đó, bèn nổi giận nắm lấy mũ của Berengar và tông Huynh ấy về nơi làm việc của mình... Berengar, Huynh biết đấy, là phụ tá của Malachi...

- Và sau đó?

- Sau đó, Jorge chấm dứt cuộc tranh luận bằng cách bỏ đi. Tất cả chúng tôi bèn quay về công việc của mình nhưng trong khi tôi đang làm việc, tôi trông thấy, đầu tiên là Venantius, rồi đến Adelmo, tiến đến chỗ Berengar và hỏi Huynh ấy điều chi đó. Từ đằng xa, tôi thấy Berengar đang lảng tránh các câu hỏi của họ, nhưng nội trong ngày đó, cả hai quay lại tìm hắn. Và rồi buổi tối hôm đó, tôi thấy Berengar và Adelmo nói chuyện với nhau trong nhà dòng, trước khi vào phòng ăn. Thế đấy, đó là tất cả những gì tôi biết.

Thầy William nói: - Như thế, Huynh có biết rằng hai người vừa chết một cách bí ẩn đều đã hỏi Berengar một điều chi đó.

Benno bèn rồi đáp: - Tôi không nói như thế! Tôi kể Huynh nghe những gì đã xảy ra hôm đó, vì Huynh yêu cầu tôi... - Huynh ấy suy nghĩ một lát và vội tiếp - Nhưng nếu Huynh muốn biết ý kiến của tôi thì nó như thế này, Berengar nói với họ về một vật gì đó trong thư viện, và đó là nơi Huynh cần

tìm kiếm.

- Tại sao Huynh lại nghĩ đến thư viện? Berengar có ý muốn nói gì về việc tìm kiếm trong số những nhà thơ Châu Phi? Có phải Huynh ấy muốn nói rằng cần đọc họ rộng rãi hơn chăng?

- Có thể. Dường như là như vậy. Thế nhưng tại sao Malachi lại nổi giận chứ? Dẫu sao, chính Huynh ấy là người quyết định xem có nên đưa một tập thơ của các thi sĩ Châu Phi cho chúng tôi đọc hay không? Nhưng tôi biết một điều: Bất kỳ ai giở qua tập danh mục sách sẽ thường thấy, trong số các ký hiệu mà duy chỉ Quản thư viện mới hiểu được, một ký hiệu đề “Châu Phi”. Tôi thậm chí đã tìm thấy một ký hiệu đề “Tận cùng Châu Phi” (finis Africae). Có một lần tôi hỏi mượn quyển sách mang ký hiệu đó, tôi không nhớ quyển nào, dù tựa sách rất khôu gợi óc hiếu kỳ của tôi. Và Malachi bảo các sách mang ký hiệu đó đã bị mất! Đó là điều tôi biết. Vì thế nên tôi bảo Huynh đúng, hãy để ý đến Berengar và kiểm tra khi nào Huynh ấy lên thư viện, không ai có thể ngờ được đâu.

- Không ai có thể ngờ được - Thầy William kết luận và cho phép Huynh ấy lui. Đoạn thầy bắt đầu đi dạo với tôi trong nhà dòng và nhận xét: trước tiên, Berengar là đề tài cho các tu sĩ anh em xầm xì; kế đến; Benno có vẻ nôn nóng muốn hướng chúng tôi về phía thư viện. Tôi thấy rằng có lẽ Huynh ấy muốn chúng tôi khám phá những điều mà Huynh ấy cũng muốn biết. Thầy tôi bảo có thể là như vậy, nhưng cũng có thể trong khi hướng chúng tôi về phía thư viện, Huynh ấy muốn chúng tôi đừng để ý đến một nơi nào khác. Tôi hỏi nơi nào, Thầy bảo không biết, có lẽ là trong phòng thư tịch, có lẽ là nhà bếp, khu hát kinh, nhà nghỉ hay bệnh xá. Tôi thưa rằng, hôm trước, chính thầy đã bị thư viện quyến rũ, và thầy nói rằng thầy muốn được quyến rũ bởi những nơi thầy đã chọn, chứ không phải bởi những nơi mà các người

khác đã khuyên thầy. Nhưng cần phải quan sát thư viện, và ngay lúc này, việc đột nhập vào đó cũng là một ý hay. Hoàn cảnh hiện tại đã cho phép thầy tò mò, trong khuôn khổ tôn trọng các tập tục và luật lệ của tu viện. Chúng tôi rời nhà dòng. Các tu sinh và những người giúp việc đang từ nhà thờ đi ra sau khi tan lễ. Khi chúng tôi men theo mạn Tây của nhà thờ, chúng tôi chợt thấy Berengar đang từ trong cánh cửa ngang bước ra, rồi băng qua nghĩa trang. Thầy William gọi. Huynh ấy dừng lại, nên chúng tôi bắt kịp. Thậm chí Huynh ấy trông còn thê thảm hơn khi chúng tôi thấy trong khu hát kinh, và thầy William hiển nhiên quyết khai thác tình trạng tinh thần này như thầy đã từng làm với Benno. Thầy nói:

- Dường như Huynh là người cuối cùng gặp Adelmo còn sống.

Berengar lão đảo, dường như muốn ngắt đi:

-Tôi ư? - Huynh ấy yếu ớt hỏi, vì thầy tôi đặt câu hỏi đó như thể tình cờ, có lẽ vì Benno đã kể thầy nghe việc hai người nói chuyện với nhau trong nhà dòng sau Kinh chiều. Câu hỏi hẫng đã bắn trúng đích, và Berengar rõ ràng đang nghĩ đến một buổi gặp gỡ khác, chắc là buổi gặp gỡ cuối cùng, vì thế Huynh ngập ngừng cất giọng;

- Sao Huynh lại nói thế? Tôi không hề trông thấy Huynh ấy trước khi đi ngủ, cũng như tất cả mọi người khác.

Thầy William bèn gây sức ép ngay, quyết không buông tha - Không. Huynh còn gặp Huynh ấy sau đó nữa và Huynh biết rõ nhiều điều mà không muốn thú nhận. Ở đây đã xảy ra hai cái chết rồi, nên Huynh không thể yên lặng được nữa. Huynh thừa hiểu rằng, có nhiều cách để buộc người ta nói chứ.

Thầy William thường bảo tôi rằng, ngay khi thầy còn là phán quan, thầy đều tránh sử dụng hình thức tra tấn: nhưng Berengar đã hiểu nhăm ý thầy.

Dầu sao, đó là một phương thức hữu hiệu. Berengar nói, rồi bật khóc thôn thức - Vâng, vâng, tôi đã gặp Adelmo đêm đó, nhưng tôi đã thấy khi Huynh ấy đã chết rồi...

- Thế nào? Tại chân đồi à?

- Không, không. Tôi gặp Huynh ấy tại nghĩa trang này. Huynh ấy đang đi giữa những nấm mồ, một hồn ma giữa những hồn ma. Tôi nhận ra Huynh ấy và biết ngay rằng, trước mắt tôi không phải là một người sống nữa; Huynh ấy mang bộ mặt của một xác chết, đôi mắt lẳng đọng một sự trừng phạt vĩnh cửu. Dĩ nhiên, mãi đến sáng hôm sau, khi hay tin Huynh ấy đã chết, tôi mới hiểu ra rằng tôi đã gặp một hồn ma; nhưng ngay lúc ấy, tôi biết tôi đang trông thấy ảo ảnh và trước mắt tôi là một linh hồn bị dọa dẫm. Chúa ơi, giọng Huynh ấy nói với tôi lạnh lẽo, âm u làm sao!

- Và Huynh ấy đã nói gì?

- *“Tôi bị dọa dẫm”*. Huynh ấy đã nói với tôi như thế, *“như Huynh thấy đây, tôi là một kẻ trở về từ địa ngục, rồi tôi sẽ phải trở lại địa ngục.”* Huynh ấy nói với tôi như thế, và tôi la lên: *“Adelmo, Huynh thực trở về từ địa ngục sao? Nỗi thống khổ ở địa ngục như thế nào?”* Tôi run bần bật, vì vừa tan Kinh Tối, trong buổi lễ đó tôi vừa nghe những trang kinh khủng khiếp về cơn thịnh nộ của Thượng đế, thế rồi Huynh ấy lại nói với tôi: *“Nỗi thống khổ muôn vàn to tát hơn chúng ta có thể diễn tả. Huynh có thấy bộ lột giả dối mà tôi vẫn mặc cho đến nay chứ? Nó siết chặt tôi, đè nặng trĩu trên người tôi, như thể ngọn tháp cao nhất ở Paris hay ngọn núi cao nhất thế giới đang đè trên lưng tôi, mà tôi không bao giờ có thể đặt nó xuống được nữa. Công lý thiêng liêng biết tôi đang chịu nỗi khổ này để trừng phạt tính kiêu hãnh của tôi, vì tôi tin thân thể mình là nơi đón nhận lạc thú, vì tôi nghĩ mình biết nhiều hơn người khác, vì tôi đã khoái trá những thứ quái đản, đó là những thứ bấy lâu được áp ủ trong trí tưởng tượng của tôi, làm*

sinh ra trong tâm hồn tôi nhiều thứ còn quái đản hơn nữa. Thế nhưng, giờ đây tôi phải cùng sống với chúng nơi vĩnh cửu. Huynh nhìn thấy lớp vải lót của chiếc áo dòng này chứ? Nó như thể toàn bằng than hồng và lửa đỏ rực, và chính lửa này đang đốt cháy thân thể tôi, và tôi phải chịu sự trừng phạt này, bởi tội lỗi xấu xa của xác thịt tôi hằng nuôi dưỡng. Ngọn lửa này không ngừng thiêu đốt tôi! Xin đưa tay cho tôi, hỡi người thầy đẹp trai”. Huynh ấy lại còn nói thêm: *“Cuộc gặp gỡ này có thể là một bài học hữu ích để đổi lại nhiều bài học mà thầy dạy tôi. Hãy đưa tay đây, hỡi người thầy đẹp trai của tôi”.* Huynh ấy lắc lư ngón tay trong bàn tay nóng bỏng của mình và giọt mồ hôi nhỏ bé của Huynh ấy rơi xuống bàn tay tôi, như thể thấm suốt qua tay tôi. Tôi mang dấu vết đó nhiều ngày, nhưng có điều tôi giấu hết thầy mọi người. Rồi Huynh ấy biến mất vào các năm mờ. Sáng hôm sau, tôi được biết rằng con người đêm trước đã khiến tôi vô cùng kinh hãi, giờ đây đã chết ở chân vực đá.

Berengar ghen ngào khóc. Thầy William hỏi:

- Thế tại sao Huynh ấy lại gọi Huynh là *“người thầy đẹp trai của tôi”*? Cả hai Huynh đều đồng tuổi nhau, Huynh đã dạy Huynh ấy điều gì vậy?

Berengar cúi đầu, kéo mũ trùm mặt và quỳ xuống ôm lấy chân thầy William... - Tôi không biết tại sao Huynh ấy lại gọi tôi như thế? Tôi chẳng hề dạy Huynh ấy điều chi cả - Rồi Berengar thốt thức – Con sợ quá, Cha ơi! Con muốn xưng tội với Cha. Xin Cha hãy khoan dung, quỷ đang nuốt sống lòng ruột con!

Thầy William đẩy Berengar ra, đưa tay kéo Huynh ấy đứng dậy và bảo: - Không, Berengar ạ! Chớ yêu cầu tôi nghe lời xưng tội. Đừng mở miệng Huynh để khóa miệng tôi. Điều tôi muốn nghe, Huynh sẽ kể cho tôi nghe bằng cách khác, chớ không phải qua lời xưng tội. Nếu Huynh không kể, tôi

sẽ tự tìm hiểu lấy. Yêu cầu tôi khoan dung, nếu Huynh thích, nhưng chớ yêu cầu tôi im lặng. Vì trong tu viện này có quá nhiều người im lặng rồi. Tốt hơn, hãy nói cho tôi biết bằng cách nào Huynh thấy được gương mặt xanh xao của Huynh ấy, nếu đó là một đêm tối như mực? Làm thế nào Huynh ấy đốt cháy tay Huynh, nếu đó làm một đêm tuyết rơi? Và lúc đó Huynh đang làm gì trong nghĩa trang? Nói đi! Ít nhất Huynh hãy nói cho tôi biết điều này! – Thầy William nắm vai Berengar lắc một cách tàn nhẫn.

Toàn thân Berengar run lấy bầy – Tôi không biết lúc ấy tôi đang làm gì ở trong nghĩa trang. Tôi không nhớ, tôi không biết tôi trông thấy gương mặt Huynh ấy bằng cách nào? Có lẽ tôi có một ngọn đèn. Không...đúng hơn, Huynh ấy có một ngọn đèn và có lẽ tôi trông thấy bộ mặt nhờ ánh lửa...

- Làm thế nào Huynh ấy có thể mang đèn được nếu lúc ấy tuyết đang rơi?

- Lúc ấy là sau Kinh Tối. Ngay sau Kinh Tối, trời chưa đổ tuyết, mãi về sau tuyết mới rơi... Tôi nhớ những bông tuyết đầu tiên rơi xuống, khi tôi chạy về phía nhà nghỉ. Tôi chạy về phía nhà nghỉ thì bóng ma chạy ngược lại... và sau đó tôi không biết gì thêm nữa. Xin đừng hỏi tôi nữa, nếu Huynh không cho tôi xưng tội.

- Rất tốt, đi đi, vào khu hát kinh đi. Hãy xưng tội với Thượng đế, vì Huynh sẽ không nói với người phạm tục hay đi tìm một tu sĩ chịu nghe Huynh xưng tội. Nếu từ lúc đó đến nay Huynh chưa xưng tội thì Huynh đã phạm thánh rồi đó. Đi đi, sẽ gặp lại nhau sau.

Berengar chạy mất dạng. Thầy William chà xát hai bàn tay vào nhau – một cử chỉ tôi thường thấy trong những dịp thầy hài lòng điều gì.

- Tốt! Bây giờ nhiều điều đã bắt đầu sáng tỏ.

- Sáng tỏ ư, thưa thầy? Sáng tỏ vì giờ đây chúng ta lại có thêm hồn ma Adelmo chẳng?

- Adso thân yêu của thầy. Hồn ma đối với thầy chẳng có gì ma quái lắm. Dầu sao đi nữa, Huynh ấy đã đọc một trang sách mà ta từng đọc trong một quyển sách nào đó, viết cho các nhà thuyết giáo sử dụng. Có lẽ những tu sĩ đó đọc quá nhiều nên khi đầu óc họ bị kích động, các hình ảnh họ đã đọc được trong sách vở hiện ra. Thầy không biết Adelmo có thực sự nói những lời đó không, hay Berengar đã nghe thấy những lời đó, vì Huynh ấy muốn nghe chúng. Điều cốt yếu là câu chuyện này đã khẳng định một loạt các giả thuyết của thầy. Chẳng hạn, Adelmo tự tử chết, và câu chuyện Berengar cho thầy biết rằng trước khi chết, Huynh ấy đã đi lòng vòng, loanh quanh vì hoảng loạn, và vì ăn năn đã trót phạm một tội lỗi nào đó. Huynh ấy hoảng loạn về một tội lỗi của mình, vì có ai đó đã đe dọa Huynh, và có lẽ đã kể cho Huynh ấy nghe chính câu chuyện về những bóng ma quỷ quái mà Huynh ấy đã đọc cho Berengar nghe với giọng sành sỏi, đầy ảo giác như vậy. Và Huynh ấy đi qua nghĩa trang khi vừa rời khu hát kinh, nơi mà Huynh ấy đã xưng tội với một người nào đó; người đó đã khiến Huynh ấy tràn đầy kinh sợ và ăn năn. Từ nghĩa trang, Huynh ấy trực chỉ về hướng đối diện nhà nghỉ, đúng như Berengar đã báo cho chúng ta biết. Thế thì về hướng Đại dinh nhưng cũng có thể về phía bức tường, ngoài dãy chuồng ngựa, nơi thầy đã suy đoán rằng Huynh ấy lao mình xuống vực. Huynh ấy đã lao mình xuống trước khi cơn bão nổi lên, rồi chết dưới chân tường, và sau đó đất mới bị lở, cuốn theo xác Huynh ấy đến khoảng giữa ngọn tháp phía Bắc và ngọn tháp phía Tây.

- Nhưng còn giọt mồ hôi nóng bỏng thì sao?

- Đó là một phần câu chuyện Berengar đã nghe lặp lại, hay Huynh ấy đã tưởng tượng ra điều đó trong cơn hoảng loạn. Vì, như một điệp khúc lặp lại,

sự ăn năn của Adelmo là sự ăn năn của Berengar, con đã nghe rồi đấy. Nếu Adelmo từ khu hát kinh đến, Huynh ấy có thể mang theo một ngọn nến nhỏ, và giọt mồ hôi trên bàn tay Huynh ấy chỉ là một giọt sáp. Nhưng Berengar cảm thấy giọt sáp cháy sâu hơn vì Adelmo đã gọi Huynh ấy là thầy. Đó là một dấu hiệu cho thấy Adelmo đang trách móc Berengar, đã dạy cho Huynh ấy một điều gì đó, đẩy Huynh ấy đến chỗ tuyệt vọng muốn chết. Và Berengar biết điều đó, nên Huynh ấy đau khổ vì biết đã đẩy Adelmo đến cái chết, bằng cách khiến Adelmo làm một việc gì đó đáng lý ra không được làm... và tưởng tượng ra điều đó, cũng không khó khăn gì Adso ơi, sau khi chúng ta đã nghe những điều về viên phụ tá quản thư viện của chúng ta.

- Con tin mình đã hiểu điều đã xảy ra giữa hai người – tôi nói, bối rối vì chính điều mình biết – Nhưng chẳng lẽ tất cả chúng ta lại không tin vào Chúa khoan dung sao? Thầy bảo có lẽ Adelmo đã xưng tội, tại sao Huynh ấy lại tìm cách trừng phạt tội lỗi của mình bằng một tội nặng hơn, hay ít ra cũng nghiêm trọng tương đương?

- Vì có ai đó đã nói với Huynh ấy những lời tuyệt vọng. Như thầy đã nói, một trang sách của một nhà thuyết giáo hiện đại nào đó hẳn đã thúc đẩy ai đó lặp lại những lời đã khiến Adelmo kinh sợ và Adelmo lại dùng những lời đó để khiến Berengar kinh sợ theo. Trong vài năm gần đây, khác hẳn trước kia, để khơi dậy lòng kính đạo, nhiệt tâm và sự kinh hoàng, sự tuân thủ luật đạo và luật đời trong quần chúng, các nhà thuyết giáo đã dùng những lời buồn thảm và đe dọa khủng khiếp.

- Có lẽ đó là điều cần thiết cho sự ăn năn.

- Adso ạ, xưa nay thầy chưa hề nghe nhiều lời kêu gọi ăn năn như hiện giờ. Trong một thời đại mà các nhà thuyết giáo, lẫn giám mục, thậm chí các tu sĩ dòng Thánh thần anh em của ta, đều không có khả năng khơi dậy sự ăn năn chân thực nữa...

- Nhưng còn thời đại thứ ba, Đức Thánh Cha và Đại hội xứ Perugia... - tôi

hoang mang nói.

- Lại hoài niệm. Thời hoàng kim của sự ăn năn đã qua rồi. Đừng tin vào công cuộc đổi mới của nhân loại khi bọn lãnh đạo Giáo hội và triều đình nói về sự đổi mới đó.

Tôi đánh bạo nói, tò mò muốn biết thêm về cái tên hôm qua tôi nghe nhắc đến nhiều lần – Thế còn Fra Dolcino...

- Ông ta chết, và chết thảm thương như khi còn sinh thời, vì ông ta cũng đã đến quá trễ. Thế con biết gì về ông ấy?

- Con chả biết gì cả nên con mới hỏi thầy...

- Thầy chả bao giờ muốn nói về ông ấy. Đó là một câu chuyện buồn về một kẻ làm những điều điên rồ, vì đã thực hành những gì mà rất nhiều vị thánh đã thuyết giảng. Điều thầy thật sự muốn nói đến là: Khi thời đại của sự ăn năn đã qua, đối với người ăn năn, nỗi tha thiết hối lỗi trở thành nỗi tha thiết được chết. Những kẻ giết người, ăn năn điên loạn, lấy mạng đổi mạng, nhằm đánh bại sự ăn năn chân thực mà hậu quả sẽ sản sinh thêm chết chóc, thay thế sự ăn năn tâm hồn bằng sự ăn năn tưởng tượng, cùng những lời lẽ gọi lên ảo ảnh siêu nhiên đầy máu me thống khổ.

Họ gọi chúng là “tấm gương” của sự ăn năn chân thật, một tấm gương mà đối với trí tưởng tượng của người thường, và thậm chí đôi khi của các bậc học giả nữa, mang đến cho cuộc sống nỗi đau của địa ngục. Do đó, người ta nói, sẽ không có ai phạm tội nữa. Họ hy vọng dùng nỗi sợ hãi để giữ linh hồn khỏi phạm tội và tin rằng sẽ dùng nỗi sợ hãi để thay thế sự nổi loạn.

- Thế nhưng, họ thực sự sẽ không phạm tội à?

- Điều đó tùy thuộc quan niệm của con về sự phạm tội, Adso ạ. Thầy không muốn có định kiến đối với những người dân xứ này, cái xứ mà thầy đã trải qua vài năm sinh sống. Nhưng theo thầy, đạo đức khiêm tốn của dân Ý có

đặc tính tiêu biểu là kiêng phạm tội vì sợ hãi một thần tượng nào đó, mặc dầu họ có thể đặt cho thần tượng đó một tên thánh. Họ sợ Thánh Sebastian hay Thánh Antoine hơn Chúa.

Tôi nêu rõ: - Nhưng Berengar không phải người Ý!

- Thì có khác gì đâu? Thầy đang nói đến cái bầu không khí mà Giáo hội và các luật lệ thuyết giảng đã tỏa tràn trên bán đảo này, và từ đây tràn đến khắp nơi. Thậm chí nó đã tràn đến một tu viện đáng kính của các tu sĩ thông thái như ở đây.

Tôi nhấn mạnh, vì duy nhất điều này mới thỏa mãn được tôi – Giá như họ đừng phạm tội nhỉ! - Giả sử tu viện này là một thế giới đặc biệt, hẳn con đã có câu trả lời.

- Nhưng phải chăng nó là một thế giới đặc biệt?

- Để có một tấm gương cho thế gian, thế gian cần có một hình thể - thầy William kết luận.

Thầy là một người quá triết lý đối với tâm trí còn non trẻ của tôi.

Chú thích:

(22) *“Poetics”*

(23) *Quê hương của Aristotle, ám chỉ ông.*

(24) *“Rhetoric”*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ SÁNG

*Khách chứng kiến một trận cãi vã
giữa những người phạm tục,
Aymaro nói vài lời bóng gió,
Adso suy tư về sự thánh thiện và về phần của Ác quỷ.
Sau đó, William và Adso trở lại phòng thư tịch.
William nhìn thấy một điều thú vị
đôi thoại lần thứ ba
về sự hợp lý của tiếng cười,
nhưng cuối cùng vẫn không đến xem được nơi ông mong muốn*

Trước khi leo lên phòng thư tịch, chúng tôi ghé lại nhà bếp để ăn lấy sức, vì từ khi thức dậy đến giờ chưa có miếng gì vào bụng. Tôi uống một bát sữa nóng và thấy tỉnh hẳn người ngay. Lò sưởi phía Nam cháy rùng rục như một lò rèn, trong khi bánh mì để ăn trong ngày đang được nướng trong lò bánh. Hai người chăn gia súc đang đặt xuống một con cừu vừa mới mổ. Trong đám các đầu bếp, tôi trông thấy Salvatore, lão nhe chiếc miệng sói ra cười với tôi. Lão lấy một miếng thịt gà còn sót lại trên bàn từ đêm trước và lặng lẽ chuyển tay cho hai người chăn gia súc. Họ giấu miếng thịt vào trong chiếc áo chên bằng da cừu và mỉm cười khoái chí. Nhưng bác đầu bếp chính đã để ý thấy và cự Salvatore. Bác nói:

- Quản hàm, Huynh phải trông nom tài sản của tu viện, không được phí phạm như thế.

Salvatore nói: - Họ là con của Chúa. Chúa Ki-tô đã nói, việc mình làm cho

người nghèo là việc mình làm cho Chúa.

- Đồ Fraticello hôi thối, rắm của bọn Anh em nghèo khó. Mày không còn ở trong đám những tên thầy tu nghèo khó đầy chí rận của mày nữa đâu! Lòng từ thiện của Tu viện trưởng chỉ chăm lo miếng ăn cho các con chiên của Chúa thôi.

Mặt Salvatore đanh lại, rồi lão quay phắt người, giận điên lên – Ta không phải là một thầy tu nghèo khó! Ta là một tu sĩ dòng thánh Benedict. Đồ khốn kiếp! Đồ chết dịch!

- Hãy gọi con đĩ mày ngủ hồi hôm là chết dịch! Đồ heo nọc Bogomil phản giáo!

Salvatore tổng mấy người chặn gia súc ra cửa. Khi đi đến gần chỗ chúng tôi đứng, lão nhìn chúng tôi một cách lo lắng rồi nói với thầy tôi: - Thưa Sư Huynh, xin Sư huynh hãy bảo vệ dòng tu, dù không phải là dòng của tôi, xin hãy bảo hấn rằng các tu sĩ dòng Francisco không phải là dị giáo! – Rồi lão thì thầm nói vào tai thầy tôi – Chúng nó lão toét! - Đoạn nhổ nước bọt xuống đất.

Người đầu bếp tiến đến và xô lão ra, đóng sầm cửa lại. Bác kính cần nói với thầy William:

- Tôi không nói xấu dòng tu của Sư Huynh, hay nói xấu những người thánh thiện thuộc dòng này. Tôi chỉ nói đến những thầy tu giả hiệu dòng Anh em nghèo khó và dòng Benedict, bọn chúng chẳng ra người, chẳng ra ngợm.

Thầy William hòa hoãn: - Tôi biết xuất xứ của Huynh ấy. Nhưng bây giờ Huynh ấy cũng là một tu sĩ như Huynh, do đó, Huynh nên đối xử với Huynh ấy bằng sự kính nể trong tình huynh đệ.

- Nhưng lão chồ mũi vào việc của người khác chỉ vì lão được Sư Huynh quản hàm che chở, và tự cho mình cũng là Quản hàm. Lão sử dụng tu viện như thể là của riêng lão cả ngày lẫn đêm.

Thầy tôi hỏi: - Về đêm thì sao?

Bác đầu bếp ra hiệu như thể không muốn nói đến những việc phi đạo đức. Thầy William không hỏi thêm bác ta điều gì nữa, bèn uống hết sữa của mình.

Lòng hiếu kỳ của tôi ngày càng tăng: Cuộc gặp gỡ Ubetino, những lời thăm thì về quá khứ của Salvatore và Huynh quản hầm, những lời nhắc nhở về dòng Fraticelli và những tu sĩ dị giáo Anh em nghèo khó mà tôi nghe quá nhiều trong mấy ngày vừa qua. Thầy tôi miễn cưỡng không muốn nói tôi nghe về Fra Dolcino... Một loạt hình ảnh lại hiện ra trong tâm trí tôi. Thí dụ, trong cuộc hành trình của chúng tôi, chúng tôi đã bắt gặp ít nhất hai lần các đám người tự dùng roi hành xác. Lần đầu, dân địa phương chiêm ngưỡng họ như những vị thánh; lần khác, dân chúng thăm thì bảo đó là những kẻ dị giáo. Nhưng họ vẫn chỉ là cùng những con người đó. Đám người đi hàng hai qua các con đường trong thành phố, chỉ có chỗ kín được che đây, vì họ đã vượt qua các cảm giác xấu hổ. Mỗi người mang trong tay một ngọn roi da tự quất lên vai mình cho đến khi rướm máu, mặt họ ràn rụa nước mắt như thể chính mắt họ trông thấy niềm đam mê của sự cứu rỗi. Bằng một khúc ca đau khổ thê lương, họ van cầu Chúa khoan dung và Đức Mẹ can thiệp. Không chỉ ban ngày mà cả ban đêm, giữa mùa đông rét buốt, với những ngọn nến cháy sáng, họ đi thành từng đám đông, từ nhà này sang nhà khác, phủ phục trước các bàn thờ, dẫn đầu bởi các linh mục cầm nến và cờ. Họ không chỉ là những người đàn ông, đàn bà thường dân mà còn có cả các mệnh phụ và thương gia... Người ta chứng kiến những tấn tuồng ăn năn vĩ đại: những kẻ trộm cắp trả lại của lấy được, những kẻ khác thú nhận các tội ác đã phạm... Nhưng thầy William lạnh lùng nhìn họ và bảo tôi, đây không phải là sự ăn năn chân thực. Lúc đó, thầy nói như thầy vừa bảo tôi sáng hôm nay. Thời đại của sự sám hối cao quý đã cáo chung. Và đây là những cách các nhà thuyết giảng tổ chức các đám đông kính đạo, chính là để họ khỏi sa vào khát vọng ăn năn – mà trong trường hợp này – quả thực là

phản giáo và đe dọa tất cả. Nhưng tôi không thể hiểu được sự khác biệt giữa hai cách ăn năn thật và giả. Dường như sự khác biệt không nằm trong hành động của cách này hay cách kia, mà trong thái độ của Giáo hội khi phán xét chúng.

Khi tôi đang miên man suy nghĩ và thầy William đang cạo tóc, thì bỗng nghe có tiếng ai chào hỏi chúng tôi. Đó là Aymaro xứ Alessandria, người chúng tôi đã gặp trong phòng thư tịch. Huynh ấy có diện mạo khiến tôi chú ý, vẻ mặt khinh khỉnh như thể Huynh không bao giờ hòa nhập vào cảnh phù phiếm của loài người, và lâu nay vẫn xem thường cái bi hài của cõi đời này.

- Chà, Huynh William, Huynh đã quen với cái động của những người điên này chưa?

Thầy William dè dặt nói: - Tôi cho đây là nơi của những người đáng kính trong việc tu hành và học hỏi.

- Trước đây là thế. Thời mà Tu viện trưởng ra Tu viện trưởng và quản thư viện ra quản thư viện. Còn bây giờ, như Huynh đã thấy trên kia – Aymoro hát hàm về phía lầu trên, - cái tên người Đức dở sống dở chết, có mắt như mù, mê mẩn nghe lời tên Tây Ban Nha mù, cơ hồ như là tên Phản giáo sẽ đến đây mỗi buổi sáng. Chúng cạo giấy sột soạt, nhưng ít hoàn thành sách mới... Chúng tôi ở tít trên này, còn họ thì giở trò dưới phố. Đã có thời các tu viện của chúng tôi thống trị thế giới. Còn tình huống ngày nay thì như Huynh thấy đây: Hoàng đế lợi dụng chúng tôi, phái thân hữu của người tới đây để gặp kẻ thù, nhưng nếu Người muốn nắm việc nước này thì lại ở trong thành. Chúng tôi nhọc nhằn gom thóc lúa, nuôi gia cầm, còn ở dưới kia, họ đổi hàng cây lụa, lấy từng mảnh vải, đổi từng mảnh vải lấy bao gia vị, và buôn gia vị để làm giàu. Chúng tôi bảo quản của cải của mình, còn dưới kia của cải của họ cứ chồng chất mãi lên. Cả sách nữa. Sách của họ cũng đẹp hơn sách của chúng tôi.

- Đời này chắc chắn có nhiều chuyện lạ. Nhưng tại sao Huynh nghĩ rằng lỗi

là do ở Tu viện trưởng?

- Vì ông đã giao phó thư viện cho những tên ngoại bang và điều khiển tu viện như một thành trì dựng lên để bảo vệ thư viện. Một tu viện của dòng Benedict tại địa phương của nước Ý phải là một nơi mà người Ý quyết định các vấn đề của họ. Thời này dân Ý làm gì đây, khi họ thậm chí không còn một Giáo hoàng nữa? Họ đôi chác, sản xuất, và còn giàu hơn vua Pháp. Thế thì hãy để chúng tôi làm như vậy, vì chúng tôi biết cách làm sách đẹp, chúng tôi cần làm sách cho các trường đại học và quan tâm đến những vấn đề đang xảy ra trong thung lũng – tôi không quan tâm đến Hoàng đế, mà quan tâm đến việc những người dân Bologna và Florence đang làm gì. Từ đây, chúng tôi có thể kiểm soát lộ trình của những người hành hương và thương nhân ngược xuôi từ Ý đến Provence. Chúng tôi phải mở cửa thư viện đón nhận các tác phẩm văn học dân gian và những ai không còn viết được tiếng Latinh cũng có thể đến đây. Nhưng chúng tôi lại bị chi phối bởi một nhóm ngoại bang tiếp tục cai quản thư viện như thể Cha Odo xứ Cluny còn làm Tu viện trưởng...

- Nhưng Tu viện trưởng của các Huynh là người Ý mà.

Aymaro vẫn khinh khỉnh nói – Tu viện trưởng ở đây chẳng đáng kể. Một kẻ sách bị mỗi một găm nhăm đã thế chỗ cho bộ óc của ông. Ông đã để bọn tu sĩ Anh em nghèo khó tràn chiếm tu viện để chọc tức Giáo hoàng... Thưa Huynh, ý tôi muốn nói đến bọn tu sĩ nghèo khó phản giáo, những tên đã chối bỏ dòng tu linh thiêng nhất của Huynh... và để làm vừa lòng Hoàng đế, Tu viện trưởng mời các tu sĩ từ tất cả các chủng viện phía Bắc, như thể trong xứ tôi không có những nhà sao chép giỏi, những người biết tiếng Hy Lạp và Ả rập, như thể trong xứ Florence hay Pisa không có con cái của những thương nhân giàu có và hào phóng sẽ hân hoan nhập dòng, nếu dòng tạo điều kiện nâng cao uy tín và quyền lực cho cha ông họ. Nhưng ở đây, người ta chỉ thấy sự dễ dãi khi thâm nhập vào dòng lúc người Đức được

phép... Lạy Chúa, hãy cắt lưỡi con, vì con sắp sửa nói những điều xằng bậy!

- Những điều xằng bậy có xảy ra trong tu viện này không? – thầy William lơ đãng hỏi, rót cho mình thêm ít sữa nữa.

- Tu sĩ cũng là người thôi, nhưng ở đây họ còn kém nhân tính hơn những nơi khác. Xin nhớ giùm: tôi không nói những điều tôi nói nhé.

- Thú vị lắm, đây có phải là ý kiến riêng của Huynh không, hay có nhiều vị khác cũng nghĩ như Huynh?

- Nhiều, nhiều lắm. Nhiều người đang thương tiếc Adelmo xấu số, nhưng nếu là một kẻ khác, kẻ vẫn đi lại trong Thư viện ngoài phạm sự của mình, thì họ chẳng tiếc thương như thế đâu.

- Huynh định ám chỉ gì?

- Tôi đã nói quá nhiều. Như Huynh hẳn đã nhận thấy, ở đây chúng tôi nói nhiều quá. Một mặt, ở đây không ai tôn trọng sự yên lặng nữa. Mặt khác, sự yên lặng lại được tôn trọng quá. Ở đây, thay vì nói hoặc câm lặng, chúng tôi cần hành động. Trong thời đại hoàng kim của dòng tu chúng tôi, nếu Tu viện trưởng không ra Tu viện trưởng, một ly rượu độc sẽ dọn đường cho người kế vị. Sư huynh William, tôi đã nói những điều này với Huynh, hiển nhiên không phải vì lẻo mép về Tu viện trưởng hay những Huynh khác. Xin Chúa phù hộ con, tôi không có thói ngồi lê đôi mách. Tôi sẽ bực mình nếu Tu viện trưởng yêu cầu Huynh điều tra tôi hay những người khác, như Pacificus hay Peter xứ Sant Albano. Chúng tôi không có quyền có ý kiến về việc của thư viện. Nhưng chúng tôi mong muốn được nói đôi điều. Do đó, Huynh hãy vạch trần ổ rắn độc này đi, chính Huynh đã thiêu rất nhiều tên phản giáo mà.

Thầy William đáp lại: - Tôi chưa bao giờ thiêu ai cả.

- Đó chỉ là một lối nói bóng gió – Aymaró cười toe toét thú nhận – Chúc Huynh đi săn thành công, nhưng ban đêm cẩn thận nhé.

- Ban ngày tại sao không?

- Vì ở đây ban ngày, phần xác được nuôi dưỡng nhờ cây lành, còn ban đêm thì phần hồn trở nên sa đọa bởi lá độc. Chớ tin rằng bàn tay ai đó đã đẩy Adelmo xuống vực thẳm, hay ném Venantius vào máu. Ở đây có người không muốn các tu sĩ tự định đoạt việc đi đâu, làm gì, và đọc sách báo nào. Tất cả ma lực, quyền lực phù thủy, bọn đầu trâu mặt ngựa, đều được sử dụng để lung lạc tâm trí kẻ hiếu kỳ...

- Huynh đang nói đến dược thảo sư à?

- Severinus là một người tốt. Dĩ nhiên Huynh ấy cũng là người Đức như Malachi vậy...- và một lần nữa để chứng tỏ mình không bép xép, Aymaro bỏ đi làm việc.

Tôi hỏi: - Huynh ấy muốn bảo chúng ta điều gì?

- Mọi điều, nhưng không có điều gì cả. Tu viện luôn luôn là nơi các tu sĩ chống đối lẫn nhau để nắm quyền cai quản cộng đồng. Ở Melk cũng thế. Nhưng có lẽ vì còn là một tu sinh nên con không nhận thấy điều đó. Nhưng tại xứ con, nắm được quyền cai quản một tu viện có nghĩa là chiếm được địa vị, nhờ đó người ta có thể giao thiệp trực tiếp với Hoàng đế. Ngược lại, trong xứ này, tình huống khác; Hoàng đế thì ở xa, ngay cả khi Người vi hành xuống La Mã. Không có Tòa án, thậm chí ngày nay cũng không có tòa án của Đức Giáo Hoàng. Chỉ có những thành phố tự trị, như con thấy đây.

- Dĩ nhiên rồi, và con khâm phục các thành phố. Một thành phố Ý có cái gì khác biệt với thành phố ở quê hương con. Nó không chỉ là một nơi sinh sống, mà còn nơi để quyết định; dân chúng lúc nào cũng ở ngoài quảng trường, thị trường còn quan trọng hơn nhà vua hay Giáo hoàng. Các thành phố cũng giống như ... các vương quốc...

- Và các vị vua là những thương nhân, có vũ khí là tiền. Ở Ý, tiền có một chức năng khác với tiền ở nước con và nước thầy. Tuy tiền luân lưu khắp nơi, nhưng phần lớn cuộc sống ở nơi khác vẫn bị chi phối bởi sự đổi chác

hàng hóa, gà vịt, đầu lúa, liềm hái, cỗ xe, và tiền chi phục vụ việc mua những hàng hóa này. Ngược lại, trong một thành phố Ý, con hăn nhận thấy rằng hàng hóa phục vụ việc gom tiền. Ngay cả các linh mục, giám mục và các dòng tu cũng xem tiền là quan trọng. Thế nên hiển nhiên là sự nổi loạn chống lại quyền lực dùng chiêu bài kêu gọi kẻ nghèo khó. Những người chống lại quyền lực là những kẻ đã phủ nhận mình có tiền, do đó mỗi lời kêu gọi kẻ nghèo khó đẩy lên sự căng thẳng và tranh luận trầm trọng, và toàn thành phố, từ giám mục cho đến thị trưởng, xem người thuyết giảng quá nhiều về cái nghèo là kẻ thù riêng của mình. Các phán quan ngửi thấy mùi tanh của ác quỷ nơi có kẻ đã phản ứng lại mùi hôi tanh của đồng phân quỷ. Bây giờ con cũng có thể hiểu Aymaro đang nghĩ gì. Một tu viện dòng Benedict, trong thời hoàng kim của dòng này, là nơi những người chăn chiên nắm được đàn chiên ngoan đạo. Aymaro muốn quay về truyền thống đó. Thế nhưng cuộc đời của đàn chiên đã thay đổi, và tu viện chỉ có thể quay trở lại truyền thống đó nếu nó chấp nhận những đường lối mới của đàn chiên mà tự nó đã trở nên khác hẳn. Do ngày nay đàn chiên ở đây bị áp bức, không phải bằng vũ khí hoặc lễ nghi hào nhoáng, mà bằng sự chi phối của đồng tiền, nên Aymaro mong muốn toàn thể cơ chế của tu viện, và cả thư viện nữa, trở thành một xưởng chế tạo, một nhà máy làm ra tiền.

- Thế điều này có liên quan gì đến các án mạng?

- Thầy chưa biết. Bây giờ thầy muốn đi lên lầu. Đi thôi.

Các tu sĩ đã bắt tay vào việc. Yên lặng bao trùm phòng thư tịch, nhưng đó không phải là sự yên lặng xuất phát từ sự thanh thản cần cù của mọi tâm hồn. Berengar, vừa đến trước thầy trò tôi một chốc, lúng túng tiếp chúng tôi. Các tu sĩ khác nghỉ tay, nhìn lên. Họ biết chúng tôi lên đây để khám phá điều gì đó về Venantius, và chính hướng nhìn của họ khiến chúng tôi lưu ý đến chiếc bàn trống ở dưới cửa sổ trông vào gian trong, tháp bát giác ở trung tâm.

Nhiệt độ trong phòng thư tịch khá ôn hòa, dù hôm nay trời rất lạnh lẽo. Góc lạnh nhất là góc ở tháp phía Đông, và tôi nhận thấy dù còn ít chỗ trống vì số tu sĩ đến làm việc đông, tất cả bọn họ đều có khuynh hướng tránh các bàn làm việc đặt tại góc đó. Về sau, tôi nhận thấy cầu thang tròn ốc ở tháp phía Đông là cầu thang duy nhất vừa dẫn xuống nhà ăn, vừa dẫn lên thư viện. Tôi tự hỏi phải chăng đã có một sự tính toán khéo léo, sắp xếp hệ thống sưởi của căn phòng, nhằm làm nản lòng các tu sĩ muốn thám sát khu vực này, và nhằm để Quản thư viện có thể dễ dàng kiểm soát lối đi lên thư viện.

Bàn giấy Venantius xấu số quay lưng về phía lò sưởi lớn, và có lẽ đó là chiếc bàn được ưa chuộng nhất. Chiếc bàn khá nhỏ, giống như các bàn khác đặt quanh sân bát giác, vì đây là những bàn đóng cho các học giả. Các bàn lớn hơn được đặt dưới các cửa sổ của bức tường ngoài được đóng cho những người minh họa và sao chép. Venantius cũng dùng cái bục giảng để làm việc, có lẽ huynh phải tham khảo và sao chép các bản thảo người ta cho thư viện mượn. Dưới bàn là một dãy kệ thấp, chồng chất những mảnh giấy rời. Vì tất cả đều bằng tiếng Latinh nên tôi suy diễn chúng là những bản dịch mới nhất của Huynh. Chúng được ghi vội vã và không đánh số trang, vì chúng còn phải được giao cho một người sao chép hay một nhà minh họa, do đó chúng rất khó đọc. Giữa những đóng giấy là vài quyển sách tiếng Hy Lạp. Một quyển sách Hy Lạp khác nằm mở trên bục, cuốn sách mà trong những ngày qua, Venantius đã trở tài dịch thuật khéo léo của mình. Thuở đó, tôi không biết tiếng Hy Lạp, nhưng thầy tôi đọc tựa sách và bảo tác giả là một tu sĩ dòng Lucy nào đó, chuyện kể về một người hóa lừa. Tôi nhớ lại một chuyện ngụ ngôn tương tự của Apuleius mà thông thường, các tu sinh bị tuyệt đối cấm đọc.

Thầy William hỏi Berengar, lúc ấy đang đứng bên cạnh chúng tôi: - Tại sao Venantius dịch quyển sách này?

- Lãnh chúa Milan yêu cầu tu viện dịch quyển sách này, nhờ đó tu viện sẽ

được đặc quyền sản xuất rượu nho ở vài nông trại phía Đông của vùng này, - Berengar chỉ tay về hướng xa xa, rồi tiếp ngay – tuy không phải vì tu viện làm những công việc tầm thường cho người ngoại đạo. Nhưng lãnh chúa, người đã giao chúng tôi nhiệm vụ này, đã nhờ công can thiệp với Thị trưởng Venice cho chúng tôi mượn bản thảo Hy Lạp quý này. Ông thị trưởng đã nhận bản thảo từ Hoàng đế xứ Byzantium. Khi Venantius hoàn thành bản dịch, chúng tôi sẽ chép thành hai bản, một cho lãnh chúa Milan và một cho thư viện chúng tôi.

- Như thế, thư viện không ngại thu thập thêm những ngụ ngôn đa thần vào bộ sưu tập của mình.

- Thư viện là sự minh chứng cho thực và giả, - một giọng nói vang lên từ phía sau chúng tôi. Đó là Jorge. Cách lão già đột nhiên xuất hiện làm tôi thêm một lần nữa kinh ngạc, cứ như là chúng tôi chẳng bao giờ thấy lão mà lão lại thấy chúng tôi. Tôi cũng thắc mắc tại sao lão mù này lại ở trong phòng thư tịch, về sau tôi biết được Jorge có mặt ở tất cả mọi góc ngách của tu viện. Lão thường ngồi trong phòng thư tịch, trên một cái ghế đầu cạnh lò sưởi, dường như để theo dõi mọi diễn biến trong phòng. Có lần tôi nghe lão hỏi lớn từ chỗ ngồi của mình: “Ai đang lên lầu thế?” và quay về phía Malachi, lúc ấy đang nhẹ bước trên thảm rom về phía thư viện. Các tu sĩ đều kính trọng lão, thường nhờ cậy lão, đọc cho lão nghe những đoạn khó hiểu, nhờ lão trau chuốt câu văn, hay bày cho cách tả con thú hay vị thánh. Lão thường ngược đôi mắt vào cõi hư vô, như thể đang nhìn vào những trang giấy vẫn còn in rõ trong trí nhớ. Có lần tôi nghe lão khuyên một học giả đang hoang mang không biết nên tìm sách nào trong danh mục thư viện, hay tìm ký hiệu đó trong trang nào; lão đoán chắc với học giả nọ rằng quản thư viện chắc chắn sẽ đưa sách cho Huynh ấy vì đó là một tác phẩm bất nguồn cảm hứng từ Thượng đế. Một lần khác, tôi nghe lão nói quyển sách này, nọ, mặc dầu có trong thư mục, sẽ không thể hỏi mượn được nữa vì bị

chuột gặm nhấm năm mươi năm trước, và bây giờ nếu ai động đến thì nó sẽ rã ra thành bột. Nói cách khác, lão là bộ nhớ của thư viện và linh hồn của phòng thư tịch. Đôi khi, lão trách các tu sĩ đang tán gẫu với nhau – Lẹ lên, hãy để lại các lời chứng cho sự thật, vì thời điểm đã đến! – Lão muốn ám chỉ sự xuất hiện của tên Phản giáo.

Huynh Jorge nói: Thư viện là minh chứng cho thật và giả. - Thầy William nói: - Apuleius và Lucian hiển nhiên là những tên phù thủy có tiếng tăm. Nhưng ngụ ngôn này dưới cái mạng che giả tưởng của nó, chứa đựng một bài học luân lý hay; nó dạy chúng ta cách hối lỗi. Lại nữa, tôi tin rằng truyện người hóa lừa muốn nhắc đến sự hóa xác của một tâm hồn rơi vào tội lỗi.

- Có lẽ vậy.

- Nhưng giờ đây, tôi hiểu vì sao trong cuộc đối thoại mà người ta đã kể cho tôi nghe ngày hôm qua, Venantius rất quan tâm đến hài kịch; thật vậy, ngụ ngôn loại này có thể được xem như có liên hệ với các hài kịch cổ đại. Không như các bi kịch, cả hai loại này đều không nói đến con người hiện hữu thực sự.

Thoạt tiên, tôi không hiểu tại sao thầy William lại nhầm cuộc tranh luận bác học này với một người không thích thú các đề tài như thế, nhưng câu trả lời của Huynh Jorge cho tôi thấy thầy tôi đã tể nhị biết bao.

Huynh Jorge chưa chát nói: - Hôm đó chúng tôi không tranh cãi về hài kịch, mà bàn xem tiếng cười có phải phép không.

Tôi nhớ rất rõ rằng chỉ mới một ngày trước đây, khi Venantius đề cập đến cuộc tranh luận đó, Huynh Jorge đã bảo ông không nhớ.

Thầy William thân nhiên nói: - À, tôi tưởng Huynh đã nói đến những lời đối trá của các thí sĩ và những câu đố hiểm hóc...

Jorge đáp ngay: - Chúng tôi đã nói về tiếng cười. Các kịch tác gia vô thần viết hài kịch để chọc cười khán giả, và người ta đã diễn xuất bậy bạ. Chúa

Ki-tô không bao giờ kể hài kịch hay ngụ ngôn cả, mà chỉ ban các ẩn dụ hiển nhiên, dạy cho chúng ta cách lên thiên đàng và được toại nguyện.

- Tôi không hiểu tại sao Huynh lại chống đối cái ý tưởng rằng Chúa Ki-tô có thể cười. Tôi tin tiếng cười là liều thuốc bổ, cũng như việc tắm rửa, để chữa trị tính khí con người và các chứng bệnh khác của cơ thể, đặc biệt là bệnh u buồn.

- Tắm rửa là việc tốt và chính Aquinas khuyên dùng nó để xua đuổi sầu muộn. Tắm rửa làm hồi phục sự cân bằng của tính khí. Nhưng cười làm cho thân hình lắc lư, bóp méo diện mạo, làm người trông giống khỉ.

- Giống khỉ không cười, chỉ có riêng con người mới cười, đó là dấu hiệu chứng tỏ con người có lý trí.

- Ngôn ngữ cũng là dấu hiệu biểu hiện lý trí con người, và con người có thể dùng ngôn ngữ để báng bổ Chúa. Không phải bất cứ cái gì hợp với người nhất thiết phải tốt. Ai hay cười thường không tin điều mà hấn cười, nhưng hấn cũng không ghét điều ấy! Do đó, cười nhạo cái ác không có nghĩa là sẽ chuẩn bị chống lại nó, và cười nhạo điều thiện có nghĩa là phủ nhận sức mạnh phát sinh điều thiện.

Thầy William ngắt lời: - Quintilian (1) nói rằng vì phẩm giá, ta phải kiềm chế cái cười khi được tán tụng, nhưng cái cười được khuyến khích trong các tính hướng khác. Chính khách kiêm nhà văn Pliny cháu đã viết: “Đôi khi tôi cười, tôi giấu cột, tôi nô đùa, vì tôi là con người”.

- Họ là những kẻ đa thần – Jorge đáp lại.

- Hildebertus đã nói “Cho phép anh được đùa giỡn sau khi chứng tỏ đã biết sống nghiêm túc và xứng đáng”. John xứ Salisbury cho phép được hồ hởi kín đáo. Cuối cùng vị giáo sĩ Ecclesiastes, tối thiểu cũng cho phép cười lặng lẽ trong tinh thần thanh thản.

- Tinh thần chỉ thanh thản khi nó chiêm ngưỡng sự thật và hồ hởi đạt được điều thiện, và sự thật và điều thiện không thể bị cười nhạo. Thế nên, Chúa

Ki-tô không cười. Nụ cười làm mạnh nha sự hoài nghi.

- Nhưng đôi khi hoài nghi cũng là điều đúng.

- Tôi không hiểu vì sao nó đúng. Khi ta nghi ngờ, ta phải trông cậy vào một người có thẩm quyền, vào lời nói của một linh mục hay một y sĩ; thế rồi mọi lý do làm ta nghi ngờ không tồn tại nữa. Hẳn nhiên là khi chấp nhận những ý tưởng nguy hiểm, ta cũng có thể thương thức sự bông đùa của một tên dốt nát đang cười cợt chân lý duy nhất mà ta cần biết, chân lý ấy đã được nói ra một lần mà thôi. Bằng nụ cười, thẳng ngực nhủ thầm: "Chúa không hiện hữu!"

- Tôi không đồng ý, thưa Huynh Jorge đáng kính. Chúa đòi chúng ta phải dùng lý trí để soi sáng những điều tăm tối mà Thánh kinh để ta tự hiểu. Để phá vỡ sức mạnh giả trá của một luận cứ ngu xuẩn chống đối lại lý trí, nụ cười đôi khi cũng là một công cụ thích hợp. Tiếng cười dùng để lung lạc bọn nham hiểm và vạch trần sự điên rồ của chúng.

Jorge bực bội khua tay – Chế giễu về tiếng cười, huynh đã kéo tôi vào một cuộc tranh luận nhảm nhí! Nhưng Huynh thừa biết Chúa không cười.

- Điều này tôi không chắc. Khi Ngài thách bọn đạo đức giả ném đá trước, khi người hỏi trên đồng tiền phải nộp thuế có khắc mặt của ai, khi Ngài chơi chữ nói rằng “Tu es petrus”(2) tôi tin rằng Ngài đã dí dỏm làm hoang mang những kẻ có tội, để cổ vũ tinh thần các tông đồ của Ngài. Ngài cũng khôn ngoan nói với Caiaphas, viên quan tòa chủ trì việc xử Ngài, “Người đã nói vậy”. Huynh cũng biết rõ rằng trong lúc các tu sĩ dòng Cluniac và dòng Cistercian đang mâu thuẫn kịch liệt nhất, để bêu rếu dòng Cistercian dòng Cluniac đã tố tu sĩ dòng này không mặc quần dài. Trong quyển sách “*Tám gương của kẻ phạm tục*”(3) có kể lại chuyện con lừa Brunellus mà Chúa thách mắc không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu ban đêm gió thổi tung mền và các tu sĩ trông thấy chính chỗ kín của mình...

Các tu sĩ chung quanh phá lên cười, và Jorge giận điên lên: - Huynh đang

lôi kéo các sư huynh của tôi vào một trò hề. Tôi biết các tu sĩ dòng Francisco có thói quen lấy lòng đám đông bằng những trò nhảm nhí như thế này.

Lời trách móc khá gay gắt. Thầy William quả có hơi xấc nhưng bây giờ Huynh Jorge lại bảo thầy tôi là ăn nói xằng bậy. Tôi không biết lời đối đáp khe khắt của tu sĩ cao niên này có ngầm ý đuổi khéo thầy ra khỏi phòng thư tịch hay không. Thầy William mới mấy phút trước đầy khí thế, giờ dịu hẳn xuống. Thầy nói:

- Xin lỗi Huynh Jorge đáng kính. Miệng tôi nói vậy nhưng bụng không nghĩ vậy. Tôi không muốn tỏ ra vô lễ với Huynh. Có lẽ điều Huynh nói là đúng, và tôi sai.

Trước cử chỉ tế nhị và khiêm tốn này, Jorge đành hắng ra vẻ vừa hài lòng vừa khoan dung, và đành phải quay về chỗ của mình. Trong khi đó, các tu sĩ này giờ vây quanh hai người để nghe tranh luận đang giải tán về chỗ cũ. Thầy William lại quỳ xuống bên cạnh bàn giấy của Venantius và tiếp tục lục lợi đồng giấy tờ. Bằng câu trả lời nhã nhặn của mình, thầy đã lấy được vài giây yên tĩnh. Điều thầy thấy được trong vài giây này đã khiến thầy nảy ra cái ý điều tra vào đêm hôm ấy.

Nhưng quả thật đó chỉ là vài giây ngắn ngủi. Benno lập tức tiến đến, giả vờ đã để quên cây bút trên bàn khi đến nghe Jorge nói chuyện; Huynh ấy thì thâm với thầy William, bảo có chuyện muốn nói ngay, hẹn gặp sau nhà tắm. Huynh bảo thầy tôi đi trước, Huynh sẽ theo ngay.

Thầy William ngần ngừ một lúc, rồi gọi Malachi, ông ta đang ngồi tại bàn quản thư viện, cạnh sổ thư mục, đã theo dõi tất cả mọi diễn biến. Theo chỉ thị của Tu viện trưởng, thầy yêu cầu Huynh ấy cho người canh chừng bàn giấy của Venantius đừng để ai đến gần nó suốt ngày hôm nay cho đến khi thầy quay lại vì thầy xem nó rất quan trọng trong cuộc điều tra. Thầy nói lớn yêu cầu này, không những nhằm buộc Malachi trông chừng các tu sĩ

khác, mà còn buộc chính các tu sĩ khác trông chừng Malachi nữa. Quản thư viện buộc phải bằng lòng và thầy trò tôi rời khỏi căn phòng.

Khi chúng tôi băng ngang qua khu vườn đi đến phòng tắm cạnh bệnh xá, thầy William nhận xét: - Dường như nhiều người e sợ thầy sẽ tìm thấy cái gì đó trên hay dưới bàn làm việc của Venantius.

- Cái đó có thể là cái gì?

- Thầy linh cảm rằng, ngay cả những người đang e ngại việc này cũng chẳng biết.

- Thì ra Benno cũng chẳng có gì để nói với chúng ta mà chỉ nhằm kéo chúng ta ra khỏi phòng thư tịch ư?

- Chúng ta sẽ biết ngay thôi.

Quả vậy, chỉ một lát sau, Benno đã đến gặp chúng tôi.

Chú thích :

1 **Quintilian**: *Nhà hùng biện và phê bình gia La Mã, thế kỷ I trước công nguyên*

2 *Petrus (Latinh) vừa có nghĩa là đá, vừa có nghĩa là ông Thánh.*

3 “*Speculum stultorum*”

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TRƯA

*Benno kể một câu chuyện lạ lùng
giúp chúng tôi hiểu được
những việc vô luân
trong đời sống tu viện.*

Điều Benno kể cho chúng tôi nghe rất mơ hồ. Dường như Huynh kéo chúng tôi tới đó để dụ chúng tôi ra khỏi phòng thư tịch. Nhưng dường như cũng vì không thể nêu lên một cái cớ chính đáng, Huynh ấy đã kể ra những mảnh vụn của sự thật có tầm vóc lớn hơn sức mình hiểu.

Huynh thú nhận rằng sáng hôm nọ mình đã dè dặt, nhưng bây giờ, suy nghĩ chín chắn hơn, Huynh cảm thấy thầy William nên biết toàn bộ sự thật. Trong suốt cuộc đối thoại nổi tiếng về tiếng cười, Berengar đã nhắc đến từ “finis Africae” (1). Đó là cái gì? Thư viện đầy rẫy bí ẩn, đặc biệt là các bí ẩn về những quyển sách không bao giờ được đưa cho tu sĩ đọc. Benno rất cảm kích về lời nói của thầy William về việc nên xem xét hợp lý các đề nghị nêu ra. Huynh cho rằng một tu sĩ kiêm học giả có quyền biết tất cả mọi thứ thư viện chứa đựng. Trong khi Huynh ấy nói, chúng tôi nhận thấy tu sĩ này còn trẻ, thích sử dụng tài hùng biện, khao khát tự do, nên khó lòng chấp nhận những kỷ luật của tu viện nhằm giới hạn óc hiếu kỳ muốn mở mang trí tuệ của mình. Tôi vẫn hằng ngờ vực óc hiếu kỳ này, nhưng tôi biết thái độ của Benno không làm phật lòng thầy tôi, tôi nhận thấy thầy có cảm tình và tin cậy Huynh ấy. Tóm lại, Benno bảo Huynh không biết Adelmo, Venantius và Berengar đã thảo luận những bí mật nào, nhưng Huynh sẽ hài

lòng nếu câu chuyện buồn này giúp soi sáng thêm cách điều hành Thư viện. Tuy nhiên, Huynh hy vọng thầy tôi sẽ tháo gỡ khúc mắc trong cuộc điều tra, và nhờ đó thuyết phục được Tu viện trưởng nói lỏng kỷ luật hằng áp đặt lên sự mở mang trí tuệ của các tu sĩ – một số người, như Huynh ấy, từ xa đến, nhằm mục đích thu thập các điều huyền diệu ẩn náu trong lòng thư viện để nuôi dưỡng trí tuệ.

Tôi tin Benno đã thành khẩn mong cuộc điều tra đem lại được điều Huynh nói. Tuy nhiên, có lẽ như thầy William đã tiên đoán, Huynh ấy cũng muốn chính mình có cơ hội lục lợi bàn làm việc của Venanatus trước, vì bị óc tò mò thôi thúc. Để chúng tôi khỏi đến gần chiếc bàn, Huynh sẵn lòng đổi chác vài tin tức như sau:

Như nhiều tu sĩ đã biết, Berengar áp ủ một mối cuồng si đối với Adelmo, một thứ cuồng si xấu xa đã bị Chúa trừng phạt tại hai thành phố Sodom và Gomorrah. Có lẽ vì quan tâm đến tuổi thiếu niên non dại của tôi nên Benno nói như thế để ngăn ngừa. Nhưng bất kỳ ai đã trải qua tuổi niên thiếu ở chủng viện, dù có giữ mình trong trắng đi nữa, cũng thường nghe nói đến những mối si mê như thế; và đôi khi phải giữ mình khỏi rơi vào cạm bẫy của những kẻ nô lệ cho mối cuồng si ấy. Mặc dù tôi chỉ là một tu sinh bé bỏng, chẳng phải tôi đã được một tu sĩ già ở Melk giao cho một cuốn thơ trong đó có nói rằng một người phạm tục thường bị lụy vì một người đàn bà sao? Lời nguyện khi nhập dòng tu đã giữ chúng tôi tránh khỏi hố sâu sa đọa là thân thể đàn bà, nhưng lại đưa chúng tôi đến gần những lỗi lầm khác. Sau cùng, tôi có thể che giấu sự thật dù ngay cả giờ đây, ở tuổi cao niên này, tôi vẫn rạo rực vì lòng tà dâm khi mắt tôi vô tình đậu lại trên gương mặt nhẵn nhụi của một tu sinh trong ca đoàn, tinh khiết và tươi mát trong gương mặt một trinh nữ?

Tôi nói những điều này không phải để gieo nghi ngờ việc lựa chọn con đường tu hành của tôi, nhưng để biện minh cho lầm lỗi của nhiều người mà

đối với họ, gánh nặng thiêng liêng này đã trở nên nặng nề. Có lẽ để biện minh cho tội lỗi khủng khiếp của Berengar. Nhưng theo Benno, tu sĩ này rõ ràng theo đuổi con đường sa đọa của mình bằng những cách thức còn đê hèn hơn, đó là cưỡng bức những tu sĩ khác cho mình cái mà đức hạnh và thanh danh ngăn cản họ không nên cho.

Do đó, có một đạo, các tu sĩ đã chua chát giễu cợt cái cách Berengar triu mến nhìn Adelmo, một tu sĩ rất duyên dáng, dễ thương. Trong khi đó, Adelmo chỉ say sưa công việc của mình, xem đó là thú vui duy nhất, nên chẳng để ý mấy đến sự cuồng si của Berengar. Nhưng ai mà biết được. Có lẽ sâu xa trong tiềm thức Adelmo cũng nuôi dưỡng một dục vọng đê hèn tương tự? Quả thật, Benno đã tình cờ nghe được cuộc đối thoại giữa Adelmo và Berengar: Berengar, khi Adelmo yêu cầu hắn tiết lộ một bí mật, đã đề nghị một sự đồi chác ghê tởm mà ngay cả độc giả ngây thơ nhất cũng có thể tưởng tượng ra được. Chính Benno đã nghe từ miệng Adelmo thốt lên những lời ưng thuận khoan khoái, như thể tận đáy lòng mình Adelmo chẳng còn ao ước điều gì khác, và chỉ cần một cái cơ nào đó, không phải là ham muốn nhục dục, là Huynh ấy sẽ đồng ý ngay. Benno còn lý luận rằng, sự bí mật của Berengar phải liên hệ đến các bí quyết của sự học hỏi, do đó Adelmo có thể nuôi ảo tưởng rằng nếu hiến thân xác mình thì khát vọng về trí thức sẽ được thỏa mãn. Benno mỉm cười nói thêm: có rất nhiều lần Adelmo chẳng hề bị thôi thúc bởi một khát vọng học hành mãnh liệt nào cả mà vẫn ưng thuận thỏa mãn nhục dục của những người khác, thậm chí ngược với ý hướng cao cả của mình.

Benno hỏi thầy William – có bao giờ Huynh nghĩ rằng mình sẽ làm những điều tồi bại để được đặt tay lên quyển sách mà mình hằng tìm kiếm bao nhiêu năm nay?

- Cách đây nhiều thế kỷ, Sylvester đệ nhị, người khôn ngoan và đầy phẩm hạnh nhất, đã tặng cả một lòng cầu kim loại quý giá nhất để đổi lấy một

quyển sách của Statius hay Lucan chi đó – thầy William dè dặt nói thêm – nhưng ông đã đổi một lòng cầu chứ không phải đạo đức của mình.

Benno thú nhận đã cao hứng nói quá xa đề, bèn quay trở lại câu chuyện cũ. Đêm trước khi Adelmo chết, Benno vì tò mò đã theo dõi cả hai và trông thấy họ rủ nhau đi đến nhà nghỉ sau Kinh Tối. Huynh mở hé phòng của mình, cách phòng họ không xa, đợi một lúc lâu, rồi yên lặng bao trùm giấc ngủ của các tu sĩ, Huynh thấy rõ ràng Adelmo lén vào phòng Berengar. Benno không thể chớp mắt được, Huynh nghe tiếng cửa phòng Berengar mở, rồi Adelmo chạy thoát ra như bay, trong khi người bạn kia cố ôm Huynh lại. Berengar đuổi theo Adelmo xuống lầu dưới. Benno thận trọng bám theo họ, và khi đến đầu hành lang bên dưới, Benno trông thấy Berengar run rẩy nép vào một góc, chăm chăm nhìn vào cửa phòng của Sư huynh Jorge. Benno đoán là Adelmo đã phủ phục xuống chân vị Sư huynh đáng kính này để xưng tội, Berengar run sợ vì biết bí mật của mình đã bị tiết lộ, mặc dù được thánh bí che chở đi nữa.

Thế rồi Adelmo bước ra, mặt xanh như tàu lá, xua đuổi Berengar đi; còn Berengar thì cố tìm cách biện bạch. Adelmo chạy ra khỏi nhà nghỉ, men theo phía sau nhà nguyện của giáo đường và theo cửa Bắc đi vào khu hát kinh, nơi thường mở ngõ ban đêm. Có lẽ Huynh muốn cầu nguyện. Berengar bám theo, mà không theo vào nhà thờ; Huynh ấy chỉ đi len lỏi giữa những nắm mồ trong nghĩa trang, hai tay xoắn vặn vào nhau.

Benno còn đang hoang mang chưa biết nên làm gì thì nhận ra có một người thứ tư đang đảo qua đảo lại trong khu vực đó. Người này cũng đã theo dõi cặp Adelmo- Berengar, nhưng chắc chắn không biết có Benno đang ép sát mình vào thân cây sồi mọc ở bìa trang trại. Người thứ tư này là Venantius. Khi thấy Venantius, Berengar bèn khom mình bò đi giữa các nắm mồ, còn Venantius cũng đi vào khu hát kinh. Lúc này, vì sợ bị phát hiện, Benno quay về nhà nghỉ. Sáng hôm sau, người ta tìm thấy xác Adelmo ở chân vực đá,

Benno chỉ biết đến đây.

Đã sắp đến giờ ăn tối, Benno chia tay chúng tôi, và thầy tôi không hỏi Huynh ấy thêm điều chi nữa. Chúng tôi nán lại chốc lát sau nhà tắm, rồi lững thững một lát trong vườn, ngẫm nghĩ về những điều kỳ lạ mới phát hiện.

Thầy William đột nhiên khom mình xuống quan sát một thứ cây mọc trong một bụi trụi lá và nói: - Hồn hợp Frangula được chế tạo từ vỏ cây này, để chữa bệnh trĩ.

Tôi nói: - Thầy còn giỏi hơn cả Severinus, nhưng thầy nghĩ gì về những điều chúng ta vừa nghe được?

- Adso này, con phải tập sử dụng lý trí để suy luận. Có lẽ Benno đã kể chúng ta biết sự thật. Câu chuyện của Huynh ấy khớp với những gì Berengar kể sáng sớm nay, mặc dù chuyện của Berengar có vẻ đầy ảo tưởng đi chăng nữa. Berengar và Adelmo đã cùng làm một điều gì đó rất xấu xa với nhau, như chúng ta đã đoán trước. Berengar đã tiết lộ cho Adelmo một điều bí mật mà than ôi, đến nay vẫn còn là một điều bí mật. Sau khi phạm tội dâm dăng, trái với thiên nhiên, Adelmo chỉ nghĩ đến chuyện phò thác cho người nào có thể giải tội cho mình, y bèn chạy ủa đến Jorge. Như chúng ta đã biết, tu sĩ này tính khí rất khắc nghiệt, nên chắc hẳn Huynh đó đã phủ lên đầu Adelmo những lời trách mắng thậm tệ. Có thể Huynh ấy từ chối không giải tội, có thể Huynh ấy áp đặt một sự ăn năn quá sức Adelmo: chúng ta chẳng biết, còn Jorge thì chẳng đời nào nói với chúng ta. Chỉ biết Adelmo chạy vội vào nhà thờ, nằm rạp mình trước bàn thờ, nhưng không dập tắt được nỗi ăn năn dày vò. Ngay lúc đó Venantius đến gần Huynh. Chúng ta không biết họ nói với nhau những gì. Có thể Adelmo đã truyền lại cho Venantius cái bí mật mà Berengar đã tặng hay trả cho mình, cái bí mật mà giờ đây chẳng còn quan trọng nữa, vì Huynh đã có một bí mật khác khủng khiếp hơn, cháy bỏng hơn. Chuyện gì đã xảy đến với Venantius? Có

lẽ vì bị lòng hiếu kỳ cuồng nhiệt như của Benno thôi thúc, và khoái chí với những điều vừa biết được, nên Venantius đã để Adelmo ăn năn một mình. Adelmo thấy mình bơ vơ bèn quyết định tự tử, tuyệt vọng đi ra nghĩa trang và tại đây đụng độ với Berengar. Adelmo nói với Berengar những lời khùng khiếp, đổ trách nhiệm lên đầu Berengar và hạ mình xuống gọi người này là thầy. Thầy thực sự tin rằng câu chuyện của Berengar chính xác nếu lược bỏ các chi tiết ảo tưởng. Adelmo lập lại cho Berengar nghe những lời thóa mạ mà Jorge hẳn đã nói. Berengar bàng hoàng bỏ đi một đằng, còn Adelmo bỏ đi một nẻo để tự tử. Chúng ta suýt được chứng kiến phần còn lại của câu chuyện đó. Mọi người đều tin Adelmo bị giết chết, do đó Venantius tưởng rằng bí mật của thư viện quan trọng hơn mình nghĩ, nên tự tìm tòi, cho đến khi ai đó ngăn cản Huynh ấy, có thể trước hay sau khi Huynh ấy tìm ra điều Huynh ấy muốn.

- Ai giết Venantius? Berengar ư?

- Có thể. Hay cũng có thể là Malachi, người canh giữ Đại dinh. Hoặc có thể là một người khác. Berengar bị nghi ngờ vì Huynh ấy hoảng sợ, biết rằng lúc ấy Venantius đã nắm được bí mật của mình. Malachi bị tình nghi, vì là người canh giữ không cho ai đột nhập thư viện, giờ lại khám phá có người vi phạm điều ấy, nên giết đi. Jorge thì biết hết về mọi người, nắm bí mật của Adelmo và không muốn thầy khám phá ra điều Venantius đã tìm thấy... Có nhiều dữ kiện nhắm vào Huynh ấy. Nhưng làm sao một người mù có thể giết một người sung sức khác? Và làm thế nào một ông già, dù có tráng kiện đi nữa, lại có thể mang cái xác chết đến chiếc vại được? Cuối cùng, tại sao Benno không phải là kẻ sát nhân chứ? Huynh ấy có thể nói láo với chúng ta vì những lý do không tiện nói. Và tại sao chúng ta chỉ khép vòng tình nghi quanh những người dự phần vào cuộc tranh luận về tiếng cười? Có thể án mạng có những động cơ khác, không dính líu gì đến thư viện. Dầu sao, chúng ta cần hai thứ: tìm cách vào thư viện ban đêm và một ngọn

đèn. Con kiểm đèn. Lảng vảng trong nhà bếp vào giờ ăn tối, lấy một cái...

- Ăn cấp u?

- Mượn thôi, nhân danh Thượng đế vinh quang.

- Nếu thế thì cứ tin cậy con.

- Tốt, còn việc vào Đại dinh, tối hôm qua chúng ta đã thấy Malachi từ đâu vào. Tối nay, thầy sẽ viếng nhà thờ, và đặc biệt là nhà nguyện. Một giờ nữa chúng ta sẽ đi ăn. Sau đó, chúng ta sẽ hội kiến Tu viện trưởng. Con sẽ được theo vào, vì thầy đã yêu cầu mang theo một thư ký để ghi chép những điều Cha ấy và thầy nói.

Chú thích:

(1) *Tận cùng châu Phi.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ TRƯA

*Tu viện trưởng bộc lộ niềm tự hào
về sự giàu có của tu viện
và nỗi sợ hãi bọn phản giáo.
Cuối cùng, Adso thắc mắc
không hiểu mình có sai lầm
khi dẫn thân vào đời chăng?*

Chúng tôi gặp Tu viện trưởng tại bàn thờ chính trong giáo đường. Người đang theo dõi công việc của tu sinh, từ một nơi bí mật nào đó, họ mang ra một số bình, ly rượu lễ, lọ bánh thánh, và một thánh giá mà tôi đã không thấy trong buổi hành lễ sáng nay. Tôi không kiềm nổi một tiếng kêu thán phục khi nhìn thấy vẻ đẹp huy hoàng của các thánh vật này. Khi ấy là giữa ngọ, ánh nắng ủa qua các cửa sổ khu hát kinh, chảy tràn qua các cửa sổ ở tiền sảnh, tạo nên những dòng thác bạc, tựa như những con suối huyền ảo chảy nước thiêng, rọi sáng đầy đủ trong giáo đường và chan hòa khắp bàn thờ.

Tu viện trưởng thấy tôi thán phục bèn mỉm cười. Người nói với thầy trò tôi. – Những báu vật các con đang thấy và các báu vật khác, các con sẽ thấy sau này, là di sản của hàng nhiều thế kỷ tận tụy hiến dâng cho Chúa, là minh chứng cho quyền lực và sự thiêng liêng của tu viện này. Mặc dầu hôm nay một biến cố buồn bã đã làm u ám tu viện, nhưng khi nghĩ đến sự yếu đuối của chúng tôi, chúng tôi vẫn không quên quyền lực và sức mạnh của Đấng Toàn Năng. Giáng sinh sắp đến, chúng tôi khởi sự đánh bóng các thánh vật,

để ngày sinh của Chúa Cứu Thế được cử hành một cách trọng thể và huy hoàng. Mọi thứ phải hiện ra hoàn toàn rực rỡ.

Trong khi nói, Tu viện trưởng quay mặt về gian giữa của nhà thờ. Dưới ánh thái dương bao dung, một vật nặng từ phía trên chiếu rọi khuôn mặt Cha và đôi tay Người, nẩy giờ giang rộng thành hình Thánh giá, nay vung lên cao khi Cha hăng say nói.

– Mọi tạo vật, dù vô hình hay hữu hình, đều là ánh sáng phát sinh ra từ ánh sáng. Vật bằng ngà này, thanh mã não này, và cả đá xung quanh chúng ta nữa, đều là ánh sáng, vì Cha thấy chúng tốt lành và đẹp đẽ, chúng hiện hữu theo luật tự cân đối và tự phân biệt mình với các loại, giống khác, tự xác lập mình bằng kích thước riêng, tự tìm ra một thứ tự và vị trí riêng tùy theo trọng lượng của chúng...

Thầy William nhã nhặn đăng hăng. – Hà... hừm! – Thầy thường làm thế mỗi khi muốn chuyển sang đề tài mới. Thầy chuyển đề tài rất khéo, vì theo thói quen của dân xứ thầy, trước khi phát biểu một nhận định nào đó, thầy đều đăng hăng rất lâu, như thể thầy phải động não ghê gớm mới có thể trình bày đầy đủ một ý tưởng. Tôi thì tin rằng trước khi phát biểu, thầy càng đăng hăng nhiều bao nhiêu thì càng tự tin vào điều mình sắp nói bấy nhiêu.

Thầy William tiếp tục: - Hừm... ừm... Chúng ta nên bàn về cuộc gặp gỡ để tranh luận về cái nghèo của Chúa.

- Cái nghèo... - Tu viện trưởng mơ màng nói, như thể khó khăn lắm mới rút được khỏi cõi diễm lệ lấp lánh những viên ngọc đã du hồn ông - Ừ nhỉ, cuộc gặp gỡ.

Rồi họ bắt đầu bàn luận hăng say một số điểm tôi đã biết, một số điểm khác tôi cố nắm khi nghe họ nói.

Như tôi đã nói trong lời MỞ ĐẦU quyển Hồi ký trung thực này, cuộc gặp gỡ này liên quan đến cuộc tranh cãi song đôi, một mặt giữa Nhà Vua với Giáo Hoàng, mặt khác giữa giáo hoàng với dòng Francisco; các tu sĩ này,

qua nhiều năm tại Đại hội Perugia đã tiếp nhận các lý thuyết của dòng Thánh thần về sự cơ nghèo của Chúa. Buổi gặp gỡ này cũng liên quan đến một cuộc xáo xáo xảy ra vì dòng Francisco về phe với Nhà vua tạo ra một tam giác kẻ thù và đồng minh mà nay đã biến thành một tứ giác, nhờ sự can thiệp của các tu viện trưởng dòng Benedict.

Cha bề trên hiện đang sẵn sàng hợp tác với sứ giả của Hoàng đế là thầy William, và đóng vai trò trung gian giữa dòng Francisco và Giáo hoàng. Thực ra, trong cuộc tranh cãi khốc liệt đe dọa đến sự thống nhất của Giáo hội, Cha trưởng dòng Francisco là Michael xứ Cèsena đã nhiều lần bị Giáo hoàng John triệu hồi về Avignon. Cuối cùng, Cha đành chấp nhận lời mời đến dự buổi gặp gỡ này, vì ông không muốn đặt chính dòng mình vào mối mâu thuẫn không hàn gắn được với đức Giáo hoàng. Cha muốn thấy ngay sự thắng thế của mình và đạt được sự thỏa thuận của Giáo hoàng, hoàn toàn không phải vì Cha phỏng đoán mình sẽ không còn giữ được chức Trưởng dòng nếu không được Giáo hoàng nhất trí.

Có nhiều người đã cam đoan với Cha rằng Giáo hoàng sẽ giăng bẫy đợi Cha tại Pháp, buộc Cha tội phản giáo và đem ra xử. Do đó, họ khuyên Cha Michael nên cố thương thuyết, trước khi xuất hiện tại Avignon. Marsilius còn có ý hay hơn: phái theo Cha Michael một sứ giả của triều đình để trình lên Giáo hoàng quan điểm của những người ủng hộ Hoàng đế, không chỉ để thuyết phục lão Giáo hoàng Cahors mà còn để củng cố địa vị của Cha Michael, một thành viên trong phái đoàn của triều đình, để ông khỏi biến thành mồi ngon cho Giáo hoàng trả thù.

Tuy nhiên, ý kiến này có nhiều điểm bất lợi và không thể được thực hiện ngay. Từ đó, nảy sinh đề nghị nên có một buổi hội kiến trước, giữa phái đoàn nhà vua và vài sứ giả của Giáo hoàng, để thăm dò quan điểm lẫn nhau và soạn thảo một hiệp nghị gặp gỡ sau này, trong đó phải đảm bảo an ninh cho các đại biểu người Ý. William xứ Baskerville đã được chỉ định để tổ

chức buổi gặp gỡ đầu tiên. Sau đó, thầy sẽ trình bày quan điểm của các nhà thần học triều đình tại Avignon, nếu thầy cho hành trình đến đây là không nguy hiểm. Đây là một dự định không đơn giản, vì người ta cho rằng Giáo hoàng muốn Cha Michael đến đó một mình để có thể bắt Cha tuân phục; Giáo hoàng sẽ cử một phái đoàn đi Ý và chỉ thị cho họ phải phá hoại cuộc hành trình của các sứ giả triều đình. Cho đến nay, thầy William đã hoạt động rất có hiệu quả. Sau những cuộc bàn bạc lâu dài với nhiều Tu viện trưởng dòng Benedict, thầy đã chọn Tu viện này, chính vì Tu viện trưởng nổi tiếng trung thành với Hoàng đế, nhưng nhờ tài ngoại giao khéo léo nên cũng được phần nào cảm tình của Giáo hoàng. Là địa phận trung lập, nên tu viện sẽ là nơi hai nhóm gặp gỡ.

Giờ đây, sau những biến cố vừa xảy ra ở tu viện, Tu viện trưởng cảm thấy bồn chồn bất an, bèn bộc lộ nỗi hoài nghi với thầy William. Nếu Phái đoàn đến Tu viện khi chưa tìm ra thủ phạm gây ra hai vụ án mạng, họ sẽ nghĩ rằng trong những bức tường kín đáo này có ai đó có khả năng dùng những hành động bạo lực tác oai tác quái để gây ảnh hưởng đến quyết định của các sứ giả của Giáo hoàng.

Cố che đậy các án mạng đã xảy ra cũng chẳng ích gì, vì nếu có chuyện gì xảy ra nữa, các sứ giả sẽ nghi ngờ có âm mưu chống đối họ. Do đó, chỉ có hai cách giải quyết: hoặc là thầy William phải phát hiện ra hung thủ trước khi phái đoàn đến (đến đây, Tu viện trưởng hẳn học nhìn thầy tôi, như thể trách thềm thầy chưa giải quyết được vấn đề gì cả), hoặc là phải thành thật báo hết với Trưởng phái đoàn và yêu cầu ông cộng tác giúp đỡ và đặt tu viện dưới sự giám sát chặt chẽ trong suốt thời gian xảy ra cuộc tranh luận. Tu viện trưởng không thích phương án thứ hai, vì như vậy có nghĩa là nhượng bộ một phần uy quyền của ông, và đặt chính các tu sĩ của ông dưới sự kiểm soát của người Pháp. Nhưng ông không thể liều lĩnh mãi được. Cả thầy William lẫn Tu viện trưởng đều bức bối vì diễn tiến của tình hình; tuy

nhiên, họ không có sự lựa chọn nào hơn. Do vậy, họ đề nghị để sang ngày hôm sau mới có quyết định tối hậu. Trong khi đó, họ chỉ còn biết phó thác cho ơn trên và trông cậy vào tài năng của thầy William.

Thầy William nói: - Thừa Đức Cha, con sẽ làm hết sức mình, nhưng mặt khác, con không hiểu tại sao vấn đề này lại có thể làm phương hại đến cuộc họp bàn. Ngay cả sứ giả của Giáo hoàng cũng sẽ thông cảm rằng có sự khác biệt giữa hành động của một kẻ điên, hoặc một tên khát máu, hay có lẽ là một gã đã mất linh hồn, với những vấn đề nghiêm trọng mà các người chính trực cần bàn bạc với nhau.

Tu viện trưởng chăm chú nhìn thầy William, hỏi: - Con nghĩ thế sao? Nên nhớ rằng: những người từ Avignon biết họ sẽ phải gặp các tu sĩ dòng Khất thực, nghĩa là những người rất nguy hiểm đối với họ, những người rất gần gũi với Dòng Anh em nghèo khó và những kẻ còn sa đọa hơn, đó là những tên phản giáo tay đã nhuốm máu. – Nói đến đây, Tu viện trưởng hạ giọng – Và nếu so với các tội ác của chúng thì các biến cố khủng khiếp xảy ra ở đây chỉ như làn sương dưới nắng.

Thầy William gào lên – Không thể so sánh như vậy! Cha không thể đặt các tu sĩ dòng Khất thực ở Đại hội xứ Perugia ngang hàng với lũ phản giáo đã hiểu sai lời dạy của Phúc Âm, biến cuộc chiến đấu chống lại kẻ giàu thành một loạt các cuộc trả thù cá nhân hay những cơn cuồng điên dẫm máu...

Tu viện trưởng cộc cằn nói – Cách đây không lâu và cách đây không xa, lũ ấy, theo cách con gọi, đã tàn sát và đốt phá dinh cơ của Giám mục xứ Vercelli và những ngọn núi bên kia Novara.

- Cha muốn nói đến Fra Dolcino và các tông đồ?

- Bọn tông đồ giả hiệu – Tu viện trưởng chỉnh thầy. Thế là một lần nữa tôi nghe nhắc đến Fra Dolcino và các tông đồ giả hiệu, một lần nữa, nói một cách bóng gió pha chút kinh hoàng.

Thầy William nhất trí ngay – Vâng, bọn tông đồ giả hiệu, nhưng chúng

không liên hệ gì đến các Huynh dòng Khất thực.

Tu viện trưởng nhấn mạnh – ...Cả hai bọn đều tôn thờ Joachim xứ Calebria, kẻ tự cho mình đáng sùng kính, không tin con cứ hỏi Ubertino xem.

- Con phải thưa cùng Đức Cha rằng hiện nay Huynh ấy đang ở trong dòng của Cha, - thầy William mỉm cười và cúi đầu nói, như thể ngợi khen Cha Tu viện trưởng đã thu phục được một người tiếng tăm như thế.

- Cha biết, Cha biết. Con phải hiểu rằng dòng tu của Cha đã mở rộng vòng tay huynh đệ biết bao đón các tu sĩ dòng Thánh thần, khi họ phải chịu đựng cơn thịnh nộ của Giáo hoàng. Cha không chỉ nói đến Ubertino mà còn ám chỉ nhiều Sư huynh khác, khiêm nhường hơn, ít ai biết đến; nhưng có lẽ chúng ta cần tìm hiểu họ thêm. Bởi vì, đã có lần Tu viện đón nhận những kẻ đào tẩu đến đây trong bộ quần áo dòng Khất thực, và sau đó Cha được biết các thói xấu đôn mạt của đời họ, đẩy họ gần kề với tu sĩ dòng Dolcino...

- Ở đây cũng thế ư?

- Ở đây cũng thế. Thành thật mà nói, điều Cha biết cũng còn ít ỏi và không đủ để buộc tội. Nhưng do con đang điều tra cuộc sống trong Tu viện này, nên tốt hơn cũng cần nên biết. Căn cứ trên những gì Cha đã nghe và phỏng đoán, Cha ngờ rằng – nên nhớ, Cha chỉ ngờ thôi nhé – rằng trong đời viên quản hàm của chúng ta đã có một thời kỳ mờ ám. Huynh ấy đến đây hai năm trước, theo đoàn tu sĩ dòng Khất thực lũ lượt kéo tới.

- Viên quản hàm ư? Remigio là tu sĩ dòng Dolcino à? Trông Huynh ấy như thể một người hòa nhã nhất, ít chú ý đến cái nghèo nhất.

- Cha không có gì phàn nàn Huynh ấy và đã tận dụng khả năng phục vụ tốt của Huynh ấy. Và cả cộng đồng đều biết ơn Huynh. Cha lưu ý con điều này để con thấy rất dễ tìm thấy mối liên hệ giữa một thầy tu dòng chúng ta và một tu sĩ Anh em nghèo khó.

Thầy William cắt ngang: - lại một lần nữa, xin lỗi Cha, Cha lại bị lung lạc nữa rồi. Chúng ta đang nói về dòng Dolcino chứ không phải dòng Anh em

nghèo khó. Và, khi nói về dòng Dolcino thì không phải đang nói đến một ai, vì thực ra họ có rất nhiều. Thế nhưng, không nên gọi họ là khát máu. Quá lắm ta có thể trách họ đã áp dụng một cách thiếu cân nhắc những điều mà các tu sĩ dòng Thánh thần đã thuyết giảng một cách ôn hòa hơn, nhờ lòng kính Chúa chân thực. Ở đây, con công nhận rằng sự phân biệt phái này với phái kia là rất mơ hồ....

- William này, con biết nhiều về bọn phản giáo như thể con cùng phường với chúng, con có thể nói cho Cha biết sự thật nằm ở đâu không?

Thầy William buồn bã đáp – Có khi sự thật chẳng nằm ở đâu cả.

- Thấy chưa? Chính con cũng không thể phân biệt tên phản giáo này với tên phản giáo kia. Ít nhất, Cha cũng có một nguyên tắc. Cha biết bọn phản giáo là những kẻ đe dọa đến dòng tu bảo vệ thần dân của Chúa. Cha bênh vực triều đình, vì nó đã bảo đảm dòng tu cho ta. Cha chống lại Giáo hoàng, vì ông đã giao thần quyền lại cho các giám mục của các đô thị, các giám mục này liên minh với các thương nhân và phường hội và do đó sẽ không có khả năng duy trì dòng tu. Chúng ta đã duy trì được dòng tu hàng nhiều thế kỷ. Với bọn phản giáo, Cha cũng có một nguyên tắc được tóm tắt trong câu trả lời mà Giám mục Côteaux, Arnal Amalaricus đã đáp lại những người hỏi ông nên làm gì với dân thành Béziers: “Giết hết bọn chúng đi, Chúa sẽ nhận ra con cái của Ngài”.

Thầy William yên lặng nhìn xuống một lát đoạn nói – Thành Béziers bị chiếm và lực lượng của chúng ta đã tàn sát gần hai mươi ngàn người, không phân biệt nam phụ lão ấu. Khi cuộc tàn sát chấm dứt, thành phố bị cướp sạch và thiêu rụi.

- Một cuộc thánh chiến chẳng qua cũng chỉ là một cuộc chiến tranh thôi.

- Do đó, có lẽ không nên có Thánh chiến. Nhưng con đang nói gì nhỉ? Con đến đây để bênh vực quyền lợi của vua Louis, người cũng đang tàn sát nước Ý. Chính con cũng đang bị kẹt trong thế đồng minh kỳ lạ giữa những tu sĩ

dòng Thánh thần và triều đình, giữa triều đình với Marsillius, người tranh thủ vương quyền của nhân dân. Và thế đồng minh kỳ lạ giữa Đức Cha và Con, chúng ta khác biệt nhau cả về lý tưởng lẫn truyền thống. Nhưng chúng ta có hai sứ mệnh chung: phải dàn xếp cho buổi họp bàn sắp tới thành công, và phải tìm cho ra kẻ sát nhân. Chúng ta hãy cố tiến hành công việc trong không khí hòa thuận.

Tu viện trưởng giang tay ra – Sư huynh William, hãy đến hôn Cha để chứng tỏ sự hòa thuận. Với một người có kiến thức như con, Cha có thể tranh luận không biết chán về những điểm tinh tế trong Thần học và Đức học. Tuy nhiên, ta cũng không nên mải mê tranh luận như các giáo sư ở Paris. Con có lý: chúng ta có một sứ mệnh quan trọng trước mắt, cần tiến hành một cách ăn ý. Nhưng Cha đã nói đến những điều trên vì tin rằng chúng có liên hệ với nhau. Con hiểu không? Có thể có một mối liên hệ - hay đúng hơn là mối liên hệ mà những người khác có thể tìm ra – giữa các án mạng xảy ra tại đây và các luận thuyết do các Sư huynh của con đề ra. Chính vì thế mà Cha cảnh giác con, và chính vì thế, con phải gạt đi mọi nghi ngờ và những lời bóng gió về những người ở Avignon.

- Phải chăng Đức Cha đang vạch cho con một phương hướng điều tra? Cha có tin rằng nguyên nhân của các biến cố vừa mới xảy ra có thể tìm thấy trong quá khứ tăm tối có liên quan đến bọn phản giáo của một trong các tu sĩ ở đây không?

Tu viện trưởng yên lặng một lúc nhìn thầy William, nhưng mặt không biểu lộ một cảm xúc nào, đoạn nói:

- Trong biến cố tang thương này, con là người điều tra. Nhiệm vụ của con là phải đa nghi, thậm chí phải đa nghi thái quá nữa. Ở đây, Cha chỉ là một linh mục thường. Cha cũng nói thêm rằng, nếu Cha biết quá khứ của một trong các tu sĩ của Cha là cơ sở cho sự nghi ngờ chính đáng, chính ta sẽ sẵn sàng nhổ đi cái cây xấu xa đó. Điều Cha biết, con cũng biết. Điều Cha không

biết, cần được trí khôn của con soi rọi.

Tu viện trưởng gật đầu cáo biệt và rời giáo đường.

*

* *

Thầy William nhú mào nói: - Chuyện này càng lúc càng rắc rối, Adso ạ. Chúng ta theo đuổi một bản thảo; chúng ta chú ý đến các cuộc đấu khẩu giữa các tu sĩ quá hiếu kỳ và những hành động của các tu sĩ dâm dăng khác; và bây giờ, một dấu vết hoàn toàn khác biệt lại nổi lên, ngày càng đậm nét hơn. Viên quản hầm, rồi... Con thú kỳ lạ Salvatore cũng đã cùng viên quản hầm đến đây... Nhưng chúng ta phải đi nghỉ thôi, vì chúng ta định thức suốt đêm nay mà.

- Thế, thầy vẫn định đột nhập Thư viện tối nay ư? Thầy không định từ bỏ dấu vết thứ nhất chứ?

- Không đâu. Dấu sao, ai bảo hai dấu vết này tách biệt nhau? Còn việc của viên quản hầm có thể chỉ là một sự nghi ngờ của Tu viện trưởng mà thôi.

Thầy đi về hướng khu nhà trọ của những người hành hương. Đến ngưỡng cửa, thầy ngưng lại và nói, như thể tiếp tục các nhận xét ban nãy:

- Dấu sao, Tu viện trưởng đã yêu cầu thầy điều tra về cái chết của Adelmo, vì Cha nghĩ có một cái gì đó không lành mạnh diễn ra giữa các thầy tu trẻ của mình. Nhưng vì cái chết của Venantius dấy lên các mối nghi ngờ khác, có lẽ Tu viện trưởng cảm thấy mâu thuẫn của sự bí ẩn nằm trong Thư viện, và Cha không muốn có một cuộc điều tra nào xảy ra ở đó cả. Do đó, Cha đã gợi ý cho thầy về viên quản hầm, để đánh lạc hướng chú ý của thầy khỏi Đại dinh...

- Nhưng tại sao Cha ấy lại không muốn...

- Đừng hỏi quá nhiều. Ngay từ đầu, Tu viện trưởng đã bảo thầy chớ động đến Thư viện. Cha ấy hẳn có lý do riêng. Có lẽ Cha có dính líu đến một chuyện gì đó mà Cha cho rằng không có liên hệ tới cái chết của Adelmo, nhưng bây giờ Cha nhận thấy chuyện tai tiếng đang lan tràn có thể động chạm đến mình. Cha không muốn sự thật được phơi bày, hay ít ra không muốn chính thầy phơi bày nó...

Tôi nản lòng nói: - Thì ra chúng ta đang ở một nơi bị Chúa ruồng bỏ.

- Con có bao giờ tìm thấy nơi nào mà Chúa cảm thấy thoải mái không?

Sau đó, thầy cho tôi đi nghỉ. Tôi nằm trên sạp, tự kết luận rằng cha tôi lẽ ra không nên đẩy tôi vào đời, đời sao phức tạp hơn tôi tưởng. Tôi đã học được quá nhiều điều.

Tôi cầu nguyện khi thiếp dần: “Xin hãy cứu con khỏi miệng sư tử” (1)

Chú thích:

(1) *Salva me ab ore leonis*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

SAU KINH CHIỀU

*Mặc dù chương này ngắn,
nhưng trong đây lão Alinardo kể
nhiều điều thú vị
về Mê Cung và cách xâm nhập vào đó*

Tôi thức giấc khi giờ ăn chiều sắp điểm. Tôi cảm thấy lờ đờ và ngái ngủ, vì ngủ ngày cũng như tội lỗi của thân xác: càng được thì càng thêm, nhưng vẫn cảm thấy không đã, vừa thừa lại vừa thiếu.

Thầy William không ở trong phòng, chắc hẳn thầy dậy sớm hơn tôi nhiều. Sau khi tìm kiếm một chốc, tôi thấy thầy từ Đại dinh đi ra. Thầy bảo vừa ở trong phòng thư tịch, giờ qua sổ thư mục và quan sát các tu sĩ làm việc, để cố đến gần bàn Venantius, tiếp tục lục xét. Vì lẽ này, lẽ nọ các tu sĩ dường như cố ngăn không cho thầy lục xét các giấy tờ ở đó. Trước tiên, Malachi tiến đến, đưa cho thầy xem các bức minh họa quý giá. Kế đó, làm thầy bận rộn với những nguyên cơ không đâu. Rồi nữa, khi thầy cố tình tiếp tục xem xét thì Berengar lớn vồn quanh thầy, đề nghị giúp một tay.

Cuối cùng, thấy thầy tôi lộ vẻ quyết tâm xem xét các đồ vật của Venantius, Malachi thẳng thừng bảo thầy rằng: có lẽ thầy cần xin phép Tu viện trưởng mới được lục lạo giấy tờ của người quá cố; dù rằng Huynh ấy là quản thư viện đi nữa cũng không dám nhòm ngó đến chúng để tỏ lòng tôn kính và tuân thủ kỷ luật. Dầu sao, theo lời yêu cầu của chính thầy William, chưa có ai động đến chiếc bàn đó, và sẽ không ai được phép đến gần nó, nếu chưa có chỉ thị của Tu viện trưởng. Thầy tôi thấy không đáng độ sức với

Malachi, mặc dù tất cả mọi thứ rầy rà sợ sệt về giấy tờ của Venantius chỉ làm thầy thêm háo hức muốn tìm hiểu chúng. Thầy đã hạ quyết tâm sẽ trở lại đây đêm nay, nhưng chưa biết bằng cách nào, do đó thầy nghĩ chớ nên gây chuyện thêm nữa. Tuy nhiên, đầu óc thầy bị ám ảnh bởi các tư tưởng trả đũa, mà nếu không phát xuất từ lòng khao khát tìm kiếm sự thật thì những ý tưởng này có vẻ ngoan cố và đáng trách.

Trước khi vào nhà ăn, chúng tôi tản bộ trong nhà dòng một lát nữa, mượn trời đêm lạnh giá xua đi cơn buồn ngủ. Vài tu sĩ còn lại đi lại nơi đây để tĩnh tâm. Từ nhà dòng nhìn ra khu vườn, chúng tôi thoáng thấy lão Alinardo, vì cơ thể yếu đuối, nên thường ở ngoài trời với cây cỏ mỗi khi không phải cầu nguyện trong nhà thờ. Huynh ấy dường như không cảm thấy lạnh và đang ngồi ở vòm cổng ngoài.

Thầy William cất tiếng chào Huynh và người tu sĩ già nua vui mừng thấy có người đến nói chuyện với mình. Thầy William nói:

- Một ngày yên lành nhỉ?

- Nhờ ơn trên.

- Thanh bình trên thiên đường, nhưng u ám dưới hạ giới. Huynh có thân Venantius không?

- Venantius nào? - Rồi mắt Huynh loé lên. – À, cái cậu đã chết à? Con quái vật đang đi rong trong thư viện....

- Quái vật gì?

- Con không quái từ biển đến... Bảy đầu mười sừng và trên mỗi sừng có vương miện, và trên mỗi đầu có ba tên bóng bở. Con thú trông giống báo, chân gấu, miệng sư tử... Tôi đã thấy nó.

- Huynh đã thấy nó ở đâu? Trong thư viện à?

- Thư viện hả? Sao lại ở đây? Từ bao năm qua tôi không đến phòng thư tịch và chưa bao giờ thấy thư viện. Chẳng ai đến thư viện. Tôi biết những người đã lên thư viện...

- Ai? Malachi ư? Hay Begengar?

Cụ già cười gằn -Ồ không... Trước đó cơ. Quản thư viện tiền nhiệm của Malachi, nhiều năm trước đây.

- Ai vậy?

- Tôi không nhớ, ông ấy chết khi Malachi hãy còn trẻ. Và người đến trước thầy của Malachi, là người phụ tá quản thư viện trẻ, khi tôi còn thanh niên... Nhưng tôi chưa bao giờ đặt chân lên thư viện. Cái Mê cung ấy...

- Thư viện là Mê cung ư?

Cụ già mơ màng ngâm: - Mê cung diễn tả thế giới này một cách đặc thù. Lối vào thì rộng mở, nhưng lối ra thì nhỏ hẹp hơn. Người ta vào mà không biết lối ra. Thư viện là một Mê cung, là dấu hiệu của Mê cung trên thế gian... Người ta không được vượt qua dãy cột trụ của Hercules...

- Thế nên Huynh không biết cách vào Thư viện khi Đại đình đóng cửa à?

- Có chứ - Cụ già cười - nhiều người biết lắm. Người ta vào bằng đường lò thiêu xương. Huynh có thể đi xuyên qua lò ấy, nhưng Huynh không muốn đi đường này đâu. Các tu sĩ quá cố canh giữ nó.

- Các tu sĩ quá cố canh lò xương... Không phải là những người ban đêm cầm đèn đi trong Thư viện chứ?

Cụ già tỏ vẻ kinh ngạc: - Cầm đèn ư? Tôi chưa bao giờ nghe chuyện này. Các tu sĩ quá cố ở trong lò thiêu xương, xương từ nhà mồ dần dà rơi xuống và chất đông ở đó để chặn đường đi qua. Huynh chưa bao giờ nhìn thấy bàn thờ trong nhà nguyện mở vào lò xương này à?

- Có phải bàn thờ thứ ba bên trái, sau cánh ngang không?

- Cái thứ ba hả? Có lẽ? Đó là bàn thờ bằng đá có chạm hàng ngàn bộ xương. Nhấn vào đôi mắt của sọ thứ tư bên tay phải... và Huynh sẽ lọt vào lò xương. Nhưng đừng có đến đó, tôi chẳng đến đó bao giờ. Tu viện trưởng không thích thế đâu.

- Thế còn con quái vật? Huynh đã thấy nó ở đâu?

- Quái vật ư? À, cái tên phản giáo... Hắn sắp đến, thời hoàng kim đã qua, chúng ta đang đợi hắn...

- Nhưng thời hoàng kim cách đây ba trăm năm rồi, lúc đó hắn có tới đâu.

- Sau một ngàn năm trôi qua, tên phản giáo sẽ không đến. Lúc bấy giờ là thời thịnh trị của chính nghĩa và sẽ có một trận thư hùng chung quyết...

- Nhưng phái chính thống sẽ trị vì một ngàn năm. Nếu không, họ sẽ trị vì từ ngày Chúa mất đến cuối thời hoàng kim, và lẽ ra tên phản giáo đã đến lúc ấy rồi, nếu không thì phe chính nghĩa vẫn chưa lên trị vì, và tên phản giáo vẫn còn ở xa lắm.

- Thời hoàng kim không phải tính từ ngày Chúa mất, mà từ ngày hiến dâng thành phố Constantine ba thế kỷ sau đó. Tính đến nay đã một ngàn năm.

- Thế thời thịnh trị của chính nghĩa đang cáo chung à?

- Tôi không biết... Tôi không biết nữa. Tôi mệt mỏi rồi. Tính toán thật khó. Beatus xứ Liébana tính như thế đó; hỏi Jorge ấy, Huỳnh ấy còn trẻ, Huỳnh ấy nhớ giỏi. Nhưng thời gian đã chín muồi. Huỳnh có nghe bảy hồi kèn không?

- Tại sao lại bảy hồi kèn?

- Thế Huỳnh không nghe cậu mình họ kia chết như thế nào à? Sứ thần thứ nhất thổi hồi kèn đầu tiên, rồi mưa đá và lửa đổ xuống chan hoà với máu. Sứ thần thứ hai thổi hồi kèn thứ hai, rồi phần thứ ba của biển hóa máu... Cậu thứ nhì không phải chết trong biển máu sao? Hãy coi chừng hồi kèn thứ ba! Một phần ba sinh vật dưới biển sẽ chết. Chúa trừng phạt chúng ta Thế giới quanh tu viện đầy rẫy bọn phản giáo: họ bảo tôi rằng trên ngai vàng La Mã có một tên Giáo hoàng sa đoạ, dùng bánh thánh để triệu hồn, rồi cho lơ lửng ăn bánh thánh... và trong nội bộ chúng ta đã có kẻ vi phạm luật cấm, phá vỡ dấu niêm phong của Mê cung...

- Ai bảo Huỳnh thế?

- Tôi nghe được. Ai cũng thì thầm rằng tội ác đã xâm nhập tu viện. Chú có

đậu kê không?

Cụ già hỏi tôi, khiến tôi ngạc nhiên – nên tôi bối rối đáp - Thực con không thứ đậu đó ạ.

- Lần tới mang cho ta ít đậu kê nhá. Ta ngậm nó trong miệng cho đến khi chúng mềm ra... con có thấy cái miệng móm sọm của ta chứ? Đậu đó làm chảy nước miếng, nước mang lại sự sống. Con nhớ mang cho ta ít đậu kê nhé!

- Mai con sẽ mang đến một ít.

Tôi nói đến đó thì cụ đã ngủ thiếp đi mất. Chúng tôi đi về nhà ăn.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TỐI

*Đột nhập Đại dinh, phát hiện một vị khách bí ẩn,
tìm ra một thông điệp bí mật
chứa những dấu hiệu đồng cốt,
còn tìm ra một quyển sách, nhưng sách biến mất ngay
và phải săn lùng nó suốt trong nhiều chương kế tiếp,
cặp kính quý của William bị đánh cắp,
nhưng như thế chưa phải là hết nỗi thăng trầm.*

Bữa ăn tối tẻ nhạt và trầm lặng. Từ khi phát hiện xác Venantius đến giờ mới có hơn nửa ngày. Ai cũng liếc trộm về phía chiếc ghế trống trải của Huỳnh ấy. Khi đến giờ Kinh Tối, đoàn người đi vào khu hát kinh như đi đưa đám. Chúng tôi đứng giữa giáo đường theo dõi cuộc hành lễ, mắt không rời nhà nguyện thứ ba. Ánh sáng yếu ớt, nên khi chúng tôi thấy Malachi từ trong bóng tối hiện ra để đi về chỗ của mình, chúng tôi không biết chắc Huỳnh ấy từ xó nào chui ra. Chúng tôi lẩn mò trong bóng tối, nép mình vào gian giữa để khỏi ai nhìn thấy khi buổi hành lễ chấm dứt. Dưới lớp áo dòng, tôi giấu chiếc đèn đã “chôm” được lúc ăn tối trong nhà bếp. Chúng tôi sẽ lấy lửa từ ngọn đèn đồng lớn ba chân thấp suốt đêm trong nhà thờ. Chúng tôi đã tìm được một chiếc bắc mới và rất nhiều dầu, như thế đèn sẽ thấp được lâu.

Tôi quá nôn nao nghĩ về cuộc thám hiểm sắp tới, nên buổi thánh lễ chấm dứt lúc nào chẳng hay. Các tu sĩ sụp mũ xuống mặt và chậm chạp xếp hàng đi về phòng. Nhà thờ trở nên hoang vắng, chập chờn trong ánh sáng từ ngọn đèn ba chân.

Thầy William bảo: - Bây giờ, bắt tay vào việc.

Chúng tôi tiến vào nhà nguyện thứ ba. Bệ của bàn thờ quả giống như một lò thiêu xương, một loạt đầu lâu với những hốc mắt sâu hoắm chồng chất lên nhau theo một hình chạm nổi, trông như những khúc xương chày, khiến ai nhìn cũng khiếp hãi. Thầy William thăm thì lập lại lời Alinardo đã nói “Nhấn đôi mắt sọ thứ tư bên phải”. Thầy thọc ngón tay vào hốc mắt của chiếc đầu lâu đó, tức thì chúng tôi nghe một tiếng kèn kẹt khô khốc. Bàn thờ chuyển động, xoay vòng trên một trục bí mật, hé ra một khoảng trống tối tăm. Tôi giơ đèn lên soi đường, thấy hiện ra những bậc thang ẩm ướt. Chúng tôi quyết định đi xuống, sau khi bàn có nên đóng lối đi sau lưng mình không. Thầy William bảo không nên, vì không biết sau này có thể mở ra được không. Có sợ bị khám phá cũng bằng thừa vì nếu có kẻ nào nắm được kỹ xảo mở cửa mà mò vào đây giờ này, thì lối đi có đóng cũng chẳng cản trở được hẳn.

Chúng tôi xuống khoảng mười hai bậc thang và lọt vào một hành lang, hai bên chạy dài những loại hốc giống như trong những nhà mồ tôi gặp sau này. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi vào một lò thiêu xương nên thật kinh hãi. Xương của các tu sĩ chết được gom lại đây hàng nhiều thế kỷ; chúng được đào từ dưới đất lên và chất đóng trong hốc, chẳng xếp thành bộ gì cả. Hốc thì chứa xương vụn, hốc chỉ chứa sọ, xếp gọn gàng theo hình tháp để chúng khỏi lẫn lộn lên nhau. Đó là một cảnh tượng thật khủng khiếp, đặc biệt dưới ánh sáng chập chờn của ngọn đèn soi đường cho chúng tôi. Trong một hốc, tôi thấy toàn là tay, nhiều bàn tay ngón đan xiết vào nhau. Tôi đột nhiên cảm thấy có cái gì đó ở phía trên, có tiếng chin chít, có con gì đó chạy rất nhanh trong bóng tối. Tôi bèn hét lên, một tiếng trong cõi chết chóc này.

- Chuột đấy, - thầy William nói để trấn an tôi.

- Chuột làm gì ở đây?

- Đi qua thôi, như chúng ta vậy. Vì lò thiêu xương dẫn đến Đại dinh, rồi đến

nhà bếp. Và đến những quyển sách ngon lành trong Thư viện. Bây giờ con hiểu tại sao mặt Malachi hắc ám như vậy. Bốn phận buộc Huynh ấy phải đi qua đây hai lần mỗi ngày: sáng và chiều. Quả thật Huynh ấy chẳng có gì để cười.

Tôi vô cớ hỏi: - Tại sao thánh kinh không bao giờ nói Chúa Ki-tô đã cười. Huynh Jorge nói có đúng không?

- Không biết bao nhiêu học giả đã thắc mắc không biết Chúa có cười hay không? Thầy không quan tâm đến vấn đề này lắm. Thầy tin Chúa không bao giờ cười, vì là con của Chúa trời, Ngài phải vạn năng, nên Ngài biết các con chiến sẽ hành động như thế nào. Nhưng chúng ta đã đến nơi rồi.

Quả thế, nhờ Chúa, chúng tôi đã đến cuối hành lang, bắt đầu những bậc thang mới. Leo hết các bậc này, chúng tôi sẽ phải đẩy một cánh cửa gỗ bọc sắt, rồi đến phía sau lò lửa trong bếp, ngay dưới chân cầu thang tròn ốc đến phòng thư tịch. Khi đi lên chúng tôi nghe như có tiếng động phía trên.

Chúng tôi đứng lặng một lát, rồi tôi nói: - Vô lý. Không có ai vào đây trước thầy trò mình...

- Nếu con giả sử, đây là con đường duy nhất vào Đại dinh. Nhưng trong những thế kỷ trước, đây là một pháo đài, và nó hẳn có nhiều lối vào bí mật mà ta không biết đến. Chúng ta sẽ lên từ từ. Nhưng ta không có cách nào khác. Nếu tắt đèn, ta sẽ không thấy đường. Nếu để đèn sáng, ai đó ở trên kia sẽ biết. Hy vọng duy nhất của chúng ta là, nếu có người trên kia, kẻ đó sẽ sợ chúng ta.

Chúng tôi đi từ tháp phía Nam đến phòng thư tịch. Bàn viết của Venantius ở ngay trước mặt. Gian phòng rộng bao la đến nỗi chúng tôi đi đến đâu ánh sáng chỉ soi rọi được vài thước tường. Chúng tôi hy vọng sẽ không có ai ngoài sân trong thấy ánh đèn hắt qua cửa sổ. Chiếc bàn có vẻ ngăn nắp, nhưng thầy William cúi ngay xuống để xem những trang giấy trên kệ dưới và thầy thất vọng la lên.

Tôi hỏi: - Có gì mất mát chẳng?

- Sáng nay, thầy thấy ở đây có hai quyển sách, một bằng tiếng Hy Lạp. Đó là quyển sách bị mất. Có ai đã vội vã lấy nó, vì có một trang rơi trên nền nhà đây này.

- Nhưng bản đã được canh giữ mà...

- Dĩ nhiên. Có lẽ ai đó đã tóm lấy nó mới đây thôi. Người ấy có thể vẫn ở đây - Thầy quay về phía bóng tối và, giọng thầy vang lên giữa những hàng cột: “Nếu người còn ở đây, hãy coi chừng!”. Theo tôi, đó là một ý hay: như thầy William đã nói, tốt nhất là làm cho người doạ chúng ta cũng sợ chúng ta.

Thầy William đặt tờ giấy vừa mới nhặt được xuống và cúi nhìn nó. Thầy bảo tôi đem đèn lại gần hơn. Tôi đưa sát đèn vào và trông thấy tờ giấy. Nửa trang trên thì trống, nửa trang dưới đầy những chữ li ti, tôi khó khăn lắm mới nhận ra xuất xứ. Tôi hỏi:

- Tiếng Hy Lạp phải không?

- Đúng, nhưng thầy không hiểu rõ - thầy lôi trong áo dòng ra cặp kính và gắn chặt chúng ngang mũi, rồi lại cúi xuống.

- Tiếng Hy Lạp, chữ viết đẹp nhưng lộn xộn lung tung. Thầy đeo kính mà còn thấy khó đọc. Thầy cần ánh sáng hơn nữa. Đến gần đây...

Thầy cầm bản da lên dí sát nó gần mặt. Thay vì bước ra sau lưng và giơ đèn lên cao khỏi đầu thầy, tôi lại ngớ ngẩn đứng ngay trước mặt thầy. Thầy bảo tôi bước qua một bên và khi tôi làm thế, ngọn lửa đèn tấp vào mặt sau tờ giấy. Thầy đẩy tôi ra, hỏi tôi định đốt tờ giấy à. Chợt thầy la lên. Tôi thấy rõ vài dấu hiệu mơ hồ màu nâu nhạt hiện ra ở phần trên của tờ giấy. Thầy giằng lấy đèn và rà nó phía sau tờ giấy, giữ ngọn lửa khá sát bản da để hơi nóng mà không làm cháy. Khi thầy William rà ngọn đèn và khói toả ra từ đầu ngọn lửa làm ám đen mặt giấy bên phải, tôi thấy vài dấu hiệu lần lượt hiện ra trên mặt trắng của bản da, như thể có một bàn tay vô hình nào đó

đang chậm rãi viết: “Mane, Tekel, Peres”. Những dấu này không giống mẫu tự A, B, C mà giống mẫu tự của thầy pháp. Thầy William nói:

- Tuyệt quá! Càng ngày càng thú vị! - thầy nhìn quanh – nhưng tốt hơn, chớ để lộ sự khám phá này cho anh bạn bí ẩn lấu lỉnh của chúng ta biết, nếu hắn có ở đây. - Thầy gỡ mắt kính ra đặt trên bàn, rồi cẩn thận cuốn bản da lại và giấu nó vào áo dòng. Vẫn còn bàng hoàng bởi diễn tiến của sự việc, tôi toan xin thầy giải thích thêm thì bỗng dưng, một tiếng động khô khan làm chúng tôi giật mình. Nó phát xuất từ chân cầu thang phía đông, dẫn lên thư viện.

- Hắn đấy! Đuổi theo! - Thầy William hét lên. Chúng tôi lao về phía đó. Thầy chạy nhanh hơn tôi, vì tôi phải cầm đèn. Tôi nghe tiếng “bịch” ai đó vừa vấp ngã. Tôi cứ chạy và gặp thầy William ở chân cầu thang đang quan sát một quyển sách dày, bìa đóng đinh kim loại. Ngay lúc đó, chúng tôi nghe một tiếng động khác, phát ra từ hướng chúng tôi đứng ban nãy. Thầy William la lên: - Mình ngu quá! Lẹ lên! Chạy đến bàn Venantinus.

Tôi hiểu ngay: kẻ nào đó từ trong bóng tối sau lưng chúng tôi đã ném quyển sách, để đánh lạc hướng.

Một lần nữa, thầy William lại chạy đến bàn giấy nhanh hơn tôi. Vừa chạy theo thầy, tôi nhác thấy giữa những hàng cột có một bóng người đang chạy xuống cầu thang phía tây.

Hăng tiết lên, tôi giúi cây đèn vào tay thầy và phóng như điên về phía cầu thang, nơi kẻ tẩu thoát vừa chạy xuống. Tôi cảm thấy mình như một chiến sĩ của Chúa đang chiến đấu với một đạo quân của quỷ, lòng sôi sục muốn tóm được kẻ lạ để giao nộp hắn cho thầy. Tôi té bổ nhào xuống gần cuối cầu thang vì vấp lên gấu áo dòng. Tôi xin thề, đó là lần duy nhất trong đời tôi hối tiếc đã đi tu. Nhưng chính ngay lúc ấy và đó cũng chỉ là ý nghĩ nhất thời thôi – tôi tự an ủi mình rằng địch thủ cũng chịu cùng cảnh ngộ. Lại nữa, nếu hắn đang cầm quyển sách thì tay sẽ bị vướng víu. Từ sau chiếc lò, tôi chạy như bay vào nhà bếp, và nhờ ánh sáng lò mờ chiếu từ cổng vào, tôi

thấy bóng đen mà tôi đang săn đuổi lướt qua cửa phòng ăn và đóng sầm nó lại. Tôi chạy ào đến cánh cửa, vất vả vài giây mới mở được, đoạn bước vào, nhìn quanh và chẳng thấy ai cả. Cánh cửa phía ngoài vẫn còn cài then. Tôi quay lại. Bóng tối và yên lặng. Thấy một ánh đèn từ nhà bếp tiến tới, tôi nép sát vào tường. Tại ngưỡng cửa của hành lang giữa hai gian phòng hiện lên một bóng người dưới ánh đèn. Tôi la lên. Chính là thầy William.

- Không ai ở đây cả. Thầy đã đoán trước mà. Hắn đã không chạy ra ngoài bằng cửa lớn ư? Hắn không đi qua hành lang xuyên lò thiêu xương phải không?

- Thưa không, hắn đã ra ngoài theo lối này, nhưng con không biết ở đâu!

- Thầy đã bảo con mà: có nhiều lối đi khác, tìm kiếm chúng chỉ hoài công. Có lẽ anh bạn của chúng ta đang thoát ra tại một vị trí xa xôi nào đó. Hắn đã đánh cắp cặp kính của thầy.

- Cặp kính ư?

- Phải. Anh bạn của chúng ta không thể giật tờ giấy trên tay thầy, nhưng hắn vẫn đủ tinh trí chớp lấy cặp kính trên bàn khi chạy ngang qua.

- Vì sao?

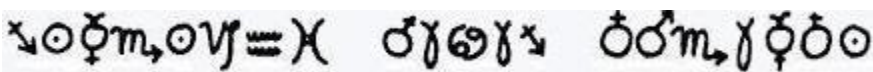
- Vì hắn không phải là thằng ngốc. Hắn đã nghe thầy nói về những chú thích và biết chúng rất quan trọng. Hắn nghĩ rằng, nếu không có kính thì thầy sẽ không giải mã được và chắc rằng thầy sẽ không giao cho ai việc này. Quả nhiên, bây giờ ta có những chú thích này cũng bằng không.

- Nhưng sao hắn biết thầy có kính?

- Chà, chà. Không những ngày hôm qua chúng ta đã bàn về cặp kính với Sư huynh ngành kính, mà sáng nay, trong phòng thư tịch, thầy còn đeo kính vào để lục soát giấy tờ của Venantius. Thế nên có rất nhiều người biết thầy quý vật ấy như thế nào. Thực ra, thầy vẫn có thể đọc một bản thảo thường, nhưng còn bản này thì không - Thầy lại mở bản da huyền bí ra - Phần chữ Hy Lạp thì viết quá mảnh, còn phần trên thì quá mờ...

Thầy chỉ cho tôi xem các dấu hiệu bí ẩn đã hiện ra dưới ánh lửa như thể do phép lạ - Venantius muốn che giấu một bí mật quan trọng, nên đã dùng một thứ mực khi viết không để lại dấu, nhưng khi hơi nóng sẽ hiện ra. Nếu không, Huynh ấy đã dùng nước chanh. Do thầy không biết Huynh ấy sử dụng chất gì và những dấu hiệu này lại có thể biến mất, nên con phải chép chúng ra ngay cho thật đúng vì mắt con tinh, có lẽ con nên chép cho lớn hơn một tí.

Tôi sao lại các dấu hiệu này, nhưng không biết tôi đang chép cái gì. Đó là một loạt bốn hay năm câu gì đó, trông thật quái đản, nay tôi chỉ ghi lại hàng đầu tiên để độc giả có khái niệm về câu đố rắc rối hiện lên trước mắt tôi:



Khi tôi chép xong, thầy William, vì không có kính nên phải đưa bản chép của tôi cách đôi mắt một quãng để xem xét, đoạn nói: - Chắc chắn đây là một loại mẫu tự bí mật cần phải được giải mã. Những dấu hiệu được vẽ rất xấu, có lẽ con sao lại còn xấu hơn, nhưng hẳn nhiên đây là các mẫu tự hoàng đạo. Con thấy không? Trong hàng đầu tiên chúng ta có, - thầy William đưa mảnh giấy ra xa và nheo mắt, cố gắng tập trung, - Nhân mã, Mặt trời, Thủy tinh, Hổ Cáp...

- Thế chúng có ý nghĩa gì?

- Nếu Venantius thật thà thì Huynh ấy sẽ sử dụng các mẫu tự hoàng đạo thông thường nhất: A tương đương với Mặt trời, B tương đương với Mộc tinh... Thế thì ta sẽ đọc dòng đầu như thế này... Con cứ ghi lại nhá: R A I Q A S V L... - Thầy ngưng ngay, - ... không, chẳng có nghĩa gì hết. Venantius đâu có thật thà. Huynh ấy sắp đặt các mẫu tự theo một mật mã

khác. Thầy sẽ phải tìm ra nó.

- Có thể được không thầy? – Tôi thán phục hỏi.

- Được, nếu có ít kiến thức về tiếng Ả rập. Các luận thuyết hay nhất về khoa Chiết tự học là công trình của các học giả vô thần. Và hồi còn ở Oxford, thầy đã có dịp nghe vài vị đọc cho thầy nghe. Giáo sư Bacon đã nói đúng: Kiến thức về ngôn ngữ giúp chinh phục được học vấn. Nhưng nguyên tắc đầu tiên để giải mã một thông điệp là đoán ý nghĩa của nó.

Tôi cười, nói - Thế thì cần chi giải mã nữa.

- Không hẳn. Ta có thể đưa ra vài giả thuyết dựa trên những từ đầu tiên của thông điệp, rồi xem thử cái nguyên tắc ta vừa suy diễn có thể đem áp dụng cho phần còn lại của bản văn không. Thí dụ trong mảnh giấy này, Venantius chắc hẳn đã ghi lại mật mã chỉ cách xâm nhập “Tận cùng Châu Phi”. Nếu thầy cố tình nghĩ rằng thông điệp này viết về việc xâm nhập đó, thì đột nhiên một văn điệu soi sáng trí tuệ thầy... Thử nhìn ba từ đầu tiên, không đếm mẫu tự mà chỉ đếm số của các dấu hiệu... Ta có: ... IIIIIII IIIII IIIII ... Giờ thử phân chúng thành âm tiết, mỗi âm tiết có ít nhất hai dấu hiệu, rồi đọc lớn lên: ta - ta – ta, ta – ta, ta – ta – ta... Con có nghĩ ra được gì không?

- Thừa không!

- Với thầy, thì có. Đó là “*Secretum Finis Africae*” (1) Nếu đúng thế thì từ cuối sẽ có mẫu tự đầu tiên và mẫu tự thứ sáu giống nhau, và đối chiếu với các dấu hiệu thì quả đúng như vậy: dấu hiệu của Quả đất hiện ra hai lần. Mẫu tự đầu tiên của từ thứ nhất, chữ S, sẽ giống mẫu tự cuối cùng của từ thứ hai: so lại, quả dấu hiệu Xứ Nữ được lặp lại hai lần. Có lẽ đây là cách suy giải đúng. Nhưng cũng có thể chỉ là một loạt ngẫu nhiên. Phải tìm ra một nguyên tắc của sự tương ứng...

- Tìm ở đâu?

- Trong đầu chúng ta, tưởng tượng nó ra. Rồi xem nó có đúng hay không. Nhưng thử cách này, cách kia thì trò này cũng mất của thầy cả ngày. Không

lâu hơn thế đâu vì nên nhớ rằng, cần một ít kiên nhẫn là có thể giải mã tất cả cách viết bí ẩn. Giờ phải gác việc này vì chúng ta cần viếng thư viện, nhất là vì không có kính nên thầy không thể đọc phần hai của thông điệp, còn con thì không thể thấy được, vì những dấu hiệu này đối với mắt con thì...

- ... Con hoàn toàn mù tịt, - tôi xấu hổ tiếp lời.

- Quả thế. Con thấy giáo sư Bacon nói đúng chứ? Phải học? Nhưng chúng ta không được nản lòng. Cất bản da và ghi chú của con vào đi, rồi ta lên Thư viện. Đêm nay dù có hàng ngàn đạo quân quỷ sứ cũng không thể cầm chân chúng ta được.

Tôi làm dấu thánh giá. - Người chạy trước chúng ta ban nãy là ai thế? Benno phải không?

- Benno nóng lòng muốn biết trong đám giấy tờ của Venantius có cái gì. Nhưng thầy nghĩ Huynh ấy không đủ can đảm đột nhập Đại dinh ban đêm.

- Thế thì Berengar hay Malachi?

- Theo thầy thì Berengar có đủ can đảm để làm những việc như vậy. Dầu sao chẳng nữa, Huynh ấy cũng chịu một phần trách nhiệm về Thư viện. Huynh ấy đã bị dày vò và hối hận vì đã để lộ bí mật nào đó của nó. Nghĩ rằng Venantius đã lấy quyển sách, có lẽ Berengar muốn đem trả sách lại chỗ cũ. Huynh ấy không lên lầu được, nên đã giấu quyển sách ở đâu đó.

- Nhưng cũng có thể là Malachi, vì cùng một động cơ như vậy.

- Thầy cho là không. Malachi tha hồ có thời gian lục soát chiếc bàn của Venantius khi ở lại một mình để đóng cửa Đại dinh. Thầy biết điều đó lắm, nhưng không có cách nào để ngăn ngừa. Bây giờ ta biết Malachi đã không lấy quyển sách. Nếu con nghĩ kỹ, không có lý do gì Malachi biết Venantius đã vào thư viện để lấy cái gì. Berengar và Benno biết, thầy trò ta biết. Sau khi Adelmo thú tội, có lẽ Jorge cũng biết, nhưng Huynh ấy mù loà không thể phóng xuống cầu thang tròn ốc điên cuồng như thế được...

- Thế thì hoặc là Berengar hay Benno...
- Tại sao không phải là Pacificus xứ Tivoli hay một tu sĩ khác mà chúng ta đã gặp hôm nay? Hay Nicholas ngành kính, người biết về cặp kính của thầy? Hay anh chàng kỳ quái Salvatore mà người ta kể là thường đi lang thang thất thểu về đêm? Chúng ta nên cẩn thận chớ giới hạn danh sách những kẻ tình nghi, chỉ vì những tiết lộ của Benno đã lôi chúng ta đến một hướng duy nhất; có lẽ Benno muốn đánh lạc hướng chúng ta.
- Nhưng đối với thầy, Huynh ấy có vẻ thành thật.
- Dĩ nhiên rồi. Hãy nhớ rằng nhiệm vụ đầu tiên của một phán quan giỏi là phải đặc biệt nghi ngờ những ai tỏ vẻ thành thật đối với mình.
- Làm phán quan quả bực mình!
- Thế nên thầy đã từ nhiệm. Và như con nói, thầy bị buộc phải tái nhiệm. Nhưng giờ ta lên Thư viện thôi.

Chú thích :

(1) *Bí mật của Tận cùng Phi Châu*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

ĐÊM

Cuối cùng lọt vào Mê Cung.

Những người xâm nhập thấy ảo giác lạ lùng

và cũng như trong các Mê cung,

họ lạc đường.

Lần này, thầy trò tôi leo trở lên phòng thư tịch theo lối cầu thang phía đông dẫn đến lầu cấm. Giơ cao ngọn đèn lên soi trước mặt, tôi nghĩ đến lời của cụ Alinardo về Mê Cung, và đón chờ những điều kinh khủng xảy ra.

Bước lên cấm địa, tôi ngạc nhiên thấy mình lọt vào một gian phòng không lớn lắm, có bảy bức tường không cửa sổ, nồng nặc mùi ẩm mốc, thứ mùi ấy lan tràn khắp tầng lầu. Chưa có gì đáng sợ cả.

Căn phòng có bảy bức tường, nhưng chỉ có bốn bức có cửa dẫn ra lối đi, kê giữa hai hàng cột nhỏ sát tường. Lối ra khá rộng, có vòm trên đầu. Kê sát ba bức tường không cửa sổ là những chiếc kệ khổng lồ, chất đầy sách, được sắp xếp rất gọn gàng. Mỗi kệ, mỗi ngăn, đều có gắn một bảng đánh số hình cuộn, các số này hẳn nhiên trùng với các số tôi đã thấy trong thư mục. Ở giữa phòng là một chiếc bàn cũng chất đầy sách. Tất cả sách đều phủ một lớp bụi mỏng, chứng tỏ ít khi được phủi sạch. Sàn nhà cũng phủ đầy bụi. Trên một vòm cửa là một bảng hình cuộn, vẽ lên tường mang dòng chữ “*Apocalypsis Iesu Christi*” (1). Hàng chữ tuy cũ nhưng không phai mờ. Sau đó, chúng tôi nhận thấy trong các phòng khác, các bảng hình cuộn này đều được khắc khá sâu vào trong đá, rồi được tô màu theo kiểu các họa sĩ vẽ bích họa trong giáo đường.

Chúng tôi bước qua một cánh cửa và lọt vào một gian phòng khác. Phòng này có một cửa sổ không gắn khung kính mà gắn những phiến thạch cao mỏng, hai bức tường không cửa sổ và một cánh cửa hình dáng giống như cửa chúng tôi vừa bước qua. Cửa này dẫn vào một căn phòng khác, cũng có hai bức tường không cửa sổ, một bức tường nữa có đục một cửa sổ, và một lối đi mở ra đối diện chúng tôi. Tại hai phòng này cũng có hai bảng hình cuộn, hình dáng tương tự như bảng chúng tôi đã nhìn thấy ban nãy, nhưng mang dòng chữ khác. Bảng ở phòng thứ nhất ghi: “*Super thronos viginti quatuor*” (2) ở phòng thứ hai ghi: “*Nomen illi mors*” (3). So kích thước thì hai phòng tứ giác này nhỏ hơn phòng bảy cạnh mà thầy trò tôi vào đầu tiên, còn phần đồ đạc, kê tủ thì cũng giống như nhau.

Chúng tôi bước vào phòng thứ ba. Phòng này không có sách và cũng không có bảng hình cuộn. Dưới cửa sổ có một bàn thờ bằng đá. Phòng có ba cửa ra vào: cửa thứ nhất là cửa chúng tôi vừa mới vào, cửa thứ nhì dẫn vào phòng bảy cạnh mà chúng tôi đã đi qua, và cửa thứ ba dẫn vào một phòng khác. Phòng này cũng giống các phòng kia, ngoại trừ bảng hình cuộn mang dòng chữ “*Obscuratus est sol et aer*” (4), báo hiệu trời và đất trở nên tối sầm lại. Từ đây, người ta đi vào một phòng mới, bảng khắc mang chữ “*Facta est grando et ignis*” (5), đe dọa sẽ có lửa loạn. Phòng này không có lối ra vào nào khác: đã vào thì không tiến thêm được nữa mà phải quay lại.

Thầy William nói: - Thử nghĩ xem nào. Năm phòng tứ giác gần như hình thang, mỗi phòng có một cửa sổ. Những phòng này xếp chung quanh một phòng bảy cạnh không cửa sổ, có cầu thang dẫn lên. Thầy thấy có vẻ ấu trĩ quá. Chúng ta đang ở trong ngọn tháp phía đông. Từ ngoài nhìn vào, thế là đúng. Phòng trông quay mặt về hướng đông, cùng một hướng với khu hát kinh của giáo đường, ánh bình minh sẽ soi rọi bàn thờ, thầy thấy như thế là phải cách và tôn nghiêm. Theo thầy, ở đây chỉ có duy nhất một ý hay, đó là việc dùng những phiến thạch cao mỏng thay cho những khung kính. Ban

ngày, nó nhận ánh sáng dịu, còn ban đêm thì ngay một ánh trăng cũng không lọt vào được. Giờ xem thử hai cửa ra vào của phòng bảy cạnh dẫn đến đâu.

Thầy tôi đã lầm. Những người xây Thư viện đã tinh khôn hơn chúng tôi tưởng. Tôi không thể giải thích rõ chuyện gì đã xảy ra, vì khi chúng tôi rời phòng trong tháp thì trật tự của các phòng trở nên hỗn loạn. Có phòng có hai cửa sổ, có phòng có ba. Mỗi một phòng đều có một cửa sổ, cho nên từ phòng có cửa sổ đi vào, chúng tôi cứ ngỡ tiến vào bên trong của Đại dinh. Phòng nào cũng có cùng một loại bàn, loại kệ, sách được sắp xếp gọn gàng trông giống nhau như đúc, cho nên thoạt nhìn không thể biết được mình đang ở đâu. Chúng tôi cố gắng đọc những bảng hình cuộn để định hướng. Một lần, chúng tôi băng qua một phòng mang bảng "*In diebus illis*"(6), và sau khi đi lang thang một lát, chúng tôi ngỡ mình đã quay trở lại phòng đó. Nhưng chúng tôi nhớ cánh cửa đối diện cửa sổ dẫn vào một phòng có bảng ghi: "*Primogenitus mortuorum*" (7) nào ngờ chúng tôi chột lọt vào một phòng khác cũng mang bảng ghi: "*Apocalypsis Iesu Christi*" (8), nhưng đó lại không phải là phòng bảy cạnh, nơi chúng tôi khởi hành. Sự kiện này cho thấy đôi khi có vài phòng mang bảng khắc chữ giống nhau. Chúng tôi đã gặp hai phòng mang bảng "*Apocalypsis*" kế liền nhau, và ngay sau chúng là một phòng với bảng chữ "*Cecidit de coelo stella magna*"(9).

Nguồn gốc của các dòng chữ khắc trên bảng thật quá hiển nhiên, đó là những câu thơ trong sách Khải huyền của Thánh John, nhưng quả thực chúng tôi mù tịt không biết tại sao lại vẽ chúng lên tường và đằng sau cách sắp xếp chúng có ẩn giấu một lôgic nào chẳng. Chúng tôi càng hoang mang khi phát hiện có vài bảng được sơn màu đỏ chói không phải màu đen.

Có lúc chúng tôi lại đi lạc lại vào phòng bảy cạnh đầu tiên, điều này dễ nhận ra vì cầu thang dẫn lên phòng này. Chúng tôi tiếp tục đi về hướng phải, cố tình đi xuyên thẳng từ phòng này sang phòng khác. Đi được ba

phòng thì bị một bức tường trống chặn lại. Lối ra duy nhất dẫn vào một phòng khác cũng chỉ có độc một lối ra. Chúng tôi đi ra bằng lối này và qua được bốn phòng nữa thì bị một bức tường khác chặn lại. Chúng tôi ngược trở về phòng trước – phòng này có hai cửa – theo cánh cửa ban nãy chưa đi để sang một phòng khác và lại một lần nữa lọt vào chính cái phòng bầy cạp của điểm xuất phát.

Thầy William hỏi: - Phòng mới nầy chúng ta đi ngược lại tên là gì?

Tôi vắt óc nhớ lại và trong đầu hiện lên hình ảnh một con ngựa trắng, bèn đáp: - “*Equus albus*” (10)

- Tốt. Ta hãy quay lại tìm phòng đó.

Thật là dễ. Từ đây, nếu chúng tôi không muốn đi ngược lại như nầy, chúng tôi có thể xuyên qua căn phòng mang tên: “*Gratia vobis et pax*” (11). Từ phòng này, phía bên phải, chúng tôi tìm ra một lối đi mới, không dẫn về chỗ cũ. Nhưng nào ngờ chúng tôi đột nhiên quay lại phòng “*In diebus illis*” và phòng “*Primogenitus mortuorum*”. Phải chăng đây là phòng chúng tôi vừa mới tới cách đây vài phút hay phòng nào khác? Cuối cùng chúng tôi đến một phòng hình như chưa đặt chân đến bao giờ, mang tên “*Tertia pars terae combusta est*” (12). Nhưng cho dù có biết phần thứ ba của trái đất đã bị cháy rụi, chúng tôi vẫn mù tịt không biết mình đang ở đâu so với ngọn tháp phía đông.

Giờ cao đèn lên, tôi mạnh dạn bước vào những phòng kế. Một hình hài khổng lồ khủng khiếp, lắc lư run rẩy đi về phía tôi như một hồn ma.

- Quỷ sứ! – Tôi hét lên và suýt đánh rơi ngọn đèn khi quay phắt lại, chạy trốn vào vòng tay của thầy William. Thầy giằng lấy cây đèn trong tay tôi, gạt tôi sang một bên rồi kiên quyết bước tới khiến tôi vô cùng thán phục. Thầy cũng trông thấy một cái gì đó, vì thầy giật bắn người lùi lại. Đoạn thầy chồm tới và giờ cao đèn lên. Thầy phá lên cười.

- Tinh vi thật. Chẳng qua chỉ là một tấm gương!

- Tấm gương à?

- Đúng thế, chiến sĩ hiên ngang của ta. Một phút trước đây trong phòng thư tịch, con đã can đảm phóng theo một kẻ thù bằng xương bằng thịt, mà nay lại sợ chính bóng mình. Đó chỉ là một tấm gương phản ánh, phóng lớn và bóp méo hình bóng con.

Thầy nắm tay tôi dắt đến bức tường đối diện cửa vào phòng. Trên một tấm gương gợn sóng, dưới ánh đèn gần hơn, tôi thấy hiện lên hai hình thể thô kệch và méo mó của thầy trò tôi, chúng thay hình đổi dạng mỗi khi chúng tôi tiến gần hoặc lùi xa.

Thầy William thích thú nói: - Con nên đọc vài bài khảo cứu về quang học. Những người xây dựng thư viện hắc đã nghiên cứu nó. Những nhà quang học giỏi nhất là những người Ả rập, Alhazen đã viết bài khảo luận “*Luận về những hình bóng*” (13), trong đó, dùng những chứng minh hình học rất chính xác, ông đã nói đến mãnh lực của những tấm gương. Tùy thuộc vào cách chế tạo mặt gương, vài loại có thể phóng to những vật li ti nhất. Thí dụ như loại kính của thầy. Những loại khác làm đảo ngược hoặc làm xiên xẹo hình ảnh, soi một vật thành hai, hai vật thành bốn. Còn những loại khác, chẳng hạn như tấm gương này, biến tên lùn thành người khổng lồ hay ngược lại.

- Lạy Chúa tôi! Như thế có phải đây là những hình ảnh mà vài người bảo đã gặp trong Thư viện không?

- Có thể. Quả là một ý rất hay, - Thầy đọc bản khắc trên tường, phía trên kính: “*Super thronos viginti quatuor*” (14). Chúng ta đã gặp bảng khắc chữ này rồi, nhưng trong một cái phòng không có gương. Còn phòng này lại không có cửa sổ và không phải hình bảy cạnh. Chúng ta đang ở đâu nhỉ? - Thầy nhìn quanh và đến một kệ sách – Adso ơi, không có cặp mắt kỳ diệu đó, thầy không thể hình dung được những sách này viết gì. Con đọc cho thầy nghe vài tựa sách đi.

Tôi vớ lấy một quyển sách – Thừa thầy, sách này không có chữ!

- Con nói gì vậy? - Thầy thấy chữ mà - Vậy con đọc cái gì?

- Con không đọc. Những cái này không phải là mẫu tự, cũng không phải tiếng Hy Lạp để con có thể nhận ra. Chúng trông giống như sâu bọ, rắn rít, ruồi, muỗi, phân...

- À, đó là chữ Ả rập. Có những cuốn sách khác như thế không?

- Thừa, có vài (cuốn?). Tạ ơn trên, cuốn này bằng tiếng La tinh đây. Al...

Al – Kuwarizmi, “*Tabulae*”.

- Những bản thiên văn của Al – Kuwarizmi do Adelard xứ Bath dịch. Một tác phẩm cực hiếm! Tiếp đi con.

- Isa Ibn – Ali “*Luận về mắt*” (15). Alkindi, “*Luận về những tinh tú sáng ngời*” (16)

- Bây giờ nhìn trên bàn xem.

Tôi giờ một quyển sách lớn ở trên bàn ra. “*Luận về muôn thú*” (17), tình cờ lật ra một trang sách vẽ một con kỳ lân đẹp mắt bằng những màu sắc rạng rỡ ngoạn mục.

- Đẹp quá, - thầy William nhận xét vì vẫn còn thấy rõ hình ảnh minh hoạ - Còn quyển sách kia?

Tôi đọc: “*Cuốn sách về đủ loại quái vật*”. Sách này cũng có hình ảnh đẹp, nhưng con thấy cũ hơn.

Thầy William cúi sát mặt xuống quyển sách - Quyển này do các tu sĩ Ái Nhĩ Lan minh hoạ cách đây ít nhất năm thế kỷ. Còn quyển sách có kỳ lân thì gần đây hơn, dường như làm theo kiểu Pháp - Lại một lần nữa, tôi thán phục tài uyên thâm của thầy tôi.

Chúng tôi vào phòng kế và xuyên suốt bốn phòng nữa, phòng nào cũng có cửa sổ, chất đầy sách viết bằng ngôn ngữ lạ lùng, kể cả những sách viết về khoa học huyền bí. Rồi chúng tôi đụng đầu một bức tường, nên buộc phải quay lại, vì năm phòng cuối này thông suốt với nhau và không có lối ra nào

khác.

Thầy William nói:- Căn cứ vào góc cạnh của bức tường, thầy nghĩ chúng ta đang ở trong khối ngũ giác của một ngọn tháp khác, nhưng lại không có phòng bảy cạnh ở trung tâm. Có lẽ chúng ta đã nhầm.

- Thế còn cửa sổ thì sao? Sao có nhiều cửa sổ thế? Mọi căn phòng không thể đều nhìn ra ngoài được.

- Con quên cái lồng cầu thang ở trung tâm, từ trên nhìn xuống như cái giếng. Nhiều cửa sổ chúng ta đã thấy hướng vào lồng cầu thang hình bát giác này. Ban ngày, nhờ ánh sáng, chúng ta sẽ phân biệt được cửa sổ nào hướng ra ngoài, cửa sổ nào quay vào trong, nhờ đó chúng ta có thể biết vị trí của mỗi phòng theo hướng mặt trời. Nhưng khi hoàng hôn xuống thì không phân biệt được. Thôi ta trở lại.

Chúng tôi trở về phòng có tấm gương và trục chỉ cửa thứ ba. Chúng tôi nghĩ trước đây mình chưa qua lối này. Trước mắt chúng tôi hiện lên một dãy ba hay bốn phòng, và hướng về phía phòng cuối có ánh đèn.

- Có người đang đó! – Tôi ghen giọng nói.

- Nếu thế, hẳn đã trông thấy ánh đèn của chúng ta – Thầy William nói, nhưng vẫn lấy tay che đèn. Chúng tôi ngần ngừ một lát. Ánh đèn kia vẫn tiếp tục lung linh, không tỏ hơn cũng không mờ hơn.

Thầy William bảo: - Có lẽ chỉ là một ngọn đèn được đặt ở đó để các tu sĩ tin rằng Thư viện bị ma ám. Nhưng ta phải tìm ra. Con đứng đây, cứ che đèn. Thầy sẽ cẩn thận đi tới.

Vẫn còn xấu hổ vì sự việc xảy ra trước tấm gương ban nãy, tôi muốn phục hồi danh dự bèn bảo: - Không, để con đi. Thầy ở đây. Con sẽ thận trọng tiến đến. Con nhỏ người và nhẹ hơn. Khi nào con thấy không có gì nguy hiểm, con sẽ gọi thầy.

Thế rồi tôi bước tới. Ép mình sát tường, đi rón rén nhẹ như mèo, tôi đi xuyên suốt ba phòng và đến ngưỡng căn phòng le lói ánh đèn. Tôi trườn

theo bức tường đến cột dọc rầm cửa bên mặt và ghé mắt nhìn vào phòng. Không một bóng người. Có một ngọn đèn đặt trên bàn đang chấp chờn bốc khói. Nó có vẻ giống một lư hương không nắp. Nó không có lửa ngọn, nhưng có một thứ ánh sáng tro âm ỉ đốt một thứ gì đó. Tôi thu hết can đảm bước vào. Trên bàn bên cạnh lư hương có một quyển sách màu sắc sặc sỡ mở sẵn. Tôi đến gần và thấy trên trang giấy có bốn sọc màu khác nhau: vàng, son, ngọc lam, đất nung và một con quái vật khủng khiếp. Đó là một con rồng khổng lồ mười đầu, kéo theo sau nó sao trời và dùng đuôi đập chúng xuống đất. Đột nhiên, tôi thấy con rồng lớn lên bội phần, vẫy bên hông nó hóa thành một khu rừng, lấp lánh bốn cánh cam ào ạt bay ra khỏi trang giấy, lượn vòng quanh đầu tôi. Tôi hất đầu ngẩng lên thì nhìn thấy trần nhà ép sát xuống thân tôi, rồi nghe thấy tiếng rít của hàng nghìn con rắn, không khủng khiếp mà lại quyến rũ. Rồi một phụ nữ hiện ra, tấm mình trong ánh sáng, kề mặt nàng sát mặt tôi, hơi thở nhẹ nhẹ. Tôi thẳng tay đẩy nàng ra, và tay tôi dường như chạm vào những quyển sách trên kệ đối diện vì nó mọc dài ra quá khổ. Tôi không còn biết trời đất gì nữa. Ở giữa phòng, tôi thấy Berengar trừng trừng mắt nhìn tôi và nhếch mép cười căm phẫn, đầy nhục dục. Tôi lấy tay che mặt và tay tôi giống như móng có màng nhầy nhựa của chân cóc. Tôi nghĩ mình đã khóc to vì trong miệng có vị chua. Tôi lao mình vào vực đen thăm thẳm, dường như đang há rộng mãi dưới chân tôi, và tôi không biết gì nữa.

Tôi tỉnh dậy, tưởng chừng như mình đã trải qua nhiều thế kỷ, nghe có ai vỗ vào đầu. Tôi nằm dài trên sàn nhà, còn thầy William đang vả vào má tôi. Mở mắt ra, tôi thấy mình đang ở trong một phòng khác có treo bảng tên "*Requiescant a laborius suis*" (18) ;

Thầy William thì thào vào tai tôi - Tỉnh dậy, tỉnh dậy nào, Adso, không có gì...

Tôi nói trong mê sảng- Có đủ thứ... Con quái vật đằng kia...

- Không có quái vật nào hết. Thầy thấy con lằm nhằm ở dưới chiếc bàn đặt quyển sách Mặc khải của nhóm Mozarab (19). Nhưng thầy ngửi mùi, biết ngay con đã hít một chất gì đó nguy hiểm nên phải bồng con đi ngay. Đầu thầy hãy còn choáng váng.

- Nhưng con đã thấy gì?

- Không thấy gì cả. Quả thật ai đó đã đốt một chất gì đó có khả năng gây ảo giác. Thầy nghe mùi quen quen: đó là một chất của người Ả Rập. Vậy là chúng ta đã giải thích được sự bí ẩn của ảo giác. Ai đó ban đêm đã bỏ các loại dược thảo huyền ảo vào đây để dọa khách không mời rằng có những hồn ma canh gác thư viện. Thế con cảm thấy thế nào?

Tuy vẫn còn hoang mang, tôi cố hết sức hồi tưởng ảo giác của mình và kể cho thầy William nghe. Thầy cười bảo: - Phần nửa điều con kể xuất phát từ trí tưởng tượng dựa trên những gì con thoáng thấy trong quyển sách, phần còn lại nói lên ước vọng và nỗi sợ hãi của con. Đây là tác dụng do một số cây thuốc tạo ra. Mai chúng ta sẽ nói chuyện này với Severinus. Thầy nghĩ Huynh ấy biết nhiều hơn chúng ta tưởng. Chúng thuần túy chỉ là dược thảo, không cần đến sự pha chế quái quỷ như Sư huynh ngành kính đã bảo ta. Dược thảo, gương soi... Nơi tàng trữ những kiến thức cấm kỵ này được canh giữ bởi vô số công cụ xảo quyệt nhất. Người ta dùng kiến thức để che đậy, chứ không phải để quảng bá. Thầy không thích thế. Một tâm trí bệnh hoạn đã chế ngự việc canh giữ thư viện. Nhưng đêm nay vất vả quá rồi, chúng ta phải đi thôi. Con đã bị thất thần, cần có nước và khí trời. Cố mở các cửa sổ này cũng hoài công, vì chúng quá cao, và có lẽ đã đóng kín mấy chục năm nay rồi. Sao người ta lại có thể nghĩ rằng Adelmo đã từ đây lao mình xuống vực nhỉ?

Thầy William bảo “Đi”. Nghe thì dễ. Chúng tôi biết chỉ có thể lên Thư viện bằng tháp phía đông. Nhưng bây giờ chúng tôi đang ở đâu? Chúng tôi đã hoàn toàn lạc hướng. Chúng tôi lang thang, sợ rằng sẽ chẳng bao giờ thoát

ra nơi này. Tôi vẫn lảo đảo và buồn nôn. Thầy William hơi lo cho tôi và bực mình vì kiến thức của mình còn hạn chế. Nhưng việc đi lang thang này giúp cho thầy nảy lên một sáng kiến cho ngày hôm sau: chúng tôi sẽ trở lại thư viện - cứ cho rằng sẽ không bao giờ ra được - dùng một thanh củi cháy dở hoặc vật gì đó có thể lưu lại dấu vết trên tường.

Thầy William ngâm nga: - Muốn tìm đường ra khỏi Mê Cung chỉ có một cách duy nhất. Tại mỗi giao điểm chưa hề qua, ta sẽ vạch đường đi bằng ba dấu hiệu. Nếu thấy con đường dẫn đến giao điểm đã đánh dấu rồi, mình phải hiểu rằng mình đã đi qua đó rồi, vậy mình chỉ vạch một dấu lên con đường vừa đi qua. Nếu tất cả cửa đều được đánh dấu thì mình phải lùi bước. Nhưng, nếu một trong hai lối ra của giao điểm chưa được đánh dấu, mình sẽ chọn một và vạch hai dấu lên đó. Khi qua lối chỉ có một dấu, mình phải vạch thêm hai dấu nữa để tạo thành ba. Khi đến một giao điểm mà không bao giờ dùng lối đi có ba dấu, trừ khi tất cả các lối đi khác đều đã có đánh dấu, thì biết rằng mình đã đi khắp Mê Cung.

- Làm sao thầy biết thế? Thầy là chuyên gia về các Mê Cung à?

- Không, thầy ngâm lại một đoạn sách xưa mà thầy đã đọc.

- Và nhờ áp dụng nguyên tắc này, thầy sẽ ra được à?

- Theo thầy thì hầu như không bao giờ. Dầu sao chúng ta phải cố. Vả lại, trong vòng mai hoặc một, thầy sẽ có mắt kính và thời gian để nghiền ngẫm thêm sách. Nếu thứ tự các bảng hình cuộn còn mơ hồ thì cách sắp xếp sách sẽ giúp chúng ta rút ra một nguyên tắc.

- Thầy sẽ có kính à? Làm sao thầy tìm ra chúng?

- Thầy sẽ đặt làm kính mới. Thầy biết Sư huynh ngành kính rất háo hức đợi một dịp thế này để thử một cái gì mới. Miễn là Huynh ấy có đồ nghề thích hợp để mài những mảnh kính. Còn nói về kính thì trong xưởng làm việc đó có rất nhiều.

Khi chúng tôi đi lang thang tìm đường ra thì bỗng nhiên ngay chính giữa

một căn phòng, tôi cảm thấy một bàn tay vô hình vuốt lên má tôi, trong khi đó, một tiếng rên rĩ nửa người nửa thú, vang lên trong phòng đó và phòng bên, như thể một hồn ma đang bay vút vương từ phòng này sang phòng khác. Lẽ ra, tôi phải chuẩn bị đón nhận những điều kỳ quái trong Thư viện, nhưng một lần nữa, tôi khiếp sợ và nhảy lùi lại. Thầy William chắc hẳn đã gặp cùng cảnh ngộ như tôi, vì thầy cũng sờ lên má khi giờ đèn lên cao nhìn quanh quất.

Thầy giờ một tay và xem xét ngọn lửa, bây giờ có vẻ sáng hơn, rồi liếm một ngón tay đưa thẳng ra trước mặt.

- Rõ rồi! – Thầy nói và chỉ cho tôi hai điểm ngang đầu trên hai bức tường đối diện, có hai kẽ nhỏ, và nếu người ta để tay gần đó, sẽ cảm thấy khí lạnh từ ngoài luôn vào. Khi kê tai gần chúng, ta nghe tiếng xào xạc như tiếng gió thổi bên ngoài.

- Dĩ nhiên, Thư viện phải có hệ thống thông gió. Bằng không, bầu không khí sẽ ngột ngạt, nhất là vào mùa hè. Ngoài ra, các kẽ hở đó cung cấp đủ độ ẩm, thế nên các bản da sẽ không bị khô. Nhưng sự khôn ngoan của các nhà sáng lập Thư viện không chỉ có thế. Họ biết chắc rằng đục những kẽ hở theo một tọa độ nhất định nào đó thì vào những đêm có gió, các luồng gió thổi qua những kẽ này sẽ gặp những luồng khác rồi xoay vần suốt tất cả các phòng bên trong, tạo ra âm thanh ma quái ban nãy chúng ta đã nghe. Cùng với gương và thuốc mê, điều này sẽ khiến cho những kẻ liều lĩnh đột nhập vào đây thêm sợ hãi. Thế nên, chính chúng ta đã có lúc tưởng ma thổi vào mặt. Giờ đây, nhờ gió mạnh nên chúng ta mới vỡ lẽ ra. Vậy điều bí ẩn này giờ đây cũng đã sáng tỏ. Còn chúng ta thì vẫn không biết lối nào ra!

Vừa nói chuyện, chúng tôi vừa hoang mang đi lung tung, không buồn đọc những tấm bảng hình cuộn, cái nào cũng giống cái nấy. Chúng tôi đến một căn phòng bày cạnh khác, rồi xuyên qua các phòng kế cận, nhưng vẫn không thấy lối ra. Chúng tôi lùi lại, đi gần một giờ đồng hồ, không chủ tâm

định vị trí mình đang ở đâu. Có lúc thầy William cho rằng chúng tôi đã thất bại, và chỉ có việc vào phòng nào đó ngủ tạm rồi hi vọng sáng mai, Malachi sẽ tìm thấy chúng tôi. Đang còn than thân trách phận đã dần thân vào cuộc phiêu lưu mạo hiểm này thì chúng tôi đột nhiên thấy lại căn phòng có cầu thang dẫn lối lên. Chúng tôi thành tâm tạ ơn trên và hớn hởi đi xuống.

Khi vừa đến nhà bếp, chúng tôi chạy ào đến cửa lò và chui vào hành lang trong lò thiêu xương. Tôi thề rằng, bây giờ các đầu lâu đang nhe răng trông cũng dễ thương như những nụ cười của các bạn thân. Chúng tôi vào lại giáo đường và ra ngoài theo cửa bắc, rồi cuối cùng vui mừng ngồi lên những mộ bia. Không khí trong lành ban đêm ngát hương thiêng. Sao trên trời chiếu sáng, và các hư ảnh tôi nhìn thấy trong Thư viện lùi xa mãi.

Tôi nhẹ nhõm nói: - Thế giới sao huy hoàng quá, còn Mê Cung sao u ám lạ.

- Thế giới sẽ huy hoàng biết bao nếu mình biết cách đi lại trong Mê Cung.

Chúng tôi men theo cánh trái của nhà thờ, đi qua một cửa lớn, băng ngang nhà nguyện để đến nhà nghỉ của những người hành hương. Tu viện trưởng đã đợi sẵn tại cửa, nghiêm khắc nhìn chúng tôi chăm chăm, và nói với thầy William:

- Cha đã kiểm con suốt đêm, không thấy con ở trong phòng, cũng không thấy trong nhà thờ...

- Chúng con đuổi theo một dấu vết... - Thầy William nói một cách mơ hồ, lộ vẻ bối rối.

Tu viện trưởng nhìn thầy một hồi lâu rồi chậm rãi và nghiêm nghị nói: -

Cha đã tìm con ngay sau Kinh Tối. Berengar không có trong khu hát kinh.

- Cha muốn nói chi? – Thầy William vui mừng hỏi. Giờ thầy đã biết rõ ai đã phục kích chúng tôi trong phòng thư tịch.

Tu viện trưởng nhắc lại: - Huynh ấy không có trong khu hát kinh vào giờ Kinh Tối, và giờ cũng chưa về phòng mình. Kinh Sớm sắp điểm, chúng ta sẽ thử xem Huynh ấy có dự lễ không. Nếu không, Cha nghĩ sẽ có một tai

ương mới.

Vào giờ Kinh Sớm, Berengar vẫn vắng mặt.

Chú thích:

- (1) *(La Tinh): Sách Khải huyền của Chúa Kitô.*
- (2) *Hai mươi bốn vị niên trưởng ngồi trên ngai.*
- (2) *Tên nó là sự chết.*
- (3) *Trời đất tối tăm.*
- (4) *Lửa loạn xảy ra.*
- (5) *Trong những ngày ấy.*
- (6) *Con đầu lòng của người chết.*
- (7) *Sách Khải huyền của Chúa Kitô*
- (8) *Một tinh tú từ trời rơi xuống.*
- (9) *Bạch mã.*
- (10) *Cầu chúc ơn huệ và bình an.*
- (11) *Phần thứ ba của trái đất bị cháy rụi.*
- (12) *“De Aspectibus”*
- (13) *Hai mươi bốn vị niên trưởng ngồi trên ngai.*
- (14) *“De Oculis”*
- (15) *“De Radiis Stellatis”*
- (16) *“De Bestiis”*
- (17) *“Laber Montrorum de Diversis Generibus”*
- (18) *Cầu mong họ yên nghỉ sau khi lao động nhọc nhằn.*
- (19) **Nhóm Mozarab:** *Nhóm Thiên chúa giáo Tây Ban Nha đã cải cách đạo Thiên chúa trong người Moors đô hộ nước họ.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

NGÀY THỨ BA

TỪ KINH NGỌI KHEN ĐẾN KINH ĐẦU

*Berengar biến mất,
tìm thấy một mảnh vải vấy máu trong phòng,
và chỉ có thể.*

Khi viết những dòng này, tôi cảm thấy mệt mỏi, giống như cảm giác trong đêm hôm đó, hay đúng hơn, trong buổi sáng đó. Biết kể gì đây? Sau Kinh Sớm, Tu viện trưởng phái hầu hết tu sĩ đi tìm kiếm khắp nơi, nhưng không có kết quả. Ai nấy đều hoảng hốt.

Gần Kinh Ngợi Khen, trong khi đang lục lạo trong phòng Berengar, một tu sĩ tìm thấy dưới tấm đệm một mảnh vải trắng vấy máu. Huynh trình cho Tu viện trưởng và Cha cho đó là một điềm gở ghê gớm nhất. Jorge cũng có đó, và khi người ta kể lại, bèn hỏi: - Máu à? – như thể việc đó hoàn toàn phi lý. Còn Alinardo thì lắc đầu, nói:

- Không, không, hồi kèn thứ ba báo hiệu cái chết trong nước...

Thầy William xem xét mảnh vải và nói: - Giờ thì mọi việc đã sáng tỏ.

Họ hỏi thầy: - Berengar đâu?

Thầy đáp: - Tôi không biết – Aymarô nghe thầy nói bèn ngược mắt lên trời, thăm thì vào tai Peter xứ Sant' Albano: - Đúng là dân Anh.

Gần Kinh Đầu, khi mặt trời đã lên cao, Tu viện trưởng phái tôi tớ đi tìm kiếm ở chân vực đá và quanh vòng tường ngoài. Đến giờ Kinh Xế Sáng, họ đi về mà không tìm thấy gì cả.

Thầy William bảo chúng tôi cũng chẳng có thể làm gì hơn nên phải chờ dịp. Đoạn thầy đi đến lò rèn, và nói chuyện thật lâu với Nicholas, thợ cả ngành kính.

Tôi ngồi trong nhà thờ trong giờ Kinh lễ, gần bên cửa giữa. Tôi thấy buồn ngủ kinh khủng và đánh một giấc dài, vì người trẻ dường như cần ngủ nhiều hơn người già. Những người già đã ngủ quá nhiều và đang chuẩn bị giấc ngủ nghìn thu.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ SÁNG

*Trong phòng thư tịch,
Adso suy ngẫm về lịch sử dòng tu của mình,
và số phận của sách vở.*

Ra khỏi nhà thờ, tôi thấy đỡ mệt hơn nhưng đầu óc thì rối mù, chỉ vào ban đêm thân xác mới hưởng được sự nghỉ ngơi thanh thản thực sự. Tôi lên phòng thư tịch và khi được Malachi cho phép, tôi bắt đầu giờ xem quyển Thư mục. Tôi vừa mở, vừa lơ đãng liếc nhìn các trang sách, nhưng thực tình tôi đang quan sát các tu sĩ.

Thái độ điềm tĩnh, nghiêm trang của họ khiến tôi cảm phục. Chăm chú vào công việc của mình, họ như quên rằng một người anh em của họ đang được tích cực lùng kiếm khắp nơi, và hai người khác đã mất đi trong cảnh hãi hùng. Tôi tự nhủ, đây chính là sự cao cả của dòng tu chúng tôi: hàng bao thế kỷ nay những con người như họ đã chứng kiến những bọn dã man tràn vào vơ vét tu viện, ném vương quốc vào vực thẳm của lửa thiêu, thế mà họ vẫn ấp ủ bản da, màu mực, vẫn mấp máy đôi môi đọc những hàng chữ đã được lưu truyền qua nhiều thế kỷ và sẽ được lưu truyền qua nhiều thế kỷ và sẽ được lưu truyền lại nhiều thế kỷ tiếp nữa. Họ đã mãi đọc và chép vào thời hoàng kim đến; thế sao nay họ lại không tiếp tục nữa?

Mới hôm trước đây, Benno đã nói sẽ sẵn sàng phạm tội để lấy một quyển sách quý. Huynh ấy không nói dối và cũng chẳng đùa. Một tu sĩ ắt hẳn yêu sách với lòng khiêm cung, khao khát muốn học được điều hay, lẽ phải trong sách, chứ không nhằm thỏa mãn lòng hiếu kỳ của mình. Đối với người

phạm tục, ngoại tình là điều quyền rũ; đối với giới tăng lữ, của cải là điều họ khao khát, thì đối với các thầy dòng, kiến thức mới chính là điều mê hoặc họ.

Tôi giờ qua những trang Thư mục, và một rừng tựa sách bí ẩn nhảy múa trước mắt tôi: “*Quinti Sereni luận về y học*”, “*Hiện tượng*”, “*Sổ tay của Q. Iulii Hilarionis về nguồn gốc thế gian*”, “*Sách của Aesopi luận về động vật tự nhiên*”,... (1). Thảo nào các án mạng bí ẩn lại liên quan đến Thư viện. Đối với những con người tận tụy sách đèn này, Thư viện vừa là thiên đàng Jerusalem vừa là địa giới nằm trên biên cương giữa Terra incognita (2) và nấm mồ Hades (3). Họ bị chế ngự bởi những lời hứa hẹn và cảm đoán của Thư viện. Đòi họ gắn với nó, vì nó và có lẽ chống lại nó, âm thầm hy vọng một ngày nào đó sẽ phá vỡ được các bí mật của nó. Chẳng lạ gì nếu họ đã liều mạng để thỏa mãn óc hiếu kỳ, hay đã sát nhân để ngăn không cho ai chiếm được điều tuyệt mật của chính họ.

Sự căm dỗ ắt hẳn phải phát sinh từ lòng kiêu hãnh của giới trí thức. Chính những kiến thức mà các tu viện đã tích lũy này được sử dụng như một thứ hàng hóa để trao đổi, là lý do phát sinh lòng kiêu hãnh, là cái cớ để khoe khoang và gây uy tín. Các hiệp sĩ thì phô trương binh giáp cờ xí, còn các Tu viện trưởng thì phô trương các bản viết ngời sáng. Giờ đây, khi các chủng viện đã mất đi cái thế lãnh đạo trong ngành học thì tình trạng còn điên rồ hơn thế nữa. Các trường dòng, phường hội, thành thị, đại học sao chép sách còn giỏi hơn chúng tôi, họ còn làm ra sách mới, và đây có lẽ là nguyên nhân của nhiều nổi bất hạnh.

Tu viện này có lẽ không bao giờ huênh hoang về sự ưu việt trong việc tạo ra các nền học thuật. Nhưng có lẽ vì lý do đó mà các tu sĩ không còn hài lòng với việc sao chép thiêng liêng nữa. Bị thôi thúc bởi khát vọng về điều tân kỳ, họ cũng muốn viết lên những lời ngợi khen mới lạ về tạo hóa. Nhưng họ không nhận thức rằng, làm như vậy, họ đang khuyến khích sự hủy diệt tính

ưu việt của mình vì nếu nền học thuật mới mà họ muốn gây dựng được luân lưu tự do bên ngoài những vòng tường này, thì khi đó sẽ chẳng còn sự phân biệt giữa nơi thiêng liêng này với một trường dòng hay một đại học ở đô thị. Ngược lại, nếu vẫn cô lập thì tu viện sẽ duy trì được uy tín và uy lực toàn vẹn của nó, nó sẽ không bị đòi bại hóa bởi các cuộc tranh cãi và lòng kiêu ngạo - lòng kiêu ngạo này sẽ khiến thói đời soi mói mọi điều huyền bí và cao cả của tu viện. Tôi tự nhủ nguyên nhân của sự yên lặng và bóng tối bao trùm Thư viện chính là việc gìn giữ nền học thuật này. Nền học thuật này chỉ có thể được duy trì không hề suy suyển, nếu người ta ngăn không cho mọi người tiếp cận nó, ngay cả các tu sĩ. Học vấn không phải là đồng bạc cứ mãi nguyên vẹn dù qua bao cuộc bán buôn ô trọc, thực ra nó giống như một cái áo đẹp, khi mặc hay phô diễn sẽ mòn dần. Một quyển sách không tương tự như thế sao? Nếu qua nhiều bàn tay, các trang giấy sẽ nhàu nát, mực nhũ sẽ phai mờ. Tôi thấy Pacificus xứ Tivoli giở một quyển sách xưa, có những trang dính cứng với nhau vì ẩm ướt. Huynh ấy liếm ngón tay để lật trang, mỗi khi trang giấy thấm nước bọt, nó trở nên mềm nhũn. Mở sách ra có nghĩa là xếp sách lại: để cho khí và bụi tha hồ bào mòn các nếp nhăn trong bản da và làm mốc meo những góc trang đã thấm nước miếng. Cũng như sự ngọt ngào thái quá khiến chiến sĩ yếu mềm và bất lực, óc hiếu kỳ và sự thích thú chiếm hữu sẽ mở đường cho bệnh tật tấn công và tiêu diệt cuốn sách.

Thế thì phải làm gì? Thôi đọc sách và chỉ bảo quản nó? Tôi e ngại có đúng không? Thầy tôi sẽ nói gì?

Cạnh bên, tôi trông thấy Sư huynh viết đề mục, Magnus xứ Iona, vừa mới dùng đá mài cạo xong một mảnh da bê và đang lấy phấn nhồi nó cho mềm, để rồi sẽ dùng thước vuốt thẳng nó. Bên cạnh Huynh ấy là Rabano xứ Toledo, sau khi gắn bản da lên bàn, giờ đang đọc những lỗ li ti hai bên lề để dùng bút sắt kẻ những đường ngang mảnh da. Tôi thầm nghĩ: hai Sư huynh

đang trải qua những giờ phút trên thiên đàng hạ giới, họ làm ra những quyển sách mới giống như những quyển sách khác mà nhiên hậu sẽ bị thời gian tàn phá... Do đó, Thư viện không thể bị một thế lực trần gian nào đe dọa nó, vì nó là một sinh linh. Nhưng nếu nó đang sống, tại sao người ta không rộng mở nó để mạo hiểm đón nhận kiến thức? Có phải đó là điều Benno muốn và có lẽ Venantius cũng đã muốn?

Tôi cảm thấy hoang mang và sợ hãi chính suy nghĩ của mình. Có lẽ tư duy này không thích hợp với một tu sinh, một người phải mãi mãi nghiêm túc và khiêm tốn theo Giáo Luật. Về sau, tôi thực hiện điều đó trong khi quanh tôi thế gian chìm đắm ngày càng sâu hơn vào cơn bão máu và cuồng loạn.

Đã đến giờ ăn trưa. Tôi vào bếp và được cho những miếng ngon nhất, vì bây giờ tôi đã trở thành bạn của những người nấu nướng.

Chú thích:

- (1) *“Quiniti Serini de medicaments”, “Phaenomena”, “Libellus Q. Iulii Hilarionis de origine mundi”, “Liber Aesopi de natura animalium”;*
- (2) *Vùng đất hoang hay lãnh vực chưa được nghiên cứu.*
- (3) *Theo Thánh kinh, đây là nơi an nghỉ của người chết.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TRƯA

*Lời Salvatore tâm sự với Adso,
không thể tóm tắt được trong vài chữ,
nhưng khiến tu sinh này trầm tư nghĩ ngợi.*

Khi đang ăn, tôi thấy Salvatore ngồi trong một góc đang hí hửng ngẫu nhiên một miếng thịt cừu, rõ ràng là đã làm hòa với đầu bếp. Huynh ấy ăn như thể suốt đời chưa bao giờ được ăn, không để rơi một vụn thịt, dường như tạ ơn trên đã ban cho mình một dịp khác thường này.

Huynh ấy nháy mắt với tôi và nói bằng ngôn ngữ kỳ lạ của Huynh rằng mình ăn bù những năm ăn chay. Tôi hỏi Huynh kể tôi nghe về thời thơ ấu đau thương của mình trong một ngôi làng, nơi khí hậu khắc nghiệt, mưa gió thường xuyên, nơi đồng ruộng thối rữa, bầu trời bị ô nhiễm bởi tử khí. Năm nào cũng có lụt, đồng ruộng không có luống cày, gieo một đầu lúa chỉ gặt được một lon, rồi chẳng còn gặt được gì cả. Ngay cả lãnh chúa mặt cũng trắng dã như dân nghèo, mặc dù bản cố nông chết nhiều hơn địa chủ, có lẽ vì họ đông hơn... Một lon thóc giá mười lăm xu, một đầu sáu mươi xu, các thầy giảng bảo đã tận thế, nhưng ông bà cha mẹ Salvatore nhớ thời xưa cũng lâm vào tình cảnh như vậy, nên bèn kết luận rằng thế giới luôn luôn sắp tận. Sau khi họ ăn tất cả các xác chim và thú vật dơ bẩn tìm thấy được, người ta đồn rằng trong làng có người sắp sửa đào xác chết lên. Salvatore diễn tả hùng hồn như một kịch sĩ về hành động của những “*Homeni malissimi*” (1) đó. Sau một đám ma nào đó, họ lấy tay đào mồ - Bụp! – Huynh nói và cắn một miếng thịt cừu, nhưng tôi thấy mặt Huynh nhăn nhó

như một kẻ tuyệt vọng đang ăn xác chết. Thế rồi chưa thỏa mãn với chuyện đào bới đất thiêng, có kẻ còn tệ hơn, phục trong rừng để vồ lấy khách lữ hành như bọn thảo khấu, - Phạch: - Salvatore nói và đưa dao lên cổ - Phụp! – Và bọn xấu xa đê hèn nhất là bọn bám theo mấy đứa bé, cho tụi nó quá trứng hay trái táo, rồi ăn thịt chúng, thế nhưng lúc nào cũng có nấu nướng hẳn hoi. Huynh kể chuyện, có một người về làng bán thịt nấu chín giá vài xu, không ai hiểu sao lại có dịp may hiếm có như thế, rồi một linh mục bảo đó là thịt người, kẻ đó liền bị đám đông phần uất xé tan thành từng mảnh. Thế nhưng, cũng chính đêm đó, có một người đi đào mộ của nạn nhân bị giết, rồi ăn thịt kẻ ăn thịt người. Dân làng phát giác tại chỗ và giết gã luôn. Salvatore không chỉ kể một chuyện này. Bằng giọng nhát gừng, dùng thổ ngữ miền Provence và nước Ý, Huynh kể cho tôi nghe chuyện mình bỏ làng đi chu du thiên hạ. Thật thà nhưng không đàn độn, Huynh khao khát một thế giới mới, một thế giới phồn hoa tưng tưng, có phô-mai to như bánh xe, dồi thơm phức mọc trên cây tươu mật.

Thôi thúc bởi khát vọng đó, Salvatore lang thang qua nhiều vùng đất khác nhau, từ quê hương Montfrerrat đến Liguria, rồi xuyên qua Provence đến dải đất của Hoàng đế Pháp. Salvatore lang thang thất thủ khắp nơi, ăn xin, ăn trộm, giả bệnh, làm tôi tớ cho lãnh chúa rồi lại vào rừng, ra lộ, chung chạ với những bọn đầu đường xó chợ, du thủ du thực khắp Âu châu.

Theo chỗ tôi còn nhớ, cách đây khoảng ba mươi năm, Huynh nhập dòng Khất thực ở Tuscany và tại đó, Huynh đã khoác chiếc áo tu của dòng Thánh Francis mà không thụ giới. Tôi nghĩ Huynh đã học bập bẹ tiếng La-tinh ở đó, trộn lẫn nó với tất cả những ngôn ngữ của những xứ Huynh đã đi qua khi còn là một kẻ lang thang nghèo đói, với tiếng nói học được từ bọn bạn đường du thủ du thực, từ bọn làm thuê ở quê tôi đến bọn Bogomil ở Palmatia. Tại tu viện, Huynh tự nguyện sống một đời sám hối, nhưng các tu sĩ sống chung với Huynh có những ý tưởng hoang mang. Phần nộ vì một

giáo sĩ ở nhà thờ kẻ bên bị buộc tội ăn cắp dê hèn, họ tấn công nhà ông ta, rượt đuổi ông chạy nà xuống cầu thang và kẻ phạm tội ngã chết, đoạn họ vơ vét của cải. Vì thế giám mục phái vệ binh đến để giải tán các tu sĩ. Rốt cuộc, Salvatore lại đi lang thang ở miền Bắc nước Ý, nhập bọn với tu sĩ Anh em nghèo khó hay dòng Khất thực, lúc đó chưa có kỷ cương hay giáo luật chi cả.

Từ đó, Huynh lánh thân trong vùng Toulouse rồi dần thân vào một cuộc phiêu lưu lạ lùng, lòng sục sôi khi nghe câu chuyện về những sự nghiệp vĩ đại của Thập tự quân. Một đoàn người chặn cừu và đám đông quân chúng một hôm tụ tập lại để vượt biển và chống lại kẻ thù của Chúa. Thật ra họ muốn thoát khỏi vùng đất khốn khổ của mình. Có hai người lãnh đạo nhồi nhét vào đầu họ những luận thuyết giả trá. Hai kẻ này kích động những người dân chất phác đến nổi điên lên, đến nỗi họ lũ lượt theo chúng, không đem tiền bạc, chỉ có bị gây, bỏ ruộng đồng, ngoan ngoãn đi theo chúng như đàn cừu, tạo nên một đám đông vĩ đại. Lúc này họ chẳng màng gì đến công lý, lẽ phải gì nữa, mà chỉ theo sức mạnh và tính bốc đồng của mình. Với hy vọng mong manh về miền đất hứa, họ như một lũ say, ào ạt tràn vào các làng mạc, thành thị, vơ vét mọi thứ, nếu ai bị tổng giam thì họ sẽ phá ngục giải thoát kẻ ấy. Họ giết và lột sạch của cải của người Do thái khắp nơi.

Thế rồi vua Pháp cảnh báo họ đã đi quá xa và ra lệnh cho dân các thành phố họ đi qua phải chống lại họ. Ngài tuyên bố rằng, ngay cả dân Do thái cũng phải được bảo vệ như là thần dân của Ngài vậy. Vua ra lệnh xử tử những ai giúp đỡ nhóm Chăn chiên, và chiêu mộ một đạo quân hùng hậu để đánh lại họ. Nhiều người bị giết, những người khác bôn tẩu, vào rừng ẩn náu, rồi cũng chết vì cực khổ. Chẳng bao lâu, họ bị tiêu diệt. Tướng của nhà vua bắt treo cổ mỗi lần hai mươi hay ba mươi người lên những cành cây cao nhất để làm gương cho những ai dám gây bạo loạn trong vương quốc.

Điều bất thường là Salvatore đã miêu tả cho tôi về cuộc bạo loạn của nhóm

Chăn Chiên như một sự nghiệp cao cả nhất, vì Huynh ấy vẫn cứ tin rằng cái gọi là nhóm Chăn Chiên đã chủ tâm chinh phục lại thánh địa của Chúa, để giải phóng nó khỏi bọn vô thần. Dầu sao, Salvatore vẫn chưa gặp được bọn vô thần, vì đã vội vã rời đất Pháp. Huynh ấy đến vùng Novara, nhưng chỉ biết lờ mờ về những biến cố ở đây. Cuối cùng, Huynh đến Casale, được nhận vào dòng Khất thực (tôi nghĩ Huynh gặp Remigio ở đây). Lúc đó, nhiều người bị Giáo hoàng khủng bố đến nỗi phải thay áo dòng, ẩn náu trong các chủng viện của các dòng tu khác, để tránh không bị đưa lên dàn hỏa. Ubertino cũng đã kể cho chúng tôi nghe như thế. Nhờ sành nhiều thủ thuật nên Salvatore được viên quản hầm thuê nhận ngay làm người trợ lý riêng. Thế nên huynh đã nhiều năm lưu lại đây, không quan tâm mấy đến sự long trọng của dòng, nhưng đề tâm nhiều đến sự quản trị của nhà hầm và kho thực phẩm, nơi Huynh được ăn tha hồ và được cầu Chúa mà không phải lên dàn hỏa.

Tôi tò mò nhìn Huynh, không phải vì những điều kỳ quái Huynh đã trải qua, mà vì những điều đã xảy ra đối với Huynh, theo tôi, là một bản tóm tắt tuyệt vời các biến cố và các phong trào đã biến nước Ý lúc bấy giờ thành một nơi quyến rũ và bí ẩn.

Có thể rút tĩa gì từ những câu chuyện đó? Hình ảnh một người sống đời phiêu bạt, có thể giết người mà không nhận thức được tội ác của mình. Mặc dầu lúc bấy giờ tôi quan niệm mọi vi phạm Luật Chúa đều giống nhau, tôi bắt đầu hiểu được vài hiện tượng người ta bàn đến. Một đám đông, trong cơn hưng phấn cuồng loạn lẫn lộn luật Quỷ với luật Chúa, phạm tội thảm sát thì hoàn toàn khác với một cá nhân giết người có tính toán lạnh lùng, không gớm tay. Tôi nghĩ, linh hồn Salvatore có thể đã bị hoen ố vì một tội ác như thế.

Mặt khác, tôi cũng muốn tìm hiểu về những lời bóng gió của Tu viện trưởng; tôi còn bị ám ảnh bởi Fra Dolcino, người mà tôi hầu như mù tịt

không biết gì cả, dù hồn ma của ông dường như bay lượn trên những câu chuyện tôi nghe được mấy ngày vừa qua.

Thế nên tôi bèn hỏi thẳng Salvatore: - Trong những ngày phiêu bạt, có bao giờ Huynh gặp Fra Dolcino không?

Phản ứng thật lạ thường: Salvatore trợn trừng đôi mắt lên, liên tục làm dấu Thánh giá, lẩm bẩm những câu đứt đoạn bằng một thứ tiếng mà lần này tôi hoàn toàn không hiểu gì cả. Những câu nghe như phủ nhận. Từ nãy giờ, Huynh vẫn nhìn tôi một cách tin cậy, có thể nói là thân thiện: nhưng ngay lúc này, Huynh nhìn tôi đầy giận dữ, rồi vội vã bỏ đi.

Bây giờ thì tôi không thể nén lòng được nữa. Người tu sĩ ấy là ai mà khiến mọi người khi nghe nhắc đến tên đều kinh sợ? Sôi sục muốn tìm hiểu, tôi quyết định không chần chừ thêm nữa. Một ý nghĩ lóe lên trong đầu tôi. Ubertino! Chính Huynh ấy đã thốt lên cái tên này ngay đêm đầu tiên gặp chúng tôi, Huynh tường tận mọi nỗi thăng trầm, công khai cũng như bí mật của các tu sĩ, thầy dòng, và các giới hành đạo khác trong những năm vừa qua. Giờ này, tôi có thể tìm Huynh ấy ở đâu? Chắc chắn trong nhà thờ, chìm đắm trong kinh cầu. Vì đang rảnh rỗi, tôi bèn đến đây.

Tôi không gặp Huynh ấy! Thật ra, mãi đến tối, tôi mới gặp. Sự tò mò của tôi chưa được giải tỏa thì biến cố khác đã xảy ra, và tôi phải kể đấy.

Chú thích:

(1) *Kẻ ác*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ TRƯA

*William nói với Adso về chức năng
của quần chúng trong Giáo hội,
nỗi hoài nghi của mình
về khả năng hiểu biết luật trời đất.
Và nói thêm cách ông đã giải mã
các dấu hiệu đồng cốt do Venantius để lại.*

Tôi thấy thầy William nơi lò rèn đang say sưa bàn việc với Nicholas. Trên bàn có bày một số tròng kính nhỏ. Thầy William đưa chúng lên xem thử. Còn Nicholas thì chỉ vẽ cho thợ rèn làm một chiếc gọng để ráp tròng kính vào.

Thầy William đang cầu nhàu bực bội vì cặp kính được nhất tữ này giờ có màu xanh lục, mà thầy thì không muốn bản da hiện ra như cánh đồng trước mắt mình. Nicolas đi ra và giám sát các thợ rèn. Trong khi thầy thử mắt kính, tôi kể thầy nghe câu chuyện của Salvatore.

Thầy nói: - Người ấy có nhiều kinh nghiệm. Có lẽ Huynh ấy đã ở với dòng Dolcino. Tu viện quả thực là một thế giới thu hẹp, khi nào sứ giả Giáo hoàng John và Sư huynh Michael đến đây thì đúng là đầy đủ các giới.

Thầy William yên lặng một lúc, đưa cặp kính lên đèn quan sát. Rồi thầy đặt kính xuống bàn và bảo tôi nhìn xuyên qua mắt kính để xem xét dụng cụ - Xem này, con thấy gì đây?

- Dụng cụ trông lớn hơn một chút

- Đấy, giới lắm (thế?) là chúng ta có thể nhìn sát hơn

- Nhưng dụng cụ trông vẫn như vậy mà!

- Nhưng bản chép của Venantius cũng vẫn nguyên trạng thôi, nhưng nhờ có kính, thầy mới đọc nó được. Có lẽ khi đọc nó xong, thầy sẽ biết rõ hơn một phần sự thật. Và có lẽ ta sẽ làm đời sống ở tu viện này tốt hơn.

- Nhưng như thế cũng chưa đủ!

- Adso ạ, thầy đã nói hơi nhiều. Đây không phải là lần đầu tiên thầy nói với con về Roger Bacon. Có lẽ ông ấy không phải là người khôn ngoan nhất ở đời, nhưng thầy luôn luôn bị mê hoặc bởi nguồn hi vọng đã làm khơi dậy niềm say mê học hỏi của ông ta. Bacon tin vào sức mạnh, vào nhu cầu và tinh thần sáng tạo của quần chúng. Nếu ông không nghĩ rằng những người nghèo, những người bị ruồng bỏ, những người dốt nát và thất học thường kính Chúa tại tâm, thì ông đã không thể là một tu sĩ Francisco tốt được. Quần chúng có một cái gì đó hay hơn các học giả uyên thâm, những người hay lạc lối trong công cuộc tìm kiếm những quy luật tổng quát, bao la. Quần chúng nắm vững một chân lý của chính họ, có lẽ còn chân chính hơn chân lý của các học giả trong Giáo hội, nhưng rồi họ lại tiêu diệt nó một cách vô thức. Thế phải làm gì? Giáo dục quần chúng ư? Dễ quá hay khó quá đây. Những thầy dòng Franciso đã suy ngẫm về vấn đề này. Bonaventura vĩ đại (1) đã nói rằng, người khôn phải làm nổi bật các quan niệm trong sáng bằng chân lý tiềm ẩn trong hành động của quần chúng...

Bacon nghĩ rằng nền khoa học tự nhiên mới phải là một công trình vĩ đại mới, đầy táo bạo của giới trí thức, để kết hợp với các nhu cầu căn bản tượng trưng cho hàng loạt kỳ vọng, tuy hỗn độn nhưng chân chính, của quần chúng, bằng một con đường hiểu biết khác về các quy trình tự nhiên. Nền khoa học mới sẽ là một phép lạ tự nhiên mới. Theo Bacon, sự nghiệp này phải do Giáo hội lãnh đạo, Nhưng thầy tin rằng ông nói thế vì thời ấy cộng đồng tăng lữ được đồng hóa với cộng đồng giới trí thức. Ngày nay thì không phải như vậy nữa: giới trí thức trưởng thành bên ngoài các chủng

viện và giáo đường, thậm chí bên ngoài đại học nữa. Vì thầy và bằng hữu của thầy ngày nay tin rằng Giáo hội không nên ban luật quản lý việc đời, mà nên để đa số quần chúng quyết định. Rồi trong tương lai, cộng đồng của giới trí thức sẽ phải đề xướng một nền thần học mới đầy tính nhân đạo, đó sẽ là một triết lý tự nhiên và một phép lạ tích cực.

- Quả là một sự nghiệp tuyệt vời, nhưng có thể thực hiện được không?

- Bacon nghĩ được.

- Còn thầy?

- Thầy cũng nghĩ thế. Nhưng nếu tin như vậy, chúng ta phải chắc chắn rằng quần chúng có quyền sở hữu ý thức cá nhân, vốn là điều thiện duy nhất. Tuy nhiên, nếu ý thức cá nhân là điều thiện duy nhất thì làm thế nào khoa học có thể thành công trong việc sắp xếp lại các luật trời đất, mà nhờ chúng, phép lành mới thực hiện được chức năng của mình.

- Vâng, làm thế nào nhỉ?

- Thầy cũng chẳng biết. Tại Oxford, thầy đã tranh luận với bạn thầy là William xứ Occam, hiện đang ở Avignon. Người ấy đã gieo vào tâm trí thầy nhiều mối hoài nghi. Nhưng, nếu chỉ có ý thức cá nhân là chính đáng thì rất khó chứng minh giả thuyết các nguyên nhân tương tự sẽ phát sinh hậu quả tương tự. Một cá nhân có thể khi thì lạnh lùng, khi nóng bỏng, khi ngọt ngào, khi cay đắng, khi ướt át, khi khô cằn, ở nơi này – chứ không phải ở nơi kia. Làm sao thầy có thể khám phá mối liên hệ trong vũ trụ đang chi phối mọi vật thể, nếu thầy không nhắc ngón tay mà không tạo ra vô tận những thực thể mới. Vì với một động tác như thế, tất cả sự tương quan giữa vị trí ngón tay thầy với tất cả các vật thể khác sẽ thay đổi. Mối tương quan này là cách mà tâm trí thầy nhận thức được sự liên hệ giữa các thực thể đơn lẻ, nhưng cái gì bảo đảm rằng điều này có tính ổn định và chung nhất?

- Nhưng thầy biết kính có độ dày nào đó sẽ tương ứng với một độ mắt nào đó, và vì thầy biết được như thế nên thầy có thể làm bất kỳ cặp kính nào

giống như cặp kính thầy đã mất.

- Adsom con đối đáp rất sắc sảo. Thực ra, thầy đã luận ra giả thuyết này: độ dày của kính nhất thiết phải tương ứng với độ mắt. Mọi tròng mắt làm theo nguyên tắc này đều tăng thị lực theo một mức độ như nhau. Nền khoa học mà Bacon nói đến, chắc hẳn phải dựa trên cơ sở của những giả thuyết này. Con biết không, Adso, thầy phải tin rằng giả thuyết của thầy đúng, vì thầy đã rút tĩa được nó từ kinh nghiệm; nhưng để tin nó, thầy phải cho rằng có luật trong vũ trụ. Thế nhưng thầy không thể lên tiếng về những luật này vì chính quan niệm về sự hiện hữu của quy luật trong vũ trụ và một trật tự sẵn có sẽ hàm ý nói rằng Thượng đế là tù nhân của chúng, trong khi đó Chúa là một cái gì đó tuyệt đối tự do, và nếu Ngài muốn, chỉ cần nhấc một ngón tay là có thể biến đổi cả thế giới.

- Và như thế, nếu con không lầm, thầy hành động và hiểu tại sao mình lại hành động, nhưng thầy không biết tại sao mình biết rằng mình biết việc mình làm?

Tôi phải tự hào nói rằng thầy William thán phục nhìn tôi:

- Có lẽ như thế đấy. Dầu sao, nó cho con thấy tại sao thầy vẫn thấy hoài nghi chính cái chân lý thầy tin tưởng.

- Thầy còn bí hiểm hơn cả Ubertino!

- Có thể. Như con biết, thầy nghiên cứu sự vật trong tự nhiên.. Trong cuộc điều tra chúng ta đang tiến hành, thầy không muốn biết ai thiện, ai ác, nhưng muốn biết đêm qua ai ở trong phòng thư tịch, ai trộm cặp kính của thầy, ai để lại dấu vết một người kéo một người khác trên tuyết, và Berengar ở đâu. Đây là những dữ kiện. Sau đó, nếu có thể thầy sẽ cố liên kết chúng lại với nhau. Một sự can thiệp siêu nhiên cũng đủ làm thay đổi mọi thứ và dù mình luôn cố gắng như bây giờ đi nữa thì chẳng lạ gì nếu không thể chứng minh việc này là nguyên nhân của một việc kia.

- Đòi thầy vất vả quá.

- Nhưng thầy đã tìm ra Brunellus, - thầy William la lên, hồi tưởng lại chuyện con ngựa cách đây hai ngày.

Tôi đắc thắng reo lên: - Như thế có nghĩa là có một trật tự trong thế giới!

- Như thế có một ít trật tự trong cái đầu đáng thương của thầy.

Đến đây, Nicholas trở lại, tay cầm một chiếc gọng làm gần xong, giờ nó lên cao với vẻ đắc thắng – Thầy William bảo:

- Khi chiếc gọng này nằm trên chiếc mũi đáng thương của tôi, có lẽ cái đầu của tôi cũng trở nên trật tự hơn.

Một tu sinh đến, bảo Tu viện trưởng mong gặp thầy và đang đợi trong vườn. Khi chúng tôi dời gót, thầy William vỗ trán như thể chợt nhớ ra một điều gì đó. Thầy nói:

- À, thầy đã giải mã được các dấu hiệu thần bí của Venantius.

- Giải hết tất cả à? Khi nào thế?

- Khi con đang ngủ. Cũng còn tùy con hiểu chữ “tất cả” như thế nào. Thầy đã giải mã các dấu hiệu hiện lên nhờ ngọn lửa mà con sao lại. Còn các ghi chú bằng tiếng Hy Lạp thì phải đợi đến khi thầy có kính mới.

- Sao? Có phải đó là bí mật của “Tận cùng Phi Châu” không?

- Phải, và cách giải cũng khá dễ. Venantius đã dùng mười hai dấu hiệu hoàng đạo và tám dấu hiệu khác: gồm năm hành tinh, hai thể sáng và quả đất. Tất cả có hai mươi dấu hiệu. Đủ để liên hệ với các mẫu tự La tinh, vì mình có thể dùng một mẫu tự để diễn tả âm thanh của hai chữ đầu của “unum” và “velut”. Chúng ta biết trật tự của các mẫu tự. Thế thì trật tự của những dấu hiệu thì sao? Thầy đã nghĩ đến trật tự của trời đất, nên đặt một phần tư vòng hoàng đạo ở cạnh xa nhất. Vậy ta có: Quả đất, Mặt trăng, Sao Thủy, Sao Kim, Mặt trời, v.v...và sau đó, đặt những dấu hiệu hoàng đạo theo thứ tự thông thường, như Isidore xứ Seville đã sắp xếp chúng. Bắt đầu bằng Dương Cưu và Xuân Phân, chấm dứt với Song Ngự. Bây giờ, nếu con thử cách giải này thì thông điệp của Venantius sẽ có nghĩa.

Thầy đưa tôi xem bản da, trên đó thầy đã dùng mẫu tự La tinh để phiên nghĩa: “*Secretum finis africae manus supra idolum age primum et septimum de quatuor*” (2). Thầy hỏi:

- Có rõ chưa?

- Đặt tay lên thần thứ nhất và thứ bảy của thứ tư - tôi lập lại, lắc đầu – Chẳng rõ chút nào cả!

- Thầy biết. Điều đầu tiên chúng ta phải biết là Venantius muốn nói gì với từ “*Idolum*”. Một hình ảnh, một hồn ma, hay một nhân dạng? Và “cái thứ tư” là cái gì mà có “cái thứ nhất” và “cái thứ bảy”? Chúng ta phải làm gì với chúng? Di chuyển chúng, đẩy chúng hay kéo chúng?

Tôi nản lòng nói: - Như thế chúng ta vẫn chưa biết gì, cứ như lúc mới khởi sự.

Thầy William dừng bước và nhìn tôi với vẻ hơi khe khắt và nói: - Con này, trước mặt con là một tu sĩ Francisco đáng thương, với sức học khiêm tốn và chút tài mọn được sức mạnh bao la của Thượng đế ban cho, trong vài giờ đồng hồ đã giải được một mật mã mà người viết đoán chắc trừ mình ra sẽ không ai đọc được... Còn con, anh chàng phàm phu dốt nát tồi tệ, lại dám nói chúng ta vẫn còn như lúc mới khởi sự ư?

Tôi vụng về xin lỗi thầy. Tôi đã làm tổn thương tính tự cao của thầy, thế nhưng tôi biết thầy tự hào biết bao về tài suy diễn nhanh chóng và chính xác của mình. Thầy quả thật đã hoàn thành một việc đáng nể. Và nếu anh chàng Venantius xảo quyệt không những đã che dấu những phát hiện của mình bằng những mẫu tự hoàng đạo mờ ảo, mà còn chế thêm một câu đố không giải đáp, thì đó không phải là khuyết điểm của thầy.

Thầy William cắt lời: - Không sao, không sao, chớ xin lỗi. Dẫu sao, con cũng có lý. Chúng ta vẫn còn biết quá ít. Đi thôi.

Chú thích:

- (1) Bonaventura (1221- 1274): Hồng Y người Ý, một học giả, một nhà văn.
- (2) “*Bí mật của tận cùng Châu Phi. Đặt tay lên thân thứ nhất và thứ bảy của thứ tư*”

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH CHIỀU

*Tu viện trưởng một lần nữa
bàn luận với hai vị khách,
thầy William nảy ra ý tưởng độc đáo
về cách giải mã sự bí hiểm trong Mê Cung,
rồi thành công bằng một phương pháp duy lý nhất,
Rồi William và Adso ăn pho-mai nhồi.*

Tu viện trưởng, cầm một mẫu giấy trên tay, đợi chúng tôi với vẻ nghiêm nghị, lo âu và nói:

- Cha vừa nhận được một bức thư từ Tu viện trưởng xứ Conques, trong đó tiết lộ tên của người mà Giáo hoàng John ủy nhiệm cầm đầu toán lính Pháp chịu trách nhiệm về sự an ninh cho đoàn thương thuyết. Hẳn không phải là quân nhân, không phải là người của triều đình, nhưng sẽ là một thành viên của phái đoàn.

Thầy William bần chồn hỏi: - Một sự kết hợp hiếm hoi các nhiệm vụ khác nhau. Ai thế?

- Bernard Gui, hay Bernardo Guidoni, con gọi tên nào cũng được.

Thầy William buột miệng thốt ra một từ bằng ngôn ngữ của thầy, mà cả tôi lẫn Cha bề trên đều không hiểu, nhưng có lẽ thế lại hay; vì cái từ mà thầy William phát ra đó mang một âm rít rất tục tằn.

Thầy tiếp ngay: - Con không thích việc này. Đã nhiều năm nay Bernard là kẻ đi ruồng bắt những tên phản giáo ở miền Toulouse. Hẳn đã viết “*Sách thực hành những thủ tục tra vấn bọn phản giáo*” (1) cho những người có

bốn phận đàn áp và tiêu diệt dòng Waldenses (2), Beghard (3), Dolcino và Anh em nghèo khó.

- Cha biết. Cha rõ quyển sách này lắm, vô cùng thông thái.

Thầy William công nhận: - Quyển sách vô cùng thông thái. Bernard rất trung thành với John vì trong những năm gần đây John đã giao cho hấn nhiều sứ mạng ở vùng Flanders và ở miền Bắc nước Ý này. Ngay cả khi được phong Giám mục xứ Galicia, hấn cũng không bao giờ ở trong địa phận của mình và tiếp tục hành chức phán quan. Con tưởng hấn đã về hưu để làm giám mục ở Lodève, nhưng rõ ràng, John đã triệu hồi hấn về làm nhiệm vụ ở miền Bắc nước Ý này. Bộ hết người rồi sao lại chọn Bernard, còn cho hấn cầm đầu binh sĩ nữa...

Tu viện trưởng nói: - Có một câu giải đáp khẳng định tất cả những nỗi sợ hãi Cha đã tỏ với con ngày hôm qua. Dù không thừa nhận, con cũng dư biết rằng quan điểm về sự Cơ nghèo của Chúa Ki-tô và Giáo hội do Đại hội Perugia xướng lên và được rất nhiều luận cứ thần học ủng hộ, cũng đồng thời là những quan điểm do các phong trào phản giáo xướng lên một cách vô cùng phóng túng và không chính thống giáo tí nào. Không cần phải nhấn mạnh rằng quan điểm của Cha Michael xứ Cesena được triều đình công nhận, cũng là quan điểm của Ubertino và Angelus Clarenus. Hai phái đoàn sẽ hội lại để tranh luận về quan điểm này. Nhưng Gui còn có thể làm hơn thế nữa vì hấn khôn khéo: hấn sẽ nhấn mạnh rằng các luận điểm của Đại hội Perugia cũng là luận điểm của dòng Anh em nghèo khó, hay của các tông đồ giả trá.

- Người ta đã tiên đoán điều này. Con muốn nói chúng ta đã biết sự việc sẽ dẫn đến như thế này, dù không có sự hiện diện của Bernard đi nữa. Cùng lắm thì Bernard sẽ hành động đặc lực hơn những người bất lực trong hàng giáo phẩm La Mã, do đó tranh luận với hấn nhất thiết phải dè dặt hơn.

- Đúng. Nhưng đến đây chúng ta lại phải đương đầu với vấn đề nêu lên hôm

qua. Nếu cho đến ngày mai, chúng ta vẫn chưa tìm ra người đã phạm hai, hay có lẽ ba, tội ác, thì Cha buộc phải để Bernard hành xử quyền cai quản tu viện. Đối với một người đi điều tra có quyền hành như Bernard, Cha không thể giấu rằng trong tu viện này đã xảy ra, và đang xảy ra, những sự kiện không giải thích được. Bằng không, khi hắn phát giác một bí ẩn mới xảy ra thì hắn có quyền la toáng lên là chúng ta phản bội...

Thầy William lo lắng lắm lắm: - Đúng vậy. Nhưng không làm gì được. Có lẽ đó cũng là điều hay; nếu Bernard bận tâm lòng kiếm kẻ sát nhân thì hắn sẽ ít có thời gian tham gia cuộc tranh luận.

- Nên nhớ rằng: việc Bernard đi tìm hung thủ sẽ là một cái gai nhọn đâm vào uy quyền của Cha. Những án mạng gớm ghiếc này buộc Cha lần đầu tiên phải nhượng bộ quyền lực của mình trong tu viện này. Đây là một khúc quanh mới trong lịch sử của tu viện này, lần dòng Benedict. Cha sẵn sàng làm bất cứ điều gì để tránh việc này. Berengar đâu? Chuyện gì đã xảy ra cho Huynh ấy? Con đang làm gì?

- Con chỉ là một tu sĩ xưa kia đã thực hiện thành công những cuộc điều tra. Cha biết rằng trong hai ngày không thể tìm ra sự thật. Dầu sao, Cha đã trao cho con quyền gì? Con có được phép vào Thư viện không? Có được hỏi những câu con muốn? Có luôn được Cha ủng hộ không?

Tu viện trưởng giận dữ đáp: - Cha không thấy có gì liên hệ giữa các án mạng và Thư viện.

Thầy William kiên nhẫn giải thích:- Adelmo là người minh họa, Venantius là một dịch giả, Berengar là phụ tá quản thư viện...

- Nói thế thì tất cả sáu mươi tu sĩ đều có liên hệ với Thư viện, cũng như với nhà thờ vậy. Vậy sao không điều tra nhà thờ? Sư huynh William, con đang nhân danh Cha tiến hành cuộc điều tra trong giới hạn Cha đã đặt ra. Phần còn lại trong giới hạn của những bức tường này, Cha là người tối cao sau Thượng đế, và thọ ơn Ngài. Điều này cũng áp dụng cho cả Bernard nữa. –

Bằng một giọng ôn tồn hơn, Tu viện trưởng nói - Dầu sao, Bernard không nhất thiết phải đến đây để dự họp. Tu viện trưởng xứ Conques viết rằng Giáo hoàng đã yêu cầu Hồng y Bertrand xứ Poggetto từ Bologna đến đây để dẫn đầu phái đoàn Giáo hội. Có lẽ Bernard đến đây để gặp Hồng y.

- Suy rộng ra thì điều này có thể tệ hơn. Bertrand là người ruồng bắt bợn phản giáo ở Trung Ý. Sự đụng độ của hai nhà vô địch diệt phản giáo sẽ báo hiệu một cuộc chống đối sâu rộng trong nước, nhiên hậu sẽ chống lại cả phong trào dòng Francisco...

- Chúng ta sẽ lập tức báo cho Hoàng đế biết việc này. Nhưng trong hoàn cảnh hiện nay, chưa có gì nguy hiểm lắm. Chúng ta sẽ đề cao cảnh giác. Tạm biệt.

Khi Tu viện trưởng bỏ đi, thầy William đứng lặng người một lúc, đoạn bảo tôi:

- Adso, trước hết con nên nhớ “dục tốc bất đạt”. Sự việc không thể giải quyết nhanh được, vì có nhiều diễn biến vụn vặt, riêng lẻ phải được sắp xếp với nhau. Thầy phải trở lại phòng thí nghiệm, vì nếu không có kính thì không những thầy không đọc được bản viết, mà có trở lại Thư viện tôi nay thì cũng vô ích.

Lúc đó, Nicholas chạy ủa đến chúng tôi, báo tin gở. Trong khi cố mài tròng kính cho đẹp hơn, Huynh ấy đã đánh vỡ nó. Còn một tròng khác có thể thay thế được thì bị nứt khi Huynh cố gắn nó vào gọng. Nicholas ngao ngán chỉ tay lên trời. Gần đến giờ Kinh Chiều, và màn đêm đang buông xuống. Không thể làm gì thêm trong ngày hôm nay được nữa. Thầy William cay đắng công nhận đã mất thêm một ngày nữa, và cố đè nén ý muốn bóp cổ Huynh thợ cả ngành kính, dù Nicholas đã thấy nhục nhã lắm rồi.

Chúng tôi bỏ mặc Huynh ấy để đi điều tra về Berengar. Đương nhiên là không ai gặp Berengar cả.

Chúng tôi có cảm tưởng mình đi cùng đường, bèn đi lang thang trong nhà

nguyện, chẳng biết nên làm gì nữa. Bỗng nhiên tôi thấy thầy William đắm chìm trong suy nghĩ, mắt trừng trừng nhìn lên trời. Trước đó, thầy rút từ trong áo dòng ra một nhánh cây thuốc thầy đã hái cách đây mấy tuần, và thầy đang nhai nó như thể nó gây cho thầy một cơn hưng phấn dịu dịu. Thầy trông có vẻ mơ màng, nhưng chốc chốc đôi mắt lại bừng sáng, dường như trong khoảng chân không của đầu óc thầy đã lóe lên một ý mới. Rồi một lần nữa thầy lại đắm chìm vào trạng thái ngầy ngật kỳ quặc, tuy vẫn động não. Đột nhiên thầy nói:

- Đương nhiên, ta có thể...

- Cái gì?

- Thầy đang nghĩ cách để định vị trí của chúng ta trong Mê Cung. Không đơn giản nhưng hữu hiệu... Rốt cuộc, chúng ta biết lối ra ở tháp phía Đông. Giả sử ta có một cái máy chỉ cho ta hướng Bắc thì sẽ thế nào?

- Dĩ nhiên, ta chỉ cần quay về bên phải là hướng về phía Đông. Hay là chỉ cần đi ngược chiều lại là ta biết đang hướng về ngọn tháp phía Nam. Nhưng giả sử có phép màu đó đi nữa thì Mê Cung cũng vẫn là Mê Cung, ngay trong khi chúng ta trực chỉ hướng Đông thì sẽ va phải một bức tường không cho ta tiến thẳng tới, và chúng ta sẽ lạc đường nữa.

- Phải, nhưng cái máy mà thầy nói luôn luôn chỉ hướng Bắc, ngay cả khi chúng ta thay đổi lộ trình và ở mọi điểm, nó sẽ chỉ cho chúng ta nên quay hướng nào.

- Thế thì tuyệt quá. Nhưng chúng ta phải có máy đó và nó sẽ chỉ ta hướng bắc vào ban đêm hay khi ở trong nhà, không cần có mặt trời, mặt trăng gì cả... Và con tin rằng ngay cả thầy Bacon cũng không có một cái máy như thế - tôi cười nói.

- Con đã lầm, người ta đã làm một cái máy như thế rồi, và vài nhà hàng hải đã sử dụng nó. Máy này không cần trời trăng vì nó khai thác sức mạnh của một loại đá kỳ diệu, như viên đá ta đã thấy trong bệnh xá của Severinus, nó

hút sắt. Bacon và một nhà ảo thuật xứ Picardy, Pierre de Marricourt, đã nghiên cứu và miêu tả nhiều cách sử dụng của nó.

- Nhưng thầy có làm được nó không?

- Công việc tự nó không khó. Loại đá đó có thể sử dụng để tạo ra nhiều điều kỳ diệu, kể cả làm một cái máy chuyển động vĩnh viễn mà không cần lực bên ngoài. Nhưng Baylek al-Quabayaki, một người Ả Rập, đã miêu tả một phát hiện đơn giản nhất. Lấy một cái chậu nước rồi thả nổi một nút chai có gắn cái kim sắt. Đạn rạ cục đá nam châm trên mặt nước, cho đến khi cây kim đạt được cùng một tính chất như đá. Đến lúc này, cây kim sẽ quay chỉ hướng bắc và nếu người ta có dời cái chậu đi đâu nữa thì cây kim vẫn luôn quay về phía gió bắc. Rõ ràng, nếu đầu con luôn luôn nhớ hướng bắc và có đánh dấu trên thành chậu vị trí của các hướng đông, nam, tây, con sẽ luôn luôn biết nên rẽ hướng nào trong thư viện để đến tháp đông.

Tôi thốt lên: - Thật là kỳ diệu! Tại sao kim luôn luôn chỉ về phương Bắc. Con thấy cục đá hút sắt và con tưởng rằng một lượng sắt lớn hút cục đá. Như thế... ở hướng sao Bắc đẩu, là hướng tận cùng của mặt đất (4), hẳn phải có một mỏ sắt vĩ đại!

- Thực ra đã có người nêu lên lời giải thích như thế.

Tôi phấn khởi nói: - Vậy bây giờ ta lấy viên đá của Severinus, một cái chậu, một ít nước và một nút chai đi.

- Khoan đã. Thầy không hiểu sao, chứ thầy chưa bao giờ thấy một cái máy vận hành kỹ thuật một cách hoàn hảo, mặc dầu các triết gia đã miêu tả nó như vậy. Trong khi đó một cái lưỡi hái của người nông dân, tuy chưa hề được một triết gia nào mô tả, vẫn luôn luôn hoạt động tốt. Thầy e rằng đi lòng vòng trong Thư viện, một tay cầm đèn, một tay bưng chậu nước, thì... Khoan! Thầy có một ý. Cái máy sẽ chỉ hướng bắc dù ta ở ngoài Mê Cung, phải không?

- Vâng, nhưng ở ngoài thì ta đâu có cần nó, vì đã có mặt trời và sao rồi.

- Thầy biết, thầy biết. Nhưng nếu máy móc có thể hoạt động cả trong nhà lẫn ngoài trời, thì sao đầu óc ta không hoạt động được như thế?

- Đầu óc chúng ta à? Dĩ nhiên, chúng có thể hoạt động ngoài trời, và thực ra từ bên ngoài chúng ta biết rất rõ vị trí của Đại dinh! Nhưng khi vào trong thì chúng ta bị lạc hướng.

- Chính vậy. Nhưng bây giờ hãy tạm quên cái máy ấy! Suy nghĩ về cái máy đã dẫn thầy nghĩ đến luật thiên nhiên và luật tư tưởng. Vấn đề là thế này: từ bên ngoài, chúng ta phải tìm cách miêu tả được bên trong của Đại dinh...

- Nhưng làm thế nào?

- Chúng ta sẽ sử dụng toán học. Như Averroes (5) đã nói, chỉ có trong toán học, những điều ta biết mới đồng dạng với những điều tuyệt đối đúng.

- À, như thế thầy cũng phải công nhận có vũ trụ quan.

- Khái niệm toán học là những luận điểm được các học giả đặt ra theo một cách khiến chúng luôn luôn trở thành chân lý, vì những khái niệm này đã sẵn có, hay vì toán học đã được nghĩ ra trước các khoa học khác. Thư viện được xây dựng bởi đầu óc con người nghĩ theo kiểu toán học, vì nếu không có toán học, người ta sẽ không thể xây Mê Cung được. Thế nên chúng ta phải so sánh luận điểm toán học của chúng ta với luận điểm của nhà xây dựng đó và từ sự so sánh đó có thể sản sinh ra khoa học, vì đó là khoa học của điều kiện dựa trên điều kiện. Dầu sao, thôi đừng có kéo thầy vào những cuộc thảo luận về Siêu hình học nữa. Hôm nay, con bị quỷ gì ám vậy? Thôi được, mắt con còn tinh, hãy đi lấy cho thầy một bản da, một bảng nhỏ, một vật có thể đánh dấu vào và một cây bút... Tốt, con có hả? Con giỏi lắm, Adso ạ. Bây giờ còn chút ánh sáng trời, chúng ta hãy đi bách bộ quanh Đại dinh.

Thế là chúng tôi đi vòng quanh hết Đại dinh. Từ đằng xa, chúng tôi quan sát các tháp đông, nam, tây và những bức tường nối liền với nhau. Tháp còn lại mọc trên vực đá, nhưng theo luật cân xứng, nó không thể cao hơn các tháp

khác nhiều.

Thầy William quan sát và bảo tôi ghi chú chính xác lên tấm bảng. Chúng tôi thấy mỗi bức tường có hai cửa sổ, mỗi tháp có năm. Thầy tôi bảo:

- Này, suy nghĩ kỹ nhá. Mỗi phòng chúng ta đã thấy đều có một cửa sổ....

- Trừ những phòng có bảy bức tường.

- Dĩ nhiên, đó là những phòng ở giữa ngọn tháp.

- Và, trừ những phòng khác mà chúng ta thấy không có cửa sổ, nhưng không phải hình bảy cạnh như những phòng ở giữa tháp.

- Quên những phòng đó đi. Đầu tiên chúng ta hãy tìm ra một qui luật, rồi sẽ cố giải thích các qui luật sau. Như thế: bên ngoài, mỗi tháp có năm phòng, mỗi bức tường thẳng có hai phòng, mỗi phòng một cửa sổ. Từ một phòng có cửa sổ, chúng ta tiến thẳng vào bên trong của Đại dinh, ta sẽ gặp một phòng có cửa sổ khác. Đó là dấu hiệu có cửa sổ ở phía trong. Bây giờ, nếu nhìn từ nhà bếp và phòng thư tịch thì lồng cầu thang phía trong có hình dáng gì?

- Hình bát giác.

- Hay lắm. Trong phòng thư tịch, mỗi cạnh của hình bát giác có hai cửa sổ. Điều này có nghĩa là có hai phòng bên trong, trên mỗi cạnh của hình bát giác. Đúng không?

- Đúng, nhưng còn những phòng không có cửa sổ thì sao?

- Cả thầy có tám phòng như thế. Phòng bảy cạnh phía trong ngọn tháp có năm bức tường có cửa mở ra năm phòng trong ngọn tháp. Còn đằng sau hai bức tường kia là cái gì? Không phải là những phòng dọc theo bức tường ngoài vì chúng phải có cửa sổ. Cũng không phải là phòng quanh lồng cầu thang hình bát giác, vì không có cửa sổ. Và như thế, chúng sẽ quá dài. Hãy cố vẽ sơ đồ của Thư viện từ trên nhìn xuống. Con sẽ thấy rằng, trong mỗi ngọn tháp phải có hai phòng tiếp giáp với phòng bảy cạnh và có cửa mở ra hai phòng tiếp giáp với lồng cầu thang bát giác ở phía trong.

Tôi thử vẽ một sơ đồ như thầy gợi ý, và đặc thẳng reo lên:

- Giờ chúng ta biết hết rồi! để con đếm... Thư viện có năm mươi sáu phòng gồm bốn phòng hình bảy cạnh, và năm mươi hai phòng vuông, chữ nhật, hay hình thang. Trong số này, có tám phòng không có cửa sổ, hai mươi tám phòng có cửa sổ nhìn ra ngoài, và mười sáu cái có cửa sổ nhìn vào trong.

- Mỗi ngọn tháp có năm phòng tứ giác và một phòng bảy cạnh... Thư viện được cấu trúc theo sự hài hòa của thiên đàng, từ đó có thể rút ra nhiều ý nghĩa nhiệm màu khác nhau.

- Quả là một phát hiện tuyệt vời. Nhưng sao khó định vị trí của chúng ta thế?

- Vì sự xếp đặt cửa ra vào không tương ứng với định luật toán học. Vài phòng cho phép chúng ta đi sang các phòng khác, vài cái chỉ vào được một phòng và chúng ta tự hỏi: không biết có những phòng chẳng có lối thoát nào ra phòng khác chẳng? Điều bí hiểm này, cộng thêm sự thiếu ánh sáng, thiếu định hướng của mặt trời, các ảo giác và gương ma, khiến Mê Cung gây hoang mang cho bất kỳ ai đi len lỏi trong nó, nhất là người mang mặc cảm phạm tội. Hãy nhớ xem, đêm qua chúng ta tuyệt vọng biết bao khi không tìm được lối ra. Cấu trúc càng phức tạp thì sự hoang mang càng lớn, quả là một sự tính toán tối ưu. Những người xây cất Thư viện này đúng là những bậc thầy vĩ đại.

- Thế chúng ta làm sao định hướng được?

- Bây giờ thì không còn khó nữa. Sơ đồ con vừa vẽ gần như tương ứng với đồ án của Thư viện. Khi chúng ta lọt vào phòng bảy cạnh đầu tiên, chúng ta sẽ đi ngay đến một căn phòng không có cửa sổ. Luôn luôn rẽ về tay mặt, sau khi qua hai hay ba phòng, chúng ta sẽ lọt vào tháp phía Bắc, cho đến khi chúng ta đi đến một phòng nữa không có cửa sổ, phía trái, tiếp giáp với phòng bảy cạnh. Về phía phải, phòng đó cho phép chúng ta khám phá lại lộ trình tương tự với lộ trình thầy vừa mô tả, cho đến khi chúng ta đến tháp

phía tây.

- Thừa phải, nếu tất cả các phòng đều có cửa mở sang phòng khác.

- Quả vậy. Thế nên chúng ta sẽ cần sơ đồ của con để đánh dấu lên đó các bức tường không cửa sổ, do vậy chúng ta sẽ biết mình nên rẽ khúc nào. Điều đó sẽ không khó đâu.

Tôi cũng sờ hỏi, vì tất cả dường như quá đơn giản:

- Có chắc rằng sơ đồ này áp dụng được không?

- Sẽ được. Nhưng tiếc thay chúng ta chưa biết hết. Chúng ta mới biết được cách khỏi bị lạc. Bây giờ chúng ta phải tìm hiểu xem có nguyên lý gì chi phối việc sắp xếp sách trong các phòng đó không? Các câu thơ trong Mặc Khải nói lên quá ít, hơn thế nữa, nhiều câu lại được lặp lại giống hệt nhau trong nhiều phòng...

- Thế nhưng trong quyển sách của tông đồ, ta có thể tìm được nhiều hơn năm mươi sáu câu thơ!

- Đúng thế. Nhưng chỉ có một số câu hay. Lạ thật. Hình như có ít hơn năm mươi: ba mươi hay hai mươi câu gì đó... Ồ, đồ con quỷ Merlin!

- Ai vậy?

- Đừng để ý. Đó là một gã phù thủy ở xứ thầy... Người ta dùng số câu thơ tương đương với số mẫu tự! À ra thế! Nội dung câu thơ không đáng kể, chỉ có những mẫu tự đầu là quan trọng. Mỗi phòng được đánh dấu bởi một mẫu tự, và tất cả hợp lại thành một nội dung mà chúng ta phải khám phá.

- Giống như một bài thơ bằng hình ảnh, dưới dạng chữ thập hay con cá!

- Gần như thế, và có lẽ trong thời gian người ta xây Thư viện, loại thơ như thế rất thịnh hành.

- Nhưng bản văn bắt đầu ở đâu?

- Bắt đầu từ bảng hình cuộn lớn hơn các bảng khác, trong phòng bày cạnh ở lối vào tháp... nếu không... À, đương nhiên từ những câu màu đỏ!

- Nhưng có rất nhiều câu như thế!

- Như thế phải có nhiều bản vẽ hay nhiều từ. Bây giờ sao lại sơ đồ của con cho lớn và rõ ràng hơn. Khi chúng ta vào Thư viện, con sẽ lấy bút đánh dấu những phòng đã đi qua, vị trí cửa và tường cùng với cửa sổ, cũng như các mẫu tự đầu của các câu thơ ở đó. Như một nhà minh họa giỏi, con sẽ ghi các mẫu tự màu đỏ lớn hơn.

Tôi thần phục nói: - Tại sao nhìn từ bên ngoài thầy lại giải được bí ẩn của Thư viện, còn khi ở bên trong thì lại không?

- Cũng giống như Thượng đế thông thạo thế giới vì trong đầu Ngài đã nghĩ ra nó, như thể Ngài đứng từ bên ngoài nhìn vào trước khi tạo ra nó. Còn chúng ta không biết nguyên lý của thế giới vì chúng ta sống ở bên trong và thấy nó đã được làm sẵn.

- Như thế, người ta chỉ có thể hiểu được sự việc bằng cách đứng từ ngoài nhìn vào ư?

- Chỉ hiểu được sự sáng tạo của nghệ thuật, nhờ chúng ta vạch lại trong óc việc làm của nghệ nhân. Không thể hiểu được sáng tạo của thiên nhiên, vì những sự sáng tạo ấy không phải là tác phẩm của đầu óc chúng ta.

- Như thế cũng đủ hiểu Thư viện phải không?

- Đủ, nhưng chỉ áp dụng cho Thư viện mà thôi. Chúng ta hãy đi nghỉ đi. Mãi đến sáng mai, khi có kính mới có thể làm cái gì được. Thà ngủ cho ngon rồi mai dậy sớm. Thầy sẽ cố động não.

- Còn ăn tối?

- À, dĩ nhiên là ăn tối. Đã qua giờ ăn rồi. Các tu sĩ đang dự Kinh Tối. Nhưng có lẽ nhà bếp vẫn mở cửa. Hãy đi tìm cái gì ăn chứ..

- Và lấy trộm nó ư?

- Xin. Xin Salvatore, nay là bạn của con.

- Nhưng Huỳnh ấy sẽ ăn cắp!

- Thế con là người canh chừng cho Huỳnh ấy à? – Thầy William mĩa mai hỏi. Nhưng tôi biết thầy đùa và muốn nói rằng Thượng đế vĩ đại và khoan

dung. Thế nên, tôi đi tìm Salvatore và thấy Huỳnh ấy trong chuồng ngựa.

- Một con ngựa đẹp, - tôi nói, gật đầu về phía Brunellus, để bắt đầu câu chuyện – Tôi muốn cỡi nó.

- Không thể được. Nhìn con ngựa kia. Bạn không cần cỡi con ngựa “chiến” như thế - Huỳnh chỉ một con ngựa mạnh khỏe nhưng bị ghét bỏ - Con ngựa kia cũng đủ rồi... Con ngựa thứ ba ấy: Tertius equi.

Huỳnh ấy muốn chỉ cho tôi con ngựa thứ ba. Tôi bật cười vì cách nói La tinh khôi hài của Huỳnh, và Huỳnh bảo sẽ dùng phép biến nó thành một con ngựa khỏe và nhanh như con Brunellus. Tôi ngưng ngang câu chuyện và bảo tối nay, thầy tôi muốn đọc một số sách trong phòng nên cần dùng bữa tối tại đó.

Salvatore nói: - Tôi sẽ làm. Tôi sẽ làm phô-mai nhồi.

- Phô-mai làm thế nào?

- Dễ thôi. Dùng một phô mai đừng quá cũ, đừng cho quá nhiều muối, cắt thành cục hoặc lát tùy thích. Bỏ một ít bơ hoặc mỡ vào chảo, rồi đun nóng trên than hồng. Bỏ vào đó hai miếng phô-mai, khi nó chảy ra, thêm quế và đường. Rồi dọn ra bàn ngay, ăn nó nóng, nóng.

- Vậy thì phô-mai nhồi nhá.

Huỳnh ấy biến vào nhà bếp và bảo tôi đợi. Nửa giờ sau, Huỳnh trở ra, mang theo một cái đĩa có đầy vài. Mùi thơm tỏa ra ngào ngạt.

- Đây, - Huỳnh bảo, và đưa thêm một cây đèn lớn đầy dầu.

- Để làm gì vậy?

Hắn ranh mãnh nói: - Ta mà không biết ư? Có lẽ đêm nay, thầy bạn muốn đi đến một chỗ tối tăm.

Rõ ràng Salvatore biết nhiều việc hơn tôi tưởng. Tôi không chắt vắn gì hơn mà đem thức ăn về cho thầy. Sau khi ăn xong, tôi rút về phòng riêng. Tôi có nói bóng gió như thế. Thật sự tôi muốn đi tìm Ubertino lần nữa, nên len lén trở lại nhà thờ

Chú thích:

- (1) “*Pratica officii inquisitionis heretice pravitatis*”.
- (2) Waldenses: dòng Thanh giáo chống Giáo hội La mã, do Peter Walde thành lập tại miền Nam nước Pháp năm 1170, bị tước phép thông công và đàn áp năm 1184, nhưng vẫn còn tồn tại trong dãy núi Alpes (biên giới Pháp - Ý), người Pháp còn gọi là dòng Vaudois.
- (3) Beghard: một Hiệp hội huynh đệ, thành lập từ thế kỷ 13 ở Bỉ và Hòa Lan.
- (4) Thời đó vẫn chưa biết rằng quả đất tròn.
- (5) Triết gia kiêm nhà vật lý đạo Hồi (1126-1198)

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

SAU KINH TỐI

*Ubertino kể Adso nghe câu chuyện
về Fra Dolcino,
sau đó cậu gặp một trinh nữ xinh đẹp
và đáng sợ như một đoàn hùng binh.*

Tôi gặp Ubertino trước tượng Đức Mẹ đồng trinh. Lặng lặng, tôi đến bên Cha và quỳ xuống vờ cầu nguyện. Rồi tôi đánh bạo cất tiếng:

- Thừa đức cha, xin cha soi sáng và chỉ dạy cho con.

Cha Ubertino nhìn tôi, kéo tôi đứng dậy và dẫn đến ngồi trên một chiếc ghế dài. Cha ôm ghì lấy tôi, khiến tôi cảm thấy hơi thở của người trên mặt. Cha nói:

- Con thân yêu, con người tội lỗi này sẽ hân hoan làm bất cứ điều gì cho linh hồn con. Việc gì đang khiến con ưu phiền? Khao khát ư? – Cha hỏi, như chính Cha đang khao khát vậy, - Khao khát của xác thịt ư?

Tôi đỏ mặt đáp: - Không. Có chăng chỉ là khao khát về trí tuệ, con muốn biết quá nhiều...

- Thế là không tốt. Chúa biết tất cả, chúng ta chỉ được phép chiêm ngưỡng kiến thức của Ngài.

- Nhưng chúng ta cũng phải biết phân biệt thiện ác và thông cảm với những nỗi đam mê của con người. Con nay là tu sinh, nhưng rồi sẽ lên tu sĩ, thành linh mục, nên con phải biết cái ác ở đâu, như thế nào, để có thể một ngày nào đó nhận ra nó và dạy những người khác cách nhận ra nó.

- Đúng đấy, con ạ. Vậy con muốn biết điều chi?

- Thừa Cha, mầm độc của bọn phản giáo, - tôi khẳng định và nói một mạch,
- con đã nghe kể về một kẻ ác đã khiến bao người lầm lạc: Fra Dolcino.

Ubertino lặng người, rồi đáp – Đúng đấy, con đã nghe Sư huynh William và Cha nói về hắn tối hôm nọ. Nhưng đó là một câu chuyện ghê tởm, khiến ta đau lòng phải nhắc lại, vì từ đó có thể rút ra một bài học rằng, lòng khao khát muốn sám hối và thanh lọc thế giới có thể gây ra cuộc tương tàn đẫm máu – Cha nhón mình, nói lỏng vòng ôm, nhưng vẫn còn đặt một tay lên cổ tôi, như muốn truyền đạt sự hiểu biết và nhiệt tình của Cha với tôi. Cha kể:

- Câu chuyện bắt đầu từ trước thời Fra Dolcino, hơn sáu mươi năm về trước, ở Parma, khi Cha còn bé. Một người tên Gherardo Segarelli đi giảng đạo, kêu gào tất cả mọi người sống đời ăn năn. Gã thường đi đây đó rao giảng: “Penitenziagite! Hãy sám hối!” Gã buộc các đệ tử phải bắt chước thánh Tông đồ, tự nhận giáo phái của mình là dòng của các Tông đồ và các tín hữu phải đi khắp thế gian như những hành khất nghèo nàn, sống nhờ của bố thí. Gã và các tín đồ đã bị buộc tội là những bọn du thủ du thực, đã phủ nhận quyền hành của các linh mục, không hành lễ Mi-sa và không làm phép xưng tội.

- Nhưng các tu sĩ Francisco dòng Thánh thần cũng bị buộc tội như vậy. Và chẳng phải các tu sĩ Khất thực ngày nay đã nói rằng, không nên công nhận quyền lực của Giáo hoàng sao?

- Đúng, nhưng phải công nhận quyền lực của các linh mục. Các Cha cũng chính là những linh mục dòng Khất thực. Con ạ, thật khó mà phân biệt những vấn đề này. Lằn ranh giữa thiện và ác rất mỏng manh... Trên một mặt nào đó, Gherardo đã sai lầm và phạm tội phản giáo. Gã xin nhập dòng Khất thực, nhưng các Sư huynh của Cha không chấp nhận. Gã sống một thời gian trong nhà thờ của dòng Cha, thấy trong các bức họa các Tông đồ mang xăng-đan, và quần áo ngang vai. Thế là gã để râu tóc, mang xăng-đan, mặc áo dòng Khất thực, vì bất kỳ ai muốn thành lập một giáo phái mới đều bắt

chước một cái gì đó của dòng Francisco thiêng liêng.

- Thế thì ông ấy thuộc phe chính...

- Nhưng gã có sai trái ít nhiều... khoác một chiếc áo trắng bên ngoài lớp áo dòng trắng, tóc xõa dài, gã nổi danh trong bàn dân thiên hạ như một vị thánh. Gã bán căn nhà nhỏ của mình, gom được ít tiền. Sau đó, gã đứng trên một tảng đá, nơi xa xưa giới chức sắc vẫn thường đến để diễn thuyết. Tay cầm một bọc tiền vàng, gã không gieo hay phân phát cho người nghèo, lại gọi bọn vô lại đang đánh súc-sắc gần đó đến, ném tiền vào chúng và nói: “Ai nhặt được thì lấy”. Bọn này nhặt tiền và đem nướng sạch hết, lại còn báng bỏ Chúa, gã nghe nhưng chẳng xấu hổ gì.

- Nhưng Thánh Francisco cũng từ bỏ tất cả mọi thứ, và hôm nay, con có nghe thầy William nói rằng Người đã giảng đạo cho quạ, điều hâu và cả những người cùi, nghĩa là những thành phần cận bã đã bị những kẻ tự nhận là đạo đức ruồng bỏ..

- Đúng, nhưng Gherardo có phần nào sai. Thánh Francisco không bao giờ mâu thuẫn với Giáo hội, và Thánh kinh dạy phải cho người nghèo, chứ không cho bọn vô lại. Gherardo cho và chẳng nhận được gì đáp lại vì đã cho những bọn xấu. Gã đã khởi sự sai, tiến hành sai và kết cục sai vì Giáo hoàng Gregory X phản đối giáo phái của gã.

Cuối cùng, thiên hạ kể rằng, để thử sức mạnh của ý chí và sự tiết dục của mình, gã ngủ với đàn bà mà không giao cấu. Nhưng khi bọn đệ tử của gã bắt chước thì hậu quả hoàn toàn ngược lại. Ôi, đây là những điều mà một cậu bé không nên biết: đàn bà là cội nguồn của Quỷ sứ. Rồi chúng xâu xé nhau giành quyền lãnh đạo giáo phái, nhiều điều ác xảy ra. Thế nhưng có nhiều người tìm đến Gherardo, không chỉ là nông dân mà cả các thị dân, thành viên trong phường hội. Gherardo bắt họ lột hết quần áo ra để theo Chúa Ki-tô trần trụi rồi phái họ ra đời giảng đạo. Còn gã thì mặc một áo dài trắng sát nách bằng vải thô, trông như một thằng hề chứ không giống người

tu hành! Chúng sống ngoài trời, đôi khi leo lên bực giảng nhà thờ, quấy phá những con chiên ngoan đạo đang dự lễ và xua đuổi các thầy giảng. Có lần chúng còn đặt một đứa bé lên ghế của giám mục ở nhà thờ thánh Orso tại Ravenna. Chúng tự xưng là người kế tục học thuyết của Joachim xứ Floris...

Tóm lại, để con khỏi đau đầu vì những câu chuyện đau buồn rồi ren mà con không thể hiểu rõ, Giám mục Obizzo xứ Parma, cuối cùng đã phải tống giam Gherardo. Đến đây, lại có một chuyện lạ xảy ra, nói lên sự yếu mềm của bản chất loài người và mầm mống của bọn phản giáo xảo quyệt như thế nào. Vì rút cuộc, giám mục lại phóng thích Gherardo, cùng hắn ăn uống, cười đùa, giỡn hớt!

- Nhưng tại sao vậy?

- Cha chẳng hiểu. Nhưng sau đó, Giáo hoàng can thiệp và giám mục trở lại nghiêm trang, đúng mực, còn Gherardo thì chết trên giàn hỏa như một tên phản giáo hỗn xược. Chuyện xảy ra vào đầu thế kỷ mười bốn này.

- Nhưng chuyện này có liên quan gì đến Fra Dolcino?

- Có liên quan chứ, điều này chứng tỏ mầm phản giáo vẫn tồn tại cho dù bọn phản giáo đã bị tiêu diệt. Tên Dolcino là con hoang của một linh mục, sống ở giáo phận Novara, thuộc miền này của nước Ý, nhưng xa hơn về phía Bắc. Hắn là một thanh niên đầu óc sắc sảo, học văn chương. Hắn trộm của linh mục nuôi dưỡng hắn và trốn về thành phố Trent ở phía đông. Tại đó, hắn phục hồi lối giảng đạo của Gherardo, nhưng còn sắc mùi phản giáo hơn, tuyên bố mình là tông đồ chân chính duy nhất của Chúa, và trong tình yêu không có gì là riêng rẽ, người ta được phép ăn nằm chung chạ với mọi phụ nữ mà không bị buộc tội đa thê, cho dù ngủ cả với vợ và con gái...

- Ông ấy quả thực có giảng những điều như thế không, hay chỉ bị buộc tội đó thôi? Con có nghe các tu sĩ dòng Thánh thần, cũng như các tu sĩ xứ Montefalco, đều bị buộc tội tương tự...

- Đủ rồi, - Ubertino gắt gỏng, ngắt lời – Chúng không còn là tu sĩ nữa. Chúng là bọn phản giáo bị Fra Dolcino làm thối nát. Ngoài ra, hãy nghe đây: chỉ cần biết những việc hắn làm sau này cũng đủ để gọi hắn là kẻ ác độc. Chắc chắn rằng hắn bắt đầu giảng đạo tại Trent. Tại đó, hắn quyến rũ một trinh nữ tuyệt sắc, con nhà quý tộc, tên Margaret, cũng có thể là nàng đã quyến rũ hắn, như cô học trò Héloise dụ dỗ thầy giáo Abelardo thế kỷ XII, vì, đừng quên nhé, chính nhờ qua đàn bà mà Quỷ sứ thâm nhập vào trái tim đàn ông. Lúc đó, Giám mục Trent đuổi hắn ra khỏi giáo phận, nhưng khi ấy hắn đã tập hợp được hơn một nghìn tín hữu để bắt đầu một cuộc trường chinh trở lại nơi chôn nhau cắt rốn của hắn. Dọc đường, một số dân chúng nghe giảng đạo bùi tai nên lạc lòng đi theo. Có lẽ cũng có nhiều tên phản giáo dòng Waldenses ở đất Bắc này. Khi đến vùng Novara, Dolcino tìm thấy một thời cơ thuận tiện để dấy loạn, vì các vương hầu cai trị thành phố Gattinara nhân danh Giám mục ở Vercelli đã bị dân chúng đuổi đi để đón tiếp Dolcino và bọn phạm pháp như những đồng minh đáng trọng.

- Câu chuyện thật rắc rối. Dolcino về phe nào?

- Cha không biết. Hắn tự mâu thuẫn với chính mình. Hắn tham gia mọi cuộc xung đột, xem chúng như những cơ hội để thuyết giảng việc chống lại quyền tư hữu nhân danh cái nghèo. Dolcino và hơn ba ngàn tín hữu, đứng trên một ngọn đồi gần Novara, tên là đồi Núi Trọc, dựng chòi và xây công sự chiến đấu... Dolcino cai quản cả đám đàn ông đàn bà đông đúc ấy, lúc ấy sống trong cảnh hoang dã hèn nhất. Từ nơi ấy, hắn gửi thư cho các tín hữu, tán dương học thuyết dị giáo. Hắn miêng nói, tay viết rằng lý tưởng của chúng là cái nghèo, chúng không bị ràng buộc bởi một lời tuyên thệ trung thành bên ngoài nào, và chính hắn, Dolcino, đã được Chúa phái xuống để tiết lộ những lời tiên tri và thông hiểu thánh thư Cựu và Tân Ước. Hắn còn gọi giới tăng lữ thế tục (các thầy giảng và tu sĩ dòng Khất thực) là những nhà thuyết giảng của Quỷ sứ, bảo không ai có bổn phận phải nghe

lời họ. Hẳn tuyên bố Giáo hội La Mã là một con điếm, rêu rao rằng sống không thề nguyện sẽ tốt đẹp hơn, rằng nhà thờ được Giáo hội công nhận thì không khác hơn một chuồng ngựa và chẳng đáng để tới cầu nguyện, rằng người ta có thể thờ phượng Chúa trong rừng hay trong nhà thờ đều được.

- Mọi người đều chống hẳn chứ?

- Cha không biết. Có lẽ hẳn nhận được sự ủng hộ của một số người. Trong khi đó mùa đông đến, mùa đông năm 1305, một nạn đói lan tràn khắp nơi. Trên đồi Núi Trọc, đời sống trở nên quá kham khổ. Chúng đói đến nỗi phải ăn thịt ngựa và các súc vật khác, kể cả rơm luộc. Rất nhiều người chết.

Đến cuối năm 1305, tên thủ lĩnh dị giáo buộc phải rời đồi Núi Trọc, bỏ lại những người bệnh tật chết chóc để dời xuống lãnh thổ Trivero, sống cheo leo trên ngọn núi Zubello, sau được gọi là núi Rebello, vì đó là thành trì của bọn phản loạn chống lại Giáo hội. Dầu sao chẳng nữa, Cha không thể kể cho con hết tất cả mọi chuyện. Đã xảy ra nhiều cuộc thảm sát kinh hoàng, nhưng cuối cùng bọn phản loạn buộc phải đầu hàng. Dolcino và đồng bọn bị bắt và đền tội trên giàn hỏa.

- Kể cả người đẹp Margaret?

Cha Ubertino nhìn tôi: - Thế con cũng nhớ rằng nàng đẹp à? Người ta bảo rằng nàng thật đẹp, và nhiều lãnh chúa địa phương đã cố xin cưới nàng để cứu nàng khỏi bị hỏa thiêu. Nhưng nàng từ chối và ngoan cố chịu chết bên người yêu. Con hãy lấy đó làm bài học: hãy coi chừng con điếm thành Babylon, ngay cả khi nó mang nhan sắc kiêu diễm nhất.

- Thừa cha, con có nghe nói rằng quản hàm của tu viện và có lẽ cả Salvatore nữa đã gặp và theo Dolcino thế nào đó...

- Câm ngay! Chớ ăn nói hàm hồ. Cha đã gặp quản hàm trong tu viện dòng Khất thực. Cha không biết trước đó Huynh ấy ở đâu, nhưng Cha biết Remigio luôn là một tu sĩ tốt, ít ra là, theo quan điểm của chính thống giáo. Còn cái gì xảy ra sau đó, than ôi... thân xác thì yếu mềm...

- Cha có ý nói gì?

- Đây là những điều con không nên biết – Cha lại ôm sát tôi vào lòng và chỉ tượng Đức Mẹ đồng trinh – Con phải được hướng dẫn đến một tình yêu vô nhiễm. Đức Mẹ có nữ tính thiêng liêng, vì thế, con có thể gọi Mẹ là đẹp – Gương mặt Cha đờ đẫn, ngây ngất, như gương mặt Tu viện trưởng khi nói về vàng, ngọc trong những bình thánh – Ngay cả vẻ yêu kiều trên thân thể Mẹ cũng là nét đẹp của thiên đàng, vì thế, nhà điêu khắc đã tạc tượng Mẹ với tất cả nét thanh nhã của một phụ nữ - Cha chỉ lên bộ ngực thon của Mẹ Đồng trinh – Con thấy chưa? Như các nhà thông thái đã nói: Bộ ngực của Mẹ cũng đẹp, nó hơi nhô cao, hơi căng tròn, nhưng không lồ lộ kêu gọi, ngực nén nhưng không xẹp... Thế, con cảm thấy gì trong hình ảnh ngọt dịu nhất này?

Mặt tôi đỏ như gấc, lòng bùng lên như có lửa đốt. Cha Ubertino hẳn đã nhận ra điều đó, hay có lẽ đã liếc nhìn đôi má ửng hồng của tôi, bèn nói thêm ngay... - Nhưng con phải biết phân biệt ngọn lửa của tình yêu siêu nhiên với những rạo rực của xác thịt. Ngay cả đối với bậc thánh cũng vẫn khó nữa.

Tôi run rẩy hỏi: - Làm thế nào để nhận ra được tình yêu chân chính?

- Tình yêu là gì? Trên cõi đời này, Cha ngờ vực tình yêu hơn cả người hay Quỷ, hay bất kỳ thứ gì, vì nó thấm vào tâm hồn hơn mọi thứ. Không một thứ gì hiện hữu lại có sức mạnh chiếm hữu và ràng buộc con tim bằng tình yêu. Do đó, nếu con không có vũ khí chế ngự được nó thì linh hồn say đắm yêu đương của con sẽ lao xuống một vực thẳm bao la. Cha tin rằng nếu không vì Margaret quyến rũ thì Dolcino đã không bị dọa dẫm, và sẽ có ít kẻ bị cuộc dấy loạn cám dỗ hơn, nếu không có cảnh sống phóng túng và lang chạ trên đồi Núi Trọc. Nhớ đấy, Cha nói những điều này với con không chỉ về loại tình yêu xấu xa mà ai cũng phải xa lánh như Ác quỷ. Cha cũng rất dè dặt nói về tình yêu thánh thiện giữa Chúa và người, giữa người và người.

Đời vẫn thường gặp một số người, nam hay nữ, thành tâm yêu nhau, hai bên ấp ủ một tình cảm triu mến đặc biệt, mong ước mãi mãi sống bên nhau, và cùng có chung những khát vọng. Cha thú thật cũng có những tình cảm tương tự như thế đối với những phụ nữ tiết hạnh nhất như Angela và Clare. Dầu sao, điều đó cũng đáng trách, mặc dầu nó thiêng liêng và hướng về Chúa... Ngay cả một tình yêu phát xuất từ tâm hồn, nếu không được trang bị trước và quá nồng nhiệt, thì sẽ sụp đổ hay rối loạn. Ôi, tình yêu có nhiều tính chất: thoát tiên, lòng bồi hồi xao xuyến, rồi đau khổ... nồng ấm lửa yêu thánh thiện, rồi thỗn thức, rên rỉ, như đá ném vào lò để hóa vôi, nó rạn nứt, nóng bỏng.

- Và đó là tình yêu chân chính?

Ubertino vuốt đầu tôi, tôi thấy mắt Cha đầm lệ.

- Phải, cuối cùng đó mới là tình yêu chân chính.

Cha không quàng vai tôi nữa, tiếp:

- Phân loại tình yêu mới khó khăn, khó khăn biết bao! Và đôi khi Quỷ sứ cám dỗ tâm hồn con, khiến con cảm thấy mình như bị treo cổ, tay trói ngoặt sau lưng, mắt bịt kín, đóng đưa trong không trung, nhưng vẫn sống mà không ai giúp đỡ, hỗ trợ, không ai cứu chữa...

Mặt Cha đầm đìa nước mắt và mồ hôi. Cha nói nhanh – Con đi đi. Cha đã kể điều con muốn biết. Bên này là thiên thần ca hát, bên kia là hố sâu của Địa Ngục. Đi đi. Tạ ơn Chúa.

Cha lại nằm soái người trước tượng Mẹ Đồng trinh, rầm rức khóc. Cha đang cầu nguyện.

o0o

Tôi không rời khỏi nhà thờ. Cuộc nói chuyện với Cha Ubertino đã nhen lên

trong hồn xác tôi một ngọn lửa lạ thường và cả một sự bồn chồn khôn tả. Có lẽ vì lý do này nên tôi bỗng nổi hứng muốn phá luật và quyết định một mình quay lại Thư viện. Bản thân tôi cũng chẳng biết mình tìm gì. Tôi muốn tự mình khám phá một nơi chưa ai biết đến. Tôi khoái trá nghĩ mình có thể tự định hướng mà không cần sự giúp đỡ của thầy. Tôi leo cầu thang như Dolcino đã leo lên núi Rebello.

Tay cầm đèn, mắt hầu như nhắm nghiền, tôi lọt vào lò thiêu xương và chẳng bao lâu đã lên đến phòng thư tịch.

Tôi cho đó là một đêm định mệnh, vì khi đang lang thang giữa những dãy bàn, tôi chợt thấy một bản thảo mở ngỏ do một tu sĩ đang chép dở: “*Lịch sử của thủ lãnh dị giáo Fra Dolcino*” (1). Tôi nghĩ, đó là bản của Peter xứ Sant Albano, người đang viết một thiên sử về bọn dị giáo. Do đó, bản thảo đó có nằm trên bàn của Huynh ấy cũng là việc bình thường; thế nhưng tôi lại thấy nó như một dấu hiệu siêu nhiên, dù do trời hay do quỷ tôi cũng chẳng biết, nên liền hăm hở cúi xuống đọc. Bản viết không dài và ở đó ta đọc được những điều Ubertino không kể, những điều rõ ràng được một người chứng kiến toàn bộ thuật lại. Tôi đọc thấy rằng, vào ngày thứ bảy lễ thánh tháng 3 năm 1307, Dolcino, Margaret và Longinus cuối cùng đã bị bắt và đem về thành phố Biella, nộp cho giám mục để chờ quyết định của Giáo hoàng. Giáo hoàng thẳng tay ra lệnh cho giám mục đem xử tử các phạm nhân. Thế rồi, ngày đầu tháng 7 năm đó, bọn dị giáo được giao cho quân đội thể tục. Khi hồi chuông trong thành phố reo vang thì bọn dị giáo được đặt lên một cỗ xe, chung quanh là những người hành quyết, có dân quân theo sau. Chúng bị chở đi khắp thành phố và cứ đến mỗi góc đường lại bị người ta dùng kẹp rục lửa rút từng mảnh thịt. Margaret bị thiêu trước tiên. Mặt Dolcino không hề biến sắc, hấn cũng không hề run rẩy khi bị rút thịt. Cỗ xe tiếp tục lăn bánh. Còn bọn hành quyết thì nung những thanh sắt trong các lò rục than hồng. Dolcino trải qua nhiều nhục hình, nhưng vẫn lặng câm. Khi

người ta cắt mũi, hắt hơi nhún vai và khi họ chặt đứt dương vật, hắt buông ra một tiếng thở dài như rên rỉ. Những lời cuối cùng hắt nói, nghe rất xác xược vì hắt cảnh cáo rằng hắt sẽ sống dậy ba ngày sau. Rồi hắt bị thiêu và người ta đem thả tro bay theo gió.

Tôi run rẩy xếp bản viết lại. Dolcino đã phạm nhiều tội ác nhưng hắt đã bị thiêu quá khủng khiếp. Và tại giàn hỏa, hắt đã xử sự... như thế nào? Với kẻ hiên ngang như một người tử vì đạo, hay vẻ cao ngạo của kẻ bị dọa dẫm?...

Tôi nhớ lại lời Cha Ubertino nói về tình yêu. Hình ảnh của Dolcino lẫn lộn với người đẹp Margaret. Tôi lại cảm thấy nổi bồn chồn ban nãy đã xâm chiếm tôi trong nhà thờ.

o0o

Tôi cố không nghĩ nữa và trực chỉ Mê cung.

Đây là lần đầu tiên tôi vào một mình. Những cái bóng do ánh đèn hắt dài xuống nền nhà khiến tôi kinh hãi chẳng kém gì những hư ảnh đêm nọ. Lúc nào tôi cũng ngay ngáy sợ sẽ đụng đầu một tấm gương khác; những tấm gương có một phép kỳ lạ đến nỗi dù biết chúng chỉ là gương thôi, mình cũng đâm hoảng.

Mặt khác, tôi không cố định hướng hay xa lánh cái phòng xông khói gây ảo giác gì cả. Tôi như người lên cơn mê sảng, chẳng biết mình muốn đi đâu nữa. Thực ra, tôi cũng chẳng đi xa khỏi điểm mấy, vì chỉ một chốc sau, tôi lại thấy mình lọt trở lại phòng bày cạnh đã vào ban nãy. Ở đây, trên chiếc bàn có đặt vài quyển sách, hình như hôm nọ tôi không trông thấy. Tôi đoán có lẽ đó là sách Malachi đem từ phòng thư tịch lên, nhưng chưa kịp xếp vào ngăn tương ứng. Tôi không biết mình cách căn phòng xông khói bao xa, vì tôi cảm thấy ngầy ngật. Đó có thể là do ám khí bay đến chỗ tôi đứng, hay vì

óc tôi bị ám ảnh vì những suy nghĩ ban nãy. Tôi mở ra một quyển sách đầy những minh họa đẹp, và căn cứ theo kiểu cách của nó, thì có lẽ nó từ các chủng viện xứ Ultima Thule.

Trên trang giấy mở đầu phúc âm của Tông đồ Mark, đập vào mắt tôi hình ảnh một con sư tử, nó gợi lên cho tôi đồng thời hai hình ảnh: vừa của Kẻ thù vừa của Chúa, tôi cũng không biết nên hiểu nó theo biểu tượng nào. Toàn thân tôi run lẩy bẩy, vừa vì sợ, vừa vì gió lạnh luồng qua các khe trên tường.

Con sư tử đã làm tôi sợ quá, tôi bèn giở sang các trang khác và mắt tôi dừng lại ở trang mở đầu phúc âm của thánh Mathew, có vẽ một người đàn ông. Tôi không biết sao hình ảnh này còn làm tôi sợ hơn con sư tử. Gương mặt thì của người nhưng lại mặc một áo lễ cứng đờ phủ đến chân, trông như áo giáp, có đính đá quý màu đỏ và vàng. Cái đầu, nhô lên một cách kỳ quặc từ khối áo giáp đầy hồng ngọc và hoàng ngọc, trông giống như bộ mặt của tên sát nhân huyền bí với những dấu vết vô hình mà chúng tôi đang cố tìm kiếm. Rồi tôi hiểu được tại sao mình lại liên hệ hình ảnh con sư tử và người áo giáp này với Mê Cung chặt chẽ như vậy: cả hai minh họa, cũng như tất cả minh họa khác trong quyển sách, đều xuất phát từ cấu trúc của những Mê Cung chẳng chịt; chúng thấy đều có liên hệ đến cái mê hồn trận những phòng, những hành lang nơi tôi đang đứng. Mắt tôi lạc thần trên những trang giấy theo những đường nét sáng ngời, cũng như chân tôi lạc hướng trong những dãy phòng rối mù của Thư viện. Lòng tôi đầy nổi bần chồn khi thấy các bản viết này mô tả con đường lang thang của chính tôi. Tôi tin mỗi cuốn sách, bằng những chuỗi cười bí hiểm, đang kể lại câu chuyện hiện nay của tôi. Tôi tự nhủ đó là “*Câu chuyện ngụ ngôn kể về chính mình*” (2) và không biết những quyển sách đó có chứa sẵn các biến cố tương lai dành cho tôi chưa?

Tôi mở một quyển sách khác. Màu sắc táo bạo, những mảng đỏ trông tựa

máu lửa. Trong quyển sách này, họa sĩ đã nhấn mạnh những đường cong trên thân thể phụ nữ. Tôi so sánh gương mặt, bộ ngực, cặp đùi thon của người phụ nữ với tượng Mẹ Đồng Trinh mà tôi đã ngắm với Ubetino. Đường nét có khác biệt, nhưng tôi thấy hình nhân này cũng rất đẹp. Tôi nghĩ, mình không nên chú tâm vào những khái niệm này nữa, nên lật thêm vài trang. Lại gặp hình đàn bà khác, lần này là con điểm thành Babylon. Thân hình ả không làm tôi ngạc nhiên, mà tôi ngạc nhiên vì thấy ả cũng giống như những người đàn bà khác, thế mà lại là hổ sấu của mọi tội lỗi, còn người phụ nữ kia lại là nguồn cội của mọi phẩm hạnh. Cả hai đều mang thân hình đàn bà, và đôi khi tôi chẳng biết cách nào để phân biệt họ cả. Lòng tôi lại rạo rực. Hình ảnh Mẹ Đồng trinh trong nhà thờ nhập vào hình ảnh người đẹp Margaret. Tôi tự nhủ: “Ta bị dọa rồi! Ta điên rồi”. Và quyết định phải rời Thư viện ngay.

May thay, lúc ấy tôi ở gần cầu thang. Tôi phóng như bay xuống, bắt cháp có bị té hay đổ đèn. Tôi lọt trở lại phòng thư tịch, nhưng không dám nấn ná ở đấy thêm, mà lao xuống cầu thang dẫn vào nhà ăn.

*

* *

Xuống đến đây, tôi ngừng lại, thở hỗn hển. Ánh trăng rực rỡ chiếu qua cửa sổ, nên chẳng cần dùng đèn như khi qua các phòng và lối đi tối tăm trong Thư viện. Tuy vậy, tôi vẫn giữ đèn cháy cho yên tâm. Nhưng tôi vẫn thấy khó thở, nên định uống ít nước để lấy lại bình tĩnh. Vì bếp gần đấy nên tôi đi băng qua nhà ăn rồi nhẹ nhàng mở một cánh cửa dẫn vào gian thứ hai của tầng trệt trong Đại dinh.

Đến đây, thay vì bớt sợ, tôi lại thấy khiếp hãi hơn, vì tôi cảm nhận ngay có

ai đó đang ở trong nhà bếp, gần lò bánh – hay ít ra cũng có một ánh đèn sáng trong góc đó. Hoảng sợ, tôi thối tắt đèn của mình đi. Tôi sợ, nhưng đằng ấy cũng sợ, vì người kia cũng thối đèn ngay. Nhưng vô ích, ánh trăng chiếu vào nhà bếp đủ sáng để soi lên nền nhà trước mặt tôi một vài hình bóng chập chờn.

Tôi sợ điếng người, tiến thoái lưỡng nan. Tôi nghe có tiếng lấp bắp và dường như có tiếng phụ nữ khe khẽ. Rồi từ trong cái đóng hờn độn gần miệng lò, lò mờ hiện ra một bóng đen cục mịch. Hấn phóng ra, chạy ào về phía cánh cửa đang hé mở, rồi đóng sầm nó lại.

Tôi đứng lặng trên ngưỡng cửa giữa nhà ăn và nhà bếp, và còn một vật gì lò mờ gần lò bánh cũng bất động. Một vật lò mờ và nói thế nào nhỉ? – đang rên rỉ. Từ trong bóng tối vọng ra tiếng khóc than, nghe như nghẹn ngào, râm rút sợ hãi.

Cái sợ của người khác khiến kẻ đang sợ can đảm hơn bất kỳ thứ gì khác, nhưng không phải tôi tiến đến cái bóng ấy vì sợ hãi. Đúng hơn, đầu tôi tràn ngập một cảm giác ngây ngất như khi bị ảo giác trong Thư viện. Trong bếp tỏa ra một mùi gì giống giống cái mùi tôi đã hít phải trong Thư viện đêm hôm trước. Có lẽ không phải cùng một mùi, nhưng vì tôi quá căng thẳng nên nó cũng có tác dụng tương tự. Tôi ngửi thấy mùi hăng hắc của đủ loại gia vị làm nhiễm độc màng mũi lẫn cả đầu óc tôi nữa.

Trong khi lý trí tôi hét lên “quay lui”, bảo phải tháo chạy khỏi cái bóng rên rỉ kia, con yêu tinh mà Quỷ đã gọi đến cho tôi; thì trong tiềm thức tôi có một cái gì đó thúc tới, như thể muốn dục phần vào một điều nhiệm mầu.

Thế là tôi đến gần bóng đen và nhờ ánh trăng từ cửa sổ cao, tôi nhận ra đó là một phụ nữ đang run rẩy, một tay ghì chặt cái bọc vào ngực, vừa khóc vừa nhích dần về phía miệng lò.

Cầu Chúa, cầu Mẹ Đồng trinh, và tất cả các thánh thần trên trời phù hộ con thuật lại điều xảy ra khi ấy! Tôi chỉ muốn nói rằng một điều xấu đã xảy ra

và đáng lẽ chẳng nên kể lại, để khỏi làm bàng hoàng cả tôi lẫn bạn đọc. Nhưng tôi đã quyết định phải kể lại toàn bộ sự thật của câu chuyện xa xưa kia. Vậy xin kể hầu các bạn một thanh niên đã rơi vào bẫy của Quỷ sứ như thế nào, để người đời sau nếu có gặp cảnh ấy có thể vượt qua được.

Vâng, đó là một phụ nữ, hay đúng hơn là một thiếu nữ. Vì ít khi được tiếp xúc với người khác phái, tôi không biết nàng độ tuổi bao nhiêu. Chỉ biết nàng rất trẻ, có lẽ khoảng đôi tám đôi chín hay đôi mươi gì đó. Tôi bàng hoàng cảm nhận cái thực thể con người toát ra từ nhân dáng đó. Đây không phải là một ảo giác, và dẫu sao tôi nghĩ đó là một thực thể tốt. Có lẽ vì nàng đang run lẩy bẩy như cánh chim non trong tuyết giá, đang than khóc sợ hãi tôi.

Nghĩ rằng bốn phận của mọi con chiên ngoan đạo là cứu vãn người đồng loại, tôi hết sức nhẹ nhàng tiến đến nàng và dùng tiếng La-tinh trong sáng bảo nàng chớ sợ, vì tôi là bạn chớ không phải là thù, chắc chắn không phải là kẻ thù nàng đang kinh hãi.

Tôi nghĩ có lẽ vì ánh mắt dịu dàng của tôi nên con người ấy đã trấn tĩnh lại và tiến đến tôi. Tôi thấy nàng không hiểu tiếng La-tinh của tôi, nên liền phản xạ nói bằng tiếng Đức bản xứ. Nàng vô cùng hoảng sợ, không hiểu vì những âm thanh đó chói tai, lạ lẫm với dân địa phương vùng này, hay vì những âm thanh tôi phát ra nhắc nàng nhớ lại kinh nghiệm với binh sĩ xứ tôi chẳng? Tôi bèn mỉm cười, nghĩ rằng ngôn ngữ của cử chỉ và nét mặt dễ truyền thông hơn từ ngữ, và thấy nàng lộ vẻ yên tâm. Nàng cũng cười đáp lại và nói vài từ gì đó.

Tôi chỉ hơi hơi hiểu thô ngữ của nàng, nhưng trong giọng nói của nàng, tôi nhận ra những lời ngọt dịu, dường như nàng bảo tôi rằng: “Anh trẻ lắm, anh xinh trai lắm...”. Một tu sinh từ bé đến lớn sống trong chủng viện rất hiếm khi nghe ai nói đến vẻ đẹp của mình. Chúng tôi thường được răn là nhan sắc thì chóng phai và phải xem thường nó. Nhưng kẻ thù thì có vô số cạm

bấy, và tôi thú thật rằng lời khen tôi đẹp trai, dù có xảo trá đi nữa, sao nghe êm tai quá, khiến lòng tôi xao xuyến khôn nguôi. Đặc biệt vì cô gái vừa nói vừa vươn tay ra, các đầu ngón tay nàng mơn trớn đôi má nhẵn nhụi của tôi. Tôi sượng điên lên, nhưng khi ấy trong lòng chẳng cảm thấy một tí gì tội lỗi. Đây chính là sức mạnh của Quỷ sứ khi nó thử thách và muốn đẩy ân đức ra khỏi tâm hồn chúng ta.

Đột nhiên, người con gái hiện ra trước mắt tôi như một trinh nữ đen đúa nhưng xinh đẹp. Nàng mặc một cái áo nhỏ nhắn bằng vải thô đã sờn chỉ, xẻ ngực hơi hở hang, cổ đeo một chuỗi hạt nhỏ bằng đá màu rất tầm thường. Đầu nàng vươn thẳng trên chiếc cổ trắng ngần, mắt nàng trong như nước hồ thu, mũi nàng cao như ngọn tháp Li-băng, tóc màu tím huyền. Những bím tóc rủ xuống như một đàn dê, hàm răng như đàn cừu đi tắm về, tất cả đi sánh đôi, không con nào vượt con nào. Tôi không khỏi trầm trồ: “Trông kia, em xinh tươi, người yêu của anh, trông kia, em đẹp quá. Tóc em như đàn dê nằm dọc theo núi Gilead (3), môi em như sợi chỉ thắm, thái dương em hồng hồng như miếng lựu, cổ em như ngọn tháp của vua David treo hàng ngàn cái khiên”. Vừa sợ hãi vừa mê mẩn, tôi tự hỏi người con gái đang đứng trước mặt tôi là ai mà hiện lên như ánh bình minh, đẹp đẽ như vàng trắng, rạng rỡ như mặt trời và khủng khiếp như thiên binh vạn mã. (4)

Rồi người ấy tiến sát tôi hơn. Nàng ném cái bọc đen thui mà vẫn ôm khư khư trong lòng nãy giờ vào một góc rồi giơ tay vuốt ve gương mặt tôi, và nhắc lại lời ngợi khen ban nãy. Khi tôi còn đang hoang mang không biết nên chạy trốn hay nhích lại gần nàng, đầu còn đang giần giật như thể hồi kèn của Joshua sắp sửa giật sập bức tường Jericho, vừa sợ vừa khao khát chạm vào người nàng, thì nàng đã sung sướng mỉm cười, và ư ử rên lên như một nàng dê cái mãn nguyệt. Nàng tháo dây cổ áo, rồi tuột nó ra khỏi thân, và trần truồng đứng trước tôi như Ê-va đứng trước A-dong trong vườn địa đàng. Tôi thẫn thờ lặp lại những lời đã nghe Ubertino nói: “Bộ ngực thật

đẹp, hơi nhô cao một cách vừa phải” (5), đôi nhũ hoa của nàng, hiện lên như đôi nai tơ đang nhai cỏ trong đám huệ tây thanh khiết, rốn nàng như một cốc rượu đầy ắp, vòm bụng nàng trắng ngần như bột.

Tôi thốt lên: “Ôi bầu trời sáng ngàn sao, ôi ánh lửa khép kín, nguồn cội của những khu vườn, kho báu thơm nức hương hoa và chất xúc tẩm”. Rồi thân tôi quện vào thân nàng lúc nào chẳng biết, người nàng ấm áp, tỏa ra một mùi thơm nồng tôi chưa hề biết. Tôi chợt nhớ câu: “Này các con, khi cuồng si, con người trở nên bất lực”. Cho dù việc đang xảy ra là cạm bẫy của kẻ thù, hay ân đức của Thượng đế đi nữa, tôi chỉ biết mình đang yếu đuối bất lực trước mãnh lực đang thôi thúc. Tôi đành la lên “Ôi ta kiệt sức rồi! Ta hiểu sao mình kiệt sức, nhưng lại không cảnh giác (6). Đôi môi nàng tỏa ra mùi thơm hoa hồng, bàn chân nàng mang dép quai trông đẹp tuyệt, cặp đùi rắn chắc, hai đầu gối là hai viên ngọc, công trình của những nghệ nhân khéo léo. Tôi thâm thì, ôi tình yêu, một giai nhân tuyệt vời, giam giữ cả những vị vua chúa.

Tôi ngã vào lòng nàng, rồi cả hai lăn xuống nền gạch trơn của nhà bếp. Không biết do tôi hay do nàng, chiếc áo dòng tuột khỏi thân tôi, và chẳng ai thẹn thùng nhìn thân thể người kia nữa. Chúng tôi hóa thân vào nhau.

Rồi nàng hôn lên môi tôi, môi nàng ngon ngọt hơn rượu, người nàng thơm ngào ngạt, cổ đeo chuỗi hạt trắng ngần, tai đeo hoa mơn mớn, em xinh đẹp biết bao, này người yêu ơi, em xinh đẹp biết bao, mắt em như mắt bò câu, hãy để anh ngắm gương mặt của em, nghe em nói, giọng em du dương, mặt em quyến rũ, tim anh rộn ràng, hơi người em bé bỏng, vì mắt em, vì râu chuỗi em đeo, môi em mọng, miệng em thơm như sữa ngọt, như mật, hơi thở em thơm mùi táo, ngực em là hai chùy nhỏ, vòm hòng em là rượu nồng ngây ngất thắm vào tim yêu, chảy tràn qua răng môi anh. Nàng là ai, hơi người con gái rạng rỡ như ánh bình minh, thanh khiết như ánh trăng, trong sáng như ánh dương, khủng khiếp như đoàn hùng binh rợp cờ xí?

Lạy Chúa, khi tâm hồn ngây ngất, phẩm hạnh duy nhất là được yêu người mình gặp, hạnh phúc cao cả nhất là nắm được cái hiện hữu... Tôi nghĩ những lời tiên tri cuối cùng đã thành hiện thực, khi nàng đổ trào lên tôi dòng thác ngọt ngào khôn tả, toàn thân tôi dường như biến thành một con mắt, có thể nhìn được phía sau, và tôi đột nhiên nhìn thấy rõ vạn vật chung quanh. Tôi hiểu rằng từ tình yêu đã phát sinh sự hợp nhất, sự dịu dàng, điều thiện, nụ hôn và sự viên mãn, như tôi đã từng nghe nói nhưng lại tưởng nói đến điều gì khác. Khi gần đến đỉnh khoái lạc, tôi thoáng nhớ rằng có lẽ đêm đó tôi đã bị con Quỷ dâm dục hớp hồn, con Quỷ bị đọa nay đã hiện nguyên hình quỷ quái trước một linh hồn đang ngây ngất hỏi: “Mi là ai” mà biết cách cướp linh hồn ta, cám dỗ thân xác ta. Nhưng tôi lập tức tin rằng điều tôi đắn đo mới chính thực quỷ quái, vì chẳng có gì tốt đẹp, thiêng liêng hơn điều tôi đang trải nghiệm, mà sự ngọt ngào cứ mỗi phút lại trào dâng thêm...

Giờ đây, khi viết lại những dòng này, miêu tả cái giây phút khoái cảm ấy mà tôi đã trải qua, tái sinh nó trên mảnh da này tay tôi còn run rẩy. Thôi, chúng ta hãy quay về với sứ mệnh thuật các sự kiện trong ngày, và tất cả nỗi bàng hoàng mình đã trót đắm chìm vào. Đây, tôi đã kể các bạn nghe điều tôi nhớ lại vào dịp đó và đã để ngòi bút yếu mềm của tôi, người viết sử trung thành và chân thực, ngừng lại.

Tôi nằm, bên cạnh cô gái không biết trong bao lâu. Tay nàng xoa nhẹ nhẹ lên thân thể đầm mồ hôi của tôi. Lòng tôi lâng lâng bồi hồi, như ánh lửa cuối cùng chập chờn tắt dần dưới đồng tro tàn, khi lửa ngọn đã tàn lụi. Tôi sẽ chẳng ngại ngần gọi một người được ban cho một kinh nghiệm tương tự như thế trong đời là một người hạnh phúc, mặc dù khoảng khắc này rất chóng vánh và hiếm hoi. Như thể mình không còn tồn tại, mình không biết mình là ai, mình cảm thấy thấp kém và gần biến vào hư vô. Cả tâm hồn tôi bị lôi cuốn đến nỗi đánh mất trí nhớ trong niềm hoan lạc; hẳn là sự rạng rỡ

của vàng thái dương vĩnh cửu, niềm vui phát sinh từ đó khiến con người rộng mở, cao cả, phóng khoáng, còn vết nứt rộng mở mà con người mang trong chính mình sẽ chẳng còn khép lại dễ dàng nữa, vì đó là vết chém của guơm ái tình, và hạ giới này không có gì ngọt ngào và khủng khiếp hơn. Lòng đắm chìm trong niềm vui khôn tả, tôi ngủ thiếp đi.

o0o

Hồi lâu sau, tôi mở mắt ra và ánh trăng đã mờ hơn, có lẽ bị mây che. Tôi duỗi tay ra nhưng không thấy cô gái đâu cả. Tôi quay đầu lại, nàng đã ra đi. Khi người con gái đã thỏa mãn dục vọng và khao khát của tôi đi rồi, tôi mới bất ngờ nhận thấy dục vọng của mình là phù phiếm và nỗi khao khát là sa đọa. “Sau cuộc giao hoan, mọi thú vật đều thấy buồn” (7). Tôi biết mình đã phạm tội. Giờ đây sau bao nhiêu năm than van cay đắng sự lầm lạc của mình, tôi vẫn không tài nào quên đêm ấy tôi đã sung sướng biết bao và đối với Đảng Toàn năng, người đã tạo ra một điều tốt đẹp, tôi sẽ sai trái nếu không công nhận rằng giữa hai kẻ phạm tội đó đã xảy ra một việc mà chính bản chất nó cũng tốt đẹp. Có lẽ tuổi già hiện nay khiến tôi thấy then thùng nhớ lại thuở thanh xuân tươi đẹp của mình. Đáng lẽ tôi phải hướng suy nghĩ của mình vào cái chết đang gần kề. Ngày ấy, còn là thanh niên, tôi đã không nghĩ đến cái chết, mà tôi khóc ngất đi vì tội lỗi của mình.

Tôi run rẩy đứng dậy, vì đã nằm quá lâu trên nền đá lạnh trong nhà bếp nên toàn thân tôi tê cứng. Tôi mặc quần áo vào, rồi lên cơn sốt. Tôi liếc vào góc, nhìn thấy cái bọc mà cô gái đã để lại khi bỏ chạy. Tôi cúi xuống xem xét: nó là một bọc vải, dường như lấy từ nhà bếp. Tôi mở ra, thoát đầu không biết có gì ở bên trong, phần vì ánh sáng lờ mờ, phần vì hình thù mơ hồ của vật đó. Rồi tôi hiểu ra. Trước mắt tôi, giữa những cục máu và miếng thịt

nhầy nhụa trắng trắng, hiện ra một quả tim to tướng, tuy chết rồi, nhưng những mạch máu rõ rệt vẫn còn thoi thóp đập.

Mắt tôi tối sầm lại, miệng đắng nghét. Tôi thét lên và ngã gục xuống.

Chú thích:

(1) “*Historica fratris Dulcini Heresiarche*”

(2) “*De Ta Fabula Narratur*”

(3) Ngọn núi ở nước Jordan, phía đông bắc Biển Chết.

(4) “*Terribilis ut castrorum acies ordinata*”

(5) “*Pulchra sunt ubera quae paululum supereminet et tument modice*”

(6) “*O langueo, causam languoris video nec caveo!*”

(7) “*Omne animal triste post coitum*”

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

ĐÊM

*Adso đau khổ xưng tội với thầy William,
suy ngẫm về thân phận đàn bà
trong công cuộc tạo hóa.*

Sau đó cậu phát hiện ra một tử thi.

Tôi tỉnh dậy thấy có người đang đắp nước lên mặt tôi. Đây là thầy William, tay cầm đèn. Thầy đã kê dưới đầu tôi một vật gì đó.

- Chuyện gì thế, Adso? Ban đêm con đi lang thang ăn cắp đồ lòng trong nhà bếp à?

Tóm lại, thầy William thức dậy, tìm không thấy tôi bèn nghi tôi sắp thực hiện một việc liều lĩnh nào đó trong Thư viện. Khi men theo nhà bếp về phía Đại dinh, thầy thấy một bóng đen thoát ra khỏi cửa, chạy về phía vườn rau (chính là cô gái đang bỏ trốn, có lẽ vì nàng nghe có người đến). Thầy cố muốn biết đó là ai, liền chạy theo, nhưng bóng đen đã lao về phía bức tường ngoài và biến dạng. Sau khi lục soát mọi nơi, thầy William vào nhà bếp và thấy tôi đang ngất xỉu.

Vẫn còn hoảng sợ, tôi nói với thầy về cái bọc chứa quả tim và lúng búng suy diễn thêm về một án mạng khác thì thầy phá lên cười:

- Adso ơi, ai lại có trái tim to như thế? Đó là tim bò. Hôm nay, họ có mổ một con. Làm sao con có quả tim này?

Đến đây, lòng tràn đầy ăn năn và sợ hãi, tôi òa lên khóc và xin thầy làm phép xưng tội. Thầy nhận lời và tôi thú hết, không giấu gì cả.

Thầy William lắng nghe tôi xưng tội từ đầu đến đuôi, lộ vẻ khoan dung. Khi

tôi thú xong, thầy nghiêm nghị bảo:

- Adso, quả thật con đã phạm tội ngược lại điều răn cấm giao hợp, và cũng ngược lại với bốn phận của một tu sinh. Con chỉ có một lý do để bào chữa là con đã rơi vào một tình huống mà ngay cả thánh cũng phạm tội. Thánh kinh đã nói nhiều về tội cám dỗ của đàn bà. Hàng Giáo phẩm đã nói: đàn bà như lửa cháy, còn sách cách ngôn, trong kinh Cựu ước có viết: đàn bà chiếm lấy linh hồn quý giá nhất của đàn ông và làm hư hỏng những con người mạnh mẽ nhất... Điều thầy muốn nói với con, Adso ạ, là đương nhiên con không được phép tái phạm nữa, nhưng nếu con đã lỡ phạm tội thì cũng không đến nỗi gớm ghiếc lắm đâu. Một tu sĩ cũng nên trải nghiệm qua đam mê xác thịt, ít nhất là một lần trong đời, để về sau, có thể khoan dung và thông cảm với những kẻ phạm tội mà mình sẽ an ủi và khuyên nhủ... thế đấy, Adso ạ, đó là việc ta không mong cầu trước khi nó xảy ra, nhưng nếu nó đã lỡ rồi thì chớ nên nguyên rủa nó quá. Thế nên hãy đến với Chúa và đừng bàn thêm gì về việc ấy nữa. Chớ nên suy nghĩ, đeo đẳng mãi một việc mà ta nên quên... - Đến đây, giọng thầy như dịu xuống vì một xúc cảm riêng. – Nếu có thể, hãy bàn xem sự kiện đêm qua có ý nghĩa gì? Cô gái ấy là ai và đến đây để gặp người nào?

- Con không biết, con không trông thấy người ở bên nàng.

- Đúng, nhưng chúng ta có thể suy từ nhiều dữ kiện chắc chắn để biết kẻ ấy là ai. Thứ nhất, kẻ ấy phải già và xấu, một người mà cô gái không hoan hỉ đến gần, đặc biệt, nếu như cô ta đẹp như con tã, dù thầy nghĩ rằng con sói nhỏ của thầy ăn món gì cũng thấy ngon cả.

- Tại sao lại già và xấu hử thầy?

- Vì cô gái không đến với kẻ ấy vì tình yêu mà vì một gói thức ăn thừa. Cô ta hẳn là một thôn nữ, vì đói đã đến đây, có lẽ không phải là lần đầu, để bán thân cho tu sĩ dân dục nào đó để đổi lấy miếng ăn cho bản thân và gia đình.

- Một gái điếm à! - tôi hoảng sợ kêu lên.

- Một gái quê nghèo thôi, Adso ạ. Có lẽ cô ấy còn đàn em thơ phải nuôi. Một cô gái, mà nếu có điều kiện, sẽ dâng hiến cho tình yêu chứ không phải dục vọng, như cô đã làm đêm nay vậy. Quả thực, con đã kể rằng nàng bảo con trẻ đẹp, và vì tình yêu đã tặng không con cái mà cô ta có thể dùng để đổi lấy một quả tim hay vài cái phổi bò. Cô ta cảm thấy cao cả và đạo đức vì món quà mà mình đã tự hiến quá, đến nỗi bỏ chạy mà chẳng lấy theo thứ gì để đổi chác cả. Do đó, thầy mới nghĩ rằng người mà cô ấy đã so sánh với con không thể trẻ và đẹp trai được.

Tôi thú thật rằng dù lòng rất đổi ăn năn, lời thầy giải thích vừa rồi khiến tôi vô cùng tự hào. Tôi yên lặng nghe thầy nói tiếp:

- Tu sĩ già nua, xấu xí ấy phải có cơ hội xuống làng tiếp xúc với nông dân vì một công việc gì liên quan đến chức vụ của mình. Hắn phải biết cách đưa người ra vào tu viện, và biết trong nhà bếp có bộ đồ lòng ấy. Cuối cùng, hắn hẳn phải có tính tiết kiệm, không muốn nhà bếp mất đi những thức ăn bổ béo hơn: nếu không, hắn đã đưa cho cô gái một miếng thịt bíp-tếch hay một miếng thịt nào ngon lành đã lọc lựa. Thế là con thấy hình ảnh của một người lạ mặt hiện lên rất rõ, và tất cả những đặc tính này đều thích hợp với một người mà thầy chẳng ngại ngần chi mà không định tên: Đó là viên quản hầm Remigio của chúng ta. Còn nếu ta lầm, đó là con người bí ẩn Salvatore, người xuất thân từ địa phương này nên có thể nói chuyện dễ dàng với dân trong vùng và biết cách thuyết phục cô gái làm theo ý mình, nếu con không đến.

Tôi hài lòng nói: - Tất cả đều đúng cả, nhưng giờ đây chúng ta biết được kẻ đó thì có ích gì chẳng?

- Không, có ích rất nhiều. Câu chuyện trên có thể có hay không có liên hệ với các án mạng mà chúng ta đang quan tâm. Mặt khác, nếu quản hầm là một tu sĩ dòng Dolcino, thì gốc gác của gã sẽ giải thích cho hành động này, và ngược lại. Cuối cùng, chúng ta biết được rằng tu viện này là nơi hay xảy

ra nhiều biến cố kỳ quặc về đêm. Và ai có thể nói chắc rằng quản hàm của chúng ta, hay Salvatore, những kẻ đi lại dễ dàng trong tu viện vào ban đêm, lại không biết nhiều điều liên quan đến các biến cố, nhưng chưa nói ra?

- Họ sẽ kể cho chúng ta biết chứ?

- Không, nếu chúng ta thông cảm bỏ qua cái xấu của họ. Nhưng, nếu chúng ta thực sự muốn biết điều gì, chúng ta có cách thuyết phục họ nói. Nói khác đi, khi cần, quản hàm và Salvatore là những người ta có thể dùng, xin Chúa tha cho chúng con tội lừa lọc này, cũng như Ngài đã tha thứ nhiều tội khác nữa – Thầy tinh quái nhìn tôi, và tôi không có lòng dạ nào để bình luận các quan điểm đúng của thầy.

- Chúng ta nên về ngủ, vì còn một canh nữa là đến Kinh sớm. Nhưng Adso ạ, thầy thấy con vẫn còn ray rứt, sợ sệt vì tội lỗi của con... Chẳng có gì tốt hơn là vào nhà thờ cầu nguyện một lát để trấn an tinh thần. Thầy đã giải tội cho con, nhưng chưa chắc đã được. Hãy đến xin Chúa chứng nhận – Rồi thầy đánh nhẹ lên đầu tôi, có lẽ vừa tỏ lòng triu mến cha con đầy cương nghị vừa trừng phạt rất khoan dung. Hay có lẽ, thầy thêm muốn được như tôi, vì thầy là con người khao khát những kinh nghiệm mới lạ và sống động. Chúng tôi trực chỉ nhà thờ theo lối cũ. Tôi nhắm mắt vội vã theo thầy, vì đêm đó những bộ xương nhắc nhở tôi quá hiển nhiên về thân phận cát bụi của mình và niềm tự hào về xác thịt là ngu xuẩn biết bao.

Khi đến gian giữa của giáo đường, chúng tôi thấy một bóng người trước bàn thờ chính. Tôi tưởng đó là Ubertino, nhưng hóa ra lại là Alinardo. Thoạt tiên Huynh không nhận ra chúng tôi, Huynh nói không ngủ được nên định thức đêm để cầu nguyện cho một tu sĩ trẻ vừa mất tích (Huynh thậm chí cũng không nhớ tên). Huynh cầu nguyện cho linh hồn Huynh ấy, nếu đã chết và cho thân xác, nếu đang nằm bệnh hoạn, cô đơn đâu đó. Huynh nói:

- Nhiều người chết quá, nhiều quá... Nhưng điều này đã được ghi trong Phúc âm. Hồi kèn thứ nhất vang lên thì mưa đá đổ xuống. Hồi kèn thứ hai,

một phần ba biến hóa máu. Các con đã tìm thấy một xác chết trong mưa đá, một xác khác trong máu... Hồi kèn thứ ba báo hiệu rằng, một ngôi sao bùng cháy sẽ rơi xuống phần thứ ba của sông hồ. Này nhé, người tu sĩ thứ ba của chúng ta đã mất tích. Hãy sợ cho người thứ tư, vì phần thứ ba của mặt trời, mặt trăng và tinh tú, sẽ bị đập nát và trời sẽ tối đen như mực...

Khi ra khỏi cánh ngang của nhà thờ, thầy William tự hỏi không biết trong lời tu sĩ già ấy có chứa đựng sự thực nào không? Tôi vạch rõ:

- Nhưng nói như thế có nghĩa là cho rằng đầu óc quỷ quyết của kẻ nào đó đã theo lời sách Mặc Khải để sắp xếp ba cái chết. Nói như thế cũng cho rằng Berengar đã chết! Nhưng ngược lại, chúng ta biết Adelmo đã tự tử chết...

- Đúng. Nhưng cái chết của Adelmo có lẽ đã gợi ý cho chính đầu óc quý quái, bệnh hoạn đó cách sắp xếp hai cái chết sau theo một biểu tượng nào đó. Nếu thế, người ta sẽ tìm thấy Berengar trong một con sông hay dòng suối. Còn trong tu viện thì không có sông, suối nào để người chết đuối cả...

- Chỉ có nhà tắm thôi, - Tôi bất thần nhận xét.

- Adso! Nè, đó có thể là ý hay đây. Nhà tắm!

- Nhưng chắc họ đã tìm ở đó rồi...

- Sáng nay, thầy thấy các tôi tớ đi lùng kiếm, họ mở cửa phòng tắm nhưng chỉ liếc nhìn vào mà không xem xét kỹ lưỡng. Họ không nghĩ sẽ tìm thấy một vật được dấu kỹ, mà chỉ tìm kiếm một thân người nằm kẹt cõm ở đâu đó, như xác Venantius trong vại máu vậy... chúng ta đến đó xem đi. Trời còn tối, nhưng đèn chúng ta vẫn rạng lắm.

Thế là chúng tôi đi, ung dung mở cửa vào nhà tắm, cạnh bệnh xá.

Những tấm màn dày ngăn các bồn tắm với nhau, tôi không nhớ có bao nhiêu. Các tu sĩ tắm gội ở đây, còn Severinus dùng nó như một phương pháp trị liệu, vì không có gì bồi dưỡng thể xác và tinh thần tốt hơn đi tắm. Trong góc có xây một lò sưởi để dễ dàng đun nước. Trong lò có tro mới và phía trước là một nồi lớn nằm đồ nhào. Nước có thể lấy từ bồn ở góc kia.

Chúng tôi nhìn vào những bồn tắm trống đầu tiên. Chỉ có bồn tắm cuối cùng có kéo màn là đầy nước, cạnh bồn là một đồng áo quần. Thoạt nhìn, dưới ánh đèn, mặt nước trông phẳng lì, nhưng khi đèn soi gần hơn, chúng tôi thoáng thấy một xác chết trần truồng dưới đáy bồn. Chúng tôi từ từ kéo xác ra: Berengar. Thầy William nói xác này quả thật có bộ mặt của người chết đuối. Mặt mũi chường phù. Thân hình trắng bệch và nhão nhẹt, không có lông, trông như thân thể một phụ nữ trù bộ phận sinh dục gớm ghiếc ỉu sùi. Tôi đỏ mặt, rùng mình. Tôi làm dấu thánh giá còn thầy William làm phép trên xác.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

NGÀY THỨ TƯ

KINH NGỌI KHEN

*William và Severinus
khám nghiệm tử thi Berengar,
phát hiện lưỡi bị đen,
đó là điều lạ
đối với một người chết đuối.
Rồi họ bàn luận về các loại
độc dược gây đau đớn nhất,
và một vụ trộm trong quá khứ.*

Tôi sẽ không tả lại chúng tôi đã báo cho Tu viện trưởng như thế nào, toàn tu viện đã thức dậy trước giờ hành lễ ra sao, những tiếng thét kinh hoàng, nỗi sợ hãi và đau buồn hiện lên mọi khuôn mặt, tin dữ đã lan đến khắp mọi người trong khu ra sao, các tôi tớ làm dấu thánh giá và đọc chú trừ tà. Tôi không biết buổi Kinh Sớm có tiến hành như thường lệ hay không và có ai dự lễ. Tôi đi theo thầy William và dược thảo sư Severinus, hai người đã sai bọc xác Berengar lại và đem đặt lên bàn, trong bệnh xá.

Khi tu viện trưởng và các tu sĩ khác đã đi khỏi, dược thảo sư và thầy tôi khám nghiệm tử thi kỹ lưỡng với vẻ điềm tĩnh của những người làm nghề thầy thuốc. Severinus nói:

- Chắc chắn Huynh ấy đã chết đuối. Mặt sưng, bụng căng...
- Nhưng Huynh ấy không bị người khác trấn nước. Vì, nếu thế thì Huynh ấy

phải chống lại kẻ sát nhân, thế nhưng mọi thứ đều gọn gàng, sạch sẽ cứ như thể Berengar đã đun nước đổ vào bồn và tự nằm vào.

- Tôi chẳng lạ gì. Berengar mắc chứng co giật, và chính tôi thường khuyên Huynh ấy tắm nước ấm để xoa dịu tinh thần và thể xác. Nhiều lần Huynh ấy đã xin phép tôi đốt lò trong nhà tắm. Vì thế, đêm qua Huynh ấy đã...

- Đêm hôm kia, vì xác này, như Huynh thấy, đã ở trong nước ít nhất một ngày...

Thầy William kể cho được thảo sư một số diễn biến đêm hôm đó, Thầy không kể việc chúng tôi lén lút vào phòng thư tịch, nhưng có kể đã theo dõi một bóng người bí ẩn, kẻ đã giật mất quyển sách của chúng tôi. Severinus hiểu thầy William chỉ kể một phần sự thật nhưng không hỏi thêm. Huynh nhận xét rằng, nếu Berengar chính là kẻ trộm bí ẩn đó thì có thể vì bồn chồn nên đã đi tắm cho tỉnh. Berengar là một người rất nhạy cảm. Đôi khi, vì bức bối hay xúc động, Huynh ấy thường run lên, toát mồ hôi lạnh, mắt trở ra, ngã xuống nền gạch và sùi bọt mép trắng xóa. Thầy William nói:

- Dẫu sao, trước khi đến nhà tắm, Huynh ấy đã đến một nơi nào khác, vì tôi không tìm thấy quyển sách bị mất trộm ở đây. Như thế, Huynh ấy đã đến một nơi, sau đó, để xoa dịu sự căng thẳng, và có lẽ để tránh sự lúng túng của chúng tôi, Huynh ấy mới lên vào nhà tắm và trằm mình trong nước. Severinus ạ, Huynh có tin rằng bệnh tật của Berengar có thể khiến Huynh ấy ngất đi và chết đuối không?

- Có thể - Severinus nói, giọng ngờ vực. Nãy giờ, Huynh ấy vẫn xem xét đôi tay của tử thi. Huynh nói: - Một điều kỳ lạ...

- Điều gì?

- Hôm nọ, khi xem xét đôi tay của Venantius lúc đã lau sạch máu, tôi có để ý thấy một chi tiết mà tôi không chú tâm lắm. Đầu hai ngón của bàn tay mặt bị bầm tím, như thể bị đánh một chất màu đen gì đó. Huynh thấy không, cũng giống hệt như hai đầu ngón tay của Berengar bây giờ. Nói chính xác

thì ta cũng thấy có dấu vết như vậy trên ngón giữa. Lúc ấy, tôi nghĩ tay Venantius đã dính một loại mực gì đó trong phòng thư tịch...

- Lý thú nhỉ! – Thầy William trầm tư nói, nhìn sát đầu ngón tay của Berengar hơn nữa.

Bình minh đang ló dạng, ánh sáng trong phòng còn yếu ớt, và thầy tôi hẳn rất khó chịu vì mất kính. Thầy lặp lại: - Lý thú thật. Nhưng cũng có những vết mờ trên bàn tay trái, ít ra là trên ngón cái và ngón trỏ.

- Nếu chỉ bên tay mặt thì người đó có lẽ đã cầm một vật gì nhỏ, dài và mảnh...

- Như một cây bút chẳng hạn. Hay một thức ăn nào đó. Một côn trùng. Một con rắn. Một cái chân lọ. Hay một cây gậy. Quá nhiều thứ. Nhưng nếu tay bên kia cũng có dấu, thì nó cũng có thể là một cái cốc: tay phải giữ chặt và tay trái dùng ít sức hơn đỡ nó...

Severinus chà nhẹ lên các ngón tay của xác chết, nhưng vết tím đen không tan đi. Tôi để ý thấy Huynh có đeo một đôi găng tay thường sử dụng khi tiếp xúc với các độc chất! Huynh hít hít, nhưng không ngửi được mùi gì.

- Tôi có thể kể tên vài thảo chất, và cả khoáng chất nữa, thường để lại những dấu vết như thế này. Vài loại gây chết người, những loại khác thì không. Các tu sĩ minh họa đôi khi bị dính bụi vàng trên các ngón tay...

Thầy William nói: - Adelmo là một tu sĩ minh họa. Tôi thấy dù xác Adelmo bị tan nát như vậy, nhưng Huynh lại không nghĩ đến chuyện xem xét các ngón tay của tử thi. Nhưng ngón tay của những xác chết khác, có lẽ đã sờ vào một vật gì đó thuộc về Adelmo.

- Tôi thực không biết. Ngón tay của cả hai người chết đều tím đen. Huynh có thể suy diễn gì từ đó?

- Tôi không suy diễn gì cả: từ hai sự kiện giống hệt nhau, không thể suy diễn ra một trường hợp đặc biệt. Cả hai trường hợp đều ứng với một nguyên lý chung. Thí dụ: có một chất làm tím ngón tay mỗi khi ai chạm vào nó...

Tôi đặc chỉ thốt lên phần hợp đề của tam đoạn luận: - ...Ngón tay của Venantius và Berengar đều tím đen, vậy họ đã chạm vào chất đó!

Thầy William nói: - Giỏi đấy, Adso, tiếc thay tam đoạn luận của con không đứng vững, vì tiền đề hai của nó không được tổng quát (1). Đó là dấu hiệu cho thấy chúng ta chọn tiền đề một không hay lắm. Đáng lẽ, không nên nói rằng những ai chạm vào một chất nhất định nào đó sẽ bị tím các ngón tay, vì cũng có những người tay bị tím nhưng không chạm vào chất đó. Thầy nên nói rằng, tất cả những ai và chỉ những ai ngón tay bị tím đen thì mới chắc hẳn đã chạm vào chất nói trên, thí dụ như Venantius, Berengar, v.v...

Tôi hí hửng nói: - Vậy là chúng ta có giải đáp rồi.

- Than ôi, Adso, con quá tin tưởng vào tam đoạn luận. Cái mà ta có, chỉ đơn thuần là một câu hỏi. Đó là, chúng ta thử nêu lên một giả thuyết rằng Venantius và Berengar cùng chạm vào một chất, một giả thuyết hoàn toàn hữu lý. Nhưng, khi ta tưởng tượng ra một chất duy nhất có khả năng gây ra hậu quả này, chúng ta vẫn chưa biết chất đó là gì, tìm thấy ở đâu và sao lại chạm vào nó. Nhớ nhé, chúng ta cũng không biết cái chất họ chạm vào đó đã giết hại họ hay không? Giả sử một thằng điên muốn giết tất cả những ai chạm vào bụi vàng. Liệu chúng ta có thể nói bụi vàng giết người không?

Tôi nản lòng. Tôi luôn tin rằng luận lý là một vũ khí đa năng, còn bây giờ tôi nhận thức được giá trị của nó tùy thuộc vào cách sử dụng.

Severius chắc chắn không phải là nhà luận lý học, nên lúc đó ông dùng suy luận trên cơ sở kinh nghiệm của mình: - Thuộc độc thì nhiều và đa dạng như những điều nhiệm màu của thiên nhiên – Huynh nói, chỉ tay vào một loạt lọ và ống xếp gọn gàng trên những kệ dọc theo tường, cùng với nhiều bộ sách. – Như tôi đã thưa chuyện cùng Huynh trước đây. Những loại dược thảo này, khi được pha trộn và cho dùng đúng cách, có thể sử dụng như thức uống và dầu thoa chết người. Ở đằng kia, các loại cây độc cần, cây cà dược, có thể gây ra chứng ngái ngủ hay kích thích, hay cả hai: nếu dùng cần

thận chúng là thần dược, nếu dùng quá độ sẽ gây chết người.

- Nhưng không có chất nào trong số này để dấu trên ngón tay chó?

- Tôi nghĩ là không. Có những chất chỉ nguy hiểm khi ăn vào bụng, còn những chất khác lại tác động lên da... Có một lần người ta cho tôi xem một hợp chất, khi thoa vào đùi trong của con chó, gần sát bẹn, sẽ làm con vật quần quai chết ngay, bốn chân dần dần cứng đờ lại...

- Huynh biết nhiều về độc chất quá, - thầy William nói, giọng thán phục.

Severinus nhìn chăm chăm vào mắt thầy một chốc - Tôi biết những gì một y sĩ, dược thảo sư, người nghiên cứu khoa học về sức khỏe con người phải biết.

Thầy William nghĩ ngợi một hồi, rồi nhờ Severinus cạy miệng xác chết để nhìn lưỡi. Severinus hiểu kỳ lấy ra một cái đèn lưỡi mỏng, làm theo lời thầy. Huynh ấy kinh ngạc thốt lên: - Lưỡi đen thui!

Thầy William thăm thì: - Ra thế, Huynh ấy đã dùng ngón tay nắm một thứ gì đó rồi nuốt nó vào bụng... Điều này loại trừ những chất độc gây chết người bằng cách ngấm vào da, như Huynh vừa nói. Nhưng như thế không làm việc suy diễn của chúng ta dễ hơn. Vì từ nay, đối với Berengar và Venantius, chúng ta phải suy đoán họ có một hành động tự nguyện. Họ nắm một thứ gì đó và nuốt nó vào miệng và hiểu được điều họ đang làm...

- Một thứ để ăn? Để uống?

- Có thể. Hay cũng có thể... à, tại sao không nhỉ?... là một nhạc cụ giống như ống sáo chẳng hạn...

- Vô lý.

- Dĩ nhiên là vô lý. Nhưng chúng ta không được loại trừ một giả thuyết nào, dù nó có hoang đường mấy đi chăng nữa. Giờ, hãy quay lại đề tài độc chất. Nếu có một kẻ biết rõ về thuốc độc như Huynh, đột nhập vào đây và lấy các dược thảo của Huynh, liệu hắn có thể chế ra một loại dầu thoa gây chết người, có khả năng để lại những vết tím đen trên đầu ngón tay và lưỡi được

không? Hay chất ấy có thể được trộn với đồ ăn, thức uống, bôi lên muông, hay một vật gì đó để đút vào miệng không?

Severinus công nhận: - Được, nhưng ai kia chứ? Hơn nữa, dẫu chúng ta chấp nhận giả thuyết này, làm sao kẻ ấy có thể đưa thuốc độc cho hai sư huynh xấu số?

Thành thực mà nói, tôi không thể hình dung Venantius hay Berengar lại để một kẻ nào đó đến gần, trao cho họ một chất bí ẩn nào đó và thuyết phục họ hãy ăn hay uống nó đi. Nhưng thầy William dường như không nao núng trước điều vô lý này, bèn nói: - Chúng ta sẽ nghĩ đến nó sau. Bây giờ tôi muốn Huynh cố nhớ lại một sự kiện gì đó mà có lẽ Huynh đã quên rồi. Thí dụ: như có ai đó đã hỏi Huynh về các loại dược thảo, có ai có thể lọt vào bệnh xá một cách dễ dàng...

Severinus cắt ngang: - Khoan đã. Cách đây nhiều năm, tôi có cất giữ một chất cực mạnh trên kệ đó. Chất này do một sư huynh từ phương xa đến cho tôi, Huynh ấy không thể kể các thành phần trong chất đó, dĩ nhiên bằng dược thảo thôi, nhưng có vài loại hơi lạ. Nhìn thì nó nhòn nhòn và có màu vàng vàng, nhưng Huynh ấy bảo tôi chớ có chạm vào nó, vì nếu để nó chạm vào môi thì sẽ chết ngay. Dù chỉ nuốt vào một lượng tí ti thôi thì trong vòng nửa giờ, người sẽ mệt mỏi rã rời, tứ chi từ từ tê liệt rồi chết. Huynh ấy không muốn mang theo chất này nên tặng cho tôi. Tôi giữ nó một thời gian dài, định tìm cách nghiên cứu nó. Rồi một hôm có một trận bão lớn. Một tu sinh phụ tá của tôi để cửa bệnh xá mở, và trận cuồng phong đã tàn phá căn phòng này đây. Chai lọ vỡ, thuốc chảy trên nền, cây thuốc và thuốc bột văng vãi tứ tung. Tôi phải vất vả suốt ngày để sắp xếp mọi vật lại, và chỉ cho quét dọn các chai lọ vỡ và những dược thảo không còn dùng được nữa. Cuối cùng, tôi khám phá rằng chính cái ống tôi vừa nói với Huynh đã bị mất tích. Thoạt tiên, tôi lo lắng, về sau tôi nghĩ nó đã bị vỡ và lẫn vào các loại vụn rác khác. Tôi đã cho quét nền bệnh xá rất cẩn thận, còn những kệ

thì...

- Huynh có nhìn thấy ông thuốc đó vài giờ trước cơn bão không?
 - Có... nhưng, à không, nay nghĩ kỹ lại, nó nằm đằng sau dây lợ, được giấu rất kỹ, nên tôi không kiểm soát nó hàng ngày...
 - Do đó, theo Huynh nghĩ, có lẽ nó đã bị mất trộm một thời gian dài, trước khi xảy ra cơn bão, mà Huynh không biết?
 - Bây giờ, nghĩ kỹ lại thì hẳn nhiên là vậy.
 - Và người tu sinh phụ tá của Huynh có thể đã trộm thuốc, và nhân có bão bèn cố tình mở cửa để xáo trộn đồ đạc của Huynh lên?
- Severinus trở nên kích động: - Vâng, đương nhiên. Không chỉ thế thôi, nhưng nay nhớ lại điều đã xảy ra, tôi thật ngạc nhiên, vì dù cơn bão có dữ dội đến mấy đi nữa, nó đâu thể xáo tung quá nhiều thứ lên như vậy? Có thể ai đó đã lợi dụng nó để lục phá căn phòng và gây nhiều thiệt hại hơn cả cuồng phong nữa.
- Tu sinh ấy là ai?
 - Tên chú ấy là Augustine. Nhưng đã chết năm ngoái, rớt từ giàn cao xuống, khi chú ấy và những Sư huynh khác cùng tôi tớ đang chùi những bức tượng ở phía chính diện của nhà thờ. Quả thật, tôi nhớ lại, chú ấy đã thề bán sống bán chết là không để cửa mở trước khi có bão. Chính tôi là người đã giận dữ đổ lỗi cho chú ấy về tai ương này. Có lẽ chú ấy không thực có lỗi.
 - Thế là chúng ta có một nhân vật thứ ba, tinh thông hơn một tu sinh, biết Huynh có thứ thuốc độc hiếm ấy. Huynh có kể cho ai nghe về nó không?
 - Tôi thực không nhớ. Dĩ nhiên, tôi có nói với Tu viện trưởng để xin phép giữ chặt nguy hiểm này và nói với vài người khác, có lẽ trong thư viện, vì tôi đang tìm một quyển sách về dược thảo để thu thập thêm kiến thức.
 - Nhưng chẳng phải Huynh đã nói rằng Huynh giữ tại đây những quyển sách hữu dụng nhất cho ngành của Huynh ư?
 - Vâng, có giữ nhiều. – Severinus nói và chỉ vào một góc phòng có vài

chiếc kệ đựng mấy chục quyển sách. - Nhưng khi đó tôi đang tìm một vài quyển sách mà tôi không được giữ ở đây. Malachi quả thật rất ngần ngại không muốn để tôi xem những quyển sách đó. Tôi phải xin phép Tu viện trưởng – Giọng Huynh nhỏ lại, hầu như then thùng không muốn để tôi nghe lời mình nói – Huynh biết không, trong một khu bí mật của Thư viện, họ cất giữ những sách viết về phép phù thủy, tà thuật và các công thức chế bùa mê. Tôi được phép tham khảo vài cuốn sách này khi cần thiết, và hy vọng tìm được công thức và công dụng của chất đó, nhưng vô hiệu.

- Như thế, Huynh đã nói với Malachi về chất này?

- Đương nhiên rồi, và có lẽ cả với phó quản thư viện Berengar nữa. Nhưng đừng vội kết luận nhé: tôi không nhớ rõ, có lẽ các tu sĩ khác cũng có mặt khi tôi nói chuyện, đôi khi phòng thư tịch cũng khá đông, Huynh biết đấy...

- Tôi không nghi ai hết, và chỉ cố tìm hiểu việc gì có thể đã xảy ra. Dầu sao, Huynh kể việc này đã xảy ra nhiều năm trước đây. Thật lạ lùng, có kẻ đã trộm thuốc độc, giữ nó thật lâu không dùng đến, mãi sau này.... Điều này cho thấy một đầu óc độc ác đã nuôi dưỡng âm mưu giết người suốt thời gian dài một cách bí mật.

Severinus làm dấu thánh giá, mặt lộ vẻ khiếp sợ:

- Lạy Chúa, xin tha tội cho chúng con.

Chẳng có gì đáng bàn thêm. Chúng tôi đây diệm thi thể Berengar lại, để chuẩn bị tang lễ.

Chú thích:

(1) *Aut semel aut iterum medium generaliter esto*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH ĐẦU

*William dụ Salvatore,
rồi đến viên quản hàm thú nhận quá khứ của mình,
Severinus tìm được cặp kính bị mất trộm,
Nicholas đem đến cặp kính mới,
Và William, với sáu con mắt,
giải mã bản viết của Venantius.*

Khi chúng tôi đi ra thì Malachi bước vào. Huynh ấy dường như bức bối khi thấy chúng tôi ở đấy, nên ngoe nguẩy đi ngay. Severinus từ trong nhìn ra thấy Malachi, bèn hỏi:

- Có phải Huynh tìm tôi không? Có phải để...?

Huynh im bặt, liếc nhìn chúng tôi. Malachi khẽ ra hiệu cho Severinus, như muốn nói: “Chúng ta sẽ bàn chuyện đó sau....,”

Khi chúng tôi sắp bước ra thì Huynh ấy bước vào, nên cả ba đều đứng ở ngưỡng cửa.

Malachi nói một câu hơi thừa:

- Tôi đến tìm Sư huynh được thảo sư... Tôi... tôi bị nhức đầu.

- Chắc hẳn do không khí ngột ngạt trong Thư viện - Thầy William nói giọng ái ngại – Huynh nên hít một chút thuốc gì đó.

Malachi mấp máy môi như thể muốn nói gì nữa, nhưng lại thôi, Huynh cúi đầu đi thẳng vào trong, còn chúng tôi thì dờ dẫm. Tôi hỏi:

- Huynh ấy tìm Severinus làm gì?

Thầy tôi bức bối đáp: - Adso, con phải tập động não suy nghĩ. - Rồi thầy

đôi đề tài - Giờ chúng ta phải đi hỏi chuyện một vài người - Thầy nói tiếp, mắt nhìn xuống đất chầm chậm – Ít ra là khi họ vẫn còn sống. Này nhé, từ rày về sau, chúng ta phải cẩn thận khi ăn uống. Chỉ nên dùng đồ ăn, thức uống nấu chung cho mọi người. Sau Berengar, chúng ta là những người biết nhiều nhất. Dĩ nhiên, ngoại trừ kẻ sát nhân.

- Nhưng thầy định thăm vấn ai bây giờ?

- Adso, con đã nhận thấy ở đây những việc đáng lưu ý nhất đều xảy ra về ban đêm. Họ chết ban đêm, họ đi lang thang trong phòng thư tịch ban đêm, họ đưa phụ nữ vào tu viện ban đêm... Tu viện có hai bộ mặt: ngày và đêm; nhưng tiếc thay, tu viện về đêm lại có nhiều chuyện đáng chú ý hơn. Vì thế, chúng ta nên quan tâm đến những ai đi lang thang ban đêm, kể cả người con thấy đêm qua với cô gái, chẳng hạn. Chuyện cô gái có thể có hay không có liên quan đến việc đánh thuốc độc. Dầu sao, thầy cũng có suy nghĩ về người đàn ông đêm qua, kẻ ấy ắt hẳn phải là người hiểu biết nhiều chuyện về đời sống ban đêm ở nơi thiêng liêng này. À mới nhắc đến là thấy ngay rồi.

Thầy chỉ về phía Salvatore, Huynh ấy đã trông thấy chúng tôi. Tôi nhận thấy Huynh bước hơi ngập ngừng như muốn lánh mặt, toan quay đi nhưng không kịp. Rõ ràng Salvatore biết không thể tránh được thầy trò tôi nên tiếp tục bước tới, toét miệng cười chào chúng tôi và nói ngọt xớt: “Xin Chúa ban phước lành”. Thầy tôi không để Huynh ấy dứt lời, hỏi ngay, giọng sắc lẹm:

- Huynh có biết Toà án dị giáo sẽ đến đây ngày mai không?

Salvatore có vẻ không vui, yếu ớt hỏi: - Còn tôi thì sao?

- Còn Huynh thì nên khôn ngoan nói sự thật cho tôi nghe, cho một người bạn và cũng là một thầy dòng Khất thực như Huynh ngày xưa, còn hơn là ngày mai phải kể lại cho những người mà Huynh đã biết quá rõ.

Bị tấn công quá đột ngột, Salvatore đành bỏ mọi ý định chống cự. Huynh ấy nhìn thầy William với vẻ ngoan ngoãn, ra chiều sẵn sàng kể bất cứ điều gì,

thầy hỏi:

- Đêm qua, có một phụ nữ trong nhà bếp. Ai với cô ấy?

Salvatore ngần ngừ nói: - Ôi, một con bán mình như đứa làm thuê đâu có đạo đức, tiết hạnh gì.

- Tôi không cần biết cô gái có trong trắng hay không. Tôi muốn biết ai với cô ấy!

- Lạy Chúa tôi, những con quỷ cái này thật là tinh ranh! Chúng biết cách đánh bẫy đàn ông ban đêm...

Thầy William tóm lấy ngực áo Salvatore: - Ai đã ở với cô ta, Huỳnh hay quản hầm?

Salvatore biết không thể tiếp tục nói dối. Huỳnh bèn kể một câu chuyện lạ lùng mà vất vả lắm chúng tôi mới biết được rằng, để làm vui lòng quản hầm, ban đêm, Huỳnh ấy phải đưa gái quê vào tu viện theo những đường hầm bí mật. Huỳnh thề rằng mình làm thế chỉ vì tốt bụng, nhưng buồn cười thay vẫn lộ vẻ tiếc rẻ không biết làm cách nào để thoả mãn dục vọng của chính mình, hay bảo cô gái bố thí cho mình một chút gì sau khi đã ăn nằm với quản hầm. Huỳnh ấy vừa kể vừa nheo mắt, cười hềnh hếch, như thể kể với những người phạm tục rành chuyện nam nữ. Huỳnh ấy chốc chốc lại len lén liếc tôi, mà dù muốn tôi cũng chẳng thể ngăn được, vì cả hai chúng tôi đã bị ràng buộc với nhau bởi một điều bí mật chung, tôi đã hoá thành kẻ đồng loã và đồng phạm tội lỗi với Huỳnh ấy.

Đến đây, thầy William bèn đánh bạo đột ngột hỏi Salvatore:

- Huỳnh đã quen Remigio trước hay sau khi theo Dolcino?

Salvatore quỳ sụp xuống chân thầy William, nức nở cầu xin thầy chớ tiêu diệt Huỳnh mà hãy cứu vớt Huỳnh khỏi Toà án dị giáo. Thầy William trịnh trọng thề sẽ không kể cho ai nghe những điều mình biết được, thế là Salvatore chẳng ngại ngần gì giao quản hầm vào tay chúng tôi ngay. Hai người đã gặp nhau trên đồi Núi Trọc, cả hai đều cùng băng của Dolcino,

Salvatore và quản hầm đã cùng thoát thân vào ẩn náu trong chủng viện xứ Casale, và lại cùng nhau nhập dòng Cluniac. Khi Salvatore lấp bắp khẩn cầu xin tha thứ, thì rõ ràng chẳng còn gì để khai thác thêm ở Huynh ấy nữa. Thầy William thấy đã đến lúc bắt ngờ tấn công Remigio, nên rời Salvatore đi. Huynh ấy liền chạy trốn ngay vào nhà thờ.

Quản hầm lúc ấy đang ở phía bên kia tu viện, trước dãy kho thóc, mua bán mặc cả với các nông dân dưới thung lũng. Huynh sợ hãi nhìn chúng tôi và làm ra vẻ tất bật công việc, nhưng thầy William đã yêu cầu Huynh phải tiếp chuyện mình. Thầy nói:

- Tôi thiết nghĩ, vì những nguyên do liên quan đến nhiệm vụ của Huynh nên rõ ràng là Huynh buộc phải đi lại trong tu viện, ngay cả khi mọi người đều say ngủ.

Remigio đáp: - Cũng tùy. Đôi khi có một số việc vặt phải giải quyết, nên tôi phải hy sinh một vài giờ ngơi nghỉ.

- Có điều gì khiến Huynh nghĩ rằng, có một người nào khác, không có lý do chính đáng, cũng đi lang thang giữa khoảng nhà bếp và Thư viện không?

- Nếu có thấy gì, tôi đã thưa với Tu viện trưởng.

- Hẳn rồi. - Thầy William đồng ý và đột nhiên chuyển sang chuyện khác – Ngôi làng dưới kia không giàu lắm nhỉ?

- Cũng nghèo mà cũng giàu. Nhưng người canh tác đất đai của tu viện sống dưới đó lệ thuộc vào chúng tôi, và họ được hưởng bổng lộc trong những năm được mùa. Thí dụ: vào ngày lễ thánh Joan, họ nhận được mười hai đấu lúa mạch, một con ngựa, bảy con bò, một con bò tót, năm con dê, hai mươi con cừu, mười lăm con heo, năm mươi con gà và mười bảy tổ ong. Có cả hai mươi con heo quay, hai mươi bảy hũ mỡ, nửa cân mật, ba cân xà phòng, một lưới cá...

- Tôi hiểu rồi, tôi hiểu rồi - Thầy William cắt lời – Nhưng điều này không nói lên được tình hình ở dưới làng, có bao nhiêu người dân ở đó canh tác

đất tu viện, và những người không canh tác đất tu viện thì được bao nhiêu đất để tự cày cấy...

- Ô, về việc đó... thì một gia đình bình thường ở dưới đó có đến năm mươi sào đất.

- Tôi hiểu rõ rồi.

- Huynh còn muốn biết điều gì khác chẳng? – Remigio hỏi bằng một giọng, tôi nghe như thách thức.

- Vâng, tôi hỏi Huynh về đời sống của dân dưới thung lũng, vì hôm nay, trong thư viện, tôi đang nghiên ngẫm những bài giảng của Humbert người La Mã, cho phụ nữ, đặc biệt là Chương “*Về những người phụ nữ nghèo trong những căn nhà nhỏ miền quê*” (1). Trong Chương này, Humbert viết rằng, các phụ nữ nghèo miền quê, hơn bất kỳ ai khác, thường phải bán thân nuôi miệng. Khi bán thân cho một người thường, họ đã phạm tội trọng rồi, nhưng nếu có một linh mục thì tội càng nặng hơn, và nếu cho một tu sĩ dòng kín thì đó là một tội nặng nhất. Huynh biết rõ hơn tôi là trong những nơi thiêng liêng như tu viện, vẫn luôn có sự cám dỗ của con Quỷ dâm dục. Tôi không biết Huynh qua những lần tiếp xúc với dân làng có nghe nói đến vài tu sĩ, lạy Chúa tha tội, đã dụ dỗ gái tơ phạm tội gian dâm không?

Mặc dầu thầy tôi nói những điều này bằng giọng rất thản nhiên, quý độc giả có thể hình dung những lời này đã làm viên quản hàm đáng thương bối rối biết bao. Tôi không dám nói rằng mặt của Huynh ấy trở nên trắng bệch, nhưng có thể nói là mặt của Huynh ấy tái hẳn đi. Huynh nhần nhin đáp:

- Huynh hỏi tôi những điều mà nếu tôi biết thì đã thừa với Tu viện trưởng rồi. Dầu sao, nếu những tin tức này giúp ích gì cho cuộc điều tra của Huynh thì tôi xin khai ra. Đúng thế, câu hỏi thứ nhất của Huynh đã nhắc tôi nhớ đến.... cái đêm Adelmo chết... lúc ấy tôi đang quanh quẩn trong sân... về chuyện gà què đấy mà... Tôi có nghe người ta đồn rằng một anh thợ rèn ban đêm đi ăn cắp gà... Đúng, đêm hôm đó tôi quả có thấy - từ đằng xa,

nên không chắc lắm – Berengar men theo khu hát kinh về nhà nghỉ, dường như từ hướng Đại dinh.... Tôi không ngạc nhiên lắm, các tu sĩ đã có đạo xầm xì về Berengar. Có lẽ Huynh đã nghe...

- Không. Huynh kể đi.

- Này nhé... biết nói sao đây? Người ta nghi Berengar nuôi dưỡng những đam mê... không chính đáng đối với một thầy dòng....

- Có lẽ Huynh định nói rằng Berengar có gian dâm với gái làng, như ban nãy tôi đã hỏi?

Quản hàm đằng hắng, lúng túng, nở một nụ cười trơ trẽn - Ồ, không... những đam mê còn tệ hơn...

- Thế nói cách khác, một tu sĩ tìm khoái lạc với gái làng là nuôi dưỡng những đam mê tương đối chính đáng hơn à?

- Tôi không định nói thế, nhưng chắc Huynh đồng ý rằng, sự sa đoạ cũng như đạo đức có nhiều mức độ khác nhau... Thân xác có thể bị cám dỗ theo tự nhiên và... trái với tự nhiên.

- Huynh muốn nói Berengar bị thôi thúc bởi nhục dục đối với những người cùng phái à?

- Tôi nói đó là những lời xầm xì... Tôi báo Huynh biết những việc này, để chứng tỏ lòng thành thật và thiện chí của tôi...

- Xin cảm ơn. Tôi đồng ý rằng, tội đồng tính luyện ái thì gớm ghiếc hơn các hình thái nhục dục khác nhiều. Thành thật mà nói, tôi không chủ tâm điều tra về chúng.

Quản hàm nói một cách triết lý... - Đó là những điều buồn bã, khôn khổ, cho dù chúng có xảy ra chẳng nữa.

- Đúng đấy, Remigio ạ. Chúng ta thấy đều là những kẻ phạm tội khôn khổ. Tôi không bao giờ muốn bôi lông tìm vết vì e rằng tôi cũng chẳng tốt lành gì. Tôi sẽ rất biết ơn, nếu Huynh chỉ giáo cho các sai lầm của tôi trong tương lai. Do đó, chúng ta hãy cứ nói thẳng, nói thật, không che giấu mọi sai lầm.

- Khi Huynh cần biết điều gì đặc biệt, hãy đến và xem tôi như một người bạn trung thành.

Thầy William nhiệt tình nói: - Quả thật, tôi xem Huynh như vậy. Ubertino bảo ngày xưa, Huynh theo dòng của tôi. Tôi không bao giờ phản bội một người anh em cũ, đặc biệt là trong những ngày này, khi chúng ta đang chờ đợi phái đoàn của Giáo hoàng, dẫn đầu là một phán quan vĩ đại, lừng danh vì đã đưa lên giàn hoả nhiều tu sĩ dòng Dolcino.

Quản hàm không phải là kẻ ngốc. Huynh ấy nghĩ không thể tiếp tục chơi trò mèo vờn chuột nữa, nhất là hiểu được mình chính là chuột, bèn nói:

- Thừa sư huynh William, tôi thấy Huynh biết nhiều chuyện hơn tôi tưởng. Hãy giúp tôi và tôi sẽ giúp Huynh. Quả thật tôi là người yếu mềm nên đã để cho xác thịt cám dỗ. Salvatore báo rằng Huynh hay tu sinh của Huynh, đêm qua đã bắt gặp cạm bẫy ấy trong bếp. Huynh đã chu du nhiều nơi. Huynh thừa hiểu rằng thậm chí các Hồng Y ở Avignon cũng không phải là những khuôn mẫu đạo đức. Tôi biết Huynh không thăm tra về những lỗi nhỏ đê hèn này, nhưng tôi hiểu Huynh đã biết ít nhiều về quá khứ của tôi.

Tôi đã sống một cuộc đời lạ lùng, như nhiều anh em dòng Khất thực khác. Nhiều năm trước đây, tôi tin vào lý tưởng của sự nghèo khổ, nên đã bỏ cộng đồng đi sống đời du thủ du thực. Cũng như nhiều người khác, tôi tin vào các lời giảng của Dolcino. Tôi là một người dốt nát. Tôi được nhập dòng, nhưng chỉ biết đọc kinh mà thôi. Tôi biết rất ít về Thần học. Có lẽ giáo lý không làm tôi rung động lắm. Huynh thấy đấy, ngày xưa tôi vùng lên chống lại các lãnh chúa, nay tôi phục vụ họ, và vì quyền lợi của vị lãnh chúa dải đất này, tôi ra lệnh cho những người như tôi. Phản bội hay phản loạn: những người dân chất phác như chúng tôi có rất ít quyền lựa chọn.

- Đôi khi, những người chất phác hiểu sự việc giỏi hơn các bậc thông thái.

Quản hàm nhún vai nói: - Có thể. Thậm chí lúc đó tôi cũng không hiểu việc mình làm. Huynh thấy đấy, đối với Salvatore, việc này dễ hiểu thôi: Cha mẹ

Huynh ấy là nông nô, thuở nhỏ Huynh ấy sống nghèo khổ, bệnh hoạn... Dolcino là hiện thân của sự nổi loạn tiêu diệt giới lãnh chúa. Đối với tôi thì khác. Tôi xuất thân từ một gia đình thành thị. Tôi không phải chạy trốn cái đó. Đó là – tôi biết nói sao nữa - buổi yến tiệc của những kẻ xuẩn ngốc, một ngày hội huy hoàng... Trên núi, với Dolcino, trước khi chúng tôi buộc phải ăn thịt các bạn đồng ngũ bị chết trận, trước khi có nhiều người chết vì cực khổ, đến nỗi chúng tôi không thịt hết đành phải quăng xác cho chim chóc và thú hoang trên sườn núi Rebello... và có lẽ cũng chính trong những giây phút đó... là một bầu không khí... có thể nói là tự do? Trước đây, tôi không biết tự do là gì. Các thầy giảng đã bảo chúng tôi: “Chân lý mang lại tự do cho các con”. Chúng tôi cảm thấy tự do, và nghĩ rằng đó là chân lý. Chúng tôi tưởng mọi điều mình làm là đúng...

- Và từ đấy Huynh quen thói... tự do gian díu với đàn bà à? – Tôi hỏi, mà thậm chí cũng không hiểu vì sao. Đêm hôm trước, đầu tôi đã bị ám ảnh bởi lời Cha Ubertino, những điều đọc được trong phòng thư tịch và những biến cố đã xảy ra cho tôi. Thầy William tò mò nhìn tôi, không ngờ tôi bạo dạn và bộc trực như thế. Quản hàm trừng trừng nhìn tôi như nhìn một quái vật. Huynh nói:

- Trên núi Rebello, có khoảng hơn mười người, mà suốt thời thơ ấu đã ngủ trong một căn phòng chỉ rộng vài thước vuông, trong đó anh chị em, bố con ngủ lẫn lộn với nhau. Huynh có biết hoàn cảnh mới ấy có ý nghĩa gì đối với họ không? Họ được làm cái việc mà trước đây phải làm vì bị đòi hỏi. Ban đêm, khi sợ quân thù đến, người ta nằm trên đất, ôm chặt người nằm bên cho khỏi lạnh... Những tu sĩ đáng thương, xuất xứ từ dòng dõi quý tộc rồi đi tu hành như các Huynh, cho rằng dị giáo là một hình thái tín ngưỡng phát sinh từ quỷ sứ. Nhưng đó chính là một lối sống, và là... một kinh nghiệm mới... không còn thầy cả, cha bề trên nữa.... và người ta bảo Chúa đã ở cùng chúng tôi. Sư huynh William ạ, tôi không nói ngày xưa mình đúng, và

thực tế là Huynh thấy tôi ở đây, vì tôi đã bỏ họ lâu rồi. Tôi chẳng bao giờ thật sự hiểu được các cuộc tranh luận thông thái về sự cơ nghèo của Đấng Kitô và quyền được sở hữu, và các quyền khác... Tôi đã bảo, lúc theo Dolcino là một ngày hội lớn, và trong đó mọi diễn tiến đều trái ngược. Khi về già, mình không khôn ra mà lại hoá tham... Ở đây, tôi là một kẻ tạp thực... Người ta có thể xử tử một tên dị giáo, nhưng họ có xử tử một kẻ háu ăn không?

- Thôi, đủ rồi, Remigio ạ... Tôi không cật vấn Huynh về chuyện cũ mà về chuyện mới xảy ra. Hãy thành thật với tôi, tôi không cố ý hại Huynh đâu. Tôi không thể và sẽ không xét xử Huynh. Nhưng Huynh phải kể tôi nghe những gì Huynh biết về các biến cố trong tu viện. Huynh đi lại trong tu viện quá nhiều, ngày cũng như đêm, nên chắc phải biết một cái gì. Ai giết Venantinus?

- Xin thề độc là tôi không biết. Tôi chỉ biết thời gian và địa điểm Huynh ấy chết.

- Ở đâu? Bao giờ?

- Tôi sẽ kể. Đêm đó, sau Kinh Tối một canh tôi vào bếp...

- Vào cách nào? Lý do gì?

- Bằng lối cửa vườn rau. Tôi có một chìa khoá mà thợ rèn đã làm cho tôi từ lâu. Cửa nhà bếp là cửa duy nhất không gài then bên trong. Còn lý do của tôi thì... không quan trọng, chính Huynh đã nói là không buộc tôi vào tội ham mê xác thịt, - Remigio bối rối mỉm cười – Nhưng tôi không muốn Huynh nghĩ rằng tôi suốt ngày chỉ làm tình... Đêm đó tôi đi tìm thức ăn để đưa cho cô gái mà Salvatore sẽ dẫn vào nhà bếp...

- Từ đâu?

- Ồ, ngoài cổng chính, bức tường ngoài còn có những lối vào khác. Tu viện trưởng biết... Tôi biết... Nhưng đêm đó cô gái không vào. Tôi đuổi cô ra ngay vì tôi đã khám phá cái mà tôi sắp kể Huynh nghe đây. Do đó, đêm qua

tôi muốn đem cô vào lại. Nếu Huynh đến trễ hơn một chút, có lẽ Huynh đã gặp tôi thay vì Salvatore. Chính Huynh ấy, đã báo cho tôi có người trong Đại dinh, nên tôi bỏ về phòng mình...

- Chúng ta hãy quay lại cái đêm Chủ nhật rạng ngày thứ hai.
- Vâng, tôi vào bếp và thấy Venantinus nằm chết trên nền nhà.
- Trong bếp ư?
- Vâng, gần bồn rửa bát. Có lẽ Huynh ấy vừa từ phòng thư tịch xuống.
- Không có dấu vết vật lộn?
- Không một dấu vết. Tuy nhiên, bên cạnh xác chết có một cái cốc vỡ và vài vệt nước dưới đất.
- Sao Huynh biết đó là nước?
- Tôi không biết, tôi nghĩ đó là nước. Còn là gì khác nữa cơ chứ?

Về sau thầy William giảng cho tôi hay chiếc cốc đó có thể hiển thị hai điều khác nhau. Một kẻ nào đó đã đưa cho Venantius một ly thuốc độc để uống ngay tại bếp hay chàng trai xấu số đã uống thuốc độc (nhưng ở đâu, khi nào?) và xuống nhà bếp để uống nước cho dịu cảm giác nóng bỏng của cơn đau đột ngột, đang đốt cháy tim gan và lưỡi của mình.

Dẫu sao, chúng tôi chẳng khai thác thêm gì được nữa. Sau khi kinh hãi liếc nhìn thấy ma Venantius, Remigio quyết định không nên làm gì cả. Nếu cầu cứu thì sẽ phải thú nhận rằng mình đã lang thang trong Đại dinh ban đêm, mà cũng chẳng có lợi gì cho người anh em xấu số. Do đó, Remigio thấy cứ để mặc kệ sự việc như vậy, đợi ai đó sáng mai vào mở cửa, sẽ khám phá ra tử thi. Huynh bèn chạy đón đầu Salvatore, lúc ấy đã đưa cô gái vào tu viện, rồi cùng kẻ đồng lõa ấy về phòng ngủ. Vào Kinh Sớm, khi những người nuôi heo báo tin dữ cho Tu viện trưởng, Remigio ngỡ rằng người ta đã phát hiện tử thi nơi mình đã thấy đêm qua, nhưng Huynh kinh hoàng thấy nó bây giờ lại cắm trong vại máu. Kẻ nào đã đem cái thân ma ra khỏi nhà bếp? Remigio không đưa ra lời giải thích nào về điều này.

Thầy William nói: - Người duy nhất được phép đi lại tự do trong Đại dinh là Malachi.

Quản hàm phản ứng dữ dội: - Không, không phải Malachi đâu. Tôi không tin như vậy... Dầu sao, tôi không nói xấu gì Malachi với Huynh cả.

- Huynh có chịu ơn thế nào đi nữa thì cũng cứ yên tâm. Malachi có biết gì về Huynh không?

Quản hàm đỏ mặt: - Vâng, có. Và Huynh ấy tỏ ra rất kín đáo. Nếu là Huynh tôi sẽ để mắt đến Benno. Huynh ấy có mối liên hệ kỳ quặc với Berengar và Venantius... Nhưng tôi xin thề là chẳng trông thấy điều gì khác. Nếu tôi biết điều chi, tôi xin báo Huynh hay.

- Bây giờ như thế đủ rồi. Nếu cần, tôi sẽ tìm Huynh sau.

- Quản hàm mừng rỡ thở phào, quay về công việc của mình, nặng lời nhắc mắng những nông dân đã thừa lúc hai người nói chuyện nằng đi mấy bao hạt giống.

Ngay lúc đó, Severinus đến chỗ chúng tôi, tay cầm cặp kính của thầy William bị trộm hai đêm trước.

- Tôi tìm thấy cặp kính trong chiếc áo dòng của Berengar. Hôm nọ tôi thấy Huynh đeo kính này trong Thư viện. Có phải của Huynh không?

Thầy William sung sướng reo lên: - Xin tạ ơn Chúa! Chúng ta đã giải quyết được hai vấn đề! Tôi đã tìm lại kính và cuối cùng biết rằng chính Berengar đã trộm nó trong phòng thư tịch!

Chúng tôi vừa mới nói đến đó thì Nicholas chạy tới, mặt còn đỏ ửng hơn cả thầy William. Tay Huynh ấy cầm một cặp kính đã làm xong, tra vào gọng đàn tràng. Huynh hét lên: - William, chính tay tôi đã làm xong cặp kính này! Tôi tin nó sẽ dùng tốt! – Khi thấy thầy William đã đeo sẵn một cặp kính khác rồi, Huynh ấy bàng hoàng đứng lại. Thầy William không nỡ làm Nicholas cụt hứng nên liền tháo cặp kính cũ, đeo cặp kính mới vào: - Cặp này tốt hơn cặp kia. Tôi sẽ luôn dùng cặp kính của Huynh, còn cặp kính cũ

sẽ giữ dự trữ thôi.

Rồi thầy quay sang tôi:

- Adso này, giờ thầy sẽ rút về phòng để đọc các giấy tờ mà con đã biết đấy. Cuối cùng đã tìm lại được! Đợi thầy đầu đó nhé. Và xin cảm ơn, rất cảm ơn các Sư huynh thân mến.

Chuông báo Kinh Xế sáng vang lên. Tôi đi đến khu hát kinh. Các tu sĩ đang cầu nguyện cho linh hồn Berengar quá cố. Tôi tạ ơn Chúa đã giúp chúng tôi tìm được không chỉ một, mà đến hai cặp kính.

Trong cảnh yên lành êm ái vô biên đó, tôi ngủ thiếp đi, quên tất cả những điều xấu xa vừa tai nghe mắt thấy, mãi đến tan lễ mới tỉnh giấc. Tôi sức nhớ, đêm qua mình không ngủ và buồn bã nghĩ mình đã phí sức quá. Khi bước vào nơi không khí tươi mát, đầu óc tôi lại bị ám ảnh bởi những ký ức về cô gái.

Tôi rảo bước thật nhanh, cố xua đi những ý nghĩ ấy. Tôi thấy hơi choáng váng. Tôi nắm đôi tay tê cứng lại và dậm chân trên mặt đất. Tôi vẫn còn buồn ngủ, nhưng trong người lại thấy tỉnh táo và đầy sức sống. Tôi không hiểu việc gì đang xảy ra cho mình nữa.

Chú thích:

(1) “*Ad mulieres Pauperes in villulis*”

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ SÁNG

*Adso tương tư đau khổ,
William mang đến bản viết của Venantius,
vẫn hết sức bí ẩn dù đã giải mã xong.*

Tình thực, những biến cố kinh khủng tiếp sau cuộc gặp gỡ tội lỗi với cô gái đã khiến tôi hầu như quên mất sự kiện đó, và khi đã xưng tội với thầy William xong, tâm hồn tôi cảm thấy nhẹ nhõm, không còn ân hận như khi thức dậy sau cơn sa ngã của mình, như thể lời xưng tội của tôi đã trao hộ gánh nặng tội lỗi lên vai thầy. Nhưng không phải lòng tôi hoàn toàn thanh thản. Giờ đây, bước đi dưới ánh nắng yếu ớt, lạnh lẽo trong sáng mùa đông ấy; giữa dòng sinh hoạt sôi nổi của người và súc vật, tôi nhớ lại các trải nghiệm của mình theo một cách khác. Trong tâm trí nóng bỏng của tôi, chợt hiện lên bóng ma Berengar, thầy chương phù những nước, và tôi rùng mình, nghĩ vừa thương vừa sợ. Như để xóa đi hình ảnh kinh tởm đó, đầu óc tôi hướng về những hình ảnh khác vẫn còn tươi nguyên trong ký ức và trước mắt tôi lại hiện ra nhân dáng của thiếu nữ xinh đẹp và khủng khiếp như thiên binh vạn mã.

Tôi nhớ nàng. Xác thật tôi đã quên đi những cảm giác khoái lạc tội lỗi và chóng qua trong cuộc giao hoan với nàng, nhưng linh hồn tôi chưa quên được gương mặt nàng và không tài nào tự cho rằng nỗi nhớ nhung này là sa đoạ, lòng tôi thổn thức như thể gương mặt ấy đã toả rạng tất cả niềm hạnh phúc của tạo hoá.

Lý trí tôi biết rằng nàng là kẻ cám dỗ tội lỗi, nhưng tâm hồn nhạy cảm của

tôi lại hướng về nàng như nguồn cội của mọi ơn huệ. Thật khó diễn tả cảm xúc của mình. Tôi muốn viết rằng tôi vẫn còn nằm trong cạm bẫy của tội lỗi, vẫn còn khao khát mong nàng hiện ra bất cứ lúc nào. Tôi len lén ngó những người thợ đang làm việc, cố tìm thử xem quanh góc lều kia hay trong kho tôi tắm nọ có xuất hiện hình bóng đã quyến rũ tôi hay không.

Tôi tin rằng cuộc yêu đương đêm qua chỉ là trò dâm dục, vì tôi muốn cô gái cho mình cái mà mình chưa hề có. Nhưng buổi sáng nay, tôi chẳng mong muốn gì ở nàng cả. Tôi chỉ mong nàng tốt đẹp, mong nàng được cứu thoát khỏi cảnh nghèo đói tàn nhẫn đã đẩy nàng đến cảnh bán thân nuôi miệng, mong nàng được hạnh phúc. Tôi cũng chẳng yêu cầu ở nàng điều gì hơn nữa, chỉ ước ao được nghĩ đến nàng, được nhìn thấy nàng trong những con bò, con cừu, những tàng cây, trong ánh sáng dịu êm đang tắm đẫm khuôn viên tu viện trong hạnh phúc.

Giờ tôi nhớ lại lời những nhà thông thái nói rằng, tình yêu có thể gây tác hại cho người, nếu nó quá cuồng nhiệt. Tình yêu của tôi quá cuồng nhiệt. Tình yêu nồng nàn thời thanh xuân ấy của tôi là lầm lạc, nhưng sự thật buộc tôi phải nói rằng, khi đó, tôi cảm thấy nó vô cùng tốt đẹp. Hãy để điều này cảnh giác những ai có thể rơi vào chiếc lưới tình cảm dễ như tôi ngày đó.

Rồi một bản năng kỳ diệu đã đến cứu vớt tôi. Cô gái hiện lên trước mắt tôi qua hình ảnh thiên nhiên và những người lao động xung quanh. Nhờ bản tính vui tươi của mình, tôi cố thoát khỏi cơn ám ảnh cũ bằng cách nhìn ngắm mọi người làm việc. Tôi quan sát những người nuôi bò dẫn đàn ra khỏi chuồng, những người nuôi lợn cho lợn ăn, những người chăn cừu xua chó đi gom cừu về, những nông dân vác lúa mì và hạt kê đến cối xay, rồi mang ra những bao bột ngọt mịn. Tôi đắm chìm trong những suy nghĩ về thiên nhiên, cố xua đi mọi ưu tư bằng cách chiêm nghiệm các thực thể sống, nhìn ngắm họ để quên mình.

Cảnh thiên nhiên trinh nguyên chưa nhuốm trí khôn sa đoạ của con người

mới đẹp làm sao!

Tôi không nghĩ về cô gái ấy nữa, nói đúng ra, tôi cố biến mỗi tình nồng nhiệt tôi dành cho nàng thành niềm hạnh phúc và yên bình đầy thành kính sâu lắng trong lòng.

o0o

Lòng tôi còn đang thơ thới hân hoan như thế thì thấy thầy tôi tiến đến. Hóa ra này giờ cứ lê chân đi không hề nghỉ ngơi, tôi đã đi giáp một vòng tu viện và quay trở lại nơi thầy trò tôi chia tay nhau cách đây hai giờ. Điều thầy bảo bắt tôi ra khỏi dòng suy tư ban này và hướng đầu óc quay về những điều bí ẩn tôi tìm trong tu viện.

Thầy William có vẻ đặc chí lắm. Tay thầy cầm bản viết của Venantius đã được giải mã xong. Chúng tôi về phòng thầy, tránh xa những đôi tai dong lên nghe ngóng, và thầy dịch tôi nghe những điều thầy đã đọc được. Sau câu viết bằng mẫu tự hoàng đạo: “*Secretum finis africae manus supra idolum primum et septimum de quatuor*”, đoạn văn bằng tiếng Hy Lạp có nghĩa như sau:

“Độc dược khủng khiếp làm tẩy uế...”

Vũ khí tốt nhất để tiêu diệt quân thù...

Dùng những kẻ hèn mọn, thô tục và xấu xí, nhìn thấy sự tật nguyền của họ mà khoái trá... Họ không thể chết... Không phải trong nhà của những người cao quý, quyền uy, mà từ những ngôi làng nông dân, sau những bữa ăn nhậu thừa mứa... Những thân hình phục phịch, gương mặt dị dạng.

Chúng hiếp gái trinh, và ăn nằm với điếm, không tội lỗi, chẳng sợ sệt.

Một sự thật khác, một hình ảnh sự thật khác...

Những quả vả đáng kính.

Viên đá nhục nhã lăn trên bình nguyên... Trước mắt.

Lừa đảo là cần thiết và ngạc nhiên trong lừa đảo, nói điều ngược với cái mình tin, nói một đằng ám chỉ một nẻo.

Đối với họ ve sẽ từ đất kêu vang lên”.

oOo

Thế là hết! Tôi nghĩ nó ngắn quá, hầu như chẳng chứa đựng điều gì hết! Lời lẽ như lời một người điên lảm nhảm, và tôi thừa với thầy như thế.

- Có lẽ, và chắc chắn do cách thầy dịch, nên nghe nó càng điên hơn. Thầy hiểu tiếng Hy Lạp còn ít quá. Thế nhưng, dù chúng ta có bảo Venantius điên, hay tác giả của quyển sách này là điên chẳng nữa, đoạn viết này cũng không chỉ cho chúng ta biết tại sao lại có quá nhiều người mà không phải ai cũng điên cả, đã bỏ công cắt dấu quyển sách này rồi lại moi nó ra...

- Nhưng có phải những câu viết ở đây trích từ quyển sách bí ẩn không?

- Chắc chắn đây là những câu do chính Venantius viết. Con thấy đó: đây không phải là bản da cổ xưa. Những dòng này chắc chắn không phải là các chú thích được ghi lại khi đọc sách, nếu không Venantius đâu có viết bằng tiếng Hy Lạp làm gì. Huynh ấy chắc hẳn đã sao chép lại và rút gọn những câu đọc được trong quyển sách lấy trộm từ “Finis Africae”. Huynh ấy mang sách xuống phòng thư tịch, vừa đọc vừa ghi lại những câu theo Huynh là quý giá. Rồi một việc gì đó xảy ra. Có thể Huynh ấy cảm thấy choáng váng, hay nghe có tiếng chân ai đi lên. Do đó, Huynh bèn đặt quyển sách cùng các ghi chú của mình xuống dưới bàn giấy, có lẽ định tối mai sẽ lên lấy lại. Dù thế nào đi nữa, trang giấy này là khởi điểm duy nhất có thể giúp chúng ta tái tạo bản chất của quyển sách bí ẩn đó, và chỉ nhờ hiểu được bản chất của quyển sách, chúng ta mới có khả năng suy ra bản chất của kẻ sát nhân.

Vì trong mọi tội ác nhằm chiếm đoạt một vật gì đó, bản chất của vật thể đó sẽ cho chúng ta một ý tưởng, dù là rất mơ hồ, về bản chất của tên giết người. Kẻ giết người vì một nắm vàng sẽ là kẻ tham lam; kẻ giết người vì một quyển sách hằn tha thiết muốn giành lấy cho mình các bí mật trong quyển sách đó. Thế nên chúng ta phải tìm cho ra quyển sách mà ta không có ấy xem nó nói điều gì.

- Và, từ vài dòng này đây, thầy có thể hiểu được quyển sách đó là gì chẳng?

- Adso ạ, những dòng này tựa như những lời kinh mà ý nghĩa vượt ra ngoài các con chữ. Buổi sáng nay, khi đọc những dòng này, sau cuộc nói chuyện với viên quản hàm, thầy rất ngạc nhiên thấy ở đây cũng đề cập đến những người phạm tục và nông dân như những người nêu cao một sự thật khác với sự thật của những nhà thông thái. Quản hàm nói bóng gió đến một tội đồng lõa lạ lùng đã buộc Huynh ấy với Malachi. Malachi có thể đang cất giấu một bản văn dị giáo nguy hiểm mà Remigio đã uy thác chẳng? Như thế, có lẽ Venantius đã đọc và chú giải vài chỉ thị bí ẩn, có liên quan đến một nhóm người thế tục, cục cằn đang nổi loạn chống lại mọi người, mọi thứ. Nhưng...

- Nhưng sao thầy?

- Nhưng có hai sự kiện chống lại giả thuyết của thầy. Sự kiện thứ nhất: Venantius có lẽ không chú ý tới những vấn đề loại như vậy; Huynh ấy là người dịch các bản viết tiếng Hy Lạp chứ không phải là nhà thuyết giảng về bọn dị giáo. Sự kiện thứ hai là giả thuyết này không giải thích được những câu về quả vả, viên đá và ve sầu...

Tôi đánh bạo nói: - Có lẽ đó là những câu đó chứa đựng một ý nghĩa khác. Hay thầy có một giả thuyết nào khác không?

- Có, nhưng còn lơ mơ lắm. Khi thầy đọc trang viết này, thầy nhớ dường như trước đây đã đọc vài từ ở đâu đó rồi, và một vài đoạn hầu như giống hệt thể này mà thầy đã thấy ở nơi khác hiện trở lại trong óc thầy. Quả thực,

trang giấy này tựa như nói về một điều gì đó đã được nói đến nhiều trong những ngày vừa qua... Nhưng thầy chưa nhớ ra được. Thầy phải suy nghĩ lại. Có lẽ, thầy phải đọc những quyển sách khác.

- Tại sao? Để biết một quyển sách nói gì, thầy lại phải đọc những quyển sách khác à?

- Đôi khi như vậy đó. Sách thường nói về những quyển sách khác. Một quyển sách thường giống như một hạt giống sẽ trở hoa thành một quyển sách nguy hiểm hay ngược lại, nó là quả ngọt từ một cây đắng.

- Đúng vậy. – Tôi kinh ngạc nói. Trước đây, tôi vẫn nghĩ mỗi quyển sách viết về những điều thiêng liêng hay phạm tục nằm bên ngoài sách vở. Bây giờ tôi nhận thức rằng sách cũng thường viết về sách: như thể chúng bàn luận về nhau vậy. Theo cách suy nghĩ này, Thư viện đối với tôi lại càng phức tạp hơn nữa. Như thế nó sẽ là nơi chứa đựng những lời thâm thì đằng đằng hàng bao thế kỷ, một cuộc đối thoại âm thầm giữa bản viết này với bản viết kia, một sinh vật sống, nơi ngự trị của những sức mạnh mà trí óc con người không thể chế ngự được, một kho báu đầy ắp những bí mật, phát sinh từ nhiều bộ óc lớn, những bí mật sống lâu hơn những học giả quá cố đã sản sinh ra hay truyền đạt chúng.

Tôi nói: - Thế thì cất giấu sách mà làm gì, nếu từ những quyển sách được tự do đọc, ta có thể tìm hiểu được những quyển sách cấm?

- Nếu qua nhiều thế kỷ thì chẳng có ích lợi gì. Nhưng trong khoảng thời gian vài năm hay vài ngày thì nó có tác dụng. Con thấy đấy, thực ra chúng ta bị hoang mang biết bao.

Tôi sững sờ hỏi: - Thế thì thư viện không phải là một công cụ để loan truyền sự thật, mà chính là nhằm trì hoãn sự xuất hiện của sự thật ư?

- Không nhất thiết và không phải luôn luôn như vậy. Trong trường hợp này thì quả đúng như thế.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TRƯA

*Adso đi đào nấm trủyp
và thấy phái đoàn dòng Khất thực đến,
họ bàn bạc rất lâu với William và Ubertino,
từ đó biết thêm nhiều điều lo buồn
về Giáo hoàng John XXII*

Sau những lời bàn luận như vậy, thầy tôi quyết định không xúc tiến gì thêm nữa. Tôi đã từng nói rằng, thầy tôi đôi khi có những giây phút hoàn toàn ngưng hoạt động, như thể vòng quay không ngừng của tinh tú đã đứng lại, và thầy đã ngừng theo. Buổi sáng hôm đó, thầy tôi cũng vậy. Ông nằm duỗi dài trên ổ rơm, nhìn chăm chăm vào cỏi hư vô, tay khoanh trên ngực, môi hơi mấp máy như đang đọc kinh, nhưng không đều đặn và thành tâm lắm.

Tôi tôn trọng những giây phút suy tư của thầy nên quay ra sân và thấy ánh dương đang yếu dần. Buổi sáng trong đẹp đến vậy mà bây giờ trời đã âm ướt, đầy sương mù. Những đám mây nặng trĩu từ phương Bắc bay về đang phủ tràn lên đỉnh núi một lớp sương mỏng. Đã bắt đầu thấy khó nhận ra những toà nhà ở đằng xa.

Tôi thấy dược thảo sư Severinus đang vui vẻ tập hợp những người nuôi lợn lại và lừa đàn lợn về. Huynh bảo sắp đi xuống thung lũng đào nấm trủyp. Tôi liền đi theo Huynh, vì tôi biết Huynh đi đào nấm để quên đi những biến cố buồn bã đang ám ảnh mọi người. Tôi nghĩ, khi giúp Huynh quên đi nỗi ưu tư của Huynh, có lẽ tôi sẽ, nếu không quên thì cũng vui đi, nỗi ưu tư của chính mình.

Buổi sáng toàn một màu xám đục, gần như sữa, mất hẳn đường chân trời, ngay cả nơi hẻm núi mở ra những bờ bãi xa. Khi chúng tôi chậm chậm đi xuống dốc núi, tôi chợt thấy phái đoàn của các thầy dòng Khất thực đang tiến lên. Tôi liền chạy bay về tu viện để báo cho thầy William biết.

Thầy William đợi đoàn khách mới tới bước vào tu viện và được Tu viện trưởng đón tiếp theo nghi lễ. Đoàn, thầy bước đến và mọi người trao đổi những lời chào hỏi và ôm nhau thân hữu.

Đã qua giờ ăn trưa, nhưng Tu viện trưởng gọi dọn thêm một bàn mới cho khách và tế nhị để chúng tôi ở lại với đoàn. Được miễn trừ các điều bó buộc của Giáo luật, còn lại một mình với thầy William, đoàn khách tự do ăn uống và trao đổi các suy nghĩ của mình. Dầu sao, xin Chúa tha thứ cho sự so sánh kỳ cục của con, nó cũng như một hội đồng chiến tranh được nhóm họp chớp nhoáng, trước khi đạo quân của kẻ thù là đoàn Avignon đến.

Khỏi cần phải nói là đoàn khách mới đến đã lập tức gặp Ubertino. Tất cả mọi người đều ngạc nhiên, sung sướng và kính trọng chào đón Cha, không chỉ vì ngưỡng mộ một thời gian vắng mặt đàng đẵng và những nỗi sợ hãi bao quanh sự mất tích này, mà còn vì những phẩm chất của người chiến sĩ kiên cường đã mấy thập kỷ nay cùng sát vai chiến đấu với họ.

Khi kể về cuộc họp ngày mai, tôi sẽ nói thêm về các thầy dòng trong đoàn. Thoạt tiên, chúng tôi trao đổi với nhau rất ít, vì tôi phải dự vào cuộc hội kiến tay ba giữa thầy William, Cha Ubertino và Cha Michael xứ Cesena. Tôi đã kể một ít về Cha Michael trong những trang trước. Bây giờ tôi hiểu rõ thêm nhiều quan điểm trái ngược nhau và những thay đổi chiến thuật chính trị đột ngột của Cha mà trong những năm vừa qua đã khiến các bạn bè và tín hữu của Cha kinh ngạc. Trước đây hai năm, Cha cùng với các tu sĩ của mình tại Đại hội chung ở Lyons, đã nói về Giáo hoàng với thái độ trung dung và kính trọng. Hôm nay, tại Tu viện này, Cha ngồi thân mật tại bàn với những người nói về Giáo Hoàng không một chút tôn kính, thậm chí còn

khinh miệt.

Tôi đã kể phần còn lại của câu chuyện. Giáo hoàng John triệu Cha Michael về Avignon. Bản thân Cha vừa muốn lại vừa không muốn đi, cuộc họp ngày mai sẽ quyết định hình thức và cách bảo đảm cho chuyến đi sắp tới, sao cho nó không được biểu lộ một thái độ thuận phục hay thách thức. Tôi nghĩ Cha Michael chưa hề đích thân gặp John bao giờ, hay ít ra là trong cương vị Giáo hoàng. Dầu sao, đã lâu rồi Cha không gặp Giáo hoàng, nên các bạn bè của Cha vội khắc hoạ tên buồn thần bán thánh ấy bằng những màu sắc đen tối nhất...

Tuy nhiên, các cuộc trò chuyện khác tại bàn ăn không giúp tôi hiểu thêm được các biến cố tôi đang kể lại bao nhiêu. Các tu sĩ dòng Khất thực đã nhất trí với nhau về lập trường của họ tại cuộc thương thảo ngày mai. Họ lần lượt đánh giá từng đối phương. Họ lưu tâm bàn bạc cái tin mà thầy William thông báo về sự xuất hiện của Bernard Gui, đặc biệt là tin Giáo chủ Bertrand del Poggetto sẽ chủ trì phái đoàn Avignon. Hai phán quan, quả thực là quá nhiều. Đó là dấu hiệu cho thấy họ định dùng cuộc tranh luận về dị giáo để chống lại dòng Khất thực.

Thầy William nói: - Càng đông càng tệ. Chúng ta sẽ xem họ như những kẻ dị giáo.

Cha Michael nói: - Không, không. Hãy tiến hành một cách thận trọng. Chúng ta không được gây nguy hại đến bất kỳ một sự thoả thuận nào.

- Theo con thấy, mặc dù con cũng đã bỏ công tiến hành việc tổ chức cuộc họp mặt này, Cha Michael biết con không tin rằng phe Avignon đến đây sẽ thu được thành quả nào. John đòi một mình Cha đến Avignon mà lại không có sự đảm bảo nào. Nhưng tối thiểu, cuộc họp sẽ có một nhiệm vụ là làm cho Cha hiểu được việc đó. Nếu Cha đến đó trước khi có kinh nghiệm này thì sự việc sẽ càng tệ hơn nữa.

Cha Michael chưa chát nói: - Thế là Huynh đã cật lực bỏ công mấy tháng

nay chỉ để xúc tiến một việc mà Huỳnh nghĩ là vô ích.

- Chính Hoàng đế và Cha đã yêu cầu con. Chung cuộc, việc hiểu rõ thêm kẻ thù của mình chẳng bao giờ là một việc vô ích cả.

Lúc đó người ta đến báo cho chúng tôi hay là phái đoàn thứ hai đã vào nội thành. Các tu sĩ dòng Khất thực đứng dậy và đi ra đón đoàn của Giáo hoàng.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ TRƯA

*Hồng y Giáo chủ Bertrand Del Poggetto,
cùng Bernard Gui và các thành viên khác
từ Avignon đến,
rồi mỗi người làm một việc khác.*

Những người đã biết nhau, những người chưa biết nhau, dù đã nghe nói đến nhau, tất cả đều chào hỏi nhau trong sân đầy vẻ dịu dàng. Bên cạnh Tu viện trưởng, Hồng Y Giáo chủ Bertrand Del Poggetto cư xử như một kẻ đã quen với uy quyền, như thể mình chính là Giáo hoàng thứ hai vậy. Đối với mọi người và với từng người, đặc biệt là các tu sĩ dòng Khất thực, hần mỉm cười thân ái, báo trước cuộc họp ngày mai sẽ dẫn đến một thoả thuận tốt đẹp, và chuyển đến mọi người những lời chúc lành, từ John XXII. Khi thầy William giới thiệu tôi như đệ tử và thư ký của thầy, hần xoè bàn tay đeo nhẫn ra cho tôi hôn, như kiểu phô nộ cười với những người khác.

Tôi lập tức chú ý đến người tôi đã nghe bàn tán nhiều nhất những ngày gần đây: Bernard Gui, như cách người Pháp gọi, hay Bernardo Guidoni hay Bernardo Guido, như cách gọi ở những nơi khác.

Đó là một tu sĩ dòng Dominic tuổi trạc bảy mươi, thân hình gầy và thẳng. Tôi chú ý đến đôi mắt xám của lão, nhìn đăm đăm mà không lộ chút cảm xúc nào. Tôi thường thấy chúng loé lên một ánh sáng khó hiểu, tinh ranh, vừa che dấu, vừa cố tình bộc lộ những suy nghĩ và đam mê của mình.

Trong khi mọi người chào hỏi nhau, lão không tỏ ra thân ái hay hữu hảo như những người khác, mà luôn luôn giữ vẻ lịch sự. Khi trông thấy

Ubertino, lão tỏ ra kính trọng, nhưng trừng trừng nhìn Cha, đến nỗi tôi phải rùng mình khó chịu. Khi chào Cha Michael lão mỉm cười bí ẩn và lạnh lùng thì thầm. “Cha đã đợi ở đó một thời gian nhi”. Tôi không thể bắt được trong câu nói đó một vẻ nôn nóng, một nét chế giễu, một mệnh lệnh, hay một dấu hiệu quan tâm nào. Lão gặp thầy William, và khi biết được thầy là ai, bèn nhìn thầy với vẻ nhả nhặn đầy căm thù. Tôi dám nói chắc rằng không phải gương mặt lão lộ ra những cảm xúc riêng đó, mà vì ắt hẳn lão muốn thầy William biết lão rất căm thù thầy. Thầy William đáp lại vẻ thù địch của Bernard Gui bằng một nụ cười thân ái, và nói:

- Bấy lâu nay, tôi vẫn hằng mong gặp một người mà uy tín lừng lẫy là bài học cho tôi noi theo và là lời khuyên răn soi đường cho nhiều quyết định quan trọng trong đời tôi. – Rõ ràng đó là những lời ca ngợi, gần như nịnh bợ nữa, đối với những ai chưa biết; nhưng Bernard thừa hiểu rằng, một trong những quyết định quan trọng nhất trong đời thầy William là từ nhiệm chức phán quan. Tôi có cảm tưởng rằng nếu thầy William hân hoan nhìn thấy Bernard bị tống vào ngục tối của triều đình, thì Bernard chắc hẳn cũng rất khoái chí thấy thầy William bị chết bất đắc kỳ tử. Vì Bernard ngày ấy nắm binh lực trong tay, tôi đâm ra lo sợ cho tính mạng của thầy tôi.

Tu viện trưởng hẳn đã báo cho Bernard biết về các án mạng trong tu viện. Giả vờ không để ý đến lời bóng gió sâu cay của thầy William, lão nói:

- Theo lời của Tu viện trưởng, và nhằm hoàn thành sứ mệnh đã uỷ thác cho tôi theo những điều khoản của hiệp định đã liên kết mọi chúng ta tại đây lại với nhau, bây giờ tôi phải can dự vào các biến cố đau thương đang nồng nặc mùi hôi tanh độc hại của ma quỷ. Tôi nói điều này vì tôi biết xưa kia, Huynh cũng như chúng tôi, đã chiến đấu trong mặt trận quân thiện dân binh chống quân ác.

Thầy William điềm tĩnh nói: - Đúng thế. Nhưng sau đó, tôi đã đổi bên rồi.

Bernard nhả nhặn chịu đòn: - Huynh có thể kể giúp tôi đôi điều về những

án mạng này chẳng?

Thầy William nhã nhặn nói: - Rất tiếc là không. Tôi không có kinh nghiệm như Huynh về các án mạng.

Từ đó trở đi, tôi mất dấu mọi người. Sau khi nói chuyện với Cha Michael và Ubertino, thầy William rút về phòng thư tịch. Thầy xin phép Malachi xem xét vài quyển sách nào đó, nhưng tôi không nghe được tựa. Malachi nhìn thầy với vẻ kỳ quái nhưng không thể từ chối. Lạ thay, không cần tìm kiếm những quyển sách này trong Thư viện, vì chúng đều nằm trên bàn giấy của Venantius. Thầy lao vào đọc sách, nên tôi chẳng dám quấy rầy.

Tôi xuống bếp và gặp Bernard Gui ở đó. Có lẽ lão muốn tìm hiểu cấu trúc của tu viện nên đi thăm thú khắp nơi. Tôi nghe lão dùng tiếng địa phương thăm vấn các đầu bếp và các tôi tớ khác, dường như thăm hỏi về mùa màng và cách điều hành công việc trong tu viện. Nhưng dù hỏi những câu vô thường vô phạt nhất, mắt lão cứ soi mói nhìn vào mắt người đối diện, rồi đột nhiên hỏi sang một câu khác, khiến người ấy lắp bắp, tái xanh mặt. Bằng một cách quái dị nào đó, lão đang tiến hành cuộc điều tra và khai thác một thứ vũ khí khủng khiếp mà mọi phán quan khi thi hành nhiệm vụ đều sử dụng: đó là nỗi sợ hãi những người khác. Vì bất kỳ ai, khi bị thẩm tra, do sợ hãi rằng mình sẽ bị nghi ngờ điều chi đó, thường kể cho phán quan bất luận điều gì có thể khiến phán quan nghi ngờ người khác.

Suốt buổi chiều, tôi thấy Bernard tiến hành điều tra theo kiểu đó, khi thì bên cối xay gió, khi thì trong nhà dòng. Nhưng lão gần như không bao giờ giáp mặt các tu sĩ, mà chỉ khai thác các nông dân hay những anh em ngoại đạo. Một chiến thuật ngược hẳn với chiến thuật của thầy William từ bấy lâu nay.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH CHIỀU

*Alinardo cung cấp những tin tức quý giá,
William bày phương pháp
đi đến một sự thật có khả năng đúng,
bằng một loạt các sai lầm hiển nhiên.*

Thầy William hớn hờ từ phòng thư tịch đi xuống. Trong khi đợi bữa ăn chiều, chúng tôi chợt gặp Alinardo trong nhà dòng. Nhớ lời Huynh dặn, tôi đưa cho Huynh nắm đậu kê hôm qua lấy được trong nhà bếp. Huynh cảm ơn tôi, rồi tọng một nắm đậu vào cái miệng móm sọm, nhai trệu trạo nói:

- Con thấy chứ? Cái xác kia cũng nằm đúng chỗ mà sách Mặc khải đã tiên tri... Giờ hãy đợi hồi kèn thứ tư!

Tôi hỏi, sao Huynh nghĩ rằng lời giải của chuỗi án mạng lại nằm trong sách Mặc khải? Huynh nhìn tôi kinh ngạc: - Sách của thánh John giải được mọi thứ! - Rồi Huynh nhăn mặt, chưa chát nói:

- Ta biết mà, ta đã nói mãi như thế cả một thời gian dài... Ta chính là người, con biết không, đã đề nghị với Tu viện trưởng... Tu viện trưởng lúc đó kia... thu thập càng nhiều lời bình về sách Mặc khải càng tốt. Ta sắp được làm quản thư viện... Thế rồi tên kia xoay sở sao đó được phái đi Silos, tìm ra những bản viết hay nhất, trở về với một đồng của cướp được thật đẹp... Ôi, gã biết nơi tìm kiếm, gã cũng nói ngôn ngữ của bọn vô thần... Thế là Thư viện được giao vào tay hắn mà không vào tay ta. Nhưng Chúa đã trừng phạt hắn và sớm đẩy hắn vào đêm trường tối tăm. Ha ha ha...

Ông lão già nua lắm cảm mà tôi vẫn thấy ngây thơ như một đứa trẻ con, giờ

bổng phá lên một tràng cười hiểm ác.

Thầy William hỏi: - Huynh đang nói đến tu sĩ nào vậy?

Alinardo sững sờ nhìn chúng tôi:

- Ta đã nói đến ai à? Ta không nhớ ... đã xa xưa lắm rồi. Nhưng Chúa trừng phạt, Chúa huỷ diệt, Chúa làm phai mờ ký ức. Nhiều hành động kiêu hãnh đã xảy ra trong Thư viện, đặc biệt sau khi nó lọt vào tay ngoại nhân. Chúa vẫn còn trừng phạt...

Chúng tôi không thể khai thác gì thêm ở ông lão nữa, nên bỏ đi, để lão tiếp tục lảm nhảm. Thầy William rất chú ý đến cái tin vừa rồi: - Alinardo là một người đáng lắng nghe, mỗi lần nói, lão lại cho biết một điều rất hay.

- Lần này, Huynh ấy nói gì thế?

- Adso ạ, giải quyết một điều bí ẩn không giống như dựa vào các giả thuyết ban đầu để suy luận đâu. Việc tìm kiếm trong các dữ kiện tự nhiên để phát hiện các qui luật, sự chứng minh được tiến hành hết sức gian khổ. Đương đầu với các dữ kiện không giải thích được, con phải cố hình dung ra nhiều qui luật chung, mà các mối liên hệ của chúng với các dữ kiện còn chưa nắm được. Rồi đột nhiên, trong mối liên hệ bất ngờ giữa một hệ quả, một tình huống đặc biệt và một trong các qui luật này, con chợt phát hiện ra một cách lý giải có vẻ đáng tin hơn những cách khác. Con sẽ cố ứng dụng nó vào các trường hợp tương tự, sử dụng nó để dự đoán trước và khám phá ra rằng linh cảm của mình đúng. Nhưng trước khi chung cuộc, con sẽ chẳng bao giờ biết dữ kiện nào là đúng để đưa vào hay gạt ra ngoài sự suy luận của con. Và đó chính là công việc thầy đang làm đây. Thầy sắp xếp rất nhiều các chi tiết riêng rẽ và thử đưa ra vài giả thuyết. Thầy phải đưa ra rất nhiều giả thuyết, nhiều cái ngớ ngẩn đến nỗi thầy xấu hổ chẳng dám kể cho con nghe. Con thấy đấy, trong trường hợp của chú ngựa Brunellus, khi trông thấy các dấu vết, thầy đã suy đoán ra nhiều giả thuyết bổ sung và trái ngược nhau: đó có thể là một con ngựa xông chuồng, có thể Tu viện trưởng

đã cưỡi con ngựa đẹp xuống núi, có thể con ngựa Brunellus để dấu chân trên tuyết, còn một con ngựa khác, Favellus chẳng hạn, đã vương lại vài sợi bờm trong bụi và ai đó đã làm gãy vài nhánh cây. Thầy chẳng biết giả thuyết nào đúng cả, cho đến khi thầy thấy quần hăm và các tôi tớ lo lắng đi lòng sục con ngựa. Thế rồi thầy hiểu giả thuyết về con ngựa Brunellus là giả thuyết duy nhất đúng, và thầy cố chứng minh với các tu sĩ như vậy. Thầy đã thắng, nhưng thầy cũng có thể thua. Những người khác cho thầy là khôn ngoan vì thầy đã thắng, nhưng họ không biết những lúc thầy thua vì ngu ngốc, họ không biết vài giây trước khi thắng, thầy còn chưa biết mình có thắng không. Bây giờ, đối với những biến cố trong tu viện, thầy có nhiều giả thuyết hay, nhưng chưa có dữ kiện nào khả dĩ hiển nhiên cho phép thầy tuyên bố giả thuyết nào là đúng nhất. Do đó, để về sau khỏi lộ vẻ ngu ngốc, thầy không nhận mình khôn ngoan từ bây giờ. Đừng bắt thầy suy nghĩ nữa, tôi thiểu là cho đến ngày mai.

Đến lúc đó, tôi mới hiểu được phương pháp luận của thầy tôi, nó hoàn toàn khác với phương pháp dựa trên các nguyên lý tiên nghiệm của các triết gia. Tôi hiểu, khi thầy chưa tìm được câu trả lời, thầy thường đưa ra nhiều lời giải hoàn toàn khác biệt. Lòng tôi vẫn còn hoang mang nên đánh bạo nói:

- Thế, nhưng.... thầy vẫn còn cách xa giải đáp lắm mà....
- Thầy đã đến gần một giải đáp, nhưng chưa biết cái nào.
- Như thế, thầy không có một lời đáp cho các vấn đề đặt ra.
- Adso ạ, giá có, thầy sẽ đi dạy thần học ở Paris.
- Ở Paris, lúc nào cũng có lời giải đáp đúng đắn ư?
- Không bao giờ, họ biết rất rõ về những sai lầm của mình

Tôi hỏi với giọng gắt gỏng trẻ con: - Thế thầy không bao giờ phạm sai lầm à?

- Thường chứ. Nhưng thay vì nghĩ ra một, thầy lại tưởng tượng thêm nhiều, thế nên thầy không làm nô lệ cho cái nào cả.

Tôi có cảm giác thầy William không hề chú tâm đến sự thật, một điều không có ý nghĩa gì ngoài sự điều chỉnh giữa sự vật và tri thức. Ngược lại, thầy thích thú tưởng tượng xem có bao nhiêu khả năng có thể thực hiện được.

Tôi thú thực, lúc đó, tôi đâm chán ngán ông thầy của tôi và thầm nghĩ “May quá, phán quan đã đến”. Khao khát muốn tìm hiểu sự thật, tôi ngả về phe Bernard Gui.

Bị giằng xé trong tâm trạng phạm tội này còn hơn cả Judas bán Chúa trong đêm thứ năm tuần Thánh, tôi cùng với thầy William đến nhà ăn dùng bữa tối.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TÔI

Salvatore kể về một bữa mê dị thường

Bữa ăn tối dành cho phái đoàn thật hảo hạng. Tu viện trưởng hẳn rất am tường thói háu ăn của con người và các nghi thức trong triều đình Giáo hoàng. Đầu bếp bảo tôi biết mấy con heo vừa mổ định làm tiết canh theo công thức của miền Cassino, nhưng do cái chết thảm thương của Venantius, họ buộc phải đổ tất cả huyết đi nên cuối cùng, phải mổ thêm vài con nữa. Tôi tin rằng mấy ngày đó, ai cũng sợ ý nghĩ phải giết các sinh vật của Chúa. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn có bồ câu ra-gu tiềm rượu vang, thỏ quay, chả nướng bọc bột thánh Clare, cơm nấu quả hạnh trồng trên đồi, ô-liu nhồi, phô-mai chiên, thịt cừu sốt tiêu sống, đậu trắng và những thức bánh ngọt tuyệt hảo, bánh bông lan thánh Bernard, bánh thánh Nicholas, bánh bao thánh Lucy, rồi các loại rượu vang, rượu thuốc, khiến ai cũng hứng khởi vui vẻ, ngay cả Bernard Gui thường vẫn rất khắc nghiệt. Dường như đây là bữa tiệc của những tên háu ăn, chỉ khác là mỗi khi ăn một miếng hay hớp một ngụm rượu, họ liền thành kính đọc kinh.

Sau cùng, mọi người đều vui vẻ đứng dậy, vài người nêu có bị đau chi đó để khỏi xuống dự Kinh Tối, nhưng Tu viện trưởng cũng không phiền trách gì. Không phải ai cũng được hưởng quyền lợi và tuân thủ những nghĩa vụ áp dụng cho những người theo dòng tu của chúng tôi.

Khi các tu sĩ chia tay, tôi tò mò nán lại trong nhà bếp, nơi họ đang chuẩn bị khóa cửa khi đêm xuống. Tôi thấy Salvatore cấp một cái bọc lên ra vườn. Bị óc hiếu kỳ thúc giục, tôi chạy theo và gọi hắn. Hắn cố tránh tôi, nhưng

khi tôi hỏi thì hấn bảo trong cái bọc đang ngo nguậy đó có một con rắn thần.

- Hãy coi chừng lũ rắn! giống xà tinh này đầy thuốc độc, tỏa sáng ra bên ngoài! Tôi nói gì thế, ngay cả mùi tanh cũng tỏa ra giết người! Đầu độc anh... Lưng nó có đốm đen, đầu gà, nửa thân dựng đứng trên mặt đất, nửa thân bò trườn như các loài rắn khác. Rồi nó giết người đẹp nhỏ bé...

- Người đẹp nhỏ bé?

- Ừa, con vật nhỏ bé mà, chỉ dài hơn con chuột một chút xíu, à, còn gọi là chuột xạ, là xà hay lã. Khi chúng cắn, người đẹp sẽ chạy đi kiếm fenicula hay Cicerbita rồi nhai nó, và trở lại với battaglia. Họ nói nó sinh sản qua mắt, nhưng phần lớn nói sai.

Tôi hỏi hấn dùng con rắn thần làm gì thì hấn bảo đó là việc riêng của mình. Lòng tôi tràn ngập hiếu kỳ nên bảo rằng với bao nhiêu cái chết trong mấy ngày nay rồi, không thể để xảy ra điều gì lén lút bí mật nữa, tôi sẽ mách với thầy William. Thế rồi Salvatore hết sức nài nỉ tôi đừng mách, hấn mở cái bọc ra và đưa cho tôi xem một con mèo đen. Hấn kéo tôi lại gần, cười nham nhở nói rằng, hấn không muốn viên quản hàm nhiều quyền hành hay một tu sinh trẻ tuổi đẹp trai như tôi được hưởng tình yêu của các thôn nữ nữa, trong khi hấn chẳng được gì sất vì xấu xí, thậm hại khốn khổ. Nhưng hấn có biết một loại bùa quái quỷ có thể khiến mọi phụ nữ đều yêu hấn. Người ta phải giết một con mèo đen, móc mắt nó ra, nhét vào trong hai quả trứng của một con gà mái đen, mỗi trứng một con mắt. Rồi để trứng thối rữa trong một đồng phân ngựa, và mỗi trứng sẽ sinh ra một con quỷ nhỏ phục tùng mình, đem lại cho mình mọi lạc thú của cõi đời. Nhưng tiếc thay, muốn bùa yêu này được kiến hiệu, Salvatore bảo rằng người phụ nữ mà hấn khao khát phải nhỏ nước bọt lên hai quả trứng, trước khi vùi chúng vào đồng phân ngựa. Việc này làm hấn đau đầu vì thế đêm nay hấn phải đem cô gái ấy vào, dù cô ta làm phép mà không cho biết nguyên do.

Mặt tôi nóng bừng bừng, toàn thân sôi lên, và yếu ớt cất tiếng hỏi xem có phải đêm nay, hắn sẽ đưa chính cô gái ấy vào tu viện không. Hắn cười chế giễu tôi, bảo tôi thực đã nổi lòng tà dâm rồi. Hắn bảo, trong làng có hàng đồng con gái, hắn sẽ đưa vào một cô khác, còn đẹp hơn cả cô gái tôi thích nữa. Tôi nghĩ, hắn nói dối để đuổi tôi đi. Nhưng tôi làm gì được hắn cơ chứ? Theo dõi hắn suốt đêm, trong khi thầy William đợi tôi làm một công việc khác à? Và gặp lại nàng, người con gái mà lý trí tôi xua đi xa, còn lòng tôi thì cứ níu gần lại, người tôi chẳng nên gặp lại, dù tim vẫn khao khát nhớ mong ư? Hắn là không rồi. Thế là tôi tự nhủ lòng rằng Salvatore đã nói thực về chuyện cô gái, hay có thể mọi thứ hắn nói đều lão toét, cái bùa yêu hắn miêu tả ban nãy chỉ là sản phẩm tưởng tượng của cái đầu óc ngây ngô, mê tín của hắn, và hắn sẽ chẳng làm gì cả.

Tôi nổi cáu, bảo hắn rằng đêm nay, hắn nên liệu hồn đi ngủ, vì các cung thủ sẽ tuần tra khắp tu viện. Hắn đáp là hắn biết rành tu viện hơn mấy tay cung thủ, và chẳng ai nhìn thấy ai trong trời sương mù như thế này. Hắn còn bảo tôi nên rút đi, sẽ chẳng gặp hắn được nữa đâu, dù hắn có đang vui thú với cô gái tôi yêu chỉ cách một thước chẳng nữa. Hắn dùng nhiều từ để diễn tả, nhưng đó là ý hắn muốn nói. Tôi giận dữ bỏ đi, vì một tu sinh cao quý như tôi không đáng cãi nhau với một tên hạ tiện như vậy.

Tôi đến gặp thầy William và làm theo kế hoạch. Nghĩa là, chúng tôi đứng dự Kinh Tối ở phía sau gian giữa của giáo đường, như thế, khi tan lễ, chúng tôi sẽ sẵn sàng thực hiện cuộc thám hiểm lần thứ hai vào sâu trong lòng Mê Cung.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

SAU KINH TỐI

*Viếng Mê Cung lần nữa,
đến ngưỡng cửa “finis Africae”,
nhưng không đột nhập được
vì chưa hiểu cái thứ nhất và cái thứ bảy
của thứ tư là gì.
Cuối cùng Adso lại nhuộm bệnh tương tư,
dù cũng chóng qua*

Chuyến viếng thăm Thư Viện lần này đòi hỏi nhiều giờ làm việc đằng đẵng. Miêu tả bằng lời thì việc xác minh mà chúng tôi định thực hiện rất đơn giản, nhưng quá trình vừa soi đèn vừa đọc các bản khắc chữ, đánh dấu các lối đi và các bức tường trống lên bản đồ, ghi lại các mẫu tự đầu và len lỏi theo nhiều con đường khác nhau, thật là dài và buồn tẻ.

Trời lạnh buốt. Đêm không có gió, nên chúng tôi không nghe những tiếng rít khe khẽ mà đêm đầu tiên đã khiến chúng tôi hoảng sợ, thay vào đó là luồng hơi băng ẩm ướt từ các khe hẹp tràn vào. Chúng tôi đeo găng len vào để cầm sách khỏi cóng tay, nhưng đó là loại găng hở đầu ngón để dùng khi viết trong mùa đông, nên chốc chốc, chúng tôi lại phải hơ tay lên lửa, khoanh tay vào ngực hay vỗ đóm đập vào nhau, lò dò đi mà người lạnh cóng.

Do đó, chúng tôi tiến hành công việc không được liên tục lắm. Chúng tôi dừng lại ngắm nghía các kệ sách, thầy William, mắt đeo kính mới, có thể nán lại đọc sách; mỗi lần phát hiện một tựa sách, thầy lại reo lên mừng rỡ,

có lẽ vì thầy biết quyển sách đó, hoặc giả thầy đã tìm đọc nó hàng bao lâu nay, hoặc thầy chưa nghe ai nhắc đến nó, nên vô cùng xúc động. Tóm lại, đối với thầy, mỗi quyển sách là một con thú diệu kỳ vừa tìm thấy trong một miền đất xa lạ. Vừa giở một bản viết, thầy vừa bảo tôi tìm các bản khác.

Tôi vừa nắm một quyển sách được minh họa tuyệt đẹp, với những mê cung rau quả, có rắn, khí, thò đầu ra “Hãy nghe những lời này: Cantamen, Collamen, Gongelamen, Stemiamen, Plasmamem, Sonerus, Alboreus, Gaudifluus, Glaucicomus...”

Thầy William nói dịu dàng:

- Các hòn đảo quê thầy đó. Đừng quá khó tính với những tu sĩ từ miền Hibernia [1] xa xôi. Có lẽ, ngày nào tu viện này còn tồn tại, chúng ta còn nói đến Thánh Đê La Mã, thì chúng ta còn phải ơn họ...

- Những hình vẽ này... Thật không tin nổi vào mắt mình nữa! Nhiều màu sắc quá! – Tôi nói, cố thu hết tất cả vào mắt.

- Chúng từ một miền đất không có mấy màu sắc, một mảng trời xanh và mênh mông màu lục. Nhưng chúng ta không được đứng đây bàn cãi về các tu sĩ Hibernia mãi được. Thầy muốn biết tại sao sách của họ lại ở đây cùng với các tác giả người Anh và các nhà ngữ pháp học của các nước khác. Con nhìn sơ đồ của con xem, chúng ta đang ở đâu vậy?

- Trong các phòng của ngọn tháp phía Tây. Con cũng đã ghi lại các bản khắc. Như thế là, sau khi rời phòng không có cửa sổ, chúng ta vào phòng bảy cạnh và mỗi phòng trong tháp chỉ có một lối vào duy nhất: mẫu tự màu đỏ là H. Rồi chúng ta đi từ phòng này sang phòng khác quanh ngọn tháp, và trở lại căn phòng không có cửa sổ. Sự phối hợp của các mẫu tự khép thành... thầy nói đúng! HIBERNIA!

- HIBERNIA, nếu chúng ta đi từ phòng không có cửa sổ trở lại phòng bảy cạnh, vì cũng như mọi phòng bảy cạnh khác, nó mang mẫu tự A, bắt đầu của *Apocalypsis* [2]. Do đó, có các tác phẩm của những tác giả miền Ultima

Thule [3], các nhà ngữ pháp học và tu từ học, vì những người sắp xếp Thư viện nghĩ rằng một nhà ngữ pháp học phải đặt cùng với các nhà ngữ pháp học Hibernia, dù người ấy có xuất xứ từ Toulouse chẳng nữa. Đó là một tiêu chuẩn. Con thấy chưa? Chúng ta bắt đầu hiểu được vài điều rồi đó.

- Nhưng trong các phòng ở ngọn tháp phía đông, nơi chúng ta khởi hành, lại đọc thấy FONS, ... có nghĩa là gì chứ?

- Hãy đọc kỹ bản đồ của con. Con cứ đọc các mẫu tự trong các phòng tiếp theo, theo trật tự ta đến.

- FONS ADIEU...

- Không, FONS ADAE[4]. U là phòng không có cửa sổ thứ hai ở hướng đông, thầy nhớ mà, có lẽ nó khớp với một sự phối hợp khác. Và chúng ta đã tìm thấy gì trong thiên đàng hạ giới đó? Nên nhớ rằng căn phòng có bàn thờ hướng về mặt trời rạng đông đặt tại đó.

- Ở đó có rất nhiều Thánh Kinh, sách giảng Thánh kinh và toàn các sách kinh.

- Con thấy đó, lời của Chúa ứng hợp với thiên đàng hạ giới, mà như mọi người nói là nằm mãi tận phương đông. Và tại đây, về phương tây: HIBERNIA.

- Như thế, đồ án của Thư viện tái hiện lại bản đồ của thế giới à?

- Có thể. Sách được sắp xếp dựa theo xuất xứ từng nước hay theo quê quán của tác giả, hay như trong trường hợp này là theo nơi mà đáng lẽ họ phải sinh ra. Các quản thư viện cho rằng nhà ngữ pháp học Virgil [5] sinh nhằm tại Toulouse, đáng lẽ ông phải sinh tại các quần đảo phương tây mới phải. Họ đã chỉnh lại các sai lầm của tự nhiên.

Chúng tôi tiếp tục đi, xuyên qua một dãy phòng đầy những sách Mặc khải tuyệt đẹp, một trong số đó là phòng tôi đã bị ảo giác. Chúng tôi lại thấy ánh sáng chập chờn từ xa. Thầy William bịt mũi, chạy tới dập tắt lửa và nhỏ nước bọt vào đồng tro tàn. Chúng tôi băng vội qua căn phòng cho chắc,

nhưng tôi nhớ ra mình đã thấy một quyển sách Mặc khải có nhiều màu, có vẽ hình một phụ nữ và một con rồng. Chúng tôi tái lập sự phối hợp của các căn phòng, khởi đầu từ phòng chúng tôi vào sau cùng, có mang mẫu tự đầu màu đỏ Y, Đảo ngược lại, chúng tôi có từ YSPANIA [6], nhưng mẫu tự cuối cùng A, cũng là mẫu tự kết thúc HIBERNIA. Thầy William bảo đó là dấu hiệu cho thấy có vài phòng chứa đựng những tác phẩm thể loại hỗn hợp.

Khu vực được đặt tên YSPANIA dường như chứa rất nhiều bản chép tay sách Mặc khải, tất cả đều làm rất đẹp theo trường phái nghệ thuật Hispania[7]. Chúng tôi nhận thấy có lẽ thư viện này là nơi có bộ sưu tập phong phú nhất các bản sao sách của các tông đồ hiện có trong xứ đạo, và một lượng vô cùng lớn các sách giảng về loại này.

Trong khi quan sát như thế, chúng tôi đến tháp phía nam mà đêm nọ chúng tôi đã đi qua. Căn phòng không cửa sổ mang mẫu tự S của khu YSPANIA dẫn vào phòng E, và sau đó xuyên dần qua năm phòng trong ngọn tháp, chúng tôi đến phòng cuối cùng không có lối ra nào khác mang mẫu tự đỏ L. Đảo ngược lại, chúng tôi có LEONES[8]

- Sư tử phương Nam. Trên bản đồ chúng ta đang ở Châu Phi, và đây là sư tử. Điều đó giải thích tại sao chúng ta thấy có nhiều bản viết của các tác giả vô thần như vậy.

- Còn nhiều nữa đây này, - tôi lục lọi trong các kệ sách – "*Canon*" của Avicenna, và một bản viết chữ đẹp mà con không nhận ra.

- Theo cách trang trí, thầy thấy đó là Kinh Koran của đạo Hồi, nhưng rất tiếc, thầy không biết tiếng Ả Rập.

- Kinh Koran, Thánh kinh của bọn vô thần, một quyển sách sa đọa...

- Nó chứa đựng một tư tưởng khác với chúng ta. Nhưng con hiểu tại sao họ lại xếp quyển sách này ở đây, nơi có sư tử và những con quái vật. Thế nên chúng ta sẽ gặp sách về các quái vật, kỳ lân. Khu vực LEONES này chứa những quyển sách mà những người sáng lập Thư viện xem là sách giả trá.

Sách gì thế kia?

- Sách bằng tiếng La Tinh, nhưng gốc từ Ả rập. Ayyub al Ruhawi, luận thuyết về bệnh chó dại. Còn đây là sách về kho tàng. Và “*Luận về “Những hình bóng”*” của Alhazen[9]

- Con thấy đó, trong số các quái vật và điều giả trá, họ cũng sắp vào đây các công trình khoa học mà giáo dân phải học tập rất nhiều. Đó là cách suy nghĩ vào thời họ xây Thư viện

- Nhưng tại sao họ cũng xếp sách về kỳ lân lẫn trong các sách giả trá.

- Rõ ràng các nhà sáng lập Thư viện có những tư tưởng lạ lùng. Họ hẳn tin rằng một quyển sách viết về những thú vật hoang đường, sống ở những miền đất xa xôi, phải nằm trong danh mục sách giả trá, được những người vô thần truyền bá.

- Kỳ lân, sư tử, tác giả Ả rập và người Ma rốc nói chung. Thảo nào đây là khu Phi châu mà các tu sĩ nói đến.

- Chắc chắn nó đây. Và nếu thế thì chúng ta nên đi tìm các nhà thơ châu Phi mà Pacificus nhắc tới đi.

Quả thật, khi bước lui về phòng L, chúng tôi thấy trên một kệ sách bộ sưu tập các tập thơ của Floro, Fronto, Apuleius, Martianus Capella và Fulgentius

Tôi nói: - Ra đây là nơi mà Berengar nói có lời giải cho một bí mật nào đó.

- Gần như là ở đây. Berengar dùng câu “*finis Africae*” và chính cách nói này đã khiến Malachi nổi giận. Tận cùng có thể là phòng cuối cùng, trừ phi... - Thầy chợt hét lên: - Thánh Thần ơi! Con không để ý gì sao?

- Gì ạ?

- Hãy quay lại phòng S, nơi khởi hành ngay!

Chúng tôi quay lại phòng không cửa sổ đầu tiên, có khắc dòng thơ: “*Super thronos viginti quatuor*”[10]. Phòng có hai cửa. Một cửa dẫn vào phòng Y, có một cửa sổ nhìn xuống lồng cầu thang bát giác bên trong. Một cửa khác

dẫn vào phòng P, nằm dọc theo tường ngoài, tiếp theo chuỗi kết hợp của YSPANIA. Cửa về phía tháp dẫn vào phòng E mà chúng tôi vừa bước qua. Rồi đến một bức tường trống, và cuối cùng là cửa dẫn vào một phòng không có cửa sổ thứ hai, mẫu tự đầu là U. Phòng đó là phòng có gắn tấm gương, may thay là ở trên bức tường ngay bên tay phải tôi, nếu không, tôi lại phát hoảng lên rồi.

Nhìn kỹ bản đồ, tôi thấy phòng này rất kỳ lạ. Giống như căn phòng không cửa sổ khác của ba ngọn tháp kia, phòng này đáng lẽ phải dẫn vào phòng bảy cạnh ở trung tâm. Nếu không thì cửa vào phòng bảy cạnh phải ở trong phòng không cửa sổ, kể là phòng U. Nhưng phòng U này, ngoài một cửa dẫn vào phòng T, có một cửa sổ nhìn xuống lòng bát giác, và một cửa khác nối với phòng S, ba bức tường kia đều đầy nghẹt sách. Nhìn quanh chúng tôi khẳng định điều đã rõ ràng trên bản đồ; theo cách lập luận lô-gic cũng như phép cân xứng chặt chẽ, ngọn tháp phía nam này đáng lẽ phải có một phòng bảy cạnh, thì lại chẳng có phòng nào như thế cả. Tôi nói:

- Không, chẳng có phòng bảy cạnh nào.

- Không, không phải thế. Nếu không có phòng bảy cạnh thì các phòng khác kích thước sẽ rộng hơn, trong khi đó các phòng này ít nhiều cũng giống hình dáng các phòng trong các tháp kia. Vậy phòng bảy cạnh đó có, nhưng không đến được.

- Nó bị tường bít kín à?

- Có thể. Và chính đó là “Finis Africae”, nơi mà các tu sĩ quá cố vì hiếu kỳ đã lãng vãng chung quanh. Nó bị tường bít kín, nhưng không có nghĩa là không có lối vào. Quả thực, phải có một lối vào, và Venantius đã tìm thấy nó, hay đã được Adelmo miêu tả nó, sau khi Adelmo moi được từ Berengar. Hãy đọc lại các ghi chú của Venantius.

Thầy rút từ áo dòng ra mảnh giấy của Venantius và đọc lại: “Đặt tay trên thần thứ nhất và thứ bảy của thứ tư”. Thầy nhìn quanh: - Ủa, đúng rồi

“Thần” là hình ảnh ở trong gương! Venantius nghĩ bằng tiếng Hy Lạp vì trong ngôn ngữ đó, còn rõ hơn trong ngôn ngữ của chúng ta nữa, từ "eidolon" vừa có nghĩa là hình ảnh vừa là ma, và tấm gương phản chiếu chính hình ảnh biến dạng của chúng ta, khiến chúng ta nhầm tưởng là bóng ma đấy! Thế nhưng, cái gì là cái thứ tư "trên thần" nhỉ? Một cái gì trên bề mặt phản chiếu này à? Thế thì chúng ta phải đặt mình vào một góc cạnh nhất định nào đủ để nhận ra một vật phản chiếu trong tấm gương, ứng hợp với sự miêu tả của Venantius...

Chúng tôi thử ở mọi vị trí, nhưng vô ích. Ngoài hình ảnh của chúng tôi ra, tấm gương chỉ phản chiếu những đường nét mờ ảo của căn phòng, dưới ánh đèn tù mù... Thầy William suy nghĩ:

- Thế thì, khi nói “trên thần”, Huynh ấy có thể muốn chỉ bên ngoài tấm gương... như vậy chúng ta buộc phải sang phòng kế, vì tấm gương này chắc hẳn là một cánh cửa...

Gương này cao hơn tầm thước một người trung bình, được gắn chặt vào tường, nhờ một khung gỗ sồi chắc chắn. Chúng tôi sờ khắp nơi, cố đút ngón tay vào kẽ giữa tường và khung gỗ, nhưng tấm gương dính chặt cứng ngắc như một thành phần của bức tường, như một viên đá trong đồng đá.

- Nếu không phải bên ngoài, thì có thể là bên trên. – Thầy William thăm thì và kiểm tra, giơ tay lên sờ dọc theo cạnh trên của khung gỗ. Thầy chẳng thấy gì ngoài bụi. Thầy buồn bã suy nghĩ:

- Về chuyện này, dù bên ngoài tấm gương này có một căn phòng thì quyển sách mà chúng ta và các tu sĩ khác tìm kiếm cũng chẳng còn trong phòng đó nữa, vì đầu tiên, Venantius đã lấy nó đi và rồi Berengar đã mang nó đi đâu chỉ có Chúa mới biết.

- Nhưng có lẽ Berengar đã mang nó trở lại đây.

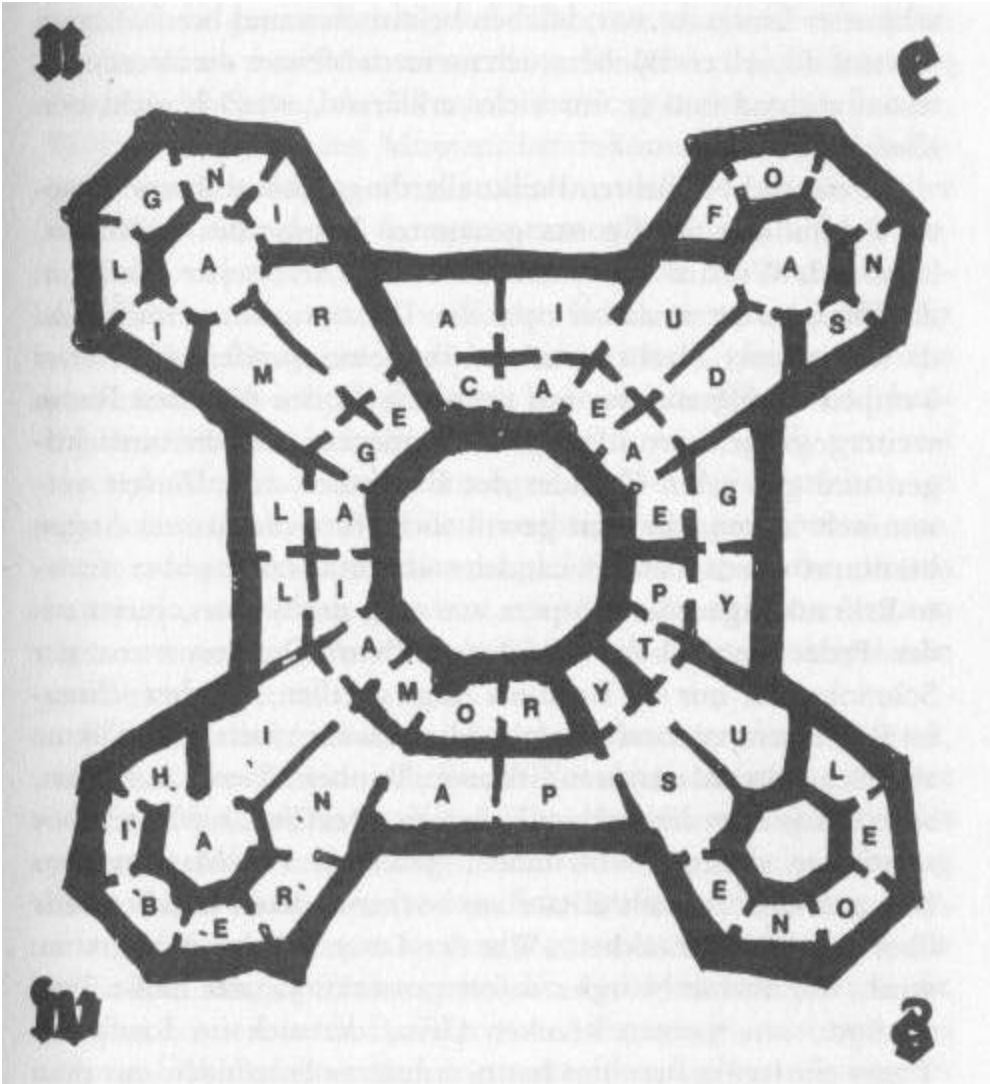
- Không, đêm đó chúng ta đang ở trong thư viện, và mọi dữ kiện đều cho thấy Huynh ấy chết sau khi trộm quyển sách chẳng bao lâu, cũng trong

cùng đêm ấy, trong nhà tắm. Nếu không, chúng ta đã gặp lại Huynh ấy buổi sáng kế tiếp rồi. Chẳng sao... Tạm thời, chúng ta đã xác định được “finis Africae” là ở đâu và đã thu thập được gần như đầy đủ các dữ kiện cần thiết để hoàn thiện tấm bản đồ thư viện, của chúng ta. Con phải công nhận rằng, nhiều bí ẩn trong Mê cung đã được sáng tỏ.

Chúng tôi đã đi qua các phòng khác, ghi lại tất cả các phát hiện của chúng tôi lên bản đồ. Chúng tôi đến những phòng chỉ chất toàn các bản viết về toán học và thiên văn học, những phòng khác chứa các tác phẩm viết bằng chữ Xy-ri mà thầy trò tôi chẳng ai biết, các phòng khác nữa xếp sách viết bằng thứ chữ khó nhận ra, có lẽ là các bản viết từ Ấn độ. Chúng tôi đi lại giữa hai chuỗi phối hợp JUDAEA[11] và AEGYPTUS[12]. Tóm lại, để đọc giả khỏi nhầm chán vì trình tự giải mã của chúng tôi, sau khi đã hoàn tất bản đồ, chúng tôi tin rằng thư viện quả thực đã được xây cất và sắp xếp theo hình ảnh của một quả cầu đất và nước. Về hướng bắc, chúng tôi thấy ANGLIA[13] và GERMANI[14], dọc theo bức tường phía tây nối với GALLIA[15], rồi ở cực tây biến thành HIBERNIA, và về hướng tường nam là ROMA (thiên đường của La tinh cổ đại) và YSPANIA. Mạn nam có LEONES và AEGYPTUS, dần lên hướng đông trở thành JUDAEA và FONS ADAE. Giữa tháp đông và bắc, dọc theo tường là ACAI, thầy William bảo đây là một phép cải dung hay để chỉ Hy Lạp, và trong bốn phòng đó có một kho chứa sách của các nhà thơ và triết gia thời đa thần cổ xưa.

Hệ thống sắp từ rất kỳ quặc. Lúc thì hướng thẳng, lúc thì giạt lùi, lúc thì chạy vòng. Như tôi đã nói, nhiều khi cùng một mẫu tự được dùng để cấu tạo hai từ khác nhau; trong trường hợp này, căn phòng có hai kệ: mỗi kệ một đề tài. Nhưng rõ ràng tìm kiếm một khuôn vàng trong cách sắp xếp này chỉ hoài công. Nó thuần túy chỉ là một công cụ nhớ, cho phép quản thư viện tìm được một tác phẩm nhất định nào đó. Một quyển sách tìm thấy trong

“quarta Acaiae” có nghĩa là quyển sách đó nằm trong phòng thứ tư, đếm từ phòng trong đó xuất hiện mẫu tự đầu A. Và để tìm đến phòng này, quản thư viện phải thuộc lòng con đường vòng hay thẳng dẫn đến nó, cũng như ACAI được phân bố trên bốn phòng xếp thành hình vuông. Thế là chúng tôi nhanh chóng học được trò chơi của những bức tường trống. Thí dụ, từ hướng đông đi đến ACAI, người ta sẽ thấy không có phòng nào dẫn sang các phòng kế đó: mê cung chấm dứt ở khu vực này, và muốn đến ngọn tháp phía bắc, người ta phải đi xuyên suốt ba ngọn tháp kia. Nhưng dĩ nhiên, các quản thư viện vào từ FONS, sẽ thừa biết rằng muốn đến, thí dụ như ANGLIA chẳng hạn, sẽ phải qua AEGYPTUS, YSPANIA, GALLIA và GERMANI mà thôi.



Cuộc thám hiểm thư viện của chúng tôi kết thúc với những thành quả tốt đẹp như thế. Nhưng trước khi bảo rằng chúng tôi khoan khoái rời Thư viện, tôi xin thú thực cùng quý độc giả một điều.

Cuộc thám hiểm của chúng tôi được tiến hành với mục tiêu chính yếu là tìm cho ra chìa khóa chỉ lối vào nơi bí ẩn này. Tuy nhiên, trong khi đánh dấu sự sắp xếp và đề tài của các phòng, chúng tôi cũng có nán lại giờ xem nhiều loại sách, tựa như thám hiểm một lục địa bí ẩn hay một miền đất lạ. Cuộc thám hiểm thứ hai này thường được đồng tình tiến hành khi thầy trò tôi xem lướt qua cùng loại sách, tôi chỉ cho thầy xem những quyển lạ nhất còn thầy

giải thích cho tôi những điều tôi chưa hiểu.

Nhưng đến một điểm nọ, khi chúng tôi vừa mới đi quanh các phòng trong ngọn tháp phía nam thuộc khu LEONES, thầy tôi chợt dừng tại một phòng đầy sách Ả rập với nhiều hình vẽ dị thường. Vì đêm đó, chúng tôi đem theo hai ngọn đèn nên tôi bèn tò mò bước sang phòng kế, và nhận ra rằng đồ án thông thái và kín đáo của Thư viện đã tích lũy vào bức tường này những quyển sách không thể đưa cho ai đọc, vì chúng được viết về các loại bệnh trong tâm xác, dưới nhiều dạng khác nhau và hầu như toàn do các học giả vô thần viết. Một quyển sách đập vào mắt tôi, nó không lớn, nhưng được minh họa bằng những hình vẽ thu nhỏ. Tựa sách là “*Giương tình yêu*”[16], tác giả: Maximus xứ Bologna, bao gồm nhiều câu trích dẫn từ các tác phẩm khác, tất cả đều nói về bệnh tương tư. Chắc quý độc giả thừa hiểu rằng quyển sách đã thổi bùng lên ngọn lửa trong trí óc tôi, từ sáng đến giờ vốn đã nguội lạnh, khiến nó thốn thức nhớ đến hình ảnh cô gái.

Suốt ngày hôm nay, tôi đã cố xua đi nỗi phiền muộn của mình, nhắc đi nhắc lại rằng một tu sinh minh mẫn, thẳng băng chớ nên suy nghĩ như vậy. Hơn thế, trong ngày đã xảy ra nhiều biến cố căng thẳng, nên lòng tôi cũng nguôi ngoai khuây khỏa, tôi nghĩ mình đã thôi bị cơn bứt rứt thoáng qua dày vò nữa. Thế nhưng mới chỉ xem qua quyển sách, tôi liền phát hiện mình bị bệnh thất tình nặng hơn mình nghĩ. Tôi liếc vội vàng qua các trang sách vì sợ thầy William bước vào hỏi tôi đang nghiên ngẫm thứ gì say mê thế, tin rằng tôi đang mắc một thứ bệnh, có thể nói là bình thường, như vô số người đã mắc phải, và có thể xem tôi như một con bệnh mẫu vậy.

Tôi rất xúc động khi đọc các trang sách của Ibn-Hazm, ông định nghĩa tình yêu là một thứ bệnh có thể tự chữa trị, vì cơn bệnh không muốn lành và không thích ai chạy chữa. Tôi kinh hoàng đọc thấy một người yêu đương cuồng nhiệt, khi không được gặp đối tượng thương yêu của mình, thì thể xác sẽ khô héo và thường phải nằm liệt giường, đôi khi cơn bệnh tấn công

não bộ khiến con bệnh mất trí, nói năng lảm nhảm. Nếu bệnh càng trầm kha thì cái chết sẽ theo liền, tôi tự hỏi không biết niềm vui được nhớ nhung này có đáng hy sinh thân xác cao quý của mình như vậy không, chưa kể đến những nỗi đau khác trong tâm hồn.

Cuối cùng, tôi chẳng nghi ngờ gì về bệnh tình trầm trọng của mình khi đọc các lời trích dẫn từ học giả vĩ đại Avicenna. Tiếc thay Avicenna đã đưa ra một phương pháp chữa trị là cho đôi tình nhân thành vợ thành chồng với nhau, như vậy sẽ chữa lành bệnh. Ông quả thực là một người vô thần, dù rất khôn ngoan đi nữa, vì không xem xét đến hiện trạng của một tu sinh dòng Benedict, như thế người ấy sẽ bị đọa đày, hay đúng hơn, được tôn phong không bao giờ lành bệnh. Cũng may Avicenna có xem xét đến trường hợp của những tình nhân không thành hôn với nhau được, và đề nghị phương pháp điều trị triệt để là tắm nước nóng. Thế có phải hôm nọ Berengar tắm nước nóng để chữa bệnh thất tình của mình đối với tình nhân Adelmo quá cố không nhỉ? Nhưng có phải người ta mắc bệnh thất tình đối với người cùng phái, hay đó chỉ là nhục dục thú vật? Avicenna cũng đưa ra cách chữa trị khác, chẳng hạn như nhờ một mục giả chuyên nghiệp phỉ báng người yêu của mình – dường như mấy mục giả giỏi việc này hơn đàn ông. Có lẽ phương pháp này chữa hay đấy, nhưng tôi chẳng thấy có mục giả nào trong tu viện, như thế, tôi phải nhờ một tu sĩ nào đó chê bai cô gái đó giùm tôi ư? Nhưng nhờ ai cơ chứ? Hơn nữa, một tu sĩ có hiểu đàn bà rõ như một mục giả lảm nhảm không? Phương pháp chữa trị cuối cùng của Saracen đề nghị mới thực là thất đức, vì nó yêu cầu kẻ tương tự khốn khổ đó cặp với nhiều cô gái nô lệ, một cách chữa hoàn toàn không thích hợp với một tu sĩ. Cuối cùng tôi tự hỏi, làm sao một tu sĩ trẻ thoát khỏi bệnh “tình” đây? Không có cách nào cứu chữa ư? Tôi có nên cầu cứu Severinus và các cây thuốc của Huynh ấy không? Mãi tôi mới tìm thấy một đoạn trong tác phẩm của Arnold xứ Villanova, người mà thầy William đã kính cẩn nhắc đến. Phương pháp do

Arnold đề nghị là cô từ bỏ mọi hy vọng tiếp cận đối tượng mình yêu, như thế, mọi ám ảnh sẽ tan biến.

Tôi nhủ thầm, trời ơi, thế thì mình đã lành, hay gần lành bệnh rồi, vì tôi có rất ít, hầu như không có hy vọng gặp lại đối tượng mình yêu, và nếu có gặp lại cũng chẳng có hy vọng đạt tới nàng, và nếu có đạt tới thì chẳng có hy vọng chiếm giữ, và nếu có chiếm giữ hay giữ gần mình thì vì tình trạng tu hành lẫn những trách nhiệm do danh dự gia đình đặt lên thì... Tôi nhủ thầm, mình được cứu chữa rồi, bèn xếp sách, định thần lại, vừa khi thầy William bước vào phòng.

Chú thích:

[1] Ái Nhĩ Lan

[2] Mặc Khải

[3] Miền Thule xa xôi nhất, đối với những người cổ đại là miền ban đầu

[4] Thiên đàng hạ giới

[5] Virgil: (72-19 trước Công nguyên): nhà thơ, nhà ngữ pháp học La mã, tác giả trường ca La tinh “AENEID”

[6] Tây Ban Nha

[7] Khu vực đế chế La mã cổ xưa, bao gồm lãnh thổ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ngày nay

[8] Sư tử

[9] “De aspectibus”

[10] Hai mươi bốn vị niên trưởng ngồi trên ngai

[11] Xứ Ju-đa, nay là Palestine

[12] Hy Lạp

[13] Nước Anh

[14] Người nước Đức

[15] Người xứ Gaul

[16] “Speculam amoris”

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

ĐÊM

*Salvatore bị Bernard Gui phát hiện
trong một tình trạng thảm hại
thiếu nữ Adso yêu bị bắt
và bị buộc tội là phù thủy
Mọi người về giường
càng lo lắng và đau buồn hơn*

Vừa xuống đến nhà ăn, chúng tôi nghe vài tiếng động lớn và thấy có ánh đèn yếu ớt phát ra từ hướng nhà bếp. Thầy William liền thổi phụt đèn. Chúng tôi bám sát tường, đi đến cửa nhà bếp, nghe thấy tiếng động phát ra từ bên ngoài, nhưng cửa lại mở. Rồi tiếng động và ánh sáng biến mất, và ai đó đóng rầm cánh cửa thật mạnh. Cảnh náo động xảy ra, báo hiệu một điều chẳng lành. Chúng tôi vội trở lại lò thiêu xương, trôi lên giáo đường giờ đang vắng tanh, theo cửa nam ra ngoài và thoáng thấy những ánh đuốc bập bùng trong nhà dòng.

Chúng tôi chạy đến, và trong cảnh rối loạn, hẳn cũng đã chạy như bay, như nhiều tu sĩ khác đến từ nhà nghỉ hay khu hành hương, giờ đang có mặt tại chỗ. Chúng tôi thấy các cung thủ nắm chặt Salvatore, mặt trắng dã như đôi tròng mắt, và một người phụ nữ đang gào khóc. Tim tôi thất lại: đó chính là người yêu trong tâm tưởng của tôi. Khi thấy tôi, nàng nhận ra ngay và nhìn tôi với ánh mắt khẩn cầu, tuyệt vọng. Tôi định chạy tới giải thoát nàng, nhưng thầy William đã giữ tôi lại và thậm thi gắt gỏng tôi. Từ mọi phía, các tu sĩ và vị khách đang chạy tới.

Tu viện trưởng đến, cùng với Bernard Gui. Trưởng toán cung thủ báo cáo ngăn lại cho Bernard hay. Việc xảy ra như sau:

Theo lệnh của phán quan, ban đêm họ tuần tra toàn tu viện, đặc biệt chú ý đến con đường dẫn từ cổng chính đến nhà thờ, khu vườn và tiền diện của Đại dinh. Thận trọng đi trong bóng đêm dày đặc sương mù, các cung thủ cuối cùng đã bắt được Salvatore cùng với cô gái, khi hắn đang lén mở cửa nhà bếp.

- Một đứa con gái tại nơi linh thiêng này! Với một tu sĩ! – Bernard khắc nghiệt nói với Tu viện trưởng, đoạn tiếp – Thừa Đức Cha cao quý, nếu hành động này chỉ liên quan đến sự vi phạm lời thề giữ tiết hạnh thì việc trừng phạt kẻ này là hoàn toàn thuộc quyền phân xử của Cha. Nhưng do chúng ta chưa biết chắc việc đi lại của hai kẻ xấu xa này có gây nguy hại gì đến sự an toàn của hai đoàn khách hay không, nên ta phải soi sáng việc bí ẩn này. Này, tên lưu manh kia! Người dẫu gì đây? – Bernard lôi từ ngực áo Salvatore ra một cái bọc lồ lộ mà hắn đang cố giấu đi.

Tôi đã biết rồi: một con dao và một con mèo đen. Khi mở bọc ra, con mèo gào lên giận dữ và phóng chạy. Hai cái trứng vỡ chảy nước nhót nhọt, người khác trông thấy tưởng như máu hay mật vàng, hay một chất gôm ghiếc nào tương tự. Salvatore đang định vào bếp giết mèo và moi mắt nó; ai biết hắn đã hứa hẹn gì với cô gái để dụ dỗ cô ta theo mình. Ít lâu sau, tôi biết được những lời hứa hẹn đó. Bọn cung thủ vừa khám xét cô gái, vừa cười nham nhở và văng ra những lời dâm dật, chúng đã tìm thấy trong người cô một con gà trống nhỏ đã chết, nhưng chưa vặt lông. Xui xẻo thay, tắt đèn nhà ngói cũng như nhà tranh, con gà đêm đó trông cũng đen như con mèo. Tuy nhiên, tôi nghĩ cũng chẳng tốn kém mấy để dụ dỗ cô gái nghèo đáng thương ấy, người (vì yêu tôi) mà đêm trước đã vút cả quả tim bò quý giá.

Bernard la lên, giọng lộ vẻ quan tâm lắm:

- A ha! Mèo đen, gà đen... À, ta biết những thứ đồ tẻ nhuyền loại này lắm mà...

Hắn để ý thấy thầy William trong số những người hiện diện, bèn nói:

- Sư huynh William cũng nhận ra những thứ này chứ? Chẳng phải ba năm về trước, tại Kilkenny, Huynh đã là phán quan, chứng kiến cô gái đó giao cấu với quỷ sứ, hiện ra dưới dạng một con mèo đen ư?

Theo tôi, dường như thầy William im lặng vì hèn nhát. Tôi nắm tay áo thầy, giật giật, tuyệt vọng thầm thì:

- Thầy nói đi, nói rằng gà chỉ để ăn thôi...

Thầy gỡ tay tôi ra và nhã nhặn nói với Bernard:

- Tôi nghĩ, Huynh chẳng cần các kinh nghiệm xưa của tôi để đi đến kết luận của mình.

Bernard mỉm cười:

- Ô, không đâu, còn có nhiều nhân chứng có căn cứ hơn. Stephen xứ Bourbon, trong luận chứng về bảy quà tặng của Thánh Linh, kể Thánh Dominic, sau khi giảng đạo tại Fanjeaux chống bọn dị giáo, đã tuyên bố với một số phụ nữ rằng, họ sẽ được gặp đức thầy bảy lâu họ hằng phục vụ. Đột nhiên, một con mèo đáng sợ nhảy ngay vào giữa đám đông. Nó to như một con chó lớn, đôi mắt khổng lồ đỏ rực, lưỡi dài đến rốn đầy những máu, cái đuôi ngắn dựng thẳng lên trời, do đó dù con thú có xoay hướng nào đi nữa, nó cũng phơi bày cái hậu môn xấu xa hôi thối của nó. Các môn đồ của quý Sa tăng, không kể các Hiệp sĩ Templar, luôn có thói quen hôn hậu môn đó mỗi khi gặp gỡ. Sau khi đảo quanh đám phụ nữ cả giờ đồng hồ, con mèo phóng lên sợi dây chuông, leo lên cao tít, để lại một đồng phân tanh tưởi.

Những tiếng rì rào kinh hoàng lan khắp đám tu sĩ, nhiều người đưa tay làm dấu thánh giá.

Bernard nói, mặt lộ vẻ đạo đức:

- Thừa Tu viện trưởng, có lẽ Đức cha không biết những kẻ phạm tội thường

làm gì với những công cụ như thế này! Nhưng nhờ ơn Chúa, tôi biết rất rõ! Tôi đã nhìn thấy những tên độc ác nhất, cùng đồng bọn của chúng, trong đêm khuya thanh vắng đã dùng mèo đen để làm những thứ phép mà chúng không thể chối cãi được: chúng cười lên con thú và nhờ bóng đêm che chở, lao vút vào không gian bao la, kéo theo bọn nô lệ của chúng đã hóa thành những thần bóng đè dâm dục... Rồi Quỷ hiện ra, hay có lẽ chúng tin thế, dưới dạng một con gà hay vài con thú màu đen nào khác. Rồi bọn chúng, chớ hỏi tôi bằng cách nào, ngủ với Quỷ. Và tôi biết chắc rằng cách đây không lâu, chính tại Avignon, các loại bùa ngải và thuốc xức đã được chế bằng những phép phù thủy như thế này, để mưu hại sinh mạng Đức Giáo Hoàng của chúng ta, bằng cách bỏ thuốc độc vào thức ăn của Người. Giáo hoàng đã bảo toàn được thân mình và phát hiện loại thuốc độc, chính nhờ Người có đeo những viên châu ngọc lớn, chạm hình lưỡi rắn, đính nhiều hồng ngọc và ngọc lục bảo đã được ban phép thánh. Kẻ thù của Giáo Hoàng còn đi xa hơn nữa, và mọi người hẳn biết về tên dị giáo Bernard Délicieux bị bắt cách đây mười năm; người ta tìm thấy trong nhà hắn những quyển sách về tà thuật, có chú thích trên những trang tàn ác nhất, hướng dẫn cách làm những hình nhân bằng sáp để hại kẻ thù. Mọi người có tin nổi không? người ta còn tìm thấy trong nhà hắn những hình nhân chế tạo thật tinh xảo, giống hệt hình của Giáo hoàng, trên đó có khoanh những vòng tròn nhỏ màu đỏ, chỉ những chỗ hiểm trong thân thể. Mọi người biết rằng, hình nhân đó sẽ được treo bằng sợi chỉ trước một tấm gương, rồi dùng kim đâm xuyên qua những chỗ hiểm, và... Ồ, tại sao tôi lại nói mãi về những thứ bùa phép độc ác, ghê tởm ấy nhỉ? Chính Giáo hoàng đã mô tả và lên án chúng trong quyển *“Trên những tấm gương của bọn chúng”*[1] do Người viết năm ngoái. Hy vọng Đức cha có một bản trong thư viện phong phú của Ngài, nơi nó sẽ được suy ngẫm...

- Chúng tôi có, chúng tôi có – Tu viện trưởng xác nhận ngay, giọng u buồn.

Bernard kết luận:

- Rất tốt. Bây giờ vụ này có vẻ rõ ràng rồi. Một tu sĩ bị cám dỗ; một mũ phù thủy, và vài phù phép gì đó may thay chưa được thực hiện. Nhằm mục đích gì? Đó là điều chúng ta phải tìm hiểu, và tôi sẵn sàng hy sinh vài giờ nghỉ ngơi để biết cho ra nhẽ. Đức cha cho phép tôi sử dụng một nơi nào đó để giam người này chứ?

- Chúng tôi có vài phòng dưới hầm của lò rèn, rất may ít khi dùng đến và đã bỏ hoang nhiều năm.

Bernard nhận xét:

- May hay không may.

Rồi hắn ra lệnh cho các cung thủ tìm người chỉ đường xuống đó và đem giam hai phạm nhân vào hai phòng riêng biệt. Họ phải cột chặt Salvatore vào những cái khoen đóng đinh trong tường để lát nữa đây, Bernard có thể nhìn thẳng vào mặt hắn khi hỏi cung. Bernard tiếp rằng, vì đã rõ cô gái là ai, nên đêm nay không cần tra hỏi gì. Cô sẽ đợi đem ra xét xử trước khi bị thiêu như một mũ phù thủy. Và nếu là mũ phù thủy, cô sẽ chẳng dễ dàng chịu khai đâu. Nhưng một tu sĩ thì có thể sẽ ăn năn, cung khai sự thật và tố cáo những tên đồng lõa.

Cả hai bị lôi đi, một người im lặng và đập phá như điên cuồng, người kia khóc nức nở, vừa đá vừa la như một con thú sắp bị thọc tiết. Nhưng cả Bernard, bọn cung thủ, lẫn tôi đều không hiểu được tiếng địa phương của cô gái. Nàng la hét mà như một người câm. Có những từ mạnh mẽ gây xúc động, những từ khác khiến chúng tôi càng hoang mang hơn, trong đó có những từ tục tằn của giới bình dân, những người chưa được Chúa ban cho ơn huệ thể hiện được mình bằng ngôn ngữ chung của trí thức và quyền lực. Một lần nữa, tôi dợm bước theo nàng, một lần nữa thầy William nghiêm mặt giữ tôi lại. – Đứng yên, thẳng góc. Cô gái bị bắt rồi, và sẽ bị thiêu sống.

Khi tôi kinh hoàng theo dõi cảnh tượng, mắt nhìn nàng mà lòng tràn ngập những suy nghĩ mâu thuẫn nhau, tôi cảm thấy ai đó chạm vào vai mình, không hiểu tại sao ngay trước khi quay lại, tôi đã biết rõ đó chính là Ubertino. Cha hỏi:

- Con đang nhìn mù phù thủy ấy phải không?

Tôi biết Cha không hay gì về chuyện của tôi. Với sự am tường đáng sợ các đam mê của con người, Cha hỏi chỉ vì đã bắt gặp trong ánh nhìn của tôi một sự căng thẳng lạ thường.

Tôi chối: - Không, con không nhìn cô ấy... đúng ra có lẽ con nhìn cô ấy, nhưng cô ấy không phải là phù thủy... Chúng ta biết mà: Có lẽ cô ấy vô tội...

- Con nhìn cô gái ấy vì cô ta đẹp. Cô gái đẹp, phải không? – Cha xiết cánh tay tôi, hỏi giọng vô cùng âm áp. – Nếu con nhìn vì cô ấy đẹp, lòng thấy chao đảo, nhìn mà thấy lòng thèm muốn thì chỉ việc đó thôi cũng biến cô ta thành phù thủy rồi. Hãy cảnh giác, con ạ... Vẻ đẹp của thân thể chỉ ở ngoài da thôi. Nếu đàn ông có thể nhìn thấy cái gì ở dưới lớp da đó, như linh miêu xứ Boeotia[2], thì họ sẽ rùng mình khi thấy đàn bà. Tất cả vẻ yêu kiều đó chỉ gồm có máu mủ, thể dịch và mật đắng. Nếu con nghĩ đến những gì ẩn dưới lỗ mũi, trong cổ họng và dạ dày thì sẽ thấy chỉ toàn chất hôi thối. Nếu con thấy tởm lợm khi chạm tay vào mủ hay phân thì tại sao lại khao khát muốn ôm cái bao đầy phân đó?

Tôi thấy lợm giọng, không muốn nghe gì nữa. Thầy tôi cũng đã nghe, liền đến cứu tôi. Thầy đến gần Ubertino, cộc cằn nắm lấy cánh tay Cha và giằng tôi ra.

- Đủ rồi, Ubertino. Cô gái ấy chốc nữa đây sẽ bị hành hình, rồi đưa lên giàn hỏa. Cô ta sẽ hóa thành thứ đúng như cha nói: máu, mủ, thể dịch và mật đắng. Nhưng những người như chúng ta sẽ là kẻ đào từ dưới làn da đó cái mà Chúa muốn che chở và được làn da kia tô điểm. Khi nó biến thành vật

chất nguyên sơ thì Cha cũng chẳng tốt đẹp gì hơn cô ta đâu. Hãy để thằng bé được yên.

Ubertino bàng hoàng, thầm thì:

- Có lẽ ta đã phạm tội. Ta chắc đã phạm tội rồi. Một người phạm tội có thể làm gì khác?

Bây giờ mọi người đang quay vào bên trong, bàn bạc về sự kiện vừa qua. Thầy William nán lại một lúc với cha Michael và các tu sĩ dòng Khất thực khác, họ hỏi thầy nghĩ gì.

- Trong đầu Bernard bây giờ đang hình thành một lập luận, tuy còn lơ mờ. Trong tu viện, có những phù thủy hoạt động, đang tiến hành những việc giống như những việc làm trước đây nhằm chống giáo hoàng tại Avignon. Đương nhiên đây không phải là chứng cứ, và trước tiên, nó sẽ không thể dùng để phá rối cuộc họp ngày mai. Đêm nay, Bernard sẽ cố moi từ tu sĩ khốn khổ đáng thương đó vài điều mấu chốt khác, mà tôi chắc chắn hắn sẽ không dùng ngay sáng mai đâu. Hắn sẽ để dành đó. Sau này hắn sẽ dùng nó để đảo lộn tiến trình của cuộc tranh luận, nếu chúng chuyển hướng bất lợi cho hắn.

Cha Michael hỏi: - Hắn có thể ép tu sĩ đó nói điều gì đó và dùng nó chống lại chúng ta không?

Thầy William do dự nói: - Hy vọng là không.

Tôi biết, nếu Salvatore khai với Bernard những gì đã kể cho chúng tôi về quá khứ của hắn và quản hàm, nếu hắn tiết lộ điều gì về quan hệ với Ubertino, dù chỉ một thoáng thôi, thì sẽ gây ra một tình cảnh hết sức bối rối.

Thầy William điềm đạm nói: - Dầu sao, hãy đợi xem chuyện gì sẽ xảy ra. Về việc đó, Cha Michael à, mọi thứ đã được quyết định trước rồi. Nhưng Cha muốn thử mà.

Cha Michael nói: - Cha muốn, và Chúa sẽ giúp Cha. Cầu thánh Francis giúp tất cả chúng con.

- Amen, - mọi người đáp lại
- Nhưng điều đó không nhất thiết xảy ra, - thầy William nhận xét hơi bất kính, - Thánh Francis có thể đang ở đâu đó, đợi đến ngày phán xét mà không giáp mặt với Thượng đế.
- Nguyên rửa tên dị giáo John! – Tôi nghe thầy Jerome lâu bầu khi mọi người về phòng nghỉ. – Nếu hấn cướp đi sự giúp đỡ của thánh thần, thì những kẻ tội lỗi đáng thương như chúng ta sẽ ra sao?

Chú thích:

[1] *Super illius Specula!*

[2] *Một miền đất Hy Lạp cổ xưa, tây bắc Attica, thủ đô: Thebes*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

NGÀY THỨ NĂM

KINH ĐẦU

*Cuộc tranh luận
về sự cơ nghèo của Chúa Kitô*

Tim tôi bị dày vò bởi trăm ngàn nỗi khắc khoải sau cảnh tượng đêm qua, nên buổi sáng ngày thứ năm, khi tôi thức dậy, thì chuông báo Kinh Đầu đã điểm. Thầy William lắc tôi thật mạnh, đe rằng hai phái đoàn sẽ gặp nhau chốc lát nữa thôi. Tôi nhìn ra cửa sổ, chẳng thấy gì cả. Làn sương mù hôm qua, giờ vẫn là lớp màn sữa đục phủ trùm lên toàn cao nguyên.

Khi bước ra ngoài, cảnh tu viện hiện ra ngỡ như chưa từng trông thấy nó bao giờ. Từ xa xa, ta nhận ra được vài tòa nhà chính – như giáo đường, Đại Dinh, nhà nguyện – dù vẫn mờ mờ ảo ảo như bóng lờng trong bóng, còn các khu nhà khác thì đến gần mấy bước mới nhận ra. Đồ đạc và thú vật dường như đột hiện lên từ cõi hư vô; người ta hiện hình lên như những bóng ma, ban đầu màu xám, rồi dần dần, một cách khó khăn, mới nhận ra mặt.

Sinh ra từ miền Bắc, tôi không quen với loại thời tiết mù sương này. Có lẽ vào lúc khác, nó sẽ nhẹ nhàng gợi tôi nhớ đến những bình nguyên và lâu đài nơi quê hương tôi. Nhưng sáng hôm nay, thời tiết này đau đón thay, lại giống với tâm hồn tôi quá, và nỗi buồn do nó đánh thức dậy cứ lớn dần lớn dần khi tôi chậm bước đến nhà nguyện.

Còn cách nhà nguyện vài thước, tôi thấy Bernard Gui chia tay với một

người mà tôi chưa kịp nhận mặt. Khi người ấy đi qua, tôi mới biết là Malachi. Huynh ấy nhìn quanh như một người phạm tội không muốn bị ai bắt gặp.

Huynh không nhận ra tôi và bỏ đi. Bị óc hiếu kỳ thôi thúc, tôi đi theo Bernard và thấy hắn đang giở xem vài tờ giấy gì đó, có lẽ do Malachi vừa đưa. Đến cổng nhà nguyện, hắn ra dấu gọi trưởng nhóm cung thủ đang đứng gần đó đến và thầm thì vài lời với người này. Rồi hắn đi vào. Tôi tiếp tục bám theo.

Đây là lần đầu tiên tôi đặt chân đến đây. Nhìn từ bên ngoài, nhà nguyện lớn vừa phải, kiến trúc thanh nhã. Tôi nhận thấy nó vừa được xây lại trên tàn tích của một giáo đường nguyên sơ dành cho tu viện trưởng, mà một phần có lẽ đã bị hỏa thiêu.

Từ ngoài bước vào, người ta đi qua một cánh cổng kiểu mới, vòm nhọn không có trang trí, trên cùng là một cửa sổ hồng. Nhưng bên trong, người ta lọt vào một tiền sảnh xây dựng trên nền móng của một hành lang cũ. Đối diện là một cửa khác, vòm kiểu xưa, với một mạng giữa hình bán nguyệt, được chạm khắc tuyệt đẹp. Hắn đó là cánh cửa của nhà thờ cũ, nay đã biến mất. Không có hình ảnh kỳ thú nào chạm khắc trên cánh cửa khiến người ta cảm thấy bất an, vì chúng không tượng trưng cho các tội lỗi trần thế hay nỗi khổ đau dưới địa ngục, mà chỉ muốn minh chứng rằng, Chúa Lôi đã đến với toàn thể giới hữu tri và đang lan đến thế giới vô tri. Như thế, cánh cửa này là lời hứa hoan hỉ về một sự hài hòa, thống nhất, đạt được trong lời Chúa dạy, về một giáo hội tốt đẹp toàn thể giới.

Tôi nhủ thầm, đây là một điềm báo tốt cho cuộc họp sắp xảy ra bên trong ngưỡng cửa này. Tại đây, những con người vì những lời mình giảng mâu thuẫn về phúc âm đã trở thành kẻ thù của nhau, hôm nay có thể sẽ hòa giải được các ý kiến bất đồng. Tôi tự trách mình là một kẻ tội lỗi yếu đuối, cứ mãi khóc than vì nỗi đau riêng, trong khi những biến cố quan trọng trong

lịch sử Thiên chúa giáo như thế này đang sắp xảy ra. Tôi so sánh khổ đau hèn mọn của mình với lời hứa cao cả về một nền hòa bình yên lành đã được khẳng định trong viên đá của mạng giữa. Tôi xin Chúa tha thứ sự yếu đuối của tôi, và tôi băng qua thêm cửa với niềm thanh thản mới.

o0o

Vừa bước vào, tôi thấy toàn bộ các thành viên của hai phái đoàn đã đến đông đủ. Họ ngồi đối diện nhau trên các băng ghế dài được sắp theo hình bán nguyệt, hai phe ngăn cách nhau bởi một chiếc bàn, nơi Tu viện trưởng và Hồng y Bertrand đang ngồi.

Thầy William đặt tôi ngồi cùng với các tu sĩ dòng Khất thực. Ở đây, có Cha Michael cùng các môn đệ, và các tu sĩ khác của dòng Francisco trong Triều Avignon, vì cuộc gặp gỡ này không nhằm làm ra vẻ một trận chiến tay đôi giữa người Ý và người Pháp, mà chính là cuộc tranh luận giữa những người ủng hộ giáo luật dòng Francisco với những người chỉ trích nó – những người thầy đều liên kết với nhau bởi lòng trung thành Công giáo vững chắc với triều đình Giáo hoàng.

Tu viện trưởng khai mạc phiên họp và cho rằng đây là lúc thích hợp để tóm lược các biến cố trong thời gian gần đây. Cha nhắc lại rằng, trong năm 1332, Đại hội chung của các thầy dòng Khất thực, họp tại Perugia, dưới sự lãnh đạo của Cha Michael xứ Cesena, đã xác lập một suy nghĩ đúng đắn là để nêu gương cho một cuộc đời hoàn thiện, Đấng Ki-tô và các tông đồ theo lời dạy của Ngài, đã chẳng bao giờ sở hữu một vật gì, dù là của cải hay hận thù.

Sự thật này là một điều trong đức tin và giáo lý của Thiên chúa giáo, được suy ra từ nhiều đoạn khác nhau trong các kinh sách. Như thế, việc từ bỏ

quyền sở hữu mọi vật là xứng đáng và thiêng liêng. Hội đồng thành Viên năm 1312 cũng đã tán thành chân lý này. Chính Giáo hoàng John trong sắc lệnh “*Đòi hỏi của một số người*”[1] năm 1317, về tình trạng của các thầy dòng Khất thực, đã cho rằng sự khẳng định của Hội đồng đó là đúng đắn và hợp lý. Tu viện trưởng tiếp, thế nhưng năm 1323, John đã ban hành sắc lệnh ngày nay rất nổi tiếng là “*Giữa một số người*”[2] trong đó hoàn toàn lên án các luận thuyết của Đại hội Perugia.

Đến đây, giáo chủ Bertrand nhã nhặn ngắt lời Tu viện trưởng và bảo rằng năm 1324, để làm sự việc phức tạp hơn và để chọc giận Giáo hoàng, Vua Louis đã khẳng định các luận thuyết của Đại hội Perugia mà chẳng hề có căn cứ nào, rồi đặt mình chống lại Giáo hoàng, gọi Giáo hoàng là kẻ gây tai tiếng và gieo mầm mất đoàn kết, và sau cùng là kẻ cầm đầu dị giáo.

Tu viện trưởng liền tiếp tục và bảo phần đầu của cuộc tranh luận nên được tiến hành giữa các sứ giả của Giáo hoàng với những người con đại diện của Thánh Francis, những người bằng việc tham gia cuộc gặp gỡ này, đã chứng tỏ mình là những đấng trung thành nhất của Giáo hoàng. Đoạn, Tu viện trưởng mời cha Michael, hay đại biểu của Cha, chỉ rõ lập trường mà Cha định bảo vệ tại Avignon.

Cha Michael bảo ông vui mừng thấy trong số những người tham dự sáng nay có Cha Ubertino xứ Casale, người mà chính Giáo hoàng năm 1322 đã yêu cầu viết một bản tường thuật đầy đủ về vấn đề sự cơ nghèo của Chúa. Ubertino là người tốt nhất có thể tóm lược các điểm cốt yếu của các tư tưởng mà ngày nay, vẫn là những tư tưởng của dòng Francisco không hề thay đổi.

Ubertino đứng dậy, và bằng một giọng nói đầy thuyết phục, nụ cười đầy hấp lực, cách lý luận rõ ràng và liên tục, Cha đã thu hút người nghe suốt thời gian trình bày, Cha đưa ra một bản luận văn dài rất uyên bác, nêu lên các căn cứ làm nền tảng cho các luận thuyết của Đại hội Perugia.

Nhưng đến đây, Jean d'Anneaux phía đối diện đã đứng dậy tuyên bố rằng, ông nghĩ các lập luận của Ubertino là trái ngược với sự suy luận đúng đắn lẫn sự minh giảng đúng đắn về Thánh kinh.

Bên dòng Khất thực, Jerome, Giám mục xứ Kaffa, đã nóng nảy đứng dậy. Hàm râu Huynh run lên vì tức giận, mặc dù đã cố nói giọng hòa hoãn. Huynh đưa ra các lập luận hơi lộn xộn. Thế nhưng các lý lẽ trái ngược của Jean de Baunine, phe Giáo hoàng, giờ đã điên tiết lên, nghe còn lộn xộn hơn. Cuộc tranh luận càng lúc càng gay gắt, và đã có thêm sự tham gia của Giám mục dòng Dominic xứ Alborea. Rồi Alborea đuối lý, bèn lao ngang qua khoảng ngăn cách dòng Khất thực và đoàn Giáo hoàng, la toáng lên và dùng những lời lẽ tôi chẳng dám nhắc lại, đe dọa sẽ bứt râu Giám mục xứ Kaffa, nhét râu ông vào đầu đó, để trừng phạt theo kiểu ăn miếng trả miếng. Các tu sĩ dòng Khất thực vội chạy tới quây thành một vòng cản, bảo vệ người anh em của mình; bên Avignon nghĩ rằng nên tiếp tay với giám mục Dominic, người cùng phe mình, và thế là một trận cãi lộn ầm ĩ liền nổ ra. Tu viện trưởng và Hồng y phải cố hết sức mới dẹp yên, nhưng trong trận đấu võ mồm hỗn loạn tiếp theo đó, các tu sĩ dòng Khất thực và tu sĩ dòng Dominic mắng nhau hết sức nặng lời, như thể mỗi người là con chiên của Chúa chống lại bọn Saracen[3]. Hai người duy nhất còn ngồi trên ghế là William phía bên này và Bernard Gui phía bên kia. Thầy William lộ vẻ buồn, còn Bernard lại ra mặt vui, khẽ nhếch mép cười.

Khi Alborea nắm lấy hàm râu của Giám mục xứ Kaffa, tôi hỏi thầy:

- Chẳng lẽ không có cách tranh luận nào để chứng minh hay phản bác sự cơ nghèo của Chúa tốt hơn ư?

- À, con có thể xác nhận cả hai lập trường, Adso ạ. Nhưng vấn đề không phải Chúa nghèo hay không nghèo mà chính là Giáo hội có buộc phải nghèo hay không, và “nghèo” không có nghĩa là có hay không sở hữu một cung điện. Thực ra, nó có nghĩa là xác nhận hay phủ nhận các quyền hợp

pháp được sở hữu của cải trần gian.

- Thế thì tại sao Hoàng đế lại rất chú ý đến những gì dòng Khất thực nói về sự cơ nghèo.

- Đúng thế. Dòng Khất thực đang về hòa với Hoàng đế chống lại Giáo hoàng. Nhưng Marsilius và thầy xem đó là con dao hai lưỡi, và muốn triều đình ủng hộ quan điểm của chúng ta và phục vụ lý tưởng vì nhân loại.

- Thầy sẽ nói như thế khi người ta mời thầy phát biểu chẳng?

- Nếu thầy nói như vậy, thầy sẽ hoàn thành sứ mệnh của mình là giải thích các quan điểm của những nhà thần học triều đình. Nhưng đồng thời, thầy cũng không chu toàn nhiệm vụ, vì thầy phải tạo điều kiện dẫn đến một cuộc gặp gỡ khác ở Avignon, và thầy e rằng Giáo hoàng John sẽ không nhất trí cho thầy đến đó, nếu thầy nói những điều này.

- Vậy thì...?

- Vậy thì thầy bị kẹt giữa hai thế lực đối nghịch nhau, như một con lừa loay hoay không biết nên ăn bao rạ nào. Thời điểm chưa chín muồi. Marsilius kêu gào phải có một cuộc đổi mới cấp tốc, nhưng không thể thực hiện được. Còn Hoàng đế Louis đâu có khá hơn các vị tiên vương, mặc dù hiện nay Ngài là thành trì duy nhất chống lại một tên xấu xa như John. Nếu họ không giết sạch nhau, thì thầy sẽ phải lên tiếng. Dầu sao, con cũng phải ghi lại tất cả những lời phát biểu: tối thiểu, chúng ta cũng lưu lại được biên bản của cuộc họp hôm nay.

Khi hai thầy trò tôi nói chuyện thì cuộc tranh cãi đã lên đến tột đỉnh gay gắt. Quả thực, tôi cũng không hiểu làm thế nào mà chúng tôi lại nghe giọng nói của nhau được. Bernard Gui bèn ra hiệu cho các cung thủ vào để tách hai phe ra. Nhưng, như những người bao vây và bị bao vây ở hai bên chiến lũy, họ vẫn chửi bới, lăng nhục nhau, người này không đợi người kia nói dứt lời như thường xảy ra trong các vụ tranh luận ở quê tôi, mà theo kiểu dân trời biển, câu này lấp câu kia, như những làn sóng của một đại dương

cuồng nộ. Tôi ghi lại đây một cách lộn xộn, không rõ người nào nói câu nào.

- Phúc âm nói rằng, Chúa có một túi tiền!

- Câ-m mô-m! Chính các người đã vẽ các túi ấy lên cả thánh giá. Thế người sẽ nói sao về việc Chúa khi đến Jerusalem phải trở về nghỉ đêm ở Bethany[4]?

- Nếu Chúa muốn ngủ ở Bethany thì người là cái thứ gì mà thắc mắc?

- Không, đồ ngu. Chúa về Bethany vì Ngài không có tiền trả phòng trọ ở Jerusalem!

- Quí thần ơi, nhà người thật ngốc như lừa. Thế Chúa ăn gì ở Jerusalem?

- Thế thì một con ngựa được chủ cho ăn lúa để sống có phải là chủ của lúa không?

- Thấy chưa? Người so sánh Chúa với con ngựa...

- Không, chính người là kẻ đã so sánh Chúa với tên Giám mục buôn thần bán thánh của triều đình người, đồ đồng cứt!

- Thế ư? Đã bao nhiêu lần giáo hội phải vác chiếu hầu tòa để bảo vệ tài sản của các người?

- Tài sản của giáo hội chứ không phải của chúng tôi. Chúng tôi chỉ sử dụng nó thôi!

- Sử dụng để tiêu pha, để xây dựng nhà thờ đẹp, có tượng vàng, đồ đạo đức giả, mờ cha cố tổ những tên xấu xa đê hèn. Người thừa biết không phải sự cơ nghèo mà chính là việc từ thiện mới thực là nguyên tắc của một đời toàn thiện.

- Đó chính là những lời của tên Thomas háu đói của các người!

- Đồ du côn, hãy giữ lời ăn tiếng nói. Người mi gọi là “tên háu đói” chính là một vị thánh của giáo hội La Mã!

- Thánh đêch gì! Được John phong thánh để chọc quê dòng Francisco! Giáo hoàng của các người không thể tạo ra thánh, vì hắn chính là một tên dị giáo!

Tên đầu sở dĩ giáo!

- Bọn ta đã nghe điều đó rồi. Những lời phun ra từ bọn ngụy Bavaria ở Sachsenhausen, được Ubertino của các người nhai đi nhai lại!

- Chớ hàm hồ, đồ lợn, mày là con của con mụ điếm Babylon và những con đười khặc! Người biết năm đó Ubertino không ở với Đức vua mà ở ngay tại Avignon để phục vụ Giáo chủ Orsini, và Giáo hoàng đã phái cha đến Aragon làm sứ giả!

- Biết quá rồi, tại bàn ăn của giáo chủ, lão thê sẽ sống đời nghèo nàn, mà nay lại ở trong tu viện giàu nhất của bán đảo nước Ý này! Ubertino, nếu người không ở đây thì ai đã ở đây thúc giục vua Louis sử dụng tác phẩm của người?

- Nếu vua Louis đọc tác phẩm của ta thì ta có lỗi gì? Chắc chắn vua không thể đọc sách của các người, đồ vô học.

- Ta mà vô học ư? Chẳng phải Thánh Francis của các người là đồ vô học, đi nói chuyện với ngan ngỗng sao?

- Đồ báng bổ!

- Mi mới chính là đồ báng bổ.

Đến đây, Hồng y Bertrand và Tu viện trưởng đồng thanh hét lên:

- Thôi đi, thôi đi các huynh kính mến!

Chú thích:

[1] *Quorundam exigit*

[2] *Cum inter nonnullos*

[3] *Người Hồi giáo chống lại Thập Tự Quân*

[4] *Một thành phố cổ gần Jerusalem, trên núi Olives*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ SÁNG

*Severinus nói với William
về một quyển sách lạ*

Cuộc cãi lộn còn đang gay cấn thì một tu sinh canh cửa bước vào, vượt qua cảnh hỗn loạn này như một người băng đồng dưới cơn mưa đá. Chú ấy tiến gần thầy William, thì thầm rằng Severinus khẩn thiết muốn nói chuyện với thầy. Chúng tôi bước ra tiền sảnh đầy đặc các tu sĩ hiếu kỳ đang lắng nghe từ những tiếng la hét xem bên trong xảy ra diễn biến gì. Ở hàng đầu, chúng tôi thấy Aymaro chào chúng tôi với nụ cười khinh khỉnh cổ hữu của một kẻ tội nghiệp trần gian ngu ngốc này, và nói:

- Từ khi các dòng Khất thực được thành lập, Thiên chúa giáo hẳn đã đạo đức hơn.

Thầy William gạt phắt Aymaro sang một bên và đi về cái góc nơi Severinus đang đợi. Huynh thất vọng vì muốn nói chuyện riêng với chúng tôi, nhưng không thể tìm được một nơi yên vắng trong cảnh hỗn loạn này. Chúng tôi định ra ngoài, nhưng Michael xứ Cesena nhìn ra cửa nhà nguyện, vẫy thầy William vào, bảo cuộc cãi cọ đã được hòa giải, và người ta sẽ tiếp tục đọc tham luận.

Trong tình thế tiến thoái lưỡng nan, thầy William giục Severinus nói, và được thảo sư cố hết sức để mọi người khỏi nghe thấy:

- Berengar chắc chắn đã vào bệnh xá trước khi đến nhà tắm
- Sao Huynh biết?

Có vài tu sĩ đến gần, vì tò mò muốn nghe chuyện của chúng tôi. Severinus

nhìn quanh, giọng càng nhỏ hơn:

- Huynh bảo tôi người đó... chắc hẳn phải mang trong người vật gì... Đúng, tôi tìm thấy một vật trong phòng thí nghiệm, giữa những quyển sách... một quyển sách, không phải của tôi, một quyển sách lạ...

Thầy William đắc thắng nói: - Chính nó đây. Mang nó đến cho tôi ngay.

- Không thể được. Tôi sẽ giải thích sau. Tôi đã khám phá... tôi nghĩ đã khám phá được một điều hay lắm... Huynh phải đến, tôi phải đưa Huynh xem quyển sách.. một cách thận trọng...

Severinus im bật. Chúng tôi nhận ra Jorge đã âm thầm lặng lẽ hiện ra bên cạnh chúng tôi như thể có phép màu vì không quen nơi đây, hai tay lão đưa ra phía trước như thể mò đường. Một người bình thường có lẽ không hiểu nổi những lời thâm thì của Severinus, nhưng chúng tôi biết rằng, cũng như mọi người mù khác, thính giác của Jorge vô cùng nhạy bén.

Nhưng dường như lão chưa nghe gì cả. Quả thực, lão lại sờ soạng đi xa dần chúng tôi, chạm vào một tu sĩ và hỏi người ấy điều chi đó. Tu sĩ nắm nhẹ cánh tay lão và đưa ra ngoài. Lúc đó, Cha Michael xuất hiện và đòi thầy William phải vào lần nữa. Thầy bèn quyết định và nói với Severinus:

- Huynh làm ơn trở về ngay nơi Huynh vừa đến. Khóa cửa bên trong và đợi tôi.

Thầy nói với tôi:

- Còn con, hãy theo dõi Jorge. Dù lão ấy có nghe gì đi nữa, thầy nghĩ, lão sẽ không nhờ dắt đến bệnh xá đâu. Dẫu sao, con sẽ kể cho ta biết lão đi đâu.

Khi quay về tiền sảnh, thầy William thấy Aymaro len lỏi trong đám đông chen lấn nhau, định theo dõi Jorge ra ngoài. Đến đây, thầy William lại hành động thiếu khôn ngoan. Từ đầu sảnh đường này, thầy hét lớn đến Severinus đang đứng ở ngoài thềm đầu sảnh kia:

- Cố giữ những tờ giấy đó cho an toàn... Đừng quay lại... nơi để chúng!

Tôi đang định bám theo Jorge thì thấy quản hầm tựa vào rầm cửa ngoài; hẳn

đã nghe lời thầy William cảnh giác, bèn nhìn từ thầy tôi sang được thảo sư, mặt căng thẳng vì sợ hãi. Hắn thấy Severinus bước ra, liền bám theo. Đến ngưỡng cửa, tôi sợ sẽ mất dấu Jorge đang chìm vào làn sương mù, nhưng hai người kia đang trực chỉ hướng ngược lại, và cũng sắp sửa biến mất trong sương. Tôi tính toán thật nhanh xem mình nên làm gì. Thầy William bảo tôi theo dõi lão mù vì e rằng lão sắp đến bệnh xá. Nhưng người hướng dẫn đã dắt lão đi hướng khác; lão đang băng qua nhà dòng và trực chỉ giáo đường hay Đại dinh. Ngược lại, viên quản hầm ắt hẳn đang theo dõi được thảo sư, và thầy William đang lo lắng về việc có thể xảy ra trong phòng thí nghiệm. Thế nên tôi bèn theo hai người này, lòng ngổn ngang thắc mắc không biết Aymaro biến đi đâu, trừ phi Huynh ấy đi ra vì những lý do hoàn toàn khác hẳn chúng tôi.

Tôi bám theo quản hầm, giữ một khoảng cách vừa phải. Hắn đang bước chậm lại vì biết chắc có người đang theo dõi mình, nhưng không biết đó là ai. Tôi không nhận rõ được cái bóng mình đang theo, nhưng tôi biết đó là hắn.

Bị buộc phải để ý đến tôi nên hắn không theo sát Severinus được, thế nên, khi cánh cửa bệnh xá hiện lên trong làn sương thì nó đã đóng kín rồi. Tạ ơn Chúa, Severinus đã vào được bên trong. Quản hầm, một lần nữa quay lại nhìn tôi, trong khi tôi đứng im như cột cờ; rồi hắn như quyết định điều gì đó và đi về phía nhà bếp. Tôi nghĩ mình đã hoàn thành sứ mệnh, nên quyết định quay về để báo cáo. Có lẽ tôi đã nhầm: nếu tôi đứng lại canh thì có lẽ đã tránh được nhiều tai họa. Sai lầm đó, đến nay tôi mới nhận ra.

Tôi trở lại tiền sảnh nhà nguyện. Cảnh náo loạn ban nãy dường như chẳng có gì nguy hiểm. Tôi đến bên thầy William và báo cáo ngắn gọn vài lời. Thầy gục gặc đầu tán thành, và ra hiệu bảo tôi im lặng. Cuộc tranh cãi lộn xộn đang lắng dịu. Các nhà thương thuyết thuộc hai phe đang ôm hôn hữu nghị. Giám mục Alborea ca ngợi đức tin của các tu sĩ dòng Khất thực.

Jerome tán dương lòng từ thiện của các thầy giảng. Ai cũng bày tỏ hy vọng Giáo hội sẽ không bị xáo xáo vì các mâu thuẫn nội bộ nữa. Người thì khen ngợi sự cứng cỏi của nhóm này, người thì ca tụng sự hòa hoãn của nhóm kia. Ai cũng nhắc đến công lý và sự khôn ngoan. Chưa bao giờ tôi trông thấy có nhiều người thành khẩn lưu tâm đến sự vẻ vang của những giá trị thần học chính yếu đến thế.

oOo

Bây giờ, Hồng y Bertrand mời thầy William giảng giải các luận thuyết của những nhà thần học hoàng gia. Thầy miễn cưỡng đứng dậy; biết rằng cuộc họp này không đi đến đâu. Thực ra, thầy đang nôn nóng muốn đi, vì đối với thầy, quyển sách bí ẩn kia còn khẩn thiết hơn kết quả của buổi họp. Tuy nhiên, rõ ràng là thầy không thể tránh né bổn phận của mình.

Thầy cất tiếng, với nhiều tiếng “ừ” “à” khác thường và không phải cách, dường như để chứng tỏ rằng thầy không tuyệt đối tin tưởng điều thầy sắp phát biểu. Thầy mở lời, đoán chắc rằng thầy đã quán triệt quan điểm của những người phát biểu trước, cũng vì thế cái mà những người khác gọi là “học thuyết” của các nhà thần học hoàng gia, chẳng qua chỉ là những nhận xét rời rạc, không thể gọi là những tín điều đã được khẳng định.

Thầy William nói bằng một giọng rất ôn tồn, ngập ngừng diễn tả những điều thầy đã khẳng định, do đó, không ai có thể đứng lên phản đối. Thế không có nghĩa là mọi người đều tin lời thầy nói. Những người phe Avignon ngồi bên chôn vụn vẹo, cau mày, lăm bằm những lời phê phán với nhau, ngay cả Tu viện trưởng cũng lộ vẻ khó chịu vì những lời lẽ này. Còn bên dòng Khất thực, Cha Michael thì hoang mang, Jerome thì khiếp sợ, còn Ubertino lại tư lự.

Hồng y Poggetto phá tan sự im lặng, mỉm cười một cách thoải mái và nhã nhặn hỏi thầy William xem thầy có dám đi Avignon để thưa với Giáo hoàng những điều này không. Thầy William hỏi lại ý kiến của Hồng y xem có nên làm như vậy không. Hồng y trả lời, suốt đời Giáo hoàng đã nghe rất nhiều ý kiến tranh luận, và vẫn là Người cha thương yêu đối với mọi đứa con của Người, nhưng các đề nghị của thầy William ắt hẳn sẽ làm người hết sức đau buồn.

Bernard Gui, nãy giờ chưa hề mở miệng, bây giờ mới lên tiếng:

- Tôi sẽ rất vui mừng nếu Sư Huynh William, người đã giải thích các tư tưởng của mình một cách vô cùng khéo léo và hùng hồn, sẵn lòng bày tỏ các tư tưởng đó để Giáo hoàng phán xét...

- Thưa ngài Bernard, ngài đã thuyết phục tôi, nhưng tôi sẽ không đi. – Đoạn thầy William phân trần với Hồng y:

- Cha biết đấy, bệnh yếu phổi không cho phép con thực hiện một cuộc hành trình dài như thế trong thời tiết này.

Hồng y nói: - Thế sao Huynh lại nói dài dòng thế?

Thầy William nhũn nhặn đáp: - Để minh chứng cho sự thật vì sự thật sẽ giải phóng cho chúng ta.

Đến lúc này, Jean de Baunne, tu sĩ dòng Dominic, mới lớn tiếng phản đối:

- Không! Ở đây, chúng ta không bàn đến sự thật giải phóng chúng ta, mà về sự tự do quá trớn, muốn tự cho nó là sự thật!

Thầy William dịu dàng công nhận:

- Cũng có thể.

Linh cảm báo tôi biết rằng một cuộc đấu khẩu cuồng nộ sắp bùng nổ có thể còn gay gắt hơn lần trước. Nhưng rồi chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Trong khi De Baunne đang nói thì trưởng toán lính bước vào và thăm thì điều gì đó vào tai Bernard. Bernard đứng phắt dậy, giơ tay lên nói:

- Thưa các Huynh, buổi tranh luận bổ ích này có thể được tiếp diễn, nhưng

hiện nay, một biến cố trầm trọng buộc chúng ta phải đình chỉ cuộc họp này lại, nếu Tu viện trưởng cho phép. Một việc đã xảy ra ở đằng kia...

Hắn chỉ mông lung ra ngoài, đoạn sải bước qua tiền sảnh, đi ra ngoài. Nhiều người bước liền theo. Thầy trò tôi ở trong số những người đi đầu.

Thầy nhìn tôi nói: - Thầy e có việc gì xảy ra cho Severinus.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TRƯA

*Tìm thấy xác chết của Severinus
nhưng quyển sách Huynh đã tìm được
thì không còn nữa.*

Chúng tôi đau khổ sải bước băng qua sân. Trưởng toán lính dẫn chúng tôi đến bệnh xá. Khi đến nơi, chúng tôi thấy trong lớp sương mù dày đặc nhiều bóng người xôn xao. Tu sĩ và tôi tớ chạy toán loạn. Các cung thủ đứng canh ở bên ngoài, ngăn không cho ai vào. Bernard nói:

- Những lính canh đó là do tôi phải tới để lùng kiếm một người có thể soi sáng nhiều điều bí ẩn.

Tu Viện trưởng sưng sờ hỏi:

- Sư huynh được thảo sư à?

Bernard mở đường vào trong, nói:

- Không. Cha sẽ thấy ngay thôi.

Chúng tôi bước vào phòng thí nghiệm của Severinus, và một cảnh tượng đau thương đập ngay vào mắt. Xác của dược thảo sư xấu số nằm giữa một vũng máu, đầu lai láng máu. Kệ ở tứ phía dường như bị một cơn bão tàn phá: các chai lọ, sách vở, tài liệu bị đập vỡ, xé rách tan hoang, nằm vương vãi khắp nơi. Bên cạnh xác chết là một lồng cầu lớn, ít nhất bằng hai đầu người, gồm nhiều vòng kim loại chế biến tinh xảo ghép lại với nhau, trên đỉnh có một thập giá bằng vàng, được đặt trên một trụ ba chân ngắn, có trạm trổ. Mấy lần trước đến đây, tôi thấy nó được đặt trên chiếc bàn phía tay trái cửa trước.

Ở cuối phòng, hai người lính giữ chặt viên quản hàm đang vùng vẫy kêu oan. Khi thấy Tu viện trưởng, hấn hét tướng lên:

- Cha ơi! Tật đi đây đi đó đã hại con! Khi con bước vào, thì Severinus đã chết rồi, và họ bắt con lúc con đang sững sờ nhìn cái chết thê thảm này! Trưởng toán lính đến chỗ Bernard và được hấn cho phép báo cáo lại sự việc trước mặt mọi người. Các cung thủ được lệnh lùng bắt quản hàm và đã tìm hấn khắp tu viện trên hai giờ đồng hồ. Tôi nghĩ, hấn Bernard đã ban lệnh này trước khi vào nhà nguyện, bọn lính vì còn lạ chỗ nên có lẽ đã tìm kiếm lung tung mà không biết quản hàm đang ở trong tiền sảnh của nhà nguyện cùng với các tu sĩ khác, chẳng hay biết gì về số phận của mình. Sương mù khiến việc tìm kiếm của họ càng khó khăn thêm. Suy từ lời nói của trưởng toán lính thì từ khi tôi không theo dõi Remigio nữa, hấn bèn đi về phía nhà bếp và có ai đó đã thấy và báo cho bọn lính. Lính đến Đại Dinh thì Remigio vừa mới đi được một lát. Jorge ở trong nhà bếp, khai rằng lão vừa nói chuyện với quản hàm xong. Toán lính liền lục xét khu vực phía vườn rau, và gặp già Alinardo, từ trong sương hiện ra như một bóng ma, có vẻ như lạc đường. Chính Alinardo bảo vừa mới thấy Remigio đi về hướng bệnh xá. Toán lính đến đấy, thấy cửa bệnh xá mở toang. Bước vào, họ thấy Severinus nằm chết còn quản hàm thì đang điên cuồng lục lạo khắp các kệ, quăng ném mọi thứ xuống đất như đang lùng kiếm một vật gì. Trưởng toán kết luận, sự việc đã rành rành: Remigio bước vào, tấn công rồi giết được thảo sư, đoạn truy tìm vật đã khiến hấn giết người.

Một tên lính nhặt lồng cầu từ dưới đất lên, trình báo cho Bernard xem. Đó là một cấu trúc thanh nhả gồm nhiều vòng bằng thau và bạc, ghép lại với nhau nhờ một cái khung bằng những vòng đồng chắc chắn hơn, gắn trên một trụ ba chân. Vật này đã giáng xuống sọ nạn nhân, và khi va chạm, nhiều vòng mảnh, nhỏ, đã long ra, hay cong về một phía, chính là cái phía đã đập lên đầu Severinus, vì còn dính những vệt máu, và cả những chùm

tóc và các mảng óc lầy nhầy đáng sợ.

Thầy William cúi xuống, xem Severinus có chết thực chưa. Đôi mắt đứng trông của nạn nhân đã bị che phủ bởi dòng máu trên đầu chảy xuống. Tôi không biết còn có thể đọc được trong con người cứng đờ ấy hình ảnh của kẻ sát nhân, chứng tích cuối cùng về sự nhận thức của nạn nhân, như người ta đã có lần nói chẳng? Tôi thấy thầy William giở đôi tay xác chết lên xem có vết tím đen trên ngón không, đầu lần này nguyên nhân gây ra cái chết rõ ràng khác hẳn: tuy nhiên, Severinus có mang một đôi găng tay bằng da mà Huynh ấy thường dùng để cầm những cây thuốc độc, rắn mối, hay các côn trùng lạ.

Trong khi đó, Bernard Gui nói với quản hàm:

- Nay Remigio xứ Varagine, đó là tên người phải không? Căn cứ trên những lời buộc tội và đề khẳng định những mối nghi ngờ khác, ta đã lệnh cho người lùng bắt người. Nay ta thấy mình đã hành động đúng, mặc dù đáng tiếc là quá chậm.

Bernard quay sang Tu viện trưởng:

- Thừa Cha bề trên, con hoàn toàn chịu trách nhiệm về vụ án mạng cuối cùng này, ngay từ sáng nay con đã biết nên tống giam người này, sau khi nghe những lời tiết lộ của tên khốn nạn bị bắt đêm qua. Nhưng như Cha đã biết, suốt buổi sáng nay con bận bịu với những trách nhiệm khác, và lính của con đã cố gắng hết sức...

Hắn nói lớn giọng cho mọi người có mặt đều nghe (phòng lúc ấy đông nghẹt, mọi người từ khắp nơi dồn vào, vừa nhìn các vật bị đập phá tung tóe, vừa chỉ vào xác chết, vừa xì xầm bàn tán về án mạng). Khi Bernard nói, tôi liếc thấy Malachi trong đám đông, đang lạnh lùng quan sát hiện trường. Quản hàm, khi sắp bị lôi đi, cũng liếc nhìn Malachi. Gã vùng vẫy thoát ra khỏi tay của tên lính và lao mình về phía người tu sĩ anh em, túm lấy áo và kẻ sát mặt quản thư viện, nói vội vã và tuyệt vọng, cho đến khi bọn lính

xông vào túm lấy gã. Nhưng khi bị lôi xềnh xệch đi, một lần nữa gã lại quay về hướng Malachi và hét lớn: - Huynh thề, và tôi đã thề mà!

Malachi không trả lời ngay, dường như muốn lựa lời thích hợp nhất, và khi quản hàm bị lôi qua cửa, bèn nói:

- Tôi sẽ không làm gì để hại Huynh cả.

Thầy trò tôi nhìn nhau, không hiểu tấn tuồng này có ý nghĩa gì. Bernard cũng đã nhận thấy, nhưng không lộ vẻ bối rối, hắn còn mỉm cười với Malachi, như thể tán đồng lời lẽ của quản thư viện và thông đồng một âm mưu u ám. Rồi hắn tuyên bố: ngay sau bữa ăn, phiên tòa đầu tiên sẽ được nhóm tại đại sảnh, để công khai mở cuộc điều tra này. Hắn ra lệnh đem quản hàm xuống lò rèn, nhưng không cho phép nói chuyện với Salvatore.

Ngay lúc đó, chúng tôi nghe tiếng Benno thì thầm từ phía sau lưng vắng lên:

- Tôi vào tiếp ngay sau Huynh, khi phòng này mới đóng phân nửa, và Malachi lúc đó không có mặt ở đây.

- Chắc hắn Huynh ấy vào sau.

Benno khẳng khẳng:

- Không. Tôi đứng sát cửa, thấy rõ từng người vào. Tôi nói thật, Malachi đã ở bên trong... trước đó rồi.

- Trước cái gì?

- Trước khi quản hàm vào. Tôi không đoan chắc, nhưng tôi tin rằng Huynh ấy bước ra từ sau bức màn kia, khi có một số chúng ta ở đây rồi. – Benno hất hàm chỉ về phía tấm màn lớn che khuất chiếc giường, nơi Severinus thường bảo những ai đang chữa trị vào nằm nghỉ. Thầy William hỏi:

- Huynh định ám chỉ Malachi đã giết Severinus và nấp ở đấy khi quản hàm bước vào ư?

- Hay là từ sau bức màn đó, Huynh ấy đã chứng kiến việc xảy ra ở đây. Nếu không, thì tại sao quản hàm lại van xin Huynh ấy đừng làm hại mình và

Malachi đáp lại cũng hứa hẹn không làm hại Huynh ấy.

- Có thể lắm. Dầu sao, đã có quyển sách ở đây, và nó hẳn vẫn nằm ở đây, vì cả Malachi lẫn quản hàm đều đi ra tay không.

Nhờ tôi báo cáo, thầy William hiểu Benno biết sự việc, và lúc đó thầy cần sự giúp đỡ. Thầy đến chỗ Tu Viện Trưởng đang rầu rĩ quan sát xác Severinus. Thầy yêu cầu Cha bảo mọi người lui ra, vì thầy muốn xem xét hiện trường kỹ hơn nữa. Tu Viện Trưởng chấp nhận và đi ra, còn ném cho thầy William một cái nhìn ngờ vực, như thể trách móc thầy lúc nào cũng đến quá trễ. Malachi cố nán lại, viện lý do này lý do kia, nhưng cả thầy đều rất mơ hồ. Thầy William nhấn mạnh rằng đây không phải là Thư viện, nơi này Malachi không có quyền hành gì. Thầy nhã nhặn nhưng rất cứng cỏi, trả đũa được lần Malachi không cho phép thầy xem xét bàn giấy của Venantius.

o0o

Chỉ còn ba chúng tôi ở lại. Thầy William dọn sạch các mảnh vụn và giấy tờ trên một chiếc bàn, rồi bảo tôi lần lượt đưa cho thầy xem các cuốn sách trong bộ sưu tập của Severinus. So sánh với kho sách mênh mông trong Mê Cung thì đây chỉ là một bộ sưu tập nhỏ, thế nhưng nó cũng có đến hàng mấy chục quyển, đủ mọi kích cỡ, trước đây được xếp gọn ghẽ trên các kệ, còn bây giờ thì nằm vương vãi trên mặt đất lẫn với các thứ khác, chúng đã bị đôi tay hoảng loạn của quản hàm xáo tung lên, vài quyển còn bị xé rách, dường như hẳn không phải tìm một quyển sách mà tìm một cái gì đó có thể kẹp giữa những trang sách. Vài trang bị giứt đứt tung ra khỏi bìa. Không dễ gì thu nhặt chúng nhanh chóng, phân loại theo chủ đề và xếp lên bàn. Mọi việc phải làm khẩn trương, vì Tu Viện Trưởng cho chúng tôi quá ít thời giờ.

Các tu sĩ sẽ vào tắm liệm cái xác tan nát của Severinus để chuẩn bị chôn cất. Chúng tôi cũng phải đảo quanh tìm kiếm dưới bàn, sau kệ, trong tủ, xem có gì lạ mà lần khám xét đầu tiên chưa phát hiện ra. Thầy William không cho Benno giúp tôi mà chỉ để Huynh ấy đứng giữ cửa. Bất chấp lệnh của Tu Viện trưởng, nhiều người cứ nhất định lần vào phòng: các tôi tớ nghe tin, hoảng sợ, các tu sĩ thương tiếc người anh em của mình, các tu sinh mang chậu nước để rửa và vải sạch để phủ lên xác chết...

Vì thế chúng tôi phải hành động thật nhanh. Tôi quơ những quyển sách ấy trao cho thầy William xem xét và đặt lên bàn. Khi thấy công việc này kéo dài, chúng tôi bèn đồng tiến hành cùng một lúc. Tôi nhặt sách lên, vuốt nó ra nếu bị nhàu, đọc tựa, và đặt xuống. Vài quyển chỉ còn lại những trang toi tả.

- “*Ba quyển sách về thảo mộc*”. (1)

- Quý thật, không phải quyển này. – Thầy William nói và đập mạnh quyển sách lên bàn.

- “*Kho tàng dược thảo*” (2) – Tôi đọc, và thầy William quát: - Bỏ nó xuống. Chúng ta đang tìm một quyển sách tiếng Hy Lạp!

- Quyển này chẳng? – Tôi hỏi, và đưa thầy một tác phẩm có những trang đầy chữ trù tượng. Thầy William bảo:

- Không. Đồ ngu! Đó là tiếng Ả Rập. Thầy Bacon có lý: bốn phần đầu tiên của một học giả là phải học ngoại ngữ!

- Nhưng thầy có biết tiếng Ả Rập đâu! – Tôi bực bội cãi lại, và thầy đáp:

- Ít ra thầy cũng hiểu đó là tiếng Ả Rập.

Tôi đỏ mặt lên vì tiếng Benno cười khúc khích sau lưng.

Sách đã nhiều mà còn có nhiều ghi chú, bản cuộn nhiều hình vẽ, vòm thiên đàng, thư mục các kỳ hoa dị thảo được chép lên những trang giấy rời, có lẽ là bút tích của người quá cố! Chúng tôi lục xét mọi ngõ ngách trong phòng thí nghiệm một lúc lâu. Thầy William mặt lạnh như tiền, còn nhích cả xác

chết để xem bên dưới có gì không, rồi lục lạo bên trong chiếc áo dòng. Chẳng có gì hết. Thầy William giải thích:

- Phải làm thế thôi. Severinus giam mình trong phòng với quyển sách, còn quản hàm thì cũng không giữ nó...

Tôi hỏi: - Liệu quản hàm có giấu nó trong áo dòng không?

- Không. Quyển sách thầy thấy hôm nọ dưới bàn Venantius rất to, nếu quản hàm giấu nó dưới áo thì ta phải thấy ngay.

- Bìa nó như thế nào?

- Thầy không biết. Nó mở ngỏ và thầy chỉ thoáng thấy có vài giấy, đủ để biết nó bằng tiếng Hy Lạp, ngoài ra thầy không nhớ gì hơn. Chúng ta hãy tiếp tục, quản hàm không mang theo nó và thầy nghĩ Malachi cũng không.

Benno xác nhận: - Chắc chắn là không. Khi quản hàm túm lấy ngực Huynh ấy, rõ ràng là Huynh không thể giấu gì ở dưới áo được.

- Tốt. Hay cũng có thể là xấu. Nếu quyển sách không có trong phòng này, hiển nhiên đã có ai khác ngoài Malachi và quản hàm vào đây trước.

- Thế thì có một người thứ ba đã giết Severinus ư?

- Có quá nhiều người - thầy nói.

Tôi hỏi: - Nhưng mà, ai có thể biết được quyển sách nằm ở đây?

- Jorge chẳng hạn, nếu Huynh ấy nghe lén chúng ta.

- Đúng, nhưng Jorge không thể giết một người khỏe mạnh như Severinus, với một vũ lực như thế.

- Dĩ nhiên là không. Ngoài ra, con đã thấy Jorge đi về phía Đại Dinh, và toán lính đã thấy Huynh trong nhà bếp, ngay trước khi họ gặp quản hàm. Thế nên Huynh không có đủ thời giờ để đến đây rồi đi về bếp.

- Hãy để con suy nghĩ – Tôi nói, cố tình bắt chước thầy – Alinardo cũng quanh quẩn trong khu vực gần đây, nhưng lão đứng còn không vững, nên không thể áp đảo được Severinus. Quản hàm có ở đây, nhưng thời gian từ lúc hấn rồi bếp đến khi toán lính ập vào quá ngắn ngủi, con nghĩ, thật khó

có thể kịp gọi Severinus mở cửa, tấn công và giết người, rồi lục lạo lung tung. Malachi có thể đến trước tiên, vì Jorge nghe chúng ta nói chuyện ở tiền sảnh, bèn vào phòng thư tịch kể cho Malachi có một quyển sách của Thư viện đang ở trong phòng thí nghiệm của Severinus. Malachi đến đây, thuyết phục Severinus mở cửa và giết Huynh ấy, chỉ có Trời mới biết tại sao. Nhưng nếu Huynh tìm được sách thì nhận ra nó ngay, đâu cần lục lọi làm gì, vì Huynh là quản thư viện mà! Thế còn ai nữa?

- Benno, - thầy William nói.

Benno lắc đầu quây quây. – Không, thưa sư Huynh William, Huynh biết tính tôi tò mò ghê lắm. Nếu tôi đã vào đây và có khả năng đi ra cùng với quyển sách, thì tôi còn đứng đây với Huynh làm gì. Lúc này tôi sẽ chiêm ngưỡng báu vật của mình ở nơi nào khác...

Thầy William mỉm cười nói: - Lý luận khá vững vàng đấy. Tuy nhiên, Huynh cũng không biết quyển sách ấy như thế nào. Có lẽ Huynh đã giết người và bây giờ nán ná ở đây để nhận diện quyển sách.

Mặt Benno đỏ bừng, hấn lên tiếng phản đối: - Tôi đâu phải là kẻ sát nhân!

Thầy William triết lý nói: - Mãi đến khi phạm tội giết người thì mình mới thành kẻ sát nhân. Dầu sao, quyển sách đã mất, và điều này cũng chứng minh Huynh đã không để nó ở đây.

Nói xong, thầy quay lại ngắm nghía xác chết. Đến lúc đó, thầy mới thẩm thía cái chết của người bạn mình rồi nói: - Tội nghiệp Severinus! Tôi đã nghi ngờ cả Huynh và các thuốc độc của Huynh nữa. Huynh biết trước sẽ bị bẫy thuốc độc nên đã đeo găng tay vào. Huynh sợ tai họa ở trần gian, nào ngờ nó đến từ thiên đàng...

Thầy lại nhặt chiếc lồng cầu lên và chăm chú quan sát nó: - không hiểu tại sao họ lại dùng vũ khí kỳ lạ này...

- Vì nó ngay tầm tay...

- Có lẽ. Nhưng còn có những vật khác như chai lọ, dụng cụ làm vườn...

Đây là một kiểu mẫu tiêu biểu cho kỹ xảo kim loại và thiên văn học. Nó bị hỏng rồi... Lạy chúa tôi! – Thầy la lên.

- Phần thứ ba của mặt trời bị đập nát, phần thứ ba của mặt trăng và phần thứ ba của tinh tú... - Thầy trích dẫn.

Tôi thừa biết đó là từ sách Mặc khải của thánh Tông đồ John, bèn thốt lên: - Hồi kèn thứ tư.

- Đúng rồi. Trước tiên là mưa đá, rồi máu, rồi nước và bây giờ là tinh tú... Nếu đúng như vậy thì phải xem xét lại mọi việc... Kẻ sát nhân không ngẫu nhiên tấn công, mà đang theo một phương án... Nhưng có thể tưởng tượng được chẳng, có một đầu óc quỷ quyết đến nỗi chỉ ra tay giết người khi có dịp theo lời dạy trong sách Mặc khải?

- Việc gì sẽ xảy ra với hồi kèn thứ năm – Tôi kinh hoàng hỏi, óc cố nhớ lại: “Ta trông thấy một ngôi sao từ trời rơi xuống, và người đó được ban cho chìa khóa của hố sâu không đáy...”. Ai đó sẽ chết đuối trong một giếng nước à?

- Hồi kèn thứ năm còn tuyên hứa nhiều điều khác nữa. “Từ hố sâu bốc khói từ một lò nung lớn, từ đó lũ cào cào sẽ nhảy ra chích đốt loài người, nọc của chúng cũng độc như nọc bọ cạp. Bọn cào cào hình dáng trông như ngựa, đầu đội vương miện vàng, miệng mọc răng sư tử...” Kẻ sát nhân của chúng ta có thể có sẵn nhiều phương tiện khác nhau để thực hiện các lời dạy trong sách... Nhưng chúng ta không nên theo đuổi những điều hão huyền, mà nên thử nhớ lại điều Severinus nói, khi Huynh ấy báo cho chúng ta đã tìm được quyển sách...

- Thầy bảo Huynh ấy đem quyển sách đến cho thầy, Huynh nói không được...

- Huynh có nói thế và liền đó cuộc nói chuyện của chúng ta bị gián đoạn. Tại sao Huynh ấy không thể mang nhỉ? Một quyển sách mang đi đâu mà chẳng được. Và sao Huynh ấy lại đeo găng tay? Trên bìa sách có chất gì

liên hệ đến thuốc độc đã giết Berengar và Venantius chẳng? Một cái bẫy bí ẩn, một đầu ngón tay thuốc độc...

- Một con rắn!

- Sao không phải là cá voi chứ? Không, chúng ta lại theo đuổi những điều hão huyền rồi. Như chúng ta thấy, thuốc độc phải ngấm vào bằng đường miệng. Ngoài ra, Severinus không nói chính xác rằng không thể mang sách đó đến được, mà chỉ nói muốn cho thầy xem nó ở đây. Sau đó, Huynh mang găng tay vào... Như thế, chúng ta biết phải mang găng tay mới cầm sách được. Benno, nếu Huynh tìm được quyển sách như vẫn hằng hy vọng, thì Huynh cũng làm như thế. Vì Huynh rất sốt sắng, nên hãy giúp tôi thêm điều này. Trở lại phòng thư tịch và theo dõi Malachi. Chớ để Huynh ấy lọt khỏi mắt Huynh.

- Xin vâng! – Benno đáp và đi ra, trông có vẻ vui sướng vì nhiệm vụ mới.

Chúng tôi không thể cầm chân các tu sĩ khác lâu hơn nữa, nên họ tràn vào phòng. Đã qua giờ ăn, có lẽ Bernard đang nhóm phiên tòa trong phòng nguyện. Thầy William nói: - Chúng ta chẳng làm gì được hơn.

Ra khỏi bệnh xá, hai thầy trò vất bỏ cái giả thuyết nghèo nàn của tôi. Khi băng qua vườn rau, tôi hỏi thầy có thực tin Benno không. Thầy đáp:

- Không hẳn, nhưng điều mà chúng ta bảo thì Huynh ấy đã biết rồi, và chúng ta đã làm Huynh ấy sợ quyển sách. Rốt cuộc, bảo Huynh ấy rình Malachi, chúng ta cũng khiến Malachi theo dõi Huynh ấy, hiển nhiên chính Malachi cũng đang tự tay tìm quyển sách.

- Vậy thì quản hàm muốn gì?

- Rồi chúng ta sẽ biết. Dĩ nhiên hẳn cần một vật gì đó và cần nó ngay để thoát khỏi mối nguy hiểm đang đe dọa. Vật này chắc Malachi phải biết, nếu không, làm sao giải thích được sự van xin khẩn khoản của Remigio...

- Dẫu sao, quyển sách đã biến mất...

- Đây là một việc kỳ cục nhất. – Thầy William nói, khi chúng tôi đến nhà

nguyện. – Nếu quyền sách ở đó, như Severinus đã nói, thì hoặc giả nó đã bị lấy đi hay vẫn còn ở đó.

Tôi kết luận: - Vì nó không có ở đấy, vậy có người đã lấy nó đi.

- Cũng có thể suy luận trên một bình diện nhỏ hơn. Vì mọi bằng chứng đều khẳng định rằng không ai có thể lấy nó đi...

- Vậy thì nó vẫn ở đó. Nhưng nó lại không có đó.

- Khoan đã. Chúng ta nói nó không có đó vì chúng ta đã không tìm thấy nó. Nhưng có lẽ chúng ta không tìm ra vì không thấy nó nằm ở chỗ nào.

- Nhưng chúng ta đã tìm khắp nơi mà!

- Chúng ta tìm, nhưng không thấy. Hay là thấy, mà không nhận ra... Adso, Severinus tả quyền sách như thế nào? Huynh ấy nói câu gì?

- Huynh ấy bảo đã tìm thấy một quyền sách không phải của mình, bằng tiếng Hy Lạp.

- Không! Thầy nhớ ra rồi. Huynh ấy bảo một quyền sách lạ. Đối với người học thức như Severinus thì một quyền sách bằng tiếng Hy Lạp chẳng có gì lạ, cho dù Huynh ấy không biết tiếng Hy Lạp thì vẫn có thể nhận ra mặt chữ. Và một học giả cũng không gọi một quyền sách Ả Rập là lạ lùng, dù người ấy không biết tiếng Ả Rập chẳng nữa...

Thầy ngưng nói – Sao lại có quyền sách Ả Rập trong phòng thí nghiệm của Severinus?

- Nhưng sao Huynh ấy gọi quyền sách Ả Rập là lạ?

- Đó mới là vấn đề. Nếu Huynh ấy gọi nó là lạ lùng thì do vì nó trông lạ lùng, ít ra là đối với Huynh ấy, một dược thảo sư, chứ không phải quản thư viện... Trong thư viện có thể có nhiều quyền sách xưa, đóng lại thành một tập, gồm những bài lạ lùng khác nhau, bài thì tiếng Hy Lạp, bài thì tiếng Xy-ri...!

- ...Và bài thì tiếng Ả Rập! – Tôi hét lên, choáng váng vì sự sáng ý này.

Thầy William lôi tôi xềnh xệch ra khỏi tiền sảnh và đẩy tôi chạy về phía

bệnh xá.

- Đồ quý Đức! Đồ ngỗng đực! Đồ ngu! Mi chỉ nhìn những trang đầu mà không xem hết.

Tôi há hốc mồm cãi lại: - Nhưng thưa thầy, chính thầy là người xem những trang con đưa và bảo nó là tiếng Ả Rập chứ không phải Hy Lạp.

- Đúng thế, Adso, thầy mới chính là đồ quý. Nào lẹ lên! Chạy!

Chúng tôi trở lại phòng thí nghiệm, nhưng vất vả lắm mới vào được, vì các tu sinh đang khiêng xác ra. Những người hiếu kỳ khác đang đi lung tung trong phòng. Thầy William chạy xô đến chiếc bàn và nhặt các quyển sách lên để tìm quyển sách giết người. Thầy quăng đi hết quyển này đến quyển kia trước đôi mắt kinh ngạc của những người có mặt, rồi lại mở chúng ra đóng chúng lại. Than ôi, quyển sách Ả Rập không còn ở đó nữa. Tôi chỉ lờ mờ nhớ quyển sách bìa cũ, không cứng cáp, mòn nhiều, bọc những nếp kim khí mỏng.

- Ai đã vào đây sau khi tôi đi? – Thầy William hỏi một tu sĩ. Người này nhún vai: rõ ràng ai muốn vào thì vào, sao biết đây là ai.

Chúng tôi cố suy nghĩ các khả năng có thể xảy ra. Malachi ư? Có thể. Quản thư viện biết vật mình cần, có lẽ đã rình thấy chúng tôi đi ra tay không, bèn quay lại, đầy tự tin. Còn Benno? Tôi nhớ khi thầy trò tôi chế giễu nhau về quyển sách tiếng Ả Rập, Huỳnh ấy đã cười khúc khích. Lúc ấy tôi tưởng Huỳnh cười sự dốt nát của tôi, nhưng có lẽ Huỳnh cười vì sự ngờ nghệch của thầy: Huỳnh đã biết rõ những lớp vỏ khác nhau ngụy trang các bản viết xưa, và có lẽ đã nắm được cái điều mà khi ấy chúng tôi chưa kịp nghĩ ra – đó là, Severinus không biết tiếng Ả Rập và do đó sẽ thật kỳ quặc nếu Huỳnh ấy giữ trong đám sách của mình một quyển sách không đọc được. Hay có một người thứ ba chăng.

Thầy William ngượng chín người. Tôi cố an ủi thầy, bảo suốt ba ngày nay thầy đã tìm kiếm một quyển sách Hy Lạp thì đương nhiên là khi xem xét,

thầy phải loại đi tất cả các sách không phải tiếng Hy Lạp. Thầy đáp rằng con người tất phải sai lầm, nhưng có những kẻ sai lầm hơn người khác bị gọi là ngốc, trong đó có thầy. Thầy tự hỏi, không biết một người không có khả năng nghĩ ra rằng các bản văn cũng được đóng thành bộ, điều mà ngay cả tu sinh cũng biết, trừ những thằng ngu như tôi, người ấy có xứng đáng theo học ở Paris và Oxford không? Hai tên hề như thầy trò tôi sẽ thành công vẻ vang tại các chợ phiên, và chúng tôi nên theo nghề đó thay vì đi gõ rỗi các bí ả, nhất là chúng tôi còn phải đấu trí với những kẻ khôn ngoan hơn mình nhiều. Thầy kết luận:

- Than văn cũng chẳng ích chi. Nếu Malachi lấy sách thì Huynh ấy đã trả nó cho Thư viện. Và chúng ta chỉ tìm ra nó nếu biết cách xâm nhập “finis Africae”. Nếu Benno lấy sách, Huynh ấy phải suy đoán rằng trước sau gì thầy cũng nghi ngờ và sẽ trở lại phòng thí nghiệm và như thế Huynh ấy phải vội vã hành động ngay. Vậy Huynh ấy phải đang cất giấu nó, và ắt hẳn không giấu nó trong phòng mình, là nơi mà chúng ta sẽ đến thẳng để tìm gặp. Thôi, hãy trở lại nhà nguyện, xem thử trong cuộc hỏi cung, quản hàm có khai điều gì hữu ích không. Dẫu sao, thầy vẫn chưa rõ kế hoạch của Bernard, hẳn lòng bất nản nhân của mình trước khi Severinus chết, hẳn vì những lý do khác.

Chúng tôi trở về nhà nguyện. Lẽ ra chúng tôi nên đến phòng Benno, vì sau này chúng tôi mới biết, anh bạn trẻ này không đánh giá cao thầy William và không ngờ thầy quay lại phòng thí nghiệm nhanh như thế. Nghĩ rằng mình không bị lòng kiêu trong khu vực đó, Benno đi thẳng về phòng để giấu quyển sách.

Nhưng tôi sẽ kể việc này sau. Trong lúc này, nhiều biến cố rối ren và quan trọng đang diễn ra, khiến mọi người tạm quên đi quyển sách bí ả. Dầu không quên nó, chúng tôi đã bị lôi cuốn vào những trách nhiệm khẩn cấp khác liên quan đến sứ mệnh mà thầy William chung qui hoàn thành.

Chú thích:

(1) “*De plantis libri tres*”

(2) “*Thesaurus herbarum*”

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ TRƯA

*Công lý được thi hành,
nhưng mọi người ngượng ngịu
nghĩ rằng mình lầm.*

Bernard Gui ngồi ngay chính giữa bàn gỗ gụ trong phòng nguyện. Bên cạnh là một tu sĩ dòng Dominic giữ nhiệm vụ lục sự ghi chép, và hai giám mục trong phái đoàn giáo hoàng ngồi hai bên, giữ vai thẩm phán. Quản hàm đứng trước bàn, giữa hai tên lính.

Tu viện trưởng quay sang thầy William thăm thi: - Cha không biết thủ tục tòa này có hợp pháp chẳng. Hội đồng Lateran năm 1215 trong Giáo điều thứ 37 đã qui định không ai có thể bị gọi trình tòa trước những thẩm phán mở pháp đình cách xa nhà phạm nhân hơn hai ngày đường. Ở đây hoàn cảnh có lẽ khác, chính thẩm phán từ xa đến, nhưng...

Thầy William nói: - Phán quan được miễn trừ mọi thủ tục pháp lý thông thường, và không theo các tiền lệ của thường luật. Người ấy được hưởng đặc quyền và thậm chí không bị buộc phải nghe các luật sư biện hộ.

Tôi nhìn Quản hàm. Remigio trông tiều tụy. Hắn nhìn quanh như một con thú hoảng hốt đang nhận ra các hoạt động của một nghi thức hiến tế làm hắn sợ hãi. Bây giờ, tôi biết hắn sợ vì hai lý do đều khủng khiếp như nhau, thứ nhất, mọi người đều thấy hắn bị bắt quả tang phạm tội, thứ hai, hôm trước khi Bernard khởi sự điều tra, góp nhặt các lời đồn đại và bóng gió, Remigio đã e ngại quá khứ của hắn sẽ bị phơi bày, hắn càng hoảng hốt hơn khi thấy Salvatore bị bắt.

Nếu Remigio bị dày vò sợ hãi, thì phần Bernard Gui, hẳn biết cách biến nỗi sợ hãi của nạn nhân thành cơn kinh hoàng. Hắn im lặng khi ai cũng tưởng hắn sắp bắt đầu cuộc thẩm vấn. Hắn đặt tay lên những tờ giấy trước mặt, giả vờ như sắp xếp chúng, nhưng một cách lơ đãng. Hắn nhìn bị can chăm chặp, cái nhìn có lẫn vẻ bao dung đạo đức giả, sự châm biếm lạ lùng và vẻ khắc nghiệt không thương tiếc. Tất cả những điều này quản hàm đều đã biết, nhưng vẻ im lặng và trì hoãn của phán quan khiến hắn càng hiểu chúng thâm thía hơn. Càng cảm thấy nhục nhã thì nỗi bồn chồn sẽ biến thành tuyệt vọng, và hắn sẽ hoàn toàn lệ thuộc vào quan tòa như thỏi sáp mềm trong tay người.

Cuối cùng Bernard phá tan bầu không khí im lặng. Hắn thốt lên vài câu nói theo thủ tục xử án, thưa cùng các thẩm phán rằng, nay họ có thể tiến hành cuộc hỏi cung bị can liên quan đến hai tội ác cùng góm ghiếc như nhau, một tội thì ai cũng thấy rành rành, nhưng không ghê tởm bằng tội kia, bị can bị bắt trong khi giết người, và trong lúc thật sự bị truy tầm về tội phản giáo.

Lời đã phán. Quản hàm lấy tay che mặt, và khó khăn lắm mới nhấc tay được vì đã bị xiềng. Bernard bắt đầu hỏi:

- Người là ai?

- Remigio xứ Varagine. Con năm mươi hai tuổi, nhập chủng viện dòng Khất thực ở Varagine khi còn bé.

- Thế sao ngày nay người lại ở trong dòng Benedict?

- Cách đây nhiều năm, khi giáo hoàng ban hành “*Sắc lệnh La Mã*” (1) con sợ bị nhiễm nọc dị giáo của các Anh em Nghèo khó... mặc dù con chưa hề cùng quan điểm với họ... Con nghĩ, tâm hồn tội lỗi của mình nên lánh xa cái không khí đầy cảm dỗ ấy, nên xin vào đây và được đón nhận vào tập thể các tu sĩ trong tu viện này, nơi con đã phục vụ hơn tám năm trời với chức quản hàm.

Bernard chế nhạo: - Người thoát khỏi các cảm dỗ của bọn dị giáo, hay nói

đúng ra, người đã thoát được cuộc điều tra quyết tâm phát hiện bọn dị giáo và nhổ tận gốc chúng. Các tu sĩ dòng Cluniac tốt bụng đã mở lòng nhân hậu nhận người và những người như người vào. Nhưng đôi lớp áo dòng không đủ để xóa đi con quỷ dị giáo sa đọa trong tâm hồn, do đó, nay chúng tôi nhóm toà tại đây để tìm hiểu những gì đang rình rập ẩn nấp trong các ngõ ngách sâu kín của tâm hồn xác láo của người, và người đã làm gì trước khi đến chốn linh thiêng này.

Quản hàm thận trọng nói: - Linh hồn con vô tội và con không hiểu Ngài nói sự sa đọa dị giáo là có ý gì?

- Thấy chưa? – Bernard hét lên, quay sang nói với các thẩm phán. – Chúng đều một phường với nhau mà. Khi bị bắt, chúng đối mặt với công lý như thể lương tâm mình thanh thản, chẳng có gì ân hận cả. Chúng đâu có biết rằng, đó là dấu hiệu hiển nhiên tố cáo tội ác của bọn chúng, vì một người lương thiện khi hầu tòa đều phải bồn chồn bối rối! Hỏi hấn xem có biết tại sao ta ra lệnh bắt hấn không. Người có biết không, Remigio?

Quản hàm đáp: - Thừa ngài, con rất sung sướng nếu Ngài cho con hay.

Tôi ngạc nhiên, vì quản hàm đối đáp lại những câu hỏi nghi thức bằng những lời lẽ cũng lễ nghi không kém, cứ như hấn rất thạo các thủ tục hỏi cung và các mẹo đánh bẫy của nó, và đã được đào tạo một thời gian dài để đương đầu với bất kỳ tình huống nào có thể xảy ra như thế này.

Bernard hét lên:

- Kìa, đó là lối trả lời đặc trưng của bọn dị giáo hỗn láo! Chúng quỷ quyết như cáo xóa xấu chân và rất khó bắt nọn chúng, vì đức tin của chúng cho phép chúng được quyền nằm ẩn tránh né sự trừng phạt. Chúng lập lại những câu trả lời vòng vo, cố đánh bẫy phán quan, người phải chịu đựng cảnh quan hệ với những kẻ đáng tởm như vậy. Nay Remigio, người chẳng bao giờ liên hệ với những người gọi là Anh em Nghèo khó hay các thầy dòng khổ hạnh, hay các tu sĩ Beghard phải không?

- Con đã trải qua những nổi thăng trầm của dòng Khất thực khi xảy ra cuộc tranh cãi triền miên về sự cơ nghèo, nhưng con chưa bao giờ gia nhập giáo phái Beghard cả!

- Thấy chưa, hấn chối chưa bao giờ gia nhập giáo phái Beghard cả, vì giáo phái này, tuy cũng mang tính chất dị giáo như giáo phái Anh em Nghèo khó, lại xem dòng Anh em nghèo khó là một nhánh chết của dòng Francisco, nên tự nhận mình thanh khiết và hoàn thiện hơn. Nhưng nhiều hoạt động của giáo phái Beghard cũng giống như của giáo phái kia thôi! Remigio, người có chối rằng người ta đã từng thấy người khi cầu nguyện trong nhà thờ thì ngồi sụp xuống, ép mặt vào tường, hay nằm dài ra mũ che kín đầu, chớ không quỳ gối khoanh tay lại như những tu sĩ khác chẳng?

- Trong dòng thánh Benedict, các tu sĩ cũng nằm dài cầu nguyện, vào những lúc thích hợp...

- Ta không hỏi người làm gì vào những lúc thích hợp, mà vào lúc không thích hợp kia! Do đó, đừng chối rằng người đã giữ một dáng bộ này nọ đặc trưng của giáo phái Beghard... Nay, hãy khai đi: người tin gì?

- Thưa ngài, con tin mọi điều mà một con chiên ngoan đạo tin.

- Nghe thành kính góm nhĩ! Thế con chiên ngoan đạo tin gì?

- Điều mà Giáo hội răn dạy.

- Giáo hội nào? Giáo hội của bọn tín đồ tự nhận mình là hoàn thiện, bọn Tông đồ giả danh, bọn Anh em Nghèo khó dị giáo, hay Giáo hội mà bọn chúng đã so sánh với con điểm thành Babylon, Giáo hội mà tất cả chúng ta đều thành tâm tin tưởng?

Quản hàm hoang mang nói: - Thưa ngài, xin bảo cho con biết Ngài tin Giáo hội nào là chân chính.

- Ta tin đó là Giáo hội La Mã, giáo hội thánh thiện duy nhất của các Tông đồ, được Giáo hoàng và các Giám mục của Người lãnh đạo.

- Con cũng tin như thế.

Phán quan hét lên: - Khôn lanh khiếp nhi! Xảo quyết khiếp nhi! Các Huynh thấy đều nghe hấn chứ! Hấn muốn nói hấn tin điều tôi tin tưởng ở giáo hội này, để tránh né khỏi phải khai ra hấn tin gì! Nhưng, chúng tôi đã rành những trò cáo già này rồi! Thôi, hãy đi vào trọng tâm. Người có tin rằng Giáo hoàng đã ban hành rằng muốn thực lòng ăn năn, người phải xưng tội với các tội tớ của Chúa, và giáo hội La Mã có quyền lực thắt buộc trên trần gian này những gì sẽ được thắt buộc trên thiên đàng?

- Chẳng lẽ con không phải tin những điều đó sao?

- Ta không hỏi người “phải” tin điều gì, mà hỏi người tin gì!

Quản hàm hoảng sợ nói:

- Con tin mọi điều Ngài và các học giả tài ba khác bảo con tin.

- À! Nhưng những học giả tài ba người nhắc đến đó có phải là những người lãnh đạo giáo phái của người không? Khi nói đến các học giả tài ba, có phải ý người muốn ám chỉ thế không? Có phải những tên lão toét sa đọa đó là những kẻ người đã đi theo để tìm ra đức tin của mình? Người muốn ám chỉ rằng, nếu ta tin những điều chúng tin thì người sẽ tin ta, nếu không, người sẽ tin mình chúng thôi!

Quản hàm lắp bắp: - Thưa Ngài, con không nói thế. Ngài khiến con nói thế. Con sẽ tin Ngài, nếu Ngài dạy con điều tốt lành.

- Quân xác xược! – Bernard thét lên, giọng nắm tay lên bàn, - Người ngoan cố nhắc lại từ trong ký ức những công thức mà chúng đã dạy người trong giáo phái. Người nói, người sẽ chỉ tin ta nếu ta giảng dạy những gì mà giáo phái người cho là tốt lành. Bọn Tông đồ giả danh đã trả lời như thế, và bây giờ người cũng đối đáp hết như thế, có lẽ một cách vô ý thức, vì từ miệng người lại trào lên những lời lẽ mà ngày xưa người đã được dạy để đánh lừa các phán quan. Thế nên chính miệng người đã buộc tội người, và nếu ta không dùng kinh nghiệm phán xử thì đã lọt bẫy người rồi... Nhưng, này tên sa đọa kia, hãy đi vào vấn đề chính! Người có bao giờ nghe nói đến

Gherrardo Segarelli xứ Parma không?

- Con có nghe nói đến người ấy, - Quản hàm đáp, mặt xanh lè, nếu người ta vẫn còn nhận được cái vế tái nhợt trên gương mặt tan nát ấy.

- Người có bao giờ nghe nói đến Fra Dolcino xứ Novara?

- Con có nghe người ta nói đến.

- Người có bao giờ gặp mặt và nói chuyện với gã chưa?

Quản hàm lặng đi vài giây, như thể đo thử hấn nên tiến bao xa khi khai ra một phần sự thật. Rồi hấn quyết định và yếu ớt cất tiếng: - Con đã gặp và nói chuyện với người ấy.

Bernard hét: - Nói lớn lên! Hãy để một lời thực cuối cùng sẽ thoát khỏi miệng ngươi! Người nói chuyện với gã khi nào?

- Thưa Ngài, con lúc ấy là tu sĩ trong một tu viện gần Novara, bọn Dolcino tụ tập trong khu vực đó, và đi ngang tu viện của con, ban đầu không ai biết rõ chúng là ai...

- Nói láo! Làm thế nào mà một tu sĩ Francisco xứ Varagine lại ở trong tu viện vùng Novara được chứ? Người không ở trong tu viện, lúc ấy ngươi đã là một tên trong nhóm Anh em nghèo khó lang thang, sống nhờ của bố thí khắp vùng đó, và ngươi đã gia nhập bọn Dolcino!

Quản hàm run rẩy nói: - Sao ngài lại khẳng định như thế chứ?

- Ta sẽ cho ngươi thấy ta có thể, không, ta khẳng định điều đó như thế nào.

- Đoạn Bernard ra lệnh đem Salvatore vào.

Hình ảnh của kẻ bất hạnh ấy – kẻ đã bị Bernard đích thân hỏi cung suốt đêm, tuy không công khai, nhưng lại ác nghiệt hơn cuộc hỏi cung này – khiến tôi động lòng thương cảm. Như tôi đã tả, bộ mặt Salvatore bình thường trông đã dễ sợ, nhưng buổi sáng nay, nó càng giống loài thú hơn bao giờ hết. Mặc dù thân thể xiềng xích của gã lê đi không muốn nổi, chân tay lòng không loẻo khẻo, chẳng lộ vẻ gã đã chịu đựng bạo lực nào, nhưng cách bọn lính lôi gã đi xềnh xệch như lôi một con khỉ bị trói bằng thùng, cho

thấy rất rõ cuộc hồi cung kinh hoàng được tiến hành ra sao.

Tôi thì thăm với thầy William.

- Bernard đã tra tấn hấn...

- Đâu có. Phán quan không bao giờ tra tấn, việc giam cầm, hành hình bị cáo luôn luôn được giao cho thế quyền.

- Thì cũng thế thôi!

- Không phải thế. Nó khác, vì tay của phán quan vẫn trong sạch, vì khi phán quan đến thì bị cáo đột nhiên tìm được nơi nương tựa làm dịu đi những vết đau, thế nên sẽ thổ lộ lòng mình.

Tôi nhìn thầy, hoảng sợ nói: - Thầy chỉ đùa.

- Đây là chuyện đùa sao?

Bernard đang hỏi cung Salvatore, và ngòi bút của tôi không thể ghi lại những lời nói vụn vỡ của gã. Lời lẽ của gã rối loạn, hỗn độn như tiếng kêu của một con khi đầu chó, mọi người vất vả lắm mới hiểu nổi. Bernard dẫn dắt những câu hỏi, khiến Salvatore chỉ có thể trả lời “có” hoặc “không”, và do đó không thể nói dối được tí gì. Và, điều Salvatore nói thì quý độc giả cũng có thể hình dung dễ dàng. Gã kể, hay gã khẳng định những gì gã đã kể đêm nọ, một phần của câu chuyện tôi đã kết lại: những ngày lang thang của một tu sĩ Anh em nghèo khó, Chấn chiến, và Tông đồ giả danh, làm thế nào trong thời Fra Dolcino, gã đã gặp được Remigio trong nhóm này, rồi trốn theo hấn, tham gia trong trận chiến trên núi Rebello, và sau nhiều nổi thăng trầm, đã trú ẩn trong tu viện Casale. Gã còn nói thêm rằng thủ lĩnh dị giáo Dolcino, khi gần thua trận bị bắt, đã ủy thác cho Remigio một số lá thư để hấn mang đi đâu, đưa ai gã không biết. Remigio lúc nào cũng mang kè kè những lá thư này bên mình, chẳng dám đưa cho ai, khi đến tu viện này, hấn sợ không dám giữ trong người nhưng cũng không muốn hủy chúng đi, nên đã ủy thác lại cho quản thư viện, vâng, cho Malachi, và người này phải giấu chúng nơi nào đó sâu kín trong Đại Dinh.

Khi Salvatore nói, quản hàm căm ghét nhìn gã, và đôi khi không kìm lại được đã hét lên: - Đồ rắn rít, đồ quỷ dâm dục; ta là cha của ngươi, là bạn, là người che chở cho ngươi, mà nay ngươi đền ơn cho ta như thế đó!

Salvatore nhìn người đã bảo vệ cho mình, giờ đang cần được bảo vệ, cố gắng nói:

- Cha Remigio, khi có thể, con là người của cha... Nhưng cha biết, bọn đàn em của tên trưởng toán lính mà;...

Remigio lại thét vào mặt gã:

- Đồ điên! Ngươi tưởng tự cứu được mình hả? Ngươi có biết rồi ngươi cũng sẽ chết như một kẻ dị giáo không? Hãy nói những điều ngươi khai khi bị tra tấn chỉ toàn là bịa đặt đi!

- Con không phải người có chữ nghĩa... Con phạm tội không có tà tâm, và Ngài Bernard cao quý biết mà, nhân danh Cha và con và các thánh thần, con mong Ngài bao dung...

Phán quan đáp: - Chúng tôi sẽ bao dung trong giới hạn tòa cho phép, và sẽ khoan hồng xem xét thiện chí khai thật lòng của ngươi. Giờ hãy về phòng suy nghĩ thêm và tin vào ơn huệ của Chúa. Còn bây giờ, chúng ta hãy bàn đến một vấn đề có tầm quan trọng hoàn toàn khác. Nay Remigio, thế là ngươi có mang theo mình vài lá thư của Dolcino, và đã trao chúng cho tu sĩ anh em quản thư viện...

- Không đúng. Không đúng! – Quản hàm la lên, tưởng như cách tự vệ vẫn còn hiệu quả. Nhưng Bernard đã cắt ngang: - Ngươi không phải là người phải khẳng định điều này đâu, người ấy sẽ là Malachi xứ Hildesheim.

Bernard sai lính gọi Malachi đến, nhưng quản thư viện không có trong số những người đang hiện diện. Tôi biết Malachi hoặc đang ở trong phòng thư tịch, hoặc lảng vảng gần bệnh xá để lòng kiếm Benno và quyển sách. Khi lính đưa Huynh ấy đến, mặt Huynh phờ phạc và cố tránh nhìn mọi người. Thầy William buồn rầu lắm lắm:

- Thế là bây giờ Benno tự do làm gì tùy thích.

Nhưng thầy đã làm. Tôi thấy Benno đang nghênh cổ nhìn qua vai các tu sĩ đang chen chúc nhau quanh cánh cửa tiền sảnh để theo dõi cuộc hỏi cung. Tôi chỉ cho thầy William thấy. Chúng tôi nghĩ Benno còn tò mò muốn tìm hiểu các diễn biến đang xảy ra còn hơn cả quyển sách nữa. Về sau, chúng tôi mới biết, đến khi đó, Benno đã ngã giá xong một vụ trao đổi tòi bại.

Malachi xuất hiện trước tòa, mắt không bao giờ chạm mắt quản hàm. Bernard nói:

- Này Malachi, sáng hôm nay, sau khi nghe Salvatore thú tội đêm qua, ta đã hỏi xem Huynh có nhận được từ bị cáo hiện đang có mặt đây những thơ từ gì không...

Quản hàm la lên: - Malachi! Huynh đã thề sẽ không làm gì hại tôi mà!

Malachi xoay nhẹ về phía bị cáo, lúc ấy đang ở sau lưng, và nói, giọng trầm đến độ tôi vất vả lắm mới nghe ra: - Nếu tôi có thể làm gì đó để hại Huynh, thì việc đó đã được làm rồi. Các lá thơ đã được trao cho Ngài Bernard sáng nay, trước khi Huynh giết Severinus...

- Nhưng Huynh biết, Huynh phải biết là tôi không giết Severinus! Huynh biết vì Huynh ở đó trước tôi mà!

- Tôi ư? Tôi đến đó sau khi họ đã phát hiện Huynh.

Bernard cắt ngang: - Cứ cho là như vậy đi Remigio, thế người đang tìm gì trong phòng thí nghiệm của Severinus?

Quản hàm hoang mang xoay nhìn thầy William rồi Malachi, rồi lại Bernard:

- Nhưng, sáng hôm nay con... tôi nghe sư huynh William có mặt ở đây bảo Severinus canh giữ một số giấy tờ gì đó... và từ tối qua, khi Salvatore bị bắt, con e ngại những bức thư đó...

Bernard đắc thắng reo lên: - Thế thì người có biết về những lá thơ đó!

Đến đây, quản hàm rơi vào bẫy. Hắn bị kẹt giữa hai sự lựa chọn: một là, mình oan cho tội dị giáo, hai là, xóa tan sự nghi ngờ đã giết người. Theo

bản năng, hẳn chắc hẳn đã quyết định chống chế tội thứ hai, thế nên hẳn đang tìm cách tự bào chữa:

- Con sẽ nói về những lá thư đó sau... Con sẽ giải thích... Con sẽ kể làm sao tôi có được chúng... Nhưng hãy nghe con nói chuyện xảy ra sáng nay. Khi thấy Salvatore rơi vào tay Ngài Bernard, con nghĩ người ta sẽ bàn về những lá thư đó, bao nhiêu năm nay rồi, mỗi khi nghĩ đến chúng, tâm can con lại bị dày vò... Rồi, khi nghe sư huynh William và Severinus nói về giấy tờ gì đó... biết nói sao... con kinh hoàng quá, nghĩ rằng Malachi muốn tống khứ chúng nên đã giao cho Severinus... Con muốn thủ tiêu chúng, nên đến chỗ Severinus... Cửa mở ngỏ và Severinus đã chết rồi, con liên tục lục lạo khắp đồ đạc để tìm các lá thư... Con chỉ sợ rằng...

Thầy William rỉ tai tôi : - Rõ ngốc, sợ tai họa này thì lao đầu vào tai họa kia...

Bernard xen lời: - Cứ cho rằng người đã khai gần hết sự thật, ta bảo gần hết thôi nhé. Người tưởng Severinus đang giữ những lá thư đó và lục tìm chúng trong phòng thí nghiệm. Tại sao người nghĩ Huynh ấy giữ thư? Tại sao người lại giết các tu sĩ khác? Có lẽ người nghĩ các lá thư đó đã có lần chuyển qua tay những người này chẳng? Có lẽ tu viện này có thói thu nhập tàn tích của bọn dị giáo bị hỏa thiêu chẳng?

Tôi thấy Tu viện trưởng giật bắn người. Không có gì tồi tệ bằng lời buộc tội đã gom góp các tàn tích của bọn dị giáo, và Bernard đã quỉ quyết gán ghép các án mạng với tội dị giáo, và mọi chuyện khác với đời sống trong tu viện. Dòng suy nghĩ của tôi bị cắt đứt, vì quản hàm la lên rằng hẳn không có liên quan gì đến các án mạng kia cả. Bernard nhẹ nhàng trấn an hẳn: tạm thời, việc này không phải là điều họ đang bàn đến, họ đang hỏi cung Remigio về tội dị giáo, do đó hẳn chớ nên đánh lạc hướng để người ta khỏi chú ý đến quá khứ dị giáo của mình bằng cách kể chuyện Severinus hay gieo ngờ vực cho Malachi. Thế nên hẳn phải quay lại chuyện các lá thư.

Bernard nói với nhân chứng:

- Malachi, ở đây Huynh không phải là bị cáo. Sáng nay, Huynh đã trả lời các câu hỏi của tôi theo yêu cầu, và không hề giấu diếm điều gì. Bây giờ, tại đây, Huynh hãy lập lại những điều đã nói ban sáng và chớ sợ hãi chi.

Malachi nói: - Tôi xin lập lại những điều đã nói sáng nay. Một thời gian ngắn sau khi Remigio đến đây, Huynh ấy lo quản nhà bếp, và chúng tôi thường gặp nhau vì nhiệm vụ - là một quản thư viện, tôi được giao trách nhiệm ban đêm đóng cửa Đại Dinh, và do đó cả nhà bếp nữa. Tôi không có lý do gì để phủ nhận tình bạn thân thiết giữa chúng tôi, và cũng không có lý do gì để ngờ vực người này, Huynh ấy bảo hiện đang giữ vài tài liệu bí mật, được người ta xưng tội ủy thác lại, những tài liệu này không được rơi vào bàn tay phạm tặc và Huynh không dám giữ trong người. Vì tôi hiện đang quản nơi duy nhất trong tu viện cấm mọi người đến, Huynh nhờ tôi giữ các giấy tờ đó sao cho khỏi ai nhòm ngó. Tôi đồng ý, không hề nghi ngờ đó là các tài liệu dị giáo, khi cất chúng đi, tôi cũng chẳng hề đọc... Tôi cất chúng vào nơi sâu kín nhất trong các phòng bí mật của Thư viện, và sau đó quên bẵng đi cho đến sáng nay, khi Ngài phán quan đề cập với tôi các giấy tờ đó, thế là tôi đem chúng ra, trao lại cho Ngài...

Tu viện trưởng nhíu mày, ngỏ lời: - Tại sao Huynh không báo cho Cha biết sự thỏa thuận giữa con và quản hầm? Thư viện đâu phải là nơi để tàng trữ những vật riêng của tu sĩ! – Tu viện trưởng làm sáng tỏ rằng việc này không liên quan đến tu viện.

Malachi bối rối đáp: - Thừa Cha, con nghĩ việc ấy không quan trọng lắm. Con vô tình phạm tội.

Bernard thân thiện nói: - Dĩ nhiên, dĩ nhiên rồi. Chúng ta thấy đều tin rằng quản thư viện đã hành động vì thiện ý, và sự thành thật hợp tác với phiên tòa này là bằng chứng cụ thể. Tôi thành tâm van xin Cha Bề trên chớ trừng phạt Huynh ấy vì một hành động thiếu cẩn trọng trong quá khứ. Chúng tôi

tin Malachi, và yêu cầu Huynh ấy tuyên thệ xác nhận rằng, những giấy tờ tôi sắp trình ra đây là những giấy tờ Huynh ấy trao cho tôi sáng nay, do Remigio ủy thác cho Huynh ấy nhiều năm trước đây, sau khi hấn đến tu viện này. – Bernard trưng lên hai mảnh da trong số giấy tờ nằm trên bàn. Malachi nhìn và xác nhận: - Tôi xin thề với Chúa Toàn Năng và Đức Mẹ Đồng Trinh và tất cả Thánh thần rằng, đó chính là các giấy tờ tài liệu, xưa nay đều y vậy.

- Thế đủ rồi. Malachi, Huynh được phép lui.

Ngay trước khi Malachi đi đến cửa, đầu cúi gằm, thì từ đám đông hiểu kỳ chen chúc phía dưới tiền sảnh, vang lên một giọng nói:

- Đi giấu giùm thư cho người ta, rồi người ta dẫn xuống bếp cho xem đít tu sinh.

Đây đó có người cười lên, Malachi vội vã đi ra, lẩn người này, đẩy người kia. Tôi dám chắc đó là giọng Aymaro, nhưng Huynh ấy đã hét lên giọng the thé. Tu viện trưởng mặt đỏ như, la lên ra lệnh yên lặng, đe dọa sẽ nghiêm khắc trừng trị mọi người, và đuổi họ ra khỏi tiền sảnh. Bernard cười ranh mãnh. Hồng Y Bertrand, ngồi ở một phía, cúi xuống thì thầm vào tai Jean d'Anneaux điều gì đó, Jean lấy tay che miệng và cúi đầu như thể đang ho. Thầy William bảo tôi: - Quản hàm không chỉ phạm tội dâm dục cho riêng mình, mà còn làm ma cô dất mối nữa. Nhưng Bernard không cần đếm xỉa đến điều đó trừ phi nó khiến Tu viện trưởng, người trung gian của triều đình, phải ngượng ngùng...

Thầy chưa nói dứt lời, Bernard đã hỏi thẳng: - Thưa Sư huynh William, tôi cũng rất quan tâm muốn biết Huynh và Severinus đang nói đến loại giấy tờ gì sáng nay thì Quản hàm nghe trộm và hiểu lầm.

Thầy William nhìn trừng trừng lại: - Quả thực Huynh ấy hiểu lầm tôi. Chúng tôi đang nói đến một bản sao luận thuyết về Chó đại của Ayyub al-Ruhawi, một quyển sách vô cùng uyên bác mà hấn Ngài đã biết tiếng và

hắn rất hữu ích cho Ngài. Ayyub nói bệnh chó dại có thể nhận ra nhờ hai mươi lăm triệu chứng hiển nhiên...

Bernard, người theo dòng Dominic, tiếng la tinh là “Domini Canes” nghĩa là bầy chó của Chúa, nhận thấy đây không phải là lúc thích hợp để dấy lên một cuộc đấu khẩu khác, bèn nói ngay: - Như thế, việc này không liên hệ với nội vụ đang bàn cãi. – Và phiên xử tiếp tục:

- Hãy quay lại với Sư huynh Remigio, này tu sĩ dòng Khất thực kia, người còn nguy hiểm hơn một con chó dại. Nếu Sư huynh William mấy ngày vừa qua đã chú ý đến nước dãi của bọn phản giáo hơn nước dãi chó thì có lẽ Huynh ấy cũng đã phát hiện được con rắn độc nào đang làm ổ trong tu viện. Chúng ta hãy quay trở lại những lá thư này. Bây giờ, chúng tôi biết chắc rằng những lá thư ấy, trước đây, đã ở trong tay người và người cố tình giấu nhem chúng như một thứ độc hại nhất, và người đã giết người – Bernard khoát tay, chận không cho Remigio phản đối. – Chúng ta sẽ nói chuyện giết người sau... người đã giết người để chúng khỏi lọt vào tay ta. Người nhận ra những tờ giấy này là sở hữu của người chứ?

Quản hàm không đáp, nhưng sự im lặng của hắn cũng đã đủ thừa nhận. Bernard nhấn mạnh:

- Và những tờ giấy này là gì? Đây là hai trang viết tay, bút tích của thủ lãnh dị giáo Dolcino, vài ngày trước khi gã bị bắt. Gã ủy nhiệm chúng cho một đệ tử để đưa đến cho những kẻ khác trong giáo phái vẫn còn rải rác khắp nước Ý. Tôi có thể đọc cho quý vị nghe toàn bộ nội dung hai lá thư, làm thế nào Dolcino, sợ ngày tàn của mình sắp đến, đã giao bức thông điệp hy vọng cho Quý sứ - theo lời gã nói với đồng bọn! Gã an ủi chúng, và mặc dầu những ngày tháng gã tuyên bố trong thư này không trùng hợp với ngày tháng trong các thư trước, như gã đã hứa năm 1305 rằng Hoàng đế Frederick sẽ tiêu diệt hoàn toàn các linh mục, thế nhưng gã vẫn khẳng định cuộc tiêu diệt này không còn bao xa. Một lần nữa, thủ lãnh dị giáo lại nói

láo, vì từ ngày đó đến nay đã hơn hai mươi năm và sự tiên đoán ác đức này đầu thành sự thật. Nhưng chúng ta không cần bàn cãi đến những lời tiên tri lỗi bịch này, mà chỉ nói đến sự kiện Remigio là người lưu giữ chúng. Nay tên tu sĩ dị giáo không chịu hối cải, người vẫn còn chối không nhận đã giao lưu và chung sống với giáo phái của bọn Tông đồ giả danh chứ?

Đến đây, quản hàm không phủ nhận được nữa, bèn nói: - Thưa Ngài, thời trai trẻ của con đầy rẫy những lỗi lầm ghê tởm nhất. Khi con học được những lời thuyết giảng của Dolcino, vì con đã từng bị các thầy dòng khổ hạnh quyến rũ, nên liền tin lời gã và gia nhập bè lũ của gã. Vâng, thực thế, con đã ở với chúng trong những vùng Brescia, Bergamo, Como và Valsesia, con cùng chúng trú ẩn trên đồi Núi Trọc, trong thung lũng Rassa, và cuối cùng trên núi Rebello. Nhưng con không bao giờ tham gia vào những hành vi dê hèn, và khi chúng bắt đầu vợ vét, khủng bố, thì con vẫn duy trì tinh thần ôn nhu, phẩm hạnh của bảy con Thánh Francisco. Chính trên núi Rebello, con đã bảo Dolcino rằng con cảm thấy không còn khả năng tham gia những trận đánh nữa, gã cho phép con về, và gã bảo không muốn có những tên hèn nhát theo gã, chỉ yêu cầu con mang hai lá thư đến Bologna...

- Trao cho ai? – Hồng y Bertrand hỏi.

- Vài người cùng giáo phái với gã. Con nghĩ mình còn nhớ tên họ, và khi con nhớ con sẽ thưa Ngài hay. – Remigio vội vã xác nhận. Rồi hắn nêu lên vài tên mà Hồng Y dường như biết, vì Cha mỉm cười hài lòng và gật gù tán đồng với Bernard.

- Tốt lắm, - Bernard nói và ghi lại những tên này, đoạn hỏi Remigio. – Thế sao giờ đây người lại giao nộp tên các bạn bè của người?

- Thưa ngài, họ không phải bạn bè của con, và bằng chứng là con không trao thư cho họ. Thực tình là con đi xa hơn, và nay con xin khai thật điều mà con đã cố quên đi bao nhiêu năm nay: nhằm mục đích ra khỏi nơi đó mà không bị quân của Giám mục xứ Vercelli bắt, lúc ấy họ đang phục kích trên

cánh đồng, con bèn xoay sở liên lạc với vài người của giám mục, và để đổi lấy một tờ giấy đi lại an toàn, con đã chỉ cho họ những lối tắt để tấn công thành lũy của Dolcino. Do đó một phần chiến công của binh đội của giáo hội là do con đóng góp...

- Hay lắm. Điều đó cho thấy rằng ngươi không chỉ là một tên dị giáo mà còn là một thằng hèn nhát và phản bội. Nó không thay đổi được hoàn cảnh của ngươi đâu. Như mới đây, ngươi đã cố cứu mình bằng cách đổ tội cho Malachi, người đã giúp đỡ ngươi, rồi sau đó, để nhẹ tội, ngươi lại khai ra các đồng bọn của mình cho pháp luật. Nhưng ngươi chỉ phản bội lại thân xác, chứ không phản lời răn dạy của chúng. Ngươi giữ những lá thư này làm tàn tích, hy vọng một ngày nào đó sẽ có can đảm và cơ hội mà không phải liều mạng, để trao chúng đi, lấy lòng bọn Tông đồ giả danh.

- Không, thưa Ngài, không, - quân hàm đâm dĩa mỡ hôi, tay run lẩy bẩy nói: - Không, con thề rằng...

- Thề thốt! Lại thêm một bằng chứng khác về thủ đoạn lừa đảo của ngươi! Ngươi muốn thề vì hiểu rằng ta biết những tên dị giáo dòng Waldenses sẵn sàng giở trò hai mặt, thậm chí chịu chết nữa, chứ nhất định không chịu thề! Còn nếu hoảng sợ quá, chúng sẽ giả vờ thề thốt! Nhưng ta thừa hiểu người không thuộc giáo phái Kẻ Nghèo xứ Lyon, đồ cáo già độc ác! Và ngươi cố đánh lạc hướng, để ta không nhận chân được bản chất của ngươi! Ngươi thề phải không? Ngươi thề với hy vọng được giải tội, nhưng ta bảo cho biết: một lời thề không đủ đâu! Ta có thể đòi một, hai, ba, hàng trăm lời thề tùy thích. Ta thừa hiểu rằng bọn Tông đồ giả danh các ngươi tha tội cho những kẻ thà chịu thề giả chứ không phản bội giáo phái. Như thế, mỗi lời thề sẽ thêm bằng chứng cho tội của ngươi!

- Thế thì con phải làm gì đây? – Quân hàm thét lên, quì sụp xuống.

- Chớ có nằm mọp ra như một tên Beghard! Ngươi không phải làm gì hết. Lúc này, chỉ có mình ta biết việc phải làm – Bernard mỉm một nụ cười đáng

sợ, nói. – Người chỉ phải xưng tội. Xưng tội hay không xưng tội thì người cũng sẽ bị đọa đày và lên án, vì người sẽ bị trừng trị như một kẻ khai man. Thế thì người hãy xưng tội đi, chỉ để rút ngắn cuộc hỏi cung đau đớn nhất này, nó đã làm tổn thương lương tri và lòng thương cảm của chúng ta!

- Nhưng con phải xưng tội gì đây?

- Hai tội: Thứ nhất, người thuộc giáo phái của Dolcino, người có chung những quan điểm dị giáo và có tham gia các hành vi nguy hại đến các giám mục và các thị trưởng, người không hối cải mà còn tiếp tục duy trì những điều láo toét và hoang tưởng này, mặc dù tên thủ lĩnh dị giáo đã chết và giáo phái đã giải tán, tuy chưa hoàn toàn bị diệt tận gốc. Thứ hai, tâm can người đã bị sa đọa vì những lối hành đạo trong giáo phái tanh hôi ấy, người có tội đã gây ra những vụ rối loạn chống lại Chúa và con người trong tu viện này, vì những nguyên do ta chưa nắm được, nhưng cũng không cần nêu rõ ra đây làm gì, một khi chúng ta đã khẳng định rằng, tư tưởng dị giáo của những kẻ đã và đang thuyết giảng về sự cơ nghèo chống lại giáo huấn của Giáo hoàng và các sắc lệnh của Ngài, chỉ có thể dẫn đến các hành vi tội ác. Đó là điều một người sùng đạo phải nhớ, và thế là đủ. Xưng tội đi.

Điều Bernard muốn thật quá rõ ràng. Không thêm lưu tâm tìm hiểu ai là thủ phạm giết các tu sĩ kia, hắn chỉ muốn vạch ra rằng Remigio bằng một cách nào đó, đã có chung các tư tưởng do các nhà thần học của Hoàng đế đưa ra. Và một khi hắn chỉ ra được mối liên hệ giữa các tư tưởng này – mà cũng là tư tưởng của Đại hội Perugia – với các tư tưởng của dòng Anh em nghèo khó và Dolcino, chỉ ra được một tu sĩ trong tu viện này đã theo đuổi tất cả những loại tư tưởng dị giáo đó và là thủ phạm của nhiều vụ sát nhân, thì hắn quả sẽ giáng một đòn trí mạng xuống đối phương. Tôi nhìn thầy William và biết thầy đã hiểu, nhưng không làm được gì, dù thầy đã tiên liệu tất cả. Tôi nhìn Tu Viện trưởng và thấy gương mặt Cha u ám: Cha đang nhận ra, dù muộn màng, rằng mình cũng bị lôi vào bẫy, và quyền lực của

Cha trong vai trò trung gian đang thu hẹp dần, vì Cha sẽ xuất hiện như một vị Chúa đất, nơi tất cả tội lỗi của thế kỷ rửa nhau về. Còn quân hàm, hẳn không biết mình còn có thể kêu oan về tội nào. Nhưng có lẽ lúc đó, hẳn chẳng thể tính toán được nữa, tiếng khóc bật ra từ cổ họng hẳn là tiếng khóc từ tâm hồn, trong đó trào tuôn bao năm trường lặng lẽ ăn năn. Hay là, sau một cuộc đời vô định, nhiệt tình và vỡ mộng, hèn nhát và phản bội, nay đối mặt với một ngày tàn không tránh khỏi, hẳn quyết định sẽ bộc lộ đức tin hồi thanh xuân của mình, chẳng cần thắc mắc xem nó đúng hay sai nữa, mà chỉ tự chứng minh rằng hẳn còn đức tin. Hẳn hét lên:

- Phải rồi. Con cùng ở với Dolcino, cùng tham gia các tội ác và sự phóng đảng của gã, có lẽ con điên rồ, con lẫn lộn lòng yêu Chúa Ki-tô với khao khát tự do và sự thù ghét các giám mục. Đúng là con đã phạm tội, nhưng con không biết về mọi việc xảy ra trong tu viện. Con thề!

- Tạm thời chúng ta đã đạt được vài kết quả, vì người công nhận đã theo bọn dị giáo Dolcino, mục phù thủy Margaret và đồng bọn của ả. Người có nhận đã ở với chúng gần Trivero, khi chúng treo cổ nhiều tín hữu Thiên chúa giáo trung thành, kể cả một đứa trẻ mười tuổi vô tội hay không? Khi chúng treo cổ nhiều người khác trước mặt cha mẹ, vợ con họ, vì họ không tuân theo ý muốn của lũ chó đó không? Lúc đó, vì người bị cơn cuồng nộ và lòng kiêu hãnh mù quáng nên nghĩ ai không thuộc cộng đồng của bọn người sẽ không được cứu rỗi, có phải không? Nói đi!

- Phải, con tin như vậy và đã làm như vậy!

- Và người có mặt khi chúng bắt các môn đệ của giám mục và bỏ họ chết đói trong ngục, khi chúng chặt bàn tay, cánh tay một phụ nữ đang có bầu, bỏ mặc bà ta sinh ra một đứa trẻ không được rửa tội, chết liền sau đó? Người cùng với chúng phóng hỏa và san bằng các làng ở Mosso, Trivero, Cossila, Clecchia và nhiều địa phương khác trong khu vực Crepacorio, nhiều nhà ở Mortiliano và Quorino, chúng đốt nhà thờ ở Trivero, sau khi đã

làm ô uế các hình thiêng liêng, đập phá mộ bia trên bàn thờ, bẻ gãy cánh tay của tượng Đức mẹ Đồng trinh, cướp đi lọ, chén thánh, sách vở, phá hủy tháp chuông nhà thờ và đoạt mọi của cải của các linh mục?

- Phải phải, con có ở đó và bọn con lúc đó chẳng ai biết mình đang làm gì, chúng con muốn báo trước giờ phút trừng phạt, chúng con là những người tiên phong của Hoàng đế, được trời phái xuống để thúc đẩy sự hạ giới của thiên thần yêu thương, khi đó hết thảy sẽ hưởng được ơn huệ của Thánh linh và Giáo hội sẽ được canh tân, sau khi tiêu diệt mọi kẻ sa đọa, thì chỉ còn những người hoàn thiện cai trị!

Quán hàm dường như vừa bị hớp hồn vừa được soi sáng, vẻ im lặng, giả vờ như đã tan vỡ, quá khứ của hắn quay về, không chỉ qua lời nói mà còn bằng hình ảnh nữa, hắn đang sống lại những cảm xúc xưa kia đã khiến hắn hưng phấn.

- Và người đã đốt phá cướp bóc của cải của các người Thiên chúa giáo lương thiện!

- Chúng con đốt phá cướp của vì đã tuyên bố cái nghèo vì chân lý chung, và có quyền chiếm đoạt của bất chính của kẻ khác. Chúng con muốn đánh vào tận trung tâm của mạng lưới tham lam phát triển từ giáo phận này sang giáo phận kia. Nhưng chúng con không bao giờ cướp của để sở hữu, hay giết người để cướp của, chúng con chỉ giết để trừng phạt, để lấy máu tẩy sạch những gì không thanh khiết. Chúng con cũng phải giết những người vô tội để giết được hết lệ hơn. Chúng con muốn một thế giới tốt đẹp hơn, một thế giới hòa bình, ngọt ngào, hạnh phúc cho tất cả mọi người, chúng con muốn thủ tiêu cuộc chiến mà lòng tham của các người đã mang đến, vì các người đã nhức mắng chúng con gây đổ máu... để thiết lập công lý và giành hạnh phúc... Thực sự cũng không tốn bao nhiêu, vội vã quá và cũng đáng để nhuộm đỏ nước Carnasco ở Stavello ngày ấy, chúng tôi cũng đổ máu nữa chứ, chúng tôi có tiếc gì thân mình đâu, máu các người, máu chúng tôi, cần

thật nhiều, cần ngay, thời tiên tri của Dolcino đã kè rồi, chúng tôi phải thúc đẩy chuổi sự kiện tiến nhanh.

Toàn thân hắn run lẩy bẩy, hắn chà xát đôi tay vào áo dòng như muốn chùi sạch máu đang nhớ lại. Thầy William bảo tôi:

- Tên hấu ăn đã trở nên trong sạch.

Tôi hoảng hốt hỏi:

- Thế này là sự trong sạch à?

- Cũng có những loại khác nữa, nhưng dù loại nào đi nữa, nó luôn làm thầy sợ.

- Trong sự trong sạch điều gì làm thầy sợ nhất?

- Sự vội vã.

Tiếng Bernard vang lên: - Đủ rồi, đủ rồi. Chúng tôi muốn nghe người xưng tội, chứ không phải nghe hô hào tàn sát. Quả thực, không chỉ xưa kia người theo dị giáo: nay người vẫn là tên dị giáo. Không chỉ trước đây người giết người: giờ người lại là tên sát nhân. Nào, hãy khai người đã giết các tu sĩ anh em trong tu viện này như thế nào, và tại sao?

Quản hàm thôi run rẩy, hắn đảo dác nhìn xung quanh như vừa sợ tỉnh cơn mơ:

- Không. Con chẳng liên quan gì đến các án mạng trong tu viện. Con đã khai hết những gì con làm: chứ ép con khai những gì con không làm...

- Nhưng còn việc gì mà người chẳng thể làm được? Người định nói mình vô tội ư? Ôi con cừ non, ôi biểu tượng của hiền dụ! Quý vị nghe hắn chứ: Kẻ ngày xưa tay nhúng trong vũng máu bây giờ lại vô tội! Có lẽ chúng ta đã nhầm, Remigio là một mẫu mực về đạo đức, một người con trung thành của Giáo hội, một kẻ thù của Kẻ thù của Chúa, Huynh ấy luôn tôn kính trật tự mà bàn tay của Giáo hội đã vất vả dựng lên trên các làng mạc, thị thành, nền an cư lạc nghiệp, tiểu thủ công nghệ và các kho tàng của nhà thờ. Huynh ấy vô tội, và chẳng hề phạm một tội ác nào. Nay Sư Huynh

Remigio, hãy đến đây cho ta ôm vào lòng, để ta an ủi Huynh đã bị lũ ác buộc tội!

Khi Remigio sững sờ nhìn Bernard như thể đột nhiên tin vào lời giải tội cuối cùng, Bernard đánh mặt như cũ và cao giọng ra lệnh cho trưởng toán lính:

- Ta ghê tởm những biện pháp mà Giáo hội luôn lên án khi thế quyền sử dụng chúng. Nhưng có một luật pháp thống trị và chi phối ngay cả các cảm xúc riêng tư của ta nữa. Hãy xin Tu viện trưởng dành cho một chỗ để đặt các dụng cụ khảo hình. Đừng có tiến hành ngay. Giam hấn trong phòng ba ngày, xiềng tay chân lại. Rồi cho hấn xem các dụng cụ ấy. Chỉ cho xem thôi. Đến ngày thứ tư hãy tiến hành. Công lý không được thực hiện vội vã, như bọn tông đồ giả danh vẫn tin, mà công lý của Chúa có hàng nhiều thế kỷ để ung dung thi hành. Hãy tiến hành chậm rãi, từng chút một. Và hơn hết, hãy nhớ đến lời ta vẫn dặn đi dặn lại: Tránh gây tàn tật hay tử vong. Một trong những lợi ích mà phương pháp này ban cho phạm nhân chính là người ấy mong được chết, nhưng cái chết sẽ không đến trước khi người ấy tự nguyện khai hết, khai sạch mọi tội lỗi.

Lính cúi xuống nhắc quản hàm lên, nhưng hấn trụ chân trên đất và quơ quào phản kháng, ra hiệu muốn nói. Khi được phép, hấn cất tiếng, nhưng tiếng nói cứ lúng búng trong họng như một gã say lâu bầu và nghe như có cái gì tục tĩu trong đó. Dần dần hấn mới lấy lại vẻ hăng tiết của lúc xưng tội ban nãy.

- Không, thưa ngài. Không, xin chớ tra tấn. Con là một thằng hèn nhát. Mười một năm trong tu viện này con đã phản bội, đã phủ nhận đức tin ngày xưa. Con lo thu thuế của nông dân và người trồng tía, chăm nom chuồng ngựa, chuồng heo để đàn gia súc tăng lên làm giàu cho Tu viện trưởng, con sẵn sàng tham gia việc điều hành cái cơ ngơi của tên phản giáo này. Con đã làm giàu lên và quên đi những ngày nổi loạn cũ, con đắm mình trong thú ăn

uống và những thú vui khác nữa. Con là một thằng hèn. Hôm nay con đã bán những người anh em cũ của mình ở Bologna, rồi lại bán Dolcino. Là một thằng hèn, giả dạng một thập tự quân, con đã chứng kiến cảnh Dolcino và Margaret bị bắt vào ngày chúa nhật và bị dẫn đến tháp Bugello. Con đã lang thang ở Vercelli ba tháng trời đến khi có thư của Giáo hoàng Clement tuyên án tử hình. Con đã chứng kiến cảnh Margaret bị cắt thành từng mảnh ngay trước mắt Dolcino, khi bị mổ ruột, nàng thét rống lên, ôi thân thể tội nghiệp mà một đêm nọ con cũng đã chạm tay vào... Khi cái xác nát bấy của nàng bị thiêu đốt, thì chúng nhào vào Dolcino, dùng kẹp hun nóng rút mũi, rút hòn dái của ông. Về sau, người ta nói ông không rên la một tiếng là không đúng đâu. Dolcino to cao, có bộ râu rậm của quỷ, mái tóc đỏ chảy lộn xuống đến xương bả vai, khi lãnh đạo thì thật là hùng dũng, phương phi, đầu đội mũ rộng vành có gắn lông chim, lưng giắt gươm bên ngoài áo dòng. Dolcino khiến đàn ông khiếp hãi và đàn bà hét lên vì khoái lạc... Nhưng khi bị tra tấn thì ông cũng đau đớn rống lên như một mục đàn bà, một con bò cái, khi chúng ném ông từ góc này sang góc kia thì các vết thương ông chảy máu ròng ròng và chúng cứ tiếp tục ray rứt ông, cho ông thấy một phái viên của Quỷ có thể sống được bao lâu. Ông muốn chết và bảo chúng kết liễu mạng mình cho rồi, nhưng ông chết muộn quá, mãi đến khi lên giàn hỏa rồi và chỉ còn lại một đồng thịt bấy máu. Con đi theo và mừng là mình đã thoát nạn, tự hào mình khôn khéo, thằng côn đồ Salvatore cũng đi cùng, gã nói: Sư huynh Remigio, chúng mình sao khôn quá, chẳng có gì ghê tởm hơn tra tấn! Hàng bao nhiêu năm nay, con đã nhủ thầm sao mình tội quá, và mừng sao mình đã tội như vậy, thế nhưng con vẫn luôn hy vọng được chứng tỏ mình không đến nỗi hèn. Thừa Ngài Bernard, hôm nay ngài đã ban cho con sức mạnh, ban cho con sự can đảm để khai ra đức tin trong hồn con khi xác con lìa nó. Nhưng xin đừng bắt con can đảm hơn, con cũng chỉ là người trần mắt thịt. Xin đừng tra tấn con. Con sẽ khai bất cứ điều gì Ngài muốn.

Cho con lên giàn hỏa ngay còn hơn vì con sẽ chết ngạt trước khi chết thiêu. Xin chớ tra tấn con như Dolcino. Xin đừng. Ngài muốn một xác chết, và như thế ngài cần con nhận tội cho những cái thầy kia. Dầu sao, sớm muộn gì con cũng ra ma rồi. Vì vậy, con sẽ nói điều Ngài muốn. Con đã giết Adelmo vì thù ghét tuổi thanh xuân và cái giọng giễu cợt của hắn cứ chế giễu những con quái vật già nua béo mỡ, ngu dốt như con. Con giết Venantius vì hắn giỏi quá và cứ đọc những quyển sách mà con chẳng hiểu gì sất. Con giết Berengar vì ghét cái thư viện của hắn, con chỉ nghiên cứu thần học bằng cách đập dùi cui vào đầu những tên linh mục phì nộn. Con giết Severinus... tại sao nhỉ? À, tại vì hắn sưu tập cây thuốc hoại, một kẻ như con, hồi ở núi Rebello, cứ ăn cây thuốc, cỏ, lá, mà có thắc mắc gì về chất loại của chúng đâu. Nói thực, kể cả Tu viện trưởng: Cha thuộc về phe Giáo hoàng hay nhà vua đi nữa thì cũng vẫn là kẻ thù của con, con lúc nào cũng ghét lão, dù lão có nuôi con đi nữa thì cũng chính vì con đã nuôi lão. Như thế đã đủ cho Ngài chưa? À, chưa hả, Ngài còn muốn biết con giết hết thầy bọn đó như thế nào ư?... Ừ, con giết họ... để xem nào... bằng cách triệu tập các thế lực quỷ quái, với hàng ngàn đạo âm binh, tập hợp dưới quyền điều khiển của con nhờ tài nghệ mà Salvatore đã chỉ lại. Giết người đâu cần phải xuống tay. Quỷ sẽ làm việc đó, nếu mình biết cách ra lệnh cho chúng.

Hắn tỉnh quái liếc nhìn những người tham dự, vừa liếc vừa cười phá lên. Những tiếng cười của hắn bây giờ là tiếng cười của một kẻ điên, dù như thầy William sau này đã chỉ cho tôi thấy, gã điên này cũng đủ trí khôn để kéo luôn Salvatore vào trông với gã để trả thù tội phản bội.

- Thế người ra lệnh cho Quỷ như thế nào? - Bernard xem lối lăm nhảm này như một lời khai trước pháp luật, bèn hỏi riết theo.

- Chính Ngài phải biết chứ: chẳng lẽ Ngài đi với ma bao năm nay rồi mà không biết mặc áo giấy! Chính Ngài phải biết chứ, hồi tên đồ tể của Tông

đồ! Mày lấy một con mèo đen tuyền, phải không, cột bốn chân nó lại rồi nửa đêm đem nó đến ngã ba đường, gọi lớn lên: Hỡi ác quỷ Lucifer vĩ đại, hỡi Diêm vương, ta gọi mời ngươi về xâm nhập vào xác của kẻ thù ta như ta đang giữ chặt con mèo này đây, vì nếu ngươi giết chết được kẻ thù của ta thì nửa đêm ngày hôm sau, cũng tại chỗ này, ta sẽ tế ngươi con mèo này, và ngươi sẽ làm theo lệnh ta dưới quyền lực của những ma thuật mà ta đang áp dụng theo sách mật của Thánh Cyprian, nhân danh tất cả các ma vương thống lĩnh âm binh, Adramelch, Alastor, và Azazel; những ma vương ta đang cầu đây, cùng với bầy quỷ đầu trâu mặt ngựa của chúng...

Môi Remigio run bần bật, mắt như muốn lọt khỏi tròng, và dường như đang cầu nguyện, nhưng hấn gờì lời van cầu của mình đến toàn thể lũ ma vương thống lĩnh âm binh.

- Tôi bị xua đuổi, hãy chịu tội cho chúng tôi: - Amen, xin thương xót chúng tôi... Samael, xin hãy cứu chúng tôi khỏi điều thiện... Belial, hãy xót thương... Focalor, hãy nhằm vào sự sa đọa của tôi... Haborym, Mẹ kiếp Chúa... Zaebo, banh đít ta ra... Leonard, hãy vấy tinh trùng lên người ta để ta trở thành ô uế... (2)

- Thôi đi! Thôi đi! – Mọi người trong phòng thét, đưa tay làm dấu thánh giá. – Ôi chúa, xin thương xót tất cả chúng con!

Quản hàm im lặng, sau khi thốt lên tên của bọn ác quỷ đó, hấn ngã sấp mặt xuống, răng nghiến chặt, môi giật giật, miệng sùi dãi trắng xóa. Đôi tay hấn, dù đã bị xiềng đau đớn, cứ co giật mở ra nắm vào, còn chân thì cứ đá lung tung vào khoảng không. Thấy tôi run rẩy bần loạn vì sợ hãi, thầy William đặt tay lên đầu tôi và gần như túm lấy gáy tôi, nhấn xuống, bắt trấn tĩnh lại. Thầy nói: - Con thấy chưa? Khi bị tra tấn hoặc bị đe dọa sẽ chịu tra tấn, người ta không chỉ khai ra những tội đã làm, mà cả những việc người ấy có thể làm, mặc dù chẳng hề biết đến chúng. Bây giờ Remigio thực tâm chỉ muốn chết.

Bọn lính lôi quân hàm đi, người hấn vẫn còn co giật. Bernard thu nhặt giấy tờ. Rồi hấn ngồi nhìn trừng trừng vào những người có mặt, tuy bất động nhưng lòng rất bồn chồn bất an.

- Cuộc hỏi cung đã chấm dứt. Bị cáo đã tự buộc tội mình và sẽ bị giao về Avignon để đưa ra xử lần cuối cùng, nhằm thận trọng thực hiện sự bảo vệ công lý và sự thật. Chỉ sau khi kết thúc phiên tòa theo nghi thức này, hấn mới bị hỏa thiêu. Thừa Tu viện trưởng, hấn chẳng còn thuộc quyền Cha nữa cũng chẳng còn thuộc về con, một công cụ hèn mọn của sự thật. Việc thi hành công lý sẽ xảy ra ở nơi khác, các người chần chừ đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, nay chó canh sẽ tách con cừu ghẻ ra khỏi bầy và dùng lửa tẩy sạch nó. Thời kỳ đau thương chứng kiến gã này phạm những tội ác tày đình đã chấm dứt. Xin cầu mong tu viện được sống yên lành. Nhưng trần gian – đến đây Bernard cao giọng quay sang nói với các sứ giả, - vẫn chưa có hòa bình. Trần gian bị bọn dị giáo dày xéo, chúng trú ẩn ngay trong Cung vua! Xin các Sư Huynh nhớ điều này: Cái đại ác quỷ (3) đã buộc các giáo hữu sa đọa của Dolcino vào những vị thầy danh dự của Đại hội Perugia. Chúng ta chớ quên: dưới mắt Thượng đế, những lời điên loạn lảm nhảm của kẻ khốn nạn mà ta vừa trao lại cho công lý cũng chẳng khác gì lời của những vị thầy ngồi ăn tiệc tại bàn của gã người Đức xứ Bavaria đã bị tước phép thông công. Nguồn cội phát sinh bọn dị giáo độc ác nảy nở từ nhiều lời thuyết giảng, dù được kính trọng nhưng vẫn chưa bị trừng phạt. Chúng ta biết rằng kẻ công khai theo dị giáo không phải là loại dị giáo duy nhất – Có thể phân biệt những kẻ ủng hộ dị giáo nhờ năm biểu hiện. Thứ nhất, những kẻ bí mật thăm nom bọn dị giáo bị giam cầm. Thứ hai, những kẻ thương tiếc khi chúng bị bắt và đã từng là bạn thân của chúng. Thứ ba, những kẻ tuyên bố bọn dị giáo đã bị kết án không công bằng, mặc dầu tội chúng đã rành rành. Thứ tư, những kẻ ngờ vực và chỉ trích người xử bọn dị giáo, và đã thành công khi thuyết giảng chống lại người ấy, điều này có thể

phát hiện từ ánh mắt, cái nheo mũi, và những cử chỉ chúng cố giấu. Cuối cùng, biểu hiện thứ năm là chúng thu nhặt xương tàn của bọn dị giáo bị hỏa thiêu và tôn kính nắm xương này... Nhưng, tôi cũng xem biểu hiện thứ sáu là vô cùng quan trọng: tác giả của những quyển sách, trong đó bọn phản giáo tìm ra những tiêu đề để áp dụng tam đoạn luận theo kiểu sa đọa của chúng cũng ra mặt là bạn của bọn phản giáo.

Khi nói lời này, Bernard nhìn Ubertino trân trân. Tất cả phái đoàn Pháp đều hiểu rõ Bernard muốn ám chỉ gì. Giờ đây, cuộc họp đã thất bại, chẳng ai dám tiếp tục cuộc tranh luận ban sáng, vì thừa hiểu mỗi một lời nói ra sẽ bị cân đong dưới ánh sáng của những biến cố khủng khiếp vừa qua. Nếu Giáo hoàng đã phái Bernard đến đây để ngăn chặn sự hòa giải giữa hai nhóm, thì hẳn đã thành công.

Chú thích:

(1) *Sancta Romana*

(2) *Abigor, pecca Pro nobis... Amon, miserere nobis... Samael, libera nos a bono... Belial eleison... Focalor, in corruptionem meam intende... Hyborym, damnabus dominam... Zaebos, anum menum aperies... Leonard, asperge me spermate tue et inquinabor...*

(3) *Cingulum diaboli*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH CHIỀU

*Ubertino bốn tẩu,
Benno tuân hành luật,
và William nghĩ ngợi
về nhiều loại dực vọng khác nhau
được chứng kiến trong ngày đó.*

Khi các tu sĩ chậm chạp ra khỏi nhà nguyện, Cha Michael đến chỗ thầy William, rồi cha Ubertino cũng đến nhập bọn. Tất cả chúng tôi đi ra ngoài, và vào bàn bạc trong nhà dòng, dưới lớp sương mù bao phủ mà chẳng có dấu hiệu gì tan đi cả. Thực ra, bóng tối khiến trời càng mù hơn. Thầy William nói:

- Con nghĩ không cần bàn bạc về những gì đã xảy ra nữa. Bernard đã đánh bại chúng ta. Đừng hỏi con tên tu sĩ dòng Dolcino khờ dại đó có thực sự gây ra những vụ án đó không. Theo con biết, hắn hoàn toàn vô tội. Thực tế là chúng ta bị lừa về khởi điểm. Cha Michael, John muốn Cha một mình đến Avignon, và cuộc họp này đã không cho chúng ta những sự bảo đảm hằng mong chờ. Ngược lại, nó đã cho Cha thấy mỗi lời nói của Cha ở đó có thể bị bóp méo như thế nào. Do đó theo con nghĩ, chúng ta phải suy luận là Cha chớ nên đi.

Cha Michael lắc đầu:

- Ngược lại, Cha sẽ đi. Cha không muốn thúc đẩy sự ly giáo. Sư Huynh William, hôm nay Huynh đã nói rất rõ điều mình muốn. Thế nhưng, đó

không phải là điều Cha muốn, và Cha nhận thức được các quyết nghị của Đại hội Perugia đã bị các nhà thần học triều đình sử dụng ngoài ý muốn. Cha muốn Giáo hoàng chấp nhận dòng Francisco với lý tưởng cơ nghèo của nó. Và Giáo hoàng phải hiểu rằng, nếu dòng không khẳng định lý tưởng này, thì nó sẽ không thể chấn chỉnh được những mầm nhánh dị giáo. Cha sẽ đi Avignon, và nếu cần thiết sẽ nhân nhượng John. Cha sẽ chịu hòa hoãn mọi điều, trừ nguyên lý về sự cơ nghèo.

Cha Ubertino cất tiếng: - Cha có biết mình đang liều mạng không?

Cha Michael đáp: - Đành thế. Còn tốt hơn liều mất linh hồn.

Cha Michael đã quyết và chẳng có cách nào khiến Cha đổi ý. Nhưng lại nổi lên một vấn đề khác, và thầy William nói ngay chẳng cần úp mở. Chính Cha Ubertino cũng chẳng còn an toàn nữa. Những lời Bernard đã ám chỉ đến Cha và sự căm ghét của Giáo hoàng; trong khi Cha Michael vẫn còn một uy lực để thương thuyết, thì lúc này đây, Cha Ubertino đã đứng riêng thành một phe...

- John muốn Cha Michael đến triều, và Cha Ubertino xuống địa ngục. Nếu con hiểu đúng con người Bernard, thì từ đây đến mai, với sự đồng lõa của trời mù sương như thế này, Cha Ubertino sẽ bị giết. Và nếu có ai thắc mắc hỏi, thì tu viện sẽ dễ dàng chịu thêm một tội nữa, và họ sẽ nói án mạng gây ra bởi lũ quỷ được Remigio và bầy mèo đen của hắc triệu về, hay bởi một tên tu sĩ dòng Dolcino nào đó còn sống sót, đang rình rập trong những bức tường này...

Ubertino lo lắng hỏi: - Thế thì...?

Thầy William đáp: - Thế thì Cha hãy thưa chuyện với Tu viện trưởng đi. Xin Cha bẻ trên cấp cho một con ngựa, ít lương thực, và một thư giới thiệu đến một tu viện thật xa, bên kia núi Alps. Hãy lợi dụng sương mù khi đêm xuống mà ra đi ngay.

- Nhưng bọn lính vẫn đang gác cổng mà?

- Tu viện có những lối ra khác mà Tu viện trưởng biết, chỉ cần một tôi tớ dắt ngựa xuống đợi Cha ở một khúc rẽ phía dưới, sau khi lách qua vài lối đi trong tường, Cha chỉ việc băng qua một khoảng rừng. Cha phải hành động ngay, trước khi Bernard bừng tỉnh cơn say chiến thắng. Con còn phải bận tâm đến một điều khác. Con có hai nhiệm vụ: một đã thất bại, thì ít ra nhiệm vụ thứ hai phải thành công. Con muốn đặt tay lên một quyển sách, và một người. Nếu mọi chuyện êm đẹp, Cha sẽ thoát khỏi đây trước khi con đi tìm Cha lần nữa. Thôi xin tạm biệt.

Thầy William giang tay ra. Ubertino xúc động ôm ghì lấy thầy: - Tạm biệt William. Huynh là một người Anh kiêu hãnh và điên rồ, nhưng Huynh có một tâm hồn vĩ đại. Chúng ta sẽ gặp lại nhau chứ?

Thầy William động viên: - Chúng ta sẽ gặp lại. Chúa mong như vậy.

Tuy nhiên, Chúa lại không mong như vậy. Như tôi đã nói, Ubertino bị giết một cách bí ẩn hai năm sau đó. Một đời gian nan phiêu bạt, ông lão đã sống thật dũng cảm và nhiệt thành. Có lẽ Cha không phải là Thánh, nhưng tôi hy vọng Chúa sẽ phong Thánh để tưởng thưởng cho đức tin sắt đá của Cha. Càng già, càng hiến mình cho Chúa, tôi lại càng xem thường cái chí muốn biết và cái chí muốn làm. Phương tiện cứu rỗi duy nhất mà tôi nhận ra chính là đức tin, có thể nhẫn nại chờ mà không thắc mắc hỏi han. Chắc chắn Cha Ubertino có một đức tin vĩ đại đối với nỗi đau và máu đã đổ của Chúa trên thập giá.

Có lẽ ngay lúc đó tôi cũng suy nghĩ như vậy, và nhân vật già nua huyền hoặc này đã nhận ra, hay đoán được một ngày nào đó tôi sẽ nghĩ thế. Cha ngọt ngào cười với tôi và ôm tôi vào lòng, không xiết tôi như mấy ngày trước. Cha ôm tôi như ông ôm cháu, và tôi cũng âu yếm ôm Cha như vậy. Rồi Cha cùng Cha Michael đi tìm Tu viện trưởng. Tôi hỏi thầy Willam:

- Còn bây giờ?
- Bây giờ, hãy quay lại các vụ án của chúng ta.

- Thừa thầy, hôm nay đã xảy ra nhiều việc nghiêm trọng cho Thiên chúa giáo, và sứ mệnh của chúng ta đã thất bại. Thế nhưng dường như thầy chú ý đến việc tìm ra điều bí ẩn hơn là mâu thuẫn giữa Giáo hoàng và Nhà vua.

- Adso, trẻ con và thằng điên luôn luôn nói sự thật. Trên cương vị cố vấn triều đình thì có lẽ bạn thầy là Marsilius giỏi hơn, nhưng trong vai trò phán quan thì thầy giỏi hơn. Và xin Chúa tha thứ, thầy còn giỏi hơn cả Bernard Gui nữa, vì Bernard không chú ý tìm ra kẻ thực có tội, mà chỉ lăm lăm muốn hoả thiêu kẻ bị buộc có tội. Ngược lại, thầy vô cùng thích thú khi gỡ được một nút thắt phức tạp bí hiểm. Có lẽ cũng vì trong thời kỳ thầy còn là triết gia, thầy đã hoài nghi không biết trần thế có trật tự hay không, nên nay thầy ung bưng khi phát hiện được trong những sự việc trần gian, nếu không có một trật tự, thì ít ra cũng có một loạt các liên hệ trong những phạm trù nhỏ. Cuối cùng, có lẽ còn một lý do khác nữa: trong câu chuyện này, những điều còn vĩ đại và quan trọng hơn trận chiến giữa Giáo hoàng John và Vua Louis có thể đang bị đe dọa...

Tôi hoài nghi thốt lên: - Nhưng nó chỉ là một vụ ăn cắp và trả thù giữa các tu sĩ kém đạo đức thôi mà.

- Chính vì một quyển sách cấm, Adso ạ. Một quyển sách cấm!

ooo

Bây giờ các tu sĩ đang đi ăn tối. Chúng tôi ăn được nửa bữa thì Cha Michael đến, ngồi xuống bên cạnh và báo tin Ubertino đã ra đi. Thầy William thở phào nhẹ nhõm.

Xong bữa, chúng tôi tránh mặt Tu viện trưởng, lúc ấy đang nói chuyện với Bernard, và lưu ý đi theo Benno. Huynh cười nửa miệng và cố lẩn ra cửa

trước. Thầy William vượt tới trước và buộc Benno đi theo chúng tôi đến một góc nhà bếp. Thầy William hỏi:

- Benno, quyển sách đâu?
- Quyển sách nào?
- Benno, chúng ta không ai ngốc cả. Tôi đang nói đến quyển sách mà hôm nay chúng tôi đã lùng kiếm trong phòng thí nghiệm của Severinus nhưng không nhận ra. Huynh đã nhận ra nó và trở lại lấy...
- Sao Huynh biết tôi trở lại lấy?
- Tôi nghĩ thế, và Huynh cũng nghĩ thế. Nó đâu?
- Tôi không thể nói được.
- Benno, nếu Huynh không chịu nói, tôi sẽ thưa với Tu viện trưởng.

Benno nói, giọng đạo đức:

- Tu viện trưởng có ra lệnh tôi cũng không thể nói. Hôm nay, sau khi chúng ta gặp nhau, đã xảy ra một việc mà Huynh cần biết. Khi Berengar chết đi thì chẳng có phụ tá quản thư viện nào cả. Trưa nay, Malachi đã đề nghị tôi giữ chức đó. Mới cách đây một giờ đồng hồ, Tu viện Trưởng đã đồng ý. Và sáng ngày mai, tôi hy vọng sẽ có điều kiện biết được các bí mật của thư viện. - Phải, sáng hôm nay tôi đã lấy quyển sách, và giấu nó dưới nệm rom trong phòng của tôi. Cuối cùng, Malachi đưa ra đề nghị tôi vừa nói với Huynh, và tôi đã hành động như một phụ tá quản thư viện phải làm: trao quyển sách lại cho Huynh ấy.

Tôi không ngăn được bèn buột miệng giận dữ nói:

- Benno, hôm qua, hôm kia, chính Huynh... chính Huynh bảo lòng Huynh thôi thúc, cháy bỏng muốn biết, Huynh nói Huynh không muốn Thư viện che giấu các bí ẩn của nó nữa. Huynh nói rằng một học giả phải biết... Benno im lặng, đỏ mặt, nhưng thầy William ngăn tôi lại. – Adso này, cách đây vài giờ đồng hồ, Benno ở phía bên kia. Bây giờ Huynh ấy là người canh giữ những bí mật mà Huynh ấy muốn biết, và trong thời gian canh giữ

đó, Huynh ấy sẽ có thời giờ thông thả học chúng.

- Nhưng còn những người khác nữa? Trước đây, Benno cũng nhân danh tất cả các người có học thức để nói kia mà.

- Trước kia thôi. - Thầy nói, đoạn kéo tôi đi, bỏ mặc Benno hoang mang đứng đó.

Sau đó thầy nói với tôi: - Benno là nạn nhân của một dục vọng lớn, không giống dục vọng của Berengar hay của quân hàm. Cũng như nhiều học giả khác, Huynh ấy mang dục vọng thèm khát kiến thức. Kiến thức vì kiến thức thôi. Trước đây, bị cách ngăn không được tiếp cận với kiến thức, Huynh ấy khao khát muốn chiếm đoạt nó. Bây giờ, Huynh đã có nó rồi. Malachi biết người: Huynh ấy đã dùng phương tiện tốt nhất để thu lại quyển sách và khoá miệng Benno. Con sẽ hỏi thầy rằng quản lý một kho tri thức như thế thì có ích gì, nếu người ta đã thoả thuận không để mọi người khác tự do sử dụng nó. Nhưng chính vì thế mà thầy nói đến dục vọng. Sự khao khát của Roger Bacon muốn thu thập kiến thức không phải là dục vọng. Người muốn ứng dụng tài học của mình để làm thần dân của Chúa hạnh phúc hơn, nên không tìm kiếm kiến thức chỉ vì kiến thức. Dục vọng của Benno thuần túy chỉ là lòng hiếu kỳ không thoả mãn được, niềm kiêu hãnh của kẻ trí thức, một phương cách khác để một tu sĩ chuyển hoá và làm dịu đi những đòi hỏi của xác thịt, dịu đi sự cuồng nhiệt có thể biến kẻ khác thành một chiến binh vì đức tin hoặc vì dị giáo. Không chỉ có dục vọng vì xác thịt. Bernard cũng đầy dục vọng, dục vọng của hắn là một dục vọng vì công lý đã bị bóp méo, và đồng dạng với dục vọng vì quyền lực. Giáo hoàng La Mã của chúng ta thì thèm khát của cải. Quân hàm thời trai trẻ mang dục vọng chứng thực, cải hoá và ăn năn, và dục vọng được chết. Còn dục vọng của Benno là vì sách. Cũng như mọi dục vọng khác, kể cả dục vọng của Onan - người đổ tràn hạt giống trên mặt đất, nó cần cỗi và không giống như tình yêu, khác cả tình yêu xác thịt...

- Con biết... - tôi nói một cách vô thức. Thầy William giả vờ không nghe. Tiếp tục các nhận định của mình, thầy nói: - Tình yêu chân chính muốn đối tượng mình yêu hưởng điều tốt đẹp.

- Có thể Benno muốn các quyển sách của Huynh được tốt đẹp, và nghĩ rằng điều tốt đẹp của chúng là nhờ được cất giữ xa những bàn tay tham lam chẳng?

- Cuốn sách tốt đẹp là nhờ nó được đọc. Một quyển sách được tạo ra từ những dấu hiệu, nói lên các dấu hiệu khác, và các dấu hiệu này, đến lượt chúng sẽ nói lên sự vật. Không có ai đọc một quyển sách chỉ còn chứa đựng những dấu hiệu chẳng sản sinh được một khái niệm nào, đó là quyển sách câm. Thư viện này có lẽ được sinh ra để cứu những quyển sách nó cất giữ, nhưng bây giờ nó sống để chôn vùi chúng. Do đó, nó trở thành tội lỗi. Quản hàm nói: hắn đã phản bội. Benno cũng vậy. Huynh ấy đã phản bội. Ôi quả là một ngày đáng ghét, Adso ơi! Đây những máu và sự hủy diệt. Thầy mệt rồi. Chúng ta hãy dự Kinh Chiều, rồi về nghỉ nhé!

Ra khỏi nhà bếp, chúng tôi chạm mặt Aymaro. Huynh hỏi, không biết tin đồn Malachi đã đề nghị Benno làm phụ tá cho mình có đúng không. Chúng tôi đành phải xác nhận, Aymaro vẫn nói giọng khinh khỉnh, chế giễu, như mọi lần:

- Hôm nay, Malachi của chúng ta đã làm nhiều màn thật đẹp. Nếu công lý tồn tại, thì chính đêm nay, Quỷ sẽ đến rước hắn đi.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TÔI

*Nghe một bài giảng
về sự xuất hiện của tên Phán Chúa, và Adso khám phá
sức mạnh của các tên riêng.*

Trong khi tiến hành cuộc hỏi cung Quản hàm thì Kinh chiều diễn ra rất lộn xộn, các tu sinh tò mò không có thầy giám sát bèn lên đi, ghé mắt nhìn qua cửa sổ và các khe hở, để xem diễn tiến phiên toà trong nhà nguyện. Bây giờ cả cộng đồng mới tụ lại để cầu nguyện cho linh hồn tốt lành của Severinus. Mọi người đợi Tu viện trưởng lên tiếng và tự hỏi không biết Cha sẽ nói gì. Tuy nhiên, sau bài thuyết pháp theo nghi thức của Thánh Gregory, bài ca đôi, và ba khúc ca vịnh thường lệ, Tu viện trưởng quả có bước lên bục thật, nhưng chỉ để tuyên bố tối nay Cha sẽ yên lặng. Cha bảo đã có quá nhiều tai hoạ giáng xuống Tu viện, nên ngay cả một vị Cha tinh thần cũng không được phép lên nói với giọng trách móc, răn đe nữa. Bây giờ, mọi người, không trừ một ai, phải tự chất vấn lương tâm mình. Nhưng vì cần có người lên tiếng, nên Tu viện trưởng đề nghị người ban giáo huấn sẽ là vị tu sĩ cao niên nhất, gần kề nước Chúa nhất, người ít dính líu nhất vào các đam mê trần tục vốn đã sản sinh quá nhiều tội lỗi. Tính theo niên kỷ thì đáng lẽ già Alinardo phải lên tiếng, nhưng mọi người đều biết rõ tình trạng sức khoẻ suy yếu của tu sĩ đáng kính này. Kém tuổi sát sau Alinardo là Jorge. Thế nên Tu viện trưởng xin mời Huynh.

Chúng tôi nghe từ hướng Aymaro và các tu sĩ khác ngồi vắng lại tiếng thì thầm. Tôi ngờ rằng Tu viện trưởng đã uỷ thác bài giảng cho Jorge mà

không bàn bạc với Alinardo. Thầy William thăm thì giải thích rằng Tu viện trưởng quyết định không lên tiếng là rất khôn ngoan, vì bất kỳ lời nói nào của Cha sẽ bị Bernard và các tu sĩ khác từ Avignon đánh giá. Ngược lại già Jorge sẽ giới hạn bài giảng của mình trong các lời tiên tri huyền bí của Huynh như lệ thường, và họ sẽ không chú trọng chúng lắm. Thầy William tiếp:

- Nhưng thầy sẽ rất chú ý, vì thầy không tin Jorge chịu lên tiếng mà không có một mục đích đã xác định chắc chắn.

Jorge được đỡ lên bục. Gương mặt Huynh rạng rỡ nhờ ngọn đèn ba chân soi sáng cả nhà thờ. Ánh lửa tô đậm bóng đen trùm đôi mắt Huynh, trông như hố sâu. Huynh cất tiếng:

- Thừa các Huynh thân yêu, và tất cả các vị khách thương mến. Nếu quý vị chịu nghe lời nói của già này... Như quý vị biết đấy, bốn cái chết đã giáng xuống tu viện chúng ta – không kể những tội lỗi xa xưa cũng như mới đây của sinh vật hèn kém nhất trong sinh linh – nhưng chúng không phải do thiên nhiên khắc nghiệt với nhịp điệu tàn nhẫn của nó đã an bài cuộc đời phạm tặc của chúng ta từ thuở trong nôi đến ngày về với cát bụi. Mặc dù quý vị tràn ngập đau buồn, nhưng hẳn hết thấy đều tin rằng các biến cố tang tóc này, không liên quan gì đến linh hồn quý vị, vì ngoại trừ một người, tất cả quý vị đều vô tội. Và khi người này bị trừng trị, thì quý vị sẽ tiếp tục thương tiếc những người đã mất đi, và chắc chắn sẽ chẳng phải tổng khứ lỗi buộc tội nào trước phiên toà của Chúa. Quý vị tin thế mà. Đồ điên! – Jorge thét lên rất khùng khiếp – Quý vị là những người điên, những thằng ngốc kênh kiệu! Kẻ giết người sẽ chịu tội trước Chúa, nhưng chỉ vì hắn đã nhận làm phương tiện chuyên chở các sắc lệnh của Chúa. Cũng như cần có kẻ phản bội Chúa để hoàn thành sự cứu rỗi huyền bí, thế nhưng Chúa lại cho phép nguyên rủa và thoá mạ kẻ đã phản bội Ngài. Như thế, trong những ngày này, có kẻ đã phạm tội, đã mang đến chết chóc và sự huỷ diệt, nhưng

tôi nói cho quý vị biết, sự huỷ diệt này nếu Chúa không mong, thì ít ra cũng cho phép, để làm nhục lòng kiêu hãnh của chúng ta!

Jorge yên lặng, đưa đôi mắt trống hốc nhìn đám người dự lễ tựa như Huynh có thể nhìn thấy xúc cảm của họ, tựa như Huynh đã dùng tai nghe được sự thinh lặng và khiếp hãi khắp cùng. Huynh tiếp:

- Trong cộng đồng này, đã có lúc con rắn kiêu hãnh nằm cuộn mình. Nhưng kiêu hãnh gì? Kiêu hãnh vì quyền lực ư, trong một tu viện tách biệt hẳn khỏi thế giới như thế này? Không, chắc chắn không. Kiêu hãnh vì giàu có ư? Thưa quý vị, trước khi thế giới vang lên những cuộc tranh luận về giàu, nghèo, từ cái thời của các bậc tiền bối chúng ta, chúng ta chưa bao giờ có gì cả, sự giàu có chân thực duy nhất của chúng ta là tuân theo Giáo luật, cầu nguyện và làm việc. Nhưng công việc của dòng chúng ta, đặc biệt là công việc trong tu viện này, cốt yếu là nghiên cứu học tập, và gìn giữ kiến thức. Tôi nói, gìn giữ chứ không tìm kiếm, vì đặc tính của kiến thức – như một điều thiêng liêng – là toàn vẹn, và nó đã được định nghĩa ngay từ đầu, bằng sự hoàn thiện của Chúa Lời mà tự nó diễn tả cho chính nó. Chúng ta chỉ việc tiếp tục trầm tư mặc tưởng, làm nó sáng đẹp và gìn giữ nó. Đó đã là và phải là nhiệm vụ của tu viện và Thư viện đẹp đẽ của chúng ta – không có nhiệm vụ nào khác. Người ta kể rằng, ngày nọ có một vua Hồi Phương Đông nổi lửa đốt Thư viện của một thành phố nổi tiếng, vinh quang và kiêu hãnh. Khi hàng ngàn quyển sách cháy rụi, Vua nói chúng nên biến mất đi; hoặc là chúng vô ích vì lặp lại những điều kinh Koran đã viết, hoặc là chúng độc hại vì phủ nhận quyền kinh mà bọn vô thần xem là thiêng liêng. Các học giả của giáo hội, cả chúng ta nữa, không suy luận theo lối đó. Tất cả những sách liên quan đến việc minh chứng và bình giảng Thánh kinh phải được gìn giữ, nhưng những sách phủ nhận Thánh kinh cũng không được tiêu huỷ. Như thế nhiệm vụ của dòng tu chúng ta qua bao thế kỷ và trọng trách của tu viện ta ngày nay là: tự hào về những chân lý chúng ta đã

tuyên bố, cẩn trọng và khiêm tốn gìn giữ những lời thù nghịch với sự thật mà không được phép để chúng làm ô uế. Thưa quý vị, thế cái tội kiêu hãnh có thể cám dỗ một tu sĩ - học giả là gì? Đó là cái tội nghĩ rằng công việc của mình không phải là gìn giữ mà là tìm kiếm những kiến thức Chúa ban cho nhân loại. Đó là sự kiêu hãnh đã và đang rình rập nấp trong những bức tường này, và tôi muốn nói với kẻ đã và đang cố phá cái khẳng niệm những quyển sách mà hấn không được phép đọc là, Chúa đã và sẽ tiếp tục trừng phạt sự kiêu hãnh đó, nếu nó không chịu hạ mình tuân phục, vì Chúa luôn luôn có ngay công cụ để trả thù.

Thầy William thăm thì: - Nghe không Adso? Già này biết nhiều hơn lão nói. Dù lão có nhúng tay vào việc này hay chẳng, lão cũng biết và đang cảnh báo rằng, nếu một tu sĩ hiếu kỳ nào đó xâm phạm Thư viện, thì tu viện sẽ chẳng thể an lành.

Jorge, sau khi ngưng một lúc lâu, lại tiếp tục nói:

- Nhưng chung qui, ai chính là biểu tượng của lòng kiêu hãnh này, trong đó những kẻ cao ngạo là hình ảnh minh họa, là sứ giả, là tông phạm và là người cầm cờ của nó? Sự thật, ai đã và có lẽ đang hành động trong những bức tường này để cảnh cáo chúng ta thời điểm đã kề, và cũng để an ủi chúng ta, vì nếu thời điểm đã kề thì nỗi đôn đau hấn sẽ không chịu đựng nổi, nhưng nó không phải là khôn cùng, vì chu kỳ vĩ đại của vũ trụ này sắp được hoàn tất? Ôi quý vị thừa biết rồi, nhưng sợ chẳng dám thốt nên lời, vì nó cũng chính là quý vị và quý vị e dè nó, nhưng dù quý vị có sợ thì tôi chẳng sợ gì cả, và tôi sẽ gọi lớn tên này ra để ruột gan quý vị kinh hoàng, quặn thắt lại, răng đánh lập cập và lưỡi đứt lìa, máu sẽ lạnh giá phủ chụp lên đôi mắt một mạng đen... Hấn chính là con thú hôi tanh, hấn chính là tên Phản Chúa!

Jorge ngừng một lúc lâu. Người nghe như chết lặng. Trong toàn giáo đường, vật duy nhất còn sống là ngọn lửa trên cái giá ba chân, nhưng ngay

cả cái bóng của nó dường như cũng cóng lại. Tiếng động yếu ớt duy nhất nghe được là tiếng Jorge thở hổn hển khi già vuốt mồ hôi đọng trên trán. Rồi Huynh tiếp:

- Có lẽ quý vị sẽ muốn nói với tôi: Không, hắn chưa đến đâu, dấu hiệu nào chỉ rằng hắn đang đến? Kẻ nào nói thế là thằng ngốc! Ồ, những dấu hiệu đó hiện trước mắt chúng ta ngày này qua ngày khác, trong đại giảng đường của thế giới và trong hình ảnh thu nhỏ hơn của tu viện, các thảm hoạ đã được báo trước. Tôi biết rõ quý vị nghe tôi nói đang tính toán xem người tôi nói đó có giống Giáo hoàng hay Vua Ý, Vua Pháp hay bất kỳ ai mà quý vị muốn, để quý vị có thể tuyên bố rằng hắn là kẻ thù của ta và ta thuộc về chính nghĩa. Nhưng tôi không ngây thơ thế đâu, tôi sẽ không chỉ ra cho quý vị một cá nhân nào cả. Khi tên Phản Chúa đến, hắn đến với mọi nơi, mọi người, và ai nấy đều là một bộ phận của hắn. Hắn sẽ có mặt trong những băng thảo khấu cướp phá nông thôn, thành thị. Người ta đã nói rằng, những người vợ trẻ mới cưới sẽ đẻ ra những đứa trẻ đã biết nói thành thạo, chúng sẽ bảo rằng thời điểm đã kè và xin hãy giết chúng đi. Nhưng chớ nên lùng kiếm trong những làng mạc bên dưới kia làm gì, những đứa-trẻ-quá-không-ngaoan đã bị giết trong chính những bức tường này rồi! Và giống như những hài đồng tiên tri, chúng trông giống như những ông lão, có bốn chân, chúng là những hồn ma, và là những thai nhi còn trong bụng mẹ đã tiên tri và ban phép lạ. Tất cả đã được viết sẵn, quý vị có biết không? Người ta đã biết rằng trong số những người có chức quyền, trong nhân dân và giáo hội, sẽ xảy ra nhiều biến động, những tên chần chừ xấu xa sẽ trỗi dậy, trở nên sa đoạ, đáng tởm, tham lam, ham vui, tham lợi, khoái nói nhảm, khoe khoang, kiêu hãnh, kiêu ngạo, lao vào hồ dục vọng, tìm hư danh, chúng là kẻ thù của Phúc âm, sẵn sàng từ bỏ con đường chính trực và khinh bỉ những lời thành thật, thù ghét mọi lời thành kính, không bao giờ ăn năn hối lỗi, do đó, chúng sẽ gieo rắc trong mọi người sự ngờ vực, huynh đệ tương tàn, sự tàn

ác, tàn nhẫn, đồ kỵ, lãnh đạm, cướp bóc, chè chén, vô độ, đê hèn, nhục dục, lang chạ, và tất cả các thói hư tật xấu khác. Sự trù mến, khiêm tốn, yêu chuộng hoà bình, cơ nghèo, tính thương cảm, dễ mủi lòng sẽ biến đi... Đây, tất cả những người đang hiện diện, các tu sĩ trong tu viện này và những vị khách uy quyền từ bên ngoài đến, quý vị không nhận ra chính mình ư?

Khi Jorge ngưng nói thì người ta nghe có tiếng sột soạt. Đó là tiếng Hồng Y Bertrand trở mình trên ghế. Tôi nghĩ, dẫu sao Jorge cũng tỏ ra là một nhà thuyết giảng đại tài, khi lão đập những người anh em thì cũng chẳng tha gì mấy vị khách. Ước gì tôi biết trong đầu Bernard hay những tên phì nộn từ Avignon đang nghĩ gì lúc ấy.

Jorge hét âm âm lên:

- Đến lúc đó, khắp nơi sẽ hiện ra cảnh xấu xa và tuyệt vọng. Tên Phản Chúa sẽ hạ phương Tây và tiêu diệt những đường mua bán. Tay nó cầm gươm và ngọn lửa tàn phá, ngọn lửa này sẽ bùng lên giận dữ: sức mạnh của hấn là sự báng bổ, tay hấn là sự lừa lọc, bàn tay mặt sẽ tàn phá, bàn tay trái mang bóng đen. Người ta nhận ra hấn nhờ những nét sau đây: đầu hấn bốc lửa, con mắt đỏ như máu, mắt trái có hai con ngươi xanh như mắt thú, đôi mày trắng bạc, môi dưới sưng phù, mắt cá lỏng lẻo, đôi chân to, ngón cái nát nhừ và kéo dài ra!

- Dường như là chân dung của chính lão ấy... - Thầy William vừa cười gằn vừa thì thầm. Đó là một lời nhận xét độc, nhưng tôi thâm cảm ơn thầy đã lên tiếng, vì tóc tai tôi bắt đầu dựng đứng. Tôi không nhin cười được, má căng ra và đôi môi mím chặt bật ra một tiếng. Trong sự yên lặng tiếp theo lời nói của lão, tiếng ấy nghe rất rõ, nhưng may thay mọi người tưởng ai đó đang ho, khóc, hay rùng mình, và mọi người đều nghĩ đúng cả. Jorge tiếp:

- Đến lúc đó trần gian sẽ biến thành khối hỗn mang, con cái sẽ nổi lên chống lại cha mẹ, vợ mưu hại chồng, chồng kiện cáo vợ, chủ bắt nhân với tớ, tớ bất tuân lệnh thầy, chẳng ai kính trọng người già, bọn trẻ đòi cai trị,

lao động là việc vô bổ cho mọi người, khắp nơi người ta ca ngợi sự xấu xa đòi truy, tự do hành động. Và sau đó cường dân, ngoại tình, chứng gian, tội lỗi trái luân thường đạo lý sẽ tiếp nối dâng lên, rồi bệnh tật, nịnh hót, bùa chú, xác bay sẽ hiện trên bầu trời, trong đám những con chiên ngoan đạo sẽ nổi lên những tiên tri giả hiệu, Tông đồ giả danh, kẻ phóng đảng, lừa đảo, xảo quyệt, tà dân, bọn lợi dụng, nói láo, giả mạo. Những tên chần chừ sẽ thành chó sói, linh mục nói láo, tu sĩ khoái trần tục, bản nông không cần địa chủ, kẻ có quyền thì không có lòng khoan dung, kẻ chính trực sẽ làm chứng cho bất công. Động đất sẽ làm rung chuyển mọi đô thị, bệnh dịch hoành hành khắp nơi, giông bão sẽ nhỏ bắt mặt đất, đồng ruộng sẽ bị ô nhiễm, biển tiết ra dung dịch đen, những kỳ quan mới lạ sẽ hiện ra trên mặt trăng, tinh tú bỏ quỹ đạo, các tinh tú vô danh khác sẽ mọc tua tủa trên bầu trời, tuyết sẽ rơi vào mùa hè, và mùa đông trời sẽ oi nồng. Và tận thế sẽ đến, tận thế sẽ đến... Vào giờ thứ ba của ngày thứ nhất, trên bầu trời vang lên một giọng nói mãnh liệt và vĩ đại, một đám mây tím từ phương bắc bay đến, theo sau là sấm chớp, trên mặt đất mưa máu sẽ rơi. Ngày thứ hai quả đất sẽ bị giạt phăng ra khỏi vị trí của nó, khói của một ngọn lửa vĩ đại sẽ dâng lên qua khỏi cổng thiên đàng. Ngày thứ ba, những hố thẳm của đất sẽ rung động khắp bốn phương trời, đỉnh vòm trời sẽ mở rộng, không trung dày đặc cột khói, và mùi hôi tanh của lưu huỳnh bốc lên đến giờ thứ mười. Sáng sớm ngày thứ tư, hố thẳm sẽ hoá lỏng và nổ bùng, nhà cửa sẽ sụp đổ. Vào giờ thứ sáu của ngày thứ năm, ánh sáng và mặt trời sẽ bị tiêu diệt, khắp mặt đất sẽ tối đen cho đến chiều, và trăng sao thôi ló dạng. Vào giờ thứ tư của ngày thứ sáu, vòm trời sẽ nứt ra từ đông sang tây, và các thiên thần từ trên trời có thể nhìn xuyên qua kẽ nứt xuống đất, và người trên mặt đất có thể nhìn thấy thiên thần trên trời nhòm xuống. Rồi mọi người sẽ ẩn nấp vào núi non để tránh cái nhìn của những thiên thần chính trực. Vào ngày thứ bảy, Chúa sẽ đến bằng ánh sáng của Cha Ngài, và lúc ấy sẽ có sự phán xét cho

những người chính trực và hậu duệ của họ, họ được ban ơn phước vĩnh cửu cho cả xác lẫn hồn. Nhưng đây không phải là điều chúng ta suy ngẫm chiều nay, hỡi các Sư Huynh kiêu hãnh! Những kẻ phạm tội sẽ không nhìn thấy ánh bình minh của ngày thứ tám, khi giọng nói dịu dàng và ngọt ngào vang lên từ Phương Đông, chính giữa thiên đàng, và người ta thấy vị thiên thần chỉ huy tất cả các thiên thần khác cùng tiến đến với Ngài, ngồi trên cỗ xe bằng mây trời, lòng tràn đầy niềm vui, bay qua không gian để giải phóng những người được ân phước có đức tin, và mọi người sẽ hoan hỉ vì sự huỷ diệt thế giới này sẽ được thực hiện! Nhưng tối nay, điều này không làm chúng ta thích thú một cách kiêu hãnh. Ngược lại, chúng ta sẽ suy ngẫm về lời mà Chúa sẽ phán để xua đuổi những kẻ không được ơn cứu rỗi. Người, kẻ có tội, hãy tránh xa ta để đi vào ngọn lửa vĩnh cửu đã được Quỷ sứ và bầy tôi của nó chuẩn bị cho người. Chính người đã tạo ra nó thì bây giờ hãy hưởng nó đi. Tránh xa ta ra, đi vào bóng đêm vĩnh cửu, và vào ngọn lửa không bao giờ tắt! Ta tạo ra người, nhưng người lại hoá thành đồ đệ của kẻ khác! Người thành tôi tớ của một Chúa khác, cút đi và ở với nó trong bóng tối, hỡi là con rắn luôn ngo ngoậy, miệng lúc nào cũng rít lên. Ta đã ban cho người đôi tai để nghe Thánh thư, nhưng người lại lắng nghe lời lẽ của bọn đa thần, ta cho người cái miệng để vinh danh Thượng đế, nhưng người lại sử dụng nó để nói những lời láo toét của thi sĩ và hỏi những câu đố của những thằng hề! Ta ban cho người đôi mắt để nhìn ánh sáng, nhưng người lại nhìn trộm vào bóng đêm. Ta là một người phán xét nhân ái, nhưng chính trực. Ai xứng đáng thì ta sẽ ban ân, ta có thể khoan hồng cho người, nhưng ta thấy trong lọ của người không có một giọt dầu. Ta có thể bị buộc phải động lòng từ tâm, nhưng đèn của người không sạch. Tránh xa ta ra... Chúa đã nói như thế đấy. Và họ... và có thể là chúng ta đây... sẽ đắm chìm vào sự dày vò vĩnh cửu. Nhân danh Cha, và Con, và Thánh thần.

- Amen, - mọi người đồng thanh đáp.

Không một tiếng rầm rì, các tu sĩ nói theo nhau về phòng của mình. Chẳng còn muốn nói chuyện với nhau nữa. Các tu sĩ dòng Khất thực và sứ giả của Giáo hoàng biến đi tìm chỗ yên tĩnh nghỉ ngơi. Lòng tôi nặng nề.

Thầy William vừa leo cầu thang khu hành hương, vừa nói: - Adso, đi ngủ đi. Đêm nay không đi thăm thú được đâu. Bernard Gui có thể muốn báo hiệu tận thế bằng xác của chúng ta đây. Sáng mai chúng ta phải cố dự Kinh Sớm, vì ngay sau đó Cha Michael và các tu sĩ dòng Khất thực sẽ ra đi.

Tôi yếu ớt hỏi: - Còn Bernard và các tù nhân cũng ra đi luôn chứ?

- Hẳn chắc chẳng còn việc gì để làm ở đây đâu. Hắn mong sẽ đến Avignon trước Cha Michael, làm thế nào để sự xuất hiện của Cha trùng với phiên toà xử quản hàm, một tu sĩ Khất thực dị giáo và sát nhân. Giàn hoả thiêu quản hàm sẽ soi sáng buổi gặp gỡ đầu tiên của Cha Michael với Giáo Hoàng như một ngọn đuốc làm lạnh.

- Còn Salvatore và... cô gái sẽ ra sao?

- Salvatore sẽ đi với quản hàm, vì gã sẽ phải làm chứng tại toà. Có lẽ Bernard sẽ tha mạng gã để trả công. Có thể hắn sẽ để gã trốn thoát, rồi ra lệnh giết sau, hoặc cũng có thể hắn sẽ tha cho gã đi thực vì Bernard đâu có chú ý gì đến một con người như Salvatore. Ai mà biết được? Có lẽ rồi Salvatore sẽ trở thành một tên cướp khát máu trong một cánh rừng ở Languedoc...

- Còn cô gái?

- Thầy đã bảo rồi: Cô ta sẽ bị thiêu sống. Nhưng cô ta sẽ bị thiêu trước, hay dọc trên đường đi, để khai sáng cho một ngôi làng nào đó bên bờ biển. Thầy nghe nói rằng Bernard sẽ gặp bạn đồng nghiệp của hắn là Jacques Fournier, và việc ném một ả phù thuỷ xinh đẹp lên giàn hoả sẽ tăng uy tín và danh tiếng của cả hai lên...

Tôi thốt lên: - Thế không làm gì được để cứu họ à? Tu viện trưởng không can thiệp được hay sao?

- Can thiệp cho ai? Cho quản hầm, kẻ đã nhận tội à? Cho tên khốn kiếp Salvatore? Hay con đang nghĩ đến cô gái?

Tôi mạnh dạn nói: - Nếu con nghĩ thế thì đã sao? Dầu sao, trong ba người, chỉ mình cô ấy là thực sự vô tội, thầy biết cô ấy không phải là phù thủy...

- Con nghĩ rằng Tu viện trưởng sẽ đánh đổi chút ít uy tín còn lại để can thiệp cho một con phù thủy, sau những biến cố đã xảy ra như vừa rồi sao?

- Nhưng Cha nhận trách nhiệm về việc Ubertino trốn thoát mà!

- Ubertino là một trong các tu sĩ của Cha và không bị tố vì tội gì cả. Hơn nữa con nói cái gì bá láp vậy? Ubertino là một người quan trọng, Bernard chỉ có thể đâm sau lưng Cha ấy mà thôi.

- Thế thì quản hầm có lý. Những người phạm tục luôn luôn phải trả giá cho tất cả mọi người, thậm chí cho cả những người lên tiếng bênh vực họ, như Ubertino và Michael, những người đã dùng những lời kêu gọi sám hối để xúi họ nổi dậy!

Tôi tuyệt vọng đến nỗi nghĩ rằng chính cô gái cũng thuộc dòng Anh em nghèo khó, bị hấp dẫn bởi hình ảnh huyền diệu của Ubertino mà quên rằng cô chỉ là một gái quê, trả giá cho một thứ chẳng liên quan gì đến mình.

Thầy William buồn bã đáp:

- Như thế đấy. Còn nếu con thực sự muốn đi tìm một tia sáng công lý thì thầy bảo cho con biết: một ngày kia, những con chó lớn là Giáo hoàng và Nhà vua, để giải hoà với nhau, sẽ bước qua xác của những con chó nhỏ cứ mãi cắn xé nhau khi thừa hành nhiệm vụ. Và Michael và Ubertino sẽ bị đối xử như cách cô gái của con hôm nay vậy.

Bây giờ tôi biết ngày đó thầy William đang tiên tri, hay đúng hơn, đang suy diễn theo tam đoạn luận, trên cơ sở nguyên lý của triết học tự nhiên. Nhưng lúc đó, lời tiên tri và lối suy luận của thầy chẳng an ủi tôi được chút nào.

Điều chắc chắn là cô gái sẽ bị thiêu sống. Tôi thấy mình có trách nhiệm, vì dường như cô gái cũng sẽ lên giàn hoả để chuộc cái tội mà tôi đã phạm với nàng.

Tôi xấu hổ khóc oà và chạy về phòng, suốt đêm tôi nhai rơm và nước nở mãi, vì tôi chẳng được phép thương tiếc và gọi tên người yêu của mình như trong những tiểu thuyết lãng mạn hào hoa mà tôi và các bạn đồng môn đã đọc ở Melk.

Đó là tình yêu trần gian duy nhất trong đời tôi, mà lúc đó và mãi mãi về sau tôi chẳng thể gọi tên được.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

NGÀY THỨ SÁU

KINH SỚM

*Các hoàng tử thống trị,
và Malachi sụp xuống đất.*

Chúng tôi đi xuống dự Kinh Sớm. Phần cuối đêm, và thực ra là đầu một ngày mới, vẫn còn mù sương. Khi băng qua nhà dòng, hơi lạnh thấm buốt thấu xương tôi, vốn vẫn còn đau nhức sau một đêm trần trọc. Mặc dù trong giáo đường rất lạnh, tôi khoan khoái được quì dưới vòm mái ngăn cách với thiên nhiên bên ngoài, lòng thấy khuây khoả nhờ hơi ấm toả ra từ những thân người, và nhờ Kinh cầu.

Khúc ca vịnh vừa cất lên thì thầy William chỉ vào chỗ ngồi đối diện chúng tôi: chiếc ghế giữa Jorge và Pacificus bỏ trống. Đó là chỗ của Malachi, người luôn luôn ngồi bên lão già mù. Chúng tôi không phải là những người duy nhất để ý đến sự vắng mặt đó. Phía bên này, tôi thấy Tu viện trưởng lo lắng liếc mắt nhìn, mà ai cũng thừa biết rằng những sự vắng mặt luôn luôn báo hiệu một tin dữ. Phía bên kia, tôi thấy già Jorge lộ vẻ bồn chồn khác thường. Gương mặt vốn vẫn vô cùng bí hiểm vì đôi mắt trắng dã, bây giờ hầu như tối sầm lại, nhưng đôi tay lão thì cứ cuống quýt bất an. Quả thật, lão cứ đưa tay sờ soạng chiếc ghế bên cạnh xem có ai ngồi không. Chốc chốc lão lại quờ tay sang, tựa như người vắng mặt sẽ hiện ra bất kỳ lúc nào nhưng lão sợ sẽ không thấy.

Tôi thầm thì hỏi thầy William:

- Quán thư viện đâu rồi?

- Malachi bây giờ là người duy nhất sở hữu quyền sách. Nếu Huynh ấy không gây ra các án mạng, thì có lẽ Huynh ấy không biết những nguy hiểm chứa đựng trong quyền sách...

Chẳng còn gì để bàn thêm. Chúng tôi đành phải đợi: Thầy trò tôi, Tu viện trưởng, - người cứ nhìn trân trân vào chiếc ghế trống, - và Jorge, người mãi sờ soạng đôi tay hời vào bóng đêm

Khi gần đến cuối Kinh sớm, Tu viện trưởng nhắc nhở các tu sĩ và tu sinh cần phải chuẩn bị cho ngày lễ trọng Giáng sinh. Do đó, theo thông lệ, khoảng thời gian trước Kinh Ngợi khen sẽ được dùng để toàn cộng đồng tập hoà âm các khúc thánh ca đã được qui định hát trong dịp này. Tập thể những người con kính đạo này đã được luyện thành một nhất thể, một giọng hoà hợp, trải qua quá trình dài nhiều năm, họ đã công nhận khi cất tiếng hát, linh hồn của họ thấy đều hoá làm một.

Tu viện trưởng mời mọi người ca bài “Sederunt”

Sederunt principes

et adversus me

lo quebantur, iniqui

persecuti sunt me.

Adiuva me, Domine

Deus meus, salvum me

fac propter magnam misericordiam tuam (1)

Tôi tự hỏi không biết Tu viện trưởng có cố tình chọn hát bài này trong đêm nay không, tiếng kêu than của những kẻ bị bách hại cầu khẩn Chúa cứu vớt khỏi tay những ông hoàng bất nhân. Đằng kia, các sứ giả của ông Hoàng vẫn đang ngồi dự kinh lễ, nghe nhắc lại làm thế nào mà hàng bao thế kỷ nay dòng tu của chúng tôi đã nhanh chóng chống lại sự bách hại của những kẻ quyền thế, nhờ sợi dây liên hệ đặc biệt với “Thượng Đế”. Quả thật, đoạn

đầu của khúc ca đã tạo nên một ấn tượng vô cùng mạnh mẽ.

Khi từ “*Sederunt*” vừa mới trỗi nặng thoát ra, thì từ “*Principes*” đã bay bổng lên không trung bằng một giọng thanh tao hùng tráng và thiên thần. Tôi chẳng còn thắc mắc ai là kẻ có quyền thế đang lên tiếng chống lại mình nữa, cái bóng của con ma đe dọa đang ngồi đó đã tan đi, biến mất.

Tôi tin rằng lúc đó các bóng ma khác cũng đã tan biến, vì sau khi tâm trí bị khúc ca cuốn hút, tôi nhìn lại chỗ ngồi của Malachi thì thấy hình dáng quần thư viện trong số những người khác đang cầu kinh, như thể trước đây Huynh ấy vẫn có mặt. Tôi nhìn thầy William và thấy mắt thầy lộ vẻ an tâm, vẻ an tâm mà từ đằng xa tôi cũng thấy đang hiện lên trong đôi mắt Tu viện trưởng. Còn Jorge, lão một lần nữa lại quơ tay sang bên cạnh, và khi đụng phải thân hình người ngồi kế bên giật tay về ngay. Tôi không biết lòng lão dấy lên cảm xúc gì.

Bây giờ ca đoàn đang hoan hỉ cất lên khúc “*Adiuva me*” trong đó âm “a” trong sáng hồ hởi vang lên khắp nhà thờ, và âm “u” không nghe âm u như trong từ “*Seredunt*”, mà đầy khí thế thiêng liêng. Nguyên tắc buộc tu sĩ và tu sinh khi hát phải ngồi ngay người, bạnh cổ, nhìn thẳng, quyển sách ca được đặt gần ngang tầm vai nên họ có thể đọc mà không cần cúi đầu, thế nên hơi thở từ lồng ngực thoát ra một cách thoải mái. Nhưng lúc ấy vẫn còn về đêm, nên dù các hồi kèn đang vang reo nhiều người hát vẫn còn ngái ngủ, họ chìm đắm trong những nốt ngân dài, dựa vào các âm ba của ca khúc để chốc chốc gục lên gục xuống. Ngay trong tình huống đó, những người đánh thức dùng đèn soi sáng từng bộ mặt để lay cả xác lẫn hồn tỉnh dậy.

o0o

Bằng cách đó, một trong những người đi đánh thức đã thoát tiên nhận thấy

Malachi đang lắc lư một cách lạ lùng, tựa như Huynh ấy đột nhiên chìm đắm vào làn sương Cimmerius (2) của giấc ngủ mà có lẽ đêm qua không hưởng được. Người đánh thức tiến về phía Malachi, đưa đèn lên soi khuôn mặt. Sự kiện này khiến tôi để ý. Quản thư viện ngồi bất động. Người ấy chạm vào mình y và Malachi nặng nề ngã chúi tới trước. Người đánh thức chỉ vừa kịp giữ Huynh ấy lại trước khi té xuống đất.

Khúc ca khựng lại, giọng hát tắt ngấm, có một thoáng bàng hoàng. William rời chỗ, phóng ngay đến nơi Pacificus và người đánh thức đang đặt Malachi xuống đất, bất tỉnh nhân sự.

Thầy trò tôi đến đó gần như cùng một lúc với Tu viện trưởng, và dưới ánh đèn, chúng tôi nhìn thấy gương mặt kẻ xấu số. Tôi đã miêu tả diện mạo Malachi, nhưng đêm nay, dưới ánh đèn, nó mới chính là hình ảnh của thần chết: cái mũi nhọn, đôi mắt sâu hoắm, thái dương trũng xuống, tai trắng bệch nhẵn nhúm, trái tai quay ra ngoài, da mặt cứng đờ, căng và khô, gò má vàng khè đầy những đốm bầm. Mắt vẫn mở và hơi thở thoi thóp thoát ra từ đôi môi khô héo. Huynh ấy há hốc mồm, và khi thầy William cúi xuống, tôi từ đằng sau cũng khom người và trông thấy cái lưỡi đen sì ngo ngoậy giữa hai hàm răng. Thầy William quàng tay qua vai Malachi nâng Huynh ấy dậy, tay kia lau lớp mồ hôi nhễ nhại trên vàng trán. Malachi cảm thấy ai đó hiện diện chạm đến mình, Huynh nhìn trùng trùng trước mặt, nhưng chắc chắn không thấy gì, không nhận ra ai. Huynh giơ bàn tay run rẩy lên nắm lấy ngực thầy William, kéo mặt thầy xuống gần sát mặt mình, rồi bằng một giọng khàn khàn yếu ớt thốt lên vài lời:

- Huynh ấy bảo tôi... thật... Nó có sức mạnh của hàng ngàn con bọ cạp...

- Ai bảo Huynh? Ai?

Malachi lại cố gắng nói. Nhưng toàn thân run bần bật, đầu gục về phía sau. Mặt thất sắc, mất hết cả sức sống. Huynh ấy đã chết.

Thầy William đứng lên, trông thấy Tu viện trưởng bên cạnh, nhưng chẳng nói lời nào. Đoạn thầy trông thấy Bernard Gui sau lưng Tu viện trưởng, bèn hỏi:

- Thưa Ngài Bernard, ai đã giết người này, sau khi Ngài đã khôn khéo tìm ra và giam giữ những kẻ sát nhân?

- Đừng hỏi tôi. Tôi chưa bao giờ tuyên bố đã tổng giam tất cả những tên tội phạm đang tung hoành trong tu viện này. Nếu có khả năng, tôi sẵn lòng làm điều đó. - Hẳn nhìn thầy William – Nhưng bây giờ tôi sẽ giao những tên đó cho sự nghiêm khắc... hay sự khoan dung quá độ của Cha Tu viện trưởng

Tu viện trưởng tái mặt, im lặng. Sau đó Bernard bỏ đi.

Ngay lúc đó, chúng tôi nghe có tiếng khóc nức nở, nghẹn ngào. Đó là Jorge, đang quì trên ghế. Một tu sĩ đang đỡ Huynh, ắt hẳn người ấy đã kể lại sự việc vừa xảy ra. Giọng Jorge đứt quãng:

- Sẽ không bao giờ chấm dứt... Chúa ơi... hãy tha thứ cho tất cả chúng con!

Thầy William cúi xuống nhìn xác chết thêm một lúc, cầm cổ tay và quay lòng bàn tay về phía ánh sáng. Đầu ba ngón tay đầu tiên của bàn tay mặt tím bầm.

Chú thích:

(1) *Các ông Hoàng ngồi xuống*

Và lên tiếng chống lại con

những kẻ bất nhân

bách hại con

Lạy chúa, Chúa của con

Xin giúp con

Xin Chúa mở lòng từ bi hải hà

cứu thoát con

(2) Một dân tộc huyền thoại sống trên một vùng đất được Homer miêu tả là vĩnh viễn bị sương mù và bóng tối bao phủ.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH NGỌI KHEN

*Chọn một quản hầm mới,
nhưng chưa tìm ra quản thư mới.*

Đã đến Kinh Ngợi Khen rồi ư? Nó đến sớm hay muộn hơn? Từ lúc đó, tôi mất hết ý niệm về thời gian. Có lẽ nhiều giờ đã trôi qua, hay có thể ít hơn, trong thời gian này xác Malachi được đặt trên một cái bục trong nhà thờ, các tu sĩ quây một vòng bán nguyệt xung quanh. Tu viện trưởng ra lệnh chôn cất ngay. Tôi nghe Cha gọi Benno và Nicholas đến. Cha nói trong chưa đầy một ngày mà tu viện đã mất một quản thư viện và một quản hầm. Cha bảo Nicholas:

- Con sẽ đảm trách nhiệm vụ của Remigio. Con biết công việc của nhiều người trong tu viện này. Chỉ định ai đó thay con phụ trách lò rèn, và cung cấp lương thực hôm nay ngay cho nhà bếp và nhà ăn. Con được phép khỏi dự kinh lễ. Đi đi.

Rồi Cha bảo Benno:

- Con vừa được bổ nhiệm làm phụ tá của Malachi hôm qua. Hãy mở cửa phòng thư tịch và nhớ đừng để ai lên thư viện một mình.

Benno then thùng nêu lên rằng mình chưa được cho biết những bí mật của chốn đó. Tu viện trưởng trừng mắt nhìn Benno:

- Không ai bảo con sẽ được phép biết. Con phải lo cho công việc được tiến hành, và xem đó như một lời cầu nguyện cho các Sư huynh quá cố... và cho những ai sẽ phải chết. Mỗi một tu sĩ chỉ được làm việc trên những quyển sách đã trao cho mình. Ai cần sách thì cứ tra bản thư mục. Thế là đủ. Con

được miễn dự Kinh Chiều, vì lúc ấy con phải khoá hết mọi cửa.

- Nhưng làm thế nào con ra được?

- Câu hỏi hay đấy. Cha sẽ khoá các cửa dưới sau bữa ăn tối. Thôi đi đi!

Benno bước ra nhưng tránh mặt thầy William đang muốn nói chuyện với Huynh. Trong khu hát kinh chỉ còn một nhóm nhỏ ở lại: Alinardo, Pacificus, Aymaro, và Peter. Aymaro khinh khỉnh nói:

- Chúng ta hãy tạ ơn Chúa! Tên người Đức chết rồi, có nguy cơ sẽ có một quản thư viện mới còn dã man hơn.

Thầy William hỏi:

- Huynh nghĩ ai sẽ được chỉ định giữ chức này.

Peter mỉm cười bí hiểm:

- Sau các diễn biến trong những ngày qua, vấn đề không còn là quản thư viện, mà là Tu viện trưởng...

- Suyt. – Pacificus nói:

Alinardo, với vẻ trầm tư cố hữu nói: - Họ sẽ hành động bất công một lần nữa... như hồi thời của ta vậy. Phải chặn đứng họ lại.

- Ai? - Thầy William hỏi. Pacificus thân mật nắm lấy tay thầy dắt về hướng cửa, xa khỏi cụ già.

- Alinardo... như Huynh biết... Chúng tôi thương lão Huynh ấy lắm. Đối với chúng tôi, già ấy tượng trưng cho truyền thống cũ và thời hoàng kim của tu viện. Nhưng đôi khi già phát biểu mà không hiểu điều mình nói. Chúng tôi đều lo lắng về một quản thư viện mới. Người ấy phải xứng đáng, chín chắn và khôn ngoan... Tất cả chỉ cần thế thôi.

- Người ấy có cần biết tiếng Hy Lạp không?

- Và cả tiếng Ả Rập, theo truyền thống bắt buộc: chức vụ này đòi hỏi vậy. Nhưng trong số chúng tôi có rất nhiều người hội đủ khả năng này. Có thể nói là có tôi, Peter và Aymaro...

- Benno cũng biết tiếng Hy Lạp.

- Benno thì quá trẻ. Tôi không hiểu sao hôm qua Malachi lại chọn Huynh ấy làm phụ tá, nhưng...

- Thế Adelmo có biết tiếng Hy Lạp không?

- Tôi nghĩ là không. Không, chắc là không.

- Nhưng Venantius và Berengar biết tiếng Hy Lạp. Thôi được rồi, cảm ơn Huynh.

Chúng tôi bỏ xuống bếp tìm cái gì ăn. Tôi hỏi:

- Sao thầy lại muốn tìm hiểu ai biết tiếng Hy Lạp?

- Vì tất cả những ai chết có ngón tay bầm tím đều biết tiếng Hy Lạp. Do đó, có thể chắc rằng kẻ chết kế tiếp sẽ ở trong số những người biết tiếng Hy Lạp. Kể cả thầy nữa. Con được an toàn.

- Thế thầy nghĩ gì về những lời cuối cùng của Malachi?

- Con đã nghe mà.... Bọ cạp. Hồi kèn thứ năm, trong số nhiều điều khác, có báo hiệu một bày cào cào sẽ đến dày xéo con người bằng những nọc độc như nọc bọ cạp. Và Malachi cho chúng ta hay rằng, ai đó đã cảnh báo trước cho Huynh ấy biết.

- Hồi kèn thứ sáu báo hiệu ngựa đầu sư tử, miệng phun khói lửa, lưu huỳnh, người cỡi mặc áo giáp màu đỏ rực, ngọc da cam và lưu huỳnh.

- Nhiều thứ quá. Nhưng án mạng kế tiếp có thể xảy ra cạnh chuồng ngựa. Chúng ta phải canh chừng nó. Và chúng ta phải chuẩn bị cho loạt kèn thứ bảy. Sẽ còn hai nạn nhân nữa. Ai có thể bị chọn lựa nhỉ? Nếu mục tiêu là bí mật của “Finis Africae” thì những kẻ biết bí mật sẽ bị chọn. Theo thầy nghĩ, chỉ có thể là Tu viện trưởng, trừ phi âm mưu nhằm một mục tiêu khác. Con vừa nghe họ lập mưu lật đổ Tu viện trưởng, nhưng Alinardo dùng chữ “họ”...

- - Phải báo cáo Tu viện trưởng.

- Báo cáo gì? Rằng họ sẽ giết Cha à? Thầy không có bằng chứng rõ ràng. Thầy tiến hành như thể cùng nghĩ như kẻ sát nhân. Nhưng nếu hấn theo

đuổi một phương án khác thì sao? Và nhất là, nếu không phải chỉ có một kẻ sát nhân?

- Thầy muốn nói gì?

- Thầy không chắc. Nhưng như thầy đã bảo, chúng ta phải tưởng tượng mọi tình huống có thể xảy ra, và mọi điều xáo trộn.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH ĐẦU

*Nicholas kể nhiều điều
khi thầy tôi đến thăm
hầm kho tàng*

Nicholas nhận trách nhiệm mới là quản hầm, Huynh đang ban chỉ thị cho các đầu bếp và họ báo cáo cho Huynh nghe các hoạt động của nhà bếp. Thầy William muốn nói chuyện với Nicholas, nhưng Huynh bảo chúng tôi đợi một lát, cho đến khi Huynh xuống hầm kho tàng để trông coi việc đánh bóng các hộp kính, vì đó vẫn còn là nhiệm vụ của Huynh. Ở đây, chúng tôi sẽ có nhiều thì giờ để nói chuyện hơn.

Quả nhiên, một lát sau, Nicholas bảo chúng tôi đi theo, Huynh đi vào nhà thờ, đi ra sau bàn thờ chính xuống một cầu thang nhỏ trong khi đó các tu sĩ đang dựng bục đặt quan tài trong gian giữa giáo đường để canh xác Malachi. Đến cuối thang, chúng tôi lọt vào một căn phòng có vòm trần rất thấp, chống đỡ bằng những cột to bằng đá thô. Chúng tôi đang ở trong nhà hầm, nơi cất giữ tài sản của tu viện, nơi Tu viện trưởng bo bo giữ gìn và chỉ cho phép mở cửa trong những dịp thật đặc biệt đón khách quý.

Khắp nơi là các hộp đủ cỡ, trong đó chứa những báu vật đẹp lộng lẫy rực sáng lên dưới ánh đuốc của hai người phụ tá tin cẩn của Nicholas, những bộ trang phục bằng vàng, vương miện vàng nạm ngọc, rương bằng nhiều kim loại khác nhau có chạm hình, những đồ bằng ngà và men huyền. Nicholas khoái trá đưa chúng tôi xem một quyển Phúc âm bìa làm bằng những miếng men cực đẹp, gồm những chương được sắp xếp theo thứ tự và sơn màu

khác nhau, có viền vàng và chạm trổ lõng lẩy, đóng lại bằng đá núi hình như cái đỉnh. Huynh còn cho chúng tôi xem một bộ tranh ngà cẩn vàng gồm năm bức, vẽ năm cảnh của cuộc đời Chúa Ki-tô, ở chính giữa có một ngọn đèn thần, gồm những ngăn mạ bạc cẩn kính, một hình ảnh duy nhất đầy màu sắc trên nền màu bạch lạp.

Khi Nicholas khoe với chúng tôi những vật này, gương mặt và cử chỉ của Huynh rạng rỡ, đầy vẻ tự hào. Thầy William ca ngợi những vật vừa được xem, rồi hỏi Nicholas: Malachi là loại người thế nào.

Nicholas liếm một ngón tay và chà lên một mặt pha lê chưa được đánh bóng kỹ, rồi không nhìn thầy, gượng cười đáp:

- Nhiều người bảo Malachi là người sâu sắc, nhưng ngược lại, Huynh ấy rất nông cạn. Còn Alinardo cho Huynh ấy là một tên ngốc.

- Alinardo có oán thù gì với một kẻ nào đó thời xa xưa khi Huynh ấy bị từ chối không cho làm quản thư viện không?

- Tôi cũng nghe nói như vậy, nhưng đó là chuyện xưa, ít ra là năm mươi năm rồi. Khi tôi đến đây thì quản thư viện là Robert xứ Bobbio, và các tu sĩ có xâm xì về việc bắt công đối với Alinardo. Robert có một phụ tá, sau này đã chết, và Malachi tuy còn rất trẻ lại được bổ nhiệm thay thế người ấy. Nhiều người cho rằng Malachi không xứng đáng, mặc dù Huynh ấy tuyên bố mình biết tiếng Hy Lạp và Ả Rập nhưng không đúng. Huynh ấy chỉ giỏi bắt chước và sao lại các bản viết bằng những ngôn ngữ ấy với tuồng chữ thật đẹp, mà chẳng biết mình đang chép gì. Alinardo nói bóng gió rằng Malachi được bổ nhiệm vào chức đó để ủng hộ mưu đồ của kẻ thù của Alinardo. Nhưng tôi không hiểu lão Huynh ấy định ám chỉ ai. Đó là toàn bộ câu chuyện. Lúc nào người ta cũng xâm xì rằng Malachi canh tu viện như một con chó giữ nhà mà không biết mình đang bảo vệ cái gì. Vì thế, người ta cũng thì thầm chống đối Berengar khi Malachi chọn Huynh ấy làm phụ tá. Người ta bảo chàng trai trẻ đó cũng chẳng khôn ngoan gì hơn ông thầy

mình, y chỉ là một tên mưu sĩ. Họ cũng nói – chắc hẳn (đến?) nay Huynh cũng nghe đồn về việc này rồi – rằng có mối quan hệ lạ lùng giữa Berengar và Malachi... Chuyện đồn đãi xưa rồi. Và như Huynh biết đấy, họ lại bàn tán về Berengar và Adelmo, các thầy ký trẻ bảo Malachi âm thầm chịu đựng sự ghen tuông kinh khủng... Họ cũng lào xào về sự liên hệ giữa Malachi và Jorge. Không, không phải theo kiểu Huynh nghĩ đâu – chưa ai xì xào về đạo đức của Jorge cả! – nhưng Malachi, với chức vụ quản thư viện, theo truyền thống, đáng lẽ phải xung tội với Tu viện trưởng, còn các tu sĩ khác sẽ đến xung tội với Jorge hay với Alinardo, nhưng bây giờ lão huynh ấy đã gần như mất trí nhớ rồi... Thế nhưng, họ bảo trái lại, Malachi lại bàn bạc quá nhiều với Jorge, tựa như Tu viện trưởng nắm phần hồn của Malachi, còn Jorge lại giữ phần xác, phần hành động và công việc của Huynh ấy. Quả thực, như Huynh biết và thấy đấy, nếu ai đó muốn biết vị trí của một quyển sách xưa chẳng còn ai nhớ đến thì người ấy sẽ không hỏi Malachi mà hỏi Jorge. Malachi giữ thư mục và đi lên thư viện, nhưng Jorge mới là người biết mỗi tựa sách có ý nghĩa gì...

- Tại sao Jorge lại biết quá nhiều điều về Thư viện?

- Sau Alinardo, Huynh ấy là người cao niên nhất, và đã ở đây từ thời trẻ. Jorge phải trên tám mươi tuổi rồi, và họ bảo Huynh ấy đã mù gần bốn mươi năm, có lẽ lâu hơn nữa...

- Làm thế nào sau khi mù, Huynh ấy lại trở nên uyên bác như vậy?

- Ồ, có nhiều huyền thoại về Huynh ấy – Dường như ngay từ hồi còn bé, Huynh ấy đã được ban ân phước và đã đọc được sách của các học giả Hy Lạp và Ả Rập bằng tiếng Castile mẹ đẻ của mình. Từ sau khi bị mù đến nay, Huynh ấy ngày ngày ngồi nhiều giờ trong Thư viện và bảo người khác đọc thư mục và mang sách đến cho mình, rồi một tu sinh đọc to nó lên cho Huynh nghe suốt giờ này sang giờ kia.

- Bây giờ Malachi và Berengar đã chết, còn ai nắm được các bí mật của

Thư viện?

- Tu viện trưởng, và Cha ấy sẽ phải truyền chúng lại cho Benno.. nếu Cha muốn...

- Sao Huynh lại bảo “nếu Cha muốn”?

- Vì Benno còn trẻ và được phong phụ tá khi Malachi vẫn còn sống, làm phụ tá quản thư khác với làm quản thư nhiều. Theo truyền thống, quản thư viện về sau sẽ trở thành Tu viện trưởng...

- À, ra thế... Thảo nào người ta ham muốn chức quản thư viện đến vậy. Thế Tu viện trưởng có đạo đã là quản thư viện à?

- Không, không phải Viện trưởng này. Cha Bề trên đã được chỉ định trước khi tôi đến đây. Tính đến nay đã ba mươi năm rồi. Trước lúc đó, Tu viện trưởng là Paul xứ Rimini, họ kể nhiều câu chuyện lạ lùng về con người kỳ dị này. Dường như đó là một kẻ ngốn sách kinh khủng nhất, ông ấy thuộc nằm lòng tất cả mọi cuốn sách trong thư viện, nhưng ông ấy mắc một chứng yếu đuối rất lạ: ông ấy không viết được. Họ gọi ông ấy là “Abbas agraphicus”[1]... Ông trở thành Tu viện trưởng lúc còn rất trẻ, người ta bảo ông được Algirdas xứ Cluny ủy hộ... Nhưng đó chỉ là chuyện phiếm của mấy tu sĩ già. Dầu sao, Paul lên làm Tu viện trưởng, và Robert xứ Bobbio thế chỗ của ông trong thư viện, nhưng người này mắc bệnh rồi yếu dần, họ biết Robert sẽ không đủ khả năng điều hành tu viện nữa. Rồi Paul xứ Rimini biến mất...

- Ông chết à?

- Không, ông ấy biến mất, tôi không biết tại sao. Một ngày nọ ông lên đường du hành và chẳng bao giờ trở lại nữa, có lẽ ông ta bị bọn cướp giết chết dọc đường đi... Dầu sao, khi Paul mất tích thì Robert không thể thế chỗ ông và những âm mưu mờ ám đã xảy ra. Người ta nói, Cha bề trên ngày nay là con hoang của một lãnh chúa vùng này. Cha lớn lên trong một tu viện ở Fossanova, người ta kể rằng khi còn trẻ, Cha đã chăm sóc Thánh

Thomas khi Ngài mất tại đó, và được giao nhiệm vụ mang cái xác không lồ của Ngài xuống cầu thang của một ngọn tháp chật hẹp đến nỗi không đưa thi hài qua được... bọn ác ở đây xầm xì rằng đó là giây phút vinh quang của Cha... Sự thật là Cha được bầu làm Tu viện trưởng và mặc dầu chưa bao giờ làm quản thư viện, nhưng Cha đã được một người mà tôi nghĩ là Robert, chỉ giáo cho biết những bí ẩn trong thư viện. Bây giờ, Huynh hiểu tại sao tôi không biết Tu viện trưởng có muốn chỉ giáo cho Benno hay không: thế cũng giống như phong cho một tên trai trẻ vô tâm, một nhà ngữ pháp học bán khai từ phương Bắc đến làm người kế vị của mình. Benno biết gì về xứ này, về tu viện và các mối liên hệ của nó với các lãnh chúa trong vùng?

- Nhưng Malachi và Berengar cũng đâu phải người Ý, thế mà cả hai đều được bổ nhiệm vào Thư viện.

- Đó là một điều bí ẩn đối với Huynh. Các tu sĩ thối nát trong hơn nửa thế kỷ qua, tu viện đã từ bỏ truyền thống cũ... Thế nên năm mươi năm qua, có lẽ còn lâu hơn nữa, Alinardo đã háo hức chức quản thư viện. Trước đây, quản thư viện luôn luôn là người Ý – trong xứ này đâu có thiếu đầu óc uyên bác. Và lại, Huynh thấy...

Nói đến đây, Nicholas ngập ngừng, như không dám nói điều mình muốn:

- ... Huynh thấy đó, Malachi và Berengar chết rồi, có lẽ để họ không thể trở thành Tu viện trưởng

Nicholas lúng túng xua tay trước mặt như để đuổi đi ý nghĩ không được thật thà lắm, rồi làm dấu thánh giá:

- Tôi nói gì thế nhỉ? Huynh thấy không, trong những năm qua, nước này đã xảy ra lắm điều nhục nhã, ngay cả trong các tu viện, trong triều đình Giáo hoàng, trong những nhà thờ... Đấu tranh để giành quyền lực, tố cáo dị giáo để đoạt đất đai có lộc thánh.. Xấu xa biết bao! Tôi mất niềm tin ở loài người, đâu đâu tôi cũng thấy mưu mô và thông đồng. Tu viện của chúng ta

sẽ hóa thành một ổ rắn độc trời dấy nhờ phép màu huyền bí ở nơi trước kia là thắng lợi của những con người thánh thiện. Hãy nhìn đây: quá khứ của tu viện này!

Huynh chỉ vào những báu vật nằm rải rác khắp nơi. Để lại các thập giá cùng các lọ thánh khác, Huynh dẫn chúng tôi đến xem những hộp đựng thánh tích tượng trưng cho vinh quang của nơi này.

- Hãy xem, đây là đầu chiếc thương đã đâm vào sườn của Chúa Cứu Chuộc!
– Chúng tôi trông thấy một cái hộp vàng, nắp bằng pha lê, đựng một cái gói màu tím, trên đặt một mảnh sắt hình tam giác, trước đây bị gỉ sét, nhưng nay đã sáng bóng nhờ bôi nhiều dầu và sáp. Nhưng nó cũng chưa đáng kể. Trong một chiếc hộp bằng bạc nạm thạch anh tím khác, qua lớp vỏ ngoài trong suốt, tôi trông thấy một mảnh gỗ tôn kính của thập giá thiêng liêng do chính Hoàng hậu Helena, mẹ của Hoàng đế Constantine mang đến tu viện. Bà đã đi hành hương đến những thánh địa, khai quật đồi Golgotha và mộ Chúa, rồi xây một đại giáo đường trên đó.

Rồi Nicholas chỉ chúng tôi xem các vật khác nữa mà tôi không thể miêu tả tất cả số lượng và độ quý hiếm của chúng. Một chiếc hộp bằng ngọc xanh nước biển đựng một cái đinh của thánh giá. Trong một cái ống nằm trên cái gối bằng những bông hồng héo, có một đoạn vòng gai. Và trong một hộp khác, cũng trên lớp lót bằng những đóa hoa khô, là một mảnh vải màu vàng từ chiếc khăn bàn trong bữa tiệc cuối cùng. Rồi có những chiếc túi với các vòng xích bằng bạc của Thánh Matthew, và trong một cái ống cột bằng một giải lụa đã mục nát vì thời gian và niêm lại bằng vàng là mảnh xương tay của Thánh Anne.

Lại có những vật khác tuy không phải là thánh tích, nhưng vẫn mãi mãi chứng thực cho những kỳ tích và các điều lạ lùng từ phương xa, chúng được mang đến tu viện do các tu sĩ đã du hành đến những cực xa xôi nhất của thế giới. Còn có những thánh tích khác mà tôi không nhận ra, đựng trong

những cái hộp cổ lỗ còn quý hơn chúng nữa, vài chiếc hộp rất cổ xưa. Tất cả những vật này, kể cả vật khiêm tốn nhất, đều đáng để Hoàng đế đánh đổi cả một lâu đài, chúng không chỉ tượng trưng cho danh giá bao la của tu viện mà còn là kho báu thực sự của nơi gìn giữ chúng.

Tôi cứ sững sờ dạo quanh ngắm nghía, vì Nicholas đã thôi không giải thích về các báu vật nữa, dấu sao mỗi thứ đã có một bản miêu tả rồi. Tôi được tự do lang thang giữa đồng của cải quý hiếm vô giá đó, lúc thì được ngắm chúng dưới ánh sáng rực rỡ, lúc thì chỉ nhìn được loáng thoáng dưới ánh sáng mờ mờ, vì các người phụ tá của Nicholas đã đem đuốc đến một nơi khác trong hầm. Tôi say mê ngắm nhìn những mẫu sụn đã ngả vàng, trông vừa huyền ảo vừa ghê sợ, vừa biểu hiện vừa bí ẩn; những mảnh áo từ một thời xa xăm ngàn xưa giờ đã sờn chỉ bạc phếch, đôi khi được cuộn lên đựng trong lọ như một bản giấy nhạ màu, những vật liệu nhẵn nhúm lẫn với tấm vải giường. Phải chăng đó là cách thân thể của các vị thánh được chôn để chờ sự hồi sinh của xác thịt? Từ những mẫu rã rời đó, phải chăng sẽ tạo lại được các cơ thể mà dưới sự rực rỡ của hư ảnh tuyệt đẹp, sẽ hồi phục các cảm giác tinh nhạy tự nhiên, sẽ ngửi thấy – như Pipernus viết – các mùi vị khác nhau[2]?

Thầy William chạm vào vai tôi, kéo tôi ra khỏi dòng suy nghĩ, và nói:

- Thầy lên phòng thư tịch đây. Thầy còn phải xem vài thứ...
- Nhưng không thể lấy được sách đâu. Benno được lệnh...
- Thầy chỉ phải xem lại các cuốn sách đang đọc hôm trước; tất cả vẫn còn ở trong phòng thư tịch, trên bàn Venantius. Nếu muốn, con cứ ở đây. Hầm này là một hình ảnh đẹp thu tóm những cuộc tranh luận về cơ nghèo mà con đã theo dõi mấy ngày nay. Bây giờ chắc con hiểu tại sao các sư huynh xâu xé lẫn nhau để giành chức Tu viện trưởng.
- Nhưng thầy có tin điều Nicholas ám chỉ không? Các án mạng có liên hệ với cuộc tranh đấu giành sự phong quyền không?

- Thầy đã bảo con rằng, lúc này thầy không muốn đưa ra các giả thuyết. Nicholas đã nói nhiều điều, có vài điều khiến ta quan tâm. Bây giờ thầy sẽ lần theo một dấu vết khác, hay có lẽ cũng là dấu vết đó, nhưng từ một hướng khác. Chớ để mấy cái hộp này hớp hồn con đấy. Thầy đã thấy nhiều thập giá trong những giáo đường khác. Nếu tất cả những cái đó đều thật cả thì Chúa của chúng ta không thể bị dọa dẫm trên hai tấm ván đóng đinh với nhau, mà là trên cả một khu rừng.

- Ôi thầy! – Tôi sững sờ nói.

- Đúng thế đấy, Adso ạ. Và thậm chí, còn có nhiều kho tàng phong phú hơn. Cách đây một thời gian, trong đại giáo đường xứ Cologne, thầy đã trông thấy cái sọ của John-Người rửa tội[3] lúc mười hai tuổi.

- Thực hả thầy? – Tôi kinh ngạc thốt lên, rồi ngờ vực hỏi thêm – Nhưng Người rửa tội bị xử tội vào tuổi già hơn kia mà.

- Cái sọ kia hẳn ở trong một kho tàng khác, - thầy William nghiêm nghị nói. Tôi thật chẳng hiểu lúc nào thầy đùa. Ở xứ tôi, khi đùa thì người ta cười vang, rồi mọi người cùng chung vui. Còn thầy Willam chỉ cười khi nói những điều nghiêm túc, và rất nghiêm nghị khi nói những điều đáng cười.

Chú thích:

[1] *Cha Bê trên mắc bệnh mất khả năng viết.*

[2] *Differentias odorum.*

[3] *Người đã rửa tội cho Chúa Ki-tô, bị vua Herod giết.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ SÁNG

*Adso lắng nghe khúc ca “Dies irae”[1]
rồi nằm mơ, hay thấy ảo giác,
tùy người ta định nghĩa như thế nào cũng được*

Thầy William chia tay Nicholas và lên phòng thư viện. Bây giờ tôi đã nhìn kho tàng đã mất và định vào nhà thờ để cầu nguyện cho linh hồn Malachi. Tôi chưa bao giờ thích con người dễ sợ này, và không chối cãi rằng lâu nay tôi đã tin Malachi là người gây ra tất cả các án mạng. Bây giờ tôi mới biết, có lẽ Huynh ấy là một kẻ khốn nạn đáng thương, ảm ức vì không thỏa mãn được dục vọng, một cái bình đất giữa những cái bình sắt, gắt gỏng vì bối rối, im lặng và tránh né vì tự hiểu không biết nói gì. Tôi cảm thấy hơi cắn rứt, nghĩ rằng cầu nguyện cho số phận dị thường của Huynh ấy có thể làm vui đi mặc cảm tội lỗi của tôi.

Bên trong giáo đường lúc này mờ mờ ảo ảo vì ánh sáng bị thi hài của người xấu số chế ngự. Vang lên tiếng các tu sĩ râm rì đọc kinh cầu hồn.

Trong tu viện xứ Melk, tôi đã có lần chứng kiến cái chết của một sư huynh. Tôi không thể gọi đó là một dịp vui, nhưng tôi thấy nó thanh thản, nhẹ nhàng và trung thực. Các tu sĩ thay phiên nhau ở trong phòng người hấp hối, tìm lời tốt lành để an ủi người ấy, và ai cũng thực tâm xem người chết là may mắn, vì Huynh ấy sắp chấm dứt một cuộc đời đức hạnh để sớm nhập vào ca đoàn thiên thần ở chốn ơn phước vĩnh hằng. Một phần của sự thanh thản và mùi hương của sự mong muốn thiện ý đó được chuyển đến người hấp hối, và người ấy cuối cùng đã nhẹ nhõm ra đi. Những cái chết trong

những ngày vừa qua thật khác lạ biết bao! Cuối cùng, tôi đã trông thấy nạn nhân của những con bọ cạp quỷ quái trong “finis Africae” chết như thế nào, và chắc hẳn Venantius và Berengar cũng chết như thế, dù đã nhờ nước làm dịu bớt cơn đau, mặt họ cũng bị tàn phá như mặt Malachi.

Tôi ngồi co ro ở cuối nhà thờ để chống rét. Khi thấy hơi ấm người, tôi mấp máy môi hòa theo điệp khúc với những sư huynh đang cầu nguyện. Tôi hát theo mà gần như không biết là mình hát gì, trong khi đầu gật gù, mắt muốn nhắm lại. Nhiều phút trôi qua, tôi biết mình đã ngủ gục và thức giấc, ít nhất là ba bốn lần: Rồi ca đoàn bắt đầu hát bài “Dies irae”.. Khúc ca thấm vào tôi như ma túy. Tôi ngủ thiếp đi. Hay nói đúng hơn, tôi ngủ chập chờn, nửa say nửa tỉnh. Tôi gặp người lại như một hài nhi trong bụng mẹ. Trong cái linh hồn mờ mờ sương khói đó, tôi thấy mình như lọt vào một nơi không thuộc trần gian này, tôi gặp một ảo giác, hay một giấc mơ, tùy người ta gọi sao cũng được.

Tôi bước xuống những bậc thang hẹp vào một lối đi thấp, như thể đang vào hầm kho tàng, nhưng cứ tiếp tục xuống, tôi đến một hầm rộng hơn, đó là nhà bếp của Đại dinh. Nó chắc chắn là nhà bếp, nhưng không chỉ có tiếng rộn rịp của nồi niêu song chảo, mà còn có tiếng thổi bếp, búa đập ồn ào tựa như các thợ rèn của Nicholas cũng tụ họp ở đây. Lò và vạc đỏ rực chiếu sáng mọi vật, những nồi đun bốc khói sôi sùng sục. Đầu bếp trở xiên trong không trung, còn tất cả tu sinh hiện có mặt nhảy lên bắt lấy gà vịt và các gia cầm khác bị ghim trên những cây sắt nóng đỏ. Bên cạnh đó, mấy người thợ rèn đập búa rầm rầm điếc cả trời xanh, những chùm tia lửa từ chiếc đe tung tóe lên, quện với những ngọn lửa từ lò tủa ra.

Tôi không hiểu mình đang ở trong địa ngục hay trên cái thiên đàng nhỏ mật, lũng lảng xúc xích mà Salvatore đã tưởng tượng. Nhưng tôi chưa kịp thắc mắc xem mình đang ở đâu thì một đám người lùn, đầu to như cái nồi chạy ào vào, đẩy tôi dạt đi, lôi tôi tới ngưỡng cửa của nhà ăn và tống vào trong.

Gian phòng được bày biện để dọn tiệc. Trên tường treo thảm và cờ xí, nhưng các hình ảnh trang trí trên đó không phải là loại thường trưng bày để khai trí người ngoan đạo hoặc tán dương sự vinh quang của vua chúa. Ngược lại, dường như chúng được gợi cảm hứng từ các minh họa bên lề của Adelmo, và tái tạo lại các hình ảnh kém khủng khiếp hơn nhưng lại hài hước hơn của Huynh ấy: thỏ nhảy múa quanh gốc cây xum xuê; sông đầy cá, cá tự ném mình vào chảo chiên trong tay các con khi mặc quần áo nửa đầu bếp, nửa giám mục; những con quái vật bụng phệ nhảy tung tung quanh những ấm nước bốc hơi.

Ngay giữa bàn là Tu viện trưởng trong trang phục đại tiệc, áo khoác lớn thêu chỉ tím, tay cầm chiếc nĩa như một quyền trượng. Bên cạnh Cha, Jorge đang uống một cốc rượu lớn, Remigio ăn mặc như Bernard Gui, tay cầm một quyển sách hình con bọ cạp, thành tâm đọc tiểu sử của các vị thánh và những đoạn trong Phúc Âm, nhưng đó là những chuyện về Chúa Ki-tô đang bông đùa với một Thánh Tông đồ, nhắc cho Thánh ấy rằng ông là một cục đá và ông phải xây một nhà thờ trên cục đá lì lợm đó, lẫn trên cánh đồng đó, hay là chuyện Thánh Jerome bình giảng Thánh Kinh, bảo rằng Chúa muốn bỏ ngõ phía sau thành phố Jerusalem. Cứ mỗi câu quản hàm đọc, Jorge lại phá lên cười, đập tay xuống bàn la lên: - Trời đất quỷ thần ơi, người sẽ kế vị Tu viện trưởng – Chính lão ấy đã nói những lời như thế, xin Chúa tha thứ cho con.

Khi Tu viện trưởng vui vẻ ra hiệu thì một đoàn trinh nữ tiến vào. Đó là một dãy phụ nữ ăn mặc rực rỡ, lộng lẫy, trong đám đó tôi ngỡ đã nhận ra mẹ mình, nhưng rồi biết mình lầm, vì đó quả thực là cô gái khủng khiếp như thiên binh vạn mã. Khác chẳng là nàng đang đội một vương miện ngọc trai trắng, hai bên khuôn mặt là hai bím tóc và hai suối ngọc tuôn xuống quện với hai chuỗi ngọc khác đeo trên ngực, mỗi hạt ngọc lủng lẳng một viên kim cương to như quả mận. Thêm nữa, tai nàng còn đeo tròn ten hai chuỗi

ngọc xanh, nối lại với nhau tạo thành một vòng quần quanh chiếc cổ cao thẳng và trắng ngần như tháp Li-Băng. Áo của nàng màu ốc gai, tay nàng cầm một cái cốc vàng đính kim cương mà tôi biết, tôi chẳng hiểu tại sao mình lại biết, trong đó có chứa thuốc độc mà hôm nọ người nào đó đã trộm của Severinus. Theo sau nàng con gái xinh đẹp như bình minh này là các cô gái khác. Một cô khoác một chiếc áo trắng có thêu bên ngoài một chiếc áo màu đậm khác, cùng một khăn choàng vai hai lớp màu vàng có thêu hoa đại. Cô thứ hai khoác một chiếc áo dệt hoa vàng, trên chiếc áo dài màu hồng nhạt lốm đốm lá xanh có dệt hình hai hình vuông lớn, giống như một mê cung tối tăm. Cô thứ ba mặc một cái áo màu ngọc, dệt hình những con thú nhỏ màu đỏ, tay cầm một khăn choàng thêu màu trắng. Tôi không quan sát những cô còn lại ăn mặc ra sao, vì tôi cố tìm hiểu xem họ là ai mà đi theo người con gái bây giờ lại giống Đức Mẹ Đồng Trinh. Mỗi người cầm trên tay một bản hình cuộn, hay tựa như các bản hình cuộn là từ miệng các cô phun ra. Tôi nhận ra họ là Ruth, Sarah, Susanna và các người đàn bà khác trong Thánh Kinh.

Đến lúc này, Tu viện trưởng la lên:

“Vào đi mấy đứa con hoang!”. Rồi một loạt các thánh nhân mà tôi có thể nhận ra dễ dàng bước vào nhà ăn, trang phục long trọng và lộng lẫy. Chính giữa nhóm này là một người ngồi trên ngai, đó là Chúa Ki-tô, đồng thời cũng là Adam - trên vai khoác một chiếc áo màu tím có kết một vòng nguyệt quế lớn bằng ngọc trai và hồng ngọc, đầu đội vương miện giống như vương miện của người con gái ấy, tay cầm một cái cốc lớn hơn, ngập đầy huyết heo. Tất cả các vị thánh nhân quen thuộc khác mà tôi sẽ nói sau đều bao quanh Ngài, cùng với một đám lính của Vua Pháp mặc binh phục xanh hay đỏ, cầm khiên màu ngọc nhạt có khắc mẫu tự đầu tên của Chúa. Trưởng toán lính đến bái chào Tu viện trưởng và đưa cốc cho Cha. Sau đó, Tu viện trưởng nói: “Di chuyển cái thứ nhất và cái thứ bảy của cái thứ tư”[2], rồi

mọi người đồng thanh cất tiếng ca: “Trong tận cùng Châu Phi, amen”[3].
Rồi mọi người “ngồi xuống”[4]

Khi hai chủ tiệc đã giải tán khách ra như thế, thì theo lệnh của Tu viện trưởng Solomon, người ta bắt đầu dọn bàn. Thánh James và Andrew mang đến một bó rom, Adam ngồi ngay vào giữa, Eva nằm xuống trên một cái lá, Cain kéo vào một cái cày, Abel mang vào một cái xô để vắt sữa ngựa Brunellus, ông Noah đắc thủng chèo thuyền vào, Abraham ngồi dưới gốc cây, Isaac nằm trên bàn thờ bằng vàng trong giáo đường, Moses ngồi xồm trên một tảng đá, Thánh Daniel hiện ra trên bụi mai táng trong vòng tay Malachi, Tobias nằm dài trên giường, Thánh Joseph ném mình vào đầu lúa, Benjamin ngả người tựa vào một cái bao, và còn nhiều người nữa, nhưng hình ảnh trở nên lộn xộn. Vua David đứng trên một mô đất, Thánh John trên nền nhà, Vua Pharoch trên đất, Lazarus trên bàn, Chúa Ki-tô trên miệng giếng, Zaccheus trong bụi cây, Thánh Matthew trên ghế đầu, Raab trên bụi gai, bà Ruth trên đồng rom, Thecla trên bụi cửa sổ (gương mặt xanh xao của Adelmo từ bên ngoài ló vào như để cảnh giác bà có thể ngã gục xuống vực đá), Susanna trong vườn, tên bán Chúa Judas giữa những nắm mồ, Thánh Peter trên ngai, Thánh James nằm vồng, Thánh Elias cưỡi ngựa, bà Rachel ngồi trên một cái bọc, Thánh Tông đồ Paul đặt gươm xuống để nghe Esau phàn nàn, trong khi Job ngồi trên đồng phân than vãn và bà Rebecca mang áo quần đến giúp đỡ, bà Judith thì giúp một cái chăn, bà Hagar giúp một tấm vải liệm, còn vài tu sinh thì khiêng vào một cái nồi lớn bốc hơi nghi ngút, từ trong đó nhảy ra Venantius mình mẩy đỏ lòm, rồi Huynh đi phân phát tiết canh heo.

Phòng ăn ngày càng đông, mọi người đều ăn ngấu nghiến. Tiên tri Jonas bỏ lên bàn vài quả bầu, tiên tri Isaiah đem lên ít rau, tiên tri Ezekich một ít dâu đen, Zaecheus hoa sung dâu, Adam chanh, Thánh Daniel đậu lu-pin, vua Pharaoh tiêu, Cain artichaud, Eva quả vả, Rachel táo, Ananias đem vài trái

mận nhỏ như kim cương, Leah đem hành, Aaron ô-liu, Thánh Joseph một quả trứng, ông Noah nho, thánh Simeon đào, trong khi đó Chúa Ki-tô vừa hát bài “Dies irae”, vừa vui vẻ rót lên tất cả các đĩa một ít giấm mà Ngài đã vắt được từ miếng bọt biển, lấy từ cây thương của một tên lính thuộc vua Pháp.

Đến lúc này, Jorge, sau khi gỡ cặp kính nhiệm màu ra, đốt một bụi cây do Sarah nhóm, Isaac khuôn xuống và Joseph chế, trong khi Jacob đào giếng và Thánh Daniel ngồi xuống bờ hồ thì tôi tớ mang nước lên, Noah mang rượu, Hagar mang túi da đựng rượu, Abraham mang một con bê bị Raab trói vào cột, Chúa Ki-tô nắm thùng và Elijah cột chân. Rồi Absalom nắm lông nó treo lên, Peter rút kiếm ra, Cain giết nó, Vua Herod thọc huyết, Shem quăng bộ lòng và phân đi, Jacob bôi thêm dầu, Molessadon bỏ thêm muối, Antiochus đem lên lửa, Rebecca nấu, Eva ném trước và ọc ra, nhưng Adam bảo không sao cả và vỗ vào lưng Severinus, khi Huynh đề nghị thêm rau thơm vào. Rồi chúa Ki-tô bẻ bánh mì và phân phát cá, Jacob hét lên vì Esau đã ăn hết súp, Isaac đang nhai ngấu nghiến một con dê non quay, Jonal ngốn một con cá voi lược, còn Chúa Ki-tô thì nhịn đói bốn mươi ngày đêm. Trong khi đó, mọi người ra vào mang theo những con vịt ngon nhất sẵn được đủ màu đủ cỡ, Benjamin luôn luôn giữ phần lớn nhất, bà Mary ăn miếng ngon nhất, còn Martha thì phần này cứ phải rửa bát đĩa. Rồi họ xẻ thịt con bê, lúc ấy đã phồng lên thật lớn. Thánh John được chia cái đầu, Abessalom bộ óc, Aaron cái lưỡi, Sampson cái hàm, Thánh Peter cái tai, Holofernes cái đầu, Leah thịt mỡ, Saul cái cổ, Jonal cái bụng, Tobias lá lách, Eva cái sườn, bà Mary cái ức, Elijabeth hạ bộ, Moses cái đuôi, Lot được chân và tiên tri Ezekiel được xương. Trong khi đó, Chúa Ki-tô đang ngấu nghiến một con lừa, Thánh Francis một con sói, Abel một con cừu, Eva một con lợn, Người rửa tội con cào cào, vua Pharaoh một con bạch tuộc; vua David đang ăn một con cánh cam, nhào xuống một trinh nữ đen

nhưng đẹp, trong khi Sampson thì cắn một miếng thịt mỡ sư tử còn Thecla thét lên bỏ chạy vì bị một con nhện đen lông lá đuổi theo.

Rõ ràng mọi người giờ đã say mềm, vài người trượt rượu té, vài người ngã vào vại, chân thọc ra ngoài như hai cái cọc. Tất cả các ngón tay của Chúa Ki-tô đều tím đen khi Ngài đưa ra những trang sách và phán: Cầm vật này ăn đi, đây là những câu đố của Symphosius, kể cả câu đố về con cá của Chúa trời và Đáng Cứu Chuộc của các người.

Adam nằm dài nốc rượu và rượu từ be sườn nhả ra ngoài. Noah vừa ngủ vừa chửi Ham, Holofernes ngáy chằng nghi ngờ ai cả, Jonah ngủ ngon, Thánh Peter canh cho đến khi gà gáy. Chúa Ki-tô giật mình thức giấc khi nghe Bernard Gui và Bertrand del Poggetto âm mưu thiêu cô gái. Ngài hét lên: Cha ơi, nếu muốn thì hãy để ta chuyển cốc này! Rồi kẻ thì rót thật tẹt còn kẻ thì uống thật giỏi, người thì chết vì cười còn người thì cười đến chết, người thì cầm bình còn người thì uống chung cốc với kẻ khác. Susanna la lên rằng nàng chẳng bao giờ trao thân thể ngọc của mình cho quân hãm và Salvatore để đổi lấy một trái tim bò khôn khổ. Pilate lang thang khắp nhà ăn như một linh hồn lưu lạc đi xin nước để rửa tay, còn Fra Dolcino, đầu đội mũ gắn lông chim, mang nước đến, rồi khúc khích cởi áo ra và phơi bày hạ bộ máu đỏ lòm, trong khi đó Cain chửi bới ông và ôm lấy người đẹp Margaret xứ Trent: Dolcino bật khóc và tựa đầu vào vai Bernard Gui, gọi hắn là Giáo hoàng thiên thần, Ubertino dùng cây của cuộc sống an ủi ông, Michael xứ Cesena dùng cái túi vàng, những cô Mary vẩy thuốc lên người ông, và Adam thuyết phục ông cắn vào một quả táo vừa mới hái.

Rồi vòm của Đại dinh mở ra và từ trời xanh Roger Bacon hạ giáng trên một máy bay “chỉ có một người điều khiển”[5], vua David bèn chơi đàn lia, Salome đeo bảy lớp mạng nhảy múa, mỗi lần một lớp mạng rơi xuống, nàng lại thổi một trong bảy hồi kèn và phô bày một trong bảy điềm báo trước, cho đến khi chỉ còn lại một cô gái duy nhất. Ai cũng bảo chưa hề có một Tu

viện nào vui vẻ như thế này, đoạn Berengar kéo áo dòng của mọi người lên, đàn ông cũng như đàn bà, và hôn lên hậu môn của họ.

Rồi chính Tu viện trưởng nổi giận đùng đùng vì Cha bảo mình đã tổ chức một bữa tiệc vui vẻ như thế này mà chẳng ai cho Cha cái gì cả. Thế là mọi người tranh nhau đem tặng Cha quà cáp, báu vật, một bò đực, một cừu, một sư tử, một lạc đà, một nai đực, một bê, một ngựa cái, một cỗ xe ngựa mặt trời, cầm của Thánh Eubanus, đuôi của Thánh Ubentina, tử cung của Thánh Venantia, cổ của Thánh Burgosina, được chạm trổ như một cái cốc mười hai tuổi, và một bản sao quyền “*Ngũ giác đài của vua Solomon*”[6]. Nhưng Tu viện trưởng hét lên rằng họ đang cố đánh lạc hướng để Cha khỏi chú ý đến hành động của họ, nhưng thực ra họ đang ăn cướp của quý trong hầm kho tàng, nơi chúng tôi đang tụ họp, và một quyển sách quý nhất nói về bộ cặp và bảy hồi kèn bị trộm mất. Cha bèn gọi lính của vua Pháp lục soát mọi kẻ tình nghi. Mọi người xấu hổ thấy bọn lính tìm được một mảnh vải nhiều màu trên người Hagar, một con dấu bằng vàng trong người Rachael, một gương bạc trong ngực Thecla, một cái vôi dưới cánh tay Benjamin, một khăn phủ giường trong đồng quần áo của Judith, một cái thương trong tay Longinus và một bà vợ hàng xóm trong vòng tay Abimelech. Nhưng tồi tệ nhất là họ tìm thấy con gà trống đen trong cô gái đẹp và đen như một con mèo mun, rồi họ gọi nàng là phù thủy và Tông đồ giả danh. Thế là họ xông vào nàng để trừng trị. Người Rửa tội chém đầu nàng, Abel mổ bụng nàng, Adam lôi ruột ra, Nebuchadnezzar dùng bàn tay bốc lửa vẽ các dấu hiệu hoàng đạo lên ngực nàng, Eijiah chở nàng đi trên cỗ xe nóng đỏ, Noah ném nàng xuống nước, Ananias nhét nàng vào lò, Sampson xiềng nàng lại, Paul quát roi vào người nàng, Peter đóng nàng vào thập giá, đầu dốc ngược xuống, Stephen ném đá vào nàng, Laurence thiêu nàng, Bartholomew lột da nàng, Judas tố cáo nàng, quân hàm đốt nàng, và Thánh Peter phủ nhận mọi điều. Rồi hết thầy lao lên cái xác đó, ném phân vào nàng, đánh rắm vào mặt

nàng, tiểu lên đầu nàng, ói vào ngực nàng, dứt tóc, cầm đuốc đang cháy quất vào mông nàng. Thân thể cô gái xưa kia ngọt ngào đẹp đẽ bây giờ tan nát, bị xé thành từng mảnh vương vãi khắp các hộp kính, khắp những hộp vàng-và-pha-lê đựng thánh tích trong hầm. Nói đúng hơn, không phải xác cô gái đã làm đầy hầm này, mà chính các mảnh thịt trong nhà hầm quay vòng vòng đã dần dà tạo thành thân xác của cô gái, bây giờ chỉ còn là một chất đá khoáng, rồi nó sẽ bị tan rã vương vãi, bụi thiêng của những đoạn khúc do sự báng bổ điên cuồng tích tụ lại. Tựa như một thân thể bao la duy nhất, trong mười thế kỷ, đã rã thành từng phần, và những phần này đã được sắp xếp để làm đầy cả một hầm kho tàng này, tuy nó đẹp hơn lò thiêu xương của các tu sĩ quá cố, nhưng cũng giống vậy thôi. Tựa như chính xác thịt chắc nịch của thân thể con người, kiệt tác của tạo hóa, đã vỡ ra thành nhiều dạng riêng biệt, do đó nó trở thành hình ảnh của chính thực thể đối kháng của mình, một hình dạng không còn lý tưởng nữa mà rất trần tục, bằng cát bụi và những mảnh hôi tanh, chỉ có thể biểu trưng cho cái chết và sự hủy diệt...

Bây giờ tôi chẳng còn thấy những người dự tiệc hay quà tặng của họ đâu nữa, tựa như mọi khách khứa trong buổi dạ tiệc đều ở trong hầm, nhưng mỗi người đã khô đi thành bã, mỗi người là sự cải dung trong mờ của chính mình, Rachel là một khúc xương, Thánh Daniel là cái răng, Sampson là cái hàm, Chúa Ki-tô là một mảnh vải màu tím. Tựa như đến khi gần tàn, bữa tiệc đã hóa thành vụ xử giáo cô gái, và biến hành vụ xử giáo chung khắp, và tôi đang ở đây chứng kiến hậu quả sau cùng của nó, mọi thi thể chuyển hóa thành một thi thể duy nhất, bị tan nát và đầy đọa như thân thể Dolcino sau khi chịu tra tấn, chuyển hóa thành một kho tàng ghê tởm, và lộng lẫy trải rộng hết mức như con vật bị lột da treo cổ, tuy nhiên vẫn còn giữ được những đường gân, lòng ruột, tất cả các bộ phận khác, ngay cả nét mặt nữa, dù chúng đã bị tê liệt rồi... Từ mọi xó xỉnh trong hầm kho tàng, các đại thi

thể được chia ra nằm trong những hộp bằng kính và những hộp đựng thánh tích mà vẫn được tái tạo thành một khối menh mông dị thường, đang che giấu tôi, thậm chí với tôi và bảo tôi phải chết! Nó vẫn là cái thân thể tại bữa dạ tiệc đã ngồi ăn uống và nhào lộn một cách dung tục, nhưng ở đây, tôi thấy nó gắn chặt vào những mảnh vụn vô tri vô giác không nắm bắt được. Ubertino siết cánh tay tôi, bấu móng tay vào thịt tôi và thì thầm: “Con thấy không, cái mà ban đầu vênh váo tự đắc và hí hửng cười cợt, cũng chính là cái mà bây giờ tại đây đang bị trừng phạt và tưởng thưởng, nó được giải thoát khỏi sự cám dỗ của đam mê và khổ hạnh hóa vĩnh cửu. Nó bị giam giữ trong con băng giá triền miên để bảo vệ và tự thanh lọc, nhờ chiến thắng sa đọa để tự cứu khỏi sự tha hóa, vì không có một điều gì khác có thể biến cái đã là cát bụi có thể trở về với cát bụi. Cái chết là sự yên nghỉ của người lữ hành, là chấm dứt mọi công việc[7]”.

Đột nhiên Salvatore bước vào hầm kho tàng, sáng lên như một con quỷ và la lên: “Đồ ngốc! Người không thấy đây là Lyotard vĩ đại à? Cậu bé ơi, người sợ gì chứ? Phô-mai nhồi đây!” Rồi thành linh hầm kho tàng sáng lên những tia lửa đỏ rực và nó lại biến thành nhà bếp, nhưng nó giống phần trong của một cái tử cung máu mủ sền sệt hơn là một nhà bếp. Ở chính giữa là một con thú đen như quạ có hàng ngàn cánh tay, bị xiềng vào một củi lớn, nhưng nó giang tay để vỗ bất kỳ ai gần đó. Như một nông dân khát nước vắt chum nhỏ, con khổng thú dùng (dùng?) tay vắt nát những người nó tóm được, rồi nó ngấu nghiến chân của người này, đầu của người kia, ợ ra một ngọn lửa thối hơn lưu huỳnh. Nhưng kỳ lạ thay, cảnh tượng ấy không khiến tôi sợ, và tôi ngạc nhiên thấy mình có thể dễ dàng ngắm nghía con “thiện quỷ” đó, mà chung qui không ai khác hơn là Salvatore, vì giờ tôi đã biết tất cả về thân xác trần tục của con người, cùng sự đau khổ và sự tha hóa của nó, nên tôi không sợ gì nữa. Thực ra dưới ánh sáng của ngọn lửa ấy, nay như đã dịu dịu và vui tươi, tôi thấy lại tất cả những thực khách đã trở về

nguyên trạng, họ đang ca hát, và nói mọi việc đang bắt đầu lại, trong số đó có người trinh nữ ấy, xinh đẹp và toàn vẹn, nàng nói với tôi: “Không sao cả, không sao cả, rồi anh sẽ thấy. Em sẽ còn đẹp hơn trước đây nữa, cho em đi một lát để thiêu trên giàn hỏa, rồi hai ta sẽ hội ngộ ở đây!” Lạy Chúa tha tội, rồi nàng phơi bày chỗ kín cho tôi tiến vào, tôi thấy mình lọt vào một hang động xinh đẹp như thung lũng hạnh phúc của thời vàng son, đầm sương, sai quả và xum xuê những cây đầy phô-mai nhồi. Mọi người thấy đều cảm ơn Tu viện trưởng đã đãi một bữa tiệc vui vẻ, và họ tỏ thiện cảm bằng cách xô đẩy Cha, đá đít Cha, xé quần xé áo, đè xuống đất, quất roi vào hạ bộ, còn Cha thì cười và van xin họ đừng thọc lét Cha nữa. Rồi các thầy dòng Anh em Nghèo khó đi vào trên những con ngựa mũi phì khói lưu huỳnh, lưng họ giắt những bọc đầy vàng mà họ dùng để biến chó sói thành cừu non và ngược lại, họ phong chúng làm Hoàng đế với sự công nhận của đông đảo nhân dân đang ca ngợi sự toàn năng vô biên của Chúa. Chúa Ki-tô vung vòng gai của Ngài, hét lên: “Muốn khỏi cười phải bóp miệng lại!” Giáo hoàng John bước vào, nguyên rửa cảnh hỗn độn: “Đến độ này, ta không biết nó sẽ chấm dứt ở đâu!” Nhưng mọi người chế giễu John và theo Tu viện trưởng đi ra cùng với heo vào rừng hái nấm trúp. Tôi toan theo họ thì thấy thầy William từ trong góc bước ra khỏi Mê cung, tay cầm một cục nam châm đang kéo thầy thật nhanh về hướng Bắc. Tôi la lớn “Đừng bỏ con thầy ơi! Con cũng muốn xem trong “finis Africae” có gì!”

“Con đã thấy nó rồi!” – Thầy đáp, bảy giờ đã ở thật xa.

Khi tôi thức giấc thì những lời cuối cùng của bài ca tang lễ đang chấm dứt trong giáo đường:

Ngày ấy đầy nước mắt

Kẻ bất chính từ tro sống dậy

Xin Chúa hãy tha thứ cho hắn

Vì ơn đức Chúa Ki-tô

Xin Chúa hãy ban cho hẳn

Sự an nghỉ vĩnh viễn[8]

Một dấu hiệu cho thấy ảo giác của tôi cũng nhanh như mọi ảo giác khác, nếu nó không bằng một khoảnh khắc của tiếng “amen” như tục ngữ nói, thì nó đã kéo dài gần hết bài kinh “Dies irae”

Chú thích:

[1] *Bài ca bằng tiếng La Tinh về Ngày phán xét, bây giờ thường được hát như kinh cầu hồn.*

[2] *Age primum et septimum de quatuor*

[3] *In finibus Africae, amen*

[4] *Sederunt*

[5] *unico homine regente*

[6] *Pentagonum Salomonis*

[7] *Mors est quies viatoris, finis et omnis laboris*

[8] *Lacrimosa dies illa*

Qua resurget ex favilla

iudicandus homo reus:

huic ergo parce, deus.

Pie Iesu domine

dona eis requiem

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

SAU KINH XẾ SÁNG

William giải thích giấc mơ của Adso

Tôi bàng hoàng đi qua cổng chính và thấy một đám đông ở đây. Các Sư Huynh dòng Francisco sắp ra đi, và thầy William đã xuống chia tay họ.

Tôi cũng đến tạm biệt họ. Đoạn tôi hỏi thầy khi nào những người kia cùng với các phạm nhân sẽ lên đường. Thầy bảo họ đã đi cách đây nửa tiếng, khi chúng tôi đang ở trong hầm kho tàng, hay có lẽ khi tôi đang mơ.

Tôi hoảng hốt một lúc, rồi bình tâm lại. Thế tốt hơn. Tôi không chỉ chịu đựng nỗi cảnh tượng những người phạm tội bị lôi đi xa và mãi mãi, tôi muốn nói đến tên quản hầm và Salvatore xấu xa... Và dĩ nhiên, tôi cũng muốn ám chỉ cô gái. Hơn nữa, giấc mơ đã làm tôi hoảng loạn nên cảm xúc như bị tê dại đi.

Khi đoàn lữ hành của các tu sĩ Khất thực đi ra cổng để rời tu viện, thầy trò tôi đứng trước cửa nhà thờ, lòng buồn rười rượi vì nhiều lý do khác nhau. Tôi quyết kể thầy nghe giấc mơ vừa qua. Mặc dù hư ảnh đó lộn xộn và nhiều màu nhiều vẻ, nhưng lạ lùng thay, tôi nhớ rất rõ từng hình ảnh, từng hành động, từng lời nói trong giấc mơ đó. Tôi kể hết không sót một chi tiết, vì tôi biết giấc mơ thường là những thông điệp huyền nhiệm, từ đó người ta có thể đọc được những lời tiên tri rõ ràng.

Thầy William lặng lẽ nghe tôi, rồi hỏi:

- Con có biết con đã mơ thấy gì không?

Tôi hoang mang đáp:

- Đúng như con đã kể...

- Đương nhiên, thầy hiểu. Nhưng con có biết phần lớn điều con kể đã được viết ra không? Con đã thêm những con người và sự kiện trong những ngày qua vào bức tranh quen thuộc với con, vì con đã đọc câu chuyện trong giấc mơ ở đâu đó, hay con được nghe kể trong trường, trong chủng viện khi còn nhỏ. Đó là “*Bữa tiệc của Cyprian*”[1].

Tôi ngỡ ngàng trong giây lát rồi chợt nhớ ra. Thầy nói đúng! Có lẽ tôi đã quên tựa câu chuyện, nhưng có tu sĩ chứng chạc hay tu sinh ngang ngạnh nào lại không cười vì những hư ảnh khác nhau trong câu chuyện bằng văn xuôi hay văn vần này. Mặc dù các thầy tu nghiêm khắc ghét cay ghét đắng và cấm đọc tác phẩm này, không có một chủng viện nào mà tu sĩ không thăm thì kể chuyện đó cho nhau nghe, nó đã được rút gọn và viết lại theo nhiều kiểu khác nhau, vài người còn thành kính sao chép lại, bảo rằng đằng sau tấm mạng khôi hài đó của câu chuyện có ẩn giấu những bài học luân lý bí mật, những người khác thì khuyến khích lưu hành nó vì cho rằng qua những hình ảnh giễu cợt trong đó, các tu sinh trẻ có thể dễ nhớ những đoạn thánh sử hơn. Một đoạn thơ đã được viết cho Giáo Hoàng John VIII, với lời đề tặng: “Tôi thích bông đùa, thưa Giáo hoàng John, hãy chấp nhận tôi trong lời bông đùa này. Và nếu Ngài muốn, Ngài cũng có thể cười”. Người ta còn nói Vua Charles Sói đầu [2] đã chuyển thể nó thành kịch dưới dạng một huyền thoại hài hước bằng văn vần để giải trí cho các vị chức sắc trong nhà thờ tới dự tiệc.

Các thầy tôi đã chửi mắng vô kể, khi tôi cùng các bạn đồng môn đọc các đoạn trong truyện đó! Tôi nhớ có một thầy tu già ở Melk thường bảo một người đạo đức như Thánh Cyprian không thể viết một câu chuyện thô tục, phạm thần phạm thánh, nhại lại Thánh kinh như thế, đó là chuyện của một tên vô thần hay một thằng hề chớ đâu phải chuyện của Thánh viết... Tôi đã quên mất những chuyện đùa trẻ thơ đó bao nhiêu năm nay rồi. Tại sao hôm nay “*Bữa tiệc*” lại hiện lên trong giấc mơ của tôi rõ ràng đến thế? Trước đây

tôi luôn luôn nghĩ rằng giấc mơ là những thông điệp thiêng liêng, hay tệ hơn nữa cũng là những điều vớ vẩn lặp lại từ tiềm thức, khi ta ngủ, về các sự kiện đã xảy ra trong ngày. Bây giờ tôi mới biết người ta cũng có thể mơ thấy sách vở, và do đó, mơ thấy những giấc mơ.

Thầy William bảo: - Giá thầy là Artemidorus để giảng giải thật đúng giấc mơ của con. Nhưng thầy nghĩ: dù không có tài học của Artemidorus đi nữa thì cũng rất dễ hiểu những điều đã xảy ra. Cậu nhỏ ạ, trong những ngày vừa qua, con đã chứng kiến một loạt biến cố, trong đó mọi quy luật chính trực dường như đã bị tiêu diệt. Sáng nay, khi con ngủ, trong tâm trí con đã tái hiện ký ức về một loại hài kịch, trong đó miêu tả một thế giới lộn ngược. Con đã ghép thêm vào đó các hồi ức, nỗi ưu phiền, sợ hãi gần đây nhất của con. Từ những hình vẽ minh họa bên lề của Adelmo, con cho sống lại một cuộc hội hè mà trong đó mọi thứ dường như đều quay ngược hướng, thế nhưng, như trong câu chuyện “*Bữa tiệc*” mỗi người lại làm chính cái hành động của mình trong đời thực. Cuối cùng, trong giấc mơ con tự hỏi thế giới nào là giả, thế giới nào là thực, và đi cắm đầu xuống đất có nghĩa là gì. Giấc mơ của con không còn phân biệt được đâu là trời đâu là đất, đâu là sống, đâu là chết nữa. Giấc mơ của con gieo ngờ vực vào những lời giáo huấn đã ban cho con.

Tôi kính cẩn nói:

- Giấc mơ con, chớ không phải là con. Vậy thì giấc mơ không phải là thông điệp thiêng liêng, đó là sự mê sảng quái quái, và không chứa đựng một sự thật nào!

- Adso, thầy cũng chẳng biết. Chúng ta đã có quá nhiều sự thật, đến nỗi nếu một ngày nào đó có ai đòi rút tĩa ra một sự thật, ngay từ giấc mơ của chúng ta, thì đó sẽ là ngày tên phản Chúa đã thực sự sẵn sàng. Thế nhưng càng nghĩ đến giấc mơ của con, thầy lại càng thấy trong đó lộ ra nhiều điều hơn. Có lẽ không phải cho con mà cho thầy. Đừng phiền lòng nếu thầy dùng giấc

mơ của con để lập nên những giả thuyết. Thầy biết đó là một hành động thấp hèn, không nên làm... Nhưng thầy tin linh hồn của con trong giấc ngủ hiểu nhiều điều hơn thầy trong sáu ngày tỉnh táo...

- Thật hả thầy?

- Thật. Và có thể không. Thầy thấy giấc mơ của con lộ ra điều trùng hợp với một trong các giả thuyết của thầy. Con đã giúp thầy nhiều lắm. Cảm ơn con.

- Nhưng có gì trong giấc mơ của con khiến thầy quan tâm đến thế. Nó cũng vô nghĩa như mọi giấc mơ khác!

- Như mọi giấc mơ và hư ảnh, nó có một ý nghĩa khác. Phải hiểu nó như một phép ẩn dụ, hay một phép loại suy...

- Như Thánh Kinh à?

- Giấc mơ là một đoạn trong thánh kinh, và nhiều đoạn kinh chẳng là gì cả mà chỉ là những giấc mơ.

Chú thích:

[1] *Coena Cypriani*.

Cyprian: Thánh tử đạo, giám mục thành Carthage (Hy Lạp)

[2] *Chỉ Vua Charles II (875-877 sau Công Nguyên) Vua của Thánh đế La Mã.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH TRƯA

*Tái lập thứ tự kế vị
của các quản thư viện,
nắm thêm dữ kiện về
quyển sách bí ẩn*

Thầy William quyết định lên lại phòng Thư tịch, nơi thầy vừa rời gót. Thầy xin phép Benno tra cứu thư mục, và giờ xem thật nhanh. Thầy nói:

- Nó chắc đâu đây thôi. Thầy mới thấy nó cách đây một giờ.

Thầy dừng lại một trang và bảo: - Đây, hãy đọc đầu đề này.

Trong một đề mục, có một nhóm bốn tựa sách, cho thấy quyển sách chứa nhiều bản văn. Tôi đọc thấy:

I. ar. Về lời nói của một kẻ ngốc

II. syr. Quyển sách nhỏ về thuật giả kim Ai Cập

III. Cuộc triển lãm của thầy Alcofribae về bữa tiệc của Cyprian, giám mục thành Carthage.

IV. Quyển sách thiếu đoạn đầu nói về nỗi đọa đầy của các nàng trinh nữ và tình yêu của những cô gái điếm[1].

- Gì thế thầy?

Thầy thì thầm bảo:

- Sách chúng ta tìm đây. Đó là lý do tại sao giấc mơ của con đã gọi cho thầy nhớ đến một điều gì. Bây giờ thầy đã biết điều đó.

Thầy liếc nhanh các trang trước và sau:

- Thật ra, đây là tất cả các sách thầy nghĩ đến. Nhưng đây không phải là

điều thầy muốn kiểm tra lại. Xem này. Con có bảng viết không? Giới. Chúng ta phải tính toán và cố nhớ thật rõ điều Alinardo đã bảo chúng ta hôm trước, cũng như những gì ta biết được từ Nicholas sáng nay. Này nhé, Nicholas bảo Huynh ấy đến đây ba mươi năm trước, lúc ấy Cha bề trên đã được bổ nhiệm làm Tu viện trưởng. Tu viện trưởng trước Cha là Paul xứ Rimini. Đúng không? Cứ cho sự kế vị này xảy ra khoảng năm 1290, trước hay sau không thành vấn đề. Nicholas cũng bảo, khi Huynh đến thì Robert xứ Bobbio đã là quản thư viện. Đúng chưa? Rồi Robert chết, chức vụ này được trao cho Malachi, cứ cho là vào đầu thế kỷ này. Ghi vào. Tuy nhiên, trước khi Nicholas đến, có một giai đoạn Paul là quản thư viện. Người ấy giữ chức vụ đó trong bao lâu? Không ai nói. Chúng ta có thể xem sổ sách tu viện, thầy nghĩ rằng Tu viện trưởng hiện cất giữ chúng, nhưng lúc này thầy không muốn hỏi Cha các sổ đó. Giả sử Paul được bổ làm quản thư viện cách đây sáu mươi năm. Viết vào. Tại sao Alinardo lại than phiền rằng năm mươi năm trước đây, chức quản thư viện lẽ ra đã được trao cho Huynh ấy mà lại trao cho người khác? Phải chăng Huynh ám chỉ Paul xứ Rimini?

- Hay Robert xứ Bobbio!

- Có lẽ vậy. Nhưng hãy nhìn thư mục này. Như con biết, các đề mục được ghi theo thứ tự thời gian nhận sách vào. Và ai ghi tên tựa sách vào sổ? Quản thư viện. Do đó, dựa theo sự thay đổi tuồng chữ trong những trang này, chúng ta có thể xác lập được thứ tự kế vị của các quản thư viện. Bây giờ, chúng ta xem thư mục ngược từ dưới lên, tuồng chữ cuối cùng là của Malachi, con thấy đấy. Và chỉ chiếm có vài trang thôi. Rồi chúng ta giờ ngược về sau thì thấy một loạt trang viết bằng một tuồng chữ run rẩy. Thầy có thể nhận rõ sự hiện diện của Robert bệnh hoạn. Có lẽ Robert không giữ chức quản thư viện lâu. Rồi chúng ta thấy gì nữa? Hết trang này sang trang khác, viết bằng một tuồng chữ thẳng và tự tin, toàn bộ sổ sách nhận được kể cả nhóm sách mà thầy vừa xem xét mới đây, quả thực đáng kể. Paul xứ

Rimini hẳn đã làm việc tích cực lắm! Quá tích cực nữa, nếu con nhớ rằng người ấy trở thành Tu viện trưởng khi còn rất trẻ. Nhưng hãy cho rằng trong vài năm, độc giả một sách này đã làm giàu cho thư viện thêm vô số sách. Chẳng phải Nicholas kể rằng, người ấy được mệnh danh là “Abbas agraphicus” (2) vì cái tật, hay cơn bệnh lạ lùng đã làm người mất khả năng viết. Vậy thì ai đã viết những trang này? Có lẽ là phụ tá của ông. Nhưng nếu có cơ may người phụ tá này được bổ làm quản thư, ông ta sẽ tiếp tục viết và chúng ta hiểu được tại sao có nhiều trang cùng một tuồng chữ ở đây như vậy. Thế thì, giữa nhiệm kỳ của Paul và Robert có một quản thư viện khác, được chọn cách đây năm mươi năm, đó là đối thủ bí ẩn của Alinardo, lão Huynh ấy đã hy vọng được kế tục Paul vì lớn tuổi hơn. Rồi người ấy chết, và không biết thế nào đó mà Robert được bổ nhiệm thay người này, trái với kỳ vọng của Alinardo và những người khác.

- Nhưng sao thầy biết chắc khoảng thời gian đó là đúng? Ngay cả việc cho rằng tuồng chữ này là tuồng chữ của người quản thư vô danh, thì tại sao Paul lại không thể viết các đầu đề trong những trang trước nữa?

- Vì trong số những tựa nhận được, họ có ghi lại tất cả các nghị định và sắc chỉ, và các sắc nghị này đều có ghi ngày tháng chính xác. Nếu con tra thấy ở đây có “*Sự cảnh giác nghiêm ngặt*” (3) của Giáo hoàng Boniface VII ban hành năm 1296, thì con biết rằng sắc chỉ này không đến Thư viện trước năm đó, và cũng không đến sau năm đó nhiều. Như thế là, ta đã có những cột mốc thời gian, do đó thầy cho rằng Paul xứ Rimini lên nhận chức quản thư viện năm 1265 và lên Tu viện trưởng năm 1275, và tuồng chữ của Paul, hay của một người khác không phải là Robert, kéo dài từ năm 1265 đến 1285, như vậy thầy phát hiện có một khoảng cách biệt là mười năm.

Thầy tôi quả thực sắc sảo. Tôi hỏi: - Thế thầy rút ra được từ khoảng cách biệt thời gian này những kết luận gì?

- Không có kết luận nào cả. Chỉ được vài tiền đề.

Rồi thầy đứng lên, đến nói chuyện với Benno. Huynh vẫn bám vị trí, nhưng lộ vẻ rất lúng túng. Huynh vẫn ngồi sau bàn của mình, chưa dám chuyển sang ngồi ở bàn của Malachi bên cạnh thư mục. Thầy William nói chuyện với Benno có vẻ hơi lạnh lùng. Chúng tôi chưa quên được buổi gặp gỡ khó chịu đêm hôm trước.

- Sư huynh quản thư viện, mặc dù Huynh vừa nhận một chức vụ quan trọng, tôi mong Huynh sẽ trả lời câu hỏi sau: Vào buổi sáng khi Adelmo và vài người khác tại đây bàn luận về các câu đố dí dỏm, rồi Berengar lần đầu tiên, nói đến “*finis Africae*”, có ai đề cập đến “*Bữa tiệc của Cyprian*” không?

Benno đáp: - Có, tôi đã chẳng nói với Huynh rồi ư? Trước khi họ bàn về các câu đố của Symphosius, chính Venantius đã nhắc đến “*Bữa tiệc*”, rồi Malachi nổi giận, bảo đó là một tác phẩm hạ cấp và Tu viện trưởng đã cấm không ai được đọc nó...

- Tu viện trưởng à? Hay lắm. Cảm ơn Benno.

- Khoan đã. Tôi muốn nói chuyện với Huynh. – Benno ra dấu bảo chúng tôi theo ra khỏi phòng thư tịch, đến cầu thang dẫn xuống nhà bếp, để không ai nghe thấy lời mình nói. Mời Benno run bần bật. Huynh nói:

- Sư huynh William, tôi sợ quá. Họ đã giết Malachi. Bây giờ tôi là người duy nhất biết quá nhiều. Hơn nữa, nhóm tu sĩ Ý ghét tôi lắm... Họ không muốn có thêm một quản thư viện nước ngoài nữa... Tôi tin những người kia bị giết cũng chính vì nguyên do này... Tôi chưa bao giờ kể Huynh nghe việc Alinardo ghét cay ghét đắng Malachi.

- Ai là người đã tước mất chức quản thư của lão huynh ấy nhiều năm trước đây?

- Tôi không biết: Huynh ấy nói về chuyện ấy rất lơ mờ, và dấu sao chuyện đó cũng xa xưa quá. Họ chắc chết hết rồi. Nhưng nhóm tu sĩ Ý quanh Alinardo trước đây thường nói... Malachi là một hình nộm do một người khác đặt vào vị trí này, với sự đồng lõa của Tu viện trưởng... Không nhận

thức được điều này, tôi... tôi vô tình đã can dự vào cuộc mâu thuẫn giữa hai phe thù nghịch... Sáng nay, tôi mới nhận ra điều này... Nước Ý là một nước đầy rẫy âm mưu: ở đây họ thuốc cả các Giáo hoàng, thế nên hãy tưởng tượng một thanh niên khốn khổ như tôi đây... Hôm qua tôi chưa hiểu, tôi nghĩ quyển sách đó là nguồn gốc của mọi việc, nhưng bây giờ tôi không dám chắc thế nữa. Đó chỉ là một cái cớ thôi: Huynh thấy đấy, quyển sách đã tìm lại được mà Malachi vẫn cứ chết... Tôi phải... Tôi muốn. Tôi muốn chạy trốn. Huynh khuyên tôi nên làm gì đây?

- Hãy bình tĩnh. Bây giờ Huynh cần lời khuyên phải không? Tôi hôm qua, Huynh có vẻ như mình là chúa tể thế giới. Chàng trai ngu ngốc ạ, nếu hôm qua Huynh giúp tôi thì chúng ta đã ngăn được án mạng cuối cùng này. Chính Huynh là người đã đưa cho Malachi quyển sách, khiến Huynh ấy phải chết. Nhưng tôi thiếu, hãy cho tôi biết một điều: Huynh có cầm quyển sách ấy trong tay không, Huynh có sờ vào nó, đọc nó không? Thế sao Huynh không chết?

- Tôi không biết. Tôi thề rằng tôi chưa chạm vào nó, hay nói cho đúng ra, tôi có sờ vào nó khi lấy nó ra từ phòng thí nghiệm, nhưng không mở nó ra. Tôi giấu nó dưới áo dòng, rồi đem bỏ nó dưới giường trong phòng tôi. Tôi biết Malachi đang theo dõi tôi nên lên phòng thư tịch ngay. Sau đó, khi Malachi đề nghị tôi làm phụ tá cho Huynh, tôi bèn giao quyển sách ấy lại. Toàn bộ câu chuyện là thế.

- Đừng có giấu tôi là Huynh có mở sách ra.

- Có, trước khi giấu, tôi có mở sách ra, để biết chắc đó là quyển sách Huynh đang tìm kiếm. Sách bắt đầu bằng một bản viết tiếng Ả Rập, rồi đến một bản – tôi nghĩ bằng tiếng Xy-ri cổ, rồi tới một bản tiếng La-tinh, và cuối cùng là một bản tiếng Hy Lạp...

Tôi nhớ lại những từ viết tắt chúng tôi đã thấy trong thư mục. Hai tựa đầu được ghi bằng “Ar.” và “Syr.”. Đúng là *quyển sách ấy* rồi! Thầy William

vẫn ráo riết hỏi:

- Huynh chạm vào nó mà không chết. Thế có nghĩa là không phải chạm vào sách là chết người. Huynh có thể nói gì thêm về bản tiếng Hy Lạp không? Huynh có đọc qua không?

- Đọc sơ sài thôi. Chỉ đủ để biết nó không có tựa, nó bắt đầu như thể đã thiếu một phần...

- Liber acephalus. Quyển sách thiếu đoạn đầu... Thầy William làm thảm.

- Tôi cố đọc trang đầu, nhưng sự thật thì vốn Hy Lạp của tôi rất nghèo. Nhưng tôi rất tò mò về một chi tiết khác, cũng liên quan đến những trang viết bằng tiếng Hy Lạp ấy. Tôi không thể giờ xem tất cả các trang ấy được, vì chúng – biết giải thích sao nhỉ? – âm ỉm, dính chặt vào nhau. Rất khó tách một trang này ra khỏi trang kia. Vì loại giấy da đỏ rất kỳ... mềm hơn các loại giấy khác, trang đầu bị hư nhũn, gần như nhũn nhúm hết. Nó, nó... Lạ lùng lắm!

- “Lạ lùng”: chính là cái từ Severinus đã dùng, - thầy William nói.

- Loại giấy da đỏ không giống giấy da lắm... Nó như một loại hàng lụa, nhưng rất mịn – Benno tiếp

- Charta linte, hay giấy lụa dầy. Huynh chưa bao giờ thấy nó à?

- Tôi có nghe nói đến, nhưng chưa bao giờ trông thấy cả. Người ta bảo nó rất dầy và mỏng manh lắm, thế nên rất hiếm khi được sử dụng. Người Ả-rập làm ra loại giấy ấy phải không?

- Họ là người đầu tiên sản xuất nó. Nhưng nó cũng được sản xuất ở Ý và Fabriano. Và cũng... Trời đất, đương nhiên rồi! – Mắt thầy William sáng lên. - Thật là một tiết lộ tuyệt hay, tuyệt đẹp! Tốt cho Huynh rồi, Benno! Cảm ơn Huynh! Phải, tôi nghĩ tại thư viện đây, loại giấy charta linte phải hiếm hoi, vì không có một bản viết cận đại nào được nhập vào cả. Ngoài ra, nhiều người sợ loại giấy lụa này không chịu nổi qua nhiều thế kỷ như loại giấy da, và có lẽ đúng thế. Hãy tưởng tượng xem, nếu ở đây họ cần một loại

gì đó không trường cửu như than... thì sẽ là giấy lụa chẳng? Hay lắm. Tạm biệt. Và đừng lo sợ nữa. Huynh không bị nguy hiểm đâu.

Chúng tôi rời phòng thư tịch, Benno ở lại, tuy chưa hoàn toàn an tâm, nhưng đã bình tĩnh hơn.

Tu viện trưởng đang ở nhà ăn. Thầy William đến xin thưa chuyện với Cha. Không tìm cách trì hoãn được, Cha Bê trên đành đồng ý tiếp chúng tôi một lát, tại nhà của mình.

Chú thích:

[1] *I. ar. de dictis cuiusdam stulti*

II. syr. libellus alchemicus aegypt

III. Expositio Magistri Alcofribae de coena beati Cypriani Cartaginensis Episcopi

IV. Liber acephalus de stupris virginum et meretricum amoribus

[2] *Tu viện trưởng mất khả năng viết*

[3] *Firma Cautela*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

KINH XẾ TRƯA

*Tu viện trưởng không nghe William,
Cha thuyết giảng về ngôn ngữ của đá quý,
và tỏ ý không muốn tiếp tục
cuộc điều tra về các sự kiện đau buồn
vừa xảy ra thêm nữa.*

Các gian nhà của Tu viện trưởng ở trên lầu nhà nguyện, và từ cửa sổ của một phòng khách xa họa rộng mênh mông, nơi Cha tiếp chúng tôi nhìn ra, người ta có thể nhìn thấy tòa Đại Dinh đồ sộ bên ngoài vòm mái của giáo đường, dưới bầu trời trong sáng và lộng gió.

Tu viện trưởng đang đứng bên cửa sổ quan sát nó và trịnh trọng chỉ cho chúng tôi xem. Cha bảo:

- Nó là một thành trì đáng khâm phục, cách kiến trúc cân đối của nó tổng hợp các qui tắc vàng chi phối cấu trúc của một cái hộp. Nó được chia làm ba tầng, vì số ba là số của Chúa Ba Ngôi, số ba là số các thiên thần đến thăm Abraham. Có ba đức tính thần học, ba ngôn ngữ thiêng liêng, ba phần hồn, ba loại âm thanh, ba thời đại trong lịch sử loài người: trước, trong và sau Mười điều răn.

Thầy Willam đồng ý:

- Đó là sự hòa hợp tuyệt diệu của các liên hệ huyền nhiệm.

Tu viện trưởng tiếp:

- Những hình vuông cũng chứa đựng các bài học tinh thần. Có bốn phương trời, bốn mùa, bốn hiện tượng khí tượng: nóng, lạnh, khô, ẩm; bốn giai đoạn

đời người: sinh ra, lớn lên, trưởng thành và tuổi già; bốn loại sinh vật: thiên, địa, không, thủy, và bốn màu cầu vồng, và bốn năm cần để thành một năm nhuận.

Thầy William nói:

- Ô, chắc thế rồi, và ba cộng bốn là bảy, con số huyền nhiệm nhất; trong khi đó ba nhân bốn là mười hai, con số Thánh Tông đồ, và mười hai nhân mười hai là một trăm bốn mươi bốn, là số những người được Chúa chọn lên thiên đường.

Tu viện trưởng không nói thêm gì được nữa sau màn biểu diễn kiến thức về thế giới lý tưởng của các con số nữa. Thế là thầy William vào thẳng vấn đề.

Thầy bảo:

- Chúng ta phải bàn về các biến cố vừa xảy ra mà con đã suy nghĩ kỹ.

Tu viện trưởng xoay lưng về hướng cửa sổ và nghiêm khắc nhìn ngay mặt thầy William.

- Có lẽ quá kỹ nữa. Sư huynh William, thú thật là Cha đã trông đợi ở con nhiều hơn thế. Con đến đây gần sáu ngày rồi, ngoài Adelmo, đã có thêm bốn tu sĩ bị chết, hai người bị Tòa án dị giáo bắt – hẳn nhiên là do công lý thôi, nhưng chúng ta có thể tránh được nỗi nhục này nếu phán quan chẳng buộc phải can thiệp vào các án mạng trước – và cuối cùng, cuộc họp mà Cha chủ trì đã kết thúc thảm thương... chính vì tất cả những điều ác độc đó.

Thầy William bối rối im lặng. Tu viện trưởng đứng mười mười rồi. Thầy công nhận:

- Đúng thế. Thừa Đức Cha, con đã không đáp ứng được lòng trông đợi của Cha, nhưng con xin giải thích tại sao. Các án mạng này không bắt nguồn từ một vụ cãi vã hay một mối nợ máu giữa các tu sĩ, mà từ những hành động phát xuất từ lịch sử xa xưa của tu viện.

Tu viện trưởng khó chịu nhìn thầy: - Con muốn nói gì? Chính Cha đã nhận thấy chìa khóa của vấn đề không phải là sự việc tồi tệ của quản hàm, vốn đã

giao cắt với một câu chuyện khác. Nhưng câu chuyện kia, một câu chuyện mà Cha có thể biết, nhưng không thể bàn bạc... Cha mong nó đã minh bạch và con sẽ kể cho Cha nghe về nó...

- Đức Cha đang nghĩ đến một hành động nào đó mà Cha đã biết được, nhờ xung tội... - Tu viện trưởng lắng đi, và thầy William tiếp: - Nếu Đức Cha muốn biết xem con có nắm được, mà không cần Cha cho hay, rằng có những quan hệ bất hợp pháp giữa Berengar và Adelmo, giữa Berengar và Malachi, thì phải, ai trong tu viện cũng đều biết điều này...

Tu viện trưởng mặt đỏ gay.

- Cha nghĩ không nên nói những việc như thế trước mặt tu sinh này. Cha nghĩ bây giờ cuộc họp đã xong rồi, con không cần đến cậu ta làm thư ký ghi chép làm chi nữa. Đi đi, cậu bé – Viện trưởng ra lệnh. Tôi xấu hổ lui ra. Nhưng vì tò mò, tôi để hé cửa hành lang, và bò sát bên ngoài để nghe lỏm câu chuyện.

Thầy William lại tiếp:

- Tuy nhiên, các mối quan hệ bất hợp pháp này, cho dù chúng có xảy ra đi nữa, thì chỉ có ảnh hưởng rất ít đến các biến cố đau thương này. Then chốt của vấn đề nằm ở một nơi khác, con nghĩ rằng Cha đã hình dung được. Tất cả xoay quanh việc ăn cắp và sở hữu một quyển sách đã cắt dấu trong “finis Africae”, và bây giờ nhờ sự can thiệp của Malachi, đã hoàn về vị trí cũ, mặc dù, như Cha đã thấy, chúng ta không nắm được sự nối tiếp của các án mạng. Im lặng một hồi lâu, rồi Tu viện trưởng cất tiếng, giọng ngập ngừng, nghẹn ngào, như một người bị choáng váng bởi những tiết lộ bất ngờ.

- Điều này không thể xảy ra... con... Làm sao con biết về “finis Africae”? Con đã vi phạm luật cấm của ta và xâm nhập Thư viện à?

Đáng lẽ thầy William phải thừa thật, nhưng như thế Tu viện trưởng sẽ nổi giận không lường được. Thế nhưng thầy tôi rõ ràng cũng không muốn nói dối. Thầy chọn cách trả lời câu hỏi đó bằng cách đưa ra một câu hỏi khác: -

Thoạt đầu tiên gặp gỡ, chẳng phải Đức Cha đã bảo con rằng, một người đã miêu tả chú ngựa Brunellus thật chính xác mà không hề nhìn thấy nó như con, sẽ dễ dàng hình dung những nơi chốn mà người ấy không được vào sao?

- Đúng vậy. Nhưng sao con lại nghĩ như ban nãy?

- Làm thế nào con đi đến kết luận của mình là một câu chuyện dài. Nhưng người ta đã gây ra một loạt án mạng để ngăn cản không cho nhiều người phát hiện một điều mà người ta không muốn họ phát hiện. Bây giờ, tất cả những ai biết chi đó về các bí mật của thư viện, bằng những cách chính đáng hay mưu mô đi nữa, đều đã chết! Chỉ còn mỗi một người: đó là Cha.

- Bộ con muốn ám chỉ... con muốn ám chỉ...

- Xin chớ hiểu lầm con, - thầy William nói, có lẽ thầy cũng thật định bụng bóng gió xa gần. – Con nói, chỉ còn một người biết và không muốn người nào khác biết. Vì Cha là người cuối cùng ấy, Cha có thể sẽ là nạn nhân kế tiếp. Trừ phi Cha kể cho con những điều Cha biết về quyển sách cấm đó, và nhất là, ai trong tu viện có thể biết điều Cha biết, và có lẽ còn hơn thế nữa, về Thư viện.

Tu viện trưởng nói:

- Trong này lạnh quá. Ta hãy ra ngoài đi.

Tôi chạy xa cửa thật nhanh và đợi cả hai ở đầu cầu thang. Tu viện trưởng trông thấy tôi, bèn mỉm cười.

- Tu sĩ trẻ này hẳn đã nghe bao nhiêu là chuyện buồn phiền mấy ngày vừa qua! Lại đây cậu bé, đừng có ưu phiền quá. Cha nghĩ, người ta đã tưởng tượng ra nhiều âm mưu không có thực...

Cha giơ một tay cho ánh sáng soi rọi chiếc nhẫn tuyệt đẹp đeo trên ngón áp út, dấu hiệu quyền lực của mình. Chiếc nhẫn bằng đá quý lấp lánh với tất cả vẻ rực rỡ của nó. Cha bảo tôi:

- Con có nhận thấy nó không? Đó là biểu tượng uy quyền nhưng cũng là

gánh nặng của ta. Nó không phải là vật trang sức: nó là lời luận giải xinh đẹp về Phúc âm mà Cha là kẻ giữ gìn. – Ngón tay Cha chạm lên mặt nhẫn gồm nhiều viên đá quý điểm những đốm màu khác nhau, sắp xếp lại thành một kiệt tác tuyệt diệu của nghệ thuật tự nhiên và con người. Cha nói: - Đây là thạch anh tím, tấm gương của sự khiêm cung, nhắc chúng ta nhớ đến tính chân thật, ngọt ngào của Thánh Matthew. Đây là đá chalcedony, biểu tượng của sự từ thiện, lòng thành tâm của Joseph và Thánh James vĩ đại. Đây là ngọc thạch anh, nói lên đức tin và gắn liền với Thánh Peter, này là ngọc Sardonyx, dấu hiệu của sự tử vì đạo, nhắc ta nhớ đến Thánh Bartholomew. Đây là ngọc xafia, hy vọng và trầm tư, ngọc của Thánh Andrew và Thánh Paul, và đây là beryl, giáo điều đúng đắn, học thức và lòng bao dung, các đức tính của Thánh Thomas. – Giọng Cha lạc trong những hư ảnh huyền nhiệm: - Ôi, ngôn ngữ của những viên ngọc đá mới kỳ thú biết bao!

Cha xoay xoay chiếc nhẫn, tựa như muốn làm hoa mắt tôi với những tia lấp lánh rực rỡ của nó: - Thật là ngôn ngữ diệu kỳ phải không? Ngôn ngữ của đá ngọc rất đa dạng, mỗi loại biểu thị nhiều sự thật khác nhau, tùy theo ý nghĩa của lời giảng giải mà ta chọn, và tùy theo hoàn cảnh mà chúng xuất hiện. Và ai quyết định trình độ giảng giải và hoàn cảnh thích hợp? Cậu nhỏ, con biết vì họ đã dạy con rồi: đó chính là người cầm quyền, người bình luận tin cậy nhất, người đầy uy tín nhất, và do đó thiêng liêng nhất. – Cha chìa nhẫn ra cho tôi hôn, và tôi quì xuống. Cha vuốt đầu tôi: - Cậu bé, con phải quên đi những điều đã nghe được trong những ngày vừa qua, hẳn nhiên chúng đều sai lầm cả. Con đã bước vào một dòng tu vĩ đại nhất, cao quý nhất. Cha là Tu viện trưởng của dòng tu này, con nằm dưới quyền của Cha. Đây là lệnh của Cha: hãy quên đi, và mãi mãi khép miệng lại. Thề đi.

Quá xúc động và bị khuất phục, tôi đương nhiên phải thề. Và nếu vậy, bây giờ quý độc giả sẽ chẳng còn đọc được hồi ký trung thực của tôi đâu. Thầy William lúc đó bèn can thiệp, có lẽ không phải để ngăn tôi đừng thề, mà chỉ

là một phản xạ trong cơn giận dữ, thầy muốn phá vỡ cái bùa chú mà Tu viện trưởng đang tung ra.

- Thằng bé này có liên quan gì đến việc đó? Con hỏi Cha một câu, con xin lưu ý cho Cha biết một mối nguy hiểm, con yêu cầu Cha nói lên một cái tên... Bây giờ Cha cũng muốn con hôn nhẫn này và thề sẽ quên những điều con biết hay nghi ngờ sao?

- À, con... - Tu viện trưởng buồn bã nói, - Cha không trông đợi một thầy dòng Khất thực hiểu được vẻ đẹp của truyền thống chúng tôi, hay phải tôn trọng sự kín đáo, các bí mật, những bí ẩn của lòng từ thiện, - phải, lòng từ thiện, và ý thức danh dự, và lời thề im lặng, những điều làm nền tảng cho sự vĩ đại của chúng tôi... Con đã kể cho Cha nghe một câu chuyện lạ lùng, một câu chuyện không thể tin được, về một quyển sách cấm đã gây ra một chuỗi vụ giết người, về một kẻ nào đó biết những việc chỉ mình Cha biết... Toàn là chuyện hoang đường, những lời buộc tội vu vơ. Con cứ nói lên chuyện đó đi, sẽ chẳng ai tin con đâu. Và thậm chí, nếu có vài yếu tố trong cách giải thích hoang tưởng là đúng đi nữa... thì, bây giờ, một lần nữa, tất cả lại nằm dưới sự kiểm soát và định đoạt của Cha. Cha sẽ xem xét việc này. Cha có quyền, có phương tiện. Ngay từ đầu, Cha đã sai lầm đi nhờ một người ngoài, dù người ấy có khôn ngoan và đáng tin cậy đến đâu chẳng nữa, điều tra những việc mà chỉ mình Cha có trách nhiệm giải quyết. Nhưng con đã hiểu, như con đã kể Cha nghe. Thoạt đầu, Cha tưởng nó liên quan đến một sự vi phạm lời thề trinh tiết, và Cha muốn một người khác nói lên cái điều Cha đã biết qua xưng tội. Chà, bây giờ chính con đã nói lên điều đó. Cha rất biết ơn những việc con đã làm hay cố làm. Cuộc gặp gỡ giữa hai phái đoàn đã kết thúc, sứ mệnh của con tại đây đã chấm dứt. Cha nghĩ triều đình đang nóng lòng đợi con, không ai muốn vắng mặt lâu một người như con. Cha cho phép con rời tu viện. Hôm nay, có lẽ muộn rồi: Cha không muốn con ra đi sau hoàng hôn, vì đường xá không được an ninh. Con sẽ lên

đường tăng sáng ngày mai. Thôi, khỏi cảm ơn Cha, Cha rất vui khi con đến đây, rất quý được đón tiếp con như một người anh em đến với anh em. Bây giờ, con và tu sinh của con có thể lui về sửa soạn hành lý. Bình minh sáng mai, Cha sẽ chào tạm biệt con. Cha thực tâm cảm ơn con. Dĩ nhiên, con không cần tiếp tục cuộc điều tra thêm làm gì. Chớ quấy rầy các tu sĩ thêm nữa. Con được phép đi.

Đó không phải một cách cho lui, mà là một lời đuổi thẳng. Thầy William từ giã và chúng tôi xuống lầu.

- Thế nghĩa là thế nào? – Tôi hỏi, chẳng còn hiểu ắt giáp gì nữa.

- Cố dựng lên một giả thuyết xem, con hẳn biết cách rồi.

- Quả thật, con biết mình phải đưa ra ít nhất hai giả thuyết đối nghịch nhau, và cả hai đều không thể tin được. Này nhé... - Tôi nuốt nước miếng, xúc động, hồi hộp. – Giả thuyết thứ nhất: Tu viện trưởng đã biết tất cả và tưởng thầy sẽ không phát hiện được điều gì. Giả thuyết thứ hai: Tu viện trưởng chẳng bao giờ nghi ngờ điều gì. Nhưng dẫu sao, Cha cứ nghĩ, tất cả là do cuộc cãi vã... giữa các tu sĩ đồng tính luyến ái... Tuy nhiên, bây giờ thầy đã mở mắt cho Cha thấy, nên Cha đột nhiên nhận thức được một việc rất kinh khủng, và đã nghĩ ra một cái tên và biết chắc chắn ai là kẻ có tội trong các án mạng. Nhưng lúc này, Cha muốn tự tay giải quyết vấn đề và tống khứ thầy đi để cứu vãn danh dự của tu viện.

- Giới. Con bắt đầu suy luận khá đầy. Nhưng, con đã thấy trong cả hai trường hợp, Tu viện trưởng đều lưu tâm đến thanh danh của tu viện mình. Dù Cha có là kẻ sát nhân hay nạn nhân kế tiếp đi nữa, Cha không muốn những tin tức ô nhục về cộng đồng thiêng liêng này lan ra khỏi những ngọn núi. Giết tu sĩ của Cha đi, nhưng chớ có chạm đến danh dự của tu viện. Cha chả... - Thầy William bắt đầu giận sôi lên. – Lão lãnh chúa lưu manh, con công đực nổi tiếng nhờ đào mồ chôn Aquinas [1], cái túi da đựng rượu căng phồng vênh váo, sống chỉ vì đeo một cái nhẫn to như đáy ly! Tất cả bọn

Cluniac các người đều tự mãn, tự mãn, còn lỗi hơn cả các vương tôn công tử, còn bảo hoàng hơn cả vua!

- Thầy...- tôi đánh bạo trách móc, lòng thấy bị xúc phạm.

- Con im ngay, con cũng một phường với chúng. Lũ các người không phải là những người dân phạm tục, hay con cái của họ. Nếu một nông dân đi theo thì các người sẽ đón nhận, nhưng như ta thấy hôm qua đó, các người sẽ chẳng ngần ngại gì trao anh ta lại cho thế quyền. Nhưng nếu là một kẻ trong số các người thì không, không bao giờ, phải bao che cho người ấy. Tu viện trưởng có thể chỉ mặt tên khốn nạn đó, đập hấn chết trong hầm kho tàng rồi để hấn chết quéo trong mấy cái hộp đựng thánh tích, với điều kiện tu viện khỏi bị nhục... Còn để cho một tu sĩ Francisco, một tu sĩ Khất thực bình dân khám phá ra cái ổ chuột trong tòa nhà thiêng liêng này ư? À, không thể được, bằng mọi giá, Tu viện trưởng không thể để điều này xảy ra. Cảm ơn, Sư huynh William, Hoàng đế cần Huynh, Huynh thấy cái nhẫn tôi đeo đẹp biết bao, tạm biệt Huynh. Nhưng bây giờ chuyện thách thức không chỉ giữa ta và Tu viện trưởng nữa, mà là giữa ta và toàn bộ sự việc: ta sẽ không rời nơi này cho đến khi tìm ra. Lão muốn ta ra đi sáng mai phải không? Được lắm, đây là nhà của lão mà, nhưng cho đến sáng mai ta phải biết, phải biết.

- Thầy phải biết? Giờ có ai ép buộc thầy đâu?

- Adso ạ, chẳng ai buộc chúng ta phải biết cả. Nhưng chúng ta phải biết thế thôi, dù là biết không trọn vẹn đi nữa.

Tôi vẫn còn hoang mang và thấy nhục về những lời thầy William xúc phạm đến dòng tu và các Tu viện trưởng của tôi. Tôi cố phân minh phần nào cho Cha Bề trên, bằng cách đưa ra giả thuyết thứ ba, sử dụng tài lý luận mà tôi nghĩ mình bắt đầu thành thạo.

- Thừa thầy, thầy chưa xét đến khả năng thứ ba. Những ngày vừa qua chúng ta đã nhận thấy một điều, và sáng hôm nay, sau những lời tâm sự tin cậy của Nicholas và những lời đồn đại chúng ta nghe được trong nhà thờ, điều ấy

đường như quá rõ ràng có một nhóm tu sĩ Ý không chịu chấp nhận sự kế vị của các quân thủ người nước ngoài, họ lên án Tu viện trưởng đã không tôn trọng truyền thống cũ, và theo như con hiểu, họ nấp sau lưng già Alinardo, đẩy già tới trước như một diễn hình để đòi hỏi một chính quyền khác trong tu viện. Do đó, có lẽ Tu viện trưởng sợ tiết lộ của chúng ta sẽ trao vũ khí vào tay kẻ thù mình, và muốn giải quyết vấn đề một cách hết sức thận trọng.

- Có thể như vậy. Nhưng lão ấy vẫn là một cái túi da đựng rượu căng phồng vênh váo, và chính lão sẽ bị giết.

Chúng tôi đang ở trong nhà dòng. Gió càng lúc càng hung tợn hơn, ánh sáng mờ dần, dù mới chỉ qua kinh Xế Trưa. Sắp hoàng hôn rồi. Chúng tôi chẳng còn bao nhiêu thời gian nữa. Thầy William nói:

- Muộn rồi, và khi có ít thời gian, người ta phải ráng giữ bình tĩnh. Chúng ta hành động như thể chúng ta đang có thời gian vĩnh cửu. Thầy phải giải quyết một vấn đề: làm cách nào xâm nhập “finis Africae” vì lời giải đáp cuối cùng phải nằm ở đó. Rồi chúng ta phải cứu một người, thầy chưa quyết được đó là ai. Cuối cùng, chúng ta nên xem xét có gì xảy ra ở hướng chuồng ngựa không, con sẽ để mắt đến nó... Hãy nhìn xem cái gì chộn rộn thế...

Quả thật khoảng giữa Đại dinh và nhà dòng chợt náo động khác thường. Mới cách đây một lát, một tu sinh từ nhà Tu viện trưởng chạy vụt về phía Đại Dinh. Bây giờ, Nicholas lại từ Đại Dinh chạy trực chỉ hướng nhà nghỉ. Ở một góc, nhóm tu sĩ ban sáng: Pacificus, Aymaro, và Peter, đang bàn cãi sôi nổi với Alinardo, tựa như muốn thuyết phục già một điều gì.

Rồi, dường như họ đi đến một quyết định. Aymaro đỡ lấy già Alinardo, lúc ấy vẫn lộ vẻ miễn cưỡng không sốt sắng lắm, và cùng đi vào nhà của Tu viện trưởng. Họ vừa mới bước vào thì Nicholas từ nhà nghỉ đi ra, dẫn theo Jorge, cả hai cùng đi về hướng đó. Trông thấy hai tu sĩ Ý bước vào, huynh

ri tai Jorge điều gì đó, và lão già lắc đầu. Tuy nhiên, họ vẫn cất bước về phía nhà nguyện.

- Tu viện trưởng đang tự căng đáng tình hình hiện nay...- Thầy William nói, giọng ngờ vực. Từ Đại Dinh lại hiện thêm nhiều tu sinh nữa trên phòng thư tịch xuống, theo bèn gót họ là Benno, Huynh tiến đến phía chúng tôi, mặt lộ vẻ hết sức lo lắng. Huynh nói:

- Trong phòng thư tịch có điều bất an. Không ai chịu làm việc, mà cứ xì xầm nói chuyện với nhau... Việc gì xảy ra thế?

- Việc xảy ra là, những người cho đến sáng nay tưởng như là người tình nghi nhất thì đều đã chết. Hôm kia thì ai cũng dè chừng, cảnh giác với Berengar, ngu ngốc lờng gạt và dâm dục, rồi họ nghi quân hàm, người tình nghi dị giáo, và cuối cùng là Malachi, người ai nấy đều không ưa... Bây giờ, họ chẳng biết nghi ai nữa, nên phải khẩn cấp tìm một kẻ thù hay một tên bung xung. Mỗi người nghi một người khác, vài người sợ hãi, như Huynh vậy, một số người khác lại quyết định phải hù những người khác sợ. Tất cả các Huynh đều lo cuống cuống lên. Adso, thỉnh thoảng liếc chừng các chuồng ngựa nhé. Thầy về nghỉ một lát đây.

Tôi chưng hửng: về nghỉ trong khi chỉ còn lại vài giờ thật chẳng có vẻ khôn ngoan tí nào. Nhưng bây giờ tôi đã hiểu thầy tôi. Thân thể thầy càng được nghỉ ngơi thì trí tuệ thầy lại càng sôi sục lên.

Chú thích:

[1] *Chỉ Thánh Thomas (1225?-1274) triết gia, học giả Ý.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

GIỮA KINH CHIỀU VÀ KINH TỐI

Kể tóm tắt những giờ dài hoang mang

Tôi thật khó tường thuật lại những gì đã xảy ra trong những giờ tiếp theo, giữa Kinh Chiều và Kinh tối.

Thầy William vắng mặt. Tôi lang thang quanh dãy chuồng ngựa, nhưng chẳng thấy có gì bất thường. Các người giữ ngựa dẫn thú về chuồng, trời gió làm chúng bồn chồn. Ngoài ra, tất cả đều tĩnh lặng.

Tôi bước vào nhà thờ. Mọi người đều đã vào chỗ, nhưng Tu viện trưởng để ý thấy Jorge vắng mặt. Cha khoát tay ra hiệu hoãn buổi lễ. Cha gọi Benno, phái Huynh đi tìm già Jorge, nhưng Benno không có mặt. Có người lên tiếng bảo: có lẽ Benno đang dọn dẹp phòng thư tịch để đóng cửa buổi tối. Tu viện trưởng giận dữ bảo Cha đã quyết định: Benno sẽ không đóng cửa nào cả, vì Huynh ấy không biết cách. Aymaro đứng dậy nói: - Nếu Đức Cha đồng ý, con sẽ đi gọi Huynh ấy...

- Không ai yêu cầu Huynh làm điều gì cả. – Tu viện trưởng cộc lốc gất lên, Aymaro ngồi xuống chỗ của mình, không quên ném cho Pacificus một cái nhìn khó hiểu. Tu viện trưởng cho gọi Nicholas, lúc ấy không có mặt. Có người nhắc Cha rằng, Nicholas đang sửa soạn bữa tối, Cha lộ cử chỉ giận lắm, tựa như không thích để mọi người thấy Cha đang bồn chồn lo lắng. Cha hét:

- Ta muốn Jorge có mặt ở đây. Tìm Huynh ấy! Con đi ngay! – Cha ra lệnh cho thầy của các tu sinh.

Một người khác báo cáo Cha rằng Alinardo cũng vắng mặt. Cha bảo: - Cha

biết, Huynh ấy không được khỏe.

Tôi ngồi gần Peter và nghe Huynh ấy nói với Gunzo xứ Nola ngồi bên cạnh, bằng một thứ thổ ngữ miền Trung Ý mà tôi hiểu được phần nào:

- Tôi cũng nghĩ vậy. Hôm nay, sau cuộc hội đàm, tu sĩ già đáng thương quần trí cả lên. Cha Bê trên cư xử như con điếm ở Avignon!

Các tu sinh đều hoang mang. Tâm hồn ngây thơ, nhạy cảm của họ cảm thấy một điều căng thẳng bao trùm khu hát kinh, như tôi đang cảm thấy vậy. Tiếp sau đó là im lặng và bối rối kéo dài. Tu viện trưởng ra lệnh đọc vài bài vịnh, và Cha chọn ba bài mà giáo luật không qui định cho đọc trong Kinh Chiều. Mọi người nhìn nhau, rồi bắt đầu cầu nguyện bằng giọng trầm trầm. Thầy của các tu sinh trở lại, theo sau là Benno. Huynh về chỗ, đầu cúi gằm, Jorge không có trong phòng thư tịch, cũng không ở phòng mình. Tu viện trưởng ra lệnh bắt đầu buổi lễ.

Khi tan lễ, trước khi mọi người đi dùng buổi tối, tôi chạy đến gọi thầy William. Thầy ăn mặc chỉnh tề, đang nằm dài bất động trên giường. Thầy bảo không ngờ đã tối như vậy. Tôi kể tóm tắt những gì đã xảy ra. Thầy lắc đầu.

Ở cửa nhà ăn, chúng tôi trông thấy Nicholas, người mấy giờ trước đây đã cùng đi với Jorge. Thầy William hỏi Huynh, già Jorge ban nãy có vào gặp Tu viện trưởng ngay không. Nicholas bảo Jorge phải đợi một lúc lâu ở ngoài cửa, vì Alinardo và Aymaro đang ở trong phòng. Sau khi Jorge được mời vào, già ở bên trong một lúc, trong khi Nicholas đợi bên ngoài. Rồi Jorge đi ra và bảo Nicholas đi theo đến nhà thờ, lúc ấy đã vắng ngắt, khoảng một giờ trước Kinh Chiều.

Tu viện trưởng thấy chúng tôi nói chuyện với quản hàm bèn khiển trách: - Sư huynh William, con vẫn còn điều tra à? – Cha bảo thầy William đến bàn cùng ăn như thường lệ. Đối với dòng Benedict, sự hiếu khách là điều thiêng liêng.

Bữa tối yên lặng hơn mọi ngày, và rất buồn. Tu viện trưởng ăn uống thờ ơ, đầu óc ám ảnh bởi những suy nghĩ nặng nề. Đến cuối bữa, Cha hỏi các tu sĩ đi dự Kinh Tối.

Alinardo và Jorge vẫn vắng mặt. Các tu sĩ chỉ vào chỗ trống của tu sĩ mù và xì xào với nhau. Khi tan lễ, Tu viện trưởng yêu cầu mọi người đọc một bài kinh đặc biệt vì sức khỏe của Jorge xứ Burgos. Không rõ Cha muốn nói sức khỏe thể chất hay sức khỏe vĩnh cửu. Mọi người đều hiểu một tai họa mới sắp đổ xuống đầu cộng đồng. Đoạn Tu viện trưởng lệnh cho mỗi tu sĩ phải về nhanh phòng mình sớm hơn lệ thường. Cha ra lệnh, không một ai, Cha nhấn mạnh những từ “không một ai”, được đi lại bên ngoài khu nhà nghỉ. Các tu sinh hoảng sợ là những người đầu tiên rời gót, họ sụp mũ xuống mặt, đầu cúi thấp, không dám nói chuyện trao đổi, huých hỏ, cười đùa, hay giỡn ngâm với nhau như thường bữa.

Khi các tu sĩ nối nhau đi ra, tôi nhẹ nhàng nhập vào hàng, đằng sau nhóm mà bây giờ tôi đặc tả là “nhóm tu sĩ Ý”. Pacificus thăm thì với Aymaro: - Huynh có tin thực là Cha Bề trên không biết Jorge ở đâu không? – Aymaro đáp: - Cha có thể biết, và hiểu rằng từ nơi lão Jorge đang có mặt hiện nay, lão sẽ chẳng bao giờ quay lại nữa. Có lẽ lão già đòi hỏi quá nhiều, và Cha Bề trên không cần lão nữa...

Khi thầy trò tôi giả vờ đi về khu hành hương, chúng tôi thoáng thấy Tu viện trưởng quay lại Đại Dinh, qua cánh cửa nhà ăn, lúc ấy còn đang mở ngỏ. Thầy William bảo nên đợi một lát, khi toàn khu vực đã vắng bóng người, thầy bảo tôi bám theo Cha. Chúng tôi vội băng qua khoảng trống và đi vào giáo đường.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

SAU KINH TỐI

Gần như do tình cờ

William khám phá bí mật

để đột nhập “finis Africae”

Như hai tên ám sát, chúng tôi nấp gần cổng vào, sau một cái cột, từ đây, chúng tôi có thể quan sát nhà thờ và những cái sọ. Thầy William bảo:

- Cha Bề trên đã vào đóng cửa Đại Dinh. Khi Cha gài then từ bên trong, Cha chỉ có thể đi ra bằng lối lò thiêu xương.

- Thế rồi?

- Rồi ta sẽ thấy Cha làm gì.

Chúng tôi không khám phá được Cha đã làm gì. Một giờ trôi qua mà Cha vẫn chưa xuất hiện. Tôi nói, Cha đã vào “finis Africae”. Thầy đáp, có lẽ. Muốn đưa ra nhiều giả thuyết nữa, tôi tiếp: Có lẽ Cha đã băng qua nhà ăn để ra ngoài lại và đang đi tìm Jorge. Thầy đáp, cũng có thể lắm. Tôi tưởng tượng thêm, có lẽ Jorge đã chết. Có lẽ lão đang ở trong Đại Dinh và giết Tu viện trưởng. Có lẽ cả hai đang cùng ở một chỗ nào khác và ai đó đang rình rập họ. “Những tu sĩ Ý” muốn gì? Tại sao Benno sợ hãi thế? Hay Huynh ấy chỉ đeo mặt nạ để đánh lạc hướng chúng tôi? Tại sao Huynh ấy nán lại phòng thư tịch trong giờ Kinh Chiều, nếu Huynh ấy không biết cách đóng cửa phòng hay cách ra ngoài? Phải chăng, Huynh ấy muốn thăm dò lối đi trong Mê cung? Thầy William bảo:

- Tất cả đều có thể xảy ra. Nhưng chỉ có một điều đang, đã, và sắp xảy ra. Và cuối cùng, Ông trên đã ban cho chúng ta một sự khẳng định ngời sáng.

- Điều gì thế? – Tôi hỏi, tràn trề hy vọng.

- Rằng sư huynh William xứ Baskerville, người giờ đây tin rằng đã hiểu hết mọi việc, lại không biết cách vào “finis Africae”. Đi xuống chuồng ngựa, Adso, đi xuống chuồng ngựa!

- Nhưng nếu Tu viện trưởng thấy chúng ta?

- Chúng ta sẽ giả thành hai bóng ma.

Tôi nghĩ, giải pháp này không thực tế lắm, nhưng làm thỉnh. Thầy William càng lúc càng bồn chồn. Chúng tôi ra khỏi cửa bắc và băng qua nghĩa trang, gió rít từng cơn, tôi cầu Chúa sao cho đừng gặp hai con ma, vì tu viện đêm đó không thiếu các linh hồn bị đọa đày. Chúng tôi đến dãy chuồng ngựa, chúng càng bồn chồn hơn bao giờ hết vì thời tiết khắc nghiệt. Cửa chính của chuồng ngựa có một lưới sắt rộng, cao ngang tầm ngực, qua đó có thể nhìn vào bên trong. Tôi thấy con Brunellus đứng đầu phía tay trái. Bên phải nó, con ngựa thứ ba trong hàng ngẩng đầu lên, cảm biết có người đến, nó hí lên. Tôi mỉm cười nói:

- Tertius equi, con ngựa thứ ba.

- Gì vậy? – Thầy William hỏi.

- Không có gì cả. Con nhớ đến Salvatore đáng thương. Gã muốn làm phép màu quái quỷ với con ngựa đó, gọi nó bằng tiếng La tinh của gã là “*Tertius equi*”, “*i*” đáng lẽ là “*u*” mới phải.

- “*U*” à? – Thầy hỏi, nãy giờ thầy nghe tôi nói vu vơ mà không chú ý lắm.

- Vâng, vì “*Tertius equi*” không có nghĩa là con ngựa thứ ba, mà là phần thứ ba của con ngựa, và mẫu tự thứ ba của từ “*equus*” là “*u*”. Nhưng chúng thầy đều vô nghĩa.

Thầy William nhìn tôi, và trong bóng đêm, dường như tôi thấy mặt thầy biến đổi. Thầy bảo:

- Chúa phù hộ cho con, Adso ạ! Chà, phải rồi, Suppositio materialis giả thuyết vật chất, bản viết được đoán theo *de dicto* [1] chứ không phải *de re*

[2]... Sao ta ngu quá! – Thầy vỗ lên trán đánh “bộp” một cái. Tôi nghĩ chắc đau lắm. – Cậu bé của thầy, trong ngày hôm nay, đây là lần thứ hai sự thông thái đã từ miệng con thốt ra, lần đầu trong giấc mơ và bây giờ khi tỉnh! Chạy đi, chạy về phòng con và đem cây đèn, hay tốt hơn đem cả hai cây đèn chúng ta đã giấu. Đừng để ai thấy con, và đến với thầy trong nhà thờ ngay! Đừng hỏi gì nữa! Đi đi!

Tôi chẳng hỏi gì, đi ngay. Hai cây đèn giấu dưới giường, tôi đã cẩn thận châm đầy dầu đến miệng trước rồi. Tôi có đá lửa sẵn trong áo dòng. Ôm chặt hai dụng cụ quý báu vào ngực, tôi chạy vào nhà thờ.

Thầy William đứng dưới ngọn đèn ba chân, đang đọc lại bản ghi chú của Venantius. Thầy bảo:

- Adso, “*primum et septimum de quatuor*” không có nghĩa là cái thứ nhất và thứ bảy của thứ tư, mà là của cái thứ tư, của từ “thứ tư”.

Tôi không hiểu gì trong một thoáng, nhưng rồi trí sáng lên:

- “*Super thronos viginti quatuor*”. Câu viết! câu thơ. Những từ này được khắc trên tấm gương!

- Đi ngay, - thầy William bảo – có lẽ chúng ta còn kịp cứu một mạng người!

- Người nào? – tôi hỏi, khi thầy dùng tay mày mò mấy cái sọ người để mở cửa vào lò thiêu xương.

- Mạng của kẻ không đáng giữ nó, - thầy bảo. Chúng tôi đang ở trong lối đi dưới đất, đèn chiếu sáng, lần về phía cửa, dẫn vào nhà bếp.

Trước đây, tôi đã nói rằng đến đây người ta sẽ đẩy một cánh cửa gỗ và lọt vào nhà bếp, đằng sau lò sưởi, ở cuối cầu thang xoắn ốc dẫn lên phòng thư tịch. Ngay khi chúng tôi vừa đẩy cửa đó, chúng tôi nghe ở phía tay trái vài tiếng động nghiền nghệt bên trong tường. Chúng phát ra từ bức tường bên cạnh cửa, cuối dãy các hốc chứa sọ và xương. Thay vào các hốc cuối cùng là một bức tường trống bằng những viên đá lớn hình vuông, chính giữa là một tấm bảng có khắc vài chữ viết lồng nhau đã mòn nhẵn. Đường như âm

thanh phát xuất từ bên cạnh tấm bảng, hay trên tấm bảng gì đó, một phần bên kia bức tường, và một phần gần như trên đầu chúng tôi.

Nếu nghe được một âm thanh như thế vào đêm đầu tiên, có lẽ tôi đã nghĩ ngay đến mấy tu sĩ chết. Nhưng bây giờ tôi có khuynh hướng nghĩ đến những điều tệ hơn từ các tu sĩ sống. Tôi hỏi:

- Có thể là ai thế nhỉ?

Thầy William mở cửa và trồi ra bên cạnh lò sưởi. Cũng nghe có những tiếng đấm thùm thụp dọc theo bức tường hai bên cầu thang, tựa như có ai đang bị giam trong bức tường, hay trong cái khoảng không mênh mông dày đặc mà ta giả sử nằm giữa bức tường trong cửa nhà bếp và bức tường ngoài của ngọn tháp phía Nam.

Thầy William bảo: - Có người đang bị nhốt kín trong đó rồi. Từ đầu, thầy vẫn tự hỏi không hiểu có một lối khác lên “finis Africae” trong cái Đại Dinh đầy ngõ ngách này không. Rõ ràng là có. Từ lò xương, trước khi đến nhà bếp, một bức tường trống mở ra, và người ta leo lên cầu thang song song với cầu thang này, nó được giấu trong tường và dẫn thẳng lên căn phòng không có cửa sổ.

- Nhưng bây giờ ai đang ở đó?

- Người thứ hai. Một người ở trong “finis Africae”, một người khác cố đến chỗ đó, nhưng người trên kia hẳn đã chặn cái bộ máy điều khiển cửa ra vào. Thế là người dưới đây lọt bẫy. Và người ấy đang vùng vẫy dữ dội vì thầy nghĩ, trong khoảng tường chật hẹp này, chẳng có mấy không khí đâu.

- Ai vậy? Chúng ta phải cứu người ấy.

- Chúng ta sẽ biết người ấy là ai ngay thôi. Còn việc cứu người ấy thì chỉ có duy nhất một cách là thả cái bộ máy ở trên kia ra: chúng ta chưa nắm được bí mật ở đầu kia. Lên lầu nhanh thôi!

Thế là chúng tôi lên phòng thư tịch, từ đó đi vào Mê cung và sải nhanh đến ngọn tháp phía Nam. Hai lần tôi phải chậm bước lại, vì gió đêm nay tràn

qua các khe hở tạo thành luồng luôn khắp các lối đi, nó rên rỉ trong mọi phòng, thổi xào xạc những tờ giấy nằm vương vãi trên bàn, do đó tôi phải lấy tay che đèn lại.

Chẳng bao lâu chúng tôi đã đến căn phòng có tấm gương, lần này đã chuẩn bị tinh thần để đối phó với trò chơi biến dạng đang đợi mình. Chúng tôi giờ cao ngọn đèn để soi sáng dòng thơ ở trên tận cùng khung cửa tấm gương. “*Super thronos viginti quatuor*”... Bây giờ bí mật đã hoàn toàn rõ: từ “*quatuor*” có bảy mẫu tự, chúng tôi sẽ phải nhấn vào mẫu tự “*q*” và “*r*”. Tôi náo nức nghĩ phải tự tay mình làm mới được. Tôi đặt vội cái đèn xuống chiếc bàn ở giữa phòng, nhưng nóng nảy quá khiến ngọn lửa liếm vào bìa một quyển sách cũng đang đặt trên bàn.

- Coi chừng, thẳng góc! – Thầy William la lên, và thôi phụt một hơi tắt ngọn lửa. – Con muốn đốt thư viện hả?

Tôi xin lỗi, và toan châm đèn lại, nhưng thầy William ngăn:

- Không sao. Đèn của thầy cũng đủ rồi. Cầm đèn soi cho thầy, vì câu thơ quá cao, con không với tới đâu. Chúng ta phải nhanh lên.

- Nhưng nếu có kẻ đã vũ trang ở trong đó thì sao? - Tôi hỏi, khi thấy thầy William đang nhón gót cổ chạm lên dòng thơ trong sách Mặc Khải, lần mò tìm hai mẫu tự tai ác.

- Đồ quỷ, soi đèn cho thầy, và đừng có sợ gì hết, Chúa ở cùng chúng ta! – Thầy đáp, tiếng hơi lùng bùng khó nghe. Ngón tay thầy đang chạm lên mẫu tự “*q*” của từ “*quatuor*”, đứng lui lại mấy bước, tôi thấy rõ công việc của thầy hơn. Tôi đã nói rằng các mẫu tự trong câu thơ dường như được khắc hay vạch vào tường: các mẫu tự của từ “*quatuor*”, bề ngoài trông giống các đường viền kim loại, đằng sau chúng là một bộ máy kỳ diệu được đặt kín trong tường. Khi đẩy tới, chữ “*q*” bật lên một tiếng “click” giòn, và khi thầy William ấn vào chữ “*r*” thì một hiện tượng tương tự xảy ra. Toàn khung kính dường như rung chuyển, và mặt gương bật ngược lại. Tấm gương

chính là một cái cửa gắn bản lề phía bên trái. Thầy William lách mình qua kẽ hở và tôi lúi theo, tay giơ đèn qua khỏi đầu.

Hai giờ sau Kinh Tối, cuối ngày thứ sáu, nửa đêm khuya thanh vắng rạng ngày thứ bảy, chúng tôi đã đột nhập vào “finis Africae”.

Chú thích:

[1] *Cách nói*

[2] *Từ chữ “de règle” có nghĩa là theo qui luật hay dạng đúng qui tắc.*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

NGÀY THỨ BẢY

ĐÊM

*Nếu đề mục này phải tóm tắt
các tiết lộ phi thường của nội dung,
thì khác với thông lệ,
nó sẽ dài bằng chính chương này.*

Chúng tôi đứng trên ngưỡng cửa của một phòng có hình thê tương tự như ba phòng bày cạnh không cửa sổ kia, nồng nặc mùi mốc meo của sách ẩm ướt. Ngọn đèn dầu mà tôi giờ cao soi sáng vòm nhà trước tiên, và khi tôi đưa đèn từ phải sang trái thì ngọn lửa hắt ánh sáng mờ mờ lên các kệ sách đằng xa đặt dọc theo tường. Cuối cùng, ngay giữa phòng, chúng tôi thấy một cái bàn phủ đầy giấy tờ, đằng sau bàn có một người ngồi, nếu người ấy vẫn còn sống thì dường như đã ngồi bất động trong bóng tối, đợi chờ chúng tôi. Ngay trước khi ánh đèn soi sáng khuôn mặt người ấy, thầy William đã lên tiếng:

- Huynh Jorge kính mến, chúc Huynh một đêm vui. Huynh đang đợi chúng tôi à?

Khi chúng tôi tiến thêm vài bước thì ngọn đèn chiếu lên gương mặt lão già đang nhìn chúng tôi như thể thấy được. Lão hỏi:

- Sư Huynh William xứ Baskerville đây hả? Tôi đã đợi Huynh từ trước lúc

Kinh Chiều đến nay, từ lúc tôi vào giam mình ở đây. Tôi biết Huynh sẽ đến.
- Thế còn Tu viện trưởng? Có phải đó là người đập rầm rầm trong cầu thang bí mật không?

Jorge ngập ngừng một lát, đoạn hỏi: - Cha vẫn còn sống à? Tôi nghĩ Cha đã chết ngạt rồi.

- Trước khi chúng ta bắt đầu nói chuyện, tôi muốn cứu Cha. Huynh có thể mở từ máy trên này.

Jorge mệt mỏi nói:

- Không, không kịp nữa. Máy được điều khiển ở bên dưới, bằng cách nhấn vào tấm bảng; ở trên này, một đòn bẩy bật lên và mở cánh cửa sau cái kệ đằng kia. – Lão hát hăm về phía sau. – Kế bên cái kệ Huynh sẽ thấy một bánh xe với vài vật đối trọng để điều khiển bộ máy từ trên này. Nhưng khi tôi nghe tiếng bánh xe quay, dấu hiệu báo cho biết Cha Bê trên đã đến bên dưới, tôi giật mạnh sợi dây thừng giữa các vật đối trọng, và thừng đã đứt. Bây giờ hai đầu lối đi này đã bị kín, Huynh sẽ chẳng bao giờ sửa được bộ máy cả. Tu viện trưởng đã chết.

- Tại sao Huynh lại giết Cha?

- Hôm nay, khi y gọi tôi đến, y bảo nhờ Huynh mà y khám phá mọi việc. Y vẫn chưa biết điều mà tôi hằng cố bảo vệ, y chẳng bao giờ hiểu chính xác những báu vật và cứu cánh của Thư viện. Y bảo tôi giải thích điều y chưa biết. Y muốn mở cửa “finis Africae”: Các tu sĩ Ý yêu cầu y chấm dứt cái mà họ gọi là sự bí ẩn do tôi và các bậc tiền bối của tôi nuôi sống. Lòng họ thôi thúc dục vọng muốn tìm biết những điều mới lạ...

- Huynh hẳn đã hứa với Cha sẽ đến đây và kết liễu mạng mình, như Huynh đã kết liễu mạng của những người kia một cách êm thấm để cứu vãn danh dự của tu viện và không ai biết điều gì cả. Rồi Huynh chỉ cho Cha cách đến đây và kiểm tra sau đó. Nhưng thay vì như vậy, Huynh đã đợi để giết Cha. Huynh không nghĩ Cha có thể vào bằng đường tấm gương à?

- Không, Tu viện trưởng trí quá hẹp. Y sẽ chẳng bao giờ tự mình giải được bí mật của câu thơ. Tôi bày cho y một lối đi khác mà chỉ mình tôi biết. Đó là lối đi tôi đã dùng hàng bao nhiêu năm nay, vì trong bóng tối nó dễ đi hơn. Tôi chỉ việc đến nhà thờ, rồi theo xương người chết đến cuối hành lang.

- Như thế Huynh đã dẫn dắt Cha đến đây, biết rằng mình sẽ giết Cha...

- Tôi không thể tin y nữa. Y đã hoảng loạn. Trước đây y nổi danh ở Fossanova vì đã xoay xở mang một cái xác xuống cầu thang tròn ốc. Một vinh quang không xứng đáng. Bây giờ y chết vì không lên nổi cầu thang của chính mình.

- Huynh đã dùng cầu thang đó bốn mươi năm nay rồi. Khi Huynh biết mình sẽ bị mù và không còn đủ khả năng điều khiển tu viện nữa, Huynh đã hành động rất khôn ngoan. Huynh dàn xếp để người ta bầu một người Huynh tin cẩn lên làm Tu viện trưởng. Thời còn là quản thư viện, Huynh đã đặt tên cho người ấy là Robert xứ Bobbio, người mà Huynh có thể điều khiển theo ý mình, rồi đến Malachi, người cần sự giúp đỡ của Huynh và chẳng bao giờ hành động mà không tham khảo ý kiến của Huynh. Bốn mươi năm nay Huynh là chủ của tu viện này. Nhóm tu sĩ Ý đã nhận thức được điều này, và Alinardo nhắc đi nhắc lại nó mãi, nhưng không ai chịu nghe già vì họ cho rằng bây giờ già đã điên rồi. Tôi nói đúng không? Nhưng Huynh vẫn đợi tôi và không thể bịt tấm cửa gương được vì máy mở đặt bên trong tường. Tại sao Huynh lại đợi tôi? Sao Huynh biết chắc tôi sẽ đến? – Thầy William hỏi, nhưng qua giọng nói, ta nhận rõ thầy đã đoán được câu trả lời, và mong nghe nó như phần thưởng cho tài suy đoán của mình.

- Ngay từ ngày đầu tiên, qua giọng nói của Huynh, qua cách Huynh lôi tôi vào việc tranh luận một đề tài mà tôi không muốn nhắc đến, tôi biết Huynh sẽ hiểu ra. Huynh giỏi hơn những người khác: bằng mọi cách Huynh sẽ tìm được giải đáp. Huynh biết chỉ cần suy nghĩ và hình dung lại suy nghĩ của người khác trong óc mình là đủ. Rồi tôi nghe Huynh đặt câu hỏi với các tu

sĩ khác, tất cả câu Huynh hỏi đều đúng cả. Nhưng Huynh không bao giờ hỏi về thư viện, tựa như Huynh đã biết mọi bí mật của nó rồi vậy. Một đêm nọ, tôi đến gõ cửa phòng Huynh, nhưng Huynh không có bên trong. Huynh phải vào đây thôi. Tôi nghe một tôi tớ nói trong bếp tắt hai cây đèn. Và cuối cùng hôm nọ, trong gian giữa nhà nguyện khi Severinus đến nói chuyện với Huynh về một quyển sách, tôi biết chắc Huynh đang bám theo dấu vết của tôi.

- Nhưng Huynh đã tìm cách tước quyển sách đó khỏi tay tôi. Huynh đến nói với Malachi, người chẳng hiểu gì về tình hình. Trong cơn ghen tức, tên ngốc ấy vẫn còn ám ảnh bởi ý nghĩ Adelmo đã cướp mất Berengar thân yêu của hắn vì Berengar khao khát xác thịt non trẻ hơn. Malachi không hiểu Severinus có liên quan gì đến việc này, và Huynh còn làm rối loạn suy nghĩ của hắn hơn nữa. Có lẽ Huynh bảo Malachi rằng Berengar đã thân mật với Severinus, và Berengar đã thưởng cho Severinus một quyển sách trong “finis Africae”. Tôi không biết chính xác Huynh đã nói với Malachi những gì. Điên lên vì ghen, Malachi đã giết Severinus, nhưng hắn không kịp săn tìm quyển sách Huynh đã miêu tả với hắn, vì quân hàm bước vào. Có phải mọi việc xảy ra như vậy không?

- Gần như vậy.

- Nhưng Huynh không muốn Malachi chết. Có lẽ hắn chưa bao giờ nhìn đến các quyển sách trong “finis Africae” vì hắn tin Huynh và tôn trọng lệnh cấm của Huynh. Hắn tự giới hạn trong nhiệm vụ mỗi đêm bỏ cây thuốc để đe dọa những kẻ lạ xâm nhập. Severinus cung cấp cho Malachi các loại cây thuốc này. Thế nên, hôm nọ Severinus mới để Malachi vào bệnh xá, đó là cuộc viếng thăm thường lệ của Malachi để thu các cây thuốc mới mà Severinus chuẩn bị hằng ngày theo lệnh của Tu viện trưởng. Tôi đoán đúng chẳng?

- Huynh đã đoán đúng. Tôi không muốn Malachi chết. Tôi bảo hắn bằng

mọi cách phải tìm lại quyển sách và mang nó đến đây, nhưng không được mở ra. Tôi bảo nó có sức mạnh bằng cả ngàn con bò cạp. Nhưng lần đầu tiên tên điên ấy làm theo ý mình. Tôi không muốn hấn chết vì hấn là kẻ trung thành. Nhưng chớ nhắc lại điều Huynh biết: tôi biết Huynh biết mà. Tôi không muốn Huynh thêm tự mãn, tự Huynh đã thế rồi. Sáng nay trong phòng thư tịch, tôi nghe Huynh hỏi Benno về “*Bữa tiệc của Cyprian*”. Huynh đã đến gần sự thật lắm. Tôi không biết bằng cách nào Huynh khám phá được bí mật của tấm gương, nhưng khi Tu viện trưởng bảo Huynh đã đề cập đến “*finis Africae*”, thì tôi biết chắc chẳng bao lâu nữa Huynh sẽ đến đây. Do đó, tôi ngồi đây đợi. Bây giờ, Huynh muốn gì nào?

- Tôi muốn xem bản viết cuối cùng trong quyển sách bốn bản, gồm một bản tiếng Ả-rập, một bản tiếng Xy-ri cổ, và một bản bình giảng hay bản sao “*Bữa tiệc Cyprian*”. Tôi muốn xem bản viết bằng tiếng Hy-lạp mà có lẽ do một người Ả-rập, hay một người Tây Ban Nha sao lại. Huynh đã tìm thấy bản này thời còn là phụ tá cho Paul xứ Rimini, Huynh đã dàn xếp để được phái về nước mình thu thập các bản hay nhất về sách Mặc Khải ở Léon và Castille. Sổ sách kiểm được này đã khiến Huynh nổi danh và cả tu viện kính trọng, giúp Huynh đoạt chức quản thư viện mà đáng lý thuộc về Alinardo, người lớn hơn Huynh mười tuổi. Tôi muốn xem bản sao bằng tiếng Hy-lạp viết trên giấy lụa, loại giấy thời đó rất hiếm, được sản xuất tại Silos, gần Burgos quê của Huynh. Tôi muốn xem quyển sách mà Huynh đã trộm ở đó. Sau khi đọc nó xong, để không ai được đọc nó nữa, Huynh đã giấu nó ở đây, bảo vệ nó rất khôn khéo mà không thủ tiêu nó, vì một người như Huynh không hủy sách mà chỉ canh giữ không để ai chạm vào nó. Tôi muốn xem tập hai tác phẩm “*Thi ca*” của Aristotle, quyển sách mà mọi người vẫn tin đã bị thất lạc, hay chưa bao giờ được viết ra, quyển sách mà có lẽ Huynh đang giữ độc bản.

- William, Huynh có thể trở thành một quản thư viện tuyệt vời biết bao! –

Jorge nói, giọng vừa thán phục vừa tiếc nuối. – Thế là Huynh đã biết tất cả. Đến đây, tôi nghĩ có một cái ghế ở cạnh bàn, phía bên Huynh đó. Ngồi đi, phần thưởng của Huynh đấy.

Thầy William ngồi và đặt chiếc đèn tôi đã đưa cho thầy xuống, nó soi sáng khuôn mặt của Jorge từ dưới lên. Lão già cầm lấy quyển sách nằm trước mặt, đưa cho thầy William. Tôi nhận ra cái bìa của nó chính là quyển sách tôi đã mở ra xem trong bệnh xá mà lại ngỡ là một bản tiếng Ả-rập. Jorge bảo:

- Này William, đọc đi, giờ nó xem đi. Huynh thắng rồi.

Thầy William nhìn quyển sách, nhưng không chạm vào nó. Thầy lôi trong áo dòng ra một đôi găng tay, không phải là đôi găng hở ngón thường dùng, mà là đôi Severinus đang đeo khi chết. Thầy chậm rãi mở cái bìa cũ mòn mỏng manh ra. Tôi đến sát hơn, chồm qua vai thầy để xem. Đôi tai thính của Jorge bắt được tiếng động do tôi gây ra, bèn nói: - Cậu bé cũng ở đây hả? Tôi cũng sẽ cho cậu xem... sau.

Thầy William liếc nhanh qua những trang đầu: - Theo thư mục thì đây là bản Ả-rập nói về lời nói của một kẻ ngu ngốc nào đó. Nó là gì vậy?

- Ồ, những truyền thuyết ngớ ngẩn của bọn vô thần, cho rằng bọn ngốc phát ra những nhận xét khôn ngoan khiến ngay cả các linh mục của họ cũng phải kinh ngạc, các vua Hồi phải khoái chí...

- Bản thứ hai bằng tiếng Xy-ri cổ, nhưng theo thư mục thì nó là bản dịch của một quyển sách nhỏ tiếng Ai-cập về nghệ thuật giả kim, sao nó lại ở trong bộ này?

- Đó là một tác phẩm Ai-cập từ thế kỷ thứ ba, trong thời đại chúng ta. Nó liên hệ với các tác phẩm theo sau, nhưng ít nguy hiểm hơn, không ai để tai nghe những lời lảm nhảm của một tên giả kim Châu Phi. Hẳn qui việc tạo ra thế gian này cho tiếng cười thiêng liêng... - Lão ngược mặt lên đọc, với trí nhớ phi thường của một độc giả mà bốn mươi năm nay vẫn tự nhắc mình

những điều đã đọc được khi còn sáng mắt: - Khi Chúa cười thì bảy vị thần cai quản thế gian được sinh ra. Khi Ngài bật cười thì ánh sáng hiện ra, Ngài cười tiếng thứ hai thì nước tuôn, Ngài cười đến ngày thứ bảy thì linh hồn xuất hiện... Diên rồ. Tác phẩm theo sau cũng vậy, nó do một trong vô số gã ngốc đặt cho mình nhiệm vụ traу chuốt “*Bữa tiệc*” viết... Nhưng chúng không phải là thứ Huynh chú ý đâu.

Thầy William thực ra đã giở nhanh các trang sách và lần đến bản tiếng Hy-Lạp. Tôi thấy ngay rằng các trang này làm bằng một loại giấy khác, mềm hơn, những trang đầu gần như cũ mềm, một phần lẽ đã bị hư hại, vậy những vết dơ mờ mà thời gian và ẩm mốc thường cũng gây cho các quyển sách khác. Thầy William đọc những dòng mở đầu, thoát tiên bằng tiếng Hy-lạp, rồi thầy dịch ra tiếng La-tinh để tôi cũng có thể biết quyển sách tai hại ấy bắt đầu như thế nào.

Trong tập một, chúng tôi đã bàn về bi kịch và chứng minh bằng cách nào, nhờ khơi dậy sự thương hại và nỗi sợ hãi, nó phát sinh sự hồi hộp phần chân, sự thanh lọc các xúc cảm này. Như đã hứa, giờ đây chúng tôi sẽ bàn về hài kịch (cũng như về trào phúng và kịch câm), và chứng minh bằng cách nào, nhờ khơi dậy thú vui cười cợt, nó đạt đến được sự thanh lọc đam mê đó. Một đam mê như vậy đáng cho chúng ta quan tâm hàng đầu, chúng tôi đã nói như thế trong quyển sách về linh hồn, vì con người là sinh vật duy nhất có khả năng cười. Chúng tôi sẽ định nghĩa các loại hành động, trong đó hài kịch đóng vai trò nguy trang, rồi chúng tôi sẽ xem xét các phương tiện mà hài kịch đã sử dụng để gây cười, và các phương tiện này là hành động và lời nói. Chúng tôi sẽ trình bày các hành động nực cười được phát sinh như thế nào từ việc

so sánh cái tốt nhất với cái xấu nhất, hay ngược lại, từ việc gây ngạc nhiên như đánh lừa, từ điều không thể xảy ra, từ sự đảo lộn các qui luật tự nhiên, từ các lộn xộn, vẩn vơ, bất hợp lý, từ việc dung tục hóa các nhân vật, từ cách sử dụng các động tác câm hài hước và thô tục, từ sự bất hài hòa, từ việc chọn lựa những điều hèn kém nhất. Chúng tôi sẽ trình bày các lời nói nực cười được phát sinh như thế nào từ việc hiểu lầm các từ tương tự với các điều khác nhau, và các từ khác nhau với những điều tương tự, từ sự ba hoa và lập đi lập lại, từ cách chơi chữ, từ cách phát âm sai, và từ cách nói thô tục.

Thầy William dịch nó một cách khó khăn, vì phải chọn cho đúng chữ, và chốc chốc phải ngừng lại. Vừa dịch thầy vừa mỉm cười, tựa như tìm ra được điều mình mong đợi. Thầy đọc lớn trang đầu tiên, rồi ngưng lại, như thể không muốn biết thêm nữa, và lật nhanh qua các trang kế. Nhưng sau vài trang thầy khựng lại, vì có vài trang bị dính lại với nhau, ở rìa góc trên và phía đầu sách, như thường thấy khi các loại giấy ẩm mục hóa thành một thứ keo dính dính. Jorge nghe tiếng giở sách rào rào đã ngưng lại, bèn giục thầy William:

- Tiếp chứ, đọc đi, giở sách đi. Sách của Huynh mà. Huynh đã đoạt được nó rồi.

Thầy William bật cười, nghe dường như thích thú – Huynh nghĩ tôi khôn ngoan là không đúng đâu, Jorge ạ! Huynh không thấy được tôi đang đeo găng. Với những ngón tay cục mịch vụng về như thế này, tôi không thể tách từng trang giấy ra được. Tôi phải để tay trần, thấm nước miếng, như tôi đã tình cờ làm sáng nay khi đọc sách trong phòng thư tịch, thế nên điều bí ẩn đó đột nhiên cũng trở nên dễ hiểu. Và tôi sẽ phải tiếp tục giở như thế cho đến khi một lượng lớn thuốc độc ngấm vào miệng. Tôi đang nói đến lượng thuốc độc mà một ngày xa xưa nọ, Huynh đã trộm trong phòng thí nghiệm

của Severinus. Có lẽ lúc ấy Huynh đã thấy lo lắng, vì nghe ai đó trong phòng thư tịch tỏ ý tò mò, hoặc về “finis Africae”, hoặc về quyền sách thất lạc của Aristotle, hoặc là cả hai. Tôi tin Huynh đã cất ống thuốc độc đó một thời gian dài, định sử dụng nó vào lúc thấy nguy hiểm. Và Huynh đã thấy hiểm nguy đến vài ngày trước đây. Khi Venantius bàn quá gần đến đề tài của quyền sách, cùng lúc đó Berengar vô tâm, huênh hoang cố lờ Adelmo, tỏ ra không kín đáo như Huynh hằng hy vọng. Thế là Huynh đã giăng bẫy ra. Quả là kịp lúc, vì chỉ vài đêm sau đó, Venantius đã đột nhập vào trộm quyền sách, và gần như ngẫu nhiên giờ ra xem. Chẳng bao lâu sau, Huynh ấy thấy một bèn chạy xuống nhà bếp cầu cứu, và chết tại đó. Tôi có làm không nhỉ?

- Không, tiếp đi.

- Phần còn lại rất đơn giản. Berengar tìm thấy xác của Venantius trong nhà bếp, sợ người ta sẽ điều tra lời thôi, vì nói cho cùng, Venantius ban đêm đột nhập vào Đại Dinh là do nhờ Berengar trước đây đã tiết lộ bí mật cho Adelmo. Hắn không biết phải làm gì, bèn vác xác lên vai và ném nó vào vại máu, nghĩ rằng mọi người sẽ tin Venantius bị chết đuối.

- Thế Huynh làm cách nào biết được những sự việc xảy ra đó?

- Chính Huynh cũng biết rõ như tôi. Tôi nhận thấy phản ứng của Huynh, khi người ta tìm thấy mảnh vải vấy máu của Berengar. Tên ngốc đó đã dùng mảnh vải này để lau tay sau khi bỏ Venantius vào vại. Nhưng vì Berengar đã mất dạng, nên hắn chỉ có thể biến đi với quyền sách mà lúc đó đã kêu gọi óc tò mò của hắn. Huynh đợi người ta tìm ra xác Berengar ở đâu đó, không bị nhuốm máu mà là ngấm thuốc độc. Phần còn lại đã rõ ràng, vì Berengar đầu tiên đến bệnh xá để đọc sách, tránh xa các cặp mắt cú vọ. Malachi, bị Huynh xúi giục, vào giết Severinus, rồi quay lại đây và chết vì muốn khám phá điều cấm gì trong quyền sách đã khiến hắn thành một kẻ sát nhân. Như thế, chúng ta đã giải thích được tất cả mọi cái chết... Thật

ngu quá...

- Ai ngu?

- Tôi. Vì nghe theo lời nhận xét của Alinardo nên tôi đã tin rằng loạt án mạng này là theo thứ tự của bảy hồi kèn trong sách Mặc Khải. Mưa đá cho Adelmo, và Huynh ấy đã tự tử chết. Máu cho Venantius, và do thế người ta đã có những ý tưởng kỳ quặc về cái chết của Berengar. Nước cho Berengar, thực ra đó chỉ là một hành động ngẫu nhiên. Phần thứ ba của trời xanh cho Severinus, và Malachi đã dùng lồng cầu để đập huynh ấy, vì đó là một vật duy nhất tiện tay Malachi lúc đó. Và cuối cùng là bộ cạp cho Malachi... tại sao Huynh lại bảo hấn là quyển sách có sức mạnh của ngàn con bộ cạp?

- Chính vì Huynh. Alinardo đã kể cho tôi ý tưởng về bảy hồi kèn, và tôi nghe ai đó bảo cả Huynh cũng thấy ý đó hữu lý... Tôi đâm tin rằng những cái chết này là do thiên định, và tôi không có trách nhiệm gì hết. Tôi đã bảo Malachi nếu hấn tò mò thì hấn sẽ bị tiêu diệt theo thiên mệnh, và hấn đã chết như thế.

- Như thế, thì... Tôi đã hình dung sai cách lý giải các bước hành động của tên tội phạm và hóa ra hấn đã làm trùng với cách đó. Cũng chính nhờ cách hình dung sai này mà tôi đã theo được dấu vết của Huynh. Thời nay ai cũng bị ám ảnh bởi quyển sách của Thánh John, nhưng dường như Huynh là người nghiên cứu nó kỹ nhất, nhưng điều đó không phải vì Huynh ngẫm nghĩ mãi về tên Phản Chúa, mà vì Huynh xuất xứ từ một đất nước sản sinh ra những quyển sách Mặc Khải đẹp nhất. Hôm nọ có người bảo tôi chính Huynh đã đem đến thư viện những bản viết tay sách Mặc Khải đẹp nhất. Rồi một hôm khác, Alinardo nói lảm nhảm về một kẻ thù bí ẩn đã được phái đến Silos tìm sách, lòng hiếu kỳ của tôi nổi lên khi lão bảo kẻ thù này đã sớm quay về thế giới tối tăm: thoát tiên có thể tưởng lão nói về một kẻ đã chết yểu, nhưng thực ra lão đang nói đến sự mù lòa của Huynh. Silos ở gần Burgos, và sáng hôm nay, tôi thấy trong thư mục một loạt các sách nhận

được đều là sách Mặc Khải Tây Ban Nha, trong thời gian Huynh đã hay sắp xếp vị Paul xứ Rimini. Trong nhóm sách nhận được đó cũng có quyển sách này. Nhưng mãi đến khi tôi biết quyển sách này làm bằng giấy lụa thì tôi mới dám khẳng định lời giải thích của mình. Rồi tôi nhớ đến Silos, và biết chắc mình đúng. Dĩ nhiên, khi ý tưởng về quyển sách và độc chất giết người của nó dần dần hình thành thì cách suy diễn theo bảy hồi kèn Mặc Khải bắt đầu sụp đổ, mặc dù tôi không hiểu tại sao cả hai đều hướng về Huynh. Nhưng tôi hiểu rõ câu chuyện về sách hơn, vì theo hướng của hồi kèn Mặc Khải, tôi buộc phải nghĩ đến Huynh và cuộc tranh luận của Huynh về tiếng cười nhiều hơn. Do đó buổi tối nay, khi tôi không còn tin vào kèn Mặc Khải nữa thì tôi vẫn quyết canh chừng chuồng ngựa, và trong chính nơi đó, hoàn toàn tình cờ, Adso đã trao cho tôi chìa khóa vào “finis Africae”.

Jorge bảo: - Tôi không hiểu được ý Huynh. Huynh hãnh diện trình bày cái cách Huynh đã suy luận để nắm được tôi, thế rồi Huynh lại bảo Huynh đến đây vì suy luận sai. Thế Huynh muốn nói gì với tôi?

- Không nói gì với Huynh cả. Tôi hơi bị hẫng, thế thôi. Nhưng điều đó chẳng quan trọng gì. Dầu sao tôi đã đến đây.

- Chúa đang thổi bảy hồi kèn và Huynh, dù trong khi sai lầm, cũng đã nghe tiếng vọng rối loạn của âm ba đó.

- Huynh đã nói đến điều này trong bài giảng tối qua. Huynh cố thuyết phục mình rằng toàn bộ sự việc là do thiên định để che dấu sự kiện Huynh là kẻ sát nhân.

- Tôi chẳng giết ai cả. Mỗi người chết theo số phận tội lỗi của họ. Tôi chỉ là một công cụ.

- Hôm qua Huynh bảo Judas cũng là một công cụ. Điều đó không ngăn hẳn khỏi bị đọa đày.

- Tôi chấp nhận nguy cơ bị đọa đày. Chúa sẽ giải tội cho tôi, vì Ngài biết tôi hành động vì danh Ngài. Nhiệm vụ của tôi là bảo vệ Thư viện.

- Mới cách đây vài phút, Huynh đã sẵn sàng giết cả tôi và thằng bé này nữa....

- Huynh khôn ngoan hơn, nhưng chẳng giỏi hơn những kẻ khác đâu.

- Và bây giờ chuyện gì sẽ xảy ra, khi tôi tránh được cái bẫy đó?

- Chúng ta sẽ xem, - Jorge đáp, - Tôi không nhất thiết phải lấy mạng Huynh, có lẽ tôi sẽ thuyết phục được Huynh. Nhưng trước tiên, hãy nói cho tôi biết: làm cách nào Huynh đoán được đó là tập hai của quyển sách của Aristotle?

- Cách Huynh nguyên rủa tiếng cười chắc chắn không đủ cho tôi, và những gì tôi biết về cuộc tranh luận của Huynh với những người khác cũng quá ít ỏi. Thoạt tiên, tôi không hiểu ý nghĩa của chúng. Nhưng có những lời viết về một viên đá nhục nhĩ lăn trên bình nguyên, về những con ve sẽ từ lòng đất kêu vang lên, về những quả vả đáng kính. Tôi đã đọc một loại giông giống như vậy: mấy ngày vừa qua, tôi đã kiểm chứng lại. Đó là những thí dụ Aristotle đã sử dụng trong tập một của tác phẩm *Thi ca*, và tác phẩm *Từ từ học*. Rồi tôi nhớ Isidore xứ Seville đã định nghĩa hài kịch là một thứ nói về - biết diễn tả như thế nào nhỉ? - về một điều kém hơn những tình yêu đức hạnh. Dần dần tập hai của tác phẩm này hình thành trong óc tôi. Tôi có thể kể cho Huynh nghe gần như toàn bộ tập đó, mà không cần phải đọc những trang sách định dùng để thuốc tôi chết. Hài kịch phát sinh từ “Komai” – đó là những làng quê – như một cách liên hoan vui vẻ sau bữa ăn hay bữa tiệc. Hài kịch không nói về những kẻ quyền uy, danh giá, mà về những con người phạm tục buồn cười, nhưng không độc ác, nó không chấm dứt bằng cái chết của các nhân vật. Nó đạt được tác dụng gây cười nhờ vạch ra các thói hư tật xấu của người bình dân. Ở đây, Aristotle xem khuynh hướng gây cười như một lực lượng của điều thiện, trong đó cũng có giá trị giáo huấn: qua những câu đố hóm hỉnh và ẩn dụ bất ngờ, mặc dù chúng trình bày sự vật khác với bản chất của nó như thể nói dối vậy, khuynh

hướng này thực sự buộc chúng ta phải xem xét sự vật kỹ lưỡng hơn, khiến chúng ta phải thốt lên: À, sự vật là thế này đây, mà trước kia ta chẳng biết. Chân lý được đạt đến nhờ miêu tả con người và thế giới tệ hơn bản chất của chúng, hay tệ hơn chúng ta vẫn nghĩ, dầu sao thì cũng tệ hơn hình ảnh mà các trường ca, bi kịch và cuộc đời của các vị thánh vẫn đưa ra cho chúng ta thấy. Có phải thế không?

- Gần như thế. Huynh đã tái lập nó nhờ đọc các sách khác à?

- Nhiều điều trong đó Venantius đang nghiên cứu. Tôi nghĩ Venantius đã săn tìm quyển sách ấy khá lâu. Hẳn Huynh ấy đã đọc được trong thư mục các dấu hiệu cũng như tôi, và tin rằng đây là quyển sách Huynh ấy đang tìm kiếm. Nhưng Huynh ấy không biết cách đột nhập “finis Africae”. Khi nghe Berengar nói với Adelmo về nó, Huynh ấy liền lao ngay vào như chó săn thỏ.

- Đúng như thế. Tôi hiểu ngay. Tôi biết đã đến lúc mình phải hành động ác liệt để bảo vệ Thư viện...

- Và Huynh đã tẩm thuốc độc vào sách. Hẳn là một công việc khó khăn... trong bóng tối...

- Bây giờ tay tôi có thể nhìn rõ hơn mắt Huynh. Tôi đã lấy ở chỗ Severinus một cái bàn chải, và tôi cũng có đeo găng. Đó là một ý độc đáo phải không nào? Huynh phải mất một lúc lâu mới suy ra được...

- Phải. Tôi cứ nghĩ đến một vật phức tạp hơn, một cái kim tẩm thuốc độc hay một loại gì tương tự. Phải công nhận cách làm của Huynh thật là tiêu biểu: nạn nhân tự đầu độc khi có một mình, và chỉ trong mức độ người ấy muốn đọc...

Tôi rùng mình nhận ra rằng phút này đây, hai con người đối mặt trong một trận chiến sống còn đang thán phục lẫn nhau, tựa như người này hành động chỉ để người kia tán dương. Đầu óc tôi vụt lên ý nghĩ rằng các trò gian xảo mưu mẹo mà Berengar đã sử dụng để quyến rũ Adelmo, những hành vi

chân thật và tự nhiên mà cô gái đã dùng để khêu gợi lòng đam mê và dục vọng của tôi, chúng thật vô nghĩa nếu so với sự khôn ngoan và tài năng điên cuồng mà người này đem ra để chinh phục người kia, và thật tầm thường nếu so với cảnh nhử nhau đang xảy ra ngay trước mắt tôi đây; bảy ngày qua họ triển khai chiến pháp của mình, họ như đã bí mật hẹn ngầm với nhau, mỗi người âm thầm mong đợi người kia tán đồng, người này vừa sợ vừa ghét người kia.

Thầy William nói: - Nhưng Huynh hãy nói cho tôi biết, có sao Huynh lại muốn che giấu quyển sách này hơn nhiều quyển sách khác? Tại sao Huynh lại ém đi các luận thuyết về phép phù thủy, những trang sách có thể báng bổ Chúa – mặc dù không phải trả giá bằng án mạng đi nữa - ; trong khi chỉ vì những tờ giấy này, Huynh lại đi hại những người anh em và hại cả chính mình? Có nhiều quyển sách khác nói về hài kịch, nhiều quyển khác ca ngợi tiếng cười. Tại sao Huynh lại sợ quyển này nhiều như vậy?

- Vì nó do Triết gia [1] viết. Mỗi quyển sách do Người viết đã tiêu diệt một phần nền học vấn mà Thiên Chúa giáo đã tích lũy hàng bao thế kỷ nay. Các Đức Cha đã nói mọi điều cần biết về sức mạnh của Phúc Âm, nhưng Boethius [2] chỉ cần trau chuốt lại lời của Triết gia là sự huyền nhiệm của Phúc Âm đã biến thành trò cười của những phạm trù và tam đoạn luận cho người đời. Sách “Sáng Thế Ký” [3] đã nói những điều phải biết về cấu trúc của vũ trụ, nhưng chỉ cần đọc quyển “*Vật lý*” của Triết gia là đủ hình dung lại một thế giới bằng những vật chất trơn nhầy vô tri vô giác, và tên Ả Rập Averroes [4] đã gài thuyết phục được mọi người về sự vĩnh cửu của thế giới. Chúng ta đã biết mọi điều về các tên Thánh, thế mà tên Dominic mà Cha bề trên đã chôn xác – kẻ đã bị Triết gia quyến rũ – dám đặt tên các thánh lại, theo những cách suy luận tự nhiên đầy kiêu hãnh. Thế là cái vũ trụ mà Thảm phán tòa Areopagus cho rằng tự mở ra cho ai biết cách chiêm ngưỡng dòng suối ngời sáng của cội nguồn đầu tiên đã hoá thành nơi giữ

gìn các nguyên tố trần tục mà họ gọi là vật thể trừu tượng. Trước kia, chúng ta thường ngược lên trời, thỉnh thoảng mới hạ cổ nhúu mày liếc xuống vũng bùn vật chất, bây giờ chúng ta nhìn mặt đất, và tin vào trời qua những lời thể tục. Mỗi lời nói của Triết gia, mà bây giờ ngay cả (các?) Thánh và các tiên tri cũng lấy đó ra thề, đã đảo ngược hình ảnh của thế giới. Nhưng Người chưa đảo ngược hình ảnh của Chúa. Nếu quyển sách này trở nên... hay đã trở nên, đối tượng để bình giảng công khai, thì chúng ta hẳn sẽ đập qua lần ranh cuối cùng.

- Nhưng Huynh sợ gì trong việc tranh luận về tiếng cười này? Huynh không thể loại trừ tiếng cười bằng cách loại trừ quyển sách đó được?

- Không, chắc chắn không. Nhưng tiếng cười là sự yếu đuối, sa đọa và xuẩn ngốc trong xác thịt ta. Nó là cách giải trí của nông dân, sự phóng túng của tên say rượu, ngay cả giáo hội cũng đã khôn ngoan cho phép trong dịp tiệc tùng, hội hè, chè chén được thỏa cái tật này một ngày đêm để khuây khỏa tâm trí và quên đi các đòi hỏi, dục vọng khác... Thế nhưng, tiếng cười vẫn là thứ thô tục, một vật bảo vệ cho giới bình dân, một điều bí ẩn nhất, một chất thiêng liêng cho những tên khát thực. Thánh tông đồ cũng đã nói thế này: thà kết hôn còn hơn đi thiêu, thà chống lại trật tự đã được thiết lập của Thượng đế còn hơn cười cợt, khoái trá đem trật tự đó ra làm trò cười góm ghiếc cuối bữa ăn, lúc đã cạn chén say sưa; bầu lên vua ngốc, buông thả trong nghi lễ của bọn heo, lừa, chơi trò truy hoan chống ngược đầu... Còn trong đây, trong đây này – Jorge đập tay lên bàn gần quyển sách thầy William đang mở ngỏ, - nhiệm vụ của tiếng cười đã được đảo ngược. Nó được nâng lên thành nghệ thuật, cánh cửa của giới học thức mở cửa đón nó, nó trở thành đối tượng nghiên cứu của triết học và nền thần học xảo trá. Hôm qua, Huynh đã thấy những kẻ phàm tục có thể dung dưỡng và thực hiện những hành động dị giáo khủng khiếp nhất như thế nào, chúng đã phản bội lời thề của Chúa và luật của tự nhiên. Nhưng giáo hội có thể dẹp yên

được loạn dị giáo của bọn phạm tục, những kẻ tự tiêu diệt mình bằng sự ngu dốt của chính họ. Sự cuồng điên dốt nát của Dolcino và những loại như hắn sẽ chẳng bao giờ tạo nên cuộc khủng hoảng trong dòng đạo. Hắn quyết thuyết giảng bạo lực và sẽ chết vì bạo lực, sẽ chẳng để lại được dấu tích gì, sẽ tàn theo bữa tiệc, và nếu trong bữa tiệc đó một thế giới đảo ngược có được tạo ra trên mặt đất này một khoảnh khắc thì cũng chẳng sao. Với điều kiện hành động đó không được biến thành mưu định, với điều kiện giọng lưỡi thô tục đó không tìm được tiếng la tinh để chuyển dịch nó. Tiếng cười khiến bọn nông nô khỏi sợ Quỷ, vì trong bữa tiệc của lũ ngốc Quỷ cũng hiện ra với vẻ nghèo nàn ngốc nghếch, thế nên có thể điều khiển nó được. Nhưng quyển sách này có thể dạy rằng tự giải thoát khỏi nỗi sợ Quỷ là thông thái. Khi cất tiếng cười, với rượu ừng ực trong cổ họng, tên nông nô cảm thấy mình như một địa chủ, vì gã đã đảo ngược vị trí của mình với lãnh chúa, như quyển sách này có thể dạy và chỉ vẽ chi tiết cho những người học thức các mưu mẹo gian xảo để hợp pháp hóa sự đảo ngược đó. Khi ấy, cái mà may thay vẫn còn là hoạt động của dạ dày, sẽ được biến thành hoạt động của não. Tiếng cười thích hợp với con người là dấu hiệu cho thấy giới hạn của chúng ta, vì con người là những kẻ phạm tội. Nhưng từ quyển sách này, nhiều bộ óc sa đọa như Huynh sẽ suy ra một tam đoạn luận cực đoan, trong đó tiếng cười là cứu cánh của con người! Cười trong một lúc sẽ giúp tên dân quê xưa đi nỗi sợ hãi. Nhưng luật pháp được áp đặt nhờ sự sợ hãi mà cái tên chân chính của nó chính là lòng sợ Chúa. Quyển sách này có thể nhen lên đóm lửa của quỷ Lucifer để bùng lên ngọn lửa mới thiêu đốt toàn thế giới, và tiếng cười sẽ được định nghĩa là một nghệ thuật mới để chấm dứt sợ hãi, nghệ thuật mà ngay cả Prometheus [5] cũng chẳng biết đến. Khi cười, cái chết đối với tên nông nô chẳng còn nghĩa lý gì nữa: thế nhưng theo thiên định, sau cơn phóng đảng thì nghi thức lại phải trù lên gã nỗi sợ chết! Từ quyển sách này có thể sản sinh ra một mục tiêu hủy diệt mới,

nhằm thủ tiêu cái chết bằng con đường rũ sạch sợ hãi. Và chúng ta, những sinh vật tội lỗi, sẽ ra sao đây nếu không biết sợ, nếu không giữ được cái mà có lẽ là khả năng nhìn xa trông rộng nhất, đáng yêu nhất trong các khả năng thiên bẩm? Bao thế kỷ nay các học giả và đức cha bằng suy nghĩ về những điều cao quý đã ban phát tinh hoa của nền học xứ đạo để cứu vớt sự khốn khổ và cám dỗ của cái thô tục. Còn quyền sách này - vì cho rằng hài kịch, với thể loại trào phúng và kịch câm của nó, là một loại thần dược sẽ thanh lọc mọi đam mê bằng cách đưa lên sân khấu các thói tật và yếu đuối nhẹ dạ - nó sẽ khiến các học giả giả hiệu nỗ lực cứu vớt những điều cao quý, bằng sự đảo ngược qui quái: chấp nhận cái thô tục. Quyền sách này có thể gieo cái ý tưởng là con người mong mặt đất sẽ có vô số miền đất Cockaigne [6]. Nhưng đó là thứ chúng ta không thể có và không được phép có. Hãy nhìn những tu sĩ trẻ đã nhục nhã đọc bản nhớ nhãng nhái lại “*Bữa tiệc của Cyprian*”. Thật là một quyền sách qui quái làm biến dạng Thánh Kinh! Tuy nhiên, khi họ đọc nó, họ biết nó là tội lỗi. Nhưng ngày nào lời của Triết gia minh chứng cho các hình giễu bên lề sách của một bộ óc tưởng tượng sa đọa, hay ngày nào cái nằm bên lề nhảy vào trung tâm, thì ngày đó mọi dấu vết của trung tâm sẽ biến mất. Dân Chúa sẽ hóa thành một lũ quái vật ợ ra từ vực thẳm của vùng đất chưa biết đến, và khi đó rìa của thế giới cũ sẽ trở nên tâm của xứ đạo, Arimapsi sẽ ngồi trên ngôi của Peter, bọn người lùn bụng phệ đầu to sẽ chiếm lấy Thư viện! Lũ tội tở sẽ đặt luật, và chúng tôi (lúc đó cả Huynh nữa) phải tuân theo, trong một tình trạng chẳng có luật lệ gì cả. Một triết gia Hy Lạp mà Aristotle của Huynh có dẫn ra ở đây, đã bảo phải dùng nụ cười để xua đi sự nghiêm trang của đối phương, và nụ cười mâu thuẫn với sự nghiêm trang. Các bậc cha ông thận trọng của chúng tôi đã chọn lựa thế này: nếu tiếng cười là niềm vui của giới bình dân, thì sự phóng túng của họ phải được kiềm chế, sỉ nhục, và đe dọa bằng sự khắc nghiệt. Và giới bình dân chẳng có vũ khí nào để trau chuốt tiếng cười của

họ, cho đến khi họ biến nó thành một công cụ chống lại sự nghiêm trang của các bậc chăn chiên tinh thần, những người có sứ mệnh phải dẫn dắt họ đến đời vĩnh cửu, và cứu họ khỏi sa vào sự cám dỗ của tham, sân, si. Nhưng nếu một ngày kia có ai đó khua lên lời của Triết gia và cất tiếng như một triết gia, nâng tiếng cười lên thành một vũ khí tinh xảo, nếu nghệ thuật thuyết phục được thay bằng nghệ thuật giấu cợt – thì ôi thôi, ngày đó, ngay cả Huynh nữa William ạ, và tất cả tri thức của Huynh nữa, cũng sẽ bị cuốn sạch!

- Tại sao? Lúc ấy tôi sẽ đấu trí với những người khác. Thế giới ấy sẽ tốt hơn thế giới trong đó lửa và những thanh sắt nung đỏ của Bernard Gui làm nhục ngọn lửa và sắt nung của Dolcino.

- Chính Huynh lúc đó cũng sẽ lọt vào âm mưu của Quỷ. Huynh sẽ chiến đấu ở phía bên kia trong trận thư hùng Armageddon, nơi diễn ra trận chiến đấu cuối cùng. Nhưng đến ngày đó thì giáo hội hẳn có đủ khả năng áp đặt một lần nữa giáo luật lên cuộc chiến. Chúng tôi không sợ những lời báng bổ, vì ngay cả trong những lời chửi Chúa, chúng tôi cũng nhận ra được hình ảnh biến dạng của Jehovah nổi giận, người đã chửi rửa bọn thiên thần nổi loạn. Chúng tôi không sợ bạo lực của những kẻ giết người chăn chiên, nhân danh cải cách hảo huyền, vì đó cũng là bạo lực của các vua chúa cố tiêu diệt dân Israel. Chúng tôi không sợ sự khắc nghiệt của bọn Donatist [7], dục vọng của bọn Bogomil, sự điên cuồng tội lỗi của những sư huynh dòng Tinh thần tự do: Chúng tôi hiểu hết thấy họ và biết căn nguyên tội lỗi của họ, đó cũng là căn nguyên thánh thiện của chúng tôi. Chúng tôi không sợ, và trên hết, chúng ta biết cách tiêu diệt họ - hay tốt hơn nữa, biết cách để họ tự tiêu diệt mình. Thực ra, tôi phải nói là sự tồn tại của họ rất quý giá đối với chúng tôi, nó đã được ghi trong thiên định vì tội lỗi của họ nhắc chúng tôi đạo đức, lời nguyên rửa của họ cổ vũ cho những lời ngợi ca của chúng tôi, lối sống vô đạo của họ khiến sự thành kính của chúng tôi ngời sáng lên, cũng như cần

có Sa tăng để Chúa vinh danh rạng rỡ hơn. Nhưng nếu một ngày kia – và không còn là một ngoại lệ trong giới bình dân, mà là điều phổ biến trong giới học thức đã tận tụy nghiên cứu những minh chứng không tiêu diệt được của Thánh kinh – nghệ thuật giấu cọt được chấp nhận, và trở nên cao quý, tự do, và không còn máy móc nữa; ngày kia có người nói (cho người khác nghe): “Tôi cười hiện thân của Chúa”, thì khi ấy chúng tôi sẽ không có vũ khí nào để chống lại lời báng bổ ấy cả, vì nó sẽ triệu về các thể lực đen tối trong thể xác vốn tụ lại trong phát rấm và hơi ợ chua và chúng sẽ đòi cái quyền mà chỉ duy nhất tinh thần mới có: quyền được xì ra nơi nào tùy thích!

- Lycurgus đã cho dựng một tượng ca ngợi cái cười.

- Huynh đọc điều đó trong quyển sách phỉ báng của Cloritian, người đã cố giải cho kịch câm khỏi tội vô đạo, ông kể chuyện một bệnh nhân được một bác sĩ chữa lành bệnh bằng cách giúp cho người ấy cười. Cần gì phải chữa cho hắn chứ, nếu Chúa đã định đời trần tục của hắn đã chấm dứt?

- Tôi không nghĩ bác sĩ ấy đã chữa lành cho bệnh nhân. Ông ta dạy bệnh nhân cách cười căn bệnh của mình.

- Bệnh không phải đuổi tà là hết. Nó phải được tiêu diệt.

- Cùng với cơ thể của người bệnh.

- Nếu cần thiết.

- Huynh chính là Quỷ - Thầy William bèn nói.

Jorge dường như không hiểu. Nếu lão sáng mắt, tôi dám chắc lão phải dò mắt ra nhìn người vừa nói. Lão hỏi:

- Tôi ư?

- Phải. Họ đã nói dối Huynh. Quỷ không phải là Sa Tăng, Quỷ chính là tinh thần kiêu hãnh, là đức tin không biết mỉm cười, là sự thật chẳng hề hoài nghi. Quỷ ác vì nó biết mình đi đâu, và cũng như Quỷ, Huynh sống trong bóng tối. Nếu Huynh muốn thuyết phục tôi thì Huynh đã thất bại. Jorge, tôi

căm ghét Huynh, và nếu có thể, tôi sẽ dẫn Huynh xuống lầu, băng qua sân, trần truồng, lỗ đít căm lông gà, mặt vẽ hề, để cả tu viện cười nhạo Huynh và chẳng còn sợ Huynh nữa. Tôi muốn trét mặt khắp người Huynh rồi lăn vào đám lông, và buộc dây dắt Huynh ra chợ phiên, nói với mọi người rằng: Hẳn đã công bố sự thật với quý vị và bảo sự thật có vị chết chóc, và quý vị đã tin, không phải lời hấn, mà là tính tàn nhẫn của hấn. Bây giờ, tôi xin thưa với quý vị rằng, trong cơn xoáy vô biên của những điều khả thi, Chúa cũng cho phép quý vị tưởng tượng ra một thế giới trong đó người cho mình làm sáng tỏ sự thật chẳng là cái gì khác hơn là một con quạ đen vụng về, kẻ lặp lại những lời người ta đã biết từ lâu rồi.

- Huynh còn xấu hơn Quý nữa, tu sĩ Khất thực à – Jorge nói. – Huynh là một thằng hề, cũng như vị thánh đã khai sinh cho tất cả dòng Huynh vậy. Huynh giống như Thánh Francis của Huynh, người cất tiếng nói với tất cả thân xác của mình [8], người giảng kinh mà trình diễn như một tên bán thuốc dạo, người làm bọn bản tiện kinh ngạc vì dúi vào tay chúng những đồng tiền vàng, khiến các nữ tu kính đạo xấu hổ vì không đọc kinh mà lại ngâm “Miserere. Xin thương xót chúng tôi”, người ăn xin bằng tiếng Pháp, người lấy một mẫu gỗ để bắt chước động tác của các nhạc công vĩ cầm, người giả dạng một tên lang thang để làm bẽ mặt các tu sĩ tham ăn tục uống, người ném mình trần truồng xuống tuyết, người nói chuyện với cỏ cây muông thú, biến cả huyền thoại của Chúa giáng sinh thành một cảnh làng, nhại tiếng cừu kêu be be để gọi con chiên xứ Bethlehem... Một trường phái hay đấy. Thầy dòng Diotisalvi xứ Florence ấy là tu sĩ Khất thực chứ?

- Phải – thầy William mỉm cười – Đó là người đã đến chủng viện của những người giảng đạo, và bảo sẽ không nhận thực phẩm nếu họ không đưa trước cho Người một mảnh áo của Sư huynh John để giữ làm thánh tích. Khi họ đưa mảnh áo ấy, Người bèn lấy nó chùi mông và ném vào đồng phân, rồi lấy một cây gậy lăn nó quanh đồng phân và la lên: “Than ôi, các sư huynh

oi, hãy giúp tôi, tôi lỡ đánh rơi thánh tích xuống nhà xí rồi!”

- Rõ ràng câu chuyện đó làm Huynh thích thú lắm! Có lẽ Huynh cũng kể tôi nghe câu chuyện về một tu sĩ Khất thực khác là Thầy dòng Paul Millemosche. Một hôm thầy nằm sõng xoài trên mặt băng, khi đồng bào của thầy chế giễu thầy và một người hỏi thầy có thích nằm trên cái gì tốt hơn không, thầy bèn đáp: “Có, vợ của người...”. Đó là cách Huynh và các người anh em của Huynh tìm kiếm sự thật đấy.

- Đó là cách Thánh Francis dạy con người nhìn sự vật từ một góc độ khác.

- Nhưng chúng tôi đã buộc họ vào kỷ cương. Hôm qua Huynh đã nhìn thấy các anh em của mình đấy. Họ đã gia nhập hàng ngũ của chúng tôi và không còn nói như những người phạm tục nữa. Những người phạm tục không được phép nói. Quyển sách này sẽ biện minh cho tư tưởng ngôn ngữ của người phạm tục là phương tiện của sự thông thái. Phải ngăn chặn điều này, và tôi đã làm. Huynh bảo tôi là Quý, nhưng không đúng thế. Tôi là cánh tay của Chúa.

- Tay của Chúa sáng tạo, chứ không che giấu.

- Có những giới hạn không được vượt qua. Chúa ban lệnh rằng một số giấy tờ nhất định phải mang dòng chữ “đây là sư tử”.

- Chúa cũng tạo ra quái vật. Và Huynh nữa. Và Ngài muốn mọi điều đều được nói đến.

Jorge giờ đôi tay run rẩy ra kéo quyển sách về phía mình, lão mở nó ra nhưng xoay lại, để thầy William vẫn có thể thấy nó thuận chiều. Lão bảo:

- Thế tại sao Ngài lại để bản viết này lạc mất hàng bao thế kỷ, chỉ còn sót lại một bản sao duy nhất, và bản sao của cái bản viết chỉ có Chúa biết đã trôi dạt đến đâu, lại bị chôn vùi hàng nhiều năm trong tay của một tên vô thần không biết tiếng Hy Lạp, rồi bị bỏ quên chẳng ai ngó ngàng đến trong một góc bí mật của một thư viện cũ kỹ, nơi chính tôi, chứ không phải Huynh, được Thượng đế gọi phải tìm nó và giấu nó đi thêm nhiều năm nữa?

Tôi biết, tôi biết như thể đã đọc được nó ghi bằng những dòng chữ sắt đá, với đôi mắt có thể nhìn thấy được những điều Huynh không thấy. Tôi biết đây là ý Chúa, và tôi đã hành động để mình giảng nó. Nhân danh Cha, và Con và Thánh thần.

Chú thích:

[1] *Chỉ Aristotle.*

[2] *Chính khách và triết gia La Mã (480?-524? sau Công Nguyên).*

[3] *Genesis. Quyển đầu của Kinh Cựu ước.*

[4] *Triết gia và nhà vật lý Hồi giáo, (1126-1198). Điểm chính trong triết lý của ông là linh hồn có thể bị tiêu diệt.*

[5] *Theo huyền thoại Hy Lạp, Prometheus đã trộm lửa trên trời đem xuống dạy cho con người cách sử dụng. Ông bị Zeus phạt xiềng vào một viên đá, mỗi ngày bị diều hâu đến ăn dần mòn lá gan, nhưng đến đêm nó lại hóa nguyên lành như cũ.*

[6] *Miền đất tưởng tượng có cuộc sống an nhàn, xa hoa.*

[7] *Một giáo phái thuộc đạo Thiên Chúa, được thành lập ở Bắc Phi thế kỷ IV sau Công nguyên.*

[8] *de toto corpore fecerat linguam*

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

ĐÊM

*Hỏa tai xảy ra,
vì đạo đức quá độ,
nên thế lực của địa ngục đã thắng thế*

Lão già im lặng. Lão xòe cả hai tay đặt lên quyển sách, tựa như mon trón các trang giấy, vuốt chúng thẳng ra để đọc, hay như muốn bảo vệ nó khỏi móng vuốt của một loài chim ăn thịt.

Thầy William bảo Jorge:

- Dẫu sao, tất cả đều hoài công. Bây giờ mọi việc đã xong. Tôi đã tìm thấy Huynh, tìm thấy quyển sách, và những người kia đã chết vô ích.

- Không vô ích đâu. Có lẽ đã có quá nhiều người chết quá. Và nếu Huynh cần có bằng chứng rằng quyển sách này là bạc mệnh thì Huynh đã giữ nó rồi. Và để chắc rằng họ đã không chết vô ích, thì thêm một cái chết nữa cũng chẳng có nhiều nặng gì.

Vừa nói, lão vừa đưa ngón tay xương xẩu trong mờ lên, chậm chạp xé những trang giấy mỏng manh của quyển sách thành từng mảnh nhỏ, tọng chúng vào miệng, và từ từ nuốt xuống, tựa như lão đang ăn bánh thánh và muốn biến nó thành xác thịt của mình.

Thầy William bàng hoàng nhìn lão, dường như chưa hiểu được điều đang xảy ra. Rồi thầy bình tâm lại và chúi về phía trước hét lên: - Huynh làm gì thế? – Jorge mỉm cười, gờ hai cái lợi trắng dã ra, một chất nhầy vàng vàng từ đôi môi tái nhợt của lão ứa ra, nhỏ giọt xuống mấy sợi râu trắng thưa thưa dưới cằm.

- Huynh đang đợi hồi kèn thứ bảy, phải không? Giờ hãy lắng nghe tiếng kèn lên tiếng đây: “Hãy niêm kín những điều bảy sấm truyền đã nói, và chớ viết nó ra, hãy nuốt nó đi, nó sẽ làm ruột người đắng ngắt, nhưng trên môi người nó sẽ ngọt như mật”. Huynh thấy chưa? Bây giờ tôi đã niêm kín điều không được nói, trong năm mờ chôn tôi.

Lão cười, trời, lão Jorge cười. Lần đầu tiên tôi mới nghe lão cười... Lão cười từ trong cổ họng, mặc dù môi lão không tươi và trông lão dường như gần khóc.

- Huynh không ngờ được một chung cuộc như thế này, phải không William? Lão già này nhờ ơn huệ của Chúa, một lần nữa lại thắng phải không nào? – Khi thầy William định giật lấy quyển sách thì Jorge nghe tiếng gió đoán được bèn lùi lại, tay trái ôm chặt quyển sách vào ngực, còn tay phải tiếp tục xé các trang giấy và nhồi chúng vào miệng.

Lão ở phía bên kia bàn, thầy William không với tới được bèn cố đứng phắt dậy chạy quanh chướng ngại vật đó. Nhưng thầy làm đổ ghế và vương áo vào đó, thế nên Jorge đã hiểu được mưu định. Lão già lại phá lên cười, lần này còn to hơn nữa, và thật nhanh không ngờ, lão vung tay phải ra quờ quạng tìm ngọn đèn. Theo sức nhiệt tỏa ra lão chớp lấy ngọn lửa và chẳng sợ đau, đè mạnh tay lên đó. Đèn tắt phụt. Căn phòng tối đen, và lần cuối cùng, chúng tôi nghe tiếng cười của Jorge, lão nói: - Giờ tìm ta đi! Bây giờ ta là người nhìn rõ nhất. – Rồi lão lặng thinh và không hề tạo ra một tiếng động nào khác, lão di chuyển với những bước chân lặng lẽ, vốn khiến lão luôn xuất hiện thật bất ngờ. Chúng tôi chỉ còn nghe được đâu đó trong căn phòng, chốc chốc lại phát ra tiếng xé sách.

- Adso, - thầy William la lên. – Chặn ngay cửa. Đừng để lão lọt ra ngoài.

Nhưng thầy nói muộn quá, vì này giờ tôi chỉ muốn nhào vào chụp lấy lão già, nên khi phòng sập tối, tôi đã lao tới, cố chạy vòng theo nửa vòng bàn ngược hướng với thầy. Tôi nhận ra quá muộn là tôi đã giúp Jorge chiếm

được cửa, vì lão già có thể di chuyển trong bóng tối một cách tự tin lạ thường. Chúng tôi nghe sau lưng tiếng xé giấy – hơi lùng bùng, vì phát ra từ phòng bên cạnh, và cùng lúc đó, chúng tôi nghe một âm thanh khác, tiếng kèn kẹt khô khốc chạy tới, tiếng bản lề kêu ken két.

Thầy William la lên: - Tầm gương! Lão định nhốt chúng ta ở trong này! – Theo hướng tiếng động phát ra, cả hai thầy trò tôi đều lao về phía cửa. Tôi ngã nhào lên một cái ghế và bầm cả chân, nhưng chẳng thêm để ý, vì tôi vụt nhận ra rằng nếu Jorge nhốt chúng tôi trong này thì chúng tôi muôn đời chẳng ra được: trong bóng đêm, chúng tôi sẽ chẳng bao giờ tìm được cách mở cửa, vì không biết cách và không biết điều khiển máy nào ở phía bên này.

Tôi tin thầy William cũng bỏ tới thực mạng như tôi vậy, vì tôi cảm thấy thầy bên cạnh tôi khi cả hai thầy trò đến được ngưỡng cửa và ép sát mình vào lưng tấm kính đang khép lại về phía chúng tôi. Chúng tôi đến kịp lúc cánh cửa ngừng lại, rồi hé mở ra. Rõ ràng Jorge thấy trận chiến không cân sức nên bỏ đi. Chúng tôi ra khỏi căn phòng kinh khủng đó, nhưng giờ đây chẳng biết lão già đang đi đâu, và bóng tối vẫn còn dày đặc.

Đột nhiên, tôi nhớ ra: - Thầy ơi! Con vẫn giữ cục đá lửa!

- Thế còn đợi cái gì nữa? – Thầy William la lên – Tìm cây đèn và châm lửa đi! – Tôi lao trở lại “finis Africae” tối tăm để tìm cây đèn. Nhờ phép lạ, tôi tìm thấy nó ngay bèn lần theo áo dòng lấy ra cục đá lửa. Tay tôi run lẩy bẩy, và đánh lửa hai ba lần chưa châm được đèn, còn thầy William thì đứng ở cửa gọi hỏn hển. – Nhanh lên, nhanh lên! – Cuối cùng tôi đánh được lửa.

Thầy William lại giục: - Nhanh lên! Nếu không lão già sẽ ăn sạch Aristotle!

- Và chết! – Tôi đau đớn thốt lên, vượt lên trước thầy và cùng thầy tìm kiếm.

- Thầy không thêm biết lão chết hay sống, đồ quái vật đó! – Thầy William la lên, chạy lại chỗ này chỗ kia, chỗ mắt nhìn khắp mọi nơi – Với số giấy

nuốt được đó, mạng lão đã tuyệt rồi. Nhưng thầy muốn có quyền sách.

Đoạn thầy ngừng lại, bình tĩnh hơn, tiếp: - Khoan đã. Nếu tiếp tục thế này thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ tìm thấy lão. Im lặng, chúng ta sẽ đứng yên một lúc, - Chúng tôi gồng cứng mình, nín thính, và trong yên lặng, chúng tôi nghe, cách không xa lắm, tiếng thân người đụng mạnh vào kệ sách, và tiếng vài quyển sách đổ ầm xuống đất – Hướng đó! – Cả hai chúng tôi đồng thanh hét lên.

Chúng tôi chạy về hướng phát ra tiếng động, nhưng chẳng bao lâu phải chậm bước lại. Thực ra, bên ngoài “finis Africae”, Thư viện đêm nay đầy những luồng khí rên rỉ rít lên, tương ứng với cơn gió mạnh ngoài trời. Tốc độ chạy của chúng tôi khiến luồng gió càng mạnh hơn, và đe dọa sẽ dập tắt ngọn đèn, mà chậm lại rất vất vả. Vì chúng tôi không thể đi nhanh hơn, chúng tôi buộc phải làm Jorge đi chậm lại. Nhưng thầy William lại nảy lên một ý trái ngược, bèn hét lên:

- Chúng tôi bắt được Huỳnh rồi, lão già ạ, chúng tôi đã có đèn! – Thật là một quyết định khôn ngoan, vì lời tiết lộ ấy có lẽ đã khiến lão hoảng, lão bèn đi nhanh hơn, và tự làm tổn hại đến khả năng miễn cảm nhiệm màu và tài nhìn trong bóng tối của mình. Ít lâu sau, chúng tôi nghe một tiếng động khác, theo hướng đó, chúng tôi bước vào phòng Y của YSPANIA, và thấy lão nằm trên mặt đất, tay vẫn giữ quyển sách, cổ đứng dậy giữa đồng sách ngổn ngang mà lão đã đụng vào bàn làm đổ nhào xuống. Lão đang gắng đứng dậy, nhưng vẫn tiếp tục xé sách, quyết nuốt hết cơn đói càng nhanh càng tốt.

Khi chúng tôi chạy đến thì lão đã đứng thẳng, nghe biết chúng tôi đã tới, lão lùi lại, đối mặt với chúng tôi. Dưới ánh đèn sáng đỏ, gương mặt lão bây giờ trông thật khủng khiếp: các đường nét đã méo mó, một dòng mồ hôi thâm hiểm chảy ròng ròng xuống má, xuống má lão, đôi mắt thường vẫn trắng đã chết chóc của lão giờ đỏ như máu, từ miệng lão rơi ra những mẫu giấy,

lão trông hệt một con thú đen như quạ đã nhồi đầy bụng mình và không còn nuốt nổi thức ăn nữa. Người co rúm vì hoảng loạn, vì sự tàn phá của thuốc độc giờ đang chạy rần rần khắp thân thể, vì mưu đồ quái quỷ quyết thực hiện cho bằng được, thân hình quắc thước của lão già bây giờ trông ghê tởm và cục mịch. Vào lúc khác thì hình ảnh đó có thể làm người ta cười, nhưng chúng tôi giờ cũng mệt rã rượi như chó rình mồi.

Lẽ ra bình tĩnh bắt lão, chúng tôi lại nhào vào tấn công lão mãnh liệt. Lão quần quai nhưng tay vẫn ôm ghì trước lồng ngực, quyết giữ quyền sách. Tay trái tôi nắm lấy lão còn tay phải thì cô giơ cao ngọn đèn, nhưng ngọn lửa tấp vào mặt lão, lão nóng quá bèn nghen ngào la gần như rống lên, những mẩu giấy trong miệng văng ra, tay phải lão liền buông quyền sách, vồ lấy ngọn đèn, bất thần giật nó khỏi tay tôi và ném đi xa...

Ngọn đèn rơi ngay trên đồng sách mở ngổ bị hất nhào từ trên bàn xuống. Dầu đổ tung tóe, ngọn lửa liền tấp lấy một trang giấy mỏng manh, và nó cháy bùng lên như một bó củi khô. Tất cả xảy ra trong khoảnh khắc, tựa như bao thế kỷ nay, những trang giấy cổ ấy đã trông chờ một cuộc hỏa hoạn, và giờ đang thích thú, đột nhiên được thỏa mãn khát vọng triền miên được bùng cháy. Thấy nguy hiểm thầy William buông lão già ra. Biết đã thoát, lão lùi lại vài bước, thầy William do dự một thoáng, mà có lẽ là quá lâu, phân vân không biết nên tóm lão Jorge lại, hay nên dập tắt ngay ngọn lửa nhỏ. Một quyển sách cũ nhất bốc cháy ngay, bùng lên một ngọn lửa.

Những luồng gió nhẹ, có thể thổi tắt ánh đèn lung linh, thì lại giúp cho ngọn lửa lớn cháy rực hơn, chúng còn thổi tàn bay đi tung tóe.

Thầy William la: - Dập lửa ngay! Nhanh lên! Cháy hết bây giờ!

Tôi chạy về phía đồng lửa, rồi ngừng lại vì không biết phải làm gì. Thầy William lại chạy đến giúp tôi. Chúng tôi đưa tay ra, mắt tìm kiếm vật gì đó để dập lửa. Óc tôi lóe lên một ý: tôi tuột áo qua khỏi đầu và cố ném nó vào giữa đồng lửa. Nhưng bây giờ ngọn lửa đã quá cao, nó nuốt luôn áo của tôi

và được nuôi lớn thêm. Giật đôi tay cháy sém của mình lại, tôi quay sang thầy William và trông thấy Jorge đang tiến đến ngay sau lưng thầy. Bây giờ hơi nóng tỏa ra rất mạnh nên lão có thể nhận ra rất dễ dàng, do đó lão biết chắc chắn ngọn lửa ở đâu. Lão bèn ném quyển sách của Aristotle vào lửa. Diên tiết lên, thầy William bèn đẩy lão một cái thật mạnh. Jorge ngã sầm vào một kệ sách, đầu đập mạnh vào một góc. Lão gục xuống đất... Nhưng thầy William, tôi nghĩ thầy đã bật ra một lời nguyện rửa đáng sợ, chẳng thềm ngó ngang chỉ đến lão. Thầy quay sang mấy quyển sách. Muộn mất rồi. Tác phẩm của Aristotle, hay phần còn lại sau bữa ăn ngẫu nhiên của lão già đã bị thiêu rụi.

Trong khi đó, vài tàn lửa đã bay về phía tường, và các quyển sách trong một kệ khác đang co rúm lại dưới ngọn lửa giận dữ. Bây giờ, trong phòng không phải có một mà đến hai đồng lửa đang cháy.

Thầy William nhận thấy chúng tôi không thể dùng tay để dập lửa được, bèn quyết định lấy sách để cứu sách. Thầy nắm lấy một quyển mà thầy nghĩ chắc chắn và dày dặn hơn các quyển khác, cố dùng nó như một vũ khí để đàn áp kẻ thù hung hãn. Nhưng đập quyển sách bìa đóng nẹp dính lên các quyển đang cháy chỉ khêu thêm nhiều đóm lửa khác. Thầy cố lấy chân rài chúng ra thì tác dụng lại ngược lại: những mảnh giấy cháy dở bay lên chấp chới như cánh dơi, thối chúng đi nhóm thêm những ngọn lửa mới trên các trang giấy khác.

Rủi thay, đó là căn phòng bừa bãi nhất trong Mê Cung. Bản thảo cuộn tròn treo trên kệ, những quyển sách khác thì tả tơi, ruột long khỏi bìa, trông như những cái lưỡi bằng da bê khô héo vì thời gian lè ra khỏi cái miệng há hốc, trên bàn chất đầy những bản viết mà Malachi đã quên không cất đúng chỗ. Thế nên căn phòng, sau khi bị Jorge làm đổ nháo nhào, ngổn ngang những bản da chỉ chờ đợi biến ra tro.

Căn phòng phút chốc đã biến thành một lò than, một lùm cây bốc cháy. Cả

những kệ sách cũng dựa vào cuộc hiến tế này, chúng bắt đầu kêu rống rức. Tôi nhận ra toàn Mê cung giờ chỉ là một giàn hỏa tế khổng lồ, hết thấy chuẩn bị đợi mỗi lửa đầu tiên.

- Nước. Ta cần nước! – Thầy William nói, rồi tiếp. – Nhưng làm sao tìm được nước trong hỏa ngục này.

- Dưới bếp, xuống dưới bếp, - Tôi la lên.

Thầy William sững sờ nhìn tôi, mặt thầy đỏ gay trong ánh lửa bùng bùng. – Đúng, nhưng khi chúng ta xuống và lên trở lại thì... Bà hỏa đã ngốn hết! – Rồi thầy hét lên – Dầu sao, căn phòng này đã tiêu rồi, và có lẽ phòng kế bên cũng thế. Chúng ta hãy xuống ngay, thầy tìm nước, còn con phóng ra ngoài báo động. Ta cần nhiều người!

Chúng tôi tìm đường đến cầu thang, ngọn lửa cũng bắt sang những phòng kế cận, nhưng càng xa càng mờ, thế nên chúng tôi gần như mò mẫm băng qua hai phòng cuối. Bên dưới, ánh trăng lờ mờ soi vào phòng thư tịch, và từ đây chúng tôi đi xuống nhà ăn. Thầy William phóng vào nhà bếp, tôi lao lên cửa nhà ăn, loay hoay mở nó từ phía trong mãi mới được, vì lo lắng làm chân tay tôi vụng về luống cuống. Tôi bước ra sân cỏ và chạy về hướng nhà nghỉ, rồi chợt nghĩ mình không thể đánh thức từng tu sĩ một được. Đầu tôi nảy lên một ý: tôi chạy đến nhà thờ, tìm cách leo lên tháp chuông. Khi leo đến nơi, tôi nắm tất cả dây giật chuông báo động. Tôi kéo thật mạnh, và sợi dây chuông chính, khi rút lên, kéo tôi theo lên luôn. Trong thư viện, mu bàn tay tôi đã cháy sém, còn lòng bàn tay vẫn còn nguyên lạnh. Nhưng bây giờ chúng cũng phồng giộp cả lên, tôi bám theo dây thừng tuột xuống cho đến khi tay đổ máu mới buông ra.

Tuy nhiên đến lúc ấy tiếng chuông tôi đã khua động lên rồi. Tôi chạy ra ngoài, vừa kịp thấy các tu sĩ đầu tiên từ trong nhà nghỉ ra, và nghe từ đằng xa tiếng tôi rống lao nhao trước cửa nhà họ. Tôi không thể trình bày rõ ý mình vì chẳng còn sức để cất tiếng, và những từ đầu tiên thoát ra khỏi miệng

bằng tiếng Đức mẹ đẻ. Tôi đưa bàn tay máu chảy ròng ròng chỉ lên cửa sổ ở cánh nam của Đại Dinh, bệ thạch cao tuyết hoa của chúng đang rực sáng lạ thường. Căn cứ theo cường độ sáng đó tôi biết trong khi tôi trở xuống rung chuông thì ngọn lửa đã lan sang các phòng khác. Tất cả cửa sổ của “Châu Phi” và toàn bộ tiền diện giữa nó và ngọn tháp phía đông, bây giờ bập bùng những ánh lửa bất thường.

- Nước! Mang nước! – Tôi hét lên.

Thoạt tiên chẳng ai hiểu gì hết. Các tu sĩ quá quen xem Thư viện là một nơi linh thiêng bất khả xâm phạm, nên họ không hiểu sao nó lại bị đe dọa bởi một tai ương tầm thường vốn có thể xảy đến cho một túp lều nhà nông. Những người đầu tiên nhìn lên cửa sổ làm dấu thánh giá và làm thầm sợ hãi, tôi biết họ đang nghĩ lại thêm ma quỷ hiện hình đây. Tôi nắm áo họ cố nài nỉ cho họ hiểu, cho đến khi có người chuyển tiếng khóc của tôi thành lời.

Đó là Nicholas xứ Morimondo, Huynh nói: - Thư viện đang cháy!

- Vâng, đúng như vậy. – Tôi thều thào, ngã xuống đất, lả đi.

Nicolas xông xáo truyền lệnh cho các tôi tớ và chỉ cho các tu sĩ đứng xung quanh, bảo người này đi mở các cửa khác trong Đại dinh, bảo người kia kiểm nước và các loại xô chậu. Huynh chỉ cho những người có mặt ra các giếng và hồ nước trong thư viện. Huynh gọi những người chăn bò đem la và lửa đến chuyển bình nước... Nếu một người nắm quyền ban những lệnh này, thì chắc hẳn người ta sẽ tuân theo ngay. Nhưng tôi tớ thì vẫn quen theo lệnh Remigio, các người ghi chép thì theo Malachi, và tất cả thì theo Tu viện trưởng. Nhưng than ôi, cả ba người này chẳng còn ai hiện diện. Tu sĩ nhìn quanh tìm Tu viện trưởng để chờ nghe những lời chỉ thị trấn an, nhưng chẳng thấy Cha đâu. Chỉ mình tôi biết lúc đó Cha đã chết hay đang hấp hối trong một lối đi kín bưng ngột ngạt, bây giờ đang biến thành một lò thiêu.

Nicholas đẩy những người chăn bò đi hướng này, thì vài tu sĩ tốt bụng lại

đẩy họ đi hướng khác. Vài sư huynh rõ ràng đã mất bình tĩnh, còn các huynh khác thì vẫn ngái ngủ. Vì giờ tôi đã tỉnh, nên tôi cố dùng lời lẽ để giải thích, nhưng nên nhớ rằng sau khi đã ném áo dòng vào ngọn lửa, tôi gần như trần truồng, và hình ảnh của một cậu bé mặt lợt lem, tay chảy máu, người kỳ cục không lông, tê cóng vì lạnh, chắc chắn không làm người ta tin lắm.

Cuối cùng Nicholas kéo được vài sư huynh và mấy người khác vào bếp, mà ai đó đã mở cửa. Một tu sĩ khác lanh trí cầm thêm vài cây đuốc. Chúng tôi thấy nhà bếp bừa bãi, hỗn độn, và tôi biết thầy William hẳn đã xáo tung nó lên để tìm nước và chậu xách.

Lúc ấy tôi thấy thầy William hiện ra ở cửa nhà ăn, mặt thầy cháy nám, áo bốc khói. Tay thầy cầm một cái bình lớn, đó là hình ảnh đau thương của sự bất lực, tôi tội nghiệp thầy quá. Tôi biết dầu thầy có mang được một xô nước nguyên vẹn lên tầng hai, hay nhiều hơn nữa, thì cũng chẳng giúp được mấy. Tôi nhớ lại câu chuyện của Augustine khi Ngài trông thấy một thằng bé dùng muỗng múc nước biển: cậu bé là một thiên thần, cậu làm thế để trừu ông thánh, người muốn thông hiểu những lẽ nhiệm mầu của thiên nhiên. Và cũng như thiên thần đó, thầy William mệt lả, dựa vào rầm cửa, nói với tôi: - Tuyệt vọng rồi. Dù tất cả tu sĩ trong tu viện có hiệp lực lại thì cũng đành bó tay thôi. Thư viện tiêu tan rồi. – Nhưng khác thiên thần ấy, thầy William nức nở khóc.

Tôi ôm ghì lấy thầy, thầy giật tấm khăn bàn để quần lấy người tôi. Chúng tôi rải tay đầu hàng, và quan sát diễn biến chung quanh.

Thật là một quang cảnh hỗn loạn. Người ta chạy tay không lên cầu thang tròn ốc, đụng đầu những người tay không khác đã lên lầu vì hiếu kỳ, bây giờ đang chạy xuống để kiểm chậu. Những người lanh trí khác thì lập tức đi lòng xô chậu, nhưng lại phát giác trong nhà bếp không có đủ nước. Đột nhiên những con la chở các vại nước to tràn vào gian phòng lớn, các người

chấn chúng giở vại xuống và định xách nước lên. Nhưng họ không biết cách lên phòng thư tịch, phải mất một hồi lâu sau mấy người ghi chép mới chỉ cho họ, khi họ đi lên thì tông vào những người hoảng hốt đang chạy xuống. Vại vỡ, nước bắn tung tóe xuống đất, thế nhưng các vại kia vẫn được những người sốt sắng chuyển lên cầu thang. Tôi theo đám người ấy vào phòng thư tịch. Từ cửa Thư viện tuôn ra làn khói dày đặc. Những người cuối cùng cố lên tháp phía đông vừa đi xuống, họ ho sặc sụa, mắt đỏ ngầu, và cho biết không thể nào đi vào hỏa ngục đó nữa.

Rồi tôi gặp Benno, tay xách một xô nước không lồ từ dưới lên, mặt mày méo xẹo. Huynh nghe những người đi xuống nói như vậy bèn mắng: - Hỏa ngục sẽ nuốt hết các người, đồ hèn nhát! – Như muốn tìm người hỗ trợ, Huynh quay lại thì gặp tôi, và la lên, - Adso ơi, Thư viện... Thư viện... Thư viện... - Không đợi tôi trả lời, Huynh chạy đến chân cầu thang và liều lĩnh lao vào đám khói. Đó là lần cuối cùng tôi gặp Benno.

Tôi nghe phía trên có tiếng răng rắc. Gạch đá, vôi vữa rớt từ trên phòng Thư tịch xuống. Viên đá ở đỉnh vòm, chạm hình một bông hoa, long ra và gần suýt rơi xuống đầu tôi. Nền của Mê cung đang sụp xuống.

Tôi lao xuống, chạy ra ngoài trời. Vài tôi tớ sốt sắng đem thang cố lao vào các tầng trên để đưa nước lên. Nhưng thang cao nhất chỉ vừa chạm đến cửa sổ phòng thư tịch, những người đã leo lên không thể từ ngoài mở cửa sổ được. Họ gọi với xuống, bảo người vào trong mở, nhưng đến lúc này thì chẳng ai dám lên đó nữa.

Tôi ngược nhìn các cửa sổ ở tầng thượng. Toàn thư viện bây giờ đã biến thành một hỏa lò ngút khói, lửa tủa từ phòng này sang phòng khác, cháy tràn qua hàng ngàn quyển sách khô giòn. Mọi cửa sổ đều rực lửa, mái Đại Dinh bốc khói đen ngòm: lửa đã lan đến các sà nhà. Tòa Đại Dinh, bên ngoài trông hùng dũng, bên trong thì rạn nứt, mục rã, đá thì nát bươm để cho lửa tấp vào bất cứ chỗ nào có gỗ.

Đột nhiên tựa như vì một lực bên trong ép xuống, vài cửa sổ vỡ nát, các tàn lửa bay lên không trung, điểm những đốm sáng chớp chớp lên màn đêm. Con cuồng phong đã dịu hơn, đó là một điều bất hạnh, vì nếu mạnh, nó có thể dập tắt các đốm lửa, nhưng vì gió nhẹ nên nó thổi chúng bùng lên, rồi mang đi, cuốn theo các mảnh giấy da bay lên trời. Một tiếng nổ vang lên: sàn của Mê cung ở đâu đó sụp xuống nền nhà dưới. Bây giờ tôi trông thấy các ngọn lửa lóe lên từ phòng thư tịch, nơi cũng đầy ắp sách, kệ, giấy rời trên bàn giấy, những thứ sẵn sàng đón nhận tàn lửa. Tôi nghe những người ghi chép đau khổ kêu lên, họ bứt tóc bứt tai, còn toan đánh liều leo lên để cứu những bản da thân yêu. Vô ích! Nhà bếp và nhà ăn bây giờ đông nghẹt những kẻ mất hồn, họ chạy lung tung tứ tán, người này cản trở người kia, họ va vào nhau, té nhào, kẻ xách chậu thì làm đổ nước quý, la dẫn vào nhà bếp đánh hơi thấy lửa bèn nhảy dựng lên, lao ra cửa, đá văng người ta, và cả những người chần chừ hoảng hốt của chúng nữa. Dẫu sao rõ ràng là đám ô hợp những tên nông nô và những người tuy thông thái ngoan đạo nhưng vụng về, không người điều khiển này đang ngăn cản mọi sự tiếp tay còn lại.

*

* *

Toàn thư viện lâm vào cơn dầu sôi lửa bỏng, nhưng đó mới là phần đầu của thảm kịch. Từ mái nhà và cửa sổ Đại dinh, đám tàn lửa đặc trắng được gió nuôi dưỡng đang từ muôn phía lao xuống mái giáo đường. Ai cũng biết các giáo đường đẹp nhất đều rất kỳ hỏa. Nhà của Chúa trông đẹp và kiên cố như chính đất thánh Jerusalem là nhờ mặt tiền bằng đá phô ra ngoài, còn trần và tường đều dựa theo một cấu trúc bằng gỗ nhẹ và đẹp, và nếu nhà thờ bằng đá với những cột vươn cao thẳng chắc như cây sồi gợi ta nghĩ đến những

khu rừng đáng kính nhất, thì gần giáp vòm mái, các cột này thường độn ruột trong bằng gỗ sồi – nhiều đồ đạc trang trí nội thất trong nhà thờ cũng bằng gỗ: bàn thờ, khu hát kinh, ván sơn lát tường, bàn ghế, bục, chân đèn. Trong nhà thờ của Tu viện trưởng, nơi có cánh cửa đã quỵến rũ tôi hôm đầu tiên, cũng vậy. Giáo đường phút chốc bén lửa ngay. Các tu sĩ và tất cả mọi người bây giờ đều hiểu sự sinh tồn của tu viện đang lâm nguy, nên hết thảy bèn thực mạng chạy tới, để chống đỡ một hiểm họa mới, cảnh càng hỗn loạn hơn nữa.

Đương nhiên, dễ lọt vào và bảo vệ giáo đường hơn thư viện. Thư viện đã tận số vì chính sự bất khả xâm phạm của nó, vì cái huyền thoại bao giữ nó và vì nó ít cửa vào quá. Giáo đường, nơi mở rộng cánh cửa nhân từ đón mọi người trong giờ hành lễ, giờ mở rộng cho tất cả vào chữa cháy. Nhưng nước đã hết, hay ít ra chẳng tìm được mấy nước trữ nữa, các giếng nước dâng lên theo mức độ chậm chạp tự nhiên không đáp ứng nổi nhu cầu khẩn cấp. Mọi tu sĩ lẽ ra có thể dập tắt được ngọn lửa trong giáo đường nhưng đến lúc này chẳng ai biết làm cách nào nữa. Ngoài ra, lửa lan từ phía trên, nên rất khó đội người lên để dùng bao hay cát dập lửa. Còn khi lửa lan xuống dưới thì có ném đất cát vào cũng vô ích, vì trần nhà sập xuống đè dập nhiều người cứu hỏa.

Thế là thêm vào những tiếng kêu than thương tiếc bao của cải bị thiêu rụi và tiếng kêu đau đớn vì mặt bị phỏng, chân tay dập nát, thân chôn vùi dưới đồng gạch đá từ vòm mái cao đổ sập xuống.

Gió lại giận dữ nổi lên, và càng giận dữ thốc tới thổi lan ngọn lửa hơn. Kế tiếp ngay sau giáo đường là dãy nhà kho và chuồng ngựa bắt lửa. Ngựa hoảng hốt giật bứt dây cương, đá sập cửa và chạy toán loạn, vừa chạy vừa rống vừa hí rất khủng khiếp. Tàn lửa bắn lên nhiều bờm ngựa và những con ngựa cháy đỏ đỏ chạy như điên trong sân như những quái thú dưới địa ngục. Chúng phóng vô định không ngừng và đập nát mọi vật trên đường đi.

Tôi thấy già Alinardo đang lang thang, ngỡ ngác không hiểu chuyện gì xảy ra, bị con ngựa tuyệt đẹp Brunellus lửa cháy quanh mình đá ngã xuống đất. Già bị ngựa kéo trên đất rồi bỏ mặc ở đó, thân tan nát thật tội nghiệp. Nhưng tôi chẳng có thời gian, cũng chẳng có cách nào để cứu hay khóc thương già cả, vì những cảnh tượng tương tự như vậy đang xảy ra khắp nơi. Những con ngựa bốc cháy đã mang lửa đến những nơi gió chưa chuyển tới kịp: bây giờ các lò rèn và khu nhà tu sinh đang bốc cháy. Từng đoàn người chạy từ đầu này sang đầu kia, dáo dác chẳng biết làm gì. Tôi gặp Nicholas đầu bị thương, áo tả tơi, giờ kiệt sức bó tay, quì xuống đất nguyên rữa. Tôi thấy Pacificus, không còn nghĩ đến chuyện cứu chữa gì nữa, mà cố tóm lấy một con la điên cuồng đang chạy qua. Khi bắt được nó, Huynh hét lên bảo tôi hãy làm như vậy đi, bảo tôi hãy thoát chạy khỏi các cảnh ghê sợ của trận thư hùng Armageddon này đi.

Tôi không biết thầy William đâu rồi và sợ thầy đã mắc kẹt dưới đồng tường sập. Tìm kiếm mãi, tôi mới gặp thầy gần nhà dòng. Tay thầy cầm bọc hành lý: khi lửa lan tới khu hành hương, thầy đã chạy về phòng mình để cứu được ít ra là các vật dụng quý giá nhất của mình. Thầy cũng đã thu nhặt bọc hành lý của tôi nên tôi bèn rút áo ra mặc. Chúng tôi ngừng lại, nín thở quan sát diễn biến chung quanh.

Đến bây giờ tu viện đã tiêu vong. Gần như toàn bộ tòa nhà ít nhiều đều bị thiêu cháy. Những tòa nhà chưa bén lửa sẽ không đứng vững được lâu, vì mọi thứ, từ yếu tố thiên nhiên đến công việc chữa cháy hỗn quân hỗn quan, đều góp phần giúp ngọn lửa lan xa. Chỉ có những khu vực không nhà cửa mới an lành: vườn rau, khu vườn ngoài nhà dòng... Không có thể làm gì để cứu tòa nhà được nữa. Bỏ ý nghĩ chữa cháy đi, chúng tôi đứng ngoài trời và có thể an toàn quan sát mọi việc.

Chúng tôi nhìn giáo đường đang rụi dần, những cấu trúc vĩ đại như thế này có đặc tính là phần bằng gỗ bùng cháy rất nhanh, sau đó nó sẽ âm ỉ trong

nhiều giờ, đôi khi nhiều ngày. Ngọn lửa trong Đại dinh lại khác. Ở đây, các vật không bắt lửa nhiều hơn, và bà hỏa sau khi lan khắp phòng thư tịch đang tràn xuống bếp. Còn về tầng thượng nơi xưa kia và hàng bao thế kỷ nay là Mê cung, thì nay quả thực đã bị tiêu hủy.

- Đó là thư viện lớn nhất trong xứ đạo. – Thầy William nói, và tiếp. - Bây giờ, tên Phản chúa đã thực sự sẵn sàng vì không có nền học vấn nào ngăn cản hắn nữa. Bởi lẽ đó, đêm nay chúng ta đã nhìn thấy mặt hắn.

- Mặt ai kia? – Tôi sững sờ hỏi.

- Thầy muốn nói mặt Jorge. Trong gương mặt biến dạng vì sự căm ghét triết học, lần đầu tiên thầy thấy chân dung của tên Phản chúa, hắn không đến từ bộ lạc của Judas hay từ một đất nước xa xôi nào đó, như đã được báo hiệu. Tên Phản chúa có thể thoát thai từ chính lòng kính đạo, từ lòng yêu thương Chúa trời hay yêu thương chân lý quá độ, cũng như kẻ dị giáo thoát thai từ thánh nhân, và kẻ bị ám ảnh từ nhà tiên tri vậy. Adso ạ, hãy sợ những nhà tiên tri, và những kẻ sẵn sàng chết cho chân lý, vì nói chung chúng làm người khác chết theo, có khi chết trước chúng, có khi chết thế chúng. Jorge đã làm điều quái quỷ vì lão yêu chân lý của lão một cách quá đê hèn đến độ lão dám làm bất kỳ điều gì để tiêu diệt sự giả trá. Jorge sợ tập hai của Aristotle có lẽ vì nó thực sự dạy làm cách nào để bóp méo gương mặt của mọi sự thật, để chúng ta khỏi trở thành nô lệ cho linh hồn của chính mình nữa. Có lẽ sứ mệnh của những người yêu nhân loại là làm con người cười vào chân lý, là *làm chân lý cười lên*, vì chân lý duy nhất là học cách giải thoát chúng ta khỏi sự đam mê chân lý một cách điên cuồng.

Tôi buồn bã đánh bạo nói – Nhưng, thưa thầy, bây giờ thầy nói thế vì thầy đang bị tổn thương tận đáy lòng. Tuy nhiên, có một chân lý mà đêm nay thầy đã khám phá được, cái chân lý mà thầy đạt được nhờ giải thích các mẩu chốt thầy đọc trong mấy ngày qua. Jorge thắng, nhưng thầy đã hạ lão vì thầy đã vạch trần âm mưu của lão.

- Chẳng có âm mưu nào cả, thầy ngẫu nhiên khám phá ra nó thôi.

Lời tuyên bố tự nó nghe mâu thuẫn, tôi không biết thầy William có thực muốn thế không, bèn nói: - Nhưng quả thực những dấu vết trên tuyết đã dẫn đến con ngựa Brunellus, quả thực Adelmo tự tử, Venantius đúng là chết đuối trong vại, Mê cung đúng là được xây cất theo cách thầy hình dung, người ta vào “finis Africae” nhờ chạm vào chữ “quatuor”, quả thực quyển sách bí mật là của Aristotle... Con có thể kể tiếp tất cả điều đúng mà thầy đã khám phá nhờ kiến thức...

- Thầy không bao giờ hoài nghi chân lý của các dấu hiệu, Adso ạ, đó là những sự vật duy nhất giúp con người tự định hướng trên đường đời. Điều thầy không hiểu là mối tương quan giữa các dấu hiệu. Thầy tìm ra Jorge nhờ cách suy luận theo sách Mặc Khải, mà ngỡ như nó làm cơ sở cho tất cả các án mạng, thế nhưng nó lại chỉ là ngẫu nhiên thôi. Thầy tìm ra Jorge trong khi truy lùng một thủ phạm gây ra mọi án mạng, nhưng lại khám phá rằng mỗi án mạng do một người khác gây ra, hoặc là không do ai gây ra cả. Thầy tìm ra Jorge trong khi đuổi theo kế hoạch của một đầu óc sa đọa nhưng duy lý, thế nhưng chẳng có một kế hoạch nào cả, hay đúng hơn, chính Jorge cũng không giữ được kế hoạch ban đầu, rồi từ đó bắt đầu một loạt các nguyên nhân và phản nguyên nhân, các nguyên nhân mâu thuẫn với nhau và tự chúng diễn tiến và tạo nên những mối tương quan không phát xuất từ một kế hoạch nào cả. Thế thì thầy có khôn ngoan gì đâu? Thầy ngoan cố theo đuổi một loại trật tự giống nhau, mà đáng lẽ thầy phải hiểu rằng trong vũ trụ này không có trật tự.

Lúc đó một góc mái nhà nghỉ đổ rầm xuống, tung lên trời một đám lửa. Vài con cừu, dê chạy thất thểu trước mặt chúng tôi kêu lên thảm thiết. Một nhóm tôi tớ chạy ngang qua, họ la hét, suýt hất chúng tôi ngã nhào.

Thầy William bảo: - Hỗn loạn quá.

Umberto Eco

Tên của đóa hồng

Dịch giả: Đặng Thu Hương

Trang cuối cùng

Tu viện cháy trong ba ngày ba đêm, và các nỗ lực cứu chữa cuối cùng đều vô ích. Vào sáng ngày thứ bảy chúng tôi lưu lại đó, khi những người sống sót hiểu rõ rằng chẳng còn giữ nổi tòa nhà nào nữa, khi những kiến trúc đẹp nhất chỉ còn trơ lại bức tường ngoài, và giáo đường nuốt dần các ngọn tháp của nó như tự thu mình vào – ngay đến giây phút đó, ý chí chiến đấu của mọi người nhằm chống lại sự trừng phạt của Chúa đã thất bại. Nhà nguyện và các căn phòng tuyệt đẹp của Tu viện trưởng vẫn đang bốc cháy, mà việc chạy đi lấy những thùng nước cuối cùng đã chán nản rồi. Lúc này ngọn lửa đã lan đến tận các xưởng làm việc, tôi tớ từ lâu đã cố chạy đồ đạc của họ và phóng ra làng quê để bắt lại vài súc vật đã trốn khỏi tu viện trong đêm hoảng loạn.

Tôi thấy vài tôi tớ liều lao vào phần còn lại của giáo đường, tôi chắc họ định xuống hầm kho tàng để chộp lấy vài món quý giá trước khi bỏ chạy. Tôi không biết họ có thành công không, hay hầm đã sụp xuống rồi, hay họ đã bị vùi vào lòng đất khi cố đến được kho tàng.

Trong khi đó, dân quê trong làng đã chạy đến cứu viện hay để hời của. Các người chết phần lớn vẫn ở trong đồng tàn tích còn nóng đỏ. Vào ngày thứ ba, sau khi băng bó cho các người bị thương và chôn cất những xác chết tìm thấy bên ngoài, các tu sĩ và mọi người khác thu nhặt đồ đạc của mình và rời bỏ tu viện còn ngút khói như một nơi bị nguyên rủa. Họ tản đi đến phương trời nào tôi chẳng biết.

Thầy trò tôi lên đường trên hai con ngựa chạy lạc trong rừng, trực chỉ

hướng đông. Khi đến Bobbio, chúng tôi bắt đầu nghe những tin xấu về Hoàng đế. Khi đến Pomposa, chúng tôi nghe La Mã đã nổi dậy chống vua Louis khiến Ngài lui trở lại Pisa, trong khi đó các giáo sĩ đại diện John đắc thắng tiến vào thành phố Thánh.

Trong khi đó, Michael xứ Cesena biết rằng sự có mặt của mình tại Avignon sẽ chẳng mang lại kết quả nào – thực ra, Cha sợ mất mạng – nên đã bỏ trốn về Pisa với vua Louis.

Chẳng bao lâu sau, tiên đoán thời cuộc và biết Vua sẽ tiến về Munich, chúng tôi đổi hướng và quyết định sẽ đến đó trước, vì thầy William linh cảm thầy sẽ không an toàn ở Ý. Trong những năm tháng kế tiếp, các lãnh chúa Ghibelline thôi không ủng hộ vua Louis nữa.

Khi chúng tôi đến Munich, tôi nức nở tiễn biệt thầy William. Số mạng của thầy bấp bênh quá, nên gia đình muốn tôi phải quay về Melk. Sau cái đêm đau thương tại tu viện, chúng tôi như ngầm thỏa thuận với nhau không nhắc đến câu chuyện ấy nữa. Chúng tôi cũng chẳng đề cập gì đến nó khi buồn bã chia tay nhau.

Thầy ban cho tôi nhiều lời khuyên quý giá về đường học vấn tương lai, và tặng tôi cặp kính Nicholas đã làm, vì thầy đã lấy lại cặp kính cũ. Thầy bảo tôi còn trẻ, nhưng một ngày kia, nó sẽ trở nên hữu dụng (và quả thực khi viết những dòng này, tôi đang đeo kính). Rồi thầy âu yếm ôm tôi như một người cha thương yêu và bảo tôi lên đường.

Tôi chẳng bao giờ gặp lại thầy nữa. Rất lâu sau, tôi nghe nói thầy đã chết trong trận dịch lớn hoành hành khắp Âu Châu khoảng giữa thế kỷ này. Tôi luôn cầu nguyện Chúa sẽ đón nhận linh hồn thầy và tha thứ cho thầy nhiều hành động kiêu hãnh mà tính cao ngạo trí thức của thầy đã gây ra.

*

* *

Nhiều năm sau, khi đã trưởng thành, tôi có dịp được Tu viện trưởng của mình phái về Ý công cán. Tôi không cưỡng nổi cơ may này, và trên đường về tôi rẽ về thăm lại tàn tích của tu viện.

Hai ngôi làng trên sườn núi đã hoang vắng, đất bỏ hoang không ai cày cấy. Khi tôi leo lên đỉnh núi, cảnh hoang tàn chết chóc hiện ra khiến mắt tôi mờ lệ.

Những cấu trúc vĩ đại tráng lệ xưa kia mọc sừng sững nơi đây, giờ chỉ trơ lại những mảnh đồ nát, như trước đây đã xảy ra với các tượng đài của những người đa thần cổ đại ở La Mã. Dây leo quấn chằng chịt lên các mảng tường, cột còn nguyên. Cỏ dại mọc tràn lan muôn phía, chẳng còn biết vườn rau, vườn hoa xưa đâu nữa. Chỉ có nghĩa trang là còn nhận ra được, vì vài nấm mồ vẫn còn nhô cao khỏi mặt đất. Dấu hiệu duy nhất của sự sống là vài con chim ăn thịt đang săn thằn lằn và rắn, những con vật giống rắn thằn lằn đang trườn đi giữa những khe đá hay bò trên tường. Cánh cửa giáo đường chỉ còn lại vài mẩu mốc meo. Phần nửa vòm mạng trung tâm vẫn còn, và tôi liếc thấy trong đó con mắt trái của Chúa ngồi trên ngai và vài nét trên bộ mặt sư tử, chúng đã bị các yếu tố thiên nhiên làm giãn nở ra và bị địa y bao phủ.

Đại Dinh, trừ tường phía nam bị tàn phá, dường như vẫn đứng vững với thời gian. Hai ngọn tháp trên vực đá trông như không hề suy sụp, chỉ trừ các cửa sổ bây giờ là những hố mắt trống hốc đang chảy những hàng lệ là các dây leo mục rữa. Bên trong, công trình nghệ thuật bị tàn phá nhào trộn với công trình thiên nhiên, và qua khoảng diện tích bao la của nhà bếp, mắt tôi nhìn suốt lên tận trời xanh qua vùng trống của các tầng trên và mái nhà, đã sụp xuống như các thiên thần giáng thế. Những thứ chưa xanh rêu thì vẫn ám khói đen của nhiều thập niên về trước.

Lang thang trong đồng gạch vụn, tôi thỉnh thoảng lại thấy những mảnh giấy da đã bay từ phòng thư tịch và thư viện xuống, và tồn tại như những châu ngọc chôn dưới đất. Tôi nhặt nhanh chúng, tựa như sắp khâu lại các trang giấy bị bứt rời trong một quyển sách. Rồi tôi để ý thấy trong một ngọn tháp có một cầu thang tròn ốc dẫn lên phòng thư tịch, tuy rung rinh nhưng vẫn nguyên vẹn, từ đây, leo lên một núi đá vụn, tôi đến được tầng thư viện, thế nhưng nó chỉ còn một hành lang sát với tường ngoài, nhìn xuống cảnh tan hoang khắp phía.

Dọc theo một bức tường, tôi bắt gặp một kệ sách bị nước và mối ăn mòn mà không hiểu sao đã thắng được lửa để đứng thẳng thật diệu kỳ. Trong kệ vẫn còn vài trang sách. Các trang sống sót khác tôi nhặt được nhờ lục lợi khắp trong đồng đồ nát bên dưới. Tôi đã bỏ cả ngày để gặt, tuy chẳng thu được bao nhiêu, tựa như từ những hạt ký ức về Thư viện sẽ nảy lên cho tôi một thông điệp nào đó. Vài mẫu giấy da đã phai mờ, vài mảnh khác cho ta cái bóng của một hình ảnh nào đó, hay tinh anh của một hai chữ. Đôi khi tôi nhặt được những trang giấy còn nguyên cả câu, còn thường thì nhặt được các bìa còn nguyên, xưa kia được bảo vệ nhờ các đinh kim loại đầu lớn... Những quyển sách ma, xác còn nhưng hồn đã tiêu tán, tuy nhiên thỉnh thoảng tôi lại vớt được nửa trang giấy, trong đó nhận ra được tựa sách, hay chữ đầu tựa.

Tôi thu góp mọi thánh tích nhặt được, xếp chúng đầy hai bọc hành lý và vất bỏ các dụng cụ khác để cứu lấy kho tàng bất hạnh này.

Trên đường về, và sau này tại Melk, tôi bỏ ra nhiều giờ cố đọc những mẫu giấy sót lại này. Từ một chữ hay hình ảnh, tôi thường nhận ra được nó thuộc tác phẩm nào. Về sau, khi tôi tìm được các bản sao khác của những tác phẩm đó, tôi âu yếm nghiên cứu chúng, như thể số mệnh đã để lại cho tôi di sản này. Cuối thời gian tái tạo kiên nhẫn của tôi, tôi có trước mặt một thư viện nhỏ, biểu tượng của một thư viện lớn hơn đã tan biến, một thư viện

bằng các mảnh giấy, trích dẫn, câu viết dang dở và các thân thể sách què cụt.

o0o

Tôi càng đọc đi đọc lại các danh mục này thì càng tin rằng nó chỉ là một kết quả ngẫu nhiên và chẳng chứa đựng một thông điệp nào cả. Nhưng những trang sách không toàn vẹn đó đã theo tôi suốt quãng đời còn lại. Tôi thường giở chúng ra xem như một lời sấm truyền, và gần như tin rằng những gì tôi viết trên những trang giấy này mà quý vị độc giả chưa quen nào đó đang đọc, chỉ là một bài thơ chấp vá, một bài thánh ca tưởng tượng, một bài acrostic [1] bao la, mà chẳng nói lên hay nhắc lại điều gì ngoài những ý các mẫu sách đó đã gợi cho tôi. Tôi cũng không biết mình đã nói về chúng hay chúng nói qua miệng mình bao xa. Nhưng dù bất kỳ một trong hai khả năng này đúng đi nữa, tôi càng nhủ lòng câu chuyện này phát sinh từ chúng bao nhiêu, thì tôi càng không hiểu phải chăng có một mưu định vượt ra ngoài diễn biến tự nhiên của các sự kiện và các thời gian đan nối chúng với nhau hay không. Một tu sĩ già, trên ngưỡng cửa của cái chết mà không biết dòng chữ mình viết có ẩn chứa một ý nghĩa, hay hơn, hay nhiều, hay chẳng có ý nghĩa nào hết, thì quả là một điều đau lòng.

Nhưng việc tôi không có khả năng để nhận biết này có lẽ là do tác dụng của cái bóng, mà màn đen vĩ đại khi đến gần, đang phủ lên thế gian già nua.

Vinh quang của Thành Babylon nay đâu rồi? Tuyết trắng năm xưa đâu? Thế giới đang quay cuồng điệu múa của Macabré, có lúc tôi nghĩ sông Danube đang đầy nghẹt tàu bè chở đầy những kẻ ngốc đi về một miền tối tăm.

Bây giờ tôi chỉ còn biết yên lặng. Thật lạnh mạnh biết bao, thật vui thú và ngọt ngào biết bao được ngồi trong cô tịch và nói chuyện cùng Thiên Chúa

[2].

Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ quay về căn nguyên của mình, và tôi không còn tin đó là Chúa vinh quang mà các tu viện trường dòng tôi đã nói đến, hay là nơi hân hoan như dòng Khất thực ngày đó vẫn tin tưởng, mà có lẽ cũng chẳng phải nơi thành kính nữa... Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ đi vào sa mạc mênh mông, bằng phẳng và vô tận, nơi trái tim thành tâm kính đạo hưởng hạnh phúc. Tôi sẽ rơi vào bóng tối thánh thiện, vào cõi thinh lặng và hợp nhất khôn tả, khi rơi xuống mọi điều bình đẳng, bất công sẽ mất hết và trong vực sâu ấy linh hồn tôi sẽ tự biến đi chẳng còn biết điều bình đẳng, bất công hay thứ gì khác nữa, và sẽ lãng quên đi mọi sự phân biệt. Tôi sẽ ngự trong một miền đơn giản, trong một hoang mạc yên lặng, không tìm thấy sự phân biệt, trong cõi riêng tư nơi không ai tìm cho mình một chỗ biệt lập. Tôi sẽ về nước Chúa thanh tịnh, yên vắng, thư nhàn, và vô ảnh.

*

* *

Phòng thư tịch lạnh quá, ngón tay tôi nhức buốt. Tôi để lại bản viết này, chẳng biết cho ai. Tôi chẳng còn biết nó viết về điều gì nữa: stat rosa pristina nomina, nomina nuda tenemus, bông hồng xa xưa còn tồn tại nhờ cái tên, và chúng tôi chỉ giữ lại mỗi một cái tên thôi.

Chú thích :

[1] *Một loại bài thơ nếu ghép các mẫu tự đầu hay cuối của các dòng thơ lại sẽ có một từ hay một danh ngôn.*

[2] *O quam salubre, quam iucundum et suave est sedere in solitudine et*

tacere et loqui cum Deo.

HẾT

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vỹ**.

Đánh máy: Pha Lê Dễ Vỡ, Cunhoi, Meolu, Chipmuck, Tieuoc, Tuusacqui,
Tuyết Nhung, Thiên Thần, Tottochan,

Nguồn: HuyTran / VNthuquan - Thư viện Online

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 28 tháng 10 năm 2009